BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

BIỂU MẪU 18
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 - 2021

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng
				Chính quy	Vừa làm vừa học	
	Tổng số	**5**	**520**	**3844**	**6572**	**246**
1	Khối ngành I	05	442	1652	5960	246
2	Khối ngành II			0		
3	Khối ngành III			867	38	
4	Khối ngành IV		35	24		
5	Khối ngành V			344	13	
6	Khối ngành VI			0		
7	Khối ngành VII		43	957	561	

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
	Tổng số	**2.159**	**6**	**158**	**1.630**	**365**	
1	Khối ngành I	1.590	4	108	1.242	236	82%
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III	122	0	11	83	28	91,8%
4	Khối ngành IV	46	0	1	18	27	97,7%
5	Khối ngành V	94	1	21	67	5	97,6%
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII	307	1	17	220	69	90,7%

*(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo Công thức: (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát *100.*

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021
Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Ngành Quản lý giáo dục (Tiến sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
Khóa (2019 - 2022)					
1	Chính sách phát triển giáo dục thời kỳ đổi mới giáo dục	Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh những kiến thức cơ bản và phương pháp xây dựng, quản lý chính sách nói chung và vận dụng vào xây dựng chính sách phát triển giáo dục nói riêng (do nghiên cứu sinh chủ yếu từ địa phương, phạm vi kiến thức giới hạn chủ yếu trong chính sách phát triển giáo dục phổ thông). Trên cơ sở đó, trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp tiếp cận xây dựng và quản lý chính sách giáo dục một cách hiệu quả.	3	Học kỳ 1	Bài tiểu luận giữa kì và tiểu luận kết thúc môn học
2	Tầm nhìn và năng lực của nhà quản lý giáo dục	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Tầm nhìn và những năng lực cốt lõi của nhà quản lý giáo dục theo tiếp cận hiện đại. Học phần có tầm quan trọng đặc biệt vì năng lực lãnh đạo và quản lý sẽ quyết định thành công trong đổi mới, nâng chất lượng giáo dục.	3	Học kỳ 1	Bài tiểu luận giữa kì và tiểu luận kết thúc môn học
3	Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Các tiếp cận hiện đại; vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý và lãnh đạo nhà trường. Học phần có tầm quan trọng đặc biệt vì năng lực lãnh đạo và quản lý sẽ quyết định thành công trong đổi mới, nâng chất lượng giáo dục.	3	Học kỳ 2	Bài tiểu luận giữa kì và tiểu luận kết thúc môn học
4	Triết lý giáo dục	Giúp nghiên cứu sinh nắm vững tri thức cơ bản về triết lý giáo dục, phương pháp luận tiếp cận các triết lý giáo dục và kỹ năng vận dụng trong thực tế.	3	Học kỳ 2	Bài tiểu luận giữa kì và tiểu luận kết thúc môn học
Khóa (2020 - 2023)					
1	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo	Học phần nghiên cứu những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục; giới thiệu với học viên những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm qui trình, cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục.	3	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc môn học
2	Quản lí nguồn nhân lực trong giáo dục	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về việc về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục, những yêu cầu khái quát và yêu cầu chuẩn về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục như: phân tích công việc, hoạch định công việc, dự báo nhân lực,	3	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc môn học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
"		bồi dưỡng - đào tạo nhân lực, những kỹ năng cơ bản để thực hiện những nhiệm vụ về quản trị nguồn nhân lực với tư cách của một nhà QLGD.			"
3	Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục	Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường	3	Học kỳ 2	Bài tiểu luận và thi kết thúc môn học
4	Dự báo giáo dục	Trên cơ sở khái quát về khoa học dự báo, học phần đi sâu nghiên cứu các loại dự báo phát triển giáo dục và phương pháp thực hiện các loại dự báo này.	3	Học kỳ 2	Bài tiểu luận và thi kết thúc môn học

2. Ngành Quản lý giáo dục (Thạc sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Trên cơ sở gắn lý luận triết học với những vấn đề thực tiễn của đất nước và thời đại, môn học giúp học viên tìm hiểu thế giới quan duy vật - khoa học và phương pháp luận biện chứng, qua đó nâng cao trình độ tư duy lý luận và vận dụng sáng tạo tư duy biện chứng vào lĩnh vực công tác chuyên môn của bản thân	4	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc chuyên đề
2	Tiếng Anh	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.	6	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
3	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
4	Lý luận dạy học hiện đại	Môn học cung cấp cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về lý luận dạy học hiện đại. Định hướng cho người học tự	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng vận dụng lý luận dạy học hiện đại vào hoạt động dạy học và hoạt động thực tiễn			
5	Xu thế phát triển giáo dục	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về xu thế phát triển giáo dục thế giới và chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đồng thời hình thành cho người học kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá và dự báo xu thế phát triển giáo dục nói chung.	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
6	Kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục là một học phần nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của ngành giáo dục là đào tạo những chuyên gia làm công tác đảm báo chất lượng tại các cơ sở đào tạo. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về đánh giá giáo dục, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng. Học viên được giới thiệu các mô hình đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng của các nước trên thế giới và Việt Nam, được làm quen với các Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời được phát triển các kỹ năng tự học, tự đánh giá, phỏng vấn, quan sát, viết báo cáo tự đánh giá	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
7	Tổ chức, quản lý giáo dục và trường học	Môn học nhằm cung cấp cho học viên hệ thống tri thức cơ bản, hiện đại về QLGD, định hướng phát triển hệ thống kỹ năng nghiên cứu QLGD, làm cơ sở khoa học chung để nghiên cứu hoạt động quản lý ở cơ sở giáo dục.	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
8	Dự báo giáo dục	Trên cơ sở khái quát về khoa học dự báo, học phần đi sâu nghiên cứu các loại dự báo phát triển giáo dục và phương pháp thực hiện các loại dự báo này	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
9	Kinh tế học giáo dục	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và hình thành kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế học giáo dục của trường học hay cơ quan QLGD địa phương.	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
10	Tâm lý học quản lý	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Ngoài ra, giúp cho học viên biết được những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về việc về công tác quản trị nguôn nhân lực trong giáo dục, những yêu cầu khái quát và yêu cầu chuẩn về công tác quản trị nguồn nhân lực trong giáo dục như: phân tích công việc, hoạch định công việc, dự báo nhân lực, bồi dưỡng - đào tạo nhân lực, những kỹ năng cơ bản để thực hiện những nhiệm vụ về quản trị nguồn nhân lực với tư cách của một nhà QLGD	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
12	Thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong quản lý giáo dục	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục. Đồng thời, hình thành cho người học kỹ năng tác nghiệp, quản lý trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục.	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
13	Quản lý các hoạt động sư phạm	Học phần Quản lí các hoạt động sư phạm cung cấp cho ngươi học những kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm và nội dung, biện pháp quản lí các hoạt động sư phạm trong nhà trường, làm cơ sở để học viên nghiên cứu, thực hiện việc quản lí hoạt động sư phạm, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động sư phạm ở nhà trường.	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
14	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo	Học phần nghiên cứu những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục; giới thiệu với học viên những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm qui trình, cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD là học phần được đưa vào chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD học với những kiến thức và kỹ năng về quá trình tổ chức nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý giáo dục. Cụ thể, học phần gồm những khối kiến thức và kỹ năng về các loại hình trong nghiên cứu khoa học giáo dục, về những công việc cần thực hiện sau khi đã có đề cương và kế hoạch nghiên cứu của một công trình khoa học cụ thể	3	Học kỳ 2	Bài tiểu luận và thi kết thúc chuyên đề
16	Đi thực tế học tập kinh nghiệm về quản lý giáo dục tại các cơ sở GD&ĐT		1	Học kỳ 2	Bài thu hoạch đi thực tế
17	Luận văn thạc sĩ		10	Học kỳ 3, 4	Luận văn

3. Ngành Giáo dục Tiểu học (Thạc sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Trên cơ sở gắn lý luận triết học với những vấn đề thực tiễn của đất nước và thời đại, môn học giúp học viên tìm hiểu thế giới quan duy vật - khoa học và phương pháp luận biện chứng, qua đó nâng cao trình độ tư duy lý luận và vận dụng sáng tạo tư duy biện chứng vào lĩnh vực công tác chuyên môn của bản thân	4	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc chuyên đề
2	Tiếng Anh	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.	6	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
3	Rèn luyện tư duy cho học sinh trong dạy học Toán ở tiểu học	Học viên được nâng cao nhận thức về lí luận dạy học nói chung và phát triển tư duy trong dạy Toán nói riêng	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
4	Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	Có hiểu biết sâu sắc, khoa học về sống khỏe mạnh, kĩ năng sống; một số vấn đề liên quan đến giáo dục sống khỏe mạnh, bảo vệ sức khỏe về thể chất, tinh thần của lứa tuổi vị thành niên được tích hợp trong môn TN&XH, môn Khoa học ở Tiểu học	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
5	Những cơ sở logic trong cấu trúc môn Toán ở tiểu học	Học viên hiểu biết về nội dung cơ bản của lô gic Toán học: Khái niệm, mệnh đề, suy luận, chứng minh	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
6	Phát triển trí tuệ học sinh tiểu học	Nắm vững hệ thống tri thức khoa học hiện đại của các trường phái tâm lý học về trí tuệ (bản chất, nguồn gốc, cấu trúc, nội dung) và phát triển trí tuệ học sinh tiểu học	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
7	Giáo dục môi trường ở tiểu học	Hiểu được kiến thức về môi trường, tài nguyên, khoa học môi trường	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
8	Ngữ pháp văn bản và dạy học tập làm văn ở tiểu học	Giúp người học có các kiến thức cơ bản về ngữ pháp văn bản để phân tích được cơ sở khoa học của quá trình rèn luyện kỹ năng Tập làm văn cho học sinh tiểu học	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục tiểu học	Chuyên đề trang bị các kiến thức và kĩ năng cơ bản về cứu nghiên cứu khoa học để học viên có thể vận dụng các phương pháp, quy trình NCKH vào quá trình học tập và hoàn thiện luận văn thạc sĩ trong quá trình học tập, làm tiền đề trở thành các nhà nghiên cứu khoa học trong các trường tiểu học, góp phần đổi mới giáo dục; nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
10	Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học	Chuyên đề có vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho người học những hiểu biết nâng cao về cơ sở khoa học của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học; quá trình giáo dục đạo đức gắn với một số hoạt động giáo dục ở Tiểu học; vấn đề đổi mới PPDH đạo đức ở Tiểu học	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
11	Đổi mới kiểm tra và đánh giá trong môn Toán ở tiểu học	Chuyên đề này trong chương trình sau đại học sẽ tiếp tục trang bị cho người học những lý luận chuyên sâu về đổi mới công tác kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh tiểu học, làm cơ sở để cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học Toán	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
12	Dạy học từ Hán – Việt cho học sinh tiểu học	Mô tả và lý giải được những vấn đề cơ bản về từ Hán - Việt: khái niệm, cấu tạo, ngữ nghĩa, khả năng hoạt động, phương pháp giải nghĩa từ Hán - Việt; từ Hán - Việt và việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; những vấn đề cơ bản về từ Hán - Việt trong sách giáo khoa *Tiếng Việt* các lớp Tiểu học và định hướng giảng dạy	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
13	Cơ sở ngôn ngữ học của việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học	Chuyên đề có nhiệm vụ trang bị chuyên sâu về phương pháp, các năng lực để phát triển kỹ năng dạy học Tiếng Việt cho người học theo các mạch kiến thức Tiếng Việt của chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
14	Phát triển kĩ năng dạy học Toán ở tiểu học	Học viên được trang bị kiến thức nâng cao về kỹ năng giải toán và kiến thức về thiết kế bài toán theo hình thức trắc nghiệm khách quan	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
15	Phát triển năng lực cảm thụ văn học ở tiểu học	Chuyên đề này cung cấp những kiến thức về cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học: khái niệm cảm thụ văn học và tầm quan trọng của cảm thụ văn học, văn học và đặc trưng của văn học, cảm thụ văn học và đặc trưng của cảm thụ văn học, cảm thụ văn học ở tiểu học	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Phát triển kĩ năng dạy học tiếng Việt ở tiểu học	Nắm được cơ sở Ngôn ngữ học của việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học: nguyên tắc, phương pháp, nội dung dạy học, kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
17	Luận văn thạc sĩ		10	Học kỳ 3, 4	Luận văn

4. Ngành Ngôn ngữ Việt Nam (Thạc sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Trên cơ sở gắn lý luận triết học với những vấn đề thực tiễn của đất nước và thời đại, môn học giúp học viên tìm hiểu thế giới quan duy vật - khoa học và phương pháp luận biện chứng, qua đó nâng cao trình độ tư duy lý luận và vận dụng sáng tạo tư duy biện chứng vào lĩnh vực công tác chuyên môn của bản thân	4	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc chuyên đề
2	Tiếng Anh	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.	6	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
3	Ngôn ngữ học tri nhận	Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về sự nhận thức của con người và những biểu hiện khác nhau của nó trong các ngôn ngữ khác nhau, những ý niệm ẩn chứa trong cấu trúc ngôn ngữ khác nhau	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
4	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng	Môn học sẽ cung cấp cho học viên những khái niệm, lý thuyết, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ pháp chức năng tiếng Việt, cấu trúc câu, các bình diện của câu, các dạng câu trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các nguyên tắc, kỹ thuật phân tích câu tiếng Việt và phân loại câu theo những tiêu chí khác nhau	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
5	Âm vị học và âm vị học Việt ngữ	môn học sẽ giúp người học hiểu chuyên sâu hơn những đặc điểm riêng âm tiết, cấu trúc âm tiết của tiếng Việt và sự thể hiện trong chữ viết. Song song đó, hệ thống âm vị, thanh điệu của tiếng Việt cũng sẽ được giới thiệu và thảo luận trong nội dung môn học	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Từ Hán Việt	- Chuyên đề này không chỉ cung cấp những tri thức chuyên sâu về một vấn đề của Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt mà còn là những vấn đề có liên quan về cơ sở ngữ văn, văn hoá, tiếng Việt. Do vậy, chuyên đề góp phần giúp học viên cao học có thêm cơ sở để học tiếp các chuyên đề chuyên ngành thuận lợi hơn cũng như tự giải quyết được các các vấn đề có liên quan đến từ Hán - Việt trong luận văn	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
7	Ngôn ngữ nghệ thuật	Nắm được một số quan điểm tiêu biểu xung quanh vấn đề bản chất của ngôn ngữ nghệ thuật; lí giải được các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật (*tính cấu trúc, tính hình tượng, tính thẩm mĩ, tính cụ thể, tính cá thể hóa*); hiểu được tính loại hình và nhận diện được các loại hình của ngôn ngữ nghệ thuật, vấn đề phong cách ngôn ngữ của tác giả; nắm vững đặc điểm ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện, ngôn ngữ kịch	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
8	Phân tích diễn ngôn	Thông hiểu và tích lũy được bản chất của *diễn ngôn*, đặc điểm các loại diễn ngôn, những khái niệm, thuật ngữ liên quan và phạm vi nghiên cứu của môn họ	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
9	Từ vựng - ngữ nghĩa học Việt ngữ	Môn học này sẽ hệ thống hóa và nâng cao những kiến thức về từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Việt ở chương trình đại học. Theo đó, môn học sẽ bao hàm những kiến thức về *Tiếng-hình vị* trong tiếng Việt; *cấu tạo từ, các lớp từ, từ loại, đoản ngữ* trong tiếng Việt	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
10	Loại hình học ngôn ngữ	Môn học sẽ cung cấp cho người học những cách thức, tiêu chí phân loại ngôn ngữ theo đặc điểm tính chất về hình thức, giúp cho người học nắm và sử dụng kỹ năng phân chia ngôn ngữ các ngôn ngữ hữu quan theo loại hình cùng và gần với nhau. Bên cạnh đó, kỹ năng tổng hợp, khái quát các đặc điểm ngôn ngữ	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
11	Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ	môn học này sẽ giới thiệu một cách hệ thống các nội dung về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ - văn hóa. Môn học sẽ tạo điều kiện cho người học hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Liên kết văn bản	môn học sẽ giới thiệu chung về các vấn đề thuộc tính chất liên kết và đơn vị liên kết phát ngôn, văn bản, đặc biệt là các phương thức liên kết (phép lặp từ vựng, phép ngữ pháp, ngữ âm, đối, thế đồng nghĩa, tuyến tính, liên tưởng) sẽ được giới thiệu một cách chi tiết trong môn học	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
13	Ngôn ngữ học và văn hóa	Hiểu được mối liên hệ, sự tác động biện chứng giữa ngôn ngữ và văn hóa, vai trò và giá trị của văn hóa trong sự hành chức của ngôn ngữ.	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
14	Dụng học Việt ngữ	môn học sẽ củng cố lại những khái niệm, kiến thức cơ bản và nâng cao, mở rộng hơn những kiến thức liên quan về ngữ dụng học nói chung và ngữ dụng học tiếng Việt nói riêng. Bên cạnh đó, môn học đặc biệt sẽ nâng cao năng lực phát hiện và luận giải những hiện tượng dụng học trong tiếng Việt	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
15	Lôgich và tiếng Việt	môn học sẽ hệ thống lại những kiến thức cơ bản và nâng cao những khái niệm, lý thuyết, phương pháp tiếp cận về logic học và tính lô-gich trong tiếng Việt	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
16	Ngôn ngữ học xã hội	Môn học sẽ lần lượt giới thiệu những nội dung, kiến thức, lý thuyết cơ bản về ngôn ngữ học xã hội: cơ sở hình thành, vị trí, ý nghĩa và phạm vi nghiên cứu của nó. Những vấn đề về hiện tượng về biến thể, biến tố, đa ngữ, phương ngữ, biệt ngữ, kế hoạch và chính sách ngôn ngữ	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
17	Luận văn thạc sĩ		10	Học kỳ 3, 4	Luận văn

5. Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (Thạc sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD là học phần được đưa vào chương trình đào tạo Thạc sĩ QLGD học với những kiến thức và kỹ năng về quá trình tổ chức nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý giáo dục. Cụ thể, học phần gồm những khối kiến thức và kỹ năng về các loại hình trong nghiên cứu khoa học giáo dục, về những công việc cần thực	3	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiện sau khi đã có đề cương và kế hoạch nghiên cứu của một công trình khoa học cụ thể			
2	Tiếng Anh	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.	6	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
3	Cơ sở đại số hiện đại	Trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về nhóm, vành, trường, những kết quả về vành đa thức, trường phân thức, trường định chuẩn	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
4	Hình học sơ cấp nâng cao	Nhằm trang bị cho học viên cao học các chuyên ngành toán nội dung về môn Hình học sơ cấp nâng cao.	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
5	Cơ sở toán của kiến thức môn toán phổ thông	Nhằm trang bị cho học viên cao học các chuyên ngành toán nội dung và phương pháp nghiên cứu toán học phổ thông	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
6	Cơ sở giải tích hiện đại	Nắm được những nội dung lí thuyết của cơ sở giải tích hiện đại như không gian vectơ định chuẩn, không gian Hilbert, không gian vectơ tôpô và những vấn đề cơ bản có liên quan	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
7	Đại số sơ cấp nâng cao	Trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về nhóm, vành, trường, những kết quả về vành đa thức, trường phân thức, trường định chuẩn	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
8	Đánh giá kết quả trong giáo dục toán và thống kê trong KHGD	Học viên cũng đã được rèn luyện một số kỹ năng đánh giá môn Toán. Môn học này tiếp tục trang bị cho học viên những cơ sở lý luận trong đánh giá môn Toán ở trường phổ thông và Đại học	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
9	Rèn luyện và phát triển tư duy qua dạy học môn toán	Phát triển tư duy cho học sinh qua môn toán là một yêu cầu quan trọng, bức thiết trong dạy học toán nhưng hiện nay nhiều giáo viên chưa chú ý đúng mức. Chuyên đề này góp phần giúp người học thực hiện tốt yêu cầu này, làm cho việc dạy học toán ở phổ thông đạt kết quả tốt hơn	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
10	Tổ chức các hoạt động nhận thức và tích cực hoá quá		3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trình học tập môn toán				
11	Tiếng Anh chuyên ngành toán	Môn học này nhằm mục tiêu củng cố lại những kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành toán cho tất cả các học viên, trên cơ sở đó trang bị và rèn luyện cho học viên những kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ cho giảng dạy toán trong nhà trường phổ thông	2	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
12	Phương tiện dạy học môn toán	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ sở về lí luận phương tiện dạy học và nghiên cứu những vấn đề mang tính kĩ thuật sử dụng phương tiện dạy học môn toán, bao gồm cả các phương tiện dạy học truyền thống và phương tiện kĩ thuật hiện đại trong dạy học	2	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
13	Tiếp cận các quan điểm xây dựng chương trình môn toán		3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
14	Lý thuyết Didactic	Học viên hiểu rõ mục tiêu của lí thuyết tình huống và các giả thuyết cơ sở của lí thuyết này. Học viên nắm được các khái niệm cơ bản của lí thuyết tình huống như: tình huống ngoài dạy học, tình huống dạy học, tình huống lí tưởng, chiến lược, biến didactic, môi trường, ủy thác và thể chế hóa, phân tích tiên nghiệm và phân tích hậu nghiệm	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
15	Lý luận dạy học toán	Giới thiệu cho học viên những kiến thức cơ bản liên quan đến những vấn của lý luận dạy học hiện đại trong môn toán. Quan điểm tiếp cận năng lực trong dạy học toán đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
16	Một số xu hướng mới trong dạy học môn toán	b. Nêu lên các tư tưởng về các phương pháp dạy học đại học, đặc biệt là các phương pháp dạy học hiện đại	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
17	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục toán	Nhằm giúp cung cấp cho giáo viên toán ở các bậc học những cơ hội để nâng cao năng lực như là các nhà nghiên cứu. Môn học sẽ giúp học viên hiểu được những phương pháp nghiên cứu giáo dục	2	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
18	Luận văn thạc sĩ		10	Học kỳ 3, 4	Luận văn

6. Ngành Hóa lý thuyết và hóa lý (Thạc sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
2	Tiếng Anh	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.	6	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
3	Hóa lượng tử tính toán	Các phương pháp tính gần đúng trong Hóa học lượng tử. Biết sử dụng các phần mềm để thực hiện những tính toán cơ bản của Hóa học lượng tử. Ứng dụng Hóa học tính toán trong giảng dạy Hóa học. Áp dụng Hóa học tính toán để tiếp cận nghiên cứu các lĩnh vực sau: Hóa lí, Hóa học Hữu cơ, Hóa học Vô cơ, Hóa học Polime, Hóa học môi trường, Hóa sinh, Hóa dược và Công nghệ vật liệu,...	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
4	Phương pháp NCKH chuyên ngành hóa	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học vào quá trình học tập. Nắm và hiểu được các khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện nghiên cứu khoa học. Biết cách lựa chọn các vấn đề nghiên cứu một cách phù hợp, sử dụng cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu thích hợp với từng nội dung tương ứng. Xây dựng được kế hoạch, trình tự nghiên cứu… Viết, trình bày và nhận xét, đánh giá được các vấn đề nghiên cứu ở mức độ cơ bản như đề cương, luận văn tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học và một số công trình khoa học khác.	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
5	Hóa lí với giảng dạy hóa học phổ thông	Giúp học viên củng cố , kiến thức và phương pháp luận khoa hoc Hoá lí một cách hệ thống, vững chắc và biết vận dụng kiến thức trên, đặc biệt là hệ thống bài tập, trong giảng dạy Hoá học phổ thông (chú ý đúng mức đối tượng trường chuyên, lớp chọn, học sinh giỏi dự thi Olympic Hóa học quốc gia, quốc tế) về các nội dung trực tiếp của Hóa lí cũng như áp dụng trọng tâm vào các môn Hóa học Vô cơ, Hóa học Hữu cơ,	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hóa học Phân tích (công cụ) theo phương châm "thông qua dạy chữ để dạy người và hướng nghiệp". Giúp học viên hình thành và phát triển năng lực tư duy khoa học, khả năng tự học, tự nghiên cứu trên cơ sở "ôn cũ học mới", cũng như có khả năng tốt trong việc vận dụng kiến thức vào giảng dạy Hoá học phổ thong theo phương hướng *bản chất, qui luật, định lượng*.			
6	Hóa vô cơ nâng cao	Vận dụng các vấn đề lý thuyết đã học giải quyết được các bài tập bắt buộc trong chương trình môn học. Vận dụng được những kiến thức giải quyết tốt các vấn đề có liên quan đến hóa học vô cơ ở trường THPT và giải được một số bài tập trong các đề thi Olympic 30/4 và các kỳ thi chọn HSG lớp 12. Hình thành kỹ năng tự khám phá vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
7	Lý thuyết phiếm hàm mật độ	Sau khi học xong môn học này, học viên được trang bị những kiến thức về lý thuyết phiếm hàm mật độ, những ứng dụng của lý thuyết này trong hoá học, và cách thực hiện các phép tính năng lượng điểm đơn, tối ưu hoá hình học, và tính tần số dao động điều hoà theo lý thuyết phiếm hàm mật độ bằng phần mềm và máy vi tính cho các nguyên tử và phân tử.	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
8	Hấp phụ và xúc tác	Hiểu rõ những kiến thức cơ bản và nâng cao của quá trình hấp phụ, xúc tác; các chất hấp phụ, xúc tác và ứng dụng của chúng đối với nền công nghiệp hóa học và bảo vệ môi trường. Vận dụng được những kiến thức trên vào quá trình giảng dạy và công tác, nghiên cứu tổng hợp các chất hấp phụ, xúc tác cơ bản và ứng dụng trong công nghiệp hóa học và bảo vệ môi trường.	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
9	Động hóa học nâng cao	Hiểu được những quy luật, cơ chế diễn biến của mỗi loại phản ứng hoá học để tính tốc độ của những phản ứng đó. Từ cơ chế phản ứng thiết lập được phương trình tốc độ phản ứng. Hiểu và nắm vững quy luật ảnh hưởng của các yếu tố: Nồng độ, nhiệt độ, dung môi, chất xúc tác. Biết tính tốc độ phản ứng bằng con đường lí thuyết. Biết tổ chức và nghiên cứu động học của phản ứng hoá học.	3	Học kỳ 1	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Hóa hữu cơ nâng cao	Hiểu và vẽ được cấu trúc không gian của phâ tử hợp chất hữu cơ. Phân biệt và xác định được đồng phân hình học và đồng phân quang học. Hiểu được hiệu ứng cấu trúc và vận dụng vào giải thích được tính chất vật lý của hợp chất hữu cơ. Viết được cơ chế phản ứng diễn ra trong phản ứng hữu cơ và xác định được lập thể của sản phẩm phản ứng. Phân biệt được khung chất của các hợp chất thứ cấp trong tự nhiên. Biết vận dụng lí thuyết để giải thích một số hiện tượng hóa học; đặc biệt vận dụng vào chương trình hóa học hữu cơ ở các bậc phổ thông trung học. Có khả năng tự học để đi sâu hơn vào lĩnh vực cấu trúc, quan hệ cấu trúc, tính chất và lĩnh vực cơ chế, khả năng phản ứng. Vận dụng tốt hiệu ứng cấu trúc cũng như các cơ chế phản ứng vào quá trình giảng dạy, ôn luyện cho học sinh giỏi THPT.	3	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
11	Tiếng Anh cho hoá học	Sau khi học môn học này, người học phải biết các thuật ngữ Tiếng Anh thường sử dụng trong hóa học, có khả năng đọc hiểu được các tài liệu hóa học bằng Tiếng Anh, có khả năng thảo luận các chủ đề liên quan đến hóa học, có thể viết được các báo cáo hóa học đơn giản.	2	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
12	Vật liệu nano và ứng dụng	Cung cấp cho học viên cao học các kiến thức cơ bản nhất có liên quan đến vật liệu nano như khái niệm vật liệu nano, cách phân loại vật liệu nano, một số phương pháp quan trọng điều chế vật liệu nano, phương pháp nghiên cứu cấu trúc vật liệu nano và ứng dụng của vật liệu nano. Đồng thời, giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản về vật liệu nano kim loại và vật liệu lai, vật liệu xúc tác nano, vật liệu polyme và nanocomposit, vật liệu các bon cấu trúc nano.	2	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
13	Hoá học lượng tử nâng cao	Sau khi học môn này, người học biết được một cách cơ bản, hệ thống, bản chất về cơ sở hóa học lượng tử gồm các cơ sở cơ học lượng tử, bài toán cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử, liên kết hóa học theo thuyết liên kết hóa trị, đối xứng phân tử và lí thuyết nhóm, thuyết obitan phân tử, các bài toán hệ e-pi (hộp thế 1 chiều, MO-Hucken). Bước đầu người học sẽ tiếp xúc với một số nội dung cơ sở của thuyết tương tác cấu hình (CI) và áp dụng vào hệ cơ bản, đơn giản nhất như phân tử hiđro.	3	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Xúc tác trong xử lí ô nhiễm môi trường	Nắm được các kiến thức cơ bản về quá trình xúc tác, lý thuyết và kỹ thuật của các quá trình xúc tác trong các phản ứng phân huỷ các chất ô nhiễm hữu cơ và vô cơ trong nước thải và khí thải. Hiểu được bản chất của các quá trình (vai trò của xúc tác, quy trình công nghệ và thiết bị sử dụng), khả năng áp dụng vào thực tiễn để phân huỷ các hợp chất ô nhiễm trong nước thải và khí thải.	2	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
15	Điện hóa hiện đại và ứng dụng	Học viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản và nâng cao về một số khía cạnh chọn lọc trong lĩnh vực ứng dụng của điện hóa. Rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề về lý thuyết và ứng dụng điện hóa trong kỹ thuật và khoa học đời sống.	3	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
16	Các PP đặc trưng vật liệu hấp phụ và xúc tác	Nắm được các cơ sở lý thuyết và nguyên tắc hoạt động của các phương pháp đặc trưng vật liệu hấp phụ và xúc tác như nhiễu xạ tia X, phương pháp phân tích nhiệt, phương pháp đẳng nhiệt hấp phụ và giải hấp nitơ, hiển vi điện tử quét, hiển vi điện tử truyền qua, hồng ngoại đối với vật liệu nano, vật liệu mao quản, các loại gốm, khoáng vô cơ tự nhiên hoặc tổng hợp. Phân tích và thảo luận được các tính chất, đặc điểm của từng loại vật liệu thông qua kết quả đặc trưng các vật liệu, từ đó có những điều chỉnh thích hợp trong quá trình thí nghiệm cũng như trong thực tiễn.	2	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
17	Hóa phân tích nâng cao	Hệ thống các kiến thức về hoá học phân tích định tính và phân tích định lượng có liên quan đến việc giảng dạy hoá học ở trường trung học phổ thông. Các nội dung hóa phân tích liên quan đến việc bồi dưỡng học sinh giỏi hóa học. Cơ sở lý thuyết, thiết bị và nguyên lý vận hành của các phương pháp phân tích như phổ hấp thụ nguyên tử AAS, phổ phát xạ nguyên tử AES, phổ hấp thụ phân tử UV-VIS.	3	Học kỳ 2	Điểm kiểm tra thường kỳ: 50% Điểm thi: 50%
18	Luận văn thạc sĩ		10	Học kỳ 3, 4	

7. Ngành Lịch sử Việt Nam (Thạc sỹ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	Trên cơ sở gắn lý luận triết học với những vấn đề thực tiễn của đất nước và thời đại, môn học giúp học viên tìm hiểu thế giới quan duy vật - khoa học và phương pháp luận biện chứng, qua đó nâng cao trình độ tư duy lý luận và vận dụng sáng tạo tư duy biện chứng vào lĩnh vực công tác chuyên môn của bản thân	4	Học kỳ 1	Bài tiểu luận và thi kết thúc chuyên đề
2	Tiếng Anh	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung Châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ	6	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
3	Lịch sử vương quốc Phù Nam và Văn hóa Óc Eo ở đồng bằng Nam Bộ	Cung cấp cho học viên kiến thức về nền văn hóa Óc Eo từng tồn tại ở Nam Bộ. Làm sáng rõ thêm một bộ phận giá trị văn hóa từng tồn tại ở Nam Bộ trong thời cổ trung đại	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
4	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam: những vấn đề lí luận và lịch sử phát triển	Sau khi kết thúc môn học, người học có trình độ tiếng Anh (với tư cách là ngoại ngữ – as a foreign language) tương đương Cấp độ B1 của khung châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ.	2	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
5	Quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX	Nghiên cứu chuyên đề sẽ bổ sung kiến quan trọng cho học viên về khai phá vùng đất Nam bộ của dân tộc và vấn đề xác lập chủ quyền dân tộc ở phía Nam Việt Nam. Qua chuyên đề học viên có khả năng nhận thức và tự nghiên cứu những đóng góp quan trọng về kinh tế, lịch sử, văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở Nam bộ trong lịch sử dân tộc Việt Nam và vận dụng vào trong giảng dạy, làm việc và nghiên cứu sau này	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
6	Đổi mới kinh tế Việt Nam từ 1986 đến nay: Những vấn đề lí luận và thực tiễn	Nghiên cứu chuyên đề "Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ 1986 đến 2006: từ lí luận đến thực tiễn nhìn từ góc độ lịch sử là có ý nghĩa khoa học và thực tiễn rất sâu sắc. Với nội dung: Về lí luận của công cuộc đổi mới kinh tế	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
7	Quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam trong lịch sử	Học phần làm rõ những nội dung cơ bản, những đặc điểm nổi bật quá trình xác lập chủ quyền biên giới lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; Có được cách tiếp cận, phương pháp luận đúng đắn, khách quan, khoa học	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	Môn học tập trung làm rõ các vấn đề yêu cầu về lựa chọn con đường và phát triển kinh tế - xã hội; Các giai đoạn lịch sử diễn biến con đường cứu nước; Khẳng định sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội của lịch sử dân tộc - con đường cách mạng vô sản - con đường đúng đắn của dân tộc Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
9	Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc	Nội dung học phần tập trung làm rõ các nội dung cơ bản: Sự xuất hiện Hồ Chí Minh trong sử dân tộc; Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc; Hồ Chí Minh với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh - di sản quý báu của dân tộc và thời đại.	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
10	Vấn đề ruộng đất và nông dân Việt Nam từ sau CMT8 1945 đến nay	Học viên nắm được những nội dung cơ bản của vấn đề ruộng đất và nông dân ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	Giúp học viên nắm vững những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học lịch sử nói riêng	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
12	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Môn học này giúp làm sáng tỏ mối tương quan giữa các quốc gia trong cộng đồng quốc tế dựa vào việc nghiên cứu các mối liên hệ và mâu thuẫn trong quá khứ, các nguyên tắc, tập tục trong bang giao quốc tế phát triển theo thời gian	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
13	Chiến tranh ở Việt Nam hiện đại lí luận và thực tiễn	Nắm được chiến tranh ở Việt Nam thời hiện đại là chiến tranh nhân dân cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ nước VNDCCH. Tuy có khác với một số một số cuộc chiến tranh trong lịch sử dân tộc thời cổ trung đại và cận đại, nhưng nó cũng là chiến tranh chính nghĩa, phát triển trên cơ sở truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
14	Những vấn đề về lịch sử tư tưởng Việt Nam	Học viên nắm được đặc trưng cơ bản của lịch sử tư tưởng Việt nam – Chủ nghĩa yêu nước – một hệ thống những lý luận, những quan điểm về đánh giặc giữ nước và phát triển đất nước.	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Sự phát triển của CNTB ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)	làm rõ những đặc điểm cụ thể và các vấn đề có tính quy luật của qúa trình. Với nội dung được nghiên cứu: Lí luận về chủ nghĩa tư bản; quan hệ tư bản chủ nghĩa ở miền Nam Việt Nam trước năm 1954; Yếu tố tác động đến qúa trình phát triển chủ nghĩa tư bản ở miền Nam; Phát triển chủ nghĩa tư bản ở miền Nam; Sự phát triển chủ nghĩa tư bản trong các lĩnh vực công – nông ở miền Nam.	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
16	Vấn đề dân tộc trong lịch sử và tiến trình phát triển dân tộc Việt Nam	, môn học này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề dân tộc và vấn đề dân tộc trong sự hình thành và phát triển của dân tộc như tự nó đã từng diễn ra trong lịch sử. Tìm trong cái đa dạng, muôn vẻ và phức tạp của các loại hình dân tộc bản chất và quy luật vận động của nó	3	Học kỳ 2	Bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc chuyên đề
17	Luận văn thạc sĩ		10	Học kỳ 3, 4	Luận văn

8. Ngành Giáo dục Mầm non (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp, KI4500	Học phần Nhập môn nghề nghiệp là học phần đầu tiên trong khối kiến thức đại cương chung bắt buộc đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những hiểu biết khái quát về Trường, về Khoa đào tạo; vài nét khái quát về ngành nghề đang theo học (Giáo dục mầm non), chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; cách xây dựng kế hoạch học tập theo học chế tín chỉ; quy chế đào tạo, rèn luyện và những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên năm nhất thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, nhiệt huyết, niềm tự hào với nghề giáo viên mầm non, phấn đấu học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	01	HK1	Bài thu hoạch
2	Tâm lý học mầm non GE4072N	Học phần "Tâm lý học mầm non" sẽ trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm điển hình về các chức năng tâm lý của trẻ em từ 0-6 tuổi. Từ đó, sinh viên/học viên có thể vận dụng những kiến thức tâm lý học mầm non vào quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em	02	HK2	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Giáo dục học mầm non, GE4074N	Học phần Giáo dục học mầm non giúp sinh viên hiểu biết về quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và biết cách thực hiện hiệu quả nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tìm thấy niềm vui, hạnh phúc trong lao động sư phạm.	02	HK2	Thi kết thúc tự luận
4	Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	"Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non" là một học phần nằm trong nhóm cơ sở ngành, tạo nền tảng ban đầu trong việc hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm cho sinh viên mầm non trước khi trở thành giáo viên. Trải nghiệm học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp sư phạm, tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp sư phạm tích cực, các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để hình thành nhân cách người GVMN tương lai trong các mối quan hệ giao tiếp ở trường mầm non, đảm bảo yêu cầu của Chuẩn GVMN.	02	HK1	Thi tự luận
5	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non, KI4221	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non sẽ giúp ngời học hiểu được cơ thể trẻ có những đặc điểm khác so với người lớn; là cơ sở cho nhiều môn học khác như: tâm lí học, giáo dục học, vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non; giúp người học có những kiến thức, kĩ năng, thái độ về sự phát triển của trẻ và từ đó có biejn pháp chăm sóc trẻ tốt hơn	02	HK2	Thi kết thúc tự luận
6	Vệ sinh – Phòng bệnh cho trẻ mầm non, KI4224	Học phần gồm có 2 phần: Vệ sinh và Phòng bệnh cho trẻ em: Phần 1 - Vệ sinh trẻ em: Trong chương trình đào tạo GVMN, phân môn Vệ sinh trẻ em đem đến cho SV những hiểu biết về vi - kí sinh trùng gây bệnh, vấn đề vệ sinh trường lớp và các kỹ năng vệ sinh cho trẻ; Phần 2 - Phòng bệnh cho trẻ em: giúp SV những hiểu biết cơ bản về một số bệnh thường gặp, bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, cách phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh và một số tai nạn thường gặp ở trẻ em. Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ.	03	HK5	Thi kết thúc tự luận
7	Tiếng Việt, KI4117N	Trọng tâm của học phần này sẽ giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: khái niệm, đặc điểm và cấu tạo của âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị và chính tả tiếng Việt; từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (cấu tạo từ tiếng Việt, nghĩa của từ và các lớp từ có quan hệ về nghĩa, các lớp từ phân loại theo nguồn gốc); ngữ pháp tiếng Việt (từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu tiếng Việt, các lỗi về câu và cách sửa lỗi); ngữ pháp văn bản (đoạn văn và văn bản); phong cách ngôn ngữ tiếng Việt (khái niệm, các phong cách chức năng, các đặc điểm tu từ tiếng Việt có trong chương trình mầm non).	02	HK1	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Văn học trẻ em, KI4121	Học phần Văn học trẻ em trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học có liên quan đến chương trình ở mầm non. Trọng tâm của học phần được giới thiệu qua 4 chương. Chương 1: Khái quát về văn học trẻ em, sinh viên có cái nhìn khái quát về khái niệm, đặc trưng, nội dung của văn học trẻ em trong trường mầm non; Chương 2: Văn học dân gian dành cho trẻ em, giới thiệu về khái niệm, đặc trưng của văn học dân gian và các thể loại tiêu biểu như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, ca dao, câu đố, đồng dao; Chương 3: Văn học trẻ em Việt Nam hiện đại, phần này sinh viên sẽ được tìm hiểu các chặng đường và những thành tựu khái quát của văn học trẻ em Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay cùng một số tác giả - tác phẩm tiêu biểu như: Võ Quảng, Phạm Hổ và Trần Đăng Khoa; Chương 4: Văn học trẻ em nước ngoài, sinh viên được tiếp cận văn học trẻ em nước ngoài với các tác giả - tác phẩm tiêu biểu như Tago, Andecxen, Grim và L.Tônxtôi.	02	HK3	Thi kết thúc tự luận
9	Cơ sở toán Mầm Non, KI4222	Ở bậc học phổ thông, sinh viên đã được học một số kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp và lôgic toán, đồng thời sinh viên cũng được rèn một số kỹ năng vận dụng những kiến thức này trong quá trình học môn Toán. Học phần "Cơ sở toán mầm non" hệ thống hóa và tiếp tục nâng cao cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán về Toán cho trẻ mầm non. Sinh viên bước đầu hiểu được cơ sở toán học lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán vào hình thành các biểu tượng toán mầm non.	02	HK2	Thi kết thúc tự luận
10	Lý thuyết Âm nhạc sơ giản Mầm non, KI4220	Âm nhạc là một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này giúp sinh viên Mầm non thực hiện tốt chương trình dạy học Âm nhạc. Đây là học phần tiên quyết nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng sơ giản về lý thuyết Âm nhạc, bước đầu làm quen với tập đọc nhạc và gõ tiết tấu các bài hát, bản nhạc đơn giản trước khi tiến hành học môn Tập đọc nhạc và hát (nếu có), môn Đàn phím điện tử.	02	HK1	Thi kết thúc tự luận
11	Mỹ thuật mầm non KI4219	Môn học trang bị cho SV những vấn đề chung của mỹ thuật và các kỹ năng cần thiết về vẽ, xé - cắt dán và nặn; giúp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật, khả năng thực hành mỹ thuật và là cơ sở chắc chắn, hỗ trợ đắc lực cho học phần Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non và một số học phần khác thuộc lĩnh vực giáo dục thẩm mỹ, tạo hình.	02	HK1	Thi thực hành tại lớp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Đánh giá kết quả giáo dục mầm non, KI4002	Học phần rất cần thiết đối với sinh viên, học viên ngành giáo dục mầm non. Học phần này giúp cho người học hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về đánh giá giáo dục mầm non, biết cách thực hiện nhiệm vụ đánh giá giáo dục mầm non, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo - giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.	02	HK7	Thi kết thúc tự luận
13	Nghề Giáo viên mầm non KI4114	Nghề giáo viên mầm non mầm non là một môn học rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non. Bộ môn này giúp cho SV hiểu một cách đúng đắn và đầy đủ về nghề giáo viên mầm non, từ đó rèn luyện cho mình những phẩm chất và năng lực cần có của người GVMN để sau khi ra trường có thể làm tốt nhiệm vụ của mình.	02	HK3	Thi kết thúc tự luận
14	Tâm bệnh học	Học phần TÂM BỆNH HỌC dành cho chuyên ngành GDMN giúp người học hiểu các vấn đề cơ bản về cơ chế và cấu trúc của những rối loạn tâm lí trẻ em trong trạng thái bệnh, nắm được nguyên nhân, biểu hiện, biện pháp ngăn ngừa và chăm sóc trẻ rối loạn tâm lí. Vì vậy, môn học này chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, góp phần hình thành ở người học động cơ học tập đúng, tinh thần trách nhiệm với công việc, rèn luyện phẩm chất đạo đức chân chính, tác phong chuẩn mực của một người giáo viên mầm non tương lai.	02	HK2	Thi tự luận
15	Dinh dưỡng cho trẻ mầm non, KI4223	Thông qua học phần, SV nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng (DD) đối với sự phát triển cả thể chất lẫn tinh thần của trẻ. Môn học góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và giáo dục DD cho trẻ ở trường mầm non.	02	HK6	Thi kết thúc trắc nghiệm
16	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, KI4238	giúp sinh viên trang bị kiến thức về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non trong bối cảnh địa phương.	02	HK2	Thi kết thúc vấn đáp - thực hành
17	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, KI4245	Học phần giúp trang bị cho SVMN những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm phát triển thể chất của trẻ MN qua từng giai đoạn, các nguyên tắc cần tuân thủ khi tổ chức phát triển thể chất cho trẻ, những nội dung, phương pháp, hình thức GDTC phù hợp với từng độ tuổi của trẻ theo khung chương trình GDMN. Bên cạnh đó, học phần còn giúp SV có đầy đủ kiến thức, kĩ năng để giảng dạy theo hướng tích hợp ở trường MN.	03	HK6	Thi kết thúc vấn đáp - thực hành
18	Phương pháp tổ chức hoạt động làm	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng thực hành, tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục trẻ bảo vệ môi	03	HK6	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	quen MTXQ cho trẻ mầm non, KI4241	trường trong trường mầm non; Vai trò to lớn của giáo viên mầm non trong việc hình thành những kiến thức sơ đẳng cho trẻ về MTXQ. Từ đó, có ý thức tốt trong việc tham gia học tập, nghiên cứu và thực hành tham gia rèn luyện NVSPTX.			
19	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán KI4228	Giáo viên cần tổ chức dạy học như thế nào để giúp trẻ tích cực độc lập sáng tạo, tạo điều kiện cho trẻ khám phá kiến thức, hình thành và rèn luyện cho trẻ các kiến thức kỹ năng và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp 1. Môn học Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán thể hiện những tiêu chí đó; nó là cơ sở phương pháp giúp sinh viên hướng nghiệp, tiếp cận và đảm nhận tốt công tác giảng dạy sau này. Môn học này phối hợp với các bộ môn khác trong trường Mầm non góp phần giáo dục toàn diện đứa trẻ, hướng tới việc xây dựng cơ sở đầu tiên của nhân cách con người.	03	HK5	Thi kết thúc tự luận
20	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, KI4239	Học phần Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kĩ năng dạy học lĩnh vực ngôn ngữ cho sinh viên (SV) mầm non. Học phần nhằm trang bị cho SV: (1) những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ, (2) tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ, (3) lập và đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức về phát triển ngôn ngữ lẫn thực hành, ở tất cả các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chuẩn bị học đọc, học viết cho trẻ.	03	HK4	Thi kết thúc vấn đáp
21	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non, KI4244	Nội dung của học phần Phương pháp cho trẻ làm quen văn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Cụ thể học phần có những kiến thức trọng tâm như: khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của hoạt động cho trẻ làm quen văn học; nội dung chương trình thơ truyện cho trẻ mầm non; đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non; những nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen văn học ở từng độ tuổi với các dạng bài khác nhau.	03	HK5	Thi kết thúc tự luận
22	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, KI4243	Trang bị cho SV nắm được những cơ sở lý luận chung và có hiểu biết về phương pháp dạy trẻ hoạt động tạo hình, từ đó SV tự tin giải thích một số tình huống trong việc tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non và có khả năng tổ chức tốt các các loại giờ tạo hình cho trẻ ở các độ tuổi.	03	HK4	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Phương pháp giáo duc âm nhạc cho trẻ mầm non,	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non nói chung như: Mục đích, nhiệm vụ, vai trò giáo dục của âm nhạc ở Trường Mầm non; Đặc điểm tâm sinh lý liên quan đến khả năng âm nhạc của trẻ…; Phương pháp dạy trẻ hát, dạy trẻ nghe nhạc/ nghe hát, dạy trẻ vận động theo nhạc và dạy trò chơi âm nhạc nói riêng… Đồng thời, hình thành kỹ năng thiết kế, biên soạn kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non.	03	HK5	Thi kết thúc tự luận
24	Múa và phương pháp dạy Múa cho trẻ mầm non, KI4233	Học phần "Múa và PP dạy Múa" là một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản nhằm giúp sinh viên hiểu được vai trò, đặc điểm, phương pháp dạy trẻ múa trong chương trình giáo dục mầm non, biết sưu tầm các bài múa phù hợp với lứa tuổi mầm non, biết cách biên soạn một bài múa cho trẻ và tự tin hướng dẫn trẻ thực hiện các động tác theo chủ đề ở trường mầm non. Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn góp phần rèn luyện phát triển thể chất và phát triển thẩm mỹ cho trẻ.	03	HK4	Thi kết thúc thực hành
25	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về đồ chơi trẻ em và ý nghĩa của đồ chơi trong giáo dục trẻ; định hướng phương pháp làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non; góp phần phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tạo ra nhiều sản phẩm đồ chơi đơn giản, có giá trị thẩm mỹ và mang tính ứng dụng cao vào việc phục vụ cho các hoạt động chơi tập hàng ngày, đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục mầm non hiện hành; đồng thời biết tạo môi trường thực hiện hấp dẫn sinh động và linh hoạt cho trẻ bằng đa dạng các loại nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.	03	HK3	Thực hành tại lớp
26	Tổ chức hoạt động chăm sóc trẻ mầm non	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về các hoạt động chăm sóc trẻ ở trường mầm non trong việc thực hiện chế độ sinh hoạt phù hợp với đặc điểm trẻ theo yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này để vận dụng trong các môn phương pháp dạy trẻ mầm non, đặc biệt là phương pháp phát triển thể chất. Đồng thời, sinh viên sẽ có thể vận dụng trực tiếp trên trẻ tốt hơn khi tham gia các học phần RLNVSPTX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	02	HK5	Thi kết thúc tự luận
27	Quản lí giáo dục mầm non, KI4186	Những kiến thức chung về giáo dục mầm non đã được sinh viên tích lũy từ các học phần điều kiện và đây chính là nền tảng cơ sở lý luận để sinh viên lĩnh hội tri	02	HK6	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức của học phần QLGDMN. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần RLNVSPTX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.			
28	Tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non, KI225	Học phần này gồm có 5 chương cung cấp cho sinh viên hiểu một cách đúng đắn, đầy đủ về chương trình và cách tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	02	HK3	Thi kết thúc tự luận
29	Ứng dụng cntt trong dạy học mầm non, PR4413	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) CNTT trong dạy học; (2) sử dụng các dịch vụ Web 2.0 trong dạy học, quản lý hoạt động chăm sóc trẻ, giáo dục trẻ và khai thác mô hình E-Learning; (3) công nghệ và thiết bị dạy học; (4) thiết kế các trò chơi học tập, thiết kế bài dạy Mầm non có ứng dụng CNTT theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời, học phần giúp SV hình thành (5) khả năng sử dụng phần mềm giáo dục hỗ trợ giảng dạy Mầm non theo xu hướng hiện đại (6). Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm tránh những tác động tiêu cực của việc lạm dụng CNTT trong dạy. Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: Stem trong dạy học mầm non.	02	HK4	Thi kết thúc thực hành
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong giáo dục mầm non, ki4040e	Học phần Nghiên cứu khoa học giáo dục trong GDMN nhằm trang bị các kiến thức và kĩ năng cơ bản về khoa học, khoa học GDMN và thực hiện đề tài NCKH trong GDMN. Đó là xác định vấn đề nghiên cứu, chọn đề tài, xây dựng đề cương chi tiết cho đề tài. Sinh viên biết cách thu thập thông tin bằng khảo sát, tìm tài liệu, xử lý số liệu thu được và viết báo cáo kết quả nghiên cứu. Từ đó, sinh viên có thể vận vào quá trình học tập để tìm kiếm thu thập tài liệu, số liệu, làm tiểu luận, bài tập lớn và tập dượt làm đề tài NCKH liên quan GDMN trong trường đại học. Sự hiểu biết về kiến thức NCKH giúp sinh viên thuận lợi trong học tập nghiên cứu và làm cơ sở cho việc nghiên cứu NCKH các vấn đề về GDMN ở trường mầm non và các cơ sở GDMN.	02	HK4	Bài tập lớn
31	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	Học phần Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm và quá trình phát triển tính tích cực vận động của trẻ mầm non. Học phần phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm	02	HK7	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		non tiếp tục trang bị thêm cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về lý luận phương pháp tổ chức và đánh giá chất lượng phát triển tính tích cực vận động của trẻ mầm non theo xu thế đổi mới			
32	Yoga cho trẻ em	Học phần "Yoga cho trẻ mầm non" dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên giúp trang bị cho sinh viên kiến thức về yoga cho trẻ mầm non gồm các nội dung, phương pháp yoga phù hợp dành cho trẻ em. Đồng thời rèn luyện cho sinh chuẩn xác trong các kỹ thuật thở và thực hành các tư thế yoga. Từ đó, các em biết hướng dẫn cho trẻ mầm non thực hành yoga. Qua học phần, sinh viên cũng rèn luyện tính kiên trì, học cách quản lý cảm xúc.	02	HK7	Thi kết thực hành
33	Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non, : KI 4165	Học phần quan trọng đóng vai trò trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể dục nhịp điệu nói chung nói riêng. Sinh viên sẽ được hình thành phương pháp sư phạm chuyên biệt để dạy thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ. Bên cạnh đó, từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ tự tin vận dụng kiến thức, kỹ năng được học vào việc biên soạn và hướng dẫn trẻ mầm non tập thể dục nhịp điệu.	02	HK7	Thi kết thúc thực hành
34	Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non, KI4202	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản giáo dục bảo vệ môi trường và rèn luyện kỹ năng thực hành, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non, biết thiết kế môi trường giáo dục phù hợp ở trường mầm non.	02	HK6	Thi kết thúc tự luận
35	"Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ Mầm non".	Học phần "Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ Mầm non". Kế thừa những kiến thức về lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh. Giúp sinh viên nắm được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, vai trò của giáo viên trong việc khám phá khoa học, nắm được các hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trường mầm non và thực hành tổ chức các hoạt động khám phá khoa học cho trẻ ở trường mầm non.	02	HK7	Thi tự luận
36	Dạy trẻ tập nói ở nhà trẻ KI4124	Học phần Dạy trẻ tập nói ở nhà trẻ hệ thống hóa và trang bị cho sinh viên những kiến thức về phát triển ngôn ngữ ở đối tượng từ 3 – 36 tháng tuổi. Học phần gồm hai chương. Chương 1 trình bày những vấn đề chung về dạy trẻ tập nói ở tuổi nhà trẻ như mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp, kết quả mong đợi và các chỉ số đánh giá. Chương 2 đi sâu vào các hoạt động dạy trẻ tập nói ở các độ tuổi từ 0-	02	HK7	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		12 tháng, 12- 24 tháng, 24- 36 tháng. Trọng tâm của học phần này là giới thiệu quy trình của các hoạt động dạy trẻ tập nói, phân tích sâu hơn cơ sở hình thành các hình thức và phương pháp dạy trẻ tập nói, rèn cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết vào việc tổ chức các hoạt động dạy trẻ tập nói trên cơ sở tích hợp với các lĩnh vực khác ở trường mầm non.			
37	Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non	Học phần Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ MN là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên hình thành tri thức và kĩ năng Xây dựng kịch bản và tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) mục đích và ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động nghệ thuật, vai trò của của từng nhóm đối tượng trong việc tổ chức hoạt động nghệ thuật; (2) cách dàn dựng và hoạt động nghệ thuật; (3) 38phương pháp xây dựng kịch bản cho từng chương trình nghệ thuật ở trường mầm non.	02	HK6	Thi kết thúc thực hành
38	Đàn phím điện tử, KI4104	Đàn phím điện tử là một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này giúp sinh viên Mầm non thực tốt chương trình dạy học âm nhạc nói chung, có kỹ năng thực hành âm nhạc nói riêng đáp ứng mục tiêu giáo dục của trường Mầm non. Học phần bao gồm: 2 chương	02	HK3	Thi kết thúc thực hành
39	Tập đọc nhạc và hát	Tập đọc nhạc và hát là học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Trong học phần này, sinh viên vận dụng lý thuyết âm nhạc sơ giản vào thực hành tập đọc nhạc và hát. Bước đầu hình thành các kỹ năng thực hành âm nhạc cho sinh viên mầm non. Học phần này giúp sinh viên Mầm non sau khi ra trường có thể đọc các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt.	02	HK6	Thi thực hành
40	Dàn dựng chương trình lễ hội	Học phần Dàn dựng chương trình lễ hội là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức, kĩ năng về Dàn dựng chương trình lễ hội và kỹ năng biên đạo múa cho sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) mục đích, ý nghĩa, vai trò của của từng nhóm đối tượng trong việc tổ chức lễ hội; (2) những lễ hội trọng tâm, cách dàn dựng và tổ chức ngày lễ hội; (3) biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non.	02	HK6	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	Học phần Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ; thành thạo trong việc lập kế hoạch, cách tổ chức và cách đánh giá các hoạt động giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. Từ đó, làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	02	HK6	Thi lý thuyết
42	Giáo dục hành vi văn hóa KI4159	Học phần giúp người học hiểu biết cơ bản và rèn luyện kỹ năng thực hành giáo dục hành vi văn hóa cho các cháu nhỏ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong trường mầm non. Kiến thức từ môn học giúp người học có ý thức trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển, giáo dục hành vi văn hóa ở trường Mầm non.	02	HK7	Thi kết thúc tự luận
43	Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non	Học phần Kiến thức về môi trường xung quanh dành cho giáo viên mầm non là một học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản nhất về môi trường xung quanh (MTXQ). Những kiến thức tích lũy được từ nội dung học phần còn giúp sinh viên học tập hiệu quả học phần Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen MTXQ, tự tin tham gia hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Ngành Sư phạm GDMN của Trường ĐH Đồng Tháp.	02	HK7	Thi tự luận
44	Kỹ năng quản lí cảm xúc của GVMN, KI4282	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cảm xúc, trí tuệ cảm xúc, những yếu tố liên quan đến cảm xúc. Nhận diện được các loại cảm xúc khác nhau và hiểu được ý nghĩa của việc quản lí cảm xúc của bản thân trong giao tiếp, ứng xử và trong hoạt động sư phạm của GVMN. Từ đó, giúp sinh viên có các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để có kĩ năng quản lí cảm xúc của bản thân, hình thành nhân cách người GVMN tương lai trong các mối quan hệ giao tiếp ở trường mầm non, đảm bảo yêu cầu của Chuẩn GVMN.	02	HK7	Thi kết thúc tự luận
45	Kỹ năng xử lí các tình huống sư phạm trong trường mầm non	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về tình huống sư phạm, các tình huống sư phạm thường gặp ở trường mầm non , những lưu ý và những kỹ năng cần có của giáo viên mầm non trong quá trình giải quyết. Từ đó, giúp sinh viên có các biện pháp rèn luyện, tu dưỡng để hình thành kĩ năng nhận định, phân tích và giải quyết	02	HK7	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp lí các tình huống sư phạm ở trường mầm non. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng trực tiếp trên trẻ tốt hơn khi tham gia các học phần RLNVSPTX và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.			
46	Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt	Học phần Kỹ năng hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt cho chuyên ngành GDMN giúp sinh viên (SV) có khả năng suy luận khái quát về trẻ có nhu cầu đặc biệt (TCNCĐB), các nội dung và phương pháp hỗ trợ trẻ. Từ đó giúp SV phân tích được đặc điểm tâm sinh lý trẻ, hình thành các kỹ năng thiết kế và thực hiện kế hoạch chăm sóc – giáo dục phù hợp nhằm hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt.	02	HK7	Thi tự luận
47	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một	Học phần Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức về tầm quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một, những khó khăn tâm lí của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, nhiệm vụ, nội dung, hình thức tổ chức và các biện pháp thực hiện việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một . Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một phù hợp với trẻ trong bối cảnh địa phương và hội nhập quốc tế.	02	HK7	Thi tự luận
48	Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non	Học phần "Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non" dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức cơ bản về giới tính, những yếu tố ảnh hưởng đến giới tính, sự cần thiết của lồng ghép giới trong trường mầm non, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện giáo dục giới tính, vai trò của ba mẹ, cô giáo trong việc giáo dục giới tính cho trẻ mầm non. Từ những kiến thức, kỹ năng tích lũy được từ học phần này, sinh viên sẽ có thể vận dụng tốt hơn trong thực tiễn giáo dục mầm non.	02	HK7	Thi tự luận
49	Giáo dục gia đình	Học phần "Giáo dục gia đình" dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức về trẻ em, quyền trẻ em; Chức năng và các mối quan hệ trong gia đình; Mục đích, nguyên tắc, nội dung và phương pháp GD (PPGD) giáo dục con trong gia đình. Đồng thời, hình thành kỹ năng lựa chọn được phương pháp, hình thức giáo dục trẻ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tư vấn được cho phụ huynh các biện pháp giáo dục trẻ hợp lý.	02	HK7	Thi tự luận
50	"Phương pháp tổ chức hoạt động cho	Học phần "Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh" dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức về các cơ sở	02	HK7	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trẻ làm quen tiếng Anh"	pháp lý và cơ sở khoa học xung quanh vấn đề cho trẻ mầm non làm quen tiếng Anh (LQTA), nắm được các nội dung và phương pháp LQTA cho trẻ. Từ đó rèn luyện cho Sv kỹ năng thiết kế bài dạy, thiết kế môi trường, giáo cụ và tổ chức được hoạt động cho trẻ LQTA.			
51	Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương	Học phần Dạy học mầm non theo bối cảnh địa phương là một học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ đóng vai trò rất cần thiết trong việc hình thành cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về: phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo bối cảnh nhà trường và bối cảnh địa phương. Những kiến thức được sinh viên tích lũy từ học phần này sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	02	HK7	Thi tự luận
52	Biên đạo múa	Học phần Biên đạo múa là học phần nằm trong khối kiến bổ trợ. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kĩ năng Biên đạo múa cho sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) khái niệm múa, phân loại múa, đặc trưng ngôn ngữ múa và kỹ năng thực hành múa; (2) phương pháp biên đạo múa dành cho sinh viên ngành giáo dục mầm non.	02	HK7	Thi tự thực hành
53	Ứng dụng Steam trong dạy học Mầm non	STEAM là mô hình giáo dục theo hướng tích hợp liên môn bao gồm khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học. Điều quan trọng của giáo dục STEAM là hướng tới sự phát triển năng lực của trẻ và trao quyền cho trẻ tham gia vào các hoạt động một cách tự do và sáng tạo. Đặc biệt, trong GDMN: STEAM có thể được tổ chức dưới nhiều chiến lược hướng dẫn/ quy trình đa dạng thông qua trải nghiệm vui chơi học tập giúp cho trẻ cảm thấy hứng thú, tự tin trong các lĩnh vực học thuật đa dạng, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới.	02	HK7	Thi tự luận
54	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non" là học phần rất cần thiết đối với học viên ngành giáo dục mầm non. Học phần này giúp cho học viên hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non, từ đó có thể vận dụng sáng tạo mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non vào thực tiễn một cách hiệu quả.	02	HK7	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Dạy học lớp ghép trong trường mầm non	Học phần Dạy học lớp ghép trong trường mầm non giúp sinh viên hiểu biết về cách tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở lớp mẫu giáo ghép một cách khoa học, nghệ thuật để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tìm thấy niềm vui, hạnh phúc trong lao động sư phạm.	02	HK7	Thi tự luận
56	Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non	"Quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non" là một môn học rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non. Bộ môn này giúp cho sinh viên hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về trách nhiệm và công tác tổ chức quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non, thấy được tầm quan trọng của môn học, hình thành động cơ học tập đúng đắn, biết cách thực hiện nhiệm vụ tổ chức quản lý nhóm lớp, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy sau này.	02	HK7	Thi tự luận
57	Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ các loại tật: khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ, ngôn ngữ, vận động và tự kỉ. Môn học này còn giúp cho người học đi sâu vào cách phát hiện sớm và can thiệp sớm cho từng loại tật đối với trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật, Phương pháp tổ chức giáo dục hòa nhập. Nắm được vai trò của người giáo viên Mầm non trong công tác can thiệp cho trẻ khuyết tật.	02	HK7	Thi tự luận
58	Can thiệp sớm cho trẻ mầm non, KI4161	Môn học trang bị những kiến thức và kĩ năng cơ bản về can thiệp sớm. Môn học này còn giúp cho người học đi sâu vào cách phát hiện sớm và can thiệp sớm cho từng loại tật đối với trẻ khuyết tật lứa tuổi Mầm non. Cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật, phương pháp tổ chức giáo dục hòa nhập. Nắm được vai trò của người giáo viên Mầm non trong công tác can thiệp cho trẻ khuyết tật.	02	HK7	Thi kết thúc tự luận
59	Dạy học mầm non theo bối cảnh văn hóa địa phương	Học phần rất cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng về: phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo bối cảnh nhà trường và bối cảnh địa phương. Những kiến thức được sinh viên tích lũy từ học phần này sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.	02	HK7	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, : KI4401P	RLNVSPTX1 là học phần chú trọng rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non về các kĩ năng: đọc, kể, nói, viết. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn.	01	HK2	Thi thực hành
61	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa), KI4402P	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện nâng cao và chuyên sâu kỹ năng hát và kỹ năng múa cho sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành của sinh viên dưới sự kiểm tra, giám sát và đánh giá của giảng viên. Học phần còn trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng nâng cao và chuyên sâu về (1) tư thế ca hát, cách sử dụng hơi thở, một vài kỹ thuật luyện thanh, phát âm, nhã chữ trong ca hát; (2) thực hành các ca khúc: mầm non, dân ca; (3) thực hành múa, nguyên tắc và các bước biên đạo múa cho trẻ ở trường mầm non.	01	HK7	Thi thực hành
62	RLNVSPTX3 (Lĩnh vực Phát triển nhận thức) KI4403P	Học phần "Rèn luyện NVSPTX 3" giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giúp trẻ phát triển các lĩnh vực phát triển: nhận thức, thẩm mỹ. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp SV sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường mầm non.	01	HK6	Thi thực hành
63	RÈN LUYỆN NVSPTX4 (Lĩnh vực thẩm mỹ), KI4404P	Học phần "Rèn luyện NVSPTX 4" giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giúp trẻ phát triển các lĩnh vực thẩm mỹ bao gồm âm nhạc và tạo hình. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp SV sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường mầm non.	01	HK6	Thi thực hành
64	RLNVSPTX5 - Rèn luyện kỹ năng phát triển ngôn ngữ KI4405P	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thương xuyên 5 (tiếp nối 02 học phần Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non) có vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng dạy học thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ cho sinh viên ngành mầm non. Học phần gồm các nội dung trọng tâm sau: rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục, xây dựng và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn.	01	HK7	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
65	RÈN LUYỆN NVSPTX 6 (Phát triển Thể chất) KI4405P	Học phần "Rèn luyện NVSPTX 6" giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giúp trẻ phát triển lĩnh vực phát triển thể chất. Đây là kỹ năng vô cùng cần thiết, giúp SV sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động dạy học cho trẻ ở trường MN.	01	HK7	Thi thực hành
66	Kiến tập sư phạm (Ngành Giáo dục mầm non), KI4403	Học phần được tổ chức tại các Trường mầm non, giúp sinh viên bước đầu được tiếp cận tìm hiểu thực tế về hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non thông qua các nội dung như: nghe báo cáo về thực tế tổ chức hoạt động giáo dục tại cơ sở kiến tập; rèn kỹ năng giao tiếp sư phạm; quan sát và tham gia các hoạt động chăm sóc trẻ tại nhóm/lớp mầm non. Đây cũng là cơ hội để sinh viên học tốt hơn các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực tập tốt nghiệp trong các giai đoạn tiếp theo.	02	HK5	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục cơ sở kiến tập (K1) (40%) Điểm kiến tập giảng dạy (K2) (30%) Điểm kiến tập giáo dục (K3) (30%)
67	Thực tập tốt nghiệp, KI4407N	Tiếp nối với học phần KTSP và RLNVSPTX, sinh viên tiếp tục được tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường mầm non, được vận dụng linh hoạt kiến thức và khả năng vào thực tế, tập lập kế hoạch, tập thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lí nhóm/lớp mầm non; Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở trường MN, phát triển và hoàn thiện phẩm chất, tác phong và kỹ năng sư phạm, tiếp tục bồi dưỡng tình cảm nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp.	08	HK8	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục CSTTNN (K1) (10%) Điểm thực tập giảng dạy (K2) (50%) Điểm thực tập giáo dục (chăm sóc) (K3) (40%)
68	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non, KI4248	Trang bị kiến thức về khái niệm, ý nghĩa, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp với trẻ trong bối cảnh địa phương và hội nhập quốc tế.	02	HK8	Thi kết thúc tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
69	Các phương pháp giáo dục mầm non trong xu hướng đổi mới, KI4236	Học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non. Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản nhằm giúp sinh viên hiểu được các quan điểm tiếp cận giáo dục tiên tiến trên thế giới, các phương pháp giáo dục tiên tiến ở một số nước trên thế giới. Trên cơ sở đó xem xét, học tập và áp dụng những kinh nghiệm quý báu trong giáo dục của các nước trên thế giới cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội – văn hóa của Việt Nam, đón đầu những yêu cầu đổi mới của xã hội đối với ngành giáo dục mầm non trong tương lai. Học phần này còn giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức đã được học biết triển khai tổ chức hoạt động học tập ở trường mầm non, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo - giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.	03	HK8	Thi kết thúc tự luận

9. Ngành Giáo dục Tiểu học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam	3	1	Thi kết thúc học phần (TNKQ)
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A2 đến B1 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam	2	2	Thi kết thúc học phần (TNKQ)
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc	3	1	Thi kết thúc học phần (TNKQ)
4	Công tác quốc phòng, an ninh	Sinh viên nắm vững những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: phòng chống, đánh bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn	2	2	Thi kết thúc học phần (TNKQ)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Trang bị những kiến thức cơ bản góp phần phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; về trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Đây là tổng thể các hoạt động hướng đến mục tiêu chuẩn bị con người tham gia và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững chủ quyền và an ninh đất nước, bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa			
5	Quân sự chung	Sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản liên quan đến Điều lệnh quản lý bộ đội như: chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết về các quân binh chủng trong quân đội, đồng thời nắm vững nội dung kỹ năng quân sự cần thiết. Qua đó, hình thành và nâng cao phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm của bản thân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	3	Thi kết thúc học phần (Vấn đáp+Thực hành)
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Sinh viên phải thực hiện được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và các tư thế ném lựu đạn	4	4	Thi kết thúc học phần (Vấn đáp+Thực hành)
7	Giáo dục thể chất	Môn học trang bị cho sinh viên khái quát chung về nội dung Thể dục cơ bản, thực hiện được các tư thế cơ bản trong đội hình đội ngũ; Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của nội dung chạy ngắn, chạy trung bình và một số bài tập phát triển thể lực chung; Trên cơ sở đó, sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn về thể lực, giúp sinh viên có kiến thức tốt về việc rèn luyện sức khỏe cho bản thân nhằm phục vụ cho việc học tập sau này.	1	1	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
8	Giáo dục thể chất (tự chọn)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn GDTC, những hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của viêc tập luyện, các bài tập phát triển thể lực, cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khoẻ	2	2	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
9	Triết học Mác - Lênin	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về triết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội,	3	1	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin trong hoạt động nghề nghiệp			
10	Nhập môn nghề nghiệp GDTH	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học một số hiểu biết chung về Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non và các đơn vị phòng/ban chức năng trong trường liên quan trực tiếp đến hoạt động đào tạo; về ngành Giáo dục tiểu học; về chương trình đào tạo, quy chế, quy trình đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành Giáo dục tiểu học; qua đó hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành học để phấn đấu học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt	1	1	Thi /tiểu luận cuối kì
11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó, hình thành tư duy lý luận, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar	2	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
12	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vận dụng những kinh nghiệm, bài học quý báu của Đảng vào trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp	2	3	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
13	Pháp luật Việt Nam đại cương	Người học có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật phù hợp để tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành	2	3	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
14	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu và phân tích một cách khoa học và có hệ thống nội dung cơ bản của tư tưởng HCM. Nâng cao lòng tự hào dân tộc về Đảng, về chủ tịch HCM và có ý thức trách nhiệm cống hiến, góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên cương vị nhiệm vụ được phân công	2	4	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hiểu và phân tích một cách khoa học và có hệ thống nội dung cơ bản của tư tưởng HCM. Nâng cao lòng tự hào dân tộc về Đảng, về chủ tịch HCM và có ý thức trách nhiệm cống hiến, góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên cương vị nhiệm vụ được phân công.	2	3	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Nhập môn khoa học giao tiếp	Học phần "Nhập môn khoa học giao tiếp (GT)" cung cấp cho sinh viên những kiến thức ban đầu và căn bản về quá trình GT (Khái niệm; Phân loại, Vai trò; Chức năng; Cấu trúc của hành vi GT; nội dung GT; hình thức GT; các kỹ năng GT; Bản chất xã hội; Phương pháp tiến hành một cuộc GT hiệu quả; đặc điểm trong GT của người Việt). Trên cơ sở ấy, sinh viên sẽ hình thành các mức độ kỹ năng GT tương ứng, phù hợp và khoa học. Từ đó, sinh viên sẽ vận dụng để chủ động, tích cực thiết lập, duy trì, vận hành và phát triển các mối quan hệ GT tích cực và vững chắc trong cuộc sống, học tập và nghề nghiệp sau này.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
17	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	Học phần "Hình thành và phát triển kỹ năng mềm (KNM)" sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về KNM nhằm định hướng, hướng dẫn họ hình thành, luyện tập và rèn luyện hệ thống KNM một cách phù hợp, khoa học, hiệu quả cao. Từ đó, sinh viên sẽ áp dụng, vận dụng, sử dụng những KNM vào giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ, tình huống… trong quá trình học tập, trong nghề nghiệp và trong cuộc sống.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
18	Giáo dục học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên (SV) kiến thức về những vấn đề chung của giáo dục học (GDH), về nghề sư phạm. Kiến thức từ môn học giúp SV có khả năng giải thích, nhận xét ưu điểm và hạn chế của quá trình giáo dục (QTGD) trong thực tiễn; đồng thời có những đề xuất, định hướng hành động khả thi, hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục (GD).	2	1	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
19	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương giúp sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học đại cương sẽ làm cơ sở giúp sinh viên học các học phần Tâm lý học tiểu học, Tâm lý học mầm non hoặc Tâm lý học trung học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và các lĩnh vực khác trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	1	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
20	Tâm lý học tiểu học	Học phần Tâm lý học tiểu học giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng tâm lý của học sinh tiểu học theo cơ sở khoa học, biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, rèn luyện nhân cách và giảng dạy của bản thân sau này. Bên cạnh đó, những kiến thức của học phần Tâm lý học tiểu học sẽ	2	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm cơ sở giúp sinh viên học tốt các học phần tiếp theo (Rèn luyện NVSPTX, Nhập môn Khoa học giao tiếp, các học phần về phương pháp giảng dạy, kiến tập, thực tập sư phạm…) trong quá trình học tập và hoạt động giảng dạy của bản thân.			
21	Giáo dục học Tiểu học	Học phần Giáo dục học tiểu học là sự tiếp nối học phần nói trên nhằm trang bị cho SV hệ thống tri thức cơ bản về quá trình dạy học và quá trình giáo dục (nghĩa hẹp) ở trường tiểu học. Hệ thống tri thức cơ bản về quá trình dạy học cung cấp nền tảng kiến thức về dạy học để sinh viên tiếp tục học tập các học phần phương pháp dạy học bộ môn ở tiểu học. Hệ thống tri thức cơ bản về (nghĩa hẹp) cung cấp nền tảng kiến thức cho các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nhằm hình thành ý thức, quan điểm, thái độ, hành vi/thói quen cho học sinh tiểu học. Học phần gồm có 3 chương: 1. Lý luận dạy học; 2. Lý luận giáo dục; 3. Giáo dục tiểu học trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018	2	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
22	Thực hành Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh	Sinh viên vận dụng kỹ năng về công tác Đội để thiết kế và tổ chức được các hoạt động nghiệp vụ của Đội, tự tin trở thành Tổng phụ trách Đội và phụ trách chi đội ở các trường trung học cơ sở và trường tiểu học	1	5	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
23	Quản lý HCNN và QL ngành GD	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo (GD & ĐT) - trong đó có GD & ĐT vùng đồng bằng sông Cửu Long. Kiến thức từ học phần giúp sinh viên có ý thức trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả vào các hoạt động giáo dục (GD) thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
24	Tiếng Việt	Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Tiếng Việt vào nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học; Vận dụng được các kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng mềm trong quá trình lĩnh hội kiến thức chung về Tiếng Việt; Có phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực trong quá trình làm việc cá nhân, độc lập hoặc làm việc nhóm, hợp tác	3	1	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
25	Sinh lý học học sinh tiểu học	Sinh lý học học sinh Tiểu học là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo và những đặc điểm sinh lý về các hệ cơ quan bên trong cơ thể trẻ em lứa tuổi tiểu học; những biện pháp giữ gìn vệ sinh các hệ cơ quan, đồng thời rèn luyện cho sinh viên có những kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để học tốt các môn học: tâm lý học, giáo dục học, Tư nhiên – Xã hội và phương pháp dạy	2	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học Tự nhiên – Xã hội… Môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu cơ bản của sinh lý học trẻ em.			
26	Văn học	Học phần Văn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học có liên quan đến chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Trọng tâm của học phần được giới thiệu qua 3 chương: Chương 1: Lý luận văn học: cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Đối tượng, nội dung, chức năng của văn học; Hình tượng và nhân vật văn học; Đề tài, chủ đề kết cấu, cốt truyện; Đặc trưng cơ bản của thơ, kịch, truyện, ký; Ngôn ngữ văn học; Một số thể thơ Việt Nam. Chương 2: Văn học Việt Nam: sinh viên có cái nhìn khái quát về văn học dân gian qua khái niệm, đặc trưng, thể loại và văn học viết thiếu nhi qua quá trình hình thành và phát triển. Chương 3: Văn học nước ngoài trong chương trình Tiểu học: sinh viên được tìm hiểu văn học dân gian nước ngoài và văn học viết nước ngoài có trong chương trình Tiểu học.	3	3	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
27	Cơ sở Toán tiểu học 1	Học phần "Cơ sở toán tiểu học 1" hệ thống hóa và tiếp tục trang bị thêm cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán trong môn Toán tiểu học. Trọng tâm của học phần này giới thiệu những vấn đề về tập hợp, ánh xạ, quan hệ, giải tích tổ hợp, mệnh đề, suy luận và chứng minh... trong toán tiểu học; phân tích sâu cơ sở hình thành các kiến thức toán học trong môn Toán tiểu học dưới ánh sáng của lý thuyết tập hợp và lôgic toán; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở lôgic toán vào giải các bài toán tiểu học và làm cơ sở để học tập các học phần "Cơ sở toán tiểu học 2", "Dạy học giải toán tiểu học" và các học phần về PPDH toán tiểu học.	3	1	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
28	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	Học phần Kĩ năng sử dụng tiếng Việt trang bị cho sinh viên kĩ năng cơ bản để phục vụ tốt cho dạy và học tại trường tiểu học. Trọng tâm của học phần: (1) Rèn luyện kĩ năng đọc diễn cảm, (2) Rèn luyện kĩ năng viết chữ, (3) Rèn luyện kĩ năng viết văn bản, (4) Rèn luyện kĩ năng nghe nói- kể chuyện.	2	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
29	Cơ sở Toán tiểu học 2	Nối tiếp học phần "PR4144N-Cơ sở toán tiểu học 1", học phần "Cơ sở toán tiểu học 2" tiếp tục trang bị cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về tập hợp số tự nhiên, tập hợp số hữu tỉ không âm và khái niệm đại lượng trên cơ sở Toán cao cấp. Trọng tâm của học phần này giới thiệu những vấn đề về xây dựng	3	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập hợp số tự nhiên và tập hợp số hữu tỉ không âm cùng với các phép toán trên các tập hợp này; làm rõ khái niệm đại lượng, đo đại lượng và những ứng dụng của nó trong môn Toán tiểu học; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải một số dạng toán tiểu học có liên quan và làm cơ sở để học tập học phần "Dạy học giải toán tiểu học" và các học phần về PPDH toán tiểu học.			
30	Nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	Học phần Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (KHGDƯD) trong giáo dục tiểu học (GDTH) trang bị các kiến thức và kĩ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học (NCKH), nghiên cứu KHSPƯD như chọn đề tài, cách thực hiện một đề tài NCKH, đề tài nghiên cứu KHSPƯD. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào quá trình học tập, tập dượt thực hiện đề tài NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp trong trường đại học và làm cơ sở cho việc NCKH ở trường tiểu học.	2	3	Thi kết thúc học phần (Bài tập lớn)
31	Lí luận dạy học tiếng Việt	Học phần nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về (1) đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học của phương pháp dạy học (PPDH) Tiếng Việt ở tiểu học; (2) nội dung, chương trình, sách giáo khoa (SGK); (3) nguyên tắc, PPDH môn Tiếng Việt ở tiểu học.	2	2	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
32	Phương pháp dạy học tiếng Việt 1	Học phần Phương pháp dạy học tiếng Việt 1 (cùng với Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2) có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kĩ năng dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho sinh viên (SV). Học phần giúp SV hình thành (1) phương pháp dạy âm vần, (2) phương pháp dạy đọc ở tiểu học.	3	3	Thi kết thúc học phần (Vấn đáp)
33	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học	Học phần Giáo dục học tiểu học đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá trong dạy học,… ở tiểu học. Học phần Lý luận dạy học toán ở tiểu học tiếp tục trang bị thêm cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về lý luận phương pháp dạy học Toán ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực của học sinh; vận dụng một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học để thiết kế các hoạt động dạy học Toán ở tiểu học tiếp cận theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán 2018.	3	3	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
34	Cơ sở khoa học Tự nhiên - Xã hội	Đây là môn học giúp người học hiểu rõ hơn về tự nhiên, về xã hội và con người. Hiểu rõ hơn về môi trường sống, các hiện tượng tự nhiên và thế giới xung quanh chúng ta. Trên cơ sở đó, có thể ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như là tư liệu phục vụ cho công tác giảng dạy sau này.	3	3	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Ứng dụng CNTT trong dạy học tiểu học	Học phần ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học Tiểu học nhằm giúp sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học thực hiện được việc sử dụng thiết bị hiện đại trong dạy học, giúp SV phát huy những ý tưởng sáng tạo trong việc thiết kế các trò chơi học tập, thiết kế các giáo án bằng cách sử dụng các phần mềm CNTT hiện nay ở trường tiểu học. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm tránh những tác động tiêu cực của việc lạm dụng CNTT trong dạy học.	2	5	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
36	Phương pháp dạy học tiếng Việt 2	Học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2* (tiếp nối học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*) có vai trò quan trọng trong việc dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học; cung cấp kiến thức và kĩ năng cơ bản về: (1) Phương pháp dạy viết chữ ở Tiểu học, (2) Phương pháp dạy viết văn bản ở Tiểu học, (3) Phương pháp dạy nghe nói ở Tiểu học, (4) Phương pháp dạy từ và câu ở Tiểu học. Qua đó, SV sẽ xác định được: Mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, sách giáo khoa (SGK), cơ sở khoa học, phương pháp, quy trình dạy học viết, nghe nói, từ và câu.	4	4	Thi kết thúc học phần (Vấn đáp)
37	Dạy học Toán tiểu học theo chủ đề	Học phần Dạy học toán tiểu học theo chủ đề là sự tiếp nối của học phần Lý luận dạy học toán ở tiểu học. Nội dung chính của học phần này là trang bị cho sinh viên kỹ năng xác định các hoạt động dạy học và tổ chức chi tiết các hoạt động dạy học theo các chủ đề để đạt mục tiêu dạy học ở các dạng bài: Hình thành kiến thức mới, ôn tập, luyện tập theo hướng phát triển năng lực học sinh. Các kiến thức và kỹ năng của học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học tập các học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Thực tập sư phạm.	3	4	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
38	Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội	Lý luận dạy học TN-XH là hệ thống những kiến thức nền tảng, cơ bản toàn diện về dạy học TN-XH ở Tiểu học. Do đó, nắm vững, hiểu đúng là cơ sở quan trọng để sinh viên tiếp tục nghiên cứu, vận dụng vào việc tổ chức dạy học các học phần Phương pháp dạy học TN-XH, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên các môn TN-XH. Đồng thời kiến thức của học phần giúp sinh viên hiểu sâu củng cố năng lực nghề nghiệp, kỹ năng dạy học, làm tiền đề cho việc dạy học các môn học TN-XH ở Tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh trong chương trình GDPT mới.	2	4	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
39	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐTN) ở tiểu học hình thành cho sinh viên (SV) một số kiến thức và kỹ năng như: xác định vấn đề thực tiễn để kết nối kiến thức đã học và nội dung giáo dục, sử dụng phương pháp dạy học, hình thức	2	5	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để thiết kế kế hoạch HĐTN cho học sinh (HS) tiểu học. Nội dung học phần này gồm 2 chương, trang bị cho SV về HĐTN, hoạt động giáo dục (HĐGD), một số vấn đề sáng tạo, mục tiêu HĐTN, nội dung, hình thức,… cách thiết kế kế hoạch và đánh giá HĐTN ở tiểu học, nhằm giúp SV có các cơ sở khoa học tổ chức quá trình dạy học một cách hiệu quả.			
40	Dạy học giải toán ở tiểu học	Trọng tâm của học phần này trang bị cho sinh viên đường lối chung để giải một bài toán, phương pháp dạy học sinh giải toán và các phương pháp giải toán thường dùng ở Tiểu học như: sơ đồ đoạn thẳng, tỉ số, rút về đơn vị, chia tỉ lệ, giả thiết tạm, thử chọn, biểu đồ Ven, tính ngược từ cuối và phương pháp đại số; đồng thời cũng trang bị cho sinh viên cách khai thác và thiết kế bài toán mới từ bài toán đã cho. Từ đó, hình thành cho sinh viên kĩ năng giải toán, kĩ năng thiết kế bài toán và kĩ năng dạy học giải toán ở Tiểu học, góp phần phát triển cho sinh viên năng lực dạy học toán tiểu học, năng lực sư phạm, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục học các học phần về Phương pháp dạy học toán.	2	5	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
41	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	Kiến thức học phần Phương pháp dạy học TN-XH giúp sinh viên nắm vững, hiểu biết cơ bản về năng lực dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở Tiểu học. Đồng thời, làm cơ sở cho việc tự nghiên cứu, tự rèn luyện học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên TN-XH, thực hiện tốt trong kiến tập sư phạm và thực tập tốt nghiệp để nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp. Từ đó, mà củng cố, hoàn thiện cho sinh viên về kiến thức, kỹ năng dạy học để thực hiện việc tổ chức dạy học hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Chương trình GDPT 2018 ở trường Tiểu học hiện nay.	3	5	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
42	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	Nội dung phần thứ nhất gồm 2 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức học có liên quan đến nội dung các bài đạo đức trong chương trình môn Đạo đức ở Tiểu học. Nội dung phần thứ hai gồm 5 chương, cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học. Từ vệc xác định đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, mục tiêu, đặc điểm, nội dung môn Đạo đức, đến việc vận dụng các phương pháp, sử dụng các phương tiện, kết hợp các hình thức tổ chức dạy học và phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở Tiểu học.	3	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Giáo dục hòa nhập	Vận dụng kiến thức về lí luận và phương pháp tổ chức dạy hoà nhập học sinh khuyết tật ở tiểu học; Kỹ năng tự nghiên cứu, tự khám phá tri thức của môn học; Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên đối với nhà trường và xã hội khi ra trường.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
44	Tích hợp trong dạy học ở tiểu học	Học phần Tích hợp trong dạy học ở tiểu học hình thành cho sinh viên (SV) các kỹ năng cần thiết về phân tích, tổng hợp kiến thức, kỹ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của các môn học trong Chương trình tiểu học như: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội,… nhằm giải quyết các vấn đề phức hợp trong học tập và cuộc sống có hiệu quả. Đặc biệt, SV rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch bài dạy (KHBD) theo định hướng phát triển năng lực cho các môn học. Học phần gồm 2 chương, nội dung học phần trình bày các vấn đề sau: Một vấn đề cơ bản về dạy học tích hợp (DHTH) trong chương trình tiểu học, đánh giá trong DHTH, một số phương pháp – kỹ thuật, cách thiết kế KHBD và cách tổ chức DHTH ở tiểu học.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
45	Phát triển năng lực dạy học toán tiểu học	Học phần Phát triển năng lực dạy học toán tiểu học tiếp tục trang bị cho sinh viên hiểu biết thêm, chuyên sâu hơn về năng lực dạy học toán tiểu học. Trên cơ sở những kiến thức và kĩ năng cơ bản sinh viên đã được học, học phần này tập trung phát triển cho sinh viên các thành tố của năng lực dạy học toán, cụ thể: năng lực thực hiện chương trình môn Toán, năng lực xây dựng kế hoạch dạy học toán, năng lực thực hiện kế hoạch dạy học toán và năng lực đánh giá trong dạy học toán.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
46	Ngữ dụng tiếng Việt	Nội dung học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau: khái quát về ngữ dụng học; chiếu vật, chỉ xuất và hành động ngôn từ; lập luận và hội thoại; nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn; ngữ dụng học gắn với chươpng trình Tiếng Việt tiểu học. Việc nâng cao kiến thức về ngữ dụng học sẽ giúp người học có thể sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp một cách hiệu quả. Đặc biệt, người học biết vận dụng các kiến thức trên với nội dung chương trình Tiếng Việt ở tiểu học để sau này ra trường giảng dạy có hiệu quả.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
47	Ngữ pháp tiếng Việt	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản sau: giới thiệu đại cương về ngữ pháp học; từ loại tiếng Việt; cụm từ tiếng Việt; câu tiếng Việt; ngữ pháp trong dạy học Tiếng Việt tiểu học. Việc nâng cao kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt sẽ giúp người học có thể sử dụng kiến thức ngữ pháp để nói và viết đúng. Đặc biệt,	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người học biết vận dụng các kiến thức trên với nội dung chương trình Tiếng Việt ở tiểu học để sau này ra trường giảng dạy có hiệu quả.			
48	Phong cách tiếng Việt	Học phần gồm bốn chương, nội dung khái quát như sau: cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về phong cách học; các phương tiện, biện pháp tu từ tiếng Việt; các phong cách chức năng; ngoài ra còn có phần phong cách học trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về phong cách học tiếng Việt, giúp người học có thể sử dụng ngôn ngữ đạt hiệu quả cao trong giao tiếp, đúng phong cách ngôn ngữ, giúp tiếng Việt ngày càng giàu đẹp. Đặc biệt, người học biết liên hệ các kiến thức trên với nội dung chương trình Tiếng Việt ở tiểu học để sau này ra trường giảng dạy có hiệu quả.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
49	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản sau: các đơn vị từ vựng tiếng Việt; các lớp từ phân loại theo nguồn gốc; ý nghĩa của từ; hệ thống ngữ nghĩa trong từ vựng; chữa các lỗi thông thường về dùng từ; một số vấn đề liên quan đến từ vựng – ngữ nghĩa trong trường tiểu học. Học phần trang bị chuyên sâu cho người học những kiến thức về vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt, giúp người học có thể sử dụng từ ngữ đúng và hiệu quả trong giao tiếp. Đặc biệt, người học biết vận dụng các kiến thức trên với nội dung chương trình Tiếng Việt ở tiểu học để sau này ra trường giảng dạy có hiệu quả.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
50	Ngữ âm tiếng Việt	Vận dụng được các kiến thức liên quan đến Ngữ âm tiếng Việt vào nghiên cứu và dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; Vận dụng các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình linh hội kiến thức Ngữ âm tiếng Việt; có phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực, làm việc độc lập hoặc hợp tác trong quá trình làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
51	Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc	Học phần Phương pháp dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc (tiếp nối học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt AB) gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Phương pháp chung về dạy tiếng Việt cho HSDT, (2) Dạy âm vần tiếng Việt, (3) Dạy nghe - nói tiếng Việt, (4) Dạy đọc và (5) Dạy viết cho HSDT. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về vị trí, tính chất, nhiệm vụ, chương trình, sách giáo khoa, cơ sở khoa học và các biện pháp, phương pháp, quy trình dạy học các phân môn học tiếng Việt dành cho học sinh dân tộc. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kĩ năng dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh dân tộc.	3	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Từ đó, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể dạy tốt trên đối tượng học sinh dân tộc.			
52	Phương pháp phát triển kĩ năng viết cho học sinh tiểu học	Học phần Phương pháp phát triển kĩ năng viết cho học sinh tiểu học gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Phương pháp dạy viết đúng ở tiểu học, (2) Phương pháp dạy viết chính tả ở tiểu học, (3) Phương pháp dạy viết văn bản ở tiểu học. Cũng trong học phần, người học được mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa viết chữ, chính tả, viết câu đoạn bài ở tiểu học.	3	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
53	Phương pháp phát triển kĩ năng nói-nghe cho học sinh tiểu học	Học phần Phương pháp phát triển kĩ năng nói-nghe cho học sinh tiểu học gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Phương pháp dạy nói-nghe ở tiểu học, (2) Phương pháp dạy kể chuyện ở tiểu học. Cũng trong học phần, người học được mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa nói nghe, kể chuyện ở tiểu học.	3	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
54	Phương pháp phát triển kĩ năng đọc cho học sinh tiểu học	Học phần Phương pháp phát triển kĩ năng đọc cho học sinh tiểu học là học phần chuyên sâu nghiên cứu về các nội dung dạy âm vần và đọc ở tiểu học, bao gồm những vấn đề: (1) và (2) Dạy âm vần và dạy đọc ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực, (3) Thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học và hoạt động đánh giá các bài dạy âm vần, dạy đọc ở tiểu học. Thông qua học phần, người học sẽ được nghiên cứu sâu các kiểu bài và đặc điểm của bài học âm vần trong chương trình Tiếng Việt 1, quy trình thiết kế kế hoạch và những điểm cần lưu ý khi tổ chức từng hoạt động đặc thù của dạy học vần và dạy đọc theo hướng phát triển năng lực.	3	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
55	Phương pháp dạy sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học	Học phần Phương pháp dạy sử dụng từ và câu cho học sinh tiểu học bao gồm những vấn đề cơ bản sau: Một số vấn đề chung về sử dụng từ và câu ở Tiểu học. Các kiểu bài sử dụng từ và câu trong sách giáo khoa Tiếng Việt Tiểu học và phương pháp dạy học các kiểu bài. Các dạng bài tập dùng để luyện tập thực hành và phương pháp dạy học các dạng bài bài tập. Tầm quan trọng của việc bồi dưỡng hứng và năng khiếu học tập và các biện pháp bồi dưỡng hứng và năng khiếu học tập	3	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
56	Văn học dân gian thiếu nhi	Học phần Văn học dân gian thiếu nhi được dành cho sinh viên ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học nhằm hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các khái niệm, đặc điểm và thể loại trong những sáng tác văn học của tập thể nhân dân lao động. Môn học gồm 2 chương: Chương 1: Truyện cổ dân gian: Cung cấp kiến thức về các thể loại truyện cổ dân gian Việt Nam như thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngụ ngôn, truyện cười ở các phương diện khái niệm, giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa giáo dục đối với học sinh Tiểu học. Chương 2: Thơ ca dân gian: Cung cấp kiến thức về các thể loại thơ ca dân gian như tục ngữ, câu đố, ca dao ở các phương diện khái niệm, giá trị nội dung và nghệ thuật, ý nghĩa giáo dục đối với học sinh Tiểu học. Đặc biệt, môn học chú trọng đến các tác phẩm văn học dân gian dành cho học sinh Tiểu học cũng như giá trị giáo dục thiếu nhi.			
57	Thi pháp văn học dân gian	Học phần Thi pháp văn học dân gian nhằm hướng dẫn cho sinh viên những kiến thức về thi pháp học và thi pháp một số thể loại văn học dân gian trong chương trình Tiểu học. Trọng tâm của học phần gồm hai chương: Chương 1: Một số vấn đề về thi pháp học: sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm thi pháp, thi pháp học và các bình diện nghiên cứu thi pháp học như quan niệm nghệ thuật về con người, thời gian, không gian, cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ nghệ thuật. Chương 2: Một số vấn đề dạy học văn học dân gian ở Tiểu học: sinh viên tìm hiểu đặc trưng thi pháp các thể loại văn học dân gian như truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ và phân tích những tác phẩm của các thể loại ấy từ góc nhìn thi pháp học.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
58	Văn học viết thiếu nhi	Học phần Văn học viết thiếu nhi trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi có liên quan đến chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học. Trọng tâm của học phần được giới thiệu qua 2 chương: Chương 1: Văn học thiếu nhi Việt Nam trước 1975: sinh viên được tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của các tác giả tiêu biểu như Tô Hoài, Võ Quảng, Phạm Hổ, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Huy Tưởng, Đoàn Giỏi. Chương 2: Văn học thiếu nhi Việt Nam sau 1975: sinh viên tìm hiểu một số tác giả, tác phẩm sau năm 1975 trong sách Tiếng Việt ở Tiểu học và sưu tầm các tác giả văn học thiếu nhi sau 1975 ở Đồng bằng sông Cửu Long.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
59	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học	Học phần Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh tiểu học tiếp tục trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về năng lực tư duy và lập luận toán học của học sinh tiểu học. Nội dung chính của học phần này giới thiệu khái quát về năng lực và năng lực toán học của học sinh tiểu học; cụ thể hóa những thành tố và biểu hiện của năng lực tư duy và lập luận toán học trong hoạt động học toán của học sinh; một số định hướng dạy học phát triển năng lực tư duy và lập	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luận toán học. Sinh viên được rèn luyện kĩ năng vận dụng những kiến thức này trong dạy học toán tiểu học, từ đó hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học.			
60	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học	Học phần Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh tiểu học tiếp tục trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về năng lực giao tiếp toán học của học sinh tiểu học. Nội dung chính của học phần này giới thiệu khái quát về năng lực và năng lực toán học của học sinh tiểu học; cụ thể hóa những thành tố và biểu hiện của năng lực giao tiếp toán học trong hoạt động học toán của học sinh; sự phát triển tư duy và ngôn ngữ của học sinh tiểu học; đặc điểm ngôn ngữ toán học trong sách giáo khoa Toán tiểu học; một số định hướng dạy học phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh. Những kiến thức này được phân tích cụ thể trên cơ sở nội dung môn Toán tiểu học, từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
61	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh tiểu học	Học phần Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh tiểu học tiếp tục trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về năng lực mô hình hóa toán học của học sinh tiểu học. Nội dung chính của học phần này giới thiệu khái quát về năng lực và năng lực toán học của học sinh tiểu học; cụ thể hóa những thành tố và biểu hiện của năng lực mô hình hóa toán học trong hoạt động học toán của học sinh; phân tích cụ thể quy trình dạy học hình thành năng lực mô hình hóa toán học. Những kiến thức này được phân tích cụ thể trên cơ sở nội dung môn Toán tiểu học, từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
62	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học	Học phần Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh tiểu học tiếp tục trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về năng lực giải quyết vấn đề toán học. Nội dung chính của học phần này giới thiệu khái quát về năng lực và năng lực toán học của học sinh tiểu học; cụ thể hóa những thành tố và biểu hiện của năng lực giải quyết vấn đề toán học trong hoạt động học toán của học sinh; quy trình giải quyết vấn đề toán học; một số định hướng dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh. Những kiến thức này được phân tích	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cụ thể trên cơ sở nội dung môn Toán tiểu học, từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh.			
63	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học	Học phần Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh tiểu học tiếp tục trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Nội dung chính của học phần này giới thiệu khái quát về năng lực và năng lực toán học của học sinh tiểu học; cụ thể hóa những thành tố và biểu hiện của năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán trong hoạt động học toán của học sinh; một số định hướng dạy học phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh. Những kiến thức này được phân tích cụ thể trên cơ sở nội dung môn Toán tiểu học, từ đó hình thành cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán theo hướng phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
64	Phát triển năng lực dạy học TN-XH	Nghiên cứu học phần Phát triển năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, giúp sinh viên hiểu sâu một số vấn đề chung về dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực cũng như tổ chức các hoạt động dạy học nhằm phát triển các năng lực cho học sinh. Từ đó giúp sinh viên phát triển được năng lực nghề nghiệp, năng lực dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo hướng phát triển năng lực học sinh đáp ứng được yêu cầu chương trình GDPT mới.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
65	Phát triển năng lực dạy học Khoa học	Nghiên cứu học phần Phát triển năng lực dạy học môn Khoa học, giúp sinh viên hiểu sâu một số vấn đề chung về dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh thông qua dạy học môn Khoa học, vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực cũng như tổ chức các hoạt động dạy học nhằm phát triển các năng lực cho học sinh. Từ đó giúp sinh viên phát triển được năng lực nghề nghiệp, năng lực dạy học môn Khoa học theo hướng phát triển năng lực học sinh đáp ứng được yêu cầu chương trình GDPT mới.			
66	Phát triển năng lực dạy học Lịch sử-Địa lí	Học phần Phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học là học phần tiếp nối mạch kiến thức về phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội, vận dụng kiến thức đã học của các học phần Cơ sở Tự nhiên - Xã hội, Lý luận dạy học Tự nhiên – Xã hội nhằm bồi dưỡng, phát triển cho sinh viên năng lực năng lực dạy			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học Lịch sử và Địa lí với các thành phần: nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; tìm hiểu lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học phục vụ cho việc dạy và học sau này của sinh viên; đồng thời bồi dưỡng cho sinh viên các kiến thức, năng lực, hệ thống hóa được các nhóm năng lực đặc thù trong dạy học môn Lịch sử và Địa lý.			
67	Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán tiểu học	Học phần *Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán tiểu học* tiếp tục trang bị thêm cho sinh viên những hiểu biết về cơ sở toán học của các phương pháp giải một số dạng toán tiểu học. Từ cơ sở này, sinh viên có cách nhìn tổng quát hơn về kiến thức toán học trong phương pháp giải toán tiểu học. Trọng tâm của học phần cung cấp cơ sở toán học của một số phương pháp giải toán tiểu học: phương pháp tỷ số, phương pháp rút về đơn vị, phương pháp khử, phương pháp giả thiết tạm, …là những cơ sở quan trọng để sinh viên tiếp tục học học phần *Dạy học giải toán tiểu học.*	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
68	Đại lượng và đo đại lượng trong môn Toán tiểu học	Đại lượng và đo đại lượng là môn học cho phép ta toán học hóa đời sống, thông qua cấu trúc quan hệ và cấu trúc đại số mà đại lượng, các loại đại lượng được hình thành và lượng hóa được bởi phép đo. Học phần *Đại lượng và đo đại lượng trong môn Toán tiểu học* tiếp tục trang bị thêm cho sinh viên những hiểu biết về cơ sở toán học dạy học các nội dung có liên quan đến đại lượng và đo đại lượng ở tiểu học. Từ cơ sở này, sinh viên có cách nhìn tổng quát hơn về kiến thức toán học trong toán tiểu học. Học phần này là những cơ sở quan trọng để sinh viên tiếp tục học các học phần về *phương pháp dạy học toán tiểu học.*	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
69	Cơ sở Khoa học tự nhiên nâng cao	Học phần Cơ sở khoa học Tự nhiên nâng cao trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về cơ thể thực vật, cơ thể động vật, vật chất và năng lượng, con người và sức khoẻ sau khi đã học một phần nội dung ở học phần Cơ sở TNXH. Sinh viên hiểu sâu hơn kiến thức về đặc điểm sinh lí và sinh sản của thực vật và động vật cũng như cơ thể con người. Nắm được vai trò, tính chất của sinh vật và các thành phần vô cơ trong đời sống hàng ngày, từ đó sinh viên có những năng lực cần thiết để học tập các môn thuộc PPDH tự nhiên – xã hội ở tiểu học.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
70	Cơ sở Khoa học xã hội nâng cao	Học phần gồm có 3 chương, đề cập đến những kiến thức cơ bản về xã hội, Lịch sử và Địa lý, bao gồm các lĩnh vực: gia đình, trường học, thành tựu kinh tế và hóa xã hội của địa phương; Bầu trời, Mặt Trăng và Trái đất, các hiện tượng tự nhiên trên	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trái Đất; Lịch sử và Địa lí Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Đây là môn học giúp người học nắm vững, mở rộng và vận dụng kiến thức về xã hội một cách thành thạo. Hiểu sâu sắc hơn về rõ hơn định hướng phát triển kinh tế, xã hội, giáo dục của địa phương của chúng ta, của đất nước Việt Nam. Trên cơ sở đó, có thể sử dụng vào thành thạo nguồn tư liệu vào trong học tập cũng như công tác giảng dạy sau này.			
71	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Giáo dục giới tính (GDGT) cho học sinh tiểu học có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kĩ năng giáo dục giới tính ở tiểu học cho sinh viên (SV) vận dụng kiến thức này tích hợp trong các nội dung bài dạy môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, đạo đức, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh… Học phần này nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kĩ năng cơ bản chung về giới tính như (1) Sinh lý thụ tinh và mang thai; (2) Sức khỏe sinh sản; (3) Giới và giới tính; (4) Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học; (5) Các phương pháp, hình thức tích hợp GDGT cho học sinh ở tiểu học thông qua những trò chơi học tập, thảo luận nhóm, phỏng vấn…; (6) Xử lí các tình huống trong thực tiễn liên quan đến giới tính; (7) Liên hệ các bài học liên quan đến GDGT các môn ở tiểu học. Đồng thời, học phần này giúp SV thiết kế (8) tích hợp một hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học liên quan đến nội dung bài dạy các môn ở tiểu học.	2	5	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
72	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống; Nội dung, phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong các môn học và các hoạt động khác ở tiểu học. Từ đó, làm cơ sở cho việc thiết kế và tổ chức các hoạt động để giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học; nhằm hình thành, rèn luyện và phát triển các kĩ năng cần thiết thích ứng với cuộc sống.	2	5	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
73	Giáo dục môi trường ở tiểu học	Sinh viên được tìm hiểu những nội dung cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Học phần Giáo dục môi trường cho HS tiểu học giúp SV tìm hiểu, phân tích kiến thức về môi trường, giáo dục môi trường từ đó khai thác tốt nội dung kiến thức các môn học trong chương trình, hoạt động trải nghiệm để tích hợp, lồng ghép, liên hệ giáo dục môi trường thông qua việc xây dựng kế hoạch, giáo án và triển khai, giảng dạy cho học sinh tiểu học nhằm thực hiện mục tiêu, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.	2	5	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
74	Âm nhạc và PPDH Âm nhạc	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về âm nhạc sơ giản, các phương pháp, các bước dạy học hát và cách dàn dựng bài hát cho học sinh tiểu học hát tập thể, biểu diễn văn nghệ. Đồng thời sinh viên hát tốt các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
75	Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật	Môn học trang bị một số kiến thức phổ thông và cần thiết về mỹ thuật, giúp sinh viên thực hành được các bài tập cơ bản vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng và thường thức mỹ thuật theo yêu cầu trong chương trình. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên các phương pháp, kỹ năng dạy học mỹ thuật ở tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông mới, đồng thời góp phần nâng cao nhận thức thẩm mỹ, vận dụng cái đẹp vào trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
76	Thể dục và PPDH Thể dục	Học phần giúp người học thực hiện thuần thục các kỹ thuật, động tác cơ bản trong đội hình đội ngũ và các bài thể dục tay không; nắm được phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện các bài tập thể dục cơ bản, có được năng lực vận dụng những kỹ năng thực hành sư phạm của môn thể dục ở tiểu học và tổ chức giảng dạy, có năng lực tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung của thể dục cho các đối tượng học sinh ở trường tiểu học.	2	7	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
77	Tin học-Công nghệ và phương pháp dạy học Tin học-Công nghệ ở tiểu học	Học phần Tin học – Công nghệ và Phương pháp dạy học Tin học – Công nghệ hình thành cho sinh viên (SV) một số kiến thức, thao tác kỹ thuật, quy trình thực hiện và các phương pháp gia công về các lĩnh vực như: Thủ công và kỹ thuật; Trồng hoa và cây cảnh; Công nghiệp kỹ thuật điện: cách sử dụng và thiết kế một số sản phẩm điện dân dụng, kiến thức về cơ bản về máy tính: các phần mềm ứng dụng vào các trường hợp cụ thể, giáo dục cho học sinh về đạo đức, pháp luật và các ứng xử văn hóa trong môi trường số. Học phần có 3 chương; Tin học, Công nghệ và Phương pháp dạy học (PPDH) Tin học – Công nghệ. Học phần phục vụ cho việc dạy môn Tin học – Công nghệ ở tiểu học của Chương trình giáo dục Phổ thông sau 2018.	2	7	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
78	Giáo dục STEM ở tiểu học	Giáo dục STEM là phương thức giáo dục tích hợp theo cách tiếp cận liên môn (interdisciplinary) và thông qua thực hành, ứng dụng. Giáo dục STEM đề cao đến việc hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho người học. Trong mỗi bài học theo chủ đề STEM, học sinh được đặt trước một tình huống có vấn đề thực	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiễn cần giải quyết liên quan đến các kiến thức khoa học. Để giải quyết vấn đề đó, học sinh phải tìm tòi, nghiên cứu những kiến thức thuộc các môn học có liên quan đến vấn đề (qua sách giáo khoa, học liệu, thiết bị thí nghiệm, thiết bị công nghệ) và sử dụng chúng để giải quyết vấn đề đặt ra.			
79	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	Học phần Phát triển chương trình giáo dục tiểu học hình thành tri thức và kĩ năng phát triển chương trình giáo dục tiểu học cho sinh viên (SV). Học phần trang bị nội dung cơ bản về: (1) chương trình giáo dục và chương trình môn học; (2) cơ sở khoa học và thực tiễn của việc xây dựng chương trình giáo dục và chương trình môn học; (3) cách tiếp cận, nguyên tắc, quy trình xây dựng, thiết kế và đánh giá phát triển chương trình giáo dục và chương trình môn học. Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản, SV có thể hoàn thiện biên soạn chương trình giáo dục tiểu học theo từng khối lớp, có năng lực tham gia hội đồng biên soạn, hội đồng thẩm định, tư vấn biên soạn chương trình giáo dục ở các trường tiểu học.	2	6	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
80	Rèn luyện NVSPTX0	Học phần bao gồm các nội dung sau: 1. Thực hành quy trình đánh giá, xử lý kết quả các trắc nghiệm tâm lý của học sinh tiểu học; 2. Thực hành thiết kế một số loại kế hoạch: Kế hoạch giáo dục HS, kế hoạch tổ chức buổi sinh hoạt lớp, kế hoạch tổ chức đại hội phụ huynh học sinh; 3. Thực hành tổ chức các hoạt động theo kế hoạch đã được lập. Quá trình thực hành các nghiệp vụ giúp SV bước đầu làm quen với lao động sư phạm ở trường tiểu học và tiếp tục tự rèn luyện bằng con đường tự học, tham gia các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm.	1	3	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
81	Rèn luyện NVSPTX1	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thương xuyên 1 (tiếp nối học phần Kỹ năng sử dụng tiếng Việt) có vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học cho sinh viên. Nội dung trọng tâm: rèn luyện các kỹ năng cơ bản (1) nghe – nói, (2) đọc điễn cảm, (3) viết chữ và (4) kể chuyện. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành của SV dưới sự kiểm tra, giám sát thường xuyên.	1	3	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
82	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 (tiếp nối học phần Lí luận dạy học Toán tiểu học và Dạy học toán tiểu học theo chủ đề) có vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực dạy học môn Toán ở Tiểu học cho sinh viên. Nội dung trọng tâm của học phần: rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch bài học, tổ chức các giờ dạy, thiết kế đồ dùng dạy học… các chủ đề dạy học trong chương trình	2	5	Thi kết thúc học phần (Thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn toán ở tiểu học ở các dạng bài: Hình thành kiến thức mới, Ôn tập, Luyện tập. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của SV dưới sự kiểm tra thường xuyên của giảng viên giảng dạy.			
83	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3 (tiếp nối học phần Phương pháp dạy học tiếng Việt A, B) có vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học cho sinh viên. Nội dung trọng tâm: rèn luyện kĩ năng thiết kế kế hoạch bài học, tổ chức các giờ dạy, thiết kế đồ dùng dạy học… dạy học âm vần và dạy đọc, dạy chữ viết và chính tả, dạy viết văn bản và kể chuyện, dạy luyện từ và câu ở tiểu học. Học phần chú trọng tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của SV dưới sự kiểm tra thường xuyên.	2	5	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
84	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần RLNVSPTX 4 gồm các nội dung cơ bản sau: rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch bài dạy, sử dụng các đồ dùng trong dạy học và tổ chức dạy học các bài môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí. Học phần chú trọng việc tự học, tự thực hành, tự rèn luyện và làm việc nhóm của sinh viên.	1	6	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
85	Rèn luyện NVSPTX5	Học phần RLNVSPTX5 là sự tiếp nối của học phần Hoạt động trải nghiệm ở tiểu, nhằm tạo điều kiện cho SV rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong tổ chức HĐTN cho HS tiểu học. Qua đó, SV phát huy năng lực tổ chức HĐTN và tạo nền tảng nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa nói riêng và của Trường nói chung.	1	6	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
86	Kiến tập sư phạm	Học phần Kiến tập sư phạm (KTSP) cung cấp thực tế giáo dục ở cơ sở kiến tập, trọng tâm: dự giờ tiết dạy minh họa, kiến tập tâm lí học, giáo dục học và sinh hoạt chủ nhiệm lớp. Học phần tổ chức học tập tại các trường tiểu học, giúp sinh viên (SV) bước đầu được tiếp xúc và tìm hiểu thực tế về hoạt động giáo dục ở trường tiểu học thông qua việc quan sát, ghi chép và thực hành nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, hình thành các kĩ năng, tình cảm nghề nghiệp cho SV và tạo điều kiện để SV học tốt hơn các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập tốt nghiệp trong thời gian tới.	2	5	Thi kết thúc học phần (Thực hành)
87	Thực tập tốt nghiệp	Học phần Thực tập tốt nghiệp (tiếp nối học phần Kiến tập sư phạm) cung cấp thực tế giáo dục ở tiểu học, thực tập giảng dạy, thực tập giáo dục, trọng tâm: tập soạn giáo án, tập giảng trên đối tượng học sinh, thực hiện sinh hoạt chủ nhiệm lớp và tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm. Học phần tổ chức học tập tại các trường tiểu học, giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu thực tế về hoạt động giáo dục,	8	8	Thi kết thúc học phần (Thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dạy học cho học sinh. Trên cơ sở đó, hình thành kĩ năng, tình cảm nghề nghiệp, đồng thời, học phần tạo điều kiện để sinh viên công tác tốt sau khi ra trường.			
88	Phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học	Nội dung chính của học phần *Phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học* khái quát một số vấn đề về năng lực và năng lực toán học của học sinh tiểu học; cụ thể hóa những thành tố và biểu hiện của năng lực toán học trong hoạt động học toán của học sinh; các cơ hội hình thành và phát triển năng lực toán học cho học sinh trong dạy học các chủ đề; cách phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học các chủ đề về số và phép tính, hình học và đo lường, yếu tố thống kê và xác suất. Những kiến thức này được phân tích cụ thể trên cơ sở nội dung các chủ đề của môn Toán tiểu học, từ đó hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học các chủ đề về số và phép tính, hình học và đo lường, thống kê và xác suất theo hướng phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học.	3	8	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
89	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	Học phần Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học giới thiệu một số vấn đề lí thuyết về năng lực, phát triển năng lực, dạy học tiếp cận năng lực, phương pháp tổ chức dạy học phát triển năng lực, kiểm tra đánh giá trong giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu quy trình tổ chức dạy học một số chủ đề, cụ thể hoá việc vận dụng tiếp cận phát triển năng lực học sinh trong lựa chọn, triển khai phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh. Từ những kiến thức và kĩ năng cơ bản trên, SV có thể dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học sau khi tốt nghiệp và học tập ở trình độ cao hơn.	2	8	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
90	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi toán tiểu học	Nội dung chính của học phần *Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi toán tiểu học* trang bị các kiến thức về vị trí, vai trò của việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học; các dấu hiệu nhận biết học sinh giỏi Toán ở tiểu học; các phương pháp phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi toán tiểu học; các biện pháp bồi dưỡng học sinh giỏi toán qua khai thác các dạng bài toán tiểu học. Học phần này góp phần hình thành và phát triển năng lực dạy học toán giúp sinh viên thực hiện tốt hoạt động dạy học bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở trường tiểu học	2	8	Thi kết thúc học phần (Tự luận)
91	Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt tiểu học	Học phần *Phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt tiểu học* là học phần nối tiếp sau hai học phần *Phương pháp dạy học Tiếng Việt A-B*. Học phần gồm ba chương và được trình bày các nội dung cơ bản: (1) Một số vấn đề về bồi dưỡng	2	8	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học sinh giỏi tiếng Việt, (2) Một số vấn đề về bồi dưỡng, phụ đạo HS chưa hoàn thành môn Tiếng Việt, (3) Lập kế hoạch, thiết kế công cụ bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS chưa hoàn thành. Học phần giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của việc bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt và phụ đạo cho HS chưa hoàn thành, trang bị cho người học các phương pháp nhận diện, phát hiện học sinh có năng khiếu tiếng Việt và HS chưa hoàn thành tiếng Việt, phương pháp bồi dưỡng HS giỏi và các biện pháp phụ đạo HS chưa hoàn thành, giúp người học được rèn luyện các kĩ năng lập kế hoạch và thiết kế công cụ bồi dưỡng HS gỏi, phụ đạo HS chưa hoàn thành, vận dụng vào thực tế dạy học Tiếng Việt khi ra trường.			
92	Một số vấn đề về ngôn bản và dạy học hội thoại ở tiểu học	Học phần Một số vấn đề về ngôn bản và dạy học hội thoại ở Tiểu học tiếp tục hệ thống hóa và trang bị thêm cho sinh viên những hiểu biết về Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học. Trọng tâm gồm có 4 chương: (1) Ngôn bản và các nhân tố của ngữ cảnh; (2) Hội thoại và quy tắc của hội thoại; (3) Nội dung dạy hội thoại trong sách giáo khoa môn Tiếng Việt ở tiểu học; (4) Tình huống giao tiếp và các kiểu bài tập dạy hội thoại trong môn Tiếng Việt ở tiểu học; (5) Phương pháp dạy hội thoại ở tiểu học. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên năng lực để dạy tốt hội thoại cho học sinh tiểu học.	3	8	Thi kết thúc học phần (Tự luận)

10. Ngành Giáo dục Chính trị (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.	3	HK 1	0.5 0.5 Vấn đáp
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A2 đến B1 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam.	2	HK 2	0.5 0.5 Vấn đáp
3	Đường lối quốc phòng và an ninh	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân	3	HK 1	0.5 0.5 Trắc nghiệm khách quan

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	của Đảng Cộng sản Việt Nam	dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.			
4	Công tác quốc phòng và an ninh	Sinh viên nắm vững những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: phòng chống, đánh bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Trang bị những kiến thức cơ bản góp phần phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; về trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Đây là tổng thể các hoạt động hướng đến mục tiêu chuẩn bị con người tham gia và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững chủ quyền và an ninh đất nước, bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa.	2	HK 2	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
5	Quân sự chung	Sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản liên quan đến Điều lệnh quản lý bộ đội như: chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết về các quân binh chủng trong quân đội, đồng thời nắm vững nội dung kỹ năng quân sự cần thiết. Qua đó, hình thành và nâng cao phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm của bản thân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	HK 3	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Sinh viên phải thực hiện được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và các tư thế ném lựu đạn.	4	HK 4	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
7	Giáo dục thể chất 1	- Môn học trang bị cho sinh viên khái quát chung về nội dung Thể dục cơ bản, thực hiện được các tư thế cơ bản trong đội hình đội ngũ; - Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của nội dung chạy ngắn, chạy trung bình và một số bài tập phát triển thể lực chung; - Trên cơ sở đó, sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn về thể lực, giúp sinh viên có kiến thức tốt về việc rèn luyện sức khỏe cho bản thân nhằm phục vụ cho việc học tập sau này.	1	HK 1	0.5 0.5 Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Bơi	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn Bơi, những hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của viêc tập luyện môn Bơi, các bài tập phát triển thể lực, cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khoẻ và đề phòng chống tai nạn trong môi trường nước.	1	HK 1	0.5 0.5 Thực hành
9	Bóng đá	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện kỹ thuật, trên cơ sở đó người học vận dụng để tập luyện nhằm năng cao sức khỏe và trình độ tập luyện của cá nhân.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
10	Bóng chuyền	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền, về các kỹ thuật cơ bản, thi đấu bóng chuyền, trên cơ sở đó người học tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân. Giảng viên dạy nội dung lý thuyết lồng ghép những buổi thực hành trên sân.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
11	Cầu lông	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc của môn Cầu lông, một số điều luật cơ bản. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được các kỹ thuật cơ bản như: Các TTCB, các bước di chuyển, các kỹ thuật đánh cầu, các kỹ thuật giao cầu, chiến thuật thi đấu đôi. Biết vận dụng một số điều luật vào việc thi đấu và bắt trọng tài.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
12	Võ thuật Vovinam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Vovinam, các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, cũng như tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
13	Võ thuật Karatedo	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo: + Lịch sử phát triển môn võ Karatedo, ý nghĩa chào kính trong môn võ. + Các bài quyền cơ bản (KATA) + Kỹ thuật tay, chân, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu (KUMITE) và có khả năng tự vệ trong cuộc sống.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
14	Cờ vua	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
15	Bóng bàn	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Bóng bàn trên thế giới và ở Việt Nam, luật và phương pháp trọng tài. Giúp sinh viên năm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như: Cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật líp bóng, kỹ thuật gò bóng, kỹ thuật giao bóng. .			
16	Bóng ném	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, luật chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng ném, giúp sinh viên có kiến thức và yêu thích môn bóng ném.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
17	Bóng rổ	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật bóng rổ, luật và cách chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng rổ, giúp sinh viên có kiến thức và khơi dạy niềm đam mê thể thao cho các bạn.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
18	Quần vợt	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những kỹ thuật động tác cơ bản như: Cách cầm vợt và các bài tập cảm giác bóng, đánh bóng xoáy lên bên phải, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 1 tay, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 2 tay, kỹ thuật giao bóng. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng - kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được cách thức tổ chức và bắt trọng tài môn quần vợt.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
19	Nhập môn nghề nghiệp	Giúp sinh viên biết về lịch sử, vị thế của trường, khoa; hiểu về ngành học, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo. Bên cạnh sinh viên sẽ thao tác, chuẩn xác các quy chế liên quan trong quá trình học tập, thành thạo các quy trình quản lý đào tạo cũng như tiếp cận, đánh giá trong quá trình học tập và tính cách hóa ngành nghề đang theo học.	1	HK 1	0.5 0.5 Bài thu hoạch
20	Triết học Mác - Lênin	Phân tích kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin; vận dụng giải quyết được một số vấn đề khoa học và thực tiễn; tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 120
21	Pháp luật Việt Nam đại cương	Người học có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật phù hợp để tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.	2	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 60
22	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó, hình thành tư duy lý luận, kỹ năng phân tích,	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar.			
23	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hiểu và phân tích một cách khoa học và có hệ thống nội dung cơ bản của tư tưởng HCM. Từ đó có thể vận dụng vào trong nghiên cứu những vấn đề mang tính thực tiễn mà Đảng cộng sản Việt Nam đã thực thi trong chủ trương, đường lối xây dựng CNXH. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng HCM đối với SV; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 120
25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vận dụng những kinh nghiệm, bài học quý báu của Đảng vào trong thực tiễn học tập, nghiên hoạt động nghề nghiệp.	2	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90
26	Kinh tế học đại cương	Giúp sinh viên hiểu biết các nguyên tắc kinh tế cốt lõi để giải thích lý do tại sao từng cá nhân, công ty và chính phủ ra quyết định, và làm thế nào tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có để có quyết định tốt hơn. Sinh viên có thể vận dụng những lý thuyết này để hiểu hoặc bình luận các quyết định của chính phủ, ngân hàng nhà nước trong nỗ lực kiềm chế lạm phát, hay sự tác động của việc cắt giảm thuế hoặc trợ cấp của chính phủ đến nền kinh tế.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
27	Phương pháp tư duy	Môn học này cung cấp các phương pháp tư duy sáng tạo kèm theo nhiều minh họa thực tiễn để người học có thể nắm bắt và vận dụng.	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
28	Môi trường và con người	Giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về môi trường; mối quan hệ giữa con người – môi trường – phát triển. Biết vận dụng những kiến thức cơ bản về môi trường để đánh giá, nhận xét những vấn đề liên quan đến môi trường, đặc biệt ở địa phương	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Xã hội học đại cương	Hiểu nguồn gốc ra đời và phát triển của xã hội học; Giải thích sự cố kết của nhóm xã hội, định chế xã hội, những hành vi lệch lạc xã hội, các phong trào xã hội và sự biến chuyển xã hội qua thời gian. Phân tích các vấn đề về văn hoá và xã hội, quá trình xã hội hoá, sự phân tầng, sự di động trong xã hội hiện nay, các quy luật xã hội, các vấn đề xã hội nảy sinh trong cuộc sống nhằm đề xuất các giải pháp xây dựng và củng cố xã hội. Có nhận thức đúng đắn về các vấn đề xã hội và bảo vệ chính kiến cá nhân về các vấn đề xã hội đang tồn tại, thể hiện sự công bằng và tính đa dạng trong môi trường xã hội.	2	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
30	Nhập môn khoa học giao tiếp	Sinh viên hiểu, phân tích, đánh giá được những kiến thức cơ bản của khoa học giao tiếp và hình thành được hệ thống kỹ năng giao tiếp tương ứng với các mức độ khác nhau. Từ đó, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức, kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập, vào thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
31	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương giúp sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học đại cương sẽ làm cơ sở giúp sinh viên học các học phần Tâm lý học tiểu học, Tâm lý học mầm non hoặc Tâm lý học trung học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và các lĩnh vực khác trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
32	Giáo dục học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên (SV) kiến thức về những vấn đề chung của giáo dục học (GDH), về nghề sư phạm. Kiến thức từ môn học giúp SV có khả năng giải thích, nhận xét ưu điểm và hạn chế của quá trình giáo dục (QTGD) trong thực tiễn; đồng thời có những đề xuất, định hướng hành động khả thi, hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục (GD).	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60
33	Tâm lý học trung học	Học phần Tâm lý học trung học giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng tâm lý của học sinh theo cơ sở khoa học, biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, giáo dục và rèn luyện nhân cách của bản thân. Trọng tâm của học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện;	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học trung học sẽ làm cơ sở tiếp thu kiến thức từ các học phần khác trong chương trình đào tạo.			
34	Giáo dục học trung học	HP Giáo dục học trung học là sự tiếp nối của HP Giáo dục học đại cương, HP giúp SV biết, hiểu các kiến thức cơ bản về quá trình dạy học/giáo dục (DH/GD) ở trường trung học: Khái niệm, bản chất, động lực, logic, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả. Qua đó, SV bước đầu hình thành khả năng lựa chọn/xác định được phương pháp DH/GD, hình thức tổ chức DH/GD phù hợp với mục tiêu DH/GD; xử lý tình huống GD; xác định những điều nên làm hoặc không nên làm phù hợp với các nguyên tắc DH/GD. Bên cạnh đó, SV được rèn luyện các kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. Từ nền tảng kiến thức, kỹ năng của HP, SV có cơ sở tự học, tự nghiên cứu để thực hiện quá trình DH/GD mang tính khoa học, nghệ thuật.	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60
35	Quản lý HCNN và QL ngành GD	- Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non. Biết được những đặc điểm cơ bản về giáo dục – đào tạo vùng ĐBSCL và chính sách phát triển GD đối với vùng này ; – Sinh viên xác định được những tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn người giáo viên, các văn bản của Nhà nước về quản lý giáo dục. Đồng thời biết được kỹ thuật và soạn thảo các văn bản hành chính ; Kiến thức từ học phần giúp sinh viên có ý thức thái độ động cơ tốt trong việc trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển giáo dục con người trong nghề nghiệp tương lai.	2	HK 2	0.5 0.5 Trắc nghiệm
36	Lịch sử Triết học	Phân tích kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển của các trường phái, trào lưu triết học; so sánh, đánh giá những đóng góp và hạn chế của các trường phái triết học, trào lưu triết học trong lịch sử.	3	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
37	Hiến pháp và định chế chính trị	Hiểu phân tích được những kiến thức cơ bản về lý luận chung về Hiến pháp và các chế định trong Luật Hiến pháp và cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam.	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Người học hiểu được các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục chính trị, biết thiết kế đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện và trình bày một nghiên cứu khoa học.	3	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
39	Logic hình thức	Học phần trang bị cho sinh viên tri thức đại cương về logic học, qua đó xây dựng phương pháp nghiên cứu khoa học và tạo cơ sở cho việc tiếp cận, nghiên cứu các khoa học khác. Cung cấp một số tình huống, đặc biệt là các tình huống liên quan đến chuyên ngành Triết học và một số tình huống đời thường để sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn một cách hiệu quả.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
40	Chính trị học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về những hiện tượng, biểu hiện, bản chất, có tính quy luật của đời sống chính trị; đồng thời, đi sâu vào những vấn đề cơ bản của chính trị học, như khái luận về Chính trị học; quyền lực chính trị trong xã hội hiện đại; văn hóa chính trị; hệ thống chính trị; mối liên hệ giữa chính trị và kinh tế; các xu hướng chính trị đương đại..	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
41	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp sinh viên hiểu một cách có hệ thống sự ra đời, phát sinh và phát triển có hệ thống lịch sử các học thuyết kinh tế qua các thời kỳ, từ các học thuyết cổ đại đến trung đại và hiện đại. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào việc nghiên cứu các môn kinh tế ngành và hiểu sâu hơn về Những nguyên lý kinh tế của CHủ nghĩa Mác - Lênin. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của học phần để phân tích về mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay và đường lối phát triển kinh tế của Đảng ta.	2	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 60
42	Mỹ học đại cương	Học phần *Mỹ học đại cương* nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng của mỹ học, về mối quan hệ thẩm mỹ, về chủ thể và khách thể thẩm mỹ, những vấn đề chung về nghệ thuật và người nghệ sĩ, vấn đề giáo dục thẩm mỹ cho sinh viên, học sinh. Học phần *Mỹ học đại cương* giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thu thập tài liệu, phân tích, tổng hợp vấn đề. Học phần *Mỹ học đại cương* giúp sinh viên biết thưởng thức và yêu mến cái đẹp, phê phán cái xấu, ngưỡng mộ trước cái cao cả và biết đồng cảm với cái bi.	2	HK 4	0.4 0.6 Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Đạo đức học	Cung cấp cho sinh viên tri thức đạo đức học thông qua các lý thuyết đạo đức, các chuẩn tắc đạo đức, các lĩnh vực ứng dụng đạo đức học, liên hệ những phẩm chất đạo đức của người Việt Nam cùng nội dung và hình thức giáo dục đạo đức.	3	HK 5	0.5 0.5 Tự luận 90
44	Tiếng Việt thực hành	Biết vận dụng những kiến thức đã học về ngôn ngữ tiếng Việt để lí giải, phân tích, chỉ ra cái hay, cái đúng trong cách dùng từ, đặt câu, chữa lỗi chính tả, tạo lập và tiếp nhận văn bản; từ đó hướng tới việc trau dồi, rèn luyện kĩ năng nói và viết tiếng Việt trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
45	Lịch sử các học thuyết chính trị	.Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển của các học thuyết chính trị trên thế giới từ thời kỳ cổ đại đến hiện đại. Đồng thời đánh giá sự ra đời và phát triển trong mỗi thời kỳ lịch sử cũng như đánh giá sự tiến bộ trong nhận thức của nhân loại về sự tổ chức và quản lý xã hội.	2	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90
46	Tôn giáo học	Giúp người học hiểu biết những kiến thức cơ bản tôn giáo học qua việc phân tích đối tượng và phương pháp nghiên cứu tôn giáo học; Một số vấn đề lý luận chung về tôn giáo; Một số tôn giáo thế giới; Một số tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay. Có thể vận dụng các kiến thức đã học vào nhận thức, giải quyết được một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn hoạt động tôn giáo ở Việt Nam phục vụ hoạt động nghề nghiệp.	2	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
47	Văn hóa học đại cương	Phân tích được bản chất, cấu trúc, chức năng của văn hóa và quy luật vận động và phát triển của văn hóa trong quá trình phát triển xã hội.	2	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
48	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị	Vận dụng những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị trong hoạt động chuyên môn của bản thân**.**	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
49	Pháp luật thực định		3	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
50	Một số tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.Lênin	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học qua một số tác phẩm tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin vào hoạt động nghề nghiệp.	3	HK 5	0.4 0.6 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Xây dựng và phát triển chương trình	Vận dụng những kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong xây dựng và phát triển chương trình vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.	2	HK 5	0.4 0.6 Tự luận 90
52	Giáo dục gia đình	- Với những hiểu biết về môn học, SV xác định được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với việc xây dựng gia đình và GDGĐ, giáo dục giới tính, trách nhiệm của gia đình đối với nhà trường và xã hội. - Là cơ sở để vận dụng nghiên cứu phục vụ cho giảng dạy và công tác liên quan.	2	HK 5	0.4 0.6 Tự luận 90
53	Phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân	Sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan đến đặc thù phương pháp giảng dạy môn Giáo dục công dân. Từ đó, có khả năng vận dụng và sáng tạo trong việc thiết kế, giảng dạy các bài trong chương trình môn Giáo dục công dân năm 2018 theo định hướng phát triển năng lực người học..	2	HK 5	0.4 0.6 Tự luận 90
54	Phương pháp giảng dạy môn Giáo dục kính tế và pháp luật	Sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan đến đặc thù của phương pháp giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật. Từ đó, có khả năng vận dụng và sáng tạo trong việc thiết kế, giảng dạy các bài trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật năm 2018 theo định hướng phát triển năng lực người học.	2	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90
55	Chuyên đề giáo dục pháp luật	Hiểu, phân tích và vận dụng được các kiến thức về: phương pháp giáo dục pháp luật, phương pháp tiếp cận, cách thức khai thác các lĩnh vực pháp luật mới, tổ chức thực hiện hiệu quả các hình thức PBGDPL trong hoạt động nghề nghiệp.	2	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90
56	Chuyên đề triết học	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên sâu về một số chuyên đề của triết học, triết học Việt Nam vào phân tích, lý giải các vấn đề thực tiễn đặt ra và vận dụng vào nghề nghiệp của bản thân.	3	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
57	Chuyên đề Kinh tế chính trị	Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin; vận dụng giải quyết được một số vấn đề khoa học và thực tiễn vào phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
58	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	Phân tích kiến thức chuyên sâu về tư tưởng HCM. Từ đó, đánh giá được giá trị tư tưởng HCM trong thực tiễn cách mạng của dân tộc Việt Nam và việc vận dụng nội dung tư tưởng của HCM vào các vấn đề kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa và xã hội. Từ đó, càng vững tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách và pháp luật Nhà nước.	3	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
59	Chuyên đề Chủ nghãi xã hội khoa học	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và một số vấn đề lí luận cơ bản về thời đại ngày nay để xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước đặc biệt là xem xét trật tự thế giới ngày nay.	2	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
60	Chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Phân tích có hệ thống kiến thức về sự hình thành, hoàn thiện đường lối Cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân đến Cách mạng XHCN và quá trình đổi mới tư duy, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Nắm vững và biết vận dụng những bài học kinh nghiệm được Đảng tổng kết và rút ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ.	2	HK 7	0.4 0.6 Tự luận 90
61	Chuyên đề giáo dục kinh tế	Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức được học để phân tích, giải thích, đánh giá được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế như tăng trưởng và phát triển kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, ngân sách nhà nước, chính sách thuế, sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh, tín dụng và các hình thức tín dụng, đạo đức, văn hóa trong sản xuất kinh doanh.	2	HK 7	0.4 0.6 Tự luận 90
62	Xây dựng Đảng	Phân tích được kiến thức cơ bản về lý luận công tác xây dựng Đảng với tư cách là một môn khoa học, lý thuyết về phương thức lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng trong các lĩnh vực đời sống xã hội và vận dụng vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng.	2	HK 7	0.4 0.6 Tự luận 90
63	Giáo dục kỷ năng sóng	Sinh viên – học viên hiểu, phân tích, đánh giá được những kiến thức cơ bản về quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học. Từ đó, sinh viên – học viên vận dụng những kiến thức của bản thân để tiến hành hoạt động giáo dục kỹ năng sống đạt hiệu quả cao.	2	HK 7	0.4 0.6 Tự luận 90
64	Ứng dụng công nghệ thông tin	Học xong học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, sinh viên sử dụng được kiến thức cơ bản công nghệ thông tin để biên soạn giáo án, thiết kế các trò chơi học tập, bài thi, bài kiểm tra, giảng dạy và nghiên cứu trong chuyên ngành.	2	HK 7	0.5 0.5 Thị thực hành
65	Kiểm tra, đánh giá theo năng lực người học	Trên cơ sở hiểu những vấn đề lý luận liên quan đến kiểm tra, đánh giá. Sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn giảng dạy để thiết kế đề kiểm tra, đánh giá trong chương trình môn Giáo dục công dân năm 2018.	2	HK 7	0.4 0.6 Thi thực hành
66	Dân tộc học và chính sách dân tộc	Hiểu những vấn đề chung của dân tộc học như: Khái niệm, đối tượng, phương pháp, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của dân tộc học; tộc người, quan hệ tộc người; các tộc người ở Việt Nam.	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nắm vững những kiến thức về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc.			
67	Giáo dục giá trị	Phân tích và vận dụng những kiến thức cơ bản về giá trị, định hướng giá trị và giáo dục giá trị, hệ giá trị và hệ giá trị Việt Nam, giáo dục giá trị ở Việt Nam vào hoạt động nghề nghiệp.	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
68	Giáo dục quyền con người	Hiểu, phân tích, vận dụng những kiến thức cơ bản về quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật quốc gia vào giáo dục quyền con người ở Việt Nam hiện nay theo cam kết.	2	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90
69	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	Thông qua học phần, trang bị chi sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của tư tưởng Việt Nam từ buổi đầu dựng nước đến nửa đầu thế kỷ XX; hiểu được những tư tưởng cơ bản nhất về thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt; đồng thời nắm được các tư tưởng về tư tưởng chính trị - xã hội, đường lối trị nước, về chuẩn mực đạo đức của con người. Đồng thời, sinh viên phân tích được những giá trị và hạn chế trong tư tưởng của người Việt để từ đó có thể ứng dụng trong việc nghiên cứu và giải thích các vấn đề chính trị - xã hội hiện nay ở Việt Nam.	2	HK 7	0.5 0.5 Tự luận
70	Lôgic biện chứng	Trang bị kiến thức về các hình thức và quy luật của tư duy biện chứng, các nguyên tắc và phương pháp của logic biện chứng, hiểu sâu sắc hơn các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phép biện chứng và nhận thức biện chứng.	2	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
71	Một số vấn đề giáo dục công dân toàn cầu	Môn học này cung cấp những nhận thức, kỹ năng tư duy, kỹ năng xã hội giúp cá nhân thích nghi trong một ngôi làng toàn cầu chung.	2	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
72	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	4.1. Thao tác kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức HĐTN, HN. 4.2. Thao tác kỹ năng đánh giá kết quả HĐTN, HN. 4.3. Thao tác kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu. 4.4. Tích cực trong tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch
73	Công tác Đảng và đoàn thể	Hiểu biết kiến thức và thực hiện được những kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về công tác Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.			
74	Thực tế chính trị - xã hội	Học phần bao gồm những kiến thức tổng quan qua tiếp cận các di tích lịch sử, cách mạng, văn hóa của dân tộc.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch
75	Rèn luyện NVSPTX I	Sinh viên hiểu về phương pháp thực hiện các kỹ năng đọc, viết, nói của giáo viên ở các trường phổ thông. Từ đó, có thể tổ chức thực hành các kỹ năng đọc, viết, nói liên quan đến môn học giảng dạy ở trường phổ thông	2	HK 3	0.5 0.5 Thi thực hành
76	Rèn luyện NVSPTX II	Vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để thao tác tiết dạy môn GDKT & PL lớp 10. Thao tác tìm kiếm, khai thác và sử dựng các nguồn tư liệu để vận dụng vào tiết dạy, giáo án. Thành thạo trong phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Nâng cao ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.	2	HK 4	0.5 0.5 Thi thực hành
77	Rèn luyện NVSPTX III	Vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để thao tác tiết dạy môn GDKT & PL lớp 11, 12. Thao tác tìm kiếm, khai thác và sử dựng các nguồn tư liệu để vận dụng vào tiết dạy, giáo án. Thành thạo trong phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Nâng cao ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.	2	HK 5	0.5 0.5 Thi thực hành
78	Kiến tập sư phạm	Sinh viên tập làm quen với việc giảng dạy, công tác tại trường phổ thông	2	HK 6	Trường phổ + giảng viên hướng dẫn
79	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên được thực hành giảng dạy, chủ nhiệm tại trường phổ thông	8	HK 8	Trường phổ + giảng viên hướng dẫn

11. Ngành Giáo dục Thể chất (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**32**		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
I. Ngoại ngữ			**5**		
1	Tiếng Anh 1		3	2	
2	Tiếng Anh 2		2	3	
II. Giáo dục quốc phòng			**11**		
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	1	
2	Công tác quốc phòng, an ninh		2	2	
3	Quân sự chung		2	3	
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	4	
IV. Đại cương chung			**16**		
4.1. Đại cương chung bắt buộc			**14**		
1	Triết học Mác - Lênin		3	1	
2	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về Trường, về Khoa đào tạo, về ngành giáo dục thể chất đang theo học; nắm rõ chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; hiểu và thực hiện quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học, các phương pháp học tập và kỹ năng cơ bản của sinh viên. Qua đó, hình thành niềm say mê, lòng tâm huyết, niềm tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	1	- Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm), trọng số 40% - Kiểm tra cuối kỳ (viết thu hoạch), trọng số 60%
3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		2	2	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương		2	3	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	4	
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	4	
4.2. Đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 2 tín chỉ)			**2**		
1	Mỹ học đại cương		2	1	
2	Tiếng việt thực hành		2	1	
3	Lôgic học đại cương		2	2	
4	Nhập môn toán cao cấp		2	2	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		**.**	**108**		
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành		**.**	**13**		
1	Tâm lý học đại cương		2	1	
2	Giáo dục học đại cương		2	1	
3	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm		2	1	
4	Giáo dục học trung học		2	2	
5	Tâm lý học trung học		2	2	
6	Quản lý HCNN và QL ngành GD		2	6	
7	Thực hành công tác Đoàn		1	7	
II. Kiến thức cơ sở ngành		**.**	**20**		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		**.**	**16**		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lý luận - Phương pháp TDTT	Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững những khái niệm cơ bản về TDTT và mối liên hệ giữa Lý luận phương pháp TDTT với các môm khoa học khác. Nắm vững các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp TDTT thông qua các văn bản, thông tư về công tác TDTT trong giai đoạn hiện nay. Xác định đúng mục đích và nhiệm vụ của giáo dục TDTT nói chung và trong trường học nói riêng. Nắm vững và vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc và các phương pháp giảng dạy TDTT, vận dụng các hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp với đối tượng và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường nhằm nâng cao sức khỏe cho người học và phát triển các tố chất vận động phù hợp với giới tính, lứa tuổi và đặc điểm tâm sinh lý của người học.	2	4	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. - Đánh giá tự học, tự nghiên cứu - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Chương 4-5-6
2	Lý luận TDTT trong trường học	Học phần trang bị cho sinh viên xác định đúng về mục đích và nhiệm vụ của giáo dục thể chất và nội dung chương trình giảng dạy môn GDTC trong trường phổ thông (các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp TDTT thông qua các văn bản, thông tư về công tác TDTT trong giai đoạn hiện nay) . Vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc, phương pháp giảng dạy TDTT và các hình thức tổ chức dạy học để biên soạn giáo án giảng dạy cho phù hợp, tổ chức huấn luyện và vận dụng các hình thức hoạt động ngoại khóa để phát triển các tố chất vận động, nâng cao sức khỏe cho phù hợp với người học (giới tính, lứa tuổi và đặc điểm tâm sinh lý….) và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.	2	5	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. - Đánh giá tự học, tự nghiên cứu - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Chương 1-2-4
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao như: Cơ sở lý luận chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; Các phương pháp nghiên cứu trong Thể dục thể thao; Tiến trình nghiên cứu một đề tài khoa học; Các kỹ năng cần thiết để xây dựng đề cương, vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu.	2	5	- Có giáo trình môn học; Tham dự đầy đủ các buổi học (10%). - Kiểm tra tự luận về kỹ năng chọn đề tài, sử dụng phương pháp để nghiên cứu (30%). - Kiểm tra tự luận về

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					kỹ năng chọn đề tài, sử dụng phương pháp để nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu (60%).
4	Sinh lý học thể dục thể thao	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sinh lí học trong trong hoạt động TDTT: Những ảnh hưởng và biến đổi của các chức năng trong cơ thể trong quá trình tập luyện; Cơ sở sinh lý của các tố chất thể lực và các bài tập thể thao. Áp dụng có hiệu quả trong công tác giảng dạy và huấn luyện thể thao.	2	6	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. (10%) - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Chương 1, 2 (30%) - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: (60%) **Tiến hành 1 trong 2 phương thức sau:** + Thi tự luận về kiến thức, kỹ năng của môn học. + Viết bài kiểm tra tổng kết (KTHP) về kiến thức, kỹ năng của môn học.
5	Đo lường, thống kê học trong TDTT	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đo lường và thống kê học trong TDTT; Thuần thục về phương pháp thu thập thông tin và xử lí số liệu về những dấu hiệu trong hoạt động thể dục thể thao; Áp dụng có hiệu quả trong công tác nghiên cứu khoa học TDTT.	2	6	- Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. (10%) - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Bài tập kiểm tra tự luận về kỹ năng xử lí và trình bày số liệu. (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: (60%) **Tiến hành 1 trong 2 phương thức sau:** + Thi tự luận về kiến thức, kỹ năng của môn học. + Viết bài kiểm tra tổng kết (KTHP) về kiến thức, kỹ năng của môn học.
6	Ứng dụng CNTT trong dạy học	Học phần này giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các thực hiện một giáo án điện tử giảng dạy môn thể dục, tự tạo những đoạn video clip về lĩnh vực thể thao, các kỹ thuật động tác, biên soạn bài giảng điện tử phục vụ cho công tác giảng dạy, đồng thời hướng dẫn người học các kỹ năng sử dụng Internet và tìm kiếm dữ liệu trên Internet.	2	6	- Kiểm tra giữa kỳ (thiết kế đoạn video), trọng số 40% - Kiểm tra kết thúc môn (thiết kế giáo án chuyên ngành), trọng số 60%
7	Y học Thể dục thể thao	1. Môn học này nhằm trang bị những kiến thức về Y sinh học thể dục thể thao để nghiên cứu và hoàn thiện quá trình giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khoẻ và thành tích thể thao. 2. Trên cơ sở hiểu biết, các giáo viên thể dục thể thao và huấn luyện viên sẽ vận dụng những kiến thức cơ bản của môn y học thể dục thể thao để thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ và đánh giá lượng vận động của vận động viên qua các bài tập, buổi tập, chu kỳ tập… đồng thời sử dụng các phương pháp hồi phục sức khoẻ cho các vận động viên để nâng cao trình độ tập luyện và thành tích thể thao. 3. Sinh viên có thể kiểm tra và đánh giá hình thái, chức năng hệ cơ quan của cơ thể người trong quá trình hoạt động thể thể lực; Nhận biết được nguyên nhân chấn thương, các trạng thái bệnh lý	2	6	1. Kiểm tra giữa kỳ: Tiểu luận/Bài tập: Chương 1,2. 2. Thi kết thúc học phần: Thi tự luận, thời gian 90 phút: chương 3,4,5. 3. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 10% số tiết qui định (nếu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thường gặp trong tập luyện và thi đấu thể thao, từ đó biết được những biện pháp sơ cấp cứu ban đầu khi gặp phải. 4. Ứng dụng trong công tác tuyển chọn, đào tạo tài năng thể thao trẻ của các môn thể thao.			vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
8	Tâm lý học Thể dục thể thao	Tâm lý học Thể dục Thể thao còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: - Những vấn đề chung của tâm lý học thể dục thể thao; - Đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao và cơ sở tâm lý học của quá trình giảng dạy kỹ thuật – đào tạo VĐV thể thao; - Ngoài ra còn trang bị những kiến thức về kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn nhằm giúp cho người học vận dụng các kiến thức trong học phần vào hoạt động sư phạm trong tương lai và các phẩm chất nghề nghiệp thuộc lĩnh vực thể thao.	2	7	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%) - Tham gia học đầy đủ 30 tiết, nghỉ không quá 20 % số tiết của môn học. - Chủ động, tích cực phát biểu ý kiến. 2. KT: Kiểm tra thường kì: Thực hiện 1 hoặc 2 bài kiểm tra. (30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần - Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 4 TC)		**.**	**4**		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Vệ sinh học đường	1. Tìm hiểu vai trò dinh dưỡng của các vitamin, axit amin, axit béo cần thiết cũng như mối liên quan giữa chế độ ăn với các hoạt động thể thao và các căn bệnh mạn tính. Những hiểu biết về dinh dưỡng là điều không thể thiếu được đối với những sinh viên chuyên ngành thể thao, cán bộ , giáo viên, huấn luyện viên và các vận động viên thể thao cũng như những người tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, kéo dài tuổi thọ cho vận động viên. 2. Thông qua việc ăn uống, con người nhận được chất dinh dưỡng là một nhu cầu sinh học cơ bản của con người. Ăn uống cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết giúp con người duy trì sự sống và sinh trưởng. Vì vậy, cần có một chế độ ăn uống hợp lí, đủ về chất lượng, phù hợp với lứa tuổi, với thể trạng, hoạt động nghề nghiệp… nhằm đảm bảo tốt cho sức khỏe. Bên cạnh đó, môn học góp phần hình thành thói quen thường xuyên tập luyện TDTT một cách khoa học và hệ thống. Biết tự nâng cao sức khỏe, tránh những ảnh hưởng xấu tác động từ môi trường bên ngoài.	2	4	1. Kiểm tra giữa kỳ: Tiểu luận/Bài tập: Nguyên nhân và các yếu tố làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Nguyên nhân và biện pháp phòng chống một số bệnh tật thường gặp trong trường học. 2. Thi kết thúc môn: Thi tự luận: Dinh dưỡng thể thao và những nguyên tắc vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT. 3. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 10% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Giáo dục học TDTT	Học phần trang bị cho sinh viên nắm được kiến thức về những vấn đề cơ bản chung của Giáo dục học TDTT, các quá trình sư phạm của giáo dục, sự phát triển nhân cách trong TDTT, nguyên tắc và phương pháp trong giáo dục TDTT. Vận dụng được kiến thức cơ bản giải quyết các vấn đề về giáo dục trong TDTT.	2	4	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%) - Tham gia học đầy đủ 30 tiết, nghỉ không quá 20 % số tiết của môn học. - Chủ động, tích cực phát biểu ý kiến. 2. KT: Kiểm tra thường kì: Thực hiện 1 hoặc 2 bài kiểm tra. (30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần - Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
3	Kinh tế học thể dục thể thao	1. Nghiên cứu hoạt động kinh tế của thể dục thể thao nhằm mục đích làm rõ lợi ích kinh tế trong hoạt động thể dục thể thao gắn liền với lợi ích xã hội của sự nghiệp thể dục thể thao. Ngành thể thao không chỉ cung cấp cho xã hội những thành quả hữu ích về văn hóa xã hội mà còn cung cấp các sản phẩm dịch vụ thể dục thể thao về sức khoẻ tinh thần. 2. Nghiên cứu những quy luật kinh tế vận hành trong lĩnh vực thể dục thể thao và những đặc điểm của nó thì mới có thể xử lý một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế trong lĩnh vực thể dục thể thao,	2	4	1. Đánh giá định kỳ: Tiểu luận/ bài tập về nhà: Phân tích sự khác biệt về bản chất hoạt động TDTT, phúc lợi xã hội và hoạt động TDTT mang tính kinh tế; Nhưng quy luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cải tiến quản lý sự nghiệp thể dục thể thao, cải cách cơ chế vận hành và thể chế quản lý thể dục thể thao, phát huy tối đa vai trò của sản nghiệp thể dục thể thao trong nền kinh tế quốc dân theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.			kinh tế trong hoạt động dich vụ TDTT. 2. Đánh giá cuối kỳ: Bài thi tự luận: Phần 2 và Phần 3 3. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 10% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
4	Giải phẩu người	Học phần Giải phẫu người trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản: - Môn học này làm cơ sở khoa học cho các môn học có liên quan tới hình thái, cấu tạo của cơ thể người như sinh lý thể thao; sinh hoá thể thao; sinh cơ thể thao; Y học thể thao; đo lường TDTT … nhằm giúp cho sinh viên ứng dụng thực tiễn vào công tác giảng dạy, huấn luyện thể thao và nghiên cứu khoa học TDTT. - Mối quan hệ qua lại (điều khiển và chịu điều khiển) của các hệ thống cơ quan trong hoạt động của một cơ thể thống nhất cùng những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường sống đến cấu trúc - chức năng của các hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể.	2	4	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%). 2. KT: Kiểm tra thường kì: Theo nội dung được giảng viên phân công.(30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần -Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					luận, không sử dụng tài liệu.
5	Quản lý và lịch sử TDTT	Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững những kiến thức về nguồn gốc và lịch sử phát triển của TDTT ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam, các chủ trương, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước và của ngành thuộc lĩnh vực TDTT. Trên cơ sở đó, sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống con người. Vận dụng đúng các nguyên tắc, phương pháp, các phương tiện cần thiết vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý các hoạt động TDTT quần chúng, thể thao trường học để đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển tài năng thể thao trong nhà trường các cấp.	2	7	1- Đánh giá chuyên cần: - Đánh giá tự học, tự nghiên cứu 10% 2. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên : 20% 3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ: 60% ***(Đánh giá kết quả học tập trực tuyến: Lấy điểm bài thu hoạch làm điểm thi kết thúc môn 60%)***
6	Sinh cơ học TDTT	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức như: - Cơ sở lý thuyết lực học thực dụng thể thao giải thích các qui luật chuyển động của cơ thể người tập khi thực hiện các kỹ thuật thể thao. - Nghiên cứu sinh cơ học bộ máy vận động cơ, xương cơ bản của cơ thể con người trong quá trình tham gia vận động các môn thể thao. - Giúp người học tiếp cận phương pháp nghiên cứu sinh cơ học thể dục thể thao, phân tích lực học của các động tác kỹ thuật, các nguyên lý học khi hoàn thành động tác thể thao.	2	7	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%). 2. KT: Kiểm tra thường kì: Theo nội dung được giảng viên phân công.(30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần -Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tài liệu.
7	Sinh hóa học TDTT	- Sinh hóa thể dục thể thao cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa của chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng trong cơ thể. - Xúc tác sinh học, vai trò của xúc tác sinh học đối với quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể và đặc điểm vai trò của enzim, vitamin, hormone. - Đặc điểm, vai trò sinh học, phân loại và chuyển hóa gluxit, lipit, protein trong cơ thể. - Tái tổng hợp ATP trong hoạt động cơ với cường độ và thời gian khác nhau. - Các quy luật sinh hóa của quá trình giáo dục thể chất - Cơ sở sinh hóa của sự phát triển các tố chất thể lực - sức mạnh tốc độ và sức bền.	2	7	1. CC: Chuyên cần và tích cực phát biểu ý kiến (10%). 2. KT: Kiểm tra thường kì: Theo nội dung được giảng viên phân công.(30%) 3. T: Thi kết thúc môn học : (60%) - Nội dung thi: toàn bộ học phần -Hình thức thi: thi theo lịch của nhà trường, bài viết tự luận, không sử dụng tài liệu.
III. Kiến thức chuyên ngành		**.**	**57**		
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		**.**	**43**		
1	Thể dục cơ bản	Người học nắm vững các kiến thức và thực hiện thuần thục các kỹ thuật, động tác cơ bản trong đội hình đội ngũ và các bài thể dục tay không, với dụng cụ; nắm được phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện các bài tập thể dục cơ bản, có được năng lực vận dụng những kỹ năng thực hành sư phạm của môn thể dục cơ bản và tổ chức giảng dạy, có năng lực tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung của thể dục cơ bản cho các đối tượng học sinh ở phổ thông.	3	1	- Kiểm tra thực hành thường kỳ (bài thể dục phát triển chung), trọng số 30% - Kiểm tra thực hành cuối kỳ (điều khiển đội hình đội ngũ), trọng số 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Điền kinh và phương pháp 1	1. Nội dung của học phần này trang bị cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật cơ bản các nội dung: Đi bộ thể thao – Chạy cự ly trung bình, việt dã – Đẩy tạ vai hướng ném và Ném bóng. 2. Cách thức và phương pháp tập luyện thực hành thuần thục kỹ thuật động tác, nâng cao thể lực, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy - trọng tài và thi đấu, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập. 3. Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.	3	2	1. Thường kỳ: Bài tập về nhà (tiểu luận) về nội dung phương pháp giảng dạy và phương pháp trọng tài. 2. Đánh giá cuối kỳ: Thực hành SV chọn 1 trong 2 nội dung: Chạy trung bình (nam 1500m, nữ 800m) và Đẩy tạ vai hướng ném (nam 5kg, nữ 3kg) 3. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
3	Bóng chuyền và phương pháp	Học phần trang bị cho người học kiến thức về sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền, các kỹ chiến thuật cơ bản, các phương pháp giảng dạy và huấn luyện bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài trong môn bóng chuyền.	3	3	1. Sinh viên nghỉ học không quá 20% số tiết *(nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trên cơ sở đó người học tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.			*kiểm tra và đánh giá đầu ra)*. 2. Kiểm tra thường kỳ: Lý thuyết và biên soan giáo án dạy môn Bóng chuyền (30%). 3. Thi kết thúc môn (60%) - Chuyền bóng cao tay 10 quả - Đệm bóng (Chuyền bóng thấp tay) 10 quả - Đập bóng vị trí số 2-4: 10 quả - Phát bóng cao tay: 10 quả.
4	Bóng đá và phương pháp	Môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện kỹ thuật, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản như: Đá bóng bằng má trong, đá bóng bằng má ngoài, đá bóng bằng mua bàn chân, đá bóng bằng lòng bàn chân, nhận bóng bằng gan bàn chân, Dẫn bóng lòn cọt sút cầu môn. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng – kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác cơ bản phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.	3	3	1. Sinh viên nghỉ học không quá 20% số tiết *(nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra)*. 2. Kiểm tra thường kỳ: Lý thuyết – Luật và biên soan giáo án dạy môn Bóng chuyền (30%). 3. Thi kết thúc môn (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Kỹ thuật đá dẫn bóng lòn cọc sút cầu môn cự ly 20m - Soạn điều lệ giải và tổ chức giải
5	Điền kinh và phương pháp 2	1. Trang bị cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật cơ bản các môn thể thao: Chạy cự ly ngắn, nhảy cao kiểu bước qua và nhảy xa kiểu ngồi. 2. Bổ sung những kiến thức cơ bản về môn chạy cự ly ngắn, nhảy cao kiểu bước qua và nhảy xa kiểu ngồi; thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; biết giảng dạy và huấn luyện; làm tốt công tác trọng tài thi đấu; lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động. 3. Hướng dẫn cách thức và phương pháp tập luyện thực hành thuần thục kỹ thuật động tác, phát triển thể lực và nâng cao thành tích chuyên môn. 4. Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp trọng tài và thi đấu, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập; Năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.	3	3	1. Thường kỳ: Bài tập về nhà (tiểu luận) về nội dung phương pháp giảng dạy và phương pháp trọng tài. 2. Đánh giá cuối kỳ: Thực hành SV chọn 1 trong 3 nội dung: Chạy cự ly ngắn 100m, Nhảy cao kiểu bước qua, Nhảy xa kiểu ngồi 3. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra).
6	Trò chơi vận động	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được lịch sử, bản chất của trò chơi vận động; hiểu được vai trò và tác dụng của trò chơi vận	2	3	1. Kiểm tra thực hành thường kỳ: Biên soạn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động trong đời sống xã hội và trong học đường. Cơ sở lý luận về nguyên tắc, phương pháp lựa chọn, biên soạn và tổ chức hướng dẫn trò chơi vận động. Giới thiệu và thực hành một số trò chơi vận động; thực hành phương pháp hướng dẫn trò chơi vận động.			và hướng dẫn trò chơi vận động (30%) 2. Kiểm tra thực hành cuối kỳ: Tổ chức hội thi trò chơi vận động (kiểm tra tập thể) 70%.
7	Cầu lông và phương pháp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chung của môn học; Biết và thực hiện chính xác được những kỹ thuật cơ bản, qua đó có được kỹ năng - kỹ xảo thực hành môn học, cũng như vận dụng được vào thực tiễn, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy sau khi ra trường.	3	4	- Đánh cầu cao trên đầu vào ô cuối sân 6.1m x 0.72m (10 quả) (25%). - Giao cầu thấp gần trái tay vào ô 0,5 x 3,05m (10 quả) (25%). - Phương pháp giảng dạy (Phân tích, thị phạm và tổ chức tập luyện một kỹ thuật bất kỳ bốc thăm được) (25%). - Thực hành làm trọng tài thi đấu đôi (Điều hành trận đấu 11 điểm. Kết quả được đánh giá theo mức độ hoàn thành căn cứ vào năng lực điều khiển trận đấu như: Nói to rõ, tính quyết đoán, không bị

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					lỗi,...); Tổ chức một giải thi đấu cầu lông (25%).
8	Điền kinh và phương pháp 3	Nội dung của học phần này trang bị cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật cơ bản ở nội dung nhảy cao kiểu úp bụng và nhảy xa ưỡn thân trong môn điền kinh. Cách thức và phương pháp tập luyện kỹ thuật động tác nội dung môn học thuần thục, phát triển nâng cao tố chất thể lực, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy – phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, các biện pháp phòng ngừa và khắc phục những sai sót trong quá trình học tập. Có năng lực tổ chức cho mọi đối tượng tập luyện trong trường học các cấp và làm cán bộ chuyên môn ở các sở TDTT, tỉnh, thành ngành và trong hệ thống giáo dục thể chất ở các trường học.	3	4	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra). 2. Đánh giá cuối kỳ: 70% - Bài thi thực hành 1: Nhảy cao kiểu Úp bụng; - Bài thi thực hành 2: nhảy xa Ưỡn thân; - Bài thi thực hành 3: Tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
9	Bóng rổ và phương pháp	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật bóng rổ, luật và phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài. Trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp giảng dạy cho các đối tượng ở cơ sở. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng rổ, giúp sinh viên có kiến thức để giảng dạy tốt chương trình tự chọn môn bóng rổ ở trường phổ thông. Biết cách tổ chức một giải thi đấu bong	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định (nếu vắng quá số tiết qui

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		rổ theo đúng quy định, cũng như thực hành được công tác làm trọng tài bóng rổ, từ đó vận dụng vào công tác sau khi ra trường.			định sinh viên không được tham dự kiểm tra và đánh giá đầu ra). 2. Thi thực hành: 100% - Tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao 10 quả. - Dẫn bóng ném rổ 1 tay trên cao 10 quả. - Phương pháp giảng dạy (Phân tích, thị phạm và tổ chức tập luyện một kỹ thuật bất kỳ bốc thăm được). - Thực hành làm trọng tài thi đấu (Điều hành trận đấu. Kết quả được đánh giá theo mức độ hoàn thành căn cứ vào năng lực điều khiển trận đấu như: Tính tự tin thổi còi, di chuyển đúng luật, ra hiệu lệnh chính xác...).
10	Đá cầu và phương pháp	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môn Đá Cầu về: Kỹ thuật, chiến thuật và phương pháp tập luyện. Luật, phương pháp tổ chức và trọng tài; Sử dụng thuần thục các phương pháp tập luyện và có khả năng giảng dạy kỹ thuật, chiến thuật; Áp dụng có	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiệu quả trong công tác học tập, giảng dạy và điều hành tổ chức thi đấu môn Đá Cầu ở cấp cơ sở.			không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. 3. Thi thực hành: 70% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. Phương pháp trọng tài.
11	Điền kinh và phương pháp 4	Có những kiến thức cơ bản về môn nhảy cao kiểu úp bụng và nhảy xa kiểu ưỡn thân; thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; biết giảng dạy và huấn luyện; làm tốt công tác trọng tài thi đấu; lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Bài Tổ chức thi đấu và công tác trọng tài. 3. Thi thực hành: 70% - Bài thi thực hành 1: Nhảy cao kiểu Úp bụng; - Bài thi thực hành 2: nhảy xa Ưỡn thân.
12	Bơi lội và phương pháp	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử, vị trí tác dụng của môn bơi lội; Các khái niệm, nguyên lý kỹ thuật và nguyên tắc, phương pháp tổ chức giảng dạy. Trang bị kỹ năng bơi thực dụng và	3	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp cứu đuối. Cách thức tổ chức trọng tài thi đấu và các phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học môn bơi. - Trong đó, học phần trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của hai kiểu bơi Trườn sấp và kiểu bơi ếch, các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn; Có năng lực tổ chức hoạt động TDTT quần chúng, đáp ứng với các yêu cầu phát triển TDTT trong giai đoạn đổi mới hiện nay. Khả năng tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu tài liệu để không ngừng nâng cao trình độ, vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới cao hơn.			không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Luật Bơi lội và Phương pháp giảng dạy môn Bơi lội. 3. Thi thực hành: 70% - Thi thực hành bơi ếch. - Thi thực hành bơi trườn sấp. - Bơi 50m tính thành tích.
13	Thể dục thực dụng, thể dục đồng diễn	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về bộ môn thể dục đồng diễn, các loại bài tập, nguyên tắc và phương pháp biên soạn, phương pháp tổ chức tập luyện kết hợp với âm nhạc. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung thể dục đồng diễn cho các đối tượng ở trường phổ thông. Thiết kế, biên soạn và thực hiện được các bài tập thể dục nhịp điệu và đồng diễn với qui mô nhỏ và trung bình.	2	6	- Kiểm tra giữa kỳ (bài đồng diễn theo nhóm), trọng số 30% - Kiểm tra kết thúc môn học (bài đồng diễn hoàn chỉnh), trọng số 70%
14	Võ thuật và phương pháp	Học phần trang bị cho sinh viên có thể nắm được toàn bộ hệ thống kỹ thuật; hệ thống quyền thuật; hệ thống đối luyện từ cơ bản đến phức tạp; hệ thống kiến thức về thi đấu của Karate thông qua giao đấu có quy ước – tự do - thể thao của Karate và sự phân loại theo chức năng của nó. Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về phân tích kỹ thuật, phương pháp giảng dạy quyền thuật ở trình độ cơ bản đối với một số bài quyền bật thấp. Bên cạnh đó, người học còn được tập luyện với các tình huống tự vệ chiến đấu để bảo vệ bản thân và khống chế người tấn công.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Luật và Phương pháp giảng dạy môn Võ.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					3. Thi thực hành: 70% - Chương 1,2,3,4 (Quyền + kỹ thuật + đối luyện + thể lực)
15	Bóng bàn và phương pháp	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Bóng bàn trên thế giới và ở Việt Nam, luật và phương pháp trọng tài. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản như: Cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật líp bóng, kỹ thuật gò bóng, kỹ thuật giao bóng.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Luật và Phương pháp giảng dạy môn Bóng bàn. 3. Thi thực hành: 70% - Líp bóng thuận tay. - Líp bóng trái tay. * Mỗi kỹ thuật 10 quả (1 quả / 1 điểm)
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn(chọn 2 trong 6 nhóm môn)		.			
		.			
1	Bóng đá chuyên sâu 1	- Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững những cơ sở lý luận quá trình hình thành và phát triển môn bóng đá, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài, phương pháp giảng dạy bóng đá. - Kỹ năng phân tích về mặt lý luận các kỹ thuật động tác có độ khó trên cơ sở phần kỹ thuật cơ bản sinh viên đã được học.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có được những kiến thức sư phạm cần thiết về các nội dung đã học giúp sinh viên giảng dạy và tổ chức hướng dẫn lại cho các đối tượng khác			-Biên soạn điều lệ giải, tổ chức giải tứ hùng, thực hành phương pháp trọng tài theo nhóm phân công 3. Thi thực hành: 70% -Tâng bóng 100 lần luân phiên bằng mu chính diện - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng cạnh trong chân thuận cự ly 15m. (10 quả) - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng mu trong chân thuận cự ly 25m. (10 quả) - Dẫn bóng qua cọc sút vào cầu môn 2mx3m tính thời gian, cự ly cọc 5m:1:1:1:1:1:15m (5 quả). - Sút bóng luân phiên vào 2 cầu môn đối diện, cự ly 40m (5 quả/1cầu môn)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thể lực test cooper "12 phút = 2700m = 5 điểm (1 điểm=+/- 100m
2	Bóng đá chuyên sâu 2	- Học phần trang bị cho sinh viên có hệ thống cơ sở lý luận về nguyên lý kỹ thuật thực hiện các kỹ thuật thực hành bóng đá đã. - Nắm được phương pháp huấn luyện thông qua giáo án huấn luyện các đội nhóm hoạt động ngoại khóa, đội tuyển bóng đá trường và các giải đấu. - Sinh viên có được những kiến thức cần thiết về kỹ - chiến thuật giúp sinh viên tự tổ chức tập luyện và tổ chức huấn luyện các đội bóng tham dự các giải đấu trong tương lai.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Phương pháp huấn luyện các kỹ - chiến thuật trong thi đấu bóng đá. 3. Thi thực hành: 70% - Tâng bóng 200 lần luân phiên bằng mu chính diện - Tâng bóng 12 điểm chạm - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn 2mx3m bằng cạnh trong luân phiên chân thuận và chân không thuận cự ly 15m. (10 quả) - Đá bóng chuẩn trực tiếp vào cầu môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					2mx3m bằng mu trong luân phiên chân thuận và chân không thuận, cự ly 25m. (10 quả). - Dẫn bóng qua cọc sút vào cầu môn 2mx3m tính thời gian, cự ly cọc 5m:1:1:1:1:1:15m (5 quả) - Tổ chức huấn luyện một kỹ thuật bóng đá. Thể lực: 6x30m, 3x60m, 2x100m
3	Bóng chuyền chuyên sâu 1	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản và thực hiện thuần thục các kỹ thuật, nắm được phương pháp giảng dạy, huấn luyện và tổ chức tập luyện của môn bóng chuyền, có năng lực tổ chức và hướng dẫn tập luyện các nội dung của cơ bản cho các đối tượng học sinh ở phổ thông và trung học cơ sở.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) -Biên soạn điều lệ giải, tổ chức giải, thực hành phương pháp trọng tài theo nhóm phân công. 3. Thi thực hành: 70% - Chuyền bóng cao

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tay di chuyển (10 quả/1 quả 1 điểm); - Đệm bóng thấp tay trước mặt di chuyển (10 quả/1 quả 1 điểm); - Phát bóng cao tay trước mặt (10 quả/1 quả 1 điểm);
4	Bóng chuyền chuyên sâu 2	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hiện thuần thục các kỹ thuật, nắm được phương pháp giảng dạy, huấn luyện và tổ chức tập luyện của môn bóng chuyền, có năng lực truyền đạt và huấn luyện cho các đối tượng học sinh ở phổ thông và trung học cơ sở tham dự giải.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ (30%) - Phương pháp huấn luyện các kỹ - chiến thuật trong thi đấu bóng chuyền. 3. Thi thực hành: 70% - Đập bóng chính diện theo phương lấy đà số 4 và số 2 (10 quả/1 quả 1 điểm); - Nhảy phát bóng tấn công (10 quả/1 quả 1 điểm); - Phối hợp tấn công nhanh và biên ;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Chiến thuật phòng thủ.
5	Cầu lông chuyên sâu 1	**1.** Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững kiến thức và hoàn thiện các kỹ thuật di chuyển và kỹ thuật đánh cầu cơ bản của môn cầu lông. Sinh viên có được các kiến thức sư phạm cần thiết về các nội dung đã học để giảng dạy và tổ chức hướng dẫn lại các nội dung đã học cho các đối tượng khác. **2.** Thực hành được các bài tập phối hợp trong cầu lông giữa các kỹ thuật di chuyển và kỹ thuật đánh cầu nhằm trang bị cho sinh viên thực hiện được cách di chuyển đến các góc trên sân đánh cầu một cách dễ dàng.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Đập cầu dọc biên vào ô 6.7m x 1m (10 quả). - Chặt cầu chéo sân vào ô sát 2 góc lưới 1.5m x 1.5m (mỗi góc 10 quả)
6	Cầu lông chuyên sâu 2	**1.** Học phần trang bị cho sinh viên nắm vững kiến thức chiến thuật thi đấu đơn và thi đấu đôi từ vị trí đứng trong giao cầu, cách đánh cầu và cách phối hợp di chuyển trong đánh đôi. Sinh viên có được các kiến thức về chiến thuật cầu lông để vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu. **2.** Thực hành được các bài tập chiến thuật giao cầu, chiến thuật đánh cầu trong thi đấu đơn và thi đấu đôi, rèn luyện cách phối hợp các đường cầu từ đây sinh viên vừa trang bị kỹ chiến thuật vừa trang bị thể lực để vận dụng vào tập luyện và thi đấu có hiệu quả.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% Tại chỗ đánh cầu vào 4 điểm là 4 góc sân 1.2m x 1.2m (Có người phục vụ, đánh cầu cao vào 2 góc cuối sân, chém cầu vào 2 góc trên lưới).

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Thực hiện mỗi góc 10 quả. Điểm được tính là điểm trung bình cộng số quả cầu vào ô.
7	Bóng rổ chuyên sâu 1	Sau khi kết thúc học phần chuyên sâu 1 sinh viên hoàn thiện nâng cao các kỹ thuật cơ bản đồng thời cũng nắm bắt được các tư duy chiến thuật trong bóng. Biết được phương pháp giảng dạy, trọng tài, tổ chức thi đấu…và hướng dẫn cơ bản được chiến thuật của môn bóng rổ. Qua đó sinh viên cũng được rèn luyện học hỏi thêm các phẩm chất đạo đức tốt, có được tinh thần đồng đội đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong cuộc sống	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Tại chỗ ném rổ 15 quả - Hai bước lên rổ 15 quả - Tại chỗ nhảy ném rổ 15 quả
8	Bóng rổ chuyên sâu 2	Sau khi kết thúc học phần chuyên sâu 2 sinh viên hình thành các kỹ năng kỹ xảo vận động của kỹ thuật môn bóng rổ. Biết được phương pháp giảng dạy, trọng tài, tổ chức thi đấu…và hướng dẫn được chiến thuật của môn bóng rổ. Qua đó sinh viên cũng được rèn luyện học hỏi thêm các phẩm chất đạo đức tốt, có được tinh thần đồng đội đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong cuộc sống.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Di chuyển dẫn bóng vòng số 8 thực hiện hai bước lên rổ (s) - Di chuyển bắt bóng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					ở ba góc 45^0, 90^0, 135^0 nhảy ném rổ 15 quả
9	Đá cầu chuyên sâu 1	Tập luyên chuyên sâu nâng cao các yếu tố kỹ thuật, tư duy chiến thuật chiến thuật và các tố chất thể lực chuyên môn. Giúp người học sử dụng thuần thục các kỹ thuật, chiến thuật và có nền tảng thể lực chuyên môn tốt. Áp dụng có hiệu quả trong công tác học tập, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện môn Đá Cầu ở cấp cơ sở	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 30% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. 3. Thi thực hành: 70% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. Phương pháp trọng tài.
10	Đá cầu chuyên sâu 2	Tiếp tục tập luyện nâng cao các yếu tố kỹ thuật, tư duy chiến thuật chiến thuật và các tố chất thể lực chuyên môn đã hình thành trước đó. Phát huy các kỹ thuật, chiến thuật và có nền tảng thể lực chuyên môn. Áp dụng có hiệu quả cao trong công tác học tập, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện môn Đá Cầu. Nhằm nâng cao trình độ tập luyện môn Đá Cầu cho sinh viên.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 30% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật. 3. Thi thực hành: 70% - Bài tập kiểm tra về kỹ thuật, chiến thuật.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Phương pháp trọng tài.
11	Điền kinh chuyên sâu 1	Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về môn Nhảy cao lưng qua xà, thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; Biết giảng dạy và huấn luyện; Hệ thống các loại bài tập phát triển thể chất và lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.	3	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Biên soạn giáo án huấn luyện thực hành điền kinh (nội dung nhảy cao); - Bài thi thực hành 1: Nhảy cao kiểu lưng qua xà
12	Điền kinh chuyên sâu 2	Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về môn nhảy xa cắt kéo và nhảy tam cấp, thực hành được các giai đoạn kỹ thuật động tác của từng nội dung môn học; Biết giảng dạy và huấn luyện; Hệ thống các loại bài tập phát triển thể chất và lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.	3	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Biên soạn giáo án huấn luyện thực hành điền kinh (nội dung nhảy xa); - Bài thi thực hành 1: Nhảy xa kiểu cắt kéo.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
3.3. Kiến thức bổ trợ (chọn ít nhất 02 tín chỉ)		.	2		
1	Bóng ném	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, luật chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng ném, giúp sinh viên có kiến thức và yêu thích môn bóng ném.	2	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% **Liên hoàn**: - Chuyền bóng; Di chuyển không bóng; - Di động dẫn bóng thực hiện 3 bước ném cầu môn bằng kỹ thuật một tay trên vai (có tính thời gian).
2	Thể dục tự do	1. Nắm vững những kiến thức cơ bản về hệ thống khái niệm, thuật ngữ cơ bản trong thể dục tự do và các động tác kỹ thuật chủ yếu trong quá trình hoạt động thể dục. 2. Sinh viên phải nắm và thực hiện được một số kỹ năng thực hành động tác nhào lộn trong môn thể dục tự do như lộn cuộn trước, lộn chống nghiêng, các động tác vũ đạo trong thể dục… 3. Đây là học phần cơ bản nhất mà một người học thể thao cần phải có, sinh viên có thể vận dụng tốt các động tác nhào lộn trong môn thể dục tự do vào việc bổ trợ một số môn thể thao như : bóng ném, bóng rổ, điền kinh…..	2	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% **Tổ chức cho sinh viên kiểm tra bài liên hoàn cá nhân**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Cờ vua	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi.	2	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% **Thi đấu 1 ván cờ, thực hiện các nước đi và tính điểm.**
4	Quần vợt	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những kỹ thuật động tác cơ bản như: Cách cầm vợt và các bài tập cảm giác bóng, đánh bóng xoáy lên bên phải, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 1 tay, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 2 tay, kỹ thuật giao bóng. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng - kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được cách thức tổ chức và bắt trọng tài môn quần vợt.	2	7	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi thực hành: 100% - Kỹ thuật đánh bóng thuận tay vào ô 10 quả (1 quả 1 điểm)' - Kỹ thuật đánh bóng trái tay vào ô 10 quả (1 quả 1 điểm); - Kỹ thuật giao bóng vào ô 10 quả (1 quả 1 điểm).
IV. Thực hành thực tập nghề nghiệp		**.**	**18**		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Rèn luyện NVSPTX1	Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ, kỹ năng, tác phong, phẩm chất đạo đức của một người giáo viên. Giúp người học biết được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của các môn TDTT, phương pháp phân tích, thị phạm và hướng dẫn kỹ thuật động tác, tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau. Vận dụng các kiến thức về giao tiếp sư phạm, xử lý các tình huống sư phạm, cách thức trình bày văn bản vào hoạt động giáo dục và giảng dạy.	2	3	- Kiểm tra vấn đáp giữa kỳ, trọng số 40% - Kiểm tra thực hành cuối kỳ, trọng số 60%
2	HĐ trải nghiệm sáng tạo	Nội dung của học phần này sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học của tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, vai trò của hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của học sinh; Biết cách vận dụng các nội dung, hình thức, phương pháp và cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Đồng thời, môn học là cơ sở đánh giá khả năng phát huy, sáng tạo và năng lực của sinh viên, tạo tiền đề cho công tác giáo dục sau khi ra trường.	2	4	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 40% - Tích cực phát biểu nhằm xây dựng kiến thức môn học. - Có ý kiến tích cực trong các buổi thảo luận, thực hành. - Kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ. 3. Thi thực hành: 60% - Lập kế hoặc và là bài tiểu luận Hoạt động trải nghiệm theo chủ đề (giáo viên nêu chủ đề).
3	Kiến tập sư phạm	Môn học thực tập sư phạm hình thành cho sinh viên kỹ năng sư phạm như: kỹ năng thiết kế dạy học, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng	2	5	1. Chuyên cần: - Thực hiện đầy đủ số

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiểm tra đánh giá thành quả học tập. Ngoài ra, hình thành kỹ năng giao tiếp và lòng yêu nghề cho người học. Đây là học phần bắt buộc, quan trọng để giúp cho sinh viên có được khả năng sư phạm đáp ứng nhiệm vụ người giáo viên, tìm hiểu về kiến tập sư phạm.			tiết theo quy định. - Ý thức tham gia tốt. 2. Tìm hiểu CSKT: - So sánh thực tế hoạt động của trường với kiến thức đã học. - Trình bày tổng quan về hoạt động của một CSKT. - Trình bày cơ cấu tổ chức, chức năng của một CSKT. 3. Kiến tập dạy học: - Trình bày vai trò và công việc thực tế của một giáo viên trong hoạt động dạy học. 4. Kiến tập chủ nhiệm - Trình bày được vai trò và công việc thực tế của một giáo viên trong hoạt động chủ nhiệm. 5. Ý thức và nhận thức nghề nghiệp - Trình bày nhận thức về nghề nghiệp và thái độ trong việc rèn luyện và học tập. - Ý thức tuân thủ các

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					quy định và nội quy của trường đến kiến tập. - Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.
4	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần giúp sinh viên nắm vững cấu trúc của buổi lên lớp và phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy môn thể dục. Tìm hiểu và xác định đúng nội dung chương trình của cấp học, lớp học và tiết học, vận dung các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức tập luyện vào việc biên soạn giáo án, dự đoán và đưa ra cách xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học cho phù hợp với đối tượng và điều kiện của nhà trường phổ thông.Tham gia dự giờ ở trương phổ thông (theo kế hoạch), tham gia trợ giảng và tập giảng trên lớp theo yêu của giáo viên giảng dạy. Từ đó hình thành thái độ, kỹ năng, tác phong, phẩm chất đạo đức của một người giáo viên.	2	5	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 40% Biên soạn giáo án, dự giờ, tập giảng trên lớp (thị phạm, phân tích kỹ thuật và phương pháp tổ chức lớp học. 3. Thi thực hành: 60% Biên soạn giáo án và tập giảng trên lớp một tiết hoàn chỉnh theo chương trình phổ thông.
5	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần giúp sinh viên nắm vững cấu trúc của buổi lên lớp và phương pháp biên soạn giáo án giảng dạy môn thể dục. Lựa chọn và xác định đúng nội dung chương trình của từng cấp học, lớp học và tiết học, vận dung các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng	2	6	1. Sinh viên phải tham gia đủ thời gian học của học phần, thời gian nghỉ học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dạy và tổ chức tập luyện vào việc biên soạn giáo án, dự đoán và đưa ra cách xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học cho phù hợp với đối tượng và điều kiện của nhà trường phổ thông. Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học và thi đấu thể thao, tham gia tổ chức các hoạt động phong trào của nhà trường. Từ đó hình thành thái độ, kỹ năng, tác phong, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên và thực hiện tốt các chức năng xã hội của giáo dục, biết phối hợp tốt giữa nhà trường, gia đình học sinh và xã hội, có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp và xây dựng môi trường làm việc thân thiện.			không quá 20% số tiết qui định. 2. Thi giữa kỳ: 40% Biên soạn giáo án, dự giờ, tập giảng trên lớp (thị phạm, phân tích kỹ thuật và phương pháp tổ chức lớp học. 3. Thi thực hành: 60% Biên soạn giáo án và tập giảng trên lớp một tiết hoàn chỉnh theo chương trình phổ thông.
6	Thực tập tốt nghiệp		8	8	

12. Ngành Sư phạm Toán học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh đại cương	3	1	TN
	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh đại cương	2	2	TN
	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục quốc phòng an ninh	3	1	TL
	Công tác quốc phòng, an ninh	Giáo dục quốc phòng an ninh	2	2	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Quân sự chung	Giáo dục quốc phòng an ninh	2	3	TL
	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Giáo dục quốc phòng an ninh	4	4	TL
	Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất	1	1	ThH
	Thể chất tự chọn	Giáo dục thể chất	2	2	ThH
	Triết học Mác – Lênin	Giáo dục đại cương	3	1	TL
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Giáo dục đại cương	2	2	TL
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo dục đại cương	2	3	TL
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo dục đại cương	2	4	TL
	Pháp luật Việt Nam đại cương	Giáo dục đại cương	2	1	TL
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo dục đại cương	2	3	TL
	Tâm lý học đại cương	Giáo dục đại cương	2	1	TL
	Giáo dục học đại cương	Giáo dục đại cương	2	1	TL
	Tâm lý học trung học	Giáo dục đại cương	2	2	TL
	Giáo dục học trung học	Giáo dục đại cương	2	2	TL
	Quản lý HCNN và QL ngành GD	Giáo dục đại cương	2	5	TL
	Tin học căn bản	* Kiến thức	2	1	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu tổng quát về hệ thống máy tính: Phần cứng, phần mềm; vai trò của hệ điều hành; Biết khai thác và sử dụng các tiện ích của Hệ điều hành Windows; Biết các kỹ thuật tra cứu tài liệu trên Internet; Biết tạo và sử dụng hộp thư điện tử (email); Biết khai thác và sử dụng các tiện ích của google. - Biết các kỹ thuật soạn thảo văn bản trên Microsoft Word; Vận dụng soạn thảo văn bản đúng quy cách, khoa học phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. - Biết phân biệt các loại dữ liệu trong bảng tính Excel; Hiểu ý nghĩa và công cụ của các hàm cơ bản có sẵn trong bảng tính Excel; Vận dụng hiệu quả sự lồng ghép của hàm giải quyết hiệu quả các công việc liên quan trong học tập và nghiên cứu. - Biết các quy cách trình bày nội dung của một tập tin trình diễn; Biết sử dụng các công cụ soạn thảo và hỗ trợ trình trình diễn trong Microsoft PowerPoint; Vận dụng sáng tạo các công cụ hỗ trợ để tạo các dạng mẫu (template) trình bày và kết hợp các hiệu ứng trong Microsoft PowerPoint để trình bày nội dung một tập tin trình diễn một cách khoa học. * Kỹ năng - Thành thạo việc tra cứu tài liệu trên Internet, sử dụng hộp thư điện tử. - Thao tác thành thạo các kỹ xảo soạn thảo văn bản. - Bắt chước thực hiện được bảng tính và thiết kế lồng ghép các hàm trong Excel – Microsoft Excel; - Thao tác các tập tin trình diễn, thuyết trình vấn đề. - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn vai trò của tin học trong đời sống. - Nâng cao ý thức, tính kỷ cương trong việc trình bày văn bản một cách khoa học, thẩm mỹ, đúng quy cách. - Phát huy tính sáng tạo và niềm say mê học tập, nghiên cứu. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, trao đổi với giảng viên giảng dạy để đề ra các ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	* Kiến thức - Biết các khái niệm, thuật ngữ và phân loại các loại hình nghiên cứu khoa học; - Hiểu thế nào là đạo văn trong nghiên cứu khoa học và một số phương pháp phát hiện, ngăn ngừa đạo văn; - Biết các yêu cầu cơ bản của một nghiên cứu khoa học (nội dung - hình thức) và cách thức ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong toàn bộ quy trình thực hiện một công trình nghiên cứu; - Biết cách thức trình bày bài báo cáo khoa học; - Có khả năng thiết kế một đề xuất nghiên cứu thuyết phục, đồng thời xây dựng được phương pháp nghiên cứu phù hợp, có thể tham gia thực hiện công trình nghiên cứu khoa học. * Kỹ năng - Kỹ năng xây dựng một đề cương, tham gia nghiên cứu khoa học; - Kỹ năng trình bày bài báo cáo khoa học; - Kỹ năng trình bày trích dẫn trong tài liệu khoa học nhằm tránh vi phạm đạo văn. * Thái độ - Sinh viên nghiên cứu tài liệu cùng với nhóm theo chủ đề của từng chương trước khi lên lớp; - Giảng viên giảng bài theo nội dung từng chương và giải một số bài tập cụ thể.	2	3	BTL
	Nhập môn nghề nghiệp	* Kiến thức - Trình bày về lịch sử, vị thế của trường, khoa Sư phạm Toán - Tin ngày nay; - Trình bày về ngành nghề dạy học Tin học, nhu cầu xã hội và triển vọng việc dạy học Tin học ở các cấp Phổ thông; - Giải thích chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Tin học; - Diễn giải quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; - Diễn giải những kỹ năng cần thiết đối với sinh viên. * Kỹ năng - Vận dụng tốt các quy chế liên quan trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường; - Sử dụng thành thạo các quy trình quản lý đào tạo;	1	1	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao. * Thái độ - Sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề giáo viên dạy Tin học đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân; - Tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình đào tạo của trường; - Say mê, tự hào với việc học tập tại trường, với ngành nghề đang theo học.			
	Hình thành phát triển kỹ năng mềm ngành Tin học	Giáo dục đại cương tự chọn	2	3	TL
	Mỹ học đại cương	Giáo dục đại cương tự chọn	2	2	TL
	Cơ sở toán cho tin học	* Kiến thức - Vận dụng lý thuyết tập hợp trong việc biểu diễn, xử lý dữ liệu. - Sử dụng đại số mệnh đề trong suy dẫn, rút trích thông tin, tri thức. Hiểu cơ sở của các phương pháp chứng minh. - Hiểu và vận được các phép toán trên ma trận và định thức. - Phát hiện các tri thức mới bằng các phương pháp biểu diễn, suy dẫn bằng các công cụ toán học. * Kỹ năng - Giải được một số bài tập cơ bản về ma trận, định thức, hệ thức đệ quy - Phát triển các kỹ thuật đã có, hoặc chứng minh, đánh giá tính đúng hiệu năng của các phương pháp mới. - Có kĩ năng đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu; kĩ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo trước nhóm. * Thái độ - Có cách nhìn khoa học về cơ sở Toán học ứng dụng trong các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến ngành Tin học. -Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, ý thức tôn trọng kỉ luật và chịu trách nhiệm cá nhân với tập thể	2	3	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nhập môn Toán rời rạc	* Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xạ, quan hệ. - Biết vận dụng câu nói trong đời sống để viết thành dạng logic mệnh đề. - Nắm các kiến thức cơ bản về phương pháp đếm, lý thuyết số, đại số Boole. * Kỹ năng - Hiểu và vận dụng kiến thức vào các học phần khác như lý thuyết đồ thị, trí tuệ nhân tạo,... - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh. - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu. - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học. - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.	2	1	TL
	Lý thuyết đồ thị	* Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xạ, quan hệ. - Biết vận dụng câu nói trong đời sống để viết thành dạng logic mệnh đề. - Nắm các kiến thức cơ bản về phương pháp đếm, lý thuyết số, đại số Boole. * Kỹ năng - Hiểu và vận dụng kiến thức vào các học phần khác như toán rời rạc 2, trí tuệ nhân tạo,... - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh. - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu. - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học. - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.	2	2	TL
	Điện tử căn bản	* Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về - Cấu tạo và nguyên lý hoạt động linh kiện điện tử - Phương trình nút, phương trình vòng, định lý Thevenin	2	1	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng: Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật . - Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án - Biết cách kiểm tra hư hỏng của từng linh kiện và mô phỏng bằng Protues. * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.			
	Lập trình căn bản	* Kiến thức - Trình bày được các khái niệm, các kiến thức nền tảng về lập trình, giải bài toán bằng chương trình máy tính. - Mô tả được qui trình thiết kế lưu đồ thuật toán cho bài toán - Giải thích được nguyên lý các cấu trúc lệnh, phạm vi của biến - Phân biệt được giữa thủ tục và hàm; truyền tham số và truyền tham trị 5.Vận dụng hiệu quả ngôn ngữ lập trình để giải bài toán cụ thể bằng chương trình máy tính * Kỹ năng - Cài đặt được chương trình giải quyết bài toán đơn giản. - Cài đặt được chương trình giải quyết bài toán một cách tối ưu. - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm thông qua các hệ thống bài tập. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn vai trò của tin học trong đời sống - Phát huy tính sáng tạo và niềm đam mê trong học tập, nghiên cứu - Rèn luyện tính kỷ cương, cận thận, độ chính xác trong khi lập trình	3	2	TL
	Xác xuất thống kê cho Tin học	* Kiến thức - Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất như các khái niệm và tính chất về tính toán xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, hàm (bảng) phân phối xác suất, hàm mật độ và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên; một số phân phối xác suất thông dụng.	2	1	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê như lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan, hồi quy tuyến tính và dự báo. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào thu thập và xử lý các số liệu từ thực tế nhằm phục vụ tốt cho học tập, nghiên cứu và công tác sau này. - Biết sử dụng phần mềm thống kê Excel hoặc R ở mức độ cơ bản hoặc dùng chức năng thống kê trên máy tính cầm tay (MTCT) để xử lý nhanh số liệu thực nghiệm và giải toán thống kê. * Kỹ năng - Giải được một số bài tập cơ bản về xác suất và thống kê. - Xử lí số liệu thực nghiệm bằng MTCT hoặc phần mềm Excel, R. - Có kĩ năng đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu; kĩ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo trước nhóm. * Thái độ - Có cách nhìn khoa học về một số mô hình toán xác suất và thống kê ứng dụng của một số hiện tượng ngẫu nhiên trong đời sống liên quan đến ngành Tin học. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, ý thức tôn trọng kỉ luật và chịu trách nhiệm cá nhân với tập thể.			
	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	* Kiến thức - Hiểu và vận dụng kiến thức về các kiểu dữ liệu trừu tượng cơ bản cùng với các phép toán trên các kiểu dữ liệu này; xây dựng được một số ứng dụng thực tế với các CTDL được học. - Biết phân tích độ phức tạp của thuật toán, hiểu các giải thuật sắp xếp, tìm kiếm, các chiến lược phân tích và thiết kế giải thuật. - Có khả năng phân tích, cải tiến giải thuật, áp dụng vào lập trình giải các bài toán thực tế. * Kỹ năng - Có thể lập trình thành thạo và biết sử dụng các công cụ phần mềm hỗ trợ. - Có kỹ năng phát hiện, đánh giá, phân tích, mô hình hóa, thiết lập giả thiết và áp dụng kiến thức vào bài toán cụ thể.	3	3	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có tư duy phân tích và đánh giá độ phức tạp giải thuật của một bài toán cụ thể - Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm, đề xuất sáng kiến, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm. * Thái độ - Nhận thức đúng tầm quan trọng của học phần. - Say mê, yêu thích, nghiên cứu các nội dung liên quan đến học phần.			
	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	* Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về sai số, các phương pháp tìm nghiệm gần đúng của một phương trình, hệ phương trình; - Vận dụng các công thức để tính được gần đúng đạo hàm, tích phân và phương trình vi phân. * Kỹ năng - Kỹ năng vận dụng kiến thức vào các học phần khác như toán rời rạc 1, lập trình căn bản; - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh; - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.	2	4	TL
	Lý luận dạy học Tin học	* Kiến thức - Nêu được đối tượng, nhiệm vụ và những cơ sở của Lí luận dạy học Tin học; nhiệm vụ của bộ môn Lí luận dạy học Tin học ở trường sư phạm cũng như các phương pháp nghiên cứu của môn Lí luận dạy học Tin học; - Nêu được các phương pháp dạy học Tin học và các hình thức tổ chức dạy học Tin học ở trường phổ thông; Phát biểu được mục tiêu và cấu trúc chương trình môn Tin học ở trường phổ thông; - Xác định được những kiến thức được trình bày trong SGK môn Tin học ở trường phổ thông;	2	3	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phân tích được vị trí, vai trò của một bài học cụ thể trong SGK Tin học ở trường phổ thông; - Phân tích được những dụng ý sư phạm của một bài học cụ thể trong chương trình môn Tin học ở trường phổ thông; - Trình bày được qui trình soạn và thực hiện kế hoạch bài học thể hiện các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung. * Kỹ năng - Soạn kế hoạch bài học thể hiện các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung; - Rèn luyện kĩ năng phân tích chương trình SGK, phát triển chương trình, kỹ năng làm việc nhóm. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn vai trò của môn học; - Nâng cao ý thức trong việc vận dụng kiến thức của môn học vào việc giảng dạy bộ môn Tin học; - Phát huy tính sáng tạo và niềm say mê học tập, nghiên cứu.			
	Hệ điều hành và mạng	* Kiến thức - Hiểu các kiến trúc thiết kế hệ điều hành; Biết những vấn đề phát sinh trong quá trình thiết kế hệ điều hành cũng như những tiếp cận khác nhau được dùng để phân tích và giải quyết những vấn đề đó. - Hiểu một số khái niệm mạng cơ bản như: Định tuyến, giao thức định tuyến, mô hình OSI, mô hình TCP/IP và một số giao thức định tuyến chuẩn trên Internet. - Hiểu các chiến lược quản lý tiến trình, quản lý bộ nhớ trong việc thiết kế các hệ điều hành hiện đại; Phân tích và giải quyết các bài toán về chiến lược trong việc thiết kế các thành phần tiến trình, thành phần bộ nhớ trong hệ điều hành. - Vận dụng các chiến lược trong việc thiết kế hệ điều hành để mô phỏng lại trên máy tính. * Kỹ năng - Thành thạo chuyển địa chỉ Ipv4 sang Ipv6; Thực hiện tích hợp cấu trúc địa chỉ Ipv4 và Ipv6.	3	5	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kỹ năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. * Thái độ - Nhận thức đúng vai trò người thiết kế hệ điều hành trong hệ thống máy tính. - Nhận thức đúng đắn về phía người thiết kế và vận hành hệ thống mạng máy tính. - Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu để mở rộng kiến thức.			
	PPDH Tin học ở các trường phổ thông	* Kiến thức - Nêu được đối tượng và nhiệm vụ của phương pháp dạy học Tin học. - Liệt kê được những phương pháp dạy học truyền thống được vận dụng vào môn Tin học. - Trình bày được những xu hướng dạy học không truyền thống: Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, những kĩ thuật trong dạy học tích cực. - Trình bày được qui trình dạy học khái niệm, nguyên lí; qui trình dạy học phần mềm; qui trình dạy học câu lệnh của NNLT. Vận dụng các qui trình ở trên trong dạy học Tin học; - Phát biểu được vai trò của thực hành trong môn Tin học; - Trình bày được cách thức hướng dẫn thực hành Tin học cho HS, tổ chức, quản lí trong dạy thực hành, đánh giá bài thực hành của HS; - Trình bày được cách soạn đề thi dạng tự luận, trắc nghiệm, thi thực hành môn Tin học. * Kỹ năng - Soạn được kế hoạch bài học thể hiện các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng người học. - Soạn đề thi dạng tự luận, trắc nghiệm, thi thực hành môn Tin học. - Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát huy tính tích cực của học sinh vào quá trình dạy học ở trường phổ thông. * Thái độ - Nâng cao nhận thức trong việc vận dụng kiến thức của môn học vào việc giảng dạy bộ môn Tin học. - Phát huy tính sáng tạo và niềm say mê học tập, nghiên cứu.	2	4	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập Tin học	* Kiến thức - Nêu và phân biệt các khái niệm cơ bản về kiểm tra và đánh giá kết quả học tập; hiểu vai trò, chức năng, yêu cầu, mục đích và mục tiêu của kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh; - Phân biệt các hình thức kiểm tra và các hình thức đánh giá khác nhau trong quá trình dạy và học. Biết ưu, khuyết điểm của từng hình thức kiểm tra - đánh giá để sử dụng thích hợp trong đánh giá kết quả học tập của học sinh; - Vận dụng phối hợp nhiều hình thức kiểm tra – đánh giá khác nhau để đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh một cách toàn diện; - Hiểu các bước của quy trình kiểm tra – đánh giá; - Vận dụng trong thiết kế câu hỏi, thiết kế đề kiểm tra, đánh giá câu hỏi và đánh giá đề kiểm tra theo chuyên ngành; - Đưa ra nhận định chính xác và tin cậy về sự tiến bộ của học sinh; - Vận dụng kết quả đánh giá học sinh để đề ra tiến trình bài giảng, kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục học sinh tiếp theo; - Hiểu cách xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy. * Kỹ năng - Thiết lập mối quan hệ giữa mục đích dạy học, mục tiêu dạy học và mục tiêu kiểm tra - đánh giá; - Xây dựng tiêu chí đánh giá cho hình thức kiểm tra – đánh giá khác nhau; - Xây dựng câu hỏi theo thang nhận thức của Bloom; - Xây dựng câu hỏi và đề kiểm tra trắc nghiệm chủ quan và trắc nghiệm khách quan (15 phút, 1 tiết hoặc cuối học kỳ) theo chuyên ngành tin học; - Lập kế hoạch chuẩn bị và tổ chức kiểm tra - đánh giá (vấn đáp, thuyết trình, kiểm tra viết, quan sát,…); - Lập đáp án và chấm điểm bài kiểm tra trắc nghiệm chủ quan hoặc trắc nghiệm khách quan; - Dựa trên kết quả chấm điểm bài kiểm tra, đánh giá câu hỏi hoặc đề kiểm tra; - Rèn luyện kĩ năng làm việc cặp đôi hoặc làm việc nhóm; - Phát triển tư duy vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá.	2	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Thái độ - Có quan niệm đúng đắn về vai trò, chức năng của kiểm tra - đánh giá trong giảng dạy giáo viên và học tập của học sinh; - Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, thái độ tích cực, công tâm, công bằng trong đánh giá. Rèn luyện đức tính, phẩm chất của người giáo viên.			
	Nhập môn Internet vạn vật – IoT	* Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về Nguyên lý hoạt động và thông số kỹ thuật các cảm biến Cách xây dựng một hệ thống IOT * Kỹ năng: Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật - Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án - Cách lập trình trên IDE Arduino * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	2	6	BTL
	Cơ sở dữ liệu	* Kiến thức - Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, kiến trúc tổng quát của một hệ cơ sở dữ liệu; kiến trúc ba mức của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, tính độc lập, toàn vẹn dữ liệu; phân biệt được các mô hình cơ sở dữ liệu. - Biết rõ các khái niệm và các ký hiệu sử dụng trong mô hình ERD; Vẽ được mô hình ERD dựa trên mô tả bằng ngôn ngữ tự nhiên; chuyển được mô hình ERD sang mô hình quan hệ; - Nắm vững các kiến thức về đại số quan hệ và các phép toán trên đại số quan hệ; Nắm vững các tính chất của đại số quan hệ và thực hiện các câu truy vấn bằng ngôn ngữ đại số quan hệ; thực hiện được truy vấn tìm trên một bảng, tìm kiếm trên nhiều bảng, thống kê, truy vấn con,… vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải các bài tập; - Hiểu được vai trò của lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ, mà bắt đầu là phụ thuộc hàm và một số ứng dụng trong việc giải quyết các bài toán như: tìm khoá, tìm phủ tối thiểu, xác định các dạng chuẩn; Vận dụng các khái niệm chuẩn	3	4	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoá, cũng như phương pháp chuẩn hóa bằng phép tách (hay phân rã) để có thể thiết kế được một lược đồ cơ sở dữ liệu hạn chế dư thừa và bất thường dữ liệu. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi năng lực đánh giá; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. - Rèn luyện kỹ năng thiết kế CSDL hiệu quả, truy vấn SQL và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); -Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học; - Nâng cao ý thức tự học học, tự nghiên cứu của bản thân.			
	Đồ án môn học 1	* Kiến thức - Vận dụng kiến thức môn học lập trình căn bản, cấu trúc dữ liệu và giải thuật vào giải quyết một bài toán cụ thể; - Khai thác, tìm hiểu những kĩ thuật, công nghệ mới. * Kỹ năng - Phân tích bài toán, thiết kế thuật toán; - Cài đặt chương trình giải quyết một bài toán cụ thể; - Tập trình bày một báo cáo khoa học đúng mẫu; - Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình trước đám đông; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. * Thái độ - Nghiêm túc và tự giác trong công việc.	1	4	BTL
	Lập trình hướng đối tượng	* Kiến thức - Hiểu rõ và viết tốt các chương trình thể hiện tính chất căn bản nhất của hướng đối tượng.	3	4	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm vững những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng (OOP). - Nắm vững các cấu trúc dữ liệu và các giải thuật thích hợp với những dữ liệu có trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng C++. - Vận dụng các ưu điểm của lập trình OOP để viết code không những đúng chức năng mà còn đạt được tính tổng quát, tính trong sáng, dễ đọc, dễ nâng cấp khi cần. * Kỹ năng - Sử dụng nhuần nhuyễn phần mềm Dev-C++ trong việc thực hiện các bài tập và các đồ án, tiểu luận chuyên ngành. - Trình bày trước đám đông sử dụng phương tiện trình chiếu. - Đánh giá và lựa chọn các mô hình trong lập trình hướng đối tượng để phù hợp cho bài toán thực tế. * Thái độ - Tinh thần tự học chuyên cần thông qua việc tham gia học trên lớp, giải các bài tập trên lớp và về nhà. - Tinh thần tích cực làm việc trong nhóm, cùng nghiên cứu và trao đổi giải quyết vấn đề trên cơ sở lập trình hướng đối tượng.			
	Công nghệ phần mềm	* Kiến thức - Phân loại được các mô hình của quy trình phát triển phần mềm và giải thích được các giai đoạn cơ bản trong mô hình; - Phân tích được yêu cầu của người sử dụng; - Trình bày được các nguyên tắc thiết kế phần mềm; - Xác định được các hoạt động của quá trình kiểm thử phần mềm. * Kỹ năng - Sử dụng được công cụ hỗ trợ thiết kế phần mềm; - Vận dụng kiến thức trình bày tài liệu về quy trình phát triển phần mềm. * Thái độ - Nhận thức được vai trò của các giai đoạn trong quy trình phát triển phần mềm; - Phát huy tính năng động, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	5	TL
	Lập trình DOT NET	* Kiến thức	3	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhận biết được phần mềm quản lý và các bước cơ bản của quy trình phát triển phần mềm hướng đối tượng. - Mô tả được qui trình kiểm thử phần mềm. - Xây dựng được các sơ đồ hướng đối tượng cho giai đoạn phân tích phần mềm quản lý. - Thiết kế được cơ sở dữ liệu và giao diện cho phần mềm quản lý. - Vận dụng được lập trình hướng đối tượng trong C# để cài đặt và đóng gói một phần mềm quản lý. * Kỹ năng - Vận dụng được các kiến thức về lập trình trong C# để xây dựng các ứng dụng dạng Console hoặc Windows Forms; - Vận dụng các kiến thức ADO.NET trong C# để lập trình các ứng dụng quản lý Cơ sở dữ liệu; - Thiết kế và sử dụng được các report theo mẫu trong .NET * Thái độ - Nhận thức được vai trò của lập trình dot Net trong việc xây dựng ứng dụng phần mềm; - Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.			
	Ngôn ngữ lập trình JAVA	* Kiến thức - Nắm vững ngôn ngữ lập trình Java: cú pháp lệnh, các kiểu dữ liệu cơ bản, các toán tử, các thư viện thông dụng - Nắm vững phương pháp lập trình hướng đối tượng trong Java. - Hiểu phương pháp lập trình CSDL với Java. * Kỹ năng - Sử dụng ngôn ngữ Java giải quyết các bài toán lập trình cơ bản. - Sử dụng thành thạo phương pháp lập trình hướng đối tượng và các công cụ hỗ trợ để xây dựng ứng dụng thực tế. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm.	2	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Phương pháp dạy học lập trình	* Kiến thức - Hiểu, biết được vị trí, nhiệm vụ, nội dung môn lập trình ở bậc THPT; - Lĩnh hội được các kỹ năng và biết áp dụng các phương pháp dạy học lập trình trong giảng dạy lập trình ở THPT; - Có kiến thức ban đầu về thiết kế giáo án. * Kỹ năng - Biết cách tổ chức và chuẩn bị dạy học lập trình ở THPT; - Vận dụng các nội dung trên trong giảng dạy lập trình ở THPT; - Có kỹ năng để thiết kế giáo án lập trình; - Có kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, thảo luận, lên kế hoạch,… * Thái độ - Yêu thích môn Phương pháp giảng dạy lập trình; - Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, hợp tác làm việc nhóm.	2	6	BTL
	Phân tích hệ thống hướng đối tượng	* Kiến thức - Hiểu được lịch sử phát triển và vai trò của ngôn ngữ UML; - Củng cố các kiến thức đã học được trong lập trình hướng đối tượng, phân tích thiết kế hệ thống; - Nắm chắc các định nghĩa, khái niệm trong các loại mô hình khác nhau trong ngôn ngữ UML, so sánh chúng với các cách thức mô hình hóa trước đây; - Ứng dụng các mô hình UML vào ngữ cảnh cụ thể phù hợp với thực tiễn. * Kỹ năng - Sử dụng thành thạo công cụ thiết kế mô hình UML; - Phát huy kỹ năng làm việc nhóm, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện tiến độ công việc của nhóm. * Thái độ - Siêng năng, nghiêm túc học tập, chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết);	2	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thẳng thắn góp ý và biết bảo vệ hợp lý quan điểm thiết kế của mình; - Nghiêm túc làm việc nhóm, tôn trọng công việc của thành viên nhóm và không ỷ lại vào nhóm.			
	Bảo trì hệ thống máy tính	* Kiến thức: Cung cấp cho sinh Kiến thức về: - Phần cứng một hệ máy vi tính - Cài đặt hệ điều hành - Sao lưu dữ liệu - Chẩn đoán một số lỗi thông dụng * Kỹ năng Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này sẽ nhằm tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật. - Lắp ráp thành thạo một hệ máy vi tính - Biết được các bước bảo trì- bảo dưỡng máy vi tính - Sửa được những lỗi thường gặp của máy tính * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	2	5	TN
	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	* Kiến thức - Tiến trình xây dựng một mạng máy tính và các vấn đề cần quan tâm. - Các chuẩn mạng cục bộ phổ biến và các thiết bị mạng thường được sử dụng để xây dựng các mạng cục bộ (LAN). - Các sơ đồ mở rộng mạng LAN và vấn đề cải thiện băng thông cho mạng LAN. - Vấn đề chọn đường khi xây dựng mạng diện rộng (WAN). - Cơ chế điều khiển truy cập tài nguyên trên mạng. - Các giao thức liên quan đến vấn đề quản trị mạng. - Qui trình thiết kế mạng LAN. * Kỹ năng - Có khả năng tìm hiểu và thiết kế một mạng LAN; - Có thể triển khai và cài đặt một mạng LAN. * Thái độ	2	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Lập trình web	* Kiến thức - Vận dụng được ít nhất 8 nhóm thẻ HTML cơ bản vào việc hiển thị nội dung một trang web bất kỳ. - Sử dụng được ít nhất 4 nhóm thuộc tính CSS để định dạng nội dung cho một trang web bất kỳ. - Kết hợp được mối quan hệ giữa HTML và CSS để tạo ra một trang web tĩnh với nội dung và bố cục bất kỳ. - Viết được công thức của hàm (function) và 5 cấu trúc lệnh cơ bản trong ngôn ngữ JavaScript. - Sử dụng JavaScript để viết các xử lý cho các sự kiện đơn giản phát sinh trên trang web từ phía người sử dụng. - Vận dụng được thư viện jQuery vào việc xử lý một số tính năng trong các trang web. - Kết hợp được các kỹ thuật trong PHP với MySQL để xây dựng nhiều dạng website vừa và nhỏ có tương tác với CSDL. * Kỹ năng - Hình thành khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết các vấn đề cần quan tâm. - Hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm. - Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, thảo luận và phát biểu ý kiến trước mọi người. - Hình thành kỹ năng thẩm mỹ để cảm thụ và đánh giá cái đẹp. * Thái độ - Có ý thức tự nghiên cứu sâu hơn về môn học để vận dụng thiết kế website. - Có thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức đúng đắn vai trò của môn học trong việc phát triển nghề nghiệp của bản thân.	3	6	BTL
	Phương pháp dạy học cơ sở dữ liệu	* Kiến thức - Hiểu, biết được vị trí, nhiệm vụ, nội dung môn cơ sở dữ liệu ở bậc THPT;	2	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Lĩnh hội được các kỹ năng và biết áp dụng các phương pháp dạy học trong giảng dạy cơ sở dữ liệu ở THPT; - Có kiến thức ban đầu về thiết kế giáo án. * Kỹ năng - Biết cách tổ chức và chuẩn bị dạy học CSDL ở THPT; - Vận dụng các nội dung trên trong giảng dạy CSDL ở THPT; - Có kỹ năng để thiết kế giáo án về CSDL; - Có kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, thảo luận, lên kế hoạch,… * Thái độ - Yêu thích môn Phương pháp giảng dạy; - Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, hợp tác làm việc nhóm.			
	Phương pháp dạy học đồ họa máy tính	* Kiến thức - Hiểu, biết được vị trí, nhiệm vụ, nội dung môn đồ họa ở bậc THPT; - Lĩnh hội được các kỹ năng và biết áp dụng các phương pháp dạy học trong giảng dạy đồ họa ở THPT; - Có kiến thức ban đầu về thiết kế giáo án. * Kỹ năng - Biết cách tổ chức và chuẩn bị dạy học đồ họa ở THPT; - Vận dụng các nội dung trên trong giảng dạy đồ họa ở THPT; - Có kỹ năng để thiết kế giáo án về đồ họa; - Có kỹ năng tư duy, làm việc nhóm, thảo luận, lên kế hoạch,… * Thái độ - Yêu thích môn Phương pháp giảng dạy; - Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, hợp tác làm việc nhóm.	2	7	BTL
	E - learning	*** Kiến thức** - Trình bày được khái niệm, mô hình và lợi ích của hệ thống E-learning; - Trình bày được định nghĩa, các chuẩn bài giảng, các hoạt động trong hệ thống elearning; - Liệt kê được các công cụ soạn thảo nội dung, công cụ mô phỏng; - Liệt kệ được một số hệ thống LMS: Moodle, Sakai, Olat...;	3	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng kiến thức về E-learning xây dựng một hệ thống E-learning phục vụ cho công tác dạy và học ở trường học. *** Kỹ năng** - Thực hiện thành thạo các thao tác tạo, quản lí khóa học; quản lí tài nguyên trên một hệ thống e-learning; - Xây dựng được hệ thống e-learning phục vụ cho công việc dạy và học; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng soạn thảo bài giảng e-learning. *** Thái độ** - Đam mê nghiên cứu, học tập; - Tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.			
	Đồ án môn học 2	* Kiến thức - Vận dụng kiến thức liên môn học như: phân tích thiết kế hệ thống, phân tích hệ thống hướng đối tượng, chuyên đề HQT CSDL, lập trình DotNet, lập trình web, lập trình trên thiết bị di động, Hệ thống nhúng hay lập trình nhúng,… để xây dựng một hệ thống thông tin của một đề án trong thực tế. - Sử dụng một trong những công cụ hỗ trợ việc xây dựng các mô hình trong hệ thống thông tin (như Power Design, Win Design, họ Rational,…), từ đó thiết lập cơ sở dữ liệu tương ứng, sử dụng một ngôn ngữ lập trình CSDL (C#, VB.Net), lập trình web (PHP, ASP, JSP,…), lập trình mô phỏng, hay lập trình điều khiển để phát triển hệ thống. * Kỹ năng - Tập trình bày một báo cáo khoa học đúng mẫu; - Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình trước đám đông; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. * Thái độ - Nghiêm túc và tự giác trong công việc.	1	7	BTL
	Trí tuệ nhân tạo	* Kiến thức - Nắm được phương pháp của trí tuệ nhân tạo, các khái niệm, nguyên lí và kỹ thuật biểu diễn tri thức, cơ chế lập luận, các kĩ thuật Heuristic.	3	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm được các chiến lược tìm kiếm trên không gian trạng thái: các chiến lược tìm kiếm mù, tìm kiếm kinh nghiệm, tìm kiếm tối ưu. - Nắm được bản chất của cây trò chơi và các phương pháp tìm kiếm trên cây trò chơi: tìm kiếm Minimax và phương pháp cắt tỉa Alpha-Beta. - Nắm được tổng quan về các phương pháp biểu diễn tri thức, máy học: mạng ngữ nghĩa, luật sản xuất, logic, khung và các cơ chế suy diễn trên những không gian biểu diễn. * Kỹ năng - Vận dụng kiến thức đã học vào các học phần khác như khai khoáng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo nâng cao... -Vận dụng kiến thức đã học giải quyết các bài toán thực tế như bài toán nhận dạng, bài toán chuẩn đoán bệnh trong y học,… * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm.			
	Công nghệ Web	* Kiến Thức - Mô tả được các xu hướng công nghệ web hiện nay và các công nghệ được sử dụng phổ biến để phát triển ứng dụng web. - Giải thích được cú pháp và cách sử dụng của các ngôn ngữ web cơ bản xây dựng ứng dụng web như HTML5, CSS3, BootStrap. - Giải thích được thành phần trong mô hình MVC như Model, View, Controller. - Phân biệt được các mô hình lập trình Entity Framework như Database First, Code First. - Vận dụng các ngôn ngữ web cơ bản để xây dựng được giao diện ứng dụng web thông qua HTML5, CSS3, BootStrap - Xây dựng được ứng dụng web dựa trên công nghệ ASP.Net (C#) MVC5. * Kỹ năng - Thiết kế được layout cho trang web, tạo được form thông qua HTML5, CSS3, BootStrap. - Xây dựng được website bán hàng dựa trên công nghệ ASP.Net (C#) MVC5 với Entity Framework.	2	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thành lập nhóm, phân chia công việc các thành viên nhóm để xây dựng website theo mô hình MVC. * Thái độ - Tích cực nghiên cứu các công nghệ web - Nhận thức được giá trị của các công nghệ mới, sẵn sàng áp dụng công nghệ mới thực tế.			
	Chuyên đề Hệ điều hành	* Kiến thức - Mô tả được một số kiến thức chuyên sâu về hệ điều hành:Vấn đề tranh chấp trong hệ điều hành; Các lỗ hổng trong các hệ điều hành; Thủ thuật Registry trong hệ điều hành; Các hàm hệ thống; Quản trị hệ điều hành Linux; Hệ điều hành phân tán; Hệ điều hành cho các thiết bị di động; Hệ điều hành mã nguồn mở; Bảo mật hệ điều hành;... - Cài đặt các chiến lược trong hệ điều hành: FCFS, SJF, RR, BACKERY,..và các chiến lược đồng bộ hóa trong hệ điều hành: semaphore, moitor, message. - Phân biệt thuật toán song song với thuật toán tuần tự. Trình bày các bước cần thiết để xây dựng một thuật toán song song giải một bài toán kỹ thuật. Biết cách lập trình và những điều có thể xảy ra khi chạy chương trình xử lý song song. Lập trình xử lý song song với sự hỗ trợ OpenMP trên Visual Studio hoặc Code:Blocks. * Kỹ năng - Bắt chước cài đặt các chiến lược trong hệ điều hành. - Thực hiện lập trình xử lý song song, lập trình Shell và lập trình C trên Linux. - Bắt chước lập trình song song với: OpenMP, MPI, JAVA, VPM, OCCAM .... - Kỹ năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn về xử lý song song. - Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu để mở rộng kiến thức.	2	5	TN
	Quản trị hệ thống mạng Windows	* Kiến thức - Biết vững khái niệm mạng máy tính, nguyên lý hoạt động của các tầng trong mô hình OSI, mô hình TCP/IP;	2	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Biết được chức năng, đặc điểm của các thiết bị mạng như Hub, Switch, Router...; - Biết được các chức năng của dịch vụ trên hệ điều hành Windows Server, áp dụng vào cài đặt và cấu hình hệ thống mạng theo yêu cầu; - Biết được các phương pháp bảo mật trong hệ thống mạng Windows; - Biết cách cài đặt và quản trị hệ thống Forefront Threat Management Gateway. * Kỹ năng - Sử dụng tốt các thiết bị mạng, kỹ năng quản lý địa chỉ IP; - Cài đặt và sử dụng thành thạo các dịch vụ của HĐH Windows Server; - Cài đặt và quản trị các dịch vụ trên Windows Server như DNS, DHCP, Active Directory; - Ứng dụng hệ thống Forefront Threat Management Gateway để bảo vệ hệ thống mạng của cơ quan đơn vị. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Tính toán song song	* Kiến thức - Liệt kê các ngôn ngữ lập trình song song; Phân biệt các loại phụ thuộc dữ liệu trong chương trình; Phân biệt chương trình tuần tự và chương trình song song; Phương pháp biến đổi chương trình tuần tự sang chương trình song song; Nhắc lại các mô hình lập trình song song? Cho ví dụ? - Thiết kế một số thuật toán song song thông dụng - Phân tích và đánh giá thuật toán song song * Kỹ năng - Thực hiện được chương trình tính toán song song - Cài đặt các thuật toán song song * Thái độ - Dự học đầy đủ, nghiên cứu tài liệu và làm bài trước khi đến lớp, tích cực đóng góp bài học	2	6	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Ham học hỏi, tìm tòi, mở rộng kiến thức; - Tích cực học tập, thảo luận.			
	An toàn mạng	* Kiến thức - Giải thích được thế nào là bảo mật thông tin, an toàn hệ thống và an ninh mạng; - Trình bày được những nguy cơ, các dạng tấn công và một số kỹ thuật xâm nhập hệ thống máy tính cũng như hệ thống mạng; - Trình bày được vai trò của mã hoá dữ liệu trong an toàn thông tin và truyền tin trên mạng; điểm và thuật toán của một số giao thức mã hoá phổ biến. * Kỹ năng - Giải thích được các kiến thức nền tảng về bảo mật như: cơ sở luật pháp, chính sách an ninh mạng, quản lý rủi ro, quá trình xây dựng hệ thống an toàn, vấn đề an toàn hệ thống và an ninh mạng trong thực tiễn; - Xây dựng giải pháp an ninh và xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình; - Đánh giá và lựa chọn giải pháp an ninh mạng phù hợp cho các mạng thực tế; - Vận dụng được một số kỹ thuật và công nghệ an ninh mạng phổ biến hiện nay như: xác thực, mã hóa, tường lửa, mạng riêng ảo, hệ thống phát hiện xâm nhập, an toàn cho các thiết bị mạng và các dịch vụ Internet, an toàn cho mạng không dây. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.	2	7	TL
	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	* Kiến thức - Hiểu được thế nào là phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở, lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở. - Nắm được mô hình phát triển phần mềm nguồn mở, và biết cách sử dụng các công cụ phát triển mã nguồn mở. - Tiếp cận các kiến thức cơ bản về lập trình C/C++ trên Linux. * Kỹ năng - Sử dụng một số phần mềm nguồn mở thông dụng: Linux, Ubuntu, Joomla, WordPress, MySQL.	3	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sử dụng các công cụ phát triển mã nguồn mở để phát triển ứng dụng trên trang thông tin điện tử cá nhân. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, trao đổi với giảng viên giảng dạy để đề ra các ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Xây dựng ứng dụng phân tán	* Kiến thức - Hiểu rõ các khái niệm về cơ sở dữ liệu phân tán; - Vận dụng kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề trong môi trường phân tán. * Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng phân tích và thiết kế CSDL phân tán; - Khai thác khả năng truy vấn dữ liệu phân tán; * Thái độ - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Tích cực tự nghiên cứu tài liệu và giải quyết các vấn đề liên quan.	2	7	BTL
	Lập trình cho thiết bị di động	* Kiến thức - Nắm vững nền tảng của lập trình Android; - Có thể tự nghiên cứu khi các hệ điều hành Android nâng cấp; - Lập trình truy xuất dữ liệu với SQLite Database và file text; - Hiểu về quy trình phát triển ứng dụng trên điện thoại sử dụng hệ điều hành Android; - Phát triển khả năng phân tích và phát triển ứng dụng một các độc lập. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Kỹ năng lập trình hướng đối tượng; - Kỹ năng thiết kế và phát triển phần mềm cho Android; - Vận dụng kiến thức để viết ứng dụng thực tế. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần Lập trình trên thiết bị di động;	3	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Bảo mật thông tin	* Kiến thức - Trình bày được vai trò của mã mật thông tin. - Nhận biết được các hệ mã cổ điển, đối xứng, bất đối xứng. - Phát biểu được kiến thức cơ bản về bảo mật thông tin với các kỹ thuật xây dựng mật mã thông dụng. - Trình bày được nguyên tắc cơ bản nhất về xây dựng các quy trình bảo vệ thông tin trong hệ thống. - Giải thích được nguyên lý, phương pháp cài đặt một số kỹ thuật trong bảo mật thông tin * Kỹ năng - Giải quyết được các bài tập cuối chương. - Xây dựng được qui trình, tiến hành mã hóa giải mã với một số hệ mã với khóa bí mật, khóa công khai. - Cài đặt được chương trình mô phỏng mã hóa, giải mã cho một số hệ mã. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. * Thái độ - Nhận thức đúng vai trò của việc bảo mật thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, đời sống. - Nâng cao ý thức học tập, phát huy tính sáng tạo và niềm say mê nghiên cứu; đẩy mạnh việc xây dựng và triển khai ứng dụng tin học vào quản lý trong chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc.	2	8	TL
	Quản trị hệ thống mạng Unix	* Kiến thức - Kiến thức cơ bản về cấu trúc, cách làm việc của một hệ thống Unix/Linux, cách tổ chức tập tin trong Unix/Linux và sử dụng các tập lệnh, lập trình shell, hệ thống của Unix/Linux; - Biết cách lập trình shell trong Unix/Linux; - Biết cách quản trị hệ thống Unix/Linux; - Cài đặt, cấu hình mạng và quản trị người dùng trên linux server;	2	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thiết lập các cơ chế an ninh hệ thống qua firewall IPTables và Shorewall; - Vận dụng được cách cấu hình, quản lý hệ thống để có thể cấu hình một hệ thống mạng nhỏ trong thực tế. * Kỹ năng - Kỹ năng cài đặt và vận hành server linux; - Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày kết quả các bài LAB về khai triển và quản trị hệ thống và các dịch vụ mạng trên Unix/Linux; - Kỹ năng quản lý hệ thống; - Hình thành cách quan sát, phân tích và cách xử lý các sự cố có thể xảy ra trong lập trình Shell, triển khai và quản trị hệ thống và các dịch vụ mạng trên Unix/Linux. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.			
	Thương mại điện tử	* Kiến thức - Sinh viên nắm được khái quát các khái niệm về thương mại điện tử, các đặc trưng cơ bản của 1 website thương mại điện tử. - Nắm rõ các tính chất đặc thù của thương mại điện tử và vai trò của ngành khoa học máy tính trong hệ thống thương mại điện tử. - Có kiến thức về những lợi ích, thuận lợi, khó khăn và những xu hướng phát triển công nghệ phục vụ thương mại điện tử. - Có kiến thức về cách xây dựng các hình thức chi trả trực tiếp qua mạng, cách xây dựng giỏ hàng và tổ chức cơ sở dữ liệu. - Giới thiệu cách bố trí website thương mại điện tử, những yêu cầu, thành phần cần phải có, những lưu ý cần thiết để website thương mại điện tử đạt hiệu quả cao. - Sinh viên có khả năng xây dựng những ứng dụng web thông qua việc sử dụng các kỹ thuật trình diễn và bố trí thông tin (layout). - Sử dụng các mã nguồn mở để phát triển website thương mại điện tử và bảo mật, an toàn hệ thống thương mại điện tử.	3	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng - Khả năng làm việc độc lập; - Kỹ năng giải quyết vấn đề; - Kỹ năng giao tiếp. * Thái độ - Tích cực tìm kiếm các kiến thức mới của nhân loại; - Nghiêm túc trong công việc hàng ngày.			
	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	* Kiến thức - Trình bày những nét cơ bản ngôn ngữ tự nhiên khi xử lý tự động ngôn ngữ tự nhiên. - Biểu diễn được ngôn ngữ tự nhiên theo hình thức hóa của Noam Chomsky để máy tính xử lý tự động - Trình bày trật tự nhất định để xử lý các bài toán trong NLP. Xây dựng tự điển điện tử (MRD –Machine Readable Dictionary) - Mô tả, giải thích được các mô hình ngôn ngữ - Rút trích thông tin: địa điểm, tên người, tên tổ chức. - Trình bày các bài toán và ứng dụng của NLP - Có kiến thức về các nhóm/ các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ Tiếng việt - Vận dụng được các thuật toán nền tảng, các mô hình đặc trưng trong NLP để giải quyết các bài toán thực tế liên quan với dữ liệu đa ngữ. Giải thích được được những vấn đề liên quan đến việc học máy (Machine Learning) và dịch máy (Machine Translation). * Kỹ năng - Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành tin học. - Kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình lĩnh vực có liên quan NLP. - Kỹ năng lập trình liên quan đến NLP trong tin học. * Thái độ - Tích cực tự học, tự nghiên cứu, chủ động cập nhật Tiếng Anh chuyên ngành.	3	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhận thức đúng đắn vai trò của NLP và vận dụng những kiến thức đã học để phát triển lĩnh vực xử lý ngôn ngữ Tiếng Việt.			
	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	* Kiến thức - Nhận biết được phần mềm quản lý và các bước cơ bản của quy trình phát triển phần mềm hướng đối tượng. - Mô tả được qui trình kiểm thử phần mềm. - Xây dựng được các sơ đồ hướng đối tượng cho giai đoạn phân tích phần mềm quản lý. - Thiết kế được cơ sở dữ liệu và giao diện cho phần mềm quản lý. - Vận dụng được lập trình hướng đối tượng trong C# để cài đặt và đóng gói một phần mềm quản lý. * Kỹ năng - Có khả năng tiếp cận thực tiễn, lên ý tưởng thiết kế theo hướng đối tượng để xây dựng một phần mềm quản lý. - Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu từ các nguồn tin cậy. - Hình thành kỹ năng trong làm việc nhóm: kỹ năng giao tiếp, tranh luận, giải quyết xung đột, đưa ra ý kiến. * Thái độ - Hiểu được vai trò của việc xây dựng phần mềm hướng đối tượng và ứng dụng vào thực tiễn. - Thái độ làm việc nghiêm túc, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên. - Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm, đề xuất sáng kiến, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm.	2	6	BTL
	Cấu trúc dữ liệu nâng cao	* Kiến thức - Hiểu danh sách và cấu trúc dữ liệu (CTDL) danh sách; - Biết cài đặt CTDL phù hợp với yêu cầu của bài toán thực tế; - Biết một số CTDL phức tạp như: Cây tổng quát, cây cân bằng, hàm băm, đồ thị; - Hiểu ý nghĩa hàm băm, và một số tính chất của hàm băm; - Hiểu thuật toán đệ qui, thuật toán quy hoạch động.	2	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng - Phân tích bài toán thực tế để đưa ra CTDL phù hợp; - Cài đặt thành thạo danh sách, cây, hàm băm và ứng dụng giải quyết một số bài toán thực tế. - Cài đặt thành thạo các bài toán đồ thị, bài toán tìm kiếm; - Cài đặt thành thạo các bài toán thực tế dựa trên giải thuật đệ qui, giải thuật quy hoạch động. * Thái độ - Sinh viên nghiên cứu tài liệu cùng với nhóm theo chủ đề của từng chương trước khi lên lớp; - Giảng viên giảng bài theo nội dung từng chương và giải một số bài tập cụ thể.			
	Phân tích và thiết kế hệ thống	* Kiến thức: - Nhận biết được các khái niệm liên quan đến HTTT, phương pháp phân tích thiết kế HTTT - Mô tả được các hiện trạng của tổ chức và xác định được yêu cầu của người dùng - Chỉ ra được các thành phần dữ liệu mức quan niệm, mức logic và thành phần xử lý của hệ thống. * Kỹ năng - Được chuẩn bị các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích, thiết kế để có thể nghiên cứu trong lĩnh vực phân tích và thiết kế một đề án công nghệ thông tin. - Thiết kế được mô hình chức năng nghiệp vụ BFD, mô hình thực thể - kết hợp ERD, lược đồ quan hệ CSDL RD, lưu đồ dòng dữ liệu DFD. * Thái độ - Có ý thức tự nghiên, yêu thích xây dựng ứng dụng. -Có thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức đúng đắn vai trò của môn học trong việc phát triển nghề nghiệp của bản thân.	3	5	BTL
	Xử lý ảnh	* Kiến thức - Hiểu được các khái niệm cơ bản về ảnh số; - Nắm vững các phương pháp biểu diễn ảnh số; - Hiểu rõ các dạng ảnh và thực hiện được kỹ thuật nâng cao chất lượng ảnh;	2	6	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu được khái niệm biên ảnh, sau đó vận dụng các kỹ thuật phát hiện biên ảnh và phân vùng ảnh; - Hiểu rõ mô hình và bản chất của quá trình nhận dạng, nắm vững các kỹ thuật nhận dạng để vận dụng vào việc nhận dạng ảnh số; - Hiểu rõ các khái niệm về ảnh nén và các phương pháp nén ảnh; - Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật về xử lý ảnh để nhận dạng hay mã hóa ảnh. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi năng lực đánh giá; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập; - Rèn luyện kỹ năng lập trình và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); - Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học.			
	Thiết kế và tích hợp giao diện	* Kiến thức - Vận dụng khả năng thu thập giao diện người dùng; - Phân loại được giao diện người sử dụng; - Vận dụng khả năng phân tích và đặc tả yêu cầu của người sử dụng về giao diện phần mềm; - Thiết kế được các loại giao diện phần mềm phù hợp với người sử dụng; - Kiểm thử và phát triển giao diện theo yêu cầu của người sử dụng. * Kỹ năng - Hình thành khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết các vấn đề cần quan tâm. - Hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm; - Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, thảo luận và phát biểu ý kiến trước mọi người;	2	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Ứng dụng hệ thống Forefront Threat Management Gateway để bảo vệ hệ thống mạng của cơ quan đơn v Hình thành kỹ năng thẩm mỹ để cảm thụ và đánh giá cái đẹp ị. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Cơ sở dữ liệu nâng cao	* Kiến thức - Hiểu rõ các khái niệm về HQTCSDL quan hệ, HQTCSDL phân tán, HQTCSDL hướng đối tượng; - Nắm vững phương pháp thiết kế CSDL phân tán và vận dụng các phương pháp vào thực tiễn; - Hiểu rõ các khái niệm về CSDL hướng đối tượng và phân biệt được các mô hình CSDL; - Hiểu rõ các đối tượng trong Oracle và sử dụng thành thạo các chức năng trong HQT CSDL Oracle; - Nắm vững ngôn ngữ lập trình PL/SQL và cài đặt được các bài tập liên quan ; - Vận dụng lý thuyết CSDL HĐT để xây dựng và cài đặt các phương thức của đối tượng bằng Oracle; - Biết cách truy vấn dữ liệu hướng đối tượng và phân biệt được truy vấn trên CSDL HĐT và truy vấn trên CSDL quan hệ. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi năng lực đánh giá; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. - Rèn luyện kỹ năng lập trình và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết);	2	7	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học.			
	Hệ cơ sở tri thức	* Kiến thức - Mô tả được hệ chuyên gia, cấu trúc của một hệ cơ sở tri thức và các đặc trưng của nó, các thành phần của hệ chuyên gia. - Ciải thích được vai trò của hệ tri thức trong giải quyết vấn đề. - Trình bày được các phương pháp tiếp cận biểu diễn tri thức, nêu được ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp. - Trình bày được các phương pháp suy diễn của động cơ suy diễn trong các hệ dựa trên quy tắc (JESS). - Mô tả được quy trình thiết kế một hệ chuyên gia. * Kỹ năng - Phân tích, giải quyết bài toán theo phương pháp các hệ dựa trên tri thức. - Vận dụng các phương pháp biểu diễn tri thức vào lĩnh vực cụ thể. - Lập trình trong Shell. * Thái độ - Tích cực nghiên cứu cách thiết kế các hệ tri thức, hệ chuyên gia cho ứng dụng thực tế. - Nhận thức đúng đắn về vai trò của việc thiết kế các hệ tri thức, các hệ chuyên gia trong ứng dụng thực tế.	2	7	TL
	Khai phá dữ liệu	* Kiến thức - Nhận biết được các bước trong quá trình khám phá tri thức. - Mô tả được các khái niệm cơ bản, công nghệ, và ứng dụng của khai phá dữ liệu. - Minh hoạ được các tác vụ khai phá dữ liệu phổ biến như: phân lớp, gom nhóm, và khai phá luật kết hợp. * Kỹ năng - Vận dụng được một số công cụ khai phá dữ liệu để thực hiện các bài toán về phân lớp, gom nhóm và khai phá luật kết hợp cho dữ liệu. - Phát biểu được một bài toán KPDL thực tiễn và thiết kế được mô hình giải quyết bài toán. - Thuyết trình và báo cáo kết quả nghiên cứu. * Thái độ	2	7	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có thái độ nghiêm túc, thích thú hăng say học tập - Ý thức được vai trò của khai phá dữ liệu và việc ứng dụng vào thực tiễn. - Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.			
	Công nghệ dạy học	* Kiến thức - Trình bày được hệ thống thiết bị công nghệ, vị trí, vai trò của công tác thiết bị dạy học; - Trình bày được các quy trình, cách thức và nguyên lý hoạt động của thiết bị - Hiểu và trình bày được nội dung cơ bản của công tác quản lý thiết bị dạy học. * Kỹ năng - - Thực hiện được việc tiếp nhận, sắp xếp, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ các thiết bị công nghệ; - Bố trí và lắp đặt đúng yêu cầu kũ thuật của các thiết bị công nghệ có trong nhà trường; - Biết phòng chống cháy nổ, an toàn phòng thí nghiệm. * Thái độ - Có ý thức giữ gìn và bảo vệ hệ thống thiết bị dạy học; - Hỗ trợ, hợp tác với các cán bộ, giáo viên, học sinh trong việc bảo quản và sử dụng thiết bị dạy học; - Chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, vệ sinh học đường trong lĩnh vực thiết bị dạy học.	2	5	BTL
	Chuyên đề công cụ thiết kế bài giảng	* Kiến thức - Mô tả sơ đồ tư duy mong muốn; - Biết khai thác và sử dụng các chức năng của Imind map; - Vận dụng hiệu quả trong công việc phục vụ học tập và nghiên cứu. - Biết khai thác và sử sụng các công cụ và chức năng chính của Camtasia Studio; - Vận dụng biên tập phim, nhạc để thiết kế bài giảng với ISPRING SUITE - Thiết kế các loại bài tập trắc nghiệm; - Biết quản lý bài giảng, cấu trúc bài giảng; * Kỹ năng - Kỹ xảo vẽ sơ đồ tư duy;	1	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thành thạo biên tập Audio, Video; - Thành thạo thiết kế bài giảng với ISPRING SUITE; - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. * Thái độ - Nâng cao ý thức, tính kỷ cương trong việc trình bày văn bản và giáo án điện tử một cách khoa học, thẩm mỹ, đúng quy cách; - Nhận thức đúng đắn vai trò của tin học trong công việc và nghiên cứu. - Phát huy tính sáng tạo và niềm say mê học tập, nghiên cứu.			
	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi	* Kiến thức - Mô tả được qui trình, cách thức thiết kế thuật toán, lựa chọn thuật toán tối ưu; - Vận dụng kiến thức thuật toán để phân tích, thiết kế, lựa chọn thuật toán; - Kể tên được các thuật toán trên đồ thị; - Vận dụng các thuật toán trên đồ thị để giải các bài toán cụ thể. * Kỹ năng - Thực hiện được qui trình thiết kế một thuật toán; - Thiết kế được thuật toán giải quyết một bài toán cụ thể; - Lựa chọn được cấu trúc dữ liệu và giải thuật để giải quyết bài toán tối ưu nhất. * Thái độ - Đam mê nghiên cứu, học tập; - Nâng cao tinh thần hợp tác, làm việc nhóm.	1	6	BTL
	Nhập môn lập trình E-Robot (Robot giáo dục)	* Kiến thức - Nắm được các kiến thức cơ bản về - Kỹ thuật thông qua việc xây dựng mô hình và lắp ráp Robot - Sử dụng công nghệ thông qua việc lập trình - Toán học thông qua việc tính toán tối ưu vận hành của Robot - Khoa học thông qua chủ đề của từng bài học xuyên suốt năm học. * Kỹ năng - Quan môn học này giúp người học có được các kỹ năng sau. - Cải thiện sự quan sát tập trung và kiên nhẫn thông qua các bài học lắp ráp các mô hình - Tăng cường khả năng tư duy logic với nhưng mô hình có thể chuyển động được	2	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phát huy sự sáng tạo khi tự suy nghĩ và tìm tòi những mô hình mới - Làm việc nhóm, tư duy hệ thống, tư duy giải quyết vấn đề * Thái độ - Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.			
	Rèn luyện NVSPTX 1	* Kiến thức - Biết sự vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học trong xử lý các tình huống sư phạm; - Biết qui trình lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp; - Biết được ý nghĩ và cách thức thực hiện giờ sinh hoạt lớp; - Biết các chủ đề hoạt động ngoài giờ lên lớp và cách thức tổ chức học sinh thực hiện tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp theo chủ đề. * Kỹ năng - Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học để xử lý tốt các tình huống sư phạm; - Có khả năng xử lý các tình sư phạm xảy ra trong khi thực hiện các hoạt động giáo dục; - Lập được kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp; - Tổ chức được một buổi sinh hoạt lớp; - Thiết kế các chủ đề hoạt động ngoài giờ lên lớp; - Tổ chức cho học sinh thực hiện tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp theo chủ đề. * Thái độ - Đam mê nghiên cứu, học tập; - Tích lũy những kỹ năng cần thiết cho công việc sau khi tốt nghiệp.	2	3	BTL
	Rèn luyện NVSPTX 2	* Kiến thức - Nêu được mục tiêu và cấu trúc chương trình môn Tin học ở trường phổ thông; - Xác định được những kiến thức trọng tâm được trình bày trong SGK môn Tin học ở trường phổ thông; - Phân tích được vị trí, vai trò của một bài học cụ thể trong SGK Tin học ở trường phổ thông;	2	4	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phân tích được những dụng ý sư phạm của một bài học cụ thể trong chương trình môn Tin học ở trường phổ thông. * Kỹ năng - Rèn luyện một số kĩ năng sư phạm: trình bày bảng, tác phong lên lớp; - Rèn luyện kĩ năng trình bày một vấn đề Tin học; - Đọc, xác định kiến thức trọng tâm trong chương trình Tin học SGK THPT, phân tích, rút ra được những điểm khó cần lưu ý trong quá trình giảng dạy; - Hướng dẫn HS phân tích bài toán, thực hiện qui trình thiết kế thuật toán; - Hướng dẫn học sinh đọc chương trình; - Hướng dẫn học sinh trình bày lại việc xây dựng chương trình; - Hướng dẫn học sinh xây dựng chương trình từ thuật toán đã có; - Hướng dẫn qui trình thực hiện một công việc khi thao tác với phần mềm; - Hướng dẫn sử dụng phần mềm hiệu quả, đúng mục đích. * Thái độ - Đam mê nghiên cứu, học tập; - Tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.			
	Rèn luyện NVSPTX 3	* Kiến thức - Mô tả được qui trình xác định mục tiêu dạy học cụ thể cho một bài học; - Mô tả được qui trình thiết kế giáo án dạy học sử dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng HS; - Phân tích, nhận xét về phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học được thể hiện trong giáo án cụ thể; - Trình bày được vai trò, chức năng của CNTT trong dạy học Tin học, sử dụng hiệu quả CNTT trong dạy học Tin học. * Kỹ năng - Xây dựng, sử dụng và quản lí hồ sơ dạy học hiệu quả; - Xác định được mục tiêu dạy học cụ thể cho một bài học; - Thiết kế được giáo án dạy học sử dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng HS; - Thực hiện được kế hoạch bài học thể hiện các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung;	2	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Khai thác hiệu quả các phần mềm hỗ trợ học tập; - Thực hiện được kế hoạch bài học với giáo án điện tử. * Thái độ - Đam mê nghiên cứu, học tập; - Tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập; - Chăm chỉ, nghiêm túc.			
	Kiến tập sư phạm	* Kiến thức - So sánh được thực tế hoạt động dạy và học ở trường Trung học Phổ thông (THPT) với kiến thức đã học ở trường sư phạm; - Trình bày được tổng quan về hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THPT; - Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng của trường THPT; - Trình bày được vai trò và công việc thực tế của một giáo viên THPT. * Kỹ năng - Kỹ năng quan sát và ghi chép các hoạt động giáo dục; - Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh; - Kỹ năng tham gia các hoạt động nhóm; -Kỹ năng viết báo cáo tổng hợp. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập; - Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập; - Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.	2	6	BTL
	Thực tập tốt nghiệp	* Kiến thức - Biết làm việc trong môi trường thực tế - Biết nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học hoặc đời sống * Kỹ năng - Biết và vận dụng qui trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực; - Biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin; - Có kỹ năng áp dụng kiến thức vào thực tế,	6	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng viết và trình bày báo cáo cho một dự án * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Chấp hành đúng các nội quy, quy định của cơ quan thực tập.			

13. Ngành Sư phạm Tin học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nhập môn nghề nghiệp	* Kiến thức - Trình bày về lịch sử, vị thế của trường, khoa Sư phạm Toán - Tin ngày nay; - Trình bày về ngành Sư phạm Toán học, nhu cầu xã hội và triển vọng việc dạy học Toán học ở các cấp Phổ thông; - Giải thích chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Toán học; - Diễn giải quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; - Diễn giải những kỹ năng cần thiết đối với sinh viên. * Kỹ năng - Vận dụng tốt các quy chế liên quan trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường; - Sử dụng thành thạo các quy trình quản lý đào tạo; - Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao. * Thái độ - Sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề giáo viên dạy Toán học đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân; - Tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình đào tạo của trường; - Say mê, tự hào với việc học tập tại trường, với ngành nghề đang theo học.			
	Toán Cơ Sở	- Về kiến thức: Qua học phần này sinh viên cần đạt được các yêu cầu sau: + Hiểu và tái hiện được các kiến thức sơ lược về logic và lý thuyết tập hợp, vận dụng được vào việc giải toán. + So sánh được ánh xạ và phép thế. + So sánh được quan hệ hai ngôi, quan hệ tương đương và quan hệ thứ tự.	2	1	Làm bài kiểm tra, bài tự học và tổ chức thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Hiểu và tái hiện được các kiến thức sơ lược về tính chất các tập hợp số. - Về kỹ năng: Qua học phần này sinh viên có được các kĩ năng sau + Kỹ năng về suy luận hợp logíc. + Kỹ năng về tìm tòi lời giải và trình bày lời giải bài toán một cách ngắn gọn, đầy đủ. + Kỹ năng về tương tự hoá, khái quát hoá, việc chuyển một bài toán mới theo bài toán đã biết. + Kỹ năng về tư duy độc lập, kỹ năng làm việc nhóm. - Thái độ: + Xem trọng học phần, thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Đặc biệt, ý nghĩa của học phần đối với việc giải toán THCS và THPT. + Tích cực, chủ động trong học tập. Hợp tác tốt với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.			phần cuối học kỳ
	Phương pháp NCKH giáo dục Toán học	- Kiến thức + Nắm được một số khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học (NCKH), quan điểm tiếp cận trong NCKH giáo dục; + Nắm vững quy trình thực hiện một đề tài, xây dựng đề cương và một số phương pháp NCKH trong Giáo dục toán học. + Nắm vững các phương pháp thống kê trong NCKH giáo dục - Kỹ năng + Có kĩ năng chọn đề tài nghiên cứu và viết đề cương đề tài về khoa học; + Bước đầu sử dụng các phương pháp NCKH để thực hiện đề tài. + Sử dụng phương pháp thống kê để xử lý số liệu. - Thái độ + Hình thành phương pháp tự học, tự nghiên cứu thông qua nội dung học phần + Có thái độ học tập nghiêm túc, thói quen tìm tòi, thu thập tích lũy kiến thức.	2	3	Kiểm tra giữa kì Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu KHGD toán
	Đại số tuyến tính 1	- Kiến thức + Trình bày được các khái niệm liên quan đến ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. + Hiểu được các mối liên hệ giữa ba khái niệm ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính.	3	1	Kiểm tra đề đóng, 45 phút Thi đề đóng, 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Trình bày được các khái niệm liên quan đến không gian véctơ trên trường số thực hoặc phức như: không gian con, hệ pttt, đltt, cơ sở, số chiều, tọa độ, ... + Hiểu được một số không gian véctơ cụ thể như: không gian với là trường số thực hoặc trường số phức , không gian các ma trận chữ nhật, không gian các đa thức, ... + Trình bày được các khái niệm liên quan đến ánh xạ tuyến tính (đồng cấu) giữa hai không gian véctơ như: ảnh, nhân, ma trận của ánh xạ tuyến tính, ... + Hiểu được mối liên hệ giữa các khái niệm ảnh, nhân, … với các khái niệm đơn cấu, toàn cấu, ... - Kỹ năng + Tính được ma trận nghịch đảo của một ma trận khả nghịch. Tính được hạng của một ma trận và tính được định thức của một ma trận vuông theo nhiều cách khác nhau, … + Giải được phương trình tuyến tính bằng phương pháp Gauss, phương pháp Grammer. + Chứng minh không gian con, chứng minh hệ đltt và hệ pttt, chứng minh một hệ véctơ là một cơ sở của kgvt. + Xác định được tọa độ của một véctơ đối với một cơ sở cho trước và xây dựng được mối liên hệ giữa hai bộ tọa độ của một vectơ đối với 2 cơ sở khác nhau thông qua khái niệm ma trận chuyển. + Xây dựng được ánh xạ từ kgvt vào kgvt và chứng minh nó là axtt, đơn cấu, toàn cấu, đẳng cấu. + Tính được ma trận của một axtt và tính được các ảnh, ảnh ngược của một không gian con qua axtt. - Thái độ + Xem trọng học phần, thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Đặc biệt, ý nghĩa của học phần đối với việc giải toán THCS và THPT. + Tích cực, chủ động trong học tập. Hợp tác tốt với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.			
	Đại số tuyến tính 2	- Kiến thức + Trình bày được các khái niệm véctơ riêng , giá trị riêng, không gian con bất	2	2	Kiểm tra đề đóng, 45 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biến, toán tử tuyến tính chéo hóa được, dạng chuẩn Jordan. + Hiểu được mối liên hệ giữa các khái niệm véctơ riêng , giá trị riêng, không gian con bất biến, toán tử tuyến tính chéo hóa được. + Trình bày được các khái niệm liên quan đến dạng song tuyến tính, dạng toàn phương. + Hiểu được mối liên hệ giữa hai khái niệm dạng song tuyến tính và dạng toàn phương. +. Trình bày được các khái niệm liên quan đến không gian véctơ Euclide. - Kỹ năng + Tính được giá trị riêng, véctơ riêng của phép biến đổi tuyến tính hoặc ma trận cho trước. + Tìm được cơ sở mà phép biến đổi tuyến tính mà ma trận của nó có dạng chéo hay phép biến đổi chéo hóa được. + Chứng minh được ánh xạ cho trước là dạng song tuyến tính, dạng toàn phương. + Tìm được ma trận của dạng toàn phương đối với một cơ sở. Đưa được dạng dạng phương đã cho về dạng chính tắc. + Chứng minh phép biến đổi trực giao, phép biến đổi đối xứng. Xác định được ma trận trực giao, ma trận đối xứng. + Đưa cơ sở cho trước về cơ sở trực chuẩn. - Thái độ + Xem trọng học phần, thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Đặc biệt, ý nghĩa của học phần đối với việc giải toán THCS và THPT. + Tích cực, chủ động trong học tập. Hợp tác tốt với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.			Thi đề đóng, 90 phút
	Giải tích 1	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những khái niệm cơ bản về giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số. + Giải thích được những ví dụ cơ bản minh họa cho những khái niệm về giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số. + Giải thích hoặc chứng minh được một số tính chất cơ bản của giới hạn, tính	3	1	Đánh giá điểm quá trình và thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số. + Vận dụng được những khái niệm và tính chất cơ bản về giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số vào giải bài tập, giải quyết những học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. - Kĩ năng + Cho được ví dụ minh họa cho những khái niệm giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số. + Đọc và viết được một số thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh về giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số. + Giải được những dạng bài tập cơ bản và một số dạng bài tập nâng cao liên quan đến giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, nguyên hàm và tích phân của hàm số một biến số. + Phát triển kĩ năng tư duy toán học, trình bày, suy luận logic, kĩ năng tự học và tự nghiên cứu. + Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ +. Có khả năng tự kiểm tra các tính toán, lập luận. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với những tính toán, lập luận và đặt vấn đề phát triển bài toán. + Có thể tự lập kế hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Giải tích 2	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những khái niệm cơ bản về lí thuyết chuỗi, giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số và hàm véctơ. + Đưa ra được những ví dụ cơ bản để minh họa cho những khái niệm về lí thuyết chuỗi, giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số và hàm véctơ. + Giải thích, chứng minh được một số tính chất cơ bản của lí thuyết chuỗi, giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số và hàm véctơ.	3	2	Đánh giá điểm quá trình và thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kĩ năng + Giải được những dạng bài tập cơ bản và một số dạng bài tập nâng cao liên quan đến chuỗi, giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân của hàm số nhiều biến số và hàm véctơ; giải quyết được những vấn đề cơ bản có liên quan trong học tập và nghiên cứu khoa học. + Vận dụng được lí thuyết để giải quyết bài toán cụ thể, nhất là các bài toán về giải tích hàm nhiều biến. + Phát triển khả năng tư duy toán học, phân tích, tổng hợp và suy luận logic để giải quyết vấn đề, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu. + Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ + Có khả năng làm việc độc lập, khả năng cộng tác, làm việc nhóm và thích nghi tốt. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân và đối với tập thể, bảo vệ được quan điểm cá nhân và tôn trọng tập thể. + Có thể tự lập kết hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Hình học afin	- Kiến thức + Hiểu được những kiến thức về mặt phẳng afin và không gian afin, m-phẳng và tương giao của chúng, tỉ số đơn, đoạn thẳng, tập lồi, m-hộp, m-đơn hình, các khái niệm ánh xạ afin của các không gian afin, phép biến đổi afin, các phép biến đổi afin đặc biệt như: phép tịnh tiến, phép vị tự, phép thấu xạ, phép thấu xạ trượt, … + Nhớ được các khái niệm đường bậc hai và siêu mặt bậc hai trong không gian afin, phương trình chuẩn tắc, tâm, phương tiệm cận, đường tiệm cận và siêu phẳng kính liên hợp của siêu mặt bậc hai. + Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hình học Afin trong tổ chức quá trình giảng dạy toán ở trường phổ thông. - Kỹ năng + Tìm tọa độ afin và công thức đổi mục tiêu afin trong A2 và A3, lập phương trình tham số và phương trình tổng quát của đường thẳng và mặt phẳng. Tính	2	2	Thảo luận nhóm và bài tập Kiểm tra đề đóng 90 phút Thi đề đóng 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được tọa độ tâm tỉ cự của một hệ điểm, tỉ số đơn của 3 điểm thẳng hàng, xét được vị trí tương đối của đường thẳng với đường thẳng, đường thẳng với mặt phẳng và mặt phẳng với mặt phẳng. Xác định ảnh của một điểm qua phép tịnh tuyến, vị tự và đối xứng trượt. Xác định các yếu tố liên quan đến đường và mặt bậc hai trong không gian afin như: phương trình chính tắc, phương tiệm cận, đường tiệm cận, nón tiệm cận, đường thẳng và mặt phẳng liên hợp với 1 véc-tơ. + Giải thành thạo các bài toán liên quan đến không gian afin như chứng minh mục tiêu afin, tìm công thức đổi mục tiêu. + Viết được phương trình tham số, phương trình tổng quát và xét vị trí tương đối của các m-phẳng. + Chứng minh được một ánh xạ là một ánh xạ afin, một phép biến đổi afin. + Viết được biểu thức tọa độ của phép biến đổi afin, tìm ảnh và tạo ảnh của m-phẳng quan phép biến đổi afin, vận dụng phép biến đổi afin giải toán. + Giải thành thạo các bài toán liên quan đến siêu mặt bậc hai trong không gian afin như: tìm tâm, phương tiệm cận, đường tiệm cận, siêu phẳng kính, tiếp tuyến, phương trình chính tắc của siêu mặt bậc hai. - Thái độ +. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm.			
	Giải tích 3	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những khái niệm cơ bản về tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Ghi nhớ và nhắc lại được một số thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh về tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Biết được một số câu lệnh của Maple trong việc giải toán về tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Giải thích được những ví dụ cơ bản minh họa cho những tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Giải thích hoặc chứng minh được một số tính chất cơ bản của tích phân phụ	2	3	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Vận dụng được những khái niệm và tính chất cơ bản của tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt vào giải bài tập, giải quyết những học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. - Kĩ năng + Cho được ví dụ minh họa cho những khái niệm trong tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Đọc và viết được một số thuật ngữ chuyên ngành bằng Tiếng Anh về tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Giải được những dạng bài tập cơ bản và một số dạng bài tập nâng cao liên quan đến tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. + Sử dụng được phần mềm Maple trong giải toán về tích phân phụ thuộc tham số, tích phân bội, tích phân đường và tích phân mặt. - Thái độ + Nhận thấy được vai trò của học phần Giải tích 3 trong rèn luyện, phát triển tư duy và trong chương trình đào tạo. + Có thái độ đúng đắn về vai trò của môn học trong việc rèn luyện tính cẩn thận và chính xác trong tính toán; tính lôgic trong lập luận, giải thích và chứng minh. + Biết độc lập trong tư duy, đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm; sẵn sàng chịu trách nhiệm cho những kết luận chuyên môn của mình; nghiêm túc trong học tập, ý thức tự học và tự nghiên cứu.			
	Hình học Ơclit	- Kiến thức + Hiểu được những kiến thức về không gian Ơclít, khoảng cách, góc, thể tích. + Hiểu được ánh xạ đẳng cự của các không gian Ơclít, phân loại các phép biến đổi đẳng cự. + Nhớ được các khái niệm siêu mặt bậc hai trong không gian Ơclít, phương trình chuẩn tắc, siêu phẳng kính chính. - Kỹ Năng + Giải các bài toán liên quan đến không gian Ơclít như chứng minh một mục tiêu affine là một mục tiêu Ơclít, tìm tọa độ Ơclít. Giải các bài toán về phẳng trực	2	3	Thảo luận nhóm và seminar Kiểm tra đề đóng, 90 phút Thi đề đóng, 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giao, tính khoảng cách giữa hai cái phẳng, góc của hai cái phẳng, góc và thể tích của m-hộp và m-đơn hình. + Giải các bài toán về phép biến đổi đẳng cự. Ngoài các bài toán tương tự như phép biến đổi affine cần chú trọng các bài toán phân loại chính tắc các phép biến đổi đẳng cự trong E2 và E3, vận dụng vào giải các bài toán phổ thông. + Giải các bài về siêu mặt bậc hai trong không gian Ơclít như đưa phương trình về dạng chính tắc bằng cách sử dụng phép biến đổi đẳng cự. Tìm các phương chính, siêu phẳng kính chính, phương trình của siêu cầu, siêu phẳng đẳng phương, giao của siêu cầu và siêu phẳng vận dụng vào phổ thông. - Thái độ + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm.			
	Xác suất Thống kê	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất như các khái niệm và tính chất về biến cố ngẫu nhiên, xác suất các biến cố, biến ngẫu nhiên rời rạc và liên tục, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối xác suất thông dụng, vectơ ngẫu nhiên. + Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê như lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan và hồi quy tuyến tính. + Vận dụng được các kiến thức đã học vào thu thập và xử lý các số liệu từ thực tế nhằm phục vụ tốt cho học tập, nghiên cứu và công tác sau này. + Ghi nhớ và nhắc lại được một số thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về xác suất và thống kê. + Biết sử dụng ít nhất một phần mềm thống kê ở mức độ cơ bản (Excel, SPSS, R) hoặc dùng chức năng thống kê trên máy tính cầm tay để xử lý nhanh số liệu thực nghiệm và giải toán thống kê. - Kĩ năng + Giải được một số bài tập cơ bản về xác suất và thống kê.	3	6	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Đọc và viết được một số thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh cơ bản về xác suất và thống kê. + Xử lí số liệu thực nghiệm bằng máy tính cầm tay hoặc phần mềm thống kê (Excel, SPSS, R). + Có kĩ năng đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu; kĩ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo trước nhóm. - Thái độ + Có cách nhìn khoa học về các hiện tượng ngẫu nhiên trong đời sống, các yếu tố ngẫu nhiên trong toán học. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, ý thức tôn trọng kỉ luật và chịu trách nhiệm cá nhân với tập thể.			
	Hình học xạ ảnh	- Kiến thức + Hiểu được những kiến thức về không gian xạ ảnh (KGXA), mô hình trong KGXA, m-phẳng trong KGXA, tỉ số kép, nguyên tắc đối ngẫu, mô hình xạ ảnh. + Hiểu được ánh xạ xạ ảnh (AXXA), phép biến đổi xạ ảnh (BĐXA), phép thấu xạ trong KGXA. + Nhớ được các khái niệm siêu mặt bậc hai xạ ảnh, dạng chuẩn tắc, một số định lý cổ điển của HHXA và mối liên hệ giữa HHXA với hình học afin, hình học Ơclit. + Vận dụng được các kiến thức sơ cấp về hình học xạ ảnh. + Vận dụng những kiến thức cơ bản về hình học xạ ảnh kết hợp với các kiến thức về toán sơ cấp, phương pháp dạy học bộ môn toán và các kiến thức bổ trợ vào việc thiết kế, tổ chức quá trình giảng dạy toán ở trường phổ thông. - Kỹ năng + Xây dựng được các mô hình: xây dựng mô hình véc-tơ, mô hình bó, mô hình afin. + Chứng minh một hệ điểm là một mục tiêu xạ ảnh, tìm được công thức đổi mục tiêu.	3	4	Thảo luận nhóm, làm bài tập Kiểm tra đề đóng 60 phút Kiểm tra đề đóng 90 phút Thi đề đóng 120 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Giải thành thạo các bài toán liên quan đến m-phẳng như lập phương trình tham số, phương trình tổng quát, xét vị trí tương đối. Đặc biệt là các bài toán về đồng qui và thẳng hàng. + Xây dựng mô hình xạ ảnh, tìm hiểu ý nghĩa của tỉ số kép và áp dụng giải bài toán afin bằng phương pháp xạ ảnh. + Chứng minh một ánh xạ là một AXXA, một phép biến đổi xạ ảnh. + Viết biểu thức tọa độ của phép biến đổi xạ ảnh, tìm ảnh và tạo ảnh của m-phẳng qua phép biến đổi xạ ảnh. + Vận dụng các kết quả trong Chương 3 để tìm phương trình chính tắc của siêu mặt bậc hai, điểm liên hợp, siêu phẳng đối cực, điểm kì dị, siêu phẳn tiếp xúc, siêu phẳng liên hợp với siêu mặt bậc hai. + Vận dụng các kết quả của định lí cổ điển để giải các bài toán xạ ảnh, Ơclit, afin. + Hiểu và giải thành thạo một số bài toán hình học afin, Ơclit; sáng tạo, tìm đường lối giải các bài toán afin và Ơclit, qua đó giảng dạy toán hình học ở trung học phổ thông. - Thái độ + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm			
	Hàm biến phức	- Kiến thức + Ghi nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về số phức, hàm số biến số phức, lí thuyết tích phân, lí thuyết chuỗi hàm phức và lí thuyết thặng dư. + Phân biệt được các phép toán giải tích thực hiện trên hàm biến phức. + Áp dụng được lí thuyết để giải các bài toán cơ bản về số phức, hàm số biến số phức, lí thuyết tích phân, lí thuyết chuỗi hàm phức và lí thuyết thặng dư trong học phần. + Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức luyện tập, định hướng cho một số dạng toán liên quan cho học sinh trung học phổ thông. - Kĩ năng	2	6	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Giải được các bài tập cơ bản về số phức, hàm số biến số phức, lí thuyết tích phân, lí thuyết chuỗi hàm phức và lí thuyết thặng dư. + Vận dụng được lí thuyết về hàm biến phức để giải quyết một số bài toán cụ thể liên quan đến hàm số biến số phức. + Có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên. Có kĩ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ + Có khả năng làm việc độc lập, khả năng cộng tác, làm việc nhóm và thích nghi tốt. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân và đối với tập thể, bảo vệ được quan điểm cá nhân và tôn trọng tập thể. + Có thể tự lập kết hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Đại số sơ cấp	- Kiến thức: Học xong học phần này, người học có thể + Nhớ và trình bày được các kiến thức cơ bản về phương trình, bất phương trình, hệ phương trình và hệ bất phương trình, phương trình và bất phương trình vô tỉ, mũ, logarit, bất đẳng thức, bài toán cực trị. + Nhớ và trình bày được các dạng toán đại số sơ cấp ở trường THPT. + Vận dụng được các phương pháp giải toán đại số sơ cấp ở trường THPT trong quá trình học và dạy học. - Kỹ năng: Học xong học phần này, người học có thể + Hệ thống hóa được các kiến thức đại số sơ cấp ở trường phổ thông. + Giải thành thạo các dạng toán đại số từ cơ bản và dạng nâng cao để có thể vừa làm tốt việc giảng dạy đại trà vừa bồi dưỡng học sinh giỏi. + Khai thác và vận dụng nhiều phương pháp khác nhau và lựa chọn phương pháp giải thích hợp cho từng đối tượng học sinh vào thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học nội dung đại số. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của nội dung toán đại số sơ cấp trong chương trình phổ thông và trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.	3	5	Tự học, tự rèn luyện, bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Tự định hướng, tìm tòi các phương pháp giải khác nhau, đào sâu kiến thức thông qua đọc các tài liệu liên quan, bảo vệ được quan điểm cá nhân. + Có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, tích cực, chủ động và sáng tạo một cách độc lập. Hợp tác và có trách nhiệm với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.			
	Cơ sở hình học	- Về kiến thức + Hiểu được các kiến thức cơ bản của một số hệ tiên đề; có hiểu biết về việc vận dụng các tiên đề của hệ tiên đề Hilbert vào chứng minh các định lý. + Hiểu được ý nghĩa của vấn đề xây dựng hình học bằng phương pháp tiên đề. + Hiểu được một số tính chất và quan hệ của các hình hình học trong không gian. + Nắm vững khái niệm, tính chất của một số phép biến hình và bước đầu nắm được sự vận dụng phép biến hình vào giải bài toán hình học sơ cấp. - Về kĩ năng + Chứng minh được một số định lý dựa trên các tiên đề và định lý đã cho. + Có kĩ năng giải các bài toán hình học không gian liên quan đến quan hệ song song, vuông góc; tính chất của đa diện lồi, đa diện đều và thể tích khối đa diện. + Có kĩ năng giải các bài toán về phép biến hình trong mặt phẳng, vận dụng được một số phép biến hình vào giải các bài toán hình học. + Vận dụng được kiến thức của cơ sở hình học vào quá trình dạy học cũng như giải quyết các vấn đề của hình học sơ cấp. - Thái độ + Nhận thức được ý nghĩa của việc xây dựng hình học bằng phương pháp tiên đề, có ý thức biện chứng về vấn đề xây dựng hình học sơ cấp. + Có ý thức vận dụng kiến thức vào giảng dạy hình học trong chương trình toán ở trường phổ thông. + Chủ động, tích cực trong học tập, hợp tác, thảo luận và sửa bài tập. + Làm việc độc lập hay làm việc theo nhóm khi được phân công, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3	5	Điểm tự học, đánh giá thường xuyên Điểm kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần
	Số học và lý thuyết số	- Về kiến thức: Qua học phần này sinh viên đạt được những yêu cầu sau + Biết cách xây dựng các tập hợp số: Tự nhiên, nguyên, hữu tỷ, thực, phức. Quan hệ thứ tự trên các tập số này.	3	5	Bài tự học Kiểm tra Kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Vận dụng được mối liên hệ giữa các phép toán trên các tập hợp số đó vào giải toán. Biết được các tập hợp số sau là sự mở rộng của các tập hợp số trước. + Vận dụng được các khái niệm liên quan đến đồng dư thức vào giải toán. + Vận dụng được phương pháp giải phương trình, hệ phương trình đồng dư,… - Về kỹ năng: Qua học phần này sinh viên có được các kĩ năng sau + Kỹ năng về suy luận hợp logíc. + Kỹ năng về tìm tòi lời giải và trình bày lời giải bài toán một cách ngắn gọn, đầy đủ. + Kỹ năng về tương tự hoá, khái quát hoá, việc chuyển một bài toán mới theo bài toán đã biết. + Kỹ năng về tư duy độc lập, kỹ năng làm việc nhóm. - Thái độ: + Xem trọng học phần, thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần. Đặc biệt, ý nghĩa của học phần đối với việc giải toán THCS và THPT. + Tích cực, chủ động trong học tập. Hợp tác tốt với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.			Kiểm tra Thi viết 90 phút
	Lôgic toán	Hoàn thành môn học này, SV phải nắm vững các vấn đề cơ bản về logic toán, những thể hệ của logic toán trong môn toán ở tường phổ thông, cụ thể là: '- Về kiến thức: + Hiểu Mệnh đề, đại số mệnh đề và các phép toán trên mệnh đề + Nắm vững đại số vị từ và ứng dụng + Nắm vững Hệ toán mệnh đê và ứng dụng + Xác định rõ mối liên hệ giữa logic toán với nội dung môn toán phổ thông cũng như thực tiễn cuộc sống. + Phát triển tư duy logic - Về kỹ năng: + Kĩ năng vận dụng kiến thức logic vào giải toán + Kĩ năng vận dụng kiến thức logic vào phân tích cấu trúc toán phổ thông; + Kĩ năng vận dung kiến thức logic vào giải quyết các vấn đề thực tiễn - Thái độ + Tự lực nghiên cứu, thu nhận kiến thức logic và ứng dụng.	2	6	Kiểm tra giữa kì Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có tính biện chứng, logic về các vấn đề thực tiễn. + Có trách nhiệm cá nhân, bên cạnh ý thức tập thể và tính cộng đồng.			
	Đại số đại cương	- Kiến thức + Hiểu được các khái niệm liên quan đến cấu trúc nhóm như: khái niệm nhóm, nhóm con, nhóm con chuẩn tắc, nhóm thương, đồng cấu nhóm, ... + Biết được nhóm thương của một nhóm trên nhóm con chuẩn tắc của nó. Xây dựng được ánh xạ mà nó là đồng cấu nhóm. + Hiểu được các khái niệm liên quan đến cấu trúc vành và trường như: khái niệm vành, trường, vành con, trường con, iđêan, vành thương, đồng cấu vành, ... + Biết được vành thương của một vành trên iđêan của nó. Xây dựng được ánh xạ mà nó là đồng cấu vành. + Hiểu bày được các khái niệm liên quan đến vành đa thức một ẩn và vành đa thức nhiều ẩn như: bậc, nghiệm, phép chia với dư, đa thức đối xứng, ... + Vận dụng được phương pháp biểu diễn một đa thức đối xứng qua các đa thức đối xứng cơ bản. + Kỹ năng + Kiểm tra được nhóm, nhóm con, nhóm con chuẩn tắc,… + Xây dựng ánh xạ từ nhóm vào nhóm và chứng minh nó là đồng cấu nhóm, đơn cấu, toàn cấu, đẳng cấu, … + Kiểm tra được vành, trường, vành con, trường con, iđêan, … + Xây dựng ánh xạ từ vành vào vành và chứng minh nó là đồng cấu vành, đơn cấu, toàn cấu, đẳng cấu, … + Biểu diễn được một đa thức đối xứng qua các đa thức đối xứng cơ bản. - Thái độ + Tự chủ trong việc lập kế hoạch, quản lý và điều phối các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức trách nhiệm đối với những tính toán, chứng minh của mình và trách nhiệm đối với nhóm trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.	3	3	Kiểm tra đề đóng, 50 phút Kiểm tra đề đóng, 50 phút Thi đề đóng, 90 phút
	Phương pháp dạy học đại cương môn toán	Hoàn thành môn học này, SV phải nắm vững các vấn đề cơ bản về lý luận dạy học môn toán ở trường THPT, cụ thể là: '- Về kiến thức:	3	4	Tiểu luận Kiểm tra giữa kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Hiểu mục đích và nguyên tắc dạy học Toán ở trường THPT + Nắm vững chương trình môn toán Toán THPT (chương trình 2002) + Nắm vững lí luận và các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt + động học tập của học sinh. - Về kỹ năng: + Biết sử dụng SGK toán THPT + Biết soạn bài lên lớp và hướng dẫn học sinh học tập + Biết lựa chọn phương pháp hợp lí cho bài giảng, biết đánh giá kết quả học tập của học sinh. - Thái độ + Yêu nghề dạy toán, có trách nhiệm với nghề nghiệp tương lai của mình để từ đó tự mình nâng cao năng lực tự học phân môn. + Có trách nhiệm thường xuyên nâng cao năng lực NVSP + Có trách nhiệm thường xuyên đúc rút kinh nghiệm, bồi dưỡng lí luận để có + tiềm lực thích ứng lâu dài theo yêu cầu không ngừng đổi mới nội dung và phương pháp dạy học môn Toán.			Thi hết học phần
	Phương trình vi tích phân	-Kiến thức + Trình bày được các kiến thức cơ bản về lí thuyết phương trình vi phân (PTVP) cấp một, PTVP cấp cao và hệ PTVP như sự tồn tại nghiệm, cách biến đổi và tìm nghiệm, một số bài toán liên quan. + Biết sử dụng phần mềm Maple vào việc tìm nghiệm của PTVP, hệ PTVP. Biết được một số thuật ngữ Tiếng Anh cơ bản liên quan đến PTVP, hệ PTVP. + Có những hiểu biết cơ bản về các lỗi sai sót thường gặp và biện pháp khắc phục khi giải PTVP, hệ PTVP. + Biết vận dụng các kiến thức đã học về PTVP vào việc soi sáng, định hướng cho một số dạng toán liên quan cấp trung học phổ thông. - Kĩ năng + Nhận dạng và phân loại được các PTVP, hệ PTVP cơ bản và giải chính xác các bài toán cơ bản về PTVP cấp một, PTVP cấp cao và hệ PTVP. + Sử dụng được phần mềm Maple để tìm nghiệm của PTVP, hệ PTVP. Có thể sử dụng một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành cơ bản nhận được từ học phần	2	4	Đánh giá quá trình (Điểm chuyên cần Điểm tích cực, làm bài tập; điểm kiểm tra giữa kì) Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để tìm kiếm tài liệu liên quan đến PTVP. + Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc soi sáng định hướng cho một số dạng toán liên quan cấp trung học phổ thông. - Thái độ + Có cách nhìn khoa học về vai trò cơ bản của lí thuyết PTVP trong đời sống và trong toán học. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Cẩn thận và đề cao tính chính xác trong tính toán. Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
	Tôpô đại cương	- Kiến thức + Ghi nhớ và trình bày được các kiến thức cơ bản về không gian tôpô, không gian metric, không gian định chuẩn, tập con trong không gian, vị trí tương đối của một điểm đối với một tập, sự hội tụ của dãy điểm trong không gian và ánh xạ liên tục trên các không gian. + Ghi nhớ và trình bày được một số lớp không gian metric, không gian tôpô, không gian định chuẩn đặc biệt, thường gặp và một số tính chất có bản của chúng. + Giải thích được mối liên hệ giữa metric với tôpô và định chuẩn và biết được ý nghĩa của nó. + Giải thích được mối liên hệ giữa khái niệm cơ bản trong không gian tôpô, không gian metric, không gian định chuẩn với các khái niệm tương ứng trong giải tích cổ điển. + Áp dụng được lí thuyết để giải các bài toán cơ bản về tôpô, metric, chuẩn trong học phần. - Kĩ năng + Cụ thể hóa các khái niệm, cho được ví dụ minh họa. + Giải được các bài toán cơ bản thuộc học phần tôpô đại cương. Vận dụng được kiến thức học phần để liên hệ với kiến thức toán cổ điển, phổ thông. + Phát triển kĩ năng tư duy toán học, trình bày, suy luận logic, kĩ năng tự học và	3	5	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự nghiên cứu. + Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ + Có khả năng làm việc độc lập, khả năng cộng tác, làm việc nhóm và thích nghi tốt. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân và đối với tập thể, bảo vệ được quan điểm cá nhân và tôn trọng tập thể. + Có thể tự lập kết hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Phương pháp dạy học giải tích và xác suất	- Về kiến thức + Hiểu biết các kiến thức cơ bản của giải tích và xác suất ở trường THPT. + Hiểu được dụng ý của chương trình và cách trình bày SGK phần giải tích và xác suất đang giảng dạy ở trường THPT. + Hiểu được cơ sở khoa học, lí luận dạy học tích cực và những điểm lưu ý khi dạy học giải tích và xác suất ở trường THPT. - Về kĩ năng + Hệ thống hóa được các kiến thức, bài tập giải tích và xác suất ở trường THPT. + Có những kĩ năng dạy học giải tích và xác suất ở trường THPT. + Thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học phần giải tích và xác suất trên lớp. + Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học vào thiết kế và tổ chức dạy học giải tích và xác suất. - Thái độ + Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học trong giảng dạy ở trường THPT. + Tự định hướng và tìm tòi các phương pháp giải nội dung giải tích và xác suất; có ý thức thường xuyên nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học. + Chuyên cần, chủ động, tích cực thảo luận, sửa bài tập trong học tập, tự học, tự nghiên cứu; hợp tác và có trách nhiệm tốt khi làm việc các chủ đề được giao.	3	5	Tiểu luận KTTX Thi hết học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Hình học vi phân	- Kiến thức + Trình bày được các khái niệm đường chính qui, đường tham số hoá tự nhiên tương đương, đường cong phẳng, độ cong đại số, đường cong song chính qui, độ cong, độ xoắn, trường mục tiêu Frenet và công thức Frenet, các đường thẳng và mặt phẳng đặc biệt của đường cong trong không gian. + Xây dựng được các công thức tính độ dài, độ cong và độ xoắn của các loại đường cong. + Phát biểu được các khái niệm: mặt chính qui, mặt tham số chính qui, phép đổi tham số, hàm khả vi trên mặt, mặt phẳng tiếp xúc, các dạng cơ bản của một mặt tham số, diện tích của một mặt chính qui, mặt định hướng được, ánh xạ Gauss, độ cong chính, độ cong trung bình và độ cong Gauss, đường chính và đường tiệm cận của mặt. + Hiểu được các công thức xây dựng tham số của mặt tròn xoay, công thức tính diện tích, độ dài và góc của các đường cong trên mặt theo dạng cơ bản thứ nhất, công thức tính các loại độ cong trên mặt. - Kỹ Năng + Kiểm tra được tính chính qui, song chính qui của một đường cong. + Xây dựng được tham số hoá của một đường cong khi biết quĩ tích của chúng. + Tính được độ dài, độ cong và độ xoắn của một đường cong. + Viết được các phương trình tiếp tuyến, pháp tuyến, trùng pháp tuyến, mặt phẳng trực đạt, mật tiếp, pháp của đường cong trong . + Sử dụng các công thức Frenet để chứng minh một tính chất hình học của đường cong phẳng, đường cong trong không gian. + Vận dụng các kết quả của lí thuyết đường giải quyết một số bài toán thực tế. + Sử dụng định nghĩa hay mệnh đề để chứng minh được một tập là một mặt chính qui. + Thiết lập được tham số hoá của một mặt chính qui trong một lân cận địa phương (xác định các bản đồ địa phương của mặt chính qui). + Viết được phương trình mặt phẳng tiếp xúc, pháp tuyến của một mặt tham số. + Tính được hệ số của dạng cơ bản thứ nhất và tính toán các yếu tố về metric của mặt và đường trên mặt thông qua hệ số cơ bản thứ nhất.	3	6	Kiểm tra đề đóng, 60 phút: chương 1 Kiểm tra đề đóng, 60 phút: xoắn 1, xoắn 2 chương 2 Kiểm tra đề đóng, 90 phút: nội dung chương 2 Báo cáo nhóm Thi đề đóng, 120 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Tính được dạng cơ bản thứ hai và tính các độ cong, phương trình các đường chính và đường tiệm cận trên mặt. + Vận dụng các kết quả trong Chương 2 để chứng minh một số tính chất hình học của mặt tham số chính qui. + Vận dụng các kết quả về độ cong trung bình và độ cong Gauss giải một số bài toán thực tế về mặt tham số. - Thái độ + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm.			
	Độ đo - Tích phân	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những khái niệm cơ bản liên quan đến lí thuyết độ đo và tích phân Lebesgue. + Giải thích được những ví dụ cơ bản minh họa cho những khái niệm liên quan đến lí thuyết độ đo và tích phân Lebesgue. + Giải thích hoặc chứng minh được một số tính chất cơ bản của độ đo và tích phân Lebesgue. + Vận dụng được những khái niệm và tính chất cơ bản của lí thuyết độ đo và tích phân Lebesgue vào giải bài tập, giải quyết những học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. - Kĩ năng + Cho được ví dụ minh họa cho những khái niệm liên quan đến lí thuyết độ đo và tích phân Lebesgue. + Giải được những dạng bài tập cơ bản và một số dạng bài tập nâng cao liên quan đến lí thuyết độ đo và tích phân Lebesgue. + Hình thành được kĩ năng tư duy toán học, trình bày, suy luận logic, kĩ năng tự học và tự nghiên cứu. + Hình thành được kĩ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ	2	6	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có khả năng tự kiểm tra các tính toán, lập luận. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với những tính toán, lập luận và đặt vấn đề phát triển bài toán. + Có thể tự lập kế hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Đa thức và nhân tử hóa	- Kiến thức + Hiểu được các khái niệm liên quan đến vành đa thức một biến và nhiều biến như: Phép chia đa thức, nghiệm, hàm đa thức một biến, đa thức đối xứng, … + Vận dụng được thuật toán Euclide về phép chia có dư, phương pháp biểu diễn đa thức đối xứng qua các đa thức đối xứng cơ bản. + Hiểu được các khái niệm liên quan đến nhân tử hóa trên các miền nguyên như: phần tử liên kết, phần tử bất khả quy, sự tồn tại duy nhất của dạng nhân tử hóa + Vận dụng được các miền nguyên Gauss, miền nguyên chính và miền nguyên Euclid. Cho được các ví dụ minh họa. - Kỹ năng + Tìm được đa thức thương và dư trong phép chia đa thức cho đa thức. Chứng minh được đa thức f(x) chia hết cho đa thức g(x) cho trước. + Biểu diễn được đa thức đối xứng qua các đa thức đối xứng cơ bản. + Chuyển đổi linh hoạt giữa các ngôn ngữ của đại số để giải quyết các vấn đề cụ thể trong vành nhân tử hoá. Đặc biệt chú trọng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ iđêan để nghiên cứu các tính chất cơ bản của vành nhân tử hoá. + Kĩ thuật chứng minh iđêan là iđêan chính, kỹ thuật phân tích đa thức cho trước thành tích các nhân tử bất khả quy trong các trườns số. - Thái độ + Tự chủ trong việc lập kế hoạch học tập, quản lý và điều phối các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức trách nhiệm đối với những tính toán, lập luận, chứng minh và trách nhiệm với nhóm làm việc trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.	2	6	Kiểm tra đề đóng, 50 phút Kiểm tra đề đóng, 50 phút Thi đề đóng, 90 phút
	Phương pháp dạy học đại số	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học có thể + Nắm vững các kiến thức cơ bản về hệ thống số, hàm số, phương trình và bất phương trình.	2	6	Tiểu luận KTTX

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình và hệ thống bài tập đại số ở trường THPT. + Nắm vững phương pháp dạy học đại số ở trường THPT. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Kỹ năng hệ thống hóa được các kiến thức và kỹ năng giải bài tập đại số ở trường THPT. + Kỹ năng dạy học đại số thông qua một số tiết dạy mẫu cụ thể trên lớp. + Kỹ năng lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp vào thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học nội dung đại số. + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm thông qua việc giải hệ thống bài tập. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học từ đó tự mình có thể thiết kế bài soạn các giờ dạy đại số ở Trường Phổ thông. + Có trách nhiệm trong việc nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, tự chủ trong việc hợp tác theo nhóm với các thành viên khác trong học tập và rèn luyện. + Có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, tích cực, chủ động và sáng tạo. Có năng lực tự học và tự rèn luyện; tự định hướng và tự phân tích nội dung học tập để áp dụng vào dạy Đại số ở Trường Phổ thông.			Thi hết học phần
	Hình học sơ cấp	- Kiến thức + Hiểu được các kiến thức cơ bản về các bài toán quỹ tích, dựng hình như các quỹ tích cơ bản, các tiên đề dựng hình. + Hiểu kiến thức về các bước giải bài toán quỹ tích và dựng hình, các phương pháp giải bài toán quỹ tích và dựng hình. + Biết liên hệ giữa hình học cao cấp và hình học sơ cấp trong dạy học, bước đầu nắm được sự vận dụng hình học cao cấp vào giải bài toán hình học sơ cấp. - Kĩ năng + Thực hiện được việc giải các bài toán quỹ tích, dựng hình. + Vận dụng được kiến thức hình học cao cấp trong định hướng giải bài toán hình học sơ cấp. + Thực hiện được việc giải được bài toán hình học bằng các phương pháp khác	2	6	Điểm tự học, đánh giá thường xuyên Điểm kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhau. + Làm lại được việc vận dụng kiến thức hình học vào quá trình dạy học cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn. - Thái độ + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm.			
	Phương pháp dạy học hình học	- Về kiến thức + Nắm vững các kiến thức cơ bản của hình học ở trường THPT như phép biến hình, hình học không gian, vectơ và tọa độ trong mặt phẳng và không gian. + Hiểu được nội dung hình học trong chương trình SGK ở trường THPT. + Hiểu biết về sự vận dụng lí luận dạy học tích cực và những điểm lưu ý khi dạy học các nội dung hình học ở trường THPT. - Về kĩ năng + Hệ thống hóa được các kiến thức, phương pháp giải bài toán hình học ở trường THPT. + Rèn luyện cho SV những kỹ năng dạy học hình học ở trường THPT. + Có kĩ năng thiết kế bài dạy hình học và tổ chức dạy học hình học trên lớp. + Có kĩ năng lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp vào thiết kế và tổ chức dạy học các nội dung hình học. - Thái độ + Có ý thức thường xuyên nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, biết đúc kết rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học. + Hợp tác, chủ động, tích cực, độc lập, trong tự học, tự nghiên cứu.	3	7	Tiểu luận KTTX Thi hết học phần
	Giải tích hàm	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những khái niệm cơ bản của không gian Hilbert, một số định lí cơ bản của giải tích hàm và nhập môn lí thuyết toán tử; ghi nhớ và nhắc lại được và ý nghĩa của những khái niệm cơ bản đó. + Hiểu được những tính chất cơ bản và ví dụ minh họa cùng với các chứng minh tương ứng trong nội dung của học phần.	3	7	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Vận dụng được một số tính chất cơ bản của không gian Hilbert, một số định lí cơ bản của giải tích hàm và nhập môn lí thuyết toán tử trong giải quyết các bài tập lí thuyết cũng như bài tập tính toán trong nội dung của học phần. - Kĩ năng + Minh họa cụ thể được những khái niệm và tính chất cơ bản của không gian Hilbert, một số định lí cơ bản của giải tích hàm và nhập môn lí thuyết toán tử. + Giải được những dạng bài tập lí thuyết cũng như bài tập tính toán trong nội dung của học phần. + Phát triển kĩ năng tư duy toán học, trình bày, suy luận logic, kĩ năng tự học và tự nghiên cứu. + Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ + Có khả năng làm việc độc lập, khả năng cộng tác, làm việc nhóm và thích nghi tốt. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân và đối với tập thể, bảo vệ được quan điểm cá nhân và tôn trọng tập thể. + Có thể tự lập kế hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Phương trình nghiệm nguyên	- Kiến thức + Hiểu được các khái niệm liên quan đến phương trình Diophante bậc nhất n ẩn, đặc biệt là phương trình Diophante bậc nhất 2 ẩn như: điều kiện có nghiệm, tập nghiệm, … + Xây dựng được các phương pháp giải phương trình Diophante bậc nhất n ẩn, đặc biệt là phương trình Diophante bậc nhất 2 ẩn. + Hiểu được các khái niệm liên quan đến phương trình Pell loại 1, loại 2 và phương trình Pell tổng quát. + Xây dựng được các phương pháp giải cho phương trình Pell loại 1, loại 2 và phương trình Pell tổng quát. + Trình bày được các khái niệm liên quan đến phương trình Pitago và một số dạng mở rộng của nó.	2	7	Kiểm tra đề đóng, 50 phút: chương 1 Kiểm tra đề đóng, 50 phút: chương 2 Thi đề đóng, 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Hiểu được các chứng minh định lý lớn Fecmat với n=3 và n=4. - Kỹ năng + Giải được phương trình Diophante bậc nhất n ẩn. + Giải được phương trình Diophante bậc nhất 2 ẩn ít nhất bằng 3 cách: Tìm nghiệm riêng bằng liên phân số và áp dụng công thức nghiệm tổng quát; bằng thuật toán Euclide; bằng việc giải phương trình đồng dư bậc nhất. + Giải được phương trình Pell loại 1, loại 2 và phương trình Pell tổng quát. + Giải được phương trình Pitago và một số dạng mở rộng của phương trình Pitago. + Chứng minh lại được định lý lớn Fecmat trong trường hợp n=3 và n=4. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần đối với việc giải toán THCS và THPT. Bản thân có trách nhiệm với việc học tập học phần. + Tự định hướng, tìm tòi các phương pháp giải khác nhau, đào sâu kiến thức thông qua đọc các tài liệu liên quan, bảo vệ được quan điểm cá nhân. + Chủ động và sáng tạo một cách độc lập. Hợp tác và có trách nhiệm với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.			
	Giải thuật máy tính cầm tay và ứng dụng vào giải toán phổ thông	- Kiến thức + Giải thích được các chức năng thông dụng được thiết kế sẵn trên một số dòng MTCT sau đây để giải một số dạng toán phổ thông: Casio fx 570 VN PLUS, Casio fx 580VN X và các máy tính có chức năng tương đương (được gọi chung là các dòng MTCT phổ thông). Ưu tiên đối với dòng MTCT cao cấp nhất được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mang vào phòng thi theo quy định hiện hành. + Nhớ và nhắc lại các kiến kiến thức cơ bản về sự gán biến, vòng lặp, giải thuật lập trình trên các dòng MTCT phổ thông. + Có những hiểu biết cơ bản về các lỗi sai sót thường gặp và biện pháp khắc phục khi sử dụng các dòng MTCT phổ thông. + Biết sử dụng các dòng MTCT phổ thông vào giải và tìm tòi lời giải cho một số dạng toán cơ bản và nâng cao cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông. Đặc biệt là các dạng toán thi trung học phổ thông quốc gia. + Biết vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức luyện tập cho học sinh giỏi các	2	7	Đánh giá quá trình (Điểm chuyên cần Điểm tích cực, làm bài tập; điểm kiểm tra giữa kì) Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kì thi MTCT cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. - Kĩ năng + Sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản được thiết kế sẵn trên các dòng MTCT phổ thông để tính toán và giải một số dạng toán cơ bản có thể gọi được kết quả một cách trực tiếp từ máy. + Viết chính xác và chạy được vòng lặp, giải thuật lập trình cơ bản trên các dòng MTCT phổ thông để giải một số dạng toán cơ bản có thể thông qua lập trình để giải. + Sử dụng được các dòng MTCT phổ thông vào giải và tìm tòi lời giải, định hướng giải cho một số dạng toán cơ bản và nâng cao cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông. Đặc biệt là các dạng toán thi trung học phổ thông quốc gia. - Thái độ + Yêu thích số học và có được cách nhìn khoa học về sự kết hợp giữa MTCT và toán học sơ cấp. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, cẩn thận và đề cao tính chính xác trong tính toán. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
	Lý thuyết môđun	- Về kiến thức: Qua học phần này sinh viên nắm được các kiến thức sau + Môđun, môđun con, môđun thương, đồng cấu. + Tổng và tích các môđun. + Môđun nội xạ và môđun xạ ảnh. + Bao nội xạ và phủ xạ ảnh của môđun. + Môđun Artin và môđun Noether. - Về kỹ năng: Qua học phần này sinh viên có được các kĩ năng sau + Kỹ năng suy luận chặt chẽ, tổng quát hóa, cụ thể hóa … + Kỹ năng sử dụng hợp lí một số kỹ thuật cơ bản của toán học: kỹ thuật chứng minh một mệnh đề (chứng minh trực tiếp hoặc bằng phương pháp phản chứng),	2	7	Kiểm tra: chương 1 Kiểm tra: chương 2 Thi viết 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ thuật chứng minh các phát biểu tương đương, kỹ thuật kiểm tra một cấu trúc đại số. + Biết vận dụng các khái niệm cơ bản về môđun để giải các bài toán liên quan và liên hệ các khái niệm này vào các tập hợp quen thuộc, tạo tiền đề cho việc nghiên cứu sâu chuyên ngành đại số. + Kỹ năng nhìn một đối tượng theo từng khía cạnh khác nhau của toán học. Đặc biệt chú trọng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ hình học để minh họa trực quan của các định lý của đại số, kỹ thuật biểu diễn một đối tượng hình học dưới dạng đại số. - Về thái độ: Trong quá trình học tập, sinh viên phải thể hiện rõ + Thái độ xem trọng môn học, tôn trọng giảng viên bộ môn. + Thái độ cần cù, kiên nhẫn trong quá trình chiếm lĩnh kiến thức. + Thái độ tích cực xây dựng bài và sửa các bài tập. + Thái độ ham học hỏi, suy luận phát hiện vấn đề. + Thái độ nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra giữa kì, thi kết thúc môn học. + Thái độ có thiện chí hợp tác với nhóm học tập khi tự nghiên cứu hay thảo luận.			
	Lý thuyết đồ thị	- Về kiến thức: Qua học phần này sinh viên cần đạt được các yêu cầu sau: + Hiểu và tái hiện được các khái niệm về đồ thị có hướng, vô hướng + Vận dụng được khái niệm đồ thị có trọng số vào các bài toán tối ưu + Biết được khái niệm đồ thị Euler và đồ thị Hamilton + Vận dụng được khái niệm đại số đồ thị vào việc nghiên cứu các cấu trúc toán học. - Về kỹ năng: Qua học phần này sinh viên có được các kĩ năng sau + Kỹ năng suy luận hợp logic. + Kỹ năng trình bày một chứng minh toán học thỏa 3 yêu cầu cơ bản của một phép chứng minh toán học. + Kỹ năng sử dụng hợp lí các phương pháp chứng minh để giải quyết một vấn đề toán học cụ thể. + Một số kỹ năng cơ bản của đại số: qui lạ về quen, suy diễn, suy luận kín kẽ, … - Thái độ: + Tự chủ trong việc lập kế hoạch học tập, quản lý và điều phối các hoạt động học	2	7	Kiểm tra: chương 1 Kiểm tra: chương 2 Kiểm tra: chương 3 Bài tự học Thi viết 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập như hoạt động tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức trách nhiệm đối với những tính toán, lập luận, chứng minh và trách nhiệm với nhóm làm việc trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.			
	Giải tích số	- Kiến thức + Trình bày được các kiến thức cơ bản về lí thuyết giải tích số như số gần đúng và sai số; phương pháp giải gần đúng phương trình đại số, hệ phương trình tuyến tính; đa thức nội suy; tính gần đúng đạo hàm tích phân và giải gần đúng phương trình vi phân. + Vận dụng được kiến thức từ học phần để giải một số bài tập về giải tích số. + Biết sử dụng máy tính cầm tay và phần mềm Maple để tính toán và lập trình tính toán một số vấn đề cơ bản trong giải tích số. + Biết một số thuật ngữ Tiếng Anh cơ bản liên quan đến lí thuyết giải tích số. - Kĩ năng + Có kĩ năng giải bài tập liên quan đến giải tích số như số gần đúng và sai số; phương pháp giải gần đúng phương trình đại số, hệ phương trình tuyến tính; đa thức nội suy; tính gần đúng đạo hàm tích phân và giải gần đúng phương trình vi phân. + Sử dụng thành thạo máy tính cầm tay và phần mềm Maple để tính toán và lập trình tính toán một số vấn đề cơ bản trong giải tích số. + Sử dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành nhận được từ học phần để tìm kiếm tài liệu toán quốc tế liên quan đến giải tích số. + Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc soi sáng định hướng cho một số dạng toán liên quan cấp trung học phổ thông. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa, vai trò của tính toán xấp xỉ trong toán học. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Cẩn thận và đề cao tính chính xác trong tính toán. Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm	2	7	Đánh giá quá trình (Điểm chuyên cần Điểm tích cực, làm bài tập; điểm kiểm tra giữa kì) Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cá nhân. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
	Phương trình đạo hàm riêng	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về PTĐHR, phân loại PTĐHR và ba loại PTĐHR thường gặp là phương trình loại ellip, hyperbol và parabol. + Biết ứng dụng phần mềm Maple vào việc tìm nghiệm của PTĐHR. Biết được một số thuật ngữ Tiếng Anh cơ bản liên quan đến PTĐHR. + Có những hiểu biết cơ bản về các lỗi sai sót thường gặp và biện pháp khắc phục khi giải PTĐHR. - Kĩ năng + Giải được các bài toán cơ bản về tìm nghiệm của PTĐHR cấp 1, cấp 2, phân loại PTĐHR tuyến tính cấp hai trong trường hợp hai biến, đưa về dạng chính tắc. + Giải được các bài toán cơ bản liên quan đến phương trình loại ellip, hyperbol và parabol. + Sử dụng thành thạo phần mềm Maple để tìm nghiệm của PTĐHR. Vận dụng được một số thuật ngữ cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến PTĐHR. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và vai trò cơ bản của lí thuyết PTĐHR trong đời sống và trong toán học. + Có được tính cẩn thận và đề cao tính chính xác trong tính toán. + Có khả năng cộng tác, làm việc nhóm và có thể tự lập kế hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.	2	7	Đánh giá quá trình (Điểm chuyên cần Điểm tích cực, làm bài tập; điểm kiểm tra giữa kì) Thi kết thúc học phần
	Phương pháp tối ưu trong toán học phổ thông	- Kiến thức + Biết cách mô hình một bài toán thực tế về các bài toán tối ưu. + Sử dụng được một số thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành. + Trình bày lại được các khái niệm tập ràng buộc, một số loại nghiệm tối ưu, một số tính chất cơ bản của tập nghiệm một số bài toán tối ưu. + Trình bày lại được một số phương pháp tìm nghiệm của một số bài toán tối ưu. + Vận dụng được các kiến thức của môn học vào việc giải quyết một số bài toán trong các môn học khác, trong Toán học phổ thông và một số bài toán trong thực	2	7	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tế đời sống. - Kĩ năng + Sử dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành từ học phần để tìm kiếm tài liệu toán quốc tế liên quan đến lí thuyết tối ưu. + Giải thành thạo một số bài tập về mô hình bài toán tối ưu và tìm nghiệm bài toán tối ưu. + Vận dụng thành thạo các kiến thức của Lý thuyết tối ưu vào giải một số dạng toán trong Toán học phổ thông. - Thái độ + Thấy được vai trò của Lý thuyết tối ưu trong giải quyết một số bài toán phổ thông và trong việc vận dụng vào đời sống. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của môn học trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của môn học này trong chương trình đào tạo. + Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đam mê nghiên cứu.			
	Cơ sở lý thuyết xác suất	- Kiến thức + Trình bày được cơ sở toán học của lí thuyết xác suất thông qua việc xây dựng không gian xác suất và một số khái niệm liên quan như biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các dạng hội tụ, luật số lớn của dãy biến ngẫu nhiên theo quan điểm hiện đại. + Phân biệt được sự khác nhau giữa việc xây dựng không gian xác suất theo quan điểm cổ điển và theo quan điểm hiện đại. Nhận biết được mối quan hệ cơ bản giữa lí thuyết độ đo tích phân và lí thuyết xác suất hiện đại. + Biết một số thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến độ đo xác suất, biến ngẫu nhiên, luật số lớn. - Kĩ năng + Giải được và chính xác các bài tập cơ bản liên quan về cơ sở lý thuyết xác suất hiện đại như độ đo xác suất, không gian xác suất, biến ngẫu nhiên, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, hội tụ của biến ngẫu nhiên, luật số lớn. + Áp dụng được một số kiến thức về cơ sở lí thuyết xác suất hiện đại để soi sáng một số kiến thức toán phổ thông liên quan.	2	7	Đánh giá quá trình (Điểm chuyên cần Điểm tích cực, làm bài tập; điểm kiểm tra giữa kì) Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sử dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành cơ bản từ học phần để tìm kiếm tài liệu liên quan đến lí thuyết xác suất. - Thái độ + Nhận thấy được một số ứng dụng của luật số lớn và định lí giới hạn trung tâm thể hiện qua một số quy luật vận động của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
	Dạy học Toán trung học phổ thông theo STEM	- Kiến thức + Mô tả được giáo dục STEM; + Biết được thực tiễn của việc triển khai giáo dục STEM trên thế giới và ở Việt Nam; + Nhận ra được tính cấp thiết của triển khai giáo dục STEM ở Việt Nam + Xác định được các bước tiến hành dạy học một chủ đề, qui trình biên soạn giáo trình, đánh giá theo giáo dục STEM. - Kỹ Năng + Biên soạn một chủ đề dạy học theo giáo dục STEM; + Tổ chức lớp học và tiến hành dạy học một chủ đề theo giáo dục STEM ở mức độ đơn giản; + Đánh giá kết quả học tập theo giáo dục STEM. - Thái độ + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm.	2	6	Thảo luận nhóm và seminar Kiểm tra đề đóng, 90 phút
	Sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học toán	- Kiến thức + Hiểu được vai trò của các phần mềm hỗ dạy học toán. + Biết cách sử dụng và khai thác các phần mềm toán học hỗ trợ dạy học đại số,	2	6	Chuyên cần Bài tập cá nhân và bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải tích, xác suất, hình học. + Vận dụng phối hợp các phần mềm trong thiết kế bài giảng điện tử môn toán. - Kỹ năng + Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ dạy học và nghiên cứu toán. + Thiết kế sáng tạo các bài giảng điện tử môn toán có sự hỗ trợ của phần mềm. + Làm việc theo nhóm và năng lực tự học. - Thái độ + Có ý thức rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc trong công việc. + Có được những phẩm chất cần thiết của kỉ nguyên số như: sự năng động, sáng tạo, chính xác, khoa học. + Độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.			nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần (Bài tập lớn)
	Dạy học môn toán theo định hướng tiếp cận phát triển năng lực	Hoàn thành môn học này, sinh viên phải hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về lý luận dạy học toán theo định hướng tiếp cận năng lực; Các phương pháp dạy học phù hợp với định hướng tiếp cận năng lực, cụ thể là: '- Về kiến thức + Phân tích được lý luận về dạy học tiếp cận năng lực và bước đầu vận dụng trong dạy học toán; + Hiểu và phân tích được nội dung các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với dạy học tiếp cận năng lực trong môn toán. Có những hiểu biết về đánh giá năng lực; + Phân tích được chương trình Toán trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. - Về kỹ năng: + Biết soạn giáo án theo hướng tiếp cận năng lực; + Biết tổ chức thực hành các hoạt động dạy học toán theo hướng tiếp cận năng lực hoặc đánh giá năng lực; + Thực hiện được một số chủ đề điển hình. - Về thái độ + Có thái độ đúng đắn về đổi mới giáo dục toán phổ thông + Có ý thức thường xuyên nâng cao năng lực NVSP. + Có kế hoạch thường xuyên đúc rút kinh nghiệm, bồi dưỡng lí luận để có tiềm	2	7	Kiểm tra giữa kì Thực hiện chuyên đề cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lực thích ứng lâu dài theo yêu cầu không ngừng đổi mới nội dung và phương pháp dạy học môn Toán.			
	Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học môn Toán	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học + Hiểu được một số khái niệm liên quan đến đánh giá kết quả học tập. + Biết mục đích, vị trí, vai trò của đánh giá kết quả học tập trong quá trình dạy học. + Hiểu các phương pháp của đánh giá kết quả học tập. + Biết các công cụ để thu thập thông tin. + Biết các phương pháp và kĩ thuật xử lí thông tin. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Lập kế hoạch đánh giá kết quả học tập của HS. + Thiết kế được ma trận đề kiểm tra, đề thi với hình thức tự luận, trắc nghiệm; thiết kế phiếu học tập, … + Thành thạo trong việc tính toán các đặc trưng định lượng cơ bản của một câu hỏi và một bài trắc nghiệm (độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy, độ giá trị…). - Thái độ + Nhận thức đúng đắn và tự cải tiến về hoạt động kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học môn Toán. + Hình thành thái độ công bằng, khách quan và khoa học trong kiểm tra đánh giá. Tự định hướng việc nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm thông qua hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh, biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học. + Có thái độ học tập tích cực, chủ động và sáng tạo một cách độc lập. Hợp tác và có trách nhiệm với nhóm trong việc thảo luận các vấn đề được nêu ra.	2	7	Điểm bài tập cá nhân và bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần
	Ngoại ngữ chuyên ngành Toán	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những thuật ngữ chuyên ngành cơ bản về Đại số, Hình học, Giải tích trong chương trình toán trung học phổ thông. + Vận dụng được một số thuật ngữ chuyên ngành cơ bản về Đại số, Hình học, Giải tích trong chương trình toán trung học phổ thông và một số cấu trúc thường dùng trong giảng dạy toán trung học phổ thông bằng tiếng Anh. - Kĩ năng	3	5	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sử dụng được một số cấu trúc và thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về Đại số, Hình học, Giải tích trong giảng dạy toán trung học phổ thông. + Biết cách thu thập tài liệu giảng dạy toán toán trung học phổ thông bằng tiếng Anh. + Tổng hợp được tài liệu sử dụng cho giảng dạy toán toán trung học phổ thông bằng tiếng Anh. + Hiểu và diễn đạt được (viết, nói) một bài giảng toán trung học phổ thông đơn giản bằng tiếng Anh. + Hợp tác và làm việc nhóm được với các sinh viên khác trong thực hành tiếng Anh chuyên ngành toán. - Thái độ + Có khả năng tự kiểm tra các tính toán, lập luận. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với những tính toán, lập luận và đặt vấn đề phát triển bài toán. + Có thể tự lập kế hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			
	Rèn luyện NVSP TX1	- Kiến thức + Mô tả và hiểu được định nghĩa, cấu trúc, vai trò, ý nghĩa của nghiệp vụ Sư phạm, phương pháp học tập phù hợp, hiện đại và hiệu quả ở bậc đại học . + Mô tả và hiểu được cấu trúc, cách tiến hành, quy trình xử lý, đánh giá kết quả các trắc nghiệm tâm lý học và vai trò, ý nghĩa, chức năng của các trắc nghệm tâm lý đối với quá trình tìm hiểu, nghiên cứu tâm lý của học sinh. + Mô tả và hiểu được các kiến thức cơ bản về quá trình giao tiếp có văn hóa. + Mô tả và hiểu được các kiến thức cơ bản về quá trình giao tiếp - ứng xử Sư phạm: Khái niệm; Đặc điểm; Cấu trúc; Nguyên tắc và các hình thức giao tiếp Sư phạm cụ thể. - Kỹ năng + Sưu tầm, phân loại, phân tích – tổng hợp và khái quát hóa nội dung của các tài liệu liên quan. + Vận dụng các phương pháp học tập hiện đại, tích cực hiệu quả và phù hợp. + Lựa chọn trắc nghiệm tâm lý để tiến hành đo lường, chẩn đoán các hiện tượng	1	2	Đóng góp ý kiến, phát biểu tích cực… Kết quả tiến hành thực nghiệm trên lớp Bài tập nghiên cứu tâm lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tâm lý của học sinh. + Kỹ năng sử dụng trắc nghiệm để tìm hiểu, khảo sát đánh giá mức độ phát triển trí tuệ, nhân cách của học sinh và ứng dụng trong nghiên cứu khoa học Sư phạm. + Kỹ năng tiến hành trắc nghiệm tâm lý. + Kỹ năng xử lý, đánh giá các kết quả trắc nghiệm tâm lý. + Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ văn minh, hiệu quả trong giao tiếp. + Kỹ năng chẩn đoán thông điệp giao tiếp qua các phương tiện phi ngôn ngữ. + Kỹ năng sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ và kết hợp với ngôn ngữ để giao tiếp văn minh, hiệu quả. + Sử dụng được kỹ năng định hướng trong quá trình giao tiếp Sư phạm. + Sử dụng được kỹ năng định vị trong quá trình giao tiếp Sư phạm. + Tiến hành quá trình giao tiếp Sư phạm hiệu quả. + Đánh giá được mức độ thành công từ kết quả đạt được của quá trình giao tiếp Sư phạm. + Bước đầu gây được thiện cảm đối với đối tượng giao tiếp trong môi trường Sư phạm. + Có khả năng xử lý các tình huống Sư phạm thành công. - Thái độ + Độc lập đưa ra những ý kiến, quan điểm của bản thân về phương pháp học tập ở đại học và tự thiết kế bản kế hoạch chi tiết, trong đó trình bày những nhiệm vụ cụ thể để tiến hành phương pháp học tập. + Độc lập tiến hành các công trình nghiên cứu về tâm lý học sinh trung học bằng các bộ công cụ, trắc nghiệm tâm lý và báo cáo, bảo vệ kết quả đạt được trước nhóm, trước giảng viên hướng dẫn. + Giám sát bản thân và người khác (bạn cùng nhóm, lớp, khóa, trường) về việc thực hiện quá trình giao tiếp có văn hóa (văn minh) trong những môi trường cụ thể (trong giảng đường, khuôn viên trường và cuộc sống hang ngày). Từ đó, đề xuất những phong trào, biện pháp và dự án khả thi để cổ vũ, khuyến khích sinh viên thực hiện quá trình giao tiếp có văn hóa (văn minh). + Độc lập luyên tập và luyện tập theo nhóm các kỹ năng giao tiếp - ứng xử Sư phạm thông qua các tình huống giả định tạo cơ sở vững chắc để tiến hành quá			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình giao tiếp - ứng xử Sư phạm trong các đợt thực tế chuyên môn, kiến tập và thực tập sư phạm.			
	Rèn luyện NVSP TX2	- Kiến thức + Hệ thống hoá các kiến thức đã học về nghiệp vụ sư phạm ở các học phần như: Tâm lí học, Giáo dục học. + Giúp sinh viên hiểu, biết về mục đích của thực tập tốt nghiệp; Nội dung; Nhiệm vụ của sinh viên trong đợt thực tập; Lập được kế hoạch thực tập tốt nghiệp + Giúp sinh viên phân tích, đánh giá thực tiễn công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học. Qua đó, bồi dưỡng thêm tình cảm yêu người, yêu nghề và xác định đúng đắn động cơ nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự nghiên cứu, rèn luyện tay nghề, để chuẩn bị một cách toàn diện cho đợt kiến tập và thực tập tốt nghiệp. + Giúp sinh viên làm quen một số công việc về giáo dục và giảng dạy của người giáo viên. + Đề xuất biện pháp nâng cao phẩm chất, năng lực của người giáo viên chủ nhiệm theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên - Kỹ năng + Hình thành hệ thống kỹ năng nghề nghiệp gắn với thực tiễn bậc trung học bao gồm các kỹ năng sư phạm cơ bản, các kỹ năng tiếp cận, tìm hiểu giáo dục trung học. Cụ thể: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, tiếp cận các đối tượng học sinh, phụ huynh học sinh.... + Hình thành các kỹ năng: thu thập, xử lý thông tin, thiết kế, tổ chức, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục. + Hình thành kỹ năng trình bày, nhận xét, chất vấn, tranh luận trong các hoạt động nhóm và hoạt động trên lớp. - Thái độ + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. + Tích cực, sáng tạo trong các hoạt động nhóm, hoạt động tự học; có ý thức tự rèn luyện để phát triển kỹ năng giáo dục. + Hình thành ý thức tinh thần trách nhiệm, nâng cao tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị bước vào nghề. Có thói quen học đi đôi với hành.	1	3	Quan sát ghi nhận biểu hiện ý thức tổ chức, kỷ luật trong học tập của SV Sản phẩm tự học Quan sát, ghi nhận tích cực, kết quả tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm học tập trên lớp của SV Bài tập/ Bài kiểm tra/ Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Tích cực, chủ động, sáng tạo trong hoạt động rèn luyện nhằm trau dồi phẩm chất, năng lực để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong tương lai.			
	Rèn luyện NVSP TX3	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học + Hiểu các kiến thức cơ bản về viết, vẽ hình phẳng, hình không gian và trình bày bảng. + Hiểu rõ chương trình, sách giáo khoa và sách tham khảo. + Nhớ các phương pháp quan sát, ghi chép khi dự giờ. + Nêu được các bước tiến hành dạy học trên lớp. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Kỹ năng viết, vẽ hình phẳng, hình không gian và trình bày bảng: khoa học, thẳng hàng, rõ ràng, đẹp. + Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ trong quá trình dạy học: rõ ràng, mạch lạc, đúng ngữ điệu. + Kỹ năng tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa và sách tham khảo; kỹ năng xác định mục tiêu và kiến thức trọng tâm. + Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học. + Kỹ năng trình bày bài giảng; kỹ năng quan sát, ghi chép khi dự giờ môn toán; kỹ năng phân tích, nhận xét giờ giảng môn toán. + Kỹ năng cơ bản về cách trình bày tổng quát một tiết dạy và một số ứng xử tình huống sư phạm trong dạy học. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học từ đó hình thành thái độ yêu nghề dạy học toán, từ đó tự cải tiến các hoạt động dạy học phù hợp với các môi trường dạy học khác nhau. + Tự định hướng việc nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học. + Có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, tích cực, chủ động và sáng tạo một cách độc lập. Hợp tác và có trách nhiệm với nhóm với các chủ đề được phân công.	1	4	Thực hành theo nhóm Thực hành cá nhân
	Rèn luyện NVSP TX4	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học + Hệ thống hóa một số kiến thức về phương pháp dạy học môn Toán.	1	6	Chuyên cần Tự học, tự rèn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Nắm vững các các bước tiến hành dạy học trên lớp. + Nắm vững phương pháp quan sát, ghi chép, nhận xét khi dự giờ. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Kỹ năng soạn giáo án, thiết kế một tiết dạy nội dung đại số, giải tích. + Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học trong một tiết lên lớp. + Kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học vào nội dung đại số, giải tích + Kỹ năng nhận xét, góp ý cho tiết dạy, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học từ đó hình thành thái độ yêu nghề dạy học toán. + Có ý thức và yêu thích việc nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học. + Có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, tích cực, chủ động và sáng tạo.			luyện Kiểm tra – đánh giá rèn luyện
	Rèn luyện NVSP TX5	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học + Hệ thống hóa một số kiến thức về phương pháp dạy học môn Toán. + Nắm vững các các bước tiến hành dạy học trên lớp. + Nắm vững phương pháp quan sát, ghi chép, nhận xét khi dự giờ. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Kỹ năng soạn giáo án, thiết kế một tiết dạy nội dung hình học, giải tích. + Kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học trong một tiết lên lớp. + Kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học vào nội dung hình học, giải tích + Kỹ năng nhận xét, góp ý cho tiết dạy, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học từ đó tự bản thân có thể thiết kế bài soạn và bước đầu tự chủ được các giờ dạy hình học, giải tích ở Trường Phổ thông. + Có ý thức và yêu thích việc nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, tự bản thân biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình tập giảng. + Có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, tích cực, chủ động và sáng tạo. Có năng lực tự rèn luyện và hợp tác theo nhóm trong quá trình tập giảng.	1	7	Chuyên cần Tự học, tự rèn luyện Kiểm tra – đánh giá rèn luyện

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Quy hoạch tuyến tính	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được các dạng của bsài toán Quy hoạch tuyến tính (QHTT) và một số thuật ngữ toán học bằng Tiếng Anh xuất hiện trong môn học. + Nhắc lại được dạng đối ngẫu của bài toán Quy hoạch tuyến tính. + Trình bày lại được hai thuật toán đơn hình và đơn kình đối ngẫu. + Nhận dạng được các bài toán Quy hoạch nguyên. - Kĩ năng + Sử dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành từ học phần để tìm kiếm tài liệu toán quốc tế liên quan đến học phần Quy hoạch tuyến tính. + Biết cách tìm dạng đối ngẫu của bài toán Quy hoạch tuyến tính. + Sử dụng một cách thành thạo hai thuật toán đơn hình và đơn hình đối ngẫu để giải bài toán Quy hoạch tuyến tính. + Giải được một số bài toán Quy hoạch nguyên đặc biệt. - Thái độ + Nhận thấy được một số ứng dụng của môn học vào việc giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	8	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần
	Phương pháp vectơ trong GT HHKG	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học + Củng cố, bổ sung các kiến thức về vectơ, các phép toán về vectơ. + Hiểu được quy trình giải toán hình học bằng phương pháp vectơ và có sự hiểu biết về sự vận dụng quy trình đó vào việc giải các dạng bài toán hình học. + Biết mối liên hệ giữa phương pháp vectơ và hình học không gian trong dạy học. Vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp vectơ vào quá trình dạy học hình học không gian ở trường phổ thông. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Giải thành thạo các bài toán vectơ trong mặt phẳng và không gian.	2	8	Điểm tự học, đánh giá thường xuyên Kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có khả năng tìm hiểu và vận dụng được quy trình giải bằng phương pháp vectơ vào các bài toán hình học không gian. + Có kĩ năng khai thác và vận dụng phương pháp vectơ vào quá trình dạy học hình học không gian ở trường THPT. - Thái độ + Nhận thức được công cụ vectơ trong giải toán hình học không gian. + Có ý thức vận dụng kiến thức của môn học vào giảng dạy hình học không gian trong chương trình toán ở trường THPT. + Chủ động, tích cực trong học tập, thảo luận, sửa bài tập. + Làm việc độc lập hay làm việc theo nhóm khi được phân công, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			
	Tư duy và hoạt động của học sinh	- Về kiến thức: Học xong học phần này, người học + Nắm vững các kiến thức cơ bản về tư duy, tư duy toán học. + Nắm vững con đường phát triển tư duy cho học sinh thông qua các hoạt động dạy học môn toán cụ thể là dạy học khái niệm, định lí, quy tắc, phương pháp và giải bài tập. + Nắm vững khái niệm và các biện pháp phát triển tư duy sáng tạo, tư duy logic và tư duy biện chứng. - Về kỹ năng: Học xong học phần này, người học có + Kỹ năng dạy học toán theo hướng phát triển tư duy Toán học cho HS. + Kỹ năng lựa chọn phương pháp dạy học và vận dụng các biện pháp phát triển tư duy toán học cho HS một cách thích hợp vào thiết kế bài dạy và tổ chức dạy học. - Thái độ + Thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học từ đó hình thành thái độ yêu nghề dạy học toán. + Có ý thức và yêu thích việc nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, biết đúc rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học. + Có thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần, tích cực, chủ động và sáng tạo.	2	8	Tự học, tự rèn luyện, bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Latex và ứng dụng trong giảng dạy toán	- Kiến thức + Nhớ được các lệnh cơ bản về soạn thảo văn bản, môi trường toán, các lệnh, môi trường, gói lệnh thường dùng trong LaTeX. + Biết các phương pháp đưa hình vẽ, vẽ hình trên LaTeX, bảng biến thiên. + Hiểu được sự tương thích của LaTeX trên website, Microsoft Word, Microsoft Excel, văn bản có định dạng *.pdf. - Kỹ Năng + Sử dụng LaTeX soạn thảo văn bản, tài liệu toán học từ để kiểm tra đến một quyển sách hoàn chỉnh. + Vẽ hình, lập bảng biến thiên và trình bày thuyết trình trên LaTeX. + Chuyển đổi văn bản từ website, Microsoft Word, Microsoft Excel, pdf sang LaTeX và ngược lại. + Vận dụng LaTeX trong biên soạn bài giảng, xây dựng ngân hàng đề kiểm tra cho môn Toán. - Thái độ + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân về kiến thức và kỹ năng trong môn học. + Lập được kế hoạch, điều phối các thành viên trong nhóm, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhóm.	2	8	Thảo luận nhóm và seminar Kiểm tra thực hành, 90 phút Thi thực hành 120 phút
	Phần mềm R trong thống kê toán học phổ thông	- Kiến thức + Cài đặt được phần mềm R và các gói lệnh (package) của R vào máy tính. Hiểu và giải thích được văn phạm và cách đặt tên trong R. Biết cách nhập dữ liệu trực tiếp vào R hay nhập dữ liệu từ Excel hay SPSS và hiệu chỉnh dữ liệu. + Hiểu rõ những khái niệm trong việc phân tích, xử lý dữ liệu thống kê khi sử dụng phần mềm R; biết được ý nghĩa của những phương pháp phân tích, xử lý dữ liệu thống kê mà R sử dụng. + Biết sử dụng R trong những tính toán đơn giản, một số dạng toán xác suất và vẽ được một số dạng biểu đồ. + Biết sử dụng R trong một số dạng phân tích thống kê mô tả như: ước lượng tham số, kiểm định, phân tích tương quan và hồi quy. Đặc biệt, biết cách phân tích và đọc kết quả từ phần mềm R phục vụ vào nghiên cứu khoa học.	2	8	Đánh giá quá trình (Điểm chuyên cần Điểm tích cực, làm bài tập; điểm kiểm tra giữa kì) Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Biết vận dụng các kiến thức đã học vào việc học tập và giảng dạy những kiến thức về xác suất và thống kê toán học phổ thông. - Kĩ năng + Thực hiện thành thạo trên máy tính các thao tác từ tạo biến, nhập liệu, thao tác trên biến và các phương pháp phân tích dữ liệu. + Viết chính xác và chạy được dòng lệnh, lập trình cơ bản trong R để giải một số dạng toán xác suất và thống kê cơ bản. + Sử dụng được phần mềm R vào việc tính toán phân tích và vẽ biểu đồ của dữ liệu thống kê trong nội dung chương trình thống kê toán học phổ thông. - Thái độ a) Có được cách nhìn khoa học và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, vai trò của phần mềm R trong thống kê toán học phổ thông. Có được thái độ đúng đắn khi sử dụng các kết quả phân tích dữ liệu trong việc kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. b) Có ý thức tôn trọng kỷ luật tập thể, cẩn thận và đề cao tính chính xác trong tính toán. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. c) Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo tập thể trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.			
	Lý thuyết trường và Galoa	- Kiến thức + Hiểu được các khái niệm liên quan đến lý thuyết mở rộng trường như: Trường con nguyên tố và trường nguyên tố, mở rộng đơn, mở rộng có bậc hữu hạn, mở rộng đại số, mở rộng chuẩn tắc và nhóm Galoa, mở rộng tách được, trường phân rã của một đa thức, trường hữu hạn, … + Biết xác định phần tử của một mở rộng hữu hạn sinh. Xác định được bậc mở rộng và mô tả được phần tử của một mở rộng hữu hạn. Xác định được trường hữu hạn có p mũ n phần tử. Xác định được nhóm Galoa của một mở rộng chuẩn tắc. + Hiểu được các khái niệm liên quan đến lý thuyết Galoa như: Mở rộng Galoa, định lý cơ bản của lý thuyết Galoa, mở rộng xyclic, mở rộng căn, nhóm giải được, điều kiện để một đa thức bậc lớn hơn hoặc bằng 5 giải được bằng căn thức, …	2	8	Kiểm tra đề đóng, 50 phút: chương 1 Kiểm tra đề đóng, 50 phút: chương 2 Thi đề đóng, 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Biết cách xác định nhóm con, xác định trường trung gian theo phần tử sinh. - Kỹ năng + Chứng minh được một mở rộng là mở rộng có bậc hữu hạn, mở rộng đại số, mở rộng chuẩn tắc, mở rộng tách được. + Tìm được trường nghiệm của một đa thức và nhóm Galoa của một mở rộng chuẩn tắc. + Chứng minh mở rộng Galoa, mở rộng xyclic, mở rộng căn. + Nhận biết được đa thức đã cho có giải được bằng căn thức hay không. - Thái độ + Tự chủ trong việc lập kế hoạch học tập, quản lý và điều phối các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức trách nhiệm đối với những tính toán, lập luận, chứng minh và trách nhiệm với nhóm làm việc trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.			
	Lý thuyết số nâng cao	- Về kiến thức + Hiểu được các kiến thức cơ bản về các hàm số học, giải thành thạo các dạng bài tập, biết sử dụng các phần mềm trong việc giải quyết các bài toán số học. + Biết tạo mã và giải mã những mật mã đơn giản, tìm hiểu những vấn đề liên quan ở phổ thông. Làm cơ sở cho việc nghiên cứu sâu hơn về số học. - Về kỹ năng + Kỹ năng suy luận hợp logic. + Kỹ năng trình bày một chứng minh toán học thỏa 3 yêu cầu cơ bản của một phép chứng minh toán học. + Kỹ năng sử dụng hợp lí các phương pháp chứng minh để giải quyết một vấn đề toán học cụ thể. + Một số kỹ năng cơ bản của đại số: qui lạ về quen, suy diễn, suy luận kín kẽ, … - Thái độ + Tự chủ trong việc lập kế hoạch học tập, quản lý và điều phối các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tự nghiên cứu. + Có ý thức trách nhiệm đối với những tính toán, lập luận, chứng minh và trách nhiệm với nhóm làm việc trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao. + Nghiêm túc, trung thực trong kiểm tra giữa kì, thi kết thúc học phần.	2	8	Kiểm tra: chương 1 Kiểm tra: chương 2 Kiểm tra: chương 3 Thi viết 90 phút

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Nhập môn giải tích đa trị	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được các khái niệm về hàm đa trị, tính nửa liên tục trên, nửa liên tục dưới, liên tục, Lipschitz, giả Lipschitz của hàm đa trị; các khái niệm về nón tiếp tuyến của một tập; đạo hàm của hàm đa trị; một số thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành; lịch sử phát triển một số khái niệm của giải tích đa trị. + Chứng minh được một số tính chất cơ bản của hàm số nửa liên tục, liên tục, Lipschitz; một số tính chất cơ bản để của nón tiếp tuyến. + Phát biểu lại được Nguyên lí Ekeland và trình bày được một áp dụng của Nguyên lí Ekeland. + Phân loại được một số dạng tập hợp đặc biệt và tìm các nón tiếp tuyến của các tập đó. - Kĩ năng + Tính toán thành thạo và làm việc với một số đối tượng toán học trừu tượng. Khả năng lập luận logic, chặt chẽ. + Sử dụng được một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành từ học phần để tìm kiếm tài liệu toán quốc tế liên quan đến giả tích đa trị. - Thái độ + Nhận thấy được một số ứng dụng của môn học thể hiện qua một số quy luật vận động của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có ý thức tôn trọng kĩ luật tập thể, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	2	8	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần
	Giải tích lồi	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những kiến thức cơ bản về tập hợp lồi, bao lồi, nón lồi, hàm lồi, khái niệm về đồ thị, epi. + Hiểu được cách ứng dụng tính chất của tập lồi, nón lồi, hàm lồi để chứng minh các bài toán cực trị, bất đẳng thức cổ điển. + Ghi nhớ và nhắc lại được một số thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về giải tích lồi.	2	8	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kĩ năng + Giải được một số bài tập cơ bản về giải tích lồi và chứng minh được một số tính chất đơn giản về tập hợp lồi, bao lồi, nón lồi, hàm lồi. + Vận dụng thành thạo tính chất cơ bản của tập lồi, nón lồi, hàm lồi để chứng minh một số bài toán cực trị, bất đẳng thức cổ điển. + Vận dụng được kiến thức môn học để giải quyết các bài toán có liên quan về giải tích lồi ở chương trình toán phổ thông. - Thái độ + Nhận thấy được một số ứng dụng của Giải tích lồi vào các bài toán sơ cấp trong toán học phổ thông. Có được thái độ đúng đắn về vai trò của học phần trong rèn luyện, phát triển tư duy cũng như vai trò của học phần này trong chương trình đào tạo. + Tự định hướng, tranh luận, chia sẻ kiến thức về giải tích lồi với bạn bè trong nhóm và trước tập thể. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, ý thức tôn trọng kỉ luật và chịu trách nhiệm cá nhân với tập thể.			
	Phép tính vi phân trong không gian Banach	- Kiến thức + Ghi nhớ và nhắc lại được những khái niệm và ý nghĩa của những khái niệm cơ bản của phép tính vi phân trong không gian Banach. + Ghi nhớ và nhắc lại được một số thuật ngữ chuyên ngành cơ bản bằng tiếng Anh của phép tính vi phân trong không gian Banach. + Hiểu được những tính chất cơ bản và ví dụ minh họa cùng với các chứng minh tương ứng trong nội dung của học phần. + Vận dụng được một số tính chất cơ bản của phép tính vi phân trong không gian Banach trong giải quyết các bài tập lí thuyết cũng như bài tập tính toán trong nội dung của học phần. - Kĩ năng + Minh họa cụ thể được những khái niệm và tính chất cơ bản của phép tính vi phân trong không gian Banach. + Giải được những dạng bài tập lí thuyết cũng như bài tập tính toán trong nội dung của học phần. + Phát triển kĩ năng tư duy toán học, trình bày, suy luận logic, kĩ năng tự học và	2	8	Đánh giá quá trình Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự nghiên cứu. + Phát triển kĩ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. - Thái độ + Có khả năng tự kiểm tra các tính toán, lập luận về phép tính vi phân trong không gian Banach. + Có ý thức tự chịu trách nhiệm cá nhân đối với những tính toán, lập luận và đặt vấn đề phát triển bài toán. + Có thể tự lập kế hoạch, quản lý và điều phối một số hoạt động như hoạt động tự học, tự nghiên cứu.			

14. Ngành Sư phạm Vật lý (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán cho Vật lý 1	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân của hàm số một biến số, lí thuyết chuỗi và phương trình vi phân; rèn luyện kĩ năng sử dụng những công cụ của phép tính vi phân, tích phân của hàm số một biến số, lí thuyết chuỗi, phương trình vi phân trong thực hành giải toán và vận dụng giải quyết một số vấn đề có liên quan; bồi dưỡng thái độ của người học về vai trò của những nội dung trên trong rèn luyện, phát triển tư duy và những áp dụng của nó trong chương trình đào tạo.	2	1	Tự luận
2	Hình thành phát triển kỹ năng mềm		2	1	Tự luận
3	Nhập môn nghề nghiệp		1	1	Tự luận
4	Toán cho Vật lý 2	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về giới hạn, phép tính vi phân, tích phân của hàm số nhiều biến số, tích phân đường, tích phân mặt; rèn luyện kĩ năng sử dụng những công cụ của phép tính vi phân, tích phân của hàm số nhiều biến số, tích phân đường, tích phân mặt trong thực hành giải toán và vận dụng giải quyết một số vấn đề có liên quan; bồi dưỡng thái độ của	2	2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người học về vai trò của những nội dung trên trong rèn luyện, phát triển tư duy và những áp dụng của nó trong chương trình đào tạo.			
5	Phương pháp toán lý	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về giải tích vectơ trong toạ độ Descartes cũng như trong hệ toạ độ cong, hệ toạ độ cong trực giao, đại cương về phương trình vật lý toán, giải phương trình vi phân bằng phương pháp phương trình chính tắc, phương trình truyền sóng, tích phân năng lượng, phương trình truyền nhiệt, phương trình Laplace, các hàm đặc biệt áp dụng trong vật lý, trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở để học các môn học chuyên ngành của Vật lý.	3	3	Tự luận
6	Cơ học 1	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chất điểm (hệ chất điểm) và các quy luật chuyển động của chất điểm (hệ chất điểm), giúp sinh viên có kiến thức để giảng dạy tốt phần cơ học ở trường phổ thông.	2	1	Tự luận
7	Nhiệt học	Học xong học phần này sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về: Công, nhiệt, năng lượng, nội năng và các quá trình biến đổi của khí lý tưởng. Các chu trình của động cơ nhiệt, máy lạnh. Hai nguyên lý cơ bản của nhiệt động học, nguyên lý tăng Entropi. Thuyết động học phân tử, các hiện tượng truyền: nội ma sát, dẫn nhiệt, khuếch tán... Cấu trúc và đặc tính của chất lỏng, chất rắn, chất khí... và sự chuyển pha của vật chất.	3	1	Tự luận
8	Cơ học 2	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về trường hấp dẫn, đặc điểm chuyển động của vật trong hệ qui chiếu không quán tính, các quy luật chuyển động của chất điểm (hệ chất điểm), các dạng chuyển động của vật rắn, điều kiện cân bằng tĩnh học của vật rắn, các tính chất của chất lưu; thuyết tương đối hẹp của Einstein và phép biến đổi Lorentz.	2	2	Tự luận
9	Điện và từ 1	Học xong học phần này sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về điện tích, tương tác giữa các điện tích, định luật Coulomb, điện trường, vectơ cường độ điện trường, tính chất của điện trường, dòng điện không đổi và các tính chất của dòng điện trong các môi trường.	2	2	Tự luận
10	Thí nghiệm VLĐC1	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kĩ năng thực hành vật lý phần cơ học và nhiệt học để kiểm chứng các kiến thức đã học trong chương trình vật lí đại cương cũng như các hiện tượng vật lý xảy ra trong đời sống. Đồng thời, nghiên	1	2	Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cứu các thí nghiệm này sẽ là nền tảng học môn thí nghiệm vật lí phổ thông (trong chương trình đào tạo giáo viên phổ thông)			
11	Điện và từ 2	Học xong học phần này sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về các quy luật của các hiện tượng từ và cảm ứng điện từ; chuyển động của các hạt tích điện trong điện trường và từ trường; các vật liệu từ; những cơ sở của thuyết Maxwell về điện từ trường và các phương trình Maxwell.	2	3	Tự luận
12	Lý luận dạy học Vật lý	Học xong học phần này sinh viên nắm được lí luận chung về quá trình dạy học, các nhiệm vụ dạy học vật lý và phương pháp dạy học vật lý ở trường trung học phổ thông. Vận dụng các cơ sở lí luận để thiết kế các hoạt động dạy học của giáo viên trong dạy học một kiến thức/chủ đề vật lý cụ thể. Bên cạnh đó nội dung kiến thức của học phần còn trang bị cơ sở lí luận để người học có thể học tốt các học phần tiếp theo về chuyên ngành phương pháp dạy học vật lý.	3	3	Tự luận
13	Thí nghiệm VLĐC2	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kĩ năng thực hành vật lý phần điện từ học và quang học để kiểm chứng các kiến thức đã học trong chương trình vật lí đại cương cũng như giải thích được các hiện tượng vật lý xảy ra trong đời sống. Kết quả nghiên cứu các thí nghiệm này không chỉ là nền tảng học môn thí nghiệm vật lí phổ thông (trong chương trình đào tạo giáo viên phổ thông) mà còn là bước ngoặt cho các nghiên cứu thực nghiệm trong tương lai.	1	3	Vấn đáp
14	Dao động và sóng	Học xong học phần này sinh viên nắm được về dao động cụ thể là hai loại dao động cơ bản (dao động cơ học và dao động điện từ), sự tương tự của hai dao động này thông qua sự so sánh giữa các đại lượng vật lý khi khảo sát phương trình động lực học, phương trình dao động tắt dần, phương trình dao động cưỡng bức, sự cộng hưởng và biểu thức năng lượng của chúng, nghiên cứu sự biểu diễn bằng giản đồ vectơ khi tổng hợp hai dao động cơ học và ứng dụng giải bài toán về dao động điện từ. Bên cạnh đó, nghiên cứu về cơ chế hình thành và sự lan truyền của sóng (sóng cơ học và sóng điện từ). Đồng thời, thiết lập phương trình truyền sóng, năng lượng sóng, nguyên lý chồng chập và sự giao thoa của sóng, sóng dừng, sóng âm. Cuối cùng, nghiên cứu về hiệu ứng Doppler và ứng dụng của nó trong âm học cũng như trong sóng điện từ.	2	3	Tự luận
15	Thí nghiệm VLPT 1	Học xong học phần này sinh viên nắm được kiến thức về: Kiểm nghiệm các đại lượng, định luật vật lí được rút ra bằng con đường suy luận lí thuyết; Rèn luyện kỹ	1	3	Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng, kỹ xảo thực hành vật lí cho sinh viên; Rèn luyện tác phong và những đức tính cần thiết của người nghiên cứu khoa học			
16	Thí nghiệm VLPT 2	Học xong học phần này sinh viên nắm được kiểm nghiệm các đại lượng, định luật vật lí được rút ra bằng con đường suy luận lí thuyết. Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo thực hành vật lí cho sinh viên. Rèn luyện tác phong và những đức tính cần thiết của người nghiên cứu khoa học thực nghiệm.	2	4	Vấn đáp
17	Hóa học đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được cấu tạo và liên kết hóa học trong nguyên tử, phân tử, định luật tuần hoàn các nguyên tố, trạng thái tập hợp của các chất. Các khái niệm và định luật cơ bản về nguyên lí 1, nguyên lí 2, cân bằng pha, hằng số cân bằng, dung dịch điện li và không điện li, dung dịch keo, phản ứng oxy hóa khử, pin điện, thế điện cực, điện phân.Vận dụng kiến thức để giải thích được sự hình thành các hợp chất, phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ thiên nhiên, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học các nội dung của môn sinh học ở trường phổ thông.	3	4	Tự luận
18	Quang học	Học xong học phần này sinh viên nắm được những nội dung như: Nghiên cứu các đại lượng trắc quang và đơn vị đo của chúng; Nghiên cứu bản chất sóng của ánh sáng thông qua hiện tượng giao thoa ánh sáng và hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng; Nghiên cứu hiện tượng phân cực ánh sáng qua các định luật Malus, Brewster; Nghiên cứu sự truyền ánh sáng qua các môi trường đẳng hướng như: Sự tán sắc ánh sáng, hấp thụ ánh sáng, tán xạ ánh sáng; Nghiên cứu các nội dung về bức xạ ánh sáng và quang học phi tuyến.	3	4	Tự luận
19	Cơ lý thuyết	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về các định luật cơ bản của động lực học, các định luật tổng quát của cơ học chất điểm. Các hình thức luận Lagrange và Hamilton. Bước đầu làm quen với phương pháp nghiên cứu Vật lý lý thuyết.	3	4	Tự luận
20	Nhiệt động lực học	Học xong học phần này sinh viên nắm được các quá trình diễn biến trong tự nhiên theo quan điểm biến đổi năng lượng, biến đổi nhiệt độ của một hệ vĩ mô, các thông số trạng thái và bốn nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học; phân biệt giữa khí thực và khí lí tưởng, giữa các quá trình cân bằng và không cân bằng, giữa các quá trình thuận nghịch và không thuận nghịch, Entropy và sự biến thiên của nó, nguyên lý hoạt động của các động cơ nhiệt và hệ số máy làm lạnh bất kỳ và hiệu suất của	2	5	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chúng, định lý Carnot và khảo sát hiệu suất của động cơ nhiệt và hệ số máy làm lạnh hoạt động theo chu trình carnot thuận nghịch. Bên cạnh, nghiên cứu về phương pháp hàm nhiệt động để thiết lập các hàm nhiệt động lực học mới như: Nội năng, năng lượng tự do, thế nhiệt động lực học Gibbs, Entanpy sẽ được xác định; suy ra hệ thức liên hệ giữa các thông số nhiệt cũng như thiết lập biểu thức tổng quát tính hệ số Joule-Thomson thông qua những hàm mới này. Cuối cùng, các nghiên cứu chứng minh không thể đạt được "nhiệt độ 0K tuyệt đối".			
21	Sinh học đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được các quan điểm phân chia sinh giới. Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào, trao đổi chất và năng lượng của tế bào cũng như sự phân chia tế bào. Trình bày được cấu trúc, chức năng (rễ, thân, lá) và sinh sản của thực vật. Trình bày được cấu tạo các hệ cơ quan ở người. Nêu được những kiến thức cơ bản về di truyền và tiến hóa như cơ sở vật chất và cơ chế di truyền, các quy luật di truyền, các học thuyết tiến hóa, nguồn gốc sự sống và sự phát sinh loài người. Trình bày được các khái niệm về sinh thái học như môi trường và các nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã và hệ sinh thái. Nêu được những khái niệm về sinh quyển và biến đổi khí hậu. Giải thích được các nguyên nhân gây biến đổi khí hậu, từ đó dẫn đến tác động của nó đối với sự sống trên trái đất.	3	5	Tự luận
22	Vật lý thống kê	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về phương pháp thống kê trong nghiên cứu hệ nhiều hạt, kiến thức về biểu diễn hệ nhiều hạt trong không gian pha, phân bố chính tắc Gibbs, phân bố Fermi – Dirac, phân bố Bose – Einstein, phân bố chính tắc lượng tử và áp dụng của các phân bố.	3	7	Tự luận
23	Kỹ thuật điện	Học xong học phần này sinh viên nắm được các khái niệm, định luật, kiến thức cơ bản về mạch điện. Các phép biến đổi tương đương trong mạch điện hình sin ở chế độ xác lập. Tính toán mạch từ trong máy điện. Tìm hiểu về các loại máy điện như: Máy biến áp; máy điện không đồng bộ; máy điện đồng bộ; máy điện một chiều.	2	5	Tự luận
24	Điện động lực học	Học xong học phần này sinh viên nắm được các vấn đề sau: Thiết lập hệ phương trình Maxwel đối với điện từ trường. Điện trường dừng, hệ phương trình Maxwel trong điện trường dừng. Từ trường dừng, hệ phương trình Maxwel trong từ trường dừng. Giới thiệu tổng quát về trường chuẩn dừng, sóng điện từ - Lý thuyết bức xạ. Tìm hiểu về những tiên đề của thuyết tương đối Einstein, động học tương đối tính, động lực học tương đối tính.	2	5	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Cơ học lượng tử 1	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về toán tử và các phép tính toán tử; các toán tử biểu diễn các biến động lực cơ bản: toán tử năng lượng, toán tử xung lượng, toán tử mômen xung lượng, và các tính chất của chúng; phương trình Schrodinger và các ứng dụng của nó trong việc giải các bài toán cụ thể; áp dụng cụ thể cho bài toán của Hydro và các ion tương tự.	3	6	Tự luận
26	Phân tích chương trình	Học xong học phần này sinh viên nắm được chương trình tổng thể môn Vật lí 2018 và các yêu cầu cần đạt được của các chủ đề xác định: Kiến thức VLCB trong từng chủ đề; Xác định mục tiêu/ chuẩn đầu ra của kiến thức; Phân tích nội dung; Lưu ý về giới hạn của chương trình và mở rộng kiến thức.	3	6	Tự luận
27	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Học xong học phần này sinh viên nắm được mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông mới và mục tiêu của hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Biết cách vận dụng các nội dung, hình thức, cách tổ chức và định hướng đánh giá vào tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh theo định hướng phát triển năng lực.	2	6	Tự luận
28	Giải bài tập VLPT	Học xong học phần này sinh viên nắm được kiến thức gồm 3 chương. Chương 1, 2 đề cập đến lí luận chung về dạy học bài tập vật lý như *những yêu cầu chung trong dạy học* về bài tập vật lý, *phương pháp giải, hướng dẫn học sinh giải* các loại bài tập vật lý phổ thông và *các hình thức dạy học* về bài tập vật lý. Chương 3 vận dụng cơ sở lí luận chương 1, 2 để *giải và hướng dẫn học sinh giải các loại bài tập vật lý phổ thông trong khi dạy học*.	2	6	Tự luận
29	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Nội dung của môn học bao gồm hai phần. Phần một: Vật lý nguyên tử, phần hai: vật lý hạt nhân. - Vật lý nguyên tử: các mẫu nguyên tử theo lý thuyết cổ điển, cơ sở lý thuyết lượng tử, cấu trúc nguyên tử theo lý thuyết lượng tử, liên kết nguyên tử trong phân tử, những ảnh hưởng bên ngoài lên nguyên tử bức xạ. -Vật lý hạt nhân: Đại cương về hạt nhân, các mẫu cấu trúc của hạt nhân, phân rã phóng xạ, các phản ứng hạt nhân, năng lượng hạt nhân, các hạt cơ bản.	3	5	Tự luận
30	Thiên văn đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, hiện đại cũng như những phương pháp nghiên cứu nhằm góp phần mở rộng tầm nhìn về vũ trụ và vai trò của con người trong quá trình tìm hiểu và bảo vệ tự nhiên.	2	5	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Cơ học lượng tử 2	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về lý thuyết biểu diễn, hàm spin và các phương pháp gần đúng trong cơ học lượng tử.	2	7	Tự luận
32	Vật lý chất rắn	Học xong học phần này sinh viên nắm được về vật lý chất rắn dựa vào tinh thể và các tính chất của tinh thể, các loại ô cơ sở khác nhau trong vật rắn và các loại liên kết giữa các nguyên tử với nhau để tạo nên vật rắn. Sử dụng các phương pháp gần đúng để tính năng lượng trong vật rắn từ đó ta biết được sự phân bố năng lượng và dựa vào nó để giải thích các tính chất của chúng như dẫn điện và tính chất từ. Phân loại các vật liệu vật rắn khác nhau, nghiên cứu các tính chất từ của vật rắn và các ứng dụng của chúng, cơ sở của vật liệu bán dẫn và vật liệu siêu dẫn, các ứng dụng của chúng.	3	7	Tự luận
33	Ngoại ngữ chuyên ngành	Học xong học phần này sinh viên nắm được các chủ đề trong Vật lí đại cương như cơ học Newton, chất lỏng, nhiệt động học, tĩnh học... Nội dung của các bài đọc theo chủ đề giới thiệu về khái niệm của các đại lượng hay các định lý quan trọng, căn bản trong vật lí để sinh viên có được vốn từ cần thiết có thể được sử dụng và phát triển hơn trong các năm sau cũng như chuyên ngành. Song song với các chủ đề đọc hiểu, sinh viên sẽ được yêu cầu giải các bài tập Vật lí đơn giản dưới hình thứ trắc nghiệm dựa trên những kiến thức Vật lí đã được dạy trong chương trình cấp 3.	2	6	Tự luận
34	Lý thuyết tương đối	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về Vec-tơ và ten-xơ ba chiều, Vec-tơ và ten-xơ bốn chiều, các phương trình chuyển động, hệ thức giữa khối lượng và năng lượng, hệ thức giữa năng lượng và xung lượng, mô-men năng-xung lượng, nguyên lý tác dụng tối thiểu trong cơ học tương đối tính, biến đổi của hàm phân bố, các phương trình cơ học trong môi trường liên tục, và các chất lỏng lý tưởng, thế bốn chiều và mật độ dòng bốn chiều, các phương trình trường điện từ dạng bốn chiều, các ten-xơ trường điện từ, các bất biến của trường điện từ, nguyên lý tác dụng tối thiểu của trường điện từ, ten-xơ năng xung lượng của trường điện từ, hiệu ứng Doppler, sóng phẳng đơn sắc, trường điện từ của một điện tích chuyển động đều, tường của một điện tích chuyển động bất kì, cức xạ của một điện tích chuyển động, cức xạ Tcherenkov, lý thuyết tương đối tổng quát bao gồm: nguyên lý tương đương, độ cong không gian, độ cong không-thời gian, giải tích ten-xơ cơ bản; Thuyết Einstein.	2	5	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Điện tử học đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được kiến thức về linh kiện điện tử, mạch điện tử. Tính toán các thông số trên mạch điện tử. Phân tích nguyên lý làm việc các loại mạch điện từ như: Anten và sự truyền sóng điện từ; Phát dao động điện từ; Biến đổi dao động điện từ; khuếch đại dao động điện từ. Tìm hiểu lý thuyết cơ bản về kỹ thuật xung số, ứng dụng của các mạch điện tử.	2	5	Tự luận
36	Ứng dụng CNTT trong DHVL	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức tin học cơ bản nhằm ứng dụng có hiệu quả vào học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như trong cuộc sống. Hơn thế nữa, người học không những rèn luyện kỹ năng, nắm vững và xử lý thuần thục các thao thác làm việc trên máy vi tính qua môi trường Window (MacOS, Linux,..v.v…) mà còn phải biết khai thác kho dữ liệu khổng lồ (big data) qua mạng internet. Đối với chuyên ngành Vật lý, để hỗ trợ tối ưu cho người học viết luận án, sách, tài liệu, báo cáo, các loại lý lịch; Xây dựng các bài giảng, bài thuyết trình; Định dạng, biên tập các bài báo khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế, các phần mềm Microsoft office (điển hình là xây dựng các bài trình chiếu chuyên nghiệp với Microsoft Powerpoint), phần mền soạn thảo tài liệu và trình chiếu LaTeX, phần mềm Wolfram Mathematica (để tính toán và vẽ đồ thị), phần mềm Java, ngôn ngữ HTML, Macromedia Flash,..v.v.…tỏa ra chiếm ưu thế và là công cụ thiết yếu trong giảng dạy và nghiên cứu vật lý.	2	5	Vấn đáp
37	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	5	Tự luận
38	Thực hành vô tuyến điện	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kỹ năng cơ bản về thực hành mạch điện, thiết bị điện. Biết được các tiêu chuẩn kết nối và nguyên lý làm việc của các thiết bị điện tử. Phân tích được nguyên nhân gây hư hỏng của các thiết bị điện tử ở trường THPT.	2	6	Vấn đáp
39	Sử dụng TN trong DHVL	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận của việc sử dụng thí nghiệm vật lí trong dạy học theo quan điểm lí luận nhận thức và quan điểm lí luận dạy học. Biết cách phân loại thí nghiệm vật lí và các yêu cầu khi sử dụng thí nghiệm vào tổ chức hoạt động dạy học nhằm rèn luyện kỹ năng thực hành vật lí cho học sinh.	2	6	Tự luận
40	Vi điện tử	Học xong học phần này sinh viên nắm được kiến thức về các cổng logic cơ bản, các định lý cơ bản của đại số Boole. Phân tích các mạch tổ hợp, mạch tuần tự. Tìm	2	7	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiểu cấu trúc, thông số, đặc tính của các vi mạch số họ TTL và CMOS. Tìm hiểu nguyên lý chuyển đổi giữa tín hiệu tương tự và tín hiệu số, cấu trúc hoạt động và ứng dụng của bộ nhớ, nguyên lý các mạch dao động số.			
41	Thực hành thiết kế hoạt động dạy học vật lý	Học xong học phần này sinh viên nắm được cơ sở lý thuyết về một số yêu cầu chung của việc thiết kế kế hoạch dạy học; Tìm hiểu một số kĩ thuật hỗ trợ việc thiết kế kế hoạch dạy học như: cách xác định mục tiêu bài dạy học, các kết luật cần xây dựng, một kĩ thuật dạy học tích cực, v.v...; Tìm hiểu về quy trình xây dựng kế hoạch dạy học và thiết kế kế hoạch dạy học cho một số đơn vị kiến thức.	2	7	Tự luận
42	Cơ học lượng tử 3	Học xong học phần này sinh viên nắm được những kiến thức về đại số ma trận và kí hiệu Dirac, không gian Hilbert; phương pháp lượng tử hóa, lượng tử hóa trường điện từ, trường vô hướng, trường spinor, và giao hoán tử của các trường; hệ các hạt vi mô đồng nhất; phương pháp lượng tử hóa lần hai cho các hạt đồng nhất, Hamiltonian của hệ điện tử và hệ điện tử-phonon.	2	8	Tự luận
43	Nguyên lý động cơ đốt trong	Học xong học phần này sinh viên nắm được các kiến thức sau: Chu trình lý tưởng và làm việc của ĐCĐT; Nhiên liệu, môi chất công tác, các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của ĐCĐT; Những thông số đặc trưng cho chu trình làm việc của ĐCĐT; Cung cấp nhiên liệu ở động cơ xăng và động cơ diesel; Chế độ làm việc và đặc tính của ĐCĐT.	2	8	Tự luận
44	Nhiệt kỹ thuật	Học xong học phần này sinh viên nắm được các kiến thức sau: Các khái niệm cơ bản về nhiệt động lực kỹ thuật, các định luật cơ bản và các chu trình làm việc cũng như các thông số cơ bản đặc trưng cho từng chu trình; Hai định luật nhiệt động thứ nhất và thứ hai; Chu trình động cơ đốt trong, chất thuần khiết, không khí ẩm và hơi nước; Chu trình máy lạnh, tuabin khí và động cơ phản lực; Vận dụng kiến thức giải các bại tập về nhiệt kỹ thuật.	2	8	Tự luận
45	Lịch sử vật lý	Học xong học phần này sinh viên nắm được những qui luật chung của sự phát triển vật lí học; quá trình hình thành và phát triển của các tư tưởng vật lí, thuyết vật lí, phương pháp vật lí chủ yếu. Đó là những cơ sở quan trọng để giúp người học có thể hiểu sâu sắc hơn những vấn đề về phương pháp luận khoa học của vật lí học khi vận dụng vào sự phân tích nội dung và tiến trình xây dựng các tri thức vật lí trong dạy học	2	6	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Rèn luyện NVSPTX1		1	4	Vấn đáp
47	Rèn luyện NVSPTX2	Học xong học phần này sinh viên nắm được kĩ năng diễn đạt bằng lời nói một cách rõ ràng, chính xác, đầy đủ (về mặt ý nghĩa và ngữ pháp) về một vấn đề cần diễn đạt; viết; vẽ bảng đẹp và đúng kĩ thuật. Thiết kế được giáo án theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh (trình bày từng nội dung tương ứng; xây dựng và sử dụng khéo léo hệ thống câu hỏi cho từng đối tượng học sinh) và tổ chức dạy được một giờ học theo tiến trình dạy học đã soạn đúng với các yêu cầu.	2	6	Vấn đáp
48	Rèn luyện NVSPTX3	Học xong học phần này sinh viên nắm được các nội dung: Nâng cao đạo đức nhà giáo, nghiệp vụ dạy học bộ môn (Tập xử lí tình huống sư phạm và soạn giáo án, giảng dạy) và tổ chức hoạt động ngoại khóa.	2	7	Vấn đáp
49	Kiến tập sư phạm	Giúp cho sinh viên có những trãi nghiệm thực tế về các quá trình dạy học, quản lí lớp học của học sinh thông qua dự giờ các buổi dạy học ở trường THPT.	2	5	Kiến tập ở Trường THPT
50	Thực tập tốt nghiệp	Giúp cho sinh viên có những trãi nghiệm thực tế về các quá trình dạy học, quản lí lớp học của học sinh thông qua dự giờ các buổi dạy học và trực tiếp giảng dạy một số buổi theo quy định ở trường THPT.	6	8	Thực tập ở Trường THPT

15. Ngành Sư phạm Hóa học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa, ngành nghề dạy học đang theo học; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên thích nghi với môi trường đại học	1	HK 1	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); Báo cáo thuyết trình trên lớp (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần hoặc báo cáo tiểu luận (0,6)
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng để thực hiện một công trình NCKH, gồm quy trình NCKH và các PP cơ bản trong nghiên cứu khoa học. Mục đích mà học phần kì vọng tới đó là SV	2	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có thể tự lựa chọn 1 đề tài khoa học và tự xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học			(0,1); Báo cáo thuyết trình trên lớp (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần hoặc báo cáo tiểu luận (0,6)
3	Toán học ứng dụng trong Hóa học	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết tổng quát về toán học ứng dụng trong hóa học như số, hàm số, vi phân, đạo hàm, tích phân, chuỗi số, cấp số, số phức, hàm số siêu việt, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, định thức và ma trận,... Trong Học phần này, mối liên hệ giữa toán học và hóa học hiện đại luôn được chú trọng. Trong đó, những kiến thức toán học giữ vai trò nền tảng để người học tiếp thu những kiến thức về các lĩnh vực liên quan đến hóa học như nhiệt động học hóa học, động hóa học, điện hóa học, hóa học lượng tử, hóa phân tích, đối xứng phân tử và lí thuyết nhóm, hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ,... Bằng các công cụ toán học, người học cũng giải được các bài tập liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của hóa học.	2	HK 1	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
4	Cấu tạo chất đại cương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa học lượng tử hiện đại như cơ sở hóa học lượng tử, cấu tạo nguyên tử hydro, cấu tạo nguyên tử nhiều electron, cấu tạo phân tử theo thuyết VB và theo thuyết MO, phương pháp MO Huckel áp dụng cho các phân tử hữu cơ có hệ electron π liên hợp.	2	HK 1	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
5	Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lí I, nguyên lí II, các định luật về nhiệt hóa học và vận dụng các nguyên lí này vào các quá trình hóa học. Cân bằng pha và cân bằng hóa học, cách tính và các yếu tố ảnh hưởng tới hằng số cân bằng. Dung dịch điện li và không điện li, dung dịch keo, các tính chất của dung dịch. Phản ứng oxy hóa khử và dòng điện.	2	HK 2	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
6	Thực hành Hóa đại cương	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể sử dụng được các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm, biết sử	1	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuẩn bị, tự học, tự

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng hóa chất an toàn và hợp lí. Có được kiến thức và kĩ năng cơ bản để học và thực hành tốt các Học phần tiếp theo			nghiên cứu (0,1); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành (0,2); báo cáo kết quả thực hành (0,2); thi vấn đáp kết hợp thực hành (0,5)
7	Nhiệt động lực học hóa học	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản nhất về hóa học nói chung và nhiệt động học nói riêng. Là cơ sở lí thuyết và kiến thức cơ bản để học những môn tiếp theo và giảng dạy ở phổ thông sau này. Giúp người học hiểu rõ hơn các định luật cơ bản của nguyên lí I, nhiệt hóa học; nguyên lí II, entropy, các định luật và các hàm đặc trưng, cân bằng pha-cân bằng dị thể và phương trình Clapeyron-Clausius, hằng số cân bằng KP, KC, KN và mối qua hệ giữa chúng; dung dịch không điện li và các tính chất về dung dịch không điện li như độ hòa tan, độ giảm áp suất hơi, sự thay đổi về nhiệt độ đông đặc, nhiệt độ sôi, áp suất thẩm thấu, sự sai lệch khỏi định luật Raul.	2	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
8	Hóa học các nguyên tố phi kim	Cung cấp cho người học một số kiến thức về các nguyên tố Phi kim trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học gồm: vị trí của các nguyên tố phi kim trong Bảng hệ thống tuần hoàn. Trình bày các quy luật biến đổi thế ion hóa, ái lực electron, độ âm điện; giới thiệu các nguyên tắc, phương pháp chung điều chế các phi kim; Giới thiệu tính chất lý – hóa và ứng dụng của hydrogen, oxygen và hợp chất của chúng; nhóm VIIA (halogen); nhóm VIA; nhóm VA; nhóm IVA.	2	HK 3	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); Bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1), kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
9	Đại cương hóa hữu cơ và hydrocacbon	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương về hóa học hữu cơ và hợp chất hữu cơ, liên kết và sự biến đổi liên kết ở hợp chất hữu cơ, hidrocacbon no, hidrocacbon không no, hidrocacbon thơm và nguồn hidrocacbon thiên nhiên.	2	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
10	Hóa học các hợp chất đơn, đa chức	Học phần Hóa học các hợp chất đơn, đa chức nghiên cứu các kiến thức về cấu trúc, danh pháp, đồng đẳng, đồng phân, tính chất, điều chế và ứng dụng của các loại hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức.	2	HK 4	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					(0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
11	Hóa học các nguyên tố kim loại	Cung cấp cho người học một số kiến về vị trí kim loại trong bảng hệ thống tuần hoàn; xác định cấu trúc mạng tinh thể, tính chất lý hóa của các kim loại; phương pháp chung để điều chế kim loại. Giới thiệu về đặc điểm chung các nguyên tố nhóm IA; nhóm IIA; nhóm IIIA; nhóm IVA; tổng quan chung về các nguyên tố chuyển tiếp, giới thiệu về cấu hình electron trạng thái cơ bản, tính chất lý hóa. Đại cương chung về hóa học phức chất; nhóm IB; nhóm IIB; nhóm VIB; nhóm VIIB; nhóm VIIIB	2	HK 4	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); Bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1), kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
12	Động hóa học và xúc tác	Môn động hóa học và xúc tác cung cấp các kến thức cơ bản về: Tốc độ phản ứng của các phản ứng đơn giản, phản ứng phức tạp, phản ứng dây chuyền va phản ứng quang hóa. Sự ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng. Lí thuyết phản ứng sơ cấp, năng lượng hoạt hóa. Xúc tác và vai trò của xúc tác trong các phản ứng hóa học.	2	HK 4	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
13	Đại cương về lý luận DH hóa học	Học phần cung cấp kiến thức về lý luận dạy học hóa học phổ thông, hệ thống các phương pháp dạy học và đổi mới phương pháp dạy học hóa học; các hình thức tổ chức dạy học hóa học theo hướng tích cực học tập của học sinh. Nghiên cứu lí luận dạy học để hiểu đầy đủ về chương trình, sách giáo khoa hóa học phổ thông, làm cơ sở cho việc phân tích chương trình, sách giáo khoa, thực hành dạy học chuẩn bị cho thực tập tốt nghiệp và tạo nền tảng tốt cho việc dạy học hóa học ở trường phổ thông.	2	HK 4	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: chuyên cần (0,1); Báo cáo thuyết trình trên lớp (0,2); tiểu luận theo nhóm (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
14	PPDH hóa học ở THPT	Học phần PPDH Hóa học ở THPT cung cấp kiến thức về chương trình, sách giáo khoa hóa học phổ thông; nhiệm vụ, nguyên tắc và PPDH các lý thuyết, khái niệm hóa học cơ bản trong chương trình hóa học phổ thông; Các chất vô cơ; các chất hữu cơ; các bài ôn tập, luyện tập và thực hành, nghiên cứu học phần PPDH Hóa học ở THPT giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn mối liên hệ của chương trình, sách	2	HK 5	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo theo nhóm 1 (0,2); báo cáo theo nhóm 2 (0,2;) thi kết thúc học phần (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giáo khoa hóa học phổ thông, phương pháp dạy học, tổ chức dạy học, đổi mới PPDH để nâng cao chất lượng dạy học môn hóa học ở trường phổ thông.			
15	Ứng dụng CNTT trong dạy học hóa học	Học này trang bị cho sinh viên: các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học hóa học; hệ thống các cách sử dụng phần mềm hóa học ứng dụng trong dạy học và nghiên cứu khoa học như: Mathtype, ChemOffice, Science Teacher's Helpe,…Sinh viên vận dụng được phần mềm powerpoint, crocodile chemistry, flash mx để có thể thiết kế được một mô phỏng hóa học. Thiết kế một bài giảng hóa học có ứng dụng công nghệ thông tin vào trong dạy học hóa học ở phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên có thể vận dụng được các số liệu tính toán để giải thích cấu trúc phân tử hóa học đơn giản bằng phần mềm Hyperchem.	2	HK 5	Phương thức đánh giá bao gồm: chuyên cần (0,1); bài báo cáo thực hành (0,2); kiểm tra giữa kỳ (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
16	Điện hóa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Dung dịch điện phân, các thuyết điện li; Sự dẫn điện của dung dịch điện li (độ dẫn điện), số tải và linh độ ion; Các quá trình điện cực cân bằng, điện cực, pin điện; ứng dụng của các quá trình điện cực; Động học điện hóa và ứng dụng.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
17	Thực hành hóa lý	Học phần Thực hành Hoá lý hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài thí nghiệm về các vấn đề chính như: nhiệt động hoá học, động hoá học, điện hoá học và hoá keo. Mỗi bài thí nghiệm bao gồm các nội dung như: cơ sở lý thuyết, cách tiến hành thí nghiệm, các yêu cầu của bài thí nghiệm và trình bày kết quả thí nghiệm. Sau khi học xong, sinh viên có thể sử dụng được các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm, biết sử dụng hóa chất an toàn và hợp lí. Có được kiến thức và kỹ năng cơ bản để học tập và thực hiện nghiên cứu vấn đề hóa lý cơ bản. Làm quen với việc xử lý số liệu, làm báo cáo các số liệu hóa lý thu được từ thực nghiệm.	1	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuyên cần, chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu (0,25); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành (0,25); báo cáo kết quả thực hành (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Thực hành hóa vô cơ	Học phần này giúp sinh viên hiểu và giải thích được tính chất của các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố phi kim, kim loại; tổng hợp và nghiên cứu tính chất của một số hợp chất vô cơ quan trọng.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập dựa trên các hoạt động: Chuyên cần; tự học (0,1); thao tác thí nghiệm (0,20, bài báo cáo thí nghiệm (0,2); thi vấn đáp + thực hành (0,5)
19	Hóa học các hợp chất tạp chức	Học phần hóa học các hợp chất tạp chức cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về cấu trúc, tính chất và một số phương pháp điều chế của các hợp chất amin, các hợp chất tạp chức như hydroxo, carbohydrat, aminoacid, protein và các hợp chất cao phân tử.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
20	Cơ sở lý thuyết hóa học phân tích	Cung cấp một số khái niệm liên quan đến hóa học phân tích như các loại hằng số cân bằng; hằng số cân bằng điều kiện, thế oxi hóa khử điều kiện… cũng như áp dụng một số định luật cơ sở: Định luật hipw thức; các bảo toàn vật chất (định luật bảo toàn nồng độ ban đầu; định luật bảo toàn điện tích; định luật bảo toàn proton – ĐKP) để tính toán cân bằng ion trong dung dịch axit – bazơ, oxi hóa khử, chất tạo phức, hợp chất ít tan.	2	HK 5	Đánh giá cả quá trình học tập thông qua các nội dung sau: điểm chuyên cần (0,1); điểm tự học, bài tập (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,2); thi kết thúc học phần (0,6)
21	Thực hành PPDH hóa học	Học phần cung cấp cho sinh viên các kĩ thuật, an toàn phòng thí nghiệm; cách tiến hành và sử dụng các thí nghiệm trong chương trình hóa học phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh; thiết kế và sử dụng thí nghiệm gắn kết cuộc sống trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Hình thành khả năng lựa chọn, xây dựng và sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập của người học gồm: chuyên cần (0,1); bài báo cáo thí nghiệm (0,2); hồ sơ sản phẩm tự học (0,2); thi vấn đáp + biểu diễn thí nghiệm (0,5)
22	Hóa công nghệ môi trường	Học phần Hoá công nghệ và môi trường cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về công nghệ sản xuất một số chất vô cơ và hữu cơ, ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất, phân bón, qui tắc sử dụng	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); chuẩn bị các nội dung

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường.			và báo cáo đầy đủ nội dung đã giao cho cá nhân (0,2); báo cáo thực tế bộ môn (0,1); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
23	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ	Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ sở về định luật tuần hoàn và bảng hệ thống tuần hoàn, các quy tắc gọi tên các hợp chất vô cơ và phức chất thường gặp, các thông số nhiệt động như enthalpy, entropy, năng lượng Gibbs để giải thích một số quá trình hóa học vô cơ, về cân bằng hóa học và tính các thành phần dựa vào hằng số cân bằng và ngược lạ; bản chất của liên kết hóa học và các mô hình, thuyết liên kết như mô hình liên kết ion, mô hình liên kết cộng hóa trị, công thức Lewis, mô hình VSEPR, thuyết liên kết hóa trị, thuyết orbital phân tử; phân loại phản ứng trong hóa học vô cơ, cách tính pH của phản ứng, xác định được loại ion/phân tử là các acid và base Lewis. Các cách cân bằng phản ứng oxy hóa – khử, giới thiệu về thế điện cực và áp dụng phương trình Nernst để xác định thế điện cực trong điều kiện không tiêu chuẩn.	2	HK 6	Đánh giá quá trình bao gồm các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); Bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1), kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
24	Đối xứng phân tử và lý thuyết nhóm	Học phần này cung cấp các kiến thức bao gồm: các vấn đề cơ bản về đối xứng phân tử và lí thuyết nhóm. Trong đó, các nội dung về yếu tố đối xứng, phép biến đổi đối xứng, nhóm điểm đối xứng, một số lí thuyết cơ sở của lí thuyết nhóm, định nghĩa nhóm, nhóm điểm đối xứng phân tử, sự phân loại các nhóm điểm đối xứng, biểu diễn nhóm, các ứng dụng của đối xứng phân tử trong sự lai hóa các orbital nguyên tử, xây dựng giản đồ năng lượng của các orbital phân tử, biểu diễn dao động điều hòa của phân tử được đề cập.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
25	Thực hành hóa hữu cơ	Học phần thực hành hóa hữu cơ cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về phân tích định tính các nguyên tố có mặt trong hợp chất hữu cơ: C, H, N, Cl, S…, nhận biết và điều chế các hợp chất: hydrocarbon, dẫn xuất halogen, alcohol, phenol, ethe, aldehyd, keton, acid, amin, glucid, protein. Các phương pháp tách, tinh chế	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu (0,1); kỹ năng thực, thái độ khi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hợp chất hữu cơ: kết tinh, thăng hoa, chưng cất phân đoạn,.. Các loại phản ứng tổng hợp chất hữu cơ (phản ứng alkyl hoá, acyl hoá, ngưng tụ,…)			(0,2); báo cáo kết quả thực hành (0,2); thi vấn đáp (0,5)
26	Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cấu trúc và mối liên hệ giữa cấu trúc với tính chất của hợp chất hữu cơ. Ảnh hưởng của cấu trúc và điều kiện phản ứng đến cơ chế của phản ứng hóa học, chiều hướng của sự biến đổi hóa học từ đó quy định cấu hình sản phẩm thu được.	2	HK 6	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
27	Hóa học phân tích định lượng	Học phần hóa học phân tích định lượng nhằm cung cấp cho sinh viên cách biểu diễn và đánh giá kết quả phân tích định lượng, nguyên tắc của các phương pháp phân tích như: phương pháp phân tích khối lượng, phương pháp phân tích thể tích (phương pháp chuẩn độ acid-base, chuẩn độ tạo phức, phương pháp chuẩn độ kết tủa, phương pháp chuẩn độ oxy hóa-khử).	2	HK 6	Phương pháp đánh giá bao gồm các giai đoạn: kiểm tra lần 1 (0,1); lần 2 (0,2); chuyên cần (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
28	Thực hành hóa phân tích	Giới thiệu nội quy phòng thí nghiệm, cách sử dụng hoá chất, dụng cụ, viết báo cáo; phân tích định tính các ion (cation, anion) riêng lẽ và các ion trong hỗn hợp; nhận biết các chất; phân tích định lượng (chuẩn độ thể tích) các chất đơn giản như: acid, base, oxy hóa-khử, các chất tạo phức, các hợp chất ít tan.	2	HK 7	Quá trình đánh giá bao gồm; chuyên cần (0,2); thao tác, thái độ làm việc (0,2); báo cáo kết quả thí nghiệm (0,2); thi vấn đáp + thực hành (0,4)
29	Hóa học lượng tử	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hóa học lượng tử hiện đại như cơ sở hóa học lượng tử, cấu tao nguyên tử hydro, cấu tạo nguyên tử nhiều electron, cấu tạo phân tử theo thuyết VB và theo thuyết MO, phương pháp MO Huckel áp dụng cho các phân tử hữu cơ có hệ electron π liên hợp.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
30	Các phương pháp phân tích công cụ	Học phần phân tích công cụ nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức về Hoá học phân tích, cung cấp các nguyên tắc cơ bản về các phương pháp phân tích công cụ gồm các phương pháp đo quang: phân tử, nguyên tử; các phương pháp phân tích điện hóa: phân tích điện thế,	2	HK 7	Quá trình đánh giá bao gồm các giai đoạn: kiểm tra lần 1 (0,1); lần 2 (0,1); chuyên cần (0,1); tiểu luận, báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tích điện phân, phân tích cực phổ; các phương pháp tách và phân chia.			nhóm (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
31	Vật liệu vô cơ	Học phần cung cấp khái niệm và vai trò của vật liệu; cấu trúc và một số tính chất quan trọng của vật liệu; giới thiệu một số loại vật liệu thường gặp trong đời sống thực tế và trong công nghiệp như: vật liệu ceramic, vật liệu kim loại, vật liệu polime và vật liệu composite; cách lựa chọn và sử dụng vật liệu và một số phương pháp phổ biến tổng hợp vật liệu.	2	HK 7	Quá trình đánh giá bao gồm: chuyên cần (0,1); tiểu luận, báo cáo nhóm (0,3); thi kết thúc học phần (0,6)
32	Hóa học chất rắn	Học phần nhằm cung cấp đến sinh viên các vấn đề về cấu trúc mạng tinh thể, những khuyết tật có trong cấu trúc mạng tinh thể, trình bày về dung dịch rắn, phản ứng pha rắn và các yếu tố xác định cơ chế phản ứng pha rắn.	2	HK 7	Nội dung đánh giá người học gồm: chuyên cần (0,1); bài tập cá nhân, bài tập nhóm (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
33	Phân bón hóa học	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ sở và có hệ thống về các loại phân bón, đối với cây trồng: đạm, lân, kali; phân bón đa cấu tử; phân bón trung lượng và vi lượng. Ứng dụng; công nghệ điều chế chúng và quá trình chuyển hoá của chúng.	2	HK	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
34	Quản lý chất thải rắn	Học phần này cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về nguồn phát sinh, thành phần và tính chất chất thải rắn; công tác thu gom và vận chuyển chất thải rắn hiện nay. Các phương pháp xử lý chất thải rắn. Tính toán hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn, bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Một số khái niệm về quản lý chất thải nguy hại.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: báo cáo nhóm (0,1); bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
35	Bài tập hóa học THPT	Nội dung học phần nhằm giúp sinh viên hệ thống hóa bài tập hóa học phổ thông theo nội dung chương trình sách giáo khoa. Thực hành	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải bài tập hóa học theo một số phương pháp khác nhau, xây dựng bài tập hóa học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.			cáo nhóm (0,2); tiểu luận (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
36	Dạy học HH ở trường THPT theo hướng tích hợp và phân hóa	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học; Các cơ sở lí luận về dạy học theo định hướng tích hợp và phân hóa ở trường phổ thông: khái niệm về dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học tích hợp và phân hóa ở trường phổ thông, phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực người học.	2	HK 7	Qui trình đánh giá dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo thuyết trình (0,2); tiểu luận theo nhóm (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
37	Hóa học phân tích ở trường THPT	Học phần "Hóa học phân tích ở trường THPT" cung cấp hệ thống kiến thức về hoá học phân tích định tính, định lượng liên quan trong giảng dạy hoá học ở trung học phổ thông và trình bày các nội dung hóa học phân tích trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi (HSG) Quốc gia, Quốc tế.	2	HK 7	Qui trình đánh giá dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); kiểm tra giữa kỳ (0,3); thi kết thúc học phần (0,6)
38	Xử lý số liệu thực nghiệm	Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp xử lý và kiểm tra các số liệu thực nghiệm.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm (0,2); tiểu luận (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
39	Hóa học lập thể	Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức về đồng phân quang học, đồng phân hình học, đồng phân cấu dạng, hóa lập thể của gluxit và hóa lập thể động.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập gồm: chuyên cần; tự học (0,1); làm bài tập trên lớp (0,1); báo cáo seminar (0,1); kiểm tra giữa kì (0,1); kiểm tra kết thúc học phần (0,6)
40	Tổng hợp hữu cơ	Học phần cung cấp những kiến thức về Hóa hữu cơ để tiến hành thực hiện quá trình tổng hợp các dạng hợp chất hữu cơ để đáp ứng mục tiêu tổng hợp bao gồm: đưa nhóm chức vào phân tử hợp chất hữu cơ và sự chuyển hóa giữa chúng; tăng mạch cacbon thông qua các phản	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); đóng góp ý kiến trong

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ứng tạo liên kết C – C; tạo liên kết C – dị tố; phản ứng đóng vòng; tổng hợp hữu cơ trên cơ sở phản ứng khử và phản ứng oxi hóa; tổng hợp các hợp chất hữu cơ từ CO và H2; các phương pháp dùng bảo vệ nhóm chức trong tổng hợp hữu cơ.			các buổi báo cáo trên lớp (0,1); báo cáo seminar (0,2); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần hoặc báo cáo tiểu luận (0,6)
41	Các phương pháp phổ ứng dụng vào Hóa học	Học phần này cung cấp kiến thức hiểu biết về các phương pháp phổ thường được sử dụng trong phân tích hợp chất hữu cơ: phổ UV-Vis, phổ hồng ngoại, phổ cộng hưởng từ proton, phổ cộng hưởng từ hạt nhân 13C, phổ khối lượng.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); làm bài tập (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,2); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
42	Hóa sinh học	Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến: - Đặc tính hóa lý, cấu tạo hóa học, cấu trúc phân tử và quá trình trao đổi của các hợp chất protein, acid nucleic, saccharide, lipid, vitamin, enzym và hormon. - Mối liên hệ giữa các quá trình trao đổi saccharide, lipid, protein và acid nucleic.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); thuyết trình (0,6); bài thu hoạch (0,3)
43	Hóa hữu cơ trong dạy học Hóa học ở trường phổ thông	Nội dung học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến: danh pháp các hợp chất hữu cơ; hệ thống hóa những kiến thức về tính chất hóa học cũng như điều chế các hợp chất hữu cơ; khái quát những phương pháp cũng như nội dung có thể sử dung trong việc vận dụng vào nghiên cứu khoa học ở PT	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); thuyết trình (0,7); bài thu hoạch (0,2)
44	Một số vấn đề hóa lý ở trường THPT	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức có liên quan đến: Cơ sở hóa lí gồm: Nguyên lí I, nhiệt hóa học, nguyên lí II, tiêu chuẩn về sự cân bằng và tự diễn biến của quá trình, cân bằng hóa học và cân bằng pha, cơ sở của dãy điện hóa, sự điện phân, một số vấn đề về động hóa học và xúc tác. Cơ sở cấu tạo chất gồm: Một số vấn đề hóa học hạt nhân, cấu tạo nguyên tử, cấu tạo phân tử và liên kết hóa học, hóa học tinh thể.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Xúc tác dị thể	Học phần này giới thiệu các khái niệm cơ bản về xúc tác và phân loại xúc tác, các quá trình hấp phụ. Tìm hiểu về động học của phản ứng xúc tác dị thể. Qua đó giới thiệu các thuyết về xúc tác dị thể, các phương pháp nghiên cứu xúc tác. Tìm hiểu cụ thể về xúc tác zeolit và các quá trình xúc tác trong công nghệ hoá học và bảo vệ môi trường	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
46	Hóa keo và hấp phụ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Hóa học bề mặt như: sức căng bề mặt, sự dính ướt, hiện tượng mao dẫn, sự hấp phụ và các phương trình đẳng nhiệt hấp phụ. Các tính chất của hệ keo như hệ phân tán, tính chất quang, tính chất động học phân tử, tính chất điện, các hệ sol, hệ bán keo, xà phòng.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
47	Ăn mòn kim loại	Nội dung mn học gồm 6 chương đề cập tới cơ sở lí thuyết của quá trình ăn mòn điện hóa, ăn mòn hóa; Sự ăn mòn kim loại trong các môi trường khác nhau và các phản ứng xảy ra ở các môi trường đó; Các phương pháp bảo vệ điện hoá – hóa học; các yếu tố ảnh đến tốc độ ăn mòn kim loại.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc Học phần (0,6)
48	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa học	Học phần nàycung cấp cho sinh viên những hiểu tổng quát về Tiếng Anh chuyên ngành Hóa học. Trong Học phần này, sinh viên tiếp cận cách sử dụng tiếng Anh hóa học qua những chủ đề và các thuật ngữ phổ biến của hóa học. Từ đó, sinh viên biết cách tham khảo tài liệu hóa học bằng tiếng Anh trong nhiều Học phần của hóa học, tham gia thảo luận các vấn đề của hóa học, và viết về các chủ đề liên quan đến hóa học.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); kiểm tra tự luận giữa kì (0,3); kiểm tra tự luận kết thúc học phần (0,6)
49	Rèn luyện NVSPTX1	Cung cấp và bước đầu giúp các em hiểu được những quy định về đạo đức nhà giáo, những quy định chung của ngành, trên cơ sở đó từng bước hình thành cho các em về những chuẩn mực, đạo đức nhà giáo trong tương lai. Hiểu được đặc điểm lứa tuổi học sinh (HS) Trung học phổ thông (THPT); Xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người	1	HK 2	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); chuẩn bị nội dung ở nhà (0,4); kiểm tra đánh giá cuối kỳ (0,5)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giáo viên chủ nhiệm ở trường THPT. Cung cấp cho người học những kiến thức, kĩ năng cơ bản về công tác chủ nhiệm ở trường phổ thông.			
50	Rèn luyện NVSPTX2	Học này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ năng dạy học hóa học cơ bản để sinh viên rèn luyện các kỹ năng về đọc, nói, viết, vẽ những nội dung hóa học và sử dụng phương tiện dạy học hóa học, lập tư liệu dạy học hóa học, kỹ năng đặt câu hỏi.	1	HK 3	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); chuẩn bị nội dung ở nhà (0,4); kiểm tra đánh giá cuối kỳ (0,5)
51	Rèn luyện NVSPTX3	Giúp sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ năng phân tích chương trình và sách giáo khoa để sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa. Xác định mục tiêu, yêu cầu, thiết kế và tổ chức một số hình thức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học.	1	HK 4	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); nộp sản phẩm (0,3)
52	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần Rèn luyện NVSPTX4 hình thành cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phân loại bài tập hóa học phổ thông, các phương pháp giải bài tập hóa học phổ thông, sử dụng và xây dựng bài tập hóa học phổ thông.	1	HK 5	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); nộp sản phẩm (0,3)
53	Rèn luyện NVSPTX5	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế các loại bài dạy thông thường, bài giảng điện tử; các bước đánh giá một giờ dạy hóa học trong chương trình hóa học phổ thông.	1	HK 6	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1);chuẩn bị nội dung được giao (0,1) báo cáo nhóm lần (0,3); nộp sản phẩm (0,5)
54	Rèn luyện NVSPTX6	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học các loại bài dạy hóa học thông thường, bài giảng điện tử; các bước đánh giá một giờ dạy hóa học trong chương trình hóa học phổ thông.	1	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); báo cáo nhóm lần 1 (0,3); báo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					cáo nhóm lần 1 (0,3); nộp sản phẩm (0,3)
55	Kiểm tra đánh giá trong dạy học hóa học ở Trường phổ thông	Học phần trang bị cho sinh viên: Cơ sở lí luận của phương pháp kiểm tra đánh giá, các khái niệm kiểm tra, đánh giá học sinh trong quá trình dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông. Qui trình kiểm tra đánh giá, các phương pháp kiểm tra đánh giá, định hướng đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh hiện nay. Hướng dẫn biên soạn câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra đánh giá môn Hóa học theo định hướng năng lực học sinh.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); seminar (0,2); bài tập cá nhân và nhóm (0,2); thi kết thúc học phần (0,5)
56	Hoạt động trải nghiệm trong môn Hóa học ở Trường phổ thông	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về qui trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông, cách đánh giá học sinh khi tham gia hoạt động này. Qua học phần sẽ giúp sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua các chủ đề cụ thể… qua đó phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.	2	HK 7	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần; tự học (0,1); seminar (0,2); sản phẩm học tập (0,2); các chủ đề trải nghiệm (0,5)
58	Các chủ đề KHTN về hóa học ở trường THPT	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học theo chủ đề; Vai trò của các chủ đề KHTN trong việc hình phẩm chất và năng lực của người học; Qui trình xây dựng các chủ đề KHTN, sử dụng các chủ đề KHTN trong dạy học hóa học; Tổ chức dạy học các chủ đề KHTN trong dạy học hóa học và đánh giá trong dạy học chủ đề KHTN; Các qui trình thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá thông qua chủ đề STEM trong chương trình THPT.	2	HK 7	Phương pháp đánh giá được thực hiện dựa trên các nội dung: chuyên cần (0,1); seminar (0,4); tiểu luận nhóm (0,5)
59	Hóa học phức chất	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về phức chất, bao gồm: khái niệm, phân loại và đồng phân về phức chất; liên kết hóa học trong phức chất; các phản ứng và cơ chế phản ứng của phức chất; một số tính chất cơ bản và ứng dụng của phức chất và nội dung cuối đề cập đến vấn đề tổng hợp phức chất và nghiên cứu cấu trúc phức chất	2	HK 8	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: Chuyên cần (0,1); bài tập cá nhân (0,1); kiểm tra giữa kì (0,1); kiểm tra cuối kỳ (0,1); thi kết thúc học phần (0,6)
60	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Học phần Hóa học các hợp chất thiên nhiên cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về cấu trúc, danh pháp, đồng phân tính chất, ứng	2	HK 8	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng một số hợp chất thiên nhiên. Một số phương pháp tách chiết cơ bản của các hợp chất thiên nhiên như các hợp chất flavonoid, tinh dầu, steroid, saponin, alkaloid, carotenoid.			nhau: Chuyên cần; tự học (0,2); báo cáo seminar (0,2); báo cáo tiểu luận (0,6)
62	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong Hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên: Một số vấn đề lí luận cơ bản về dạy học tích cực, các kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực sử dụng trong quá trình dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông. Sử dụng kĩ thuật dạy học và phương pháp tích cực trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Qua đó sinh viên vận dụng một cách linh hoạt mỗi loại kĩ thuật dạy học, phương pháp dạy học tích vào từng loại bài cụ thể trong chương trình hóa học phổ thông theo định hướng quan triển năng lực học sinh.	2	HK 8	Đánh giá cả quá trình học tập với các trọng số khác nhau: chuyên cần (0,1); seminar (0,2); sản phẩm học tập (0,2); các chủ đề trải nghiệm (0,5)

16. Ngành Sư phạm Sinh học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Có kiến thức về lịch sử của Trường, của Khoa qua đó tự hào với việc học tập tại Trường, với ngành nghề đang theo học. Vận dụng tốt quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện và quy trình quản lý đào tạo để sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề Sư phạm Sinh học đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân.	2	1	- Thuyết trình, thảo luận, thực hành trên máy tính. - Thi: tự luận (50%).
2	Hóa sinh học	Vận dụng được những kiến thức cơ bản và hiện đại về cơ sở phân tử của sự sống như thành phần cấu tạo hóa học và quá trình chuyển hóa các chất trong tế bào và cơ thể sống. Giải thích được cơ sở hóa học của các quá trình trao đổi chất, trao đổi năng lượng, tính thống nhất chặt chẽ giữa các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các quá trình trao đổi chất trong cơ thể sinh vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực hóa sinh học.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (60%)
3	Tế bào học	Trình bày được các khái niệm về tế bào, công nghệ tế bào, tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực; Phân biệt được cấu trúc tế bào động vật và tế bào thực vật, sự phân bào nguyên phân và phân bào giảm phân; So sánh được đặc điểm giữa các thành phần cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, hiểu và ứng dụng được vai trò của sinh vật nhân sơ; Thực hiện được các phương pháp nghiên cứu về tế bào, ứng dụng được những thành tựu của công nghệ tế bào vào cuộc sống.	2	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sinh học	Sử dụng được công cụ tìm kiếm, tra cứu dữ liệu, sử dụng các phần mềm mô phỏng thí nghiệm phục vụ cho bài dạy Sinh học ở trường phổ thông. Thiết kế được bài dạy có sử dụng công nghệ thông tin và dạy học trực tuyến. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Sinh học.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
5	Xác suất thống kê sinh học	Ghi nhớ và nhắc lại được các kiến thức cơ bản về lí thuyết xác suất và thống kê ứng dụng. Biết sử dụng ít nhất một phần mềm thống kê ở mức độ sơ khởi (Excel) và biết dùng chức năng thống kê trên máy tính cầm tay (MTCT) để xử lý nhanh số liệu thực nghiệm và giải toán thống kê. Vận dụng các kiến thức đã học vào thu thập và xử lý các số liệu từ thực tế nhằm phục vụ tốt cho học tập, nghiên cứu và công tác sau này.	2	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (60%)
6	Vật lý đại cương	Học xong học phần này sinh viên có thể trình bày được các khái niệm về: năng lượng, công, công suất, động lượng, chuyển động, chất điểm, hệ qui chiếu vận tốc, gia tốc; ba định luật chất khí và phương trình trạng thái của khí lí tưởng, định lí về động lượng, các định luật bảo toàn năng lượng, định luật bảo toàn động lượng, định luật bảo toàn mômen động lượng, ba định luật Niu-tơn, giải được các bài toán về động lực học, thiết lập được phương trình chuyển động quay của vật rắn quanh một trục cố định, thiết lập được định lí về mômen động lượng. Vận dụng các khái niệm, các công thức, các định luật trong chuyển động cơ học để giải thích các hiện tượng cơ và giải các bài tập động học, động lực học, động lực học chất điểm, vật rắn. Ứng dụng được phương trình cơ bản của cơ học để khảo sát chuyển động của các vật. Vận dụng ba định luật chất khí và phương trình trạng thái của khí lí tưởng để giải thích các hiện tượng nhiệt và giải các bài tập về chất khí.	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
7	Hóa học đại cương	Học xong học phần này sinh viên nắm được cấu tạo và liên kết hóa học trong nguyên tử, phân tử, định luật tuần hoàn các nguyên tố, trạng thái tập hợp của các chất. Các khái niệm và định luật cơ bản về nguyên lí 1, nguyên lí 2, cân bằng pha, hằng số cân bằng, dung dịch điện li và không điện li, dung dịch keo, phản ứng oxy hóa khử, pin điện, thế điện cực, điện phân.Vận dụng kiến thức để giải thích được sự hình thành các hợp chất, phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ thiên nhiên, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học các nội dung của môn sinh học ở trường phổ thông.	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
8	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	Thành thạo các kỹ năng ứng xử và giao tiếp sư phạm chuẩn mực và hợp lý, kỹ năng làm việc nhóm và phát triển các mối quan hệ xã hội, viết, trình bày và thuyết trình được nội dung khoa học, kỹ năng tìm kiếm việc làm cho sinh viên sư phạm Sinh học, kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội. Hình thành và phát triển một số kỹ năng mềm thiết yếu: giao tiếp, thiết lập mục tiêu, thuyết trình, làm việc nhóm, làm chủ cảm xúc, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo. Từ đó vận dụng sáng tạo kỹ năng mềm vào học tập các môn học có liên quan	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu khoa học sau khi ra trường.			Điểm thi kết thúc học phần (50%)
9	Lý luận dạy học sinh học	Trình bày được vị trí, đối tượng và nhiệm vụ của lý luận dạy học sinh học; nhiệm vụ của người giáo viên trong dạy học sinh học ở trường THPT. - Phân tích cấu trúc, nội dung chương trình môn sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đồng thời biết cách phát triển chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học. - Vận dụng được và sử dụng đa dạng, hợp lý các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn sinh học ở trường THPT ở tất cả các bước lên lớp và các hình thức dạy học. - Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
10	Phương pháp dạy học sinh học	- Trình bày được khái quát về chương trình giáo dục phổ thông mới bao gồm: bối cảnh, quan điểm xây dựng chương trình và những điểm mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018. - Phân tích được đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chương trình và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình sinh học 2018. - Phân tích được cấu trúc, nội dung chương trình môn sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đồng thời biết cách phát triển chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học - Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học tích hợp	- Trình bày được cơ sở lý luận của dạy học tích hợp theo định hướng phát triển năng lực người học. - Vận dụng thiết kế được kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. - Chuẩn hóa được các kỹ thuật dạy học tích cực thích hợp để tổ chức các hoạt động học tập theo phương pháp dạy học tích hợp ở trường phổ thông.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.			Điểm thi kết thúc học phần (60%)
12	Giải phẫu hình thái thực vật	- Nhận biết được các dạng sống của thực vật, giải thích được vì sao các loài thực vật khác nhau về nguồn gốc nhưng có hình dạng hoặc chức năng giống nhau; - Phân biệt được đặc điểm thích ứng và thích nghi sinh học, giải thích được mối liên hệ giữa thích ứng và thích nghi, đồng thời giải thích được mối quan hệ giữa sự tồn tại của thực vật ở môi trường sống. - Nghiên cứu so sánh đặc điểm thích nghi của thực vật ở các môi trường sống khác nhau, có khả năng lựa chọn các nhóm cây trồng phù hợp với môi trường nhằm nâng cao khả năng sống sót của cây.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
13	Động vật không xương sống	Khái quát được những kiến thức cơ bản về lịch sử địa chất, phân bố địa lí, hệ thống phân loại, tiến hoá của giới động vật. Mô tả được một số hiện tượng liên quan đến động vật không xương sống ảnh hưởng đến đời sống con người và hệ sinh thái. Hình thành và phát triển năng lực thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, ứng dụng thông tin; đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm; làm bài thực hành, làm trình bày báo cáo.	3	1	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
	Động vật có xương sống	Tiếp cận, nắm vững tổ chức cấu tạo đại cương cơ thể, mối quan hệ giữa cấu tạo và hoạt động chức năng các cơ quan trong cơ thể động vật có xương sống. Vận dụng được đặc điểm sinh học, sinh thái học mỗi nhóm động vật có xương sống vào chăn nuôi, bảo tồn động vật và vào trong thực tiễn đời sống. Xác định được vị trí mỗi nhóm trong bậc thang tiến hoá. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học vào giảng dạy môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông, hoặc vận dụng trong chăn nuôi động vật tại địa phương.	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng những kiến thức sinh thái học và thực hành động vật có xương sống vào sưu tầm, bảo quản mẫu vật, làm các sưu tầm về tranh ảnh, trưng bày mẫu vật dưới dạng mẫu ngâm, mẫu nhồi, mẫu bộ xương.			thúc học phần (60%)
14	Phân loại thực vật	Trình bày và phân tích được những khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của phân loại thực vật, các quan điểm phân chia thế giới sinh vật; đặc điểm chung, nguồn gốc, tiến hóa và phân loại các nhóm thực vật theo hệ thống sinh và theo giá trị sử dụng. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phân loại thực vật, vai trò, ý nghĩa của các nhóm phân loại; đánh giá đa dạng thực vật… để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình đào tạo và công tác giảng dạy, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm sau khi ra trường.	3	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
15	Giải phẫu người	Trình bày và vận dụng những kiến thức cơ bản về cấu tạo chung của cơ thể người, hình thái và cấu tạo giải phẫu các cơ quan của cơ thể người. Phân tích và trình bày đặc điểm cấu tạo cơ thể người ở các mức độ tổ chức khác nhau: từ tế bào đến mô, cơ quan phù hợp với chức năng sinh lý đảm bảo sự thống nhất của cơ thể, giúp cơ thể thực hiện tốt các hoạt động sống. Vận dụng linh hoạt những kiến thức đã học vào giảng dạy môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông (lớp 8) và trong thực tiễn. Giải thích và trình bày được một số hiện tượng có liên quan đến cơ thể người như hoạt động thể dục thể thao, sự sinh trưởng, phát triển, hoạt động sinh sản, lão hóa, hoạt động của hệ thần kinh và các cơ quan trong cơ thể. Phân tích và giải thích sự liên quan giữa cấu tạo với chức năng sinh lý và điều kiện môi trường sống.	3	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
16	Sinh lý người và động vật	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về cấu tạo chung của cơ thể người, hoạt động sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người. Xác định đặc điểm cấu tạo cơ thể người ở các mức độ từ tế bào đến mô, cơ quan, hệ cơ quan phù hợp với chức năng sinh lý, đảm bảo sự thống nhất của cơ thể. Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông, đồng thời giải thích được các hoạt động sinh lý trong cơ thể người như hoạt động thể dục thể thao, sự lớn lên, sinh sản, lão hóa, hoạt động của hệ thần kinh… Giải thích cơ chế, quy luật điều khiển sự sống của động vật, gia súc và người nhằm ngăn ngừa hoặc chữa trị	3	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các rối loạn, đồng thời tác động lên hoạt động chức năng của các hệ cơ quan theo hướng có lợi cho người và động vật.			thúc học phần (60%)
	Sinh lý thực vật	Vận dụng được các kiến thức cơ bản, hiện đại có tính quy luật về các quá trình sinh lý diễn ra trong suốt đời sống của thực vật như quá trình quang hợp, hô hấp, trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng cũng như quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động sinh lý ở thực vật.	3	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
17	Sinh thái học bảo vệ môi trưởng	Vận dụng được kiến thức về sinh thái học quần thể, quần xã, hệ sinh thái, đa dạng sinh học để giải thích, phân tích những hiện tượng gặp trong tự nhiên, vận dụng được những kiến thức về môi trường để phân tích những biến đổi môi trường sống và đề xuất những biện pháp bảo vệ môi trường. Vận dụng được những kiến thức về sinh thái môi trường để giảng dạy những nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở phổ thông.			Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
18	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp nghiên cứu sinh học trên thực địa: Phương pháp sưu tầm và làm tiêu bản sinh vật; Phương pháp quan sát, ghi chép, thu thập các thông tin về phân bố, công dụng, sinh thái... của các loài sinh vật. Nâng cao hiểu biết thực tế về đa dạng sinh học và nhận biết các loài sinhvật thường gặp. Rèn luyên kỹ năng thực hành.	1	4	Tham dự tối thiểu 100% số tiết của môn học (20%). Hoàn thành bài thu hoạch theo chương (30%). Làm bộ sưu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tập theo nhóm (50%)
	Di truyền học	Mô tả được các kiến thức cơ bản, hiện đại về cấu trúc, chức năng và sự vận động của vật chất di truyền; Phân tích được các loại biến dị, nguyên nhân, cơ chế phát sinh, tính chất và vai trò của mỗi loại biến dị trong chọn giống và tiến hóa; Phân tích được quá trình di truyền trong quần thể, trình bày được sự hình thành đặc điểm thích nghi và hình thành loài mới; Chứng minh được con người cũng tuân theo quy luật di truyền và biến dị. Giải thích được nguyên nhân mà di truyền học người phải có những phương pháp nghiên cứu đặc trưng.	3	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
19	Vi sinh học	Biết được đối tượng, nhiệm vụ của Vi sinh học. Nắm rõ được hình thái, cấu tạo, tính đa dạng về cơ chế trao đổi chất trong cơ thể sinh vật và quy luật hoạt động sống trong các nhóm vi sinh vật. Phân tích được cơ sở khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật học trong thực tiễn công - nông nghiệp, y học; trong các quá trình công nghệ sinh học, công nghệ di truyền, công nghệ vi sinh. Có kỹ năng thực hành, có thể ứng dụng những quy luật hoạt động của vi sinh vật vào thực tiễn đời sống và sản xuất, góp phần hướng nghiệp cho học sinh, có thể tích hợp giảng dạy các phần có liên quan trong chương trình THPT.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
20	Sinh học phát triển cá thể Động vật	Nêu được những khái niệm cơ bản trong sinh học phát triển, lịch sử nghiên cứu, vị trí và vai trò của của sinh học phát triển cá thể động vật. Trình bày được chu kỳ tế bào, các giai đoạn phát triển trong chu kỳ sống của cá thể động vật và các hình thức sinh sản của động vật; quá trình tạo giao tử, sự thụ tinh, sự phân cắt và phát triển phôi sớm của động vật. Giải thích được cơ chế của sự phát triển, sự già và chết.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (60%)
21	Sinh học phát triển cá thể Thực vật	Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh học phát triển, phân tích được đặc điểm của đối tượng nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; chứng minh được cơ sở khoa học và các cơ chế, chu trình sống, các giai đoạn trong sinh học phát triển cá thể thực vật. Thành thạo những thao tác, kỹ năng thực hành, quan sát, đánh giá và tổng hợp kết quả thuộc lĩnh vực sinh học phát triển thực vật. Vận dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sinh học phát triển cá thể để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện nghiên cứu sau khi ra trường.	2	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
22	Tiến hóa	Phân tích được những quy luật phát triển lịch sử chung nhất của Sinh vật. Phân tích, so sánh được các quan điểm tiến hóa của các sinh vật qua các giai đoạn khác nhau. Giải thích được những nguyên tắc tổ chức của các đơn vị của sự sống làm cơ sở cho quá trình tiến hóa. Phân tích được vai trò của các nhân tố tiến hóa và cơ chế của các quá trình tiến hóa.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
23	Công nghệ sinh học	Sau khi học xong học phần, người học được cung cấp những kiến thức cơ bản về Công nghệ Sinh học với các lĩnh vực công nghệ như công nghệ gene, công nghệ tế bào thực vật - tế bào động vật, công nghệ lên men vi sinh vật, công nghệ enzyme và protein. Hình thành ở người học các kỹ năng giải quyết các nhiệm vụ để chiếm lĩnh tri thức và định hình những kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào nghiên cứu và triển khai quy trình Công nghệ Sinh học vào thực tiễn sản xuất.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (60%)
24	Ngoại ngữ chuyên ngành	Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng Anh vào việc nghiên cứu các tài liệu, sách chuyên ngành, bài báo bằng Tiếng Anh cũng như tra cứu tài liệu phục vụ cho học tập và công việc sau này. Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học bằng tiếng Anh Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của tiếng Anh trong dạy và học môn Sinh học.	3	6	
25	Bài tập sinh học	Phân tích được các dạng bài tập và phương pháp giải các dạng bài tập liên quan đến các khía cạnh như sinh học phân tử; di truyền học; và tế bào học; Rèn luyện được khả năng nhận dạng và giải nhanh các bài tập. Xây dựng được khả năng suy luận, tổng hợp, so sánh. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng hướng đến giải quyết các vấn đề về sinh học trong các bài tập và trong hoạt động dạy học Sinh học. Xây dựng được niềm tin, căn cứ khoa học trước các hiện tượng tự nhiên, phản ứng phù hợp trước những hình thức vận động của vật chất; Xây dựng được ý thức học tập đúng đắn, tích cực.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
26	Sinh học của sự sinh sản	Phân tích được những khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của các kiểu sinh sản ở động vật và thực vật. Xác định được chiều hướng tiến hóa trong sinh sản ở động vật và thực vật. Ứng dụng hiệu quả các hình thức sinh sản vào thực tiễn. Vận dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sinh sản, chu trình sống ở thực vật, động vật và ở người để tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và công tác giảng dạy, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu chuyên môn sau khi ra trường.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
27	Tập tính động vật	Nêu được những khái niệm về tập tính động vật; các quy luật hình thành tập tính, con đường hình thành và phát triển tập tính. Trình bày và phân tích được vai trò của các giác quan và hệ thần kinh trong mối quan hệ tiếp xúc giữa động vật và ngoại cảnh. Trình bày được những biểu hiện của các tập tính trong thế giới động vật và	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải thích được ý nghĩa của từng loại tập tính của động vật. Giải thích được cơ sở khoa học của việc ứng dụng tập tính học động vật và chứng minh được những ứng dụng của tập tính động vật vào đời sống, sản xuất của con người.			luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
28	Giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản	Nêu và phân tích được những nội dung cơ bản của sức khỏe sinh sản; trình bày và giải thích được các hiện tượng phát triển sinh lý ở tuổi dậy thì, một số vấn đề thường gặp ở giai đoạn tuổi vị thành niên. Trình bày được chính sách dân số, chính sách dân số Việt Nam qua các thời kỳ và nội dung cơ bản của chính sách dân số ở Việt Nam hiện nay. Trình bày và vận dụng một số phương pháp giảng dạy chủ yếu về giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
29	Sinh lý thần kinh cấp cao	Trình bày được vai trò của hoạt động thần kinh cấp cao, các hướng nghiên cứu và các học thuyết về hoạt động thần kinh cấp cao. Khái quát được các hoạt động thần kinh cấp cao, Giải thích được cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện và so sánh được phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện. Vận dụng được các hoạt động thần kinh cấp cao vào học tập, dạy học và thực tiễn đời sống.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
30	Côn trùng học	Nêu được vai trò của côn trùng trong nông nghiệp và đời sống con người. Trình bày được đặc điểm cấu tạo hình thái, cấu tạo giải phẫu cơ thể côn trùng cũng như đặc điểm sinh vật học, sinh thái học côn trùng. Phân loại được một số nhóm côn trùng phổ biến liên quan đến nông nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng được những kiến thức côn trùng học vào trong đời sống thực tiễn như phòng trừ côn trùng gây hại và bảo vệ côn trùng có ích, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học ở các trường phổ thông.			Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
31	Miễn dịch học	Hiểu biết kiến thức cơ bản về hệ thống miễn dịch của cơ thể động vật, bao gồm miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu, các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch. Phân tích các cơ chế đáp ứng miễn dịch, bệnh lý miễn dịch và ứng dụng miễn dịch trong phòng bệnh. Giải thích cơ sở sử dụng vaccine trong chữa bệnh, chẩn đoán bệnh và ứng dụng trong các nghiên cứu cơ bản về bệnh tật và phòng ngừa bệnh ở người và động vật. Vận dụng những kiến thức đã học để giảng dạy ở trường phổ thông, bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
32	Sinh học cơ thể người	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thành phần cấu tạo hoá học và cấu tạo tế bào của cơ thể người. Giúp cho sinh viên có cách nhìn tổng quát về hệ miễn dịch và một số bệnh xảy ra trong các hệ cơ quan ở người. Nắm được nguồn gốc và tiến hoá người, di truyền người, sinh thái người. Rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì, tỉ mỉ trong việc vận dụng kiến thức vào tìm hiểu, nghiên cứu thực tiễn.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
33	Kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm sinh học	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm Sinh học. - Vận dụng được những kiến thức về kỹ thuật an toàn và quản lý phòng thí nghiệm Sinh học, để thực hiện các nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm đúng quy trình và đảm bảo kỹ thuật an toàn.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác. Rèn luyện được thái độ tích cực trong học tập, nghiêm chỉnh thực hiện nội quy lớp học.			giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
34	Lược sử sinh học và nguyên tắc phân loại	Trình bày và phân tích được những lý thuyết, quan điểm, tư tưởng và thành tựu của khoa học Sinh học trong suốt chiều dài lịch sử phát triển; những khái niệm cơ bản, đối tượng, nhiệm vụ của phân loại sinh vật; các loại đặc điểm và phương pháp dùng trong phân loại sinh vật... Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản và chuyên sâu về phân loại sinh vật, vai trò, ý nghĩa của các nhóm phân loại; đánh giá được đa dạng sinh vật ở một khu hệ sinh thái…; tích hợp tốt vào các nội dung, môn học có liên quan trong chương trình đào tạo và trong công tác giảng dạy, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm sau khi ra trường.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
35	Quang hợp	Trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình quang hợp đối với đời sống thực vật. Vận dụng được những kiến thức về cơ chế và bản chất của quá trình quang hợp để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên đối với đời sống thực vật. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
	Sinh thái ứng dụng	Vận dụng được những kiến thức, nguyên lý sinh thái học và quản lý, giám sát môi trường, điều khiển hệ thống nông nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học. Vận dụng được kiến thức về sinh thái ứng dụng vào giảng dạy những nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở phổ thông. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của sinh thái học trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông nghiệp bền vững.			Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (25%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (15%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm thi kết thúc học phần (50%)
36	Sinh lý sinh trưởng và phát triển	Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh lí sinh trưởng, phát triển của thực vật. Vận dụng được những kiến thức về cơ chế điều tiết các quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật ở các mức độ cơ thể, tế bào, phân tử để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên. Phát triển được năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá; tư duy phản biện; khả năng làm việc độc lập và hợp tác.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
37	Sinh lý sinh trưởng và phát triển	Học phần Sinh lý sinh trưởng phát triển thực vật nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh lí sinh trưởng phát triển của thực vật: sự biểu hiện gen và truyền tín hiệu, cấu trúc, phát sinh và sự giãn của vách tế bào thực vật, sinh trưởng, phát triển và phân hóa, phytocrom, phytohoocmon và quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật và điều tiết sự ra hoa của thực vật. Đây là môn học giúp người học hiểu những quy luật, cơ chế điều tiết các quá trình sinh trưởng, phát triển của thực vật ở các mức độ cơ thể, tế bào, phân tử. Trên cơ sở đó có thể ứng dụng vào sản xuất nông, lâm nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
38	Dinh dưỡng khoáng	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng khoáng ở thực vật, vai trò sinh lý, triệu chứng thiếu, thừa các nguyên tố khoáng, sự hấp thu, vận chuyển và chuyển hóa các chất dinh dưỡng ở cơ thể thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động dinh dưỡng khoáng ở thực vật.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (60%)
39	Chuyên đề biến đổi khí hậu	Vận dụng được những kiến thức về biến đổi khí hậu vào phân tích những biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời đề xuất những biện pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương. Tích hợp, lồng ghép kiến thức biến đổi khí hậu vào giảng dạy các nội dung liên quan trong chương trình môn Sinh học ở phổ thông. Nhận thức được những tác động của biến đổi khí hậu có ý thức điều chỉnh hành vi ứng phó với biến đổi khí hậu.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
40	Chất điều hòa sinh trưởng thực vật	Vận dụng được những kiến thức đại cương về chất điều hòa sinh trưởng thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Giải thích được những hiện tượng liên quan đến chất điều hòa sinh trưởng ở thực vật. Sử dụng các chất điều hòa sinh trưởng thực vật một cách hợp lý và an toàn.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
41	Vi sinh công nghiệp	Hiểu được các quy luật hoạt động sống trong các nhóm vi sinh vật, thấy được tính đa dạng về cơ chế trao đổi chất trong cơ thể sinh vật. Phân tích được cơ sở khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật học trong thực tiễn sản xuất công nghiệp, trong các quá trình công nghệ sinh học, công nghệ vi sinh. Có kỹ năng thực hành ứng dụng, sau khi học xong học phần này, sinh viên cần hiểu được các ứng dụng công nghiệp quan trọng của vi sinh vật, sự khác biệt giữa công nghệ sinh học vi sinh vật hiện đại và vi sinh học truyền thống, phân biệt được các nhóm sản phẩm và quá trình công nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (60%)
42	Một số vấn đề sinh học hiện đại	Vận dụng được các kiến thức về công nghệ chuyển gen, ứng dụng cây trồng biến đổi gen phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở nước ta trong tương lai. Vận dụng được các kiến thức về công nghệ xử lý môi trường sinh học trong thực tế hiện nay; hướng tiếp cận phân tử trong xử lý sinh học. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về công nghệ enzyme và ứng dụng của enzyme. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức về công nghệ tế bào gốc và ứng dụng của tế bào gốc; các ứng dụng tương lai trong liệu pháp tế bào. Hiểu biết và vận dụng được các kiến thức về sinh học tổng hợp và những ứng dụng; hướng chọn lọc, đánh giá và phát triển các ứng dụng sinh học tổng hợp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
43	Nuôi cấy mô	Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật để giảng dạy tốt các nội dung liên quan đến lĩnh vực thực vật trong chương trình Sinh học ở Trường THPT. Trình bày và phân tích được những nội dung liên quan đến các hoạt động dinh dưỡng khoáng ở thực vật. Thành thạo những thao tác thực hành thí nghiệm trong lĩnh vực Dinh dưỡng khoáng thực vật.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (30%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (10%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
44	Sinh học phân tử	Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất, hiện đại về hệ gene, tái bản và sửa chữa DNA, biểu hiện gene, nguyên tắc và bản chất của một số kỹ thuật cơ bản của sinh học phân tử. Phân tích được các ứng dụng và triển vọng của sinh học phân tử trong các lĩnh vực như y học, nông nghiệp, khoa học hình sự, công nghiệp.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận, kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Cơ sở di truyền chọn giống động vật.	Hiểu biết và vận dụng các quy luật di truyền tính trạng màu sắc và di truyền học giới tính động vật, di truyền học miễn dịch, di truyền học tập tính và tính trạng số lượng ở động vật vào trong công tác chăn nuôi, chọn lọc, lai tạo giống vật nuôi nhằm duy trì đặc điểm tốt của giống hiện có hoặc tạo ra giống vật nuôi mới đáp ứng nhu cầu trong sản xuất nông nghiệp. Ứng dụng các quy luật di truyền để cải tiến di truyền đối với năng suất và chất lượng sản phẩm của vật nuôi.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
46	Cơ sở di truyền chọn giống thực vật	Xác định được các hướng cơ bản và mục tiêu của chọn giống, vai trò của giống cây trồng trong sản xuất; Hiểu và giải thích được cơ sở di truyền chọn giống cây trồng, ứng dụng được thành tựu công nghệ sinh học vào công tác chọn giống; Phân tích được phương pháp duy trì và chọn giống ưu thế lai ở thực vật nhằm tạo ra giống có giá trị kinh tế cao; Trình bày được nguyên lí lai tạo giống cây trồng, các phương pháp chọn tạo giống ở các nhóm cây trồng như cây giao phấn, cây tự thụ phấn và cây sinh sản vô tính để áp dụng vào thực tiễn sản xuất.	2	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (20%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
47	Di truyền người	Nêu được các phương pháp nghiên cứu về di truyền học người. Giải thích được cơ sở các bệnh liên quan đến NST thường và NST giới tính. Phân tích được sự di truyền các tính trạng ở người bao gồm di truyền trên NST thường, trên NST giới tính, di truyền liên kết gen đồng thời phân tích được cơ sở di truyền của trí thông minh. Nêu được khái niệm quần thể, tần số gen và kiểu gen ở người, định luật Hardy-Weinberg; trình bày được hiện tượng cận huyết ở quần thể người. Giải thích được cơ sở hóa sinh của một số bệnh di truyền ở người. Vận dụng được những kiến thức di truyền học người vào trong đời sống thực tiễn cho việc phòng và trị bệnh, giải được các dạng bài tập liên quan đến bệnh ở người, đồng thời vận dụng được kiến thức trong dạy học ở các trường phổ thông.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Kỹ thuật dạy học sinh học	Biết cách xác định mục tiêu bài học đúng quy tắc. Nêu được khái niệm câu hỏi, bài tập. Phân tích được vai trò của câu hỏi, bài tập và quy trình thiết kế câu hỏi, bài tập trong chuẩn bị kế hoạch dạy học Trình bày được khái niệm bài tập thí nghiệm. và các nguyên tắc thiết kế bài tập thí nghiệm. Phân biệt được các dạng bài tập thí nghiệm trong chương trình sinh học phổ thông. Trình bày được khái niệm phiếu hoạt động học tập (phiếu học tập). Biết cách phân loại và thiết kế được các dạng phiếu học tập trong dạy học Sinh học. Trình bày được cơ sở lý luận của việc thiết kế và sử dụng sơ đồ, sơ đồ tư duy và bản đồ khái niệm trong dạy học.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
49	Tin sinh học	Biết được những kiến thức cơ bản về tin sinh học và sinh học phân tử. Nắm được quá trình phân tích trình tự DNA. Biết được một số cơ sở dữ liệu sinh học và cách sử dụng. Hiểu được tổng quan về enzyme cắt, những kỹ thuật trong thiết kế mồi. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu đa dạng sinh học dựa vào trình tự DNA, so sánh được một số trình tự DNA. Nắm được cách sử dụng chương trình phân tích cấu trúc chuỗi và phần mềm vẽ bản đồ phả hệ. Hiểu rõ nội dung, ý nghĩa và các ứng dụng của Microarray. Có kỹ năng sử dụng các chương trình để chuyển đổi các kiểu định dạng, tìm kiếm ORFs trong chuỗi trình tự DNA, chuyển đổi trình tự. Sử dụng thành thạo cơ sở dữ liệu NCBI. Thiết kế và lựa chọn được đoạn mồi bằng phần mềm. Sử dụng được các chương trình phân tích cấu trúc chuỗi. Vẽ được sơ đồ phả hệ bằng phần mềm BioPro. Có ý thức cập nhật các kiến thức hiện đại trong ngành sinh học và vận dụng kiến thức chuyên môn về tin sinh học để giải thích các vấn đề trong cuộc sống.	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trình bày được các khái niệm cơ bản về NCKH, phân tích được một quy trình NCKH. Lựa chọn được các phương pháp cơ bản sử dụng trong NCKH. Lựa chọn được một đề tài khoa học phù hợp với mục đích nghiên cứu và xây dựng được đề cương đề tài này thông qua các hoạt động tích cực như hoạt động nhóm. Rèn luyện được đức tính kiên trì, chịu khó, cần cù, trung thực trong NCKH. Xây dựng được lòng say mê trong nghiên cứu khoa học và truyền cảm hứng trong hoạt động dạy	2	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%);

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học đến học sinh, tâm huyết với nghề. Rèn luyện được phương pháp tự học, tự nghiên cứu trong học tập và trong hoạt động dạy học.			Điểm thi kết thúc học phần (60%)
51	Rèn luyện NVSPTX1	Môn học rèn luyện các Kỹ năng cơ bản về giao tiếp, ứng xử sư phạm, Kỹ năng quản lí học sinh; Kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể ; Kỹ năng giáo dục học sinh ; Kỹ năng tìm hiểu về nền giáo dục hiện đại; Kỹ năng nghiên cứu KHGD. Những Kỹ năng này giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường về trường THCS hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công	1	2	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
52	Rèn luyện NVSPTX2	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục HS, cảm hóa học sinh; Kỹ năng giáo dục HS chưa ngoan; Kỹ năng vận động gia đình và xã hội tham gia vào giáo dục; biết vận dụng đổi mới các phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học giáo dục và rèn luyện thành thạo các Kỹ năng độc viết vẽ bảng	1	3	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
53	Rèn luyện NVSPTX3	Học phần có vai trò, ý nghĩa quan trọng giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về việc rèn luyện rèn luyện các Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng quan sát, làm thí nghiệm, Kỹ năng suu tầm các tư liệu dạy học sinh học; Kỹ năng làm	1	4	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (50%)
54	Rèn luyện NVSPTX4	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về cách tổ chức học tập trong một giờ thực hành, tổ chức HS hoạt động ngoài giờ lên ; biết sử dụng các phương tiện trực quan có hiệu quả; biết sử dụng một số phần mềm vào thiết kế giáo án	1	5	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
55	Rèn luyện NVSPTX5	Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế các loại bài dạy thông thường, bài giảng điện tử; trong chương trình sinh học phổ thông. Rèn luyện các kỹ năng xây dựng các loại kế hoạch, biết sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với các loại bài khác nhau	1	6	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
56	Rèn luyện NVSPTX6	Học phần giúp sinh viên nắm vững các bước đánh giá một giờ dạy sinh học trong chương phổ thông. Mặt khác môn học này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về *cách thức tổ chức dạy học sinh học* giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức lớp học, có kĩ năng dạy cac loại bài Sinh học, phối hợp bài giảng với các phương tiện dạy học; rèn luyện kĩ năng ra đề thi, chấm bài, viết sáng kiến kinh nghiệm ở trường phổ thông.	6	7	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần (50%)
57	Giải phẫu thích nghi thực vật	- Nhận biết được các dạng sống của thực vật, giải thích được vì sao các loài thực vật khác nhau về nguồn gốc nhưng có hình dạng hoặc chức năng giống nhau; - Phân biệt được đặc điểm thích ứng và thích nghi sinh học, giải thích được mối liên hệ giữa thích ứng và thích nghi, đồng thời giải thích được mối quan hệ giữa sự tồn tại của thực vật ở môi trường sống. - Nghiên cứu so sánh đặc điểm thích nghi của thực vật ở các môi trường sống khác nhau, có khả năng lựa chọn các nhóm cây trồng phù hợp với môi trường nhằm nâng cao khả năng sống sót của cây.	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (30%); Điểm thi kết thúc học phần (50%)
58	Giải phẫu so sánh động vật	Sau khi học xong học phần này sinh viên trình bày và giải thích có hệ thống các mức độ phát triển của giới động vật về cấu tạo và chức năng. So sánh quá trình hình thành và phát triển các hệ cơ quan ở các nhóm động vật từ đó vận dụng vào giải thích các hoạt động sống phức tạp, sự phát triển cá thể và tập tính ở động vật trong mối quan hệ với môi trường sống. So sánh sự tiến hoá từ đơn giản đến phức tạp, thích nghi với điều kiện môi trường của cơ thể động vật, sự khác biệt và mối quan hệ về cấu tạo giải phẫu và chức năng sinh lý của các hệ cơ quan, từ đó xác định được chiều hướng tiến hóa cấu tạo giải phẫu cùng với chức năng sinh lý ở các nhóm động vật. Vận dụng những đặc điểm cấu tạo cơ thể và hoạt động sống vào trong chăn nuôi và phát triển động vật.	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết thúc học phần (60%)
59	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong DH Sinh học ở trường THPT	Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và chương trình giáo dục phổ thông môn sinh học. Tích hợp hoạt động trải nghiệm trong nội dung dạy học môn sinh học ở trường THPT Xây dựng được kế hoạch dạy học hoạt động trải nghiệm và biết cách đánh giá năng lực thông qua quá trình dạy học môn sinh học ở trường THPT. Thành thạo các mạch nội dung hoạt động trải nghiệm trong dạy học để lựa chọn chủ đề hợp lý	2	8	Điểm chuyên cần (10%); Điểm bài tập nhóm, thảo luận (10%); Điểm kiểm tra giữa kỳ (20%); Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hình thành ý thức tích cực, chủ động tìm kiến thức, có trách nhiệm với nghề giáo, phấn đấu trở thành giáo viên dạy tốt trong tương lai ở trường THPT.			thúc học phần (60%)

17. Ngành Sư phạm Ngữ văn (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Khái quát về lịch sử, vị thế của Trường Đại học Đồng Tháp, khoa Sư phạm Ngữ văn; Hiểu biết về ngành Sư phạm Ngữ văn, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, nhu cầu xã hội và triển vọng việc làm; Diễn giải được quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; Vận dụng hiệu quả và tuân thủ nghiêm túc các quy chế trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường; Sử dụng thành thạo các quy trình quản lý đào tạo; Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao; Hiểu biết về những kỹ năng thiết yếu để học tập và rèn luyện; Sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề Sư phạm Ngữ văn đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân.	1	1	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
2	Cơ sở ngôn ngữ học	Vận dụng được những tri thức khái quát, toàn diện về ngôn ngữ (bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống, cấu trúc của ngôn ngữ, loại hình ngôn ngữ và các bộ phận của ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông cũng như phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả các tri thức cơ sở của ngôn ngữ đã học vào nghiên cứu, giảng dạy Ngữ văn và các công việc xã hội liên quan; Sử dụng hiệu quả kỹ năng tự học, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
3	Tiếng việt thực hành	Vận dụng được những tri thức khái quát, toàn diện về ngôn ngữ và kĩ năng sử dụng tiếng Việt vào dạy học môn Ngữ văn và giáo dục học sinh ở trường phổ thông và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả các tri thức cơ sở của kĩ năng sử dụng tiếng Việt đã học vào nghiên cứu, giảng	2	1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dạy Ngữ văn và các công việc xã hội liên quan; Sử dụng hiệu quả kỹ năng tự học, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.			Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học, có khả năng ứng dụng các thao tác nghiên cứu khoa học đã được thực hành vào những trường hợp cụ thể trong thực tiễn nghiên cứu văn học. Học phần cũng hướng đến việc phát triển tư duy khoa học, có khả năng đặt vấn đề và giải quyết những vấn đề mang tính mới mẻ, sáng tạo cho sinh viên. Từ đó giúp sinh viên có ý thức học tập và rèn luyện một số kỹ năng nghiên cứu khoa học nói chung và văn học nói riêng nhằm phục vụ cho việc học tập và giảng dạy sau này, có tinh thần say mê học hỏi,tìm tòi và khám phá, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, cũng như trung thực, khách quan, tôn trọng sự thật, tôn trọng lý tính trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề khoa học.	2	2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm Báo cáo nhóm: 10% Bài tự học: 20% Bài tập lớn: 50%
5	Văn học và văn hóa	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức có hệ thống và chuyên sâu nghiên cứu về *sự giao thoa giữa văn hóa, văn học;* luận giải mối quan hệ văn học và văn hóa trong quá trình vận dụng lý thuyết nghiên cứu liên ngành văn hóa, văn học mà còn khảo sát các bình diện giá trị của văn hóa được phản ánh qua văn học từ góc nhìn ứng dụng. Đặc biệt, qua học phần, người học hình thành được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học; hình thành được kỹ năng tích hợp kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy - học cũng như kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào tiếp cận tác phẩm văn học cùng như các hoạt động thực tiễn.	2	3	Chuyên cần: 10% Bài tập thực hành: 10% Thảo luận nhóm: 10% Kiểm tra giữa kì/ Dự án học tập: 20% Thi kết thúc tự luận: 50%
6	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình nói chung, chương trình nhà trường, chương trình môn Ngữ văn nói riêng. Qua học phần, người học có được kiến thức, kĩ năng về quy trình phát triển chương trình, cách thực hiện phát triển chương	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình, đánh giá chương trình giáo dục và thực hành được một số bước phát triển chương trình cụ thể: rà soát, đánh giá chương trình, thiết kế bảng phân phối chương trình, thiết kế giáo án về một bài học hay một chủ đề học tập trong chương trình phát triển theo định hướng tiếp cận năng lực.			Bài tập nhóm: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
7	Văn học, nhà văn, bạn đọc	Có kiến thức cơ bản và hệ thống về các khái niệm kết tinh những quan niệm của dân tộc và nhân loại mang ý nghĩa khái quát về văn học; Hiểu một cách cơ bản, thấu đáo và sâu sắc tri thức về bản chất và chức năng xã hội - thẩm mỹ của văn học, đặc trưng của nghệ thuật ngôn từ; Nắm vững qui luật vận động của văn học và sự tác động qua lại giữa văn học và đời sống, giữa văn học với các loại hình nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội khác. Sinh viên kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn, có khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào cảm thụ và phân tích tốt các tác phẩm văn học tiêu biểu, đặc biệt là những tác phẩm có trong chương trình phổ thông; biết cách mở rộng, liên hệ với những vấn đề thời sự của đời sống văn học hiện nay. Có tinh thần học tập tích cực, tiếp thu thành tựu văn học nghệ thuật thế giới; Hình thành thái độ trân trọng đối với thành tựu lý luận văn học dân tộc và nhân loại; Có lòng nhiệt thành và đam mê trong học tập và nghiên cứu.	3	1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
8	Văn học dân gian Việt Nam	Văn học dân gian Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trình bày khái quát về khái niệm, đặc trưng cơ bản, ý nghĩa giáo dục của văn học dân gian. Văn học dân gian Việt Nam cung cấp những kiến thức chung về các thể loại truyện cổ dân gian Việt Nam như: thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết, truyện ngụ ngôn ở các phương diện khái niệm, giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa giáo dục của truyện. Về mảng thơ ca dân gian, cung cấp kiến thức về các thể loại thơ ca dân gian như: tục ngữ, câu đố, ca dao, hát ru, đồng dao ở các phương diện khái niệm, giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa giáo dục của chúng. Tìm hiểu môn học	2	2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		này, người học sẽ có cơ sở lý luận khoa học và kỹ năng cơ bản để nghiên cứu, giảng dạy các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam.			Điểm thi kết thúc học phần: 50%
9	Văn học Việt Nam trung đại 1	Học phần *Văn học Việt Nam trung đại 1* gồm có các nội dung chính như: Khái quát chung về văn học Việt Nam trung đại; Văn học Việt Nam trung đại giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV: Văn học Lý - Trần, tác gia Nguyễn Trãi; Văn học Việt Nam trung đại giai đoạn từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII: Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Dữ và *Truyền kỳ mạn lục*. Môn học tìm hiểu về văn học viết Việt Nam trung đại từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII. Sinh viên thấy được mối quan hệ biện chứng giữa lịch sử và văn học, sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử đối với nhà văn từ đó để hiểu đúng và có tình cảm yêu quý, trân trọng đối với nền văn học trung đại Việt Nam.	2	3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
10	Tác phẩm và loại thể văn học	Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức lý luận văn học về tác phẩm văn học và các vấn đề về tác phẩm văn học nhằm trang bị cho người học hệ thống lý thuyết làm cơ sở cho việc tìm hiểu và lí giải những vấn đề của văn học Việt Nam và văn học thế giới cũng như trang bị những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu khoa học ngành Ngữ văn và việc giảng dạy sau này ở phổ thông.	3	3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
11	Ngữ âm và từ vựng tiếng Việt	Vận dụng được các kiến thức về ngữ âm và từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt vào việc dạy học và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về ngữ âm (khái niệm ngữ âm và ngữ âm học; các đơn vị ngữ âm; đặc điểm âm tiết tiếng Việt; hệ thống ngữ âm tiếng Việt; các yếu tố của ngữ điệu; chữ viết và chữ viết tiếng Việt) và từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt (các đơn vị từ vựng tiếng Việt; các lớp từ vựng tiếng Việt; cơ cấu ngữ nghĩa của từ vựng tiếng Việt) vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn	3	3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đầu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
12	Văn học Việt Nam trung đại 2	Học phần cung cấp kiến thức có hệ thống về lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến hết TK XIX cùng các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của nó nhằm giúp người học có được kiến thức chuyên sâu về văn học Việt Nam giai đoạn này. Đặc biệt, qua học phần, người học hình thành được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam trung đại; kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích cảm xúc nghệ thuật ở người học; kỹ năng tích hợp kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy – học cũng như kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành VHVN vào các hoạt động thực tiễn.	3	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm bài tập nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
13	Văn học Ấn Độ, Nhật Bản	Hiểu và giải thích được tiến trình Văn học Ấn Độ, Nhật Bản, trọng tâm là các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; Vận dụng kiến thức Văn học Ấn Độ, Nhật Bản vào dạy học, giáo dục học sinh ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; Phân tích, nghiên cứu các trào lưu, thể loại trong *Văn học Ấn Độ, Nhật Bản;* Giảng dạy các chủ đề có liên quan trong chương trình Ngữ văn phổ thông; Chuyên cần, nghiêm túc, trân trọng các thành tựu văn học nước ngoài; Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
14	Văn học Việt Nam hiện đại 1	Văn học Việt Nam hiện đại 1 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nghiên cứu về văn học Việt Nam từ năm 1900 đến 1945, bao gồm quá trình hình thành và phát triển, các khuynh hướng, trào lưu văn học, những nội dung chính và những thể loại chủ yếu, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu; từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn	3	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học Việt Nam từ năm 1900 đến 1945 cho tiến trình hiện đại hoá văn học dân tộc.			Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
15	Văn bản Hán văn Việt Nam	Vận dụng được kiến thức nền tảng về chữ Hán, ngữ pháp văn ngôn và số lượng từ vựng chữ Hán, điển tích, điển cố… để tiếp cận các văn bản chữ Hán thuộc các thể loại Hán văn Việt Nam vào nghiên cứu, giảng dạy văn học Trung đại Việt Nam; so sánh và rút ra được giá trị ngôn từ của tác phẩm ở từng thể loại; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; đưa ra định hướng chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân; xác lập ý thức học tập và có tinh thần phấn đấu trong học tập; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
16	Ngữ pháp tiếng Việt	Vận dụng được các kiến thức về đại cương ngữ pháp học và các đơn vị ngữ pháp (từ, cụm từ, câu) trong tiếng Việt vào việc dạy học và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về các đơn vị ngữ pháp trong tiếng Việt vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
17	Lí luận về phương pháp dạy học ngữ văn	Hiểu và phân tích được cấu trúc nội dung chương trình dạy học Ngữ văn ở trường THPT sau năm 2018. Vận dụng tích hợp tri thức liên ngành Văn - Ngữ trong dạy học các môn học với cấu tạo SGK mới; tổng hợp và đánh giá được các mối liên hệ về phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy-học chương trình Ngữ Văn trung học; tổ chức dạy học Ngữ văn ở trường THPT; hình thành năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học đặt ra trong nhà trường phổ thông; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng trong quá trình học tập, nghiên cứu học phần.	3	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Văn học Trung Quốc	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm vững kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc, trang bị những vấn đề lý thuyết và giới thiệu những thao tác thực hành đối với những tác phẩm văn học Trung Quốc cho sinh viên, đồng thời cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu văn học. Nắm vững các thao tác cơ bản trong quá trình tìm hiểu tiến trình lịch sử văn học của một dân tộc. Ứng dụng các thao tác nghiên cứu khoa học đã được thực hành vào những trường hợp cụ thể trong thực tiễn nghiên cứu văn học để vận dụng vào việc giảng dạy văn học nước ngoài nói chung văn học Trung Quốc nói riêng ở các trường phổ thông.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Bài Báo cáo nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
19	Văn bản Hán văn Trung Quốc	Vận dụng được kiến thức nền tảng về chữ Hán, ngữ pháp văn ngôn và số lượng từ vựng chữ Hán, điển tích, điển cố… để tiếp cận các văn bản chữ Hán thuộc các thể loại Hán văn Trung Quốc, sự ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với nền văn học Việt Nam vào nghiên cứu, giảng dạy văn học Trung Quốc ở trường Phổ thông; khai thác được những vấn đề văn hóa, tư tưởng của Trung Quốc, Việt Nam và các nước đồng văn trong khu vực, so sánh và rút ra được giá trị ngôn từ của tác phẩm ở từng thể loại; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; đưa ra định hướng chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân; xác lập ý thức học tập và có tinh thần phấn đấu trong học tập; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
20	Văn học Việt Nam hiện đại 2	Cung cấp kiến thức có hệ thống và chuyên sâu về lịch sử văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến năm 1975 cùng các tác gia, tác phẩm tiêu biểu nhằm giúp người học lí giải được vị trí đặc biệt của văn học 1945 - 1975 trong tiến trình phát triển của văn học nước nhà. Đặc biệt, qua học phần, người học hình thành được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975; hình thành được kỹ năng tích hợp kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy – học cũng như kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành VHVN vào hoạt động thực tiễn như viết báo, phê bình, tổ chức các sự kiện văn hóa văn nghệ,...	3	6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm thi kết thúc học phần: 50%
21	Văn học Nga - Mỹ	Hiểu và giải thích được tiến trình Văn học Nga, Mỹ, trọng tâm là các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; Vận dụng kiến thức Văn học Nga, Mỹ vào dạy học, giáo dục học sinh ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; Phân tích, nghiên cứu các trào lưu, thể loại trong Văn học Nga, Mỹ; Giảng dạy các chủ đề có liên quan trong chương trình Ngữ văn phổ thông; Chuyên cần, nghiêm túc, trân trọng các thành tựu văn học nước ngoài; Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
22	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	Trình bày và phân tích được một số vấn đề chung của phân môn Tiếng Việt trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông như: vị trí, nhiệm vụ, mục tiêu, nguyên tắc dạy học và các phương pháp dạy học đặc thù của bộ môn. Vận dụng và đánh giá được hiệu quả các phương pháp dạy học nói chung và phương pháp dạy học đặc thù của bộ môn nói riêng vào thiết kế giáo án dạy học cho từng kiểu bài học Tiếng Việt theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của người học; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng trong quá trình học tập, nghiên cứu học phần.	2	6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông	Vận dụng được các kiế thức, nguyên tắc và phương pháp, quy trình tạo lập các kiểu văn bản ở trường PT; Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học tạo lập các kiểu văn bản; hoàn thiện một số kĩ năng cơ bản của việc thiết kế giáo án và tổ chức dạy học viết; Biết cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện tốt việc dạy học tạo lập văn bản ở THPT. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng trong quá trình học tập, nghiên cứu học phần.	3	6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
24	Đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học trong dạy học môn Ngữ văn	Xác định vai trò của hoạt động kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học; Nắm vững những thành tố của quá trình đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Xây dựng công cụ đánh giá, tổ chức đánh giá năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn; Ý thức lấy người học làm trung tâm, chú trọng hình thành và phát triển năng lực của học sinh qua kiểm tra, đánh giá. Vận dụng các kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng mềm trong học tập, nghiên cứu.	2	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm thảo luận: 20% Thi kết thúc học phần: 50%
25	Văn học Việt Nam hiện đại 3	Học phần cung cấp kiến thức có hệ thống về lịch sử văn học Việt Nam từ sau 1975 đến nay cùng các tác gia, tác phẩm tiêu biểu nhằm giúp người học có được kiến thức chuyên sâu và lí giải được vị trí của văn học giai đoạn này trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam. Đặc biệt, qua học phần, người học hình thành được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam đương đại; kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích cảm xúc nghệ thuật ở người học; kỹ năng tích hợp kiến thức Ngữ văn để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy – học cũng như kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành VHVN vào các hoạt động thực tiễn.	2	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm Bài tập thực hành: 10% Điểm Bài tập nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
26	Thi pháp học	Học phần cung cấp Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể về quy luật hình thành và những yếu tó cấu thành những giá trị nghệ thuật	2	7	Điểm chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- thẩm mĩ của văn chương; Giúp sinh viên hiểu một cách cơ bản, thấu đáo và sâu sắc tri thức về "tính văn chương" tác phẩm, các yếu tố của nó và đặc điểm thi pháp của một tác phẩm, tác giả văn học tiêu biểu; trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng để đi vào nghiên cứu khoa học ngành Ngữ văn và việc giảng dạy sau này ở trường phổ thông.			Điểm Thảo luận: 20% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
27	Dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông	Trình bày được một số vấn đề lí luận chung trong dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông như: khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc dạy học, các biện pháp dạy kĩ năng đọc cho học sinh … Vận dụng được quy trình dạy học đọc hiểu vào thiết kế giáo án dạy học đọc hiểu văn bản tương ứng với từng kiểu loại cụ thể và đề xuất được một số biện pháp dạy kĩ năng đọc cho học sinh; Tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông; Xác lập ý thức học tập suốt đời, có tinh thần phấn đấu trong học tập.	3	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
28	Ngữ dụng học tiếng Việt	Vận dụng được các kiến thức về ngữ dụng học (các nhân tố giao tiếp, hành động ngôn ngữ, lý thuyết lập luận, lý thuyết hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn) vào việc dạy học và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về ngữ dụng tiếng Việt vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; có tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
29	Văn bản và ngữ pháp văn bản	Vận dụng được các kiến thức về văn bản và ngữ pháp văn bản tiếng Việt vào việc phân tích tác phẩm văn học và tạo lập văn bản trong trường phổ thông cũng như phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức văn bản và ngữ pháp văn bản tiếng Việt vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Văn học Anh - Pháp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử văn học Anh, Pháp từ cổ đại đến cận hiện đại thông qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Phân tích, cảm nhận tốt thành tựu văn học Anh Pháp để có thể giảng dạy tốt ở cấp Trung học sau này, đồng thời thành thạo kĩ năng giảng dạy các tác phẩm văn học Anh, Pháp có trong chương trình phổ thông, chuẩn xác trong kĩ năng nghiên cứu các vấn đề thuộc về tác gia tác phẩm văn học nước ngoài, đặc biệt là văn học Anh/Pháp, có thao tác tổng hợp, khái quát các tư liệu nghiên cứu về văn học Anh/Pháp để hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu lâu dài sau khi tốt nghiệp. Học phần cũng hình thành cho sinh viên tinh thần học tập tích cực, tiếp thu thành tựu văn học nghệ thuật thế giới, cũng như thái độ trân trọng đối với thành tựu văn học các nước, khơi dậy hứng thú và đam mê trong nghiên cứu khoa học và khám phá sáng tạo nghệ thuật.	2	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm Báo cáo nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
31	Một số vấn đề về Tiếng Việt hiện đại	Vận dụng được các kiến thức về cơ bản về lịch sử, ngữ âm, từ vựng, cú pháp, phong cách tiếng Việt văn hóa hiện đại vào việc học và dạy tiếng Việt và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức ngữ âm, từ vựng, cú pháp, phong cách tiếng Việt văn hóa hiện đại vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; có tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
32	Hán Nôm chuyên ngành	Vận dụng được kiến thức cơ bản về ngữ pháp văn ngôn, số lượng từ vựng chữ Hán tương đối làm nền tảng cho việc đọc hiểu, giải mã kiến thức về văn hóa xã hội, nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng triết học có liên quan thuộc các loại hình văn bản khác nhau của Trung Quốc và Việt Nam; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; đưa ra định hướng chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân; xác lập ý thức học tập và có tinh thần phấn đấu trong học tập; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Ngữ nghĩa học	Vận dụng được các kiến thức về ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa tiếng Việt nhằm vận dụng vào việc dạy học và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về ngữ nghĩa tiếng Việt vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
34	Hán văn cơ sở	Vận dụng kiến thức nền tảng về chữ Hán: nguồn gốc, đặc điểm, cấu tạo, quy tắc viết, bộ thủ, âm đọc Hán Việt, trật tự từ, hiện tượng chuyển loại của từ… để tiếp cận các văn bản chữ Hán từ đơn giản đến phức tạp; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; đưa ra định hướng chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân; xác lập ý thức học tập và có tinh thần phấn đấu trong học tập; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
35	Phương ngữ tiếng Việt	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phương ngữ và phương ngữ học tiếng Việt vào việc dạy học tiếng Việt, văn học địa phương và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về phương ngữ tiếng Việt vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; xác lập ý thức học tập suốt đời, tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
36	Thơ văn Hán Nôm trong trường phổ thông	Vận dụng kiến thức nền tảng về chữ Hán, ảnh hưởng của ngôn ngữ văn tự Hán đối với sự ra đời của chữ Nôm, ngữ pháp văn ngôn, số lượng từ vựng chữ Hán, chữ Nôm, cùng ảnh hưởng của nền văn học, văn hóa, tư tưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam vào nghiên cứu, giảng dạy văn học Trung Quốc, văn học Trung đại Việt Nam ở trường Phổ thông; so sánh và rút ra được giá trị ngôn từ của tác phẩm ở từng thể loại; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; đưa ra định hướng chuyên môn,	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo vệ được quan điểm cá nhân; xác lập ý thức học tập và có tinh thần phấn đấu trong học tập; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.			Điểm thi kết thúc học phần: 50%
37	Tiếp xúc ngôn ngữ	Từ những kiến thức cần đạt được ở mục tổng quan về học phần, người học có thể vận dụng được kiến thức về tiếp xúc ngôn ngữ vào việc học và dạy tiếng Việt và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện tiếp xúc ngôn ngữ vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; xác lập tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
38	Ngữ nghĩa lời hội thoại	Vận dụng được các kiến thức về ngữ nghĩa lời hội thoại trong tiếng Việt (những vấn đề chung về hội thoại, ngữ nghĩa của câu hỏi và câu trả lời, lý thuyết lập luận, nghĩa hàm ẩn trong hội thoại) vào việc dạy học và phát triển kiến thức mới; ứng dụng hiệu quả tri thức các bình diện kiến thức về lời hội thoại tiếng Việt vào nghiên cứu, giảng dạy, giao tiếp; có tinh thần phấn đấu trong học tập; tự làm việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
39	Phong cách học Tiếng Việt	Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức về Phong cách học tiếng Việt vào nghiên cứu và giảng dạy ngữ văn ở phổ thông; Vận dụng được các kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng mềm trong quá trình lĩnh hội kiến thức Phong cách học tiếng Việt; Có phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực trong quá trình làm việc cá nhân, độc lập hoặc làm việc nhóm, hợp tác.	2	4	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
40	Tiểu thuyết Minh - Thanh	Hiểu và giải thích được tiến trình Tiểu thuyết Minh Thanh cùng các tác giả và những bộ tiểu thuyết tiêu biểu; Vận dụng kiến thức Tiểu thuyết Minh Thanh vào dạy học, giáo dục học sinh ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích, nghiên cứu các kiểu loại của Tiểu thuyết Minh Thanh; Giảng dạy các chủ đề có liên quan trong chương trình Ngữ văn phổ thông; Chuyên cần, nghiêm túc, trân trọng các thành tựu văn học nước ngoài; Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.			Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
41	Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	Học xong học phần này sinh viên có các kiến thức, kỹ năng phân tích văn học Việt Nam từ năm 1900 - 1945, bao gồm quá trình hình thành và phát triển; các khuynh hướng; trào lưu văn học; những nội dung chính và những thể loại chủ yếu; một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu;… Từ đó khẳng định những thành tựu, đóng góp của văn học Việt Nam từ năm 1900 - 1945 cho tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc. Môn học giúp học viên nắm vững khái niệm, đặc điểm hiện đại hóa văn học, các trào lưu văn học,… trên tinh thần đổi mới những vấn đề chủ yếu của văn học Việt Nam giai đoạn từ 1900 - 1945. Đây là một giai đoạn đầy sôi động của lịch sử văn học. Công cuộc hiện đại hóa được khởi động và văn học đã nhanh chóng vận động theo hướng hiện đại hóa với một tốc độ nhanh chóng. Từ năm 1900 - 1945, văn học phát triển rực rỡ nhưng đồng thời cũng có nhiều hiện tượng văn học phức tạp, đã từng gây sóng gió trong dư luận. Từ sự nhìn nhận lại các hiện tượng văn học, học phần còn giúp các học viên rút ra những bài học về quan điểm và phương pháp nghiên cứu văn học.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
42	Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	Môn học nằm trong khối kiến thức tự chọn, nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cần thiết về chương trình văn học dân gian trong trường phổ thông để giảng dạy tốt mảng kiến thức này sau khi tốt nghiệp.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
43	Các tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại và hiện đại	Môn học thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm trang bị kiến thức văn học sử chuyên sâu cho sinh viên sư phạm Ngữ văn, giúp người học có được kiến thức nền tảng vững chắc bên cạnh kiến thức có được từ những học phần bắt buộc để giảng dạy tốt phần văn học Việt Nam ở trường phổ thông.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
44	Dạy học văn học trung đại ở trường phổ thông	Học phần ***Dạy học văn học trung đại ở trường phổ thông*** hướng đến việc đổi mới mô hình dạy học phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới. Đọc hiểu văn bản được xem là khâu đột phá trong nội dung và phương pháp dạy văn hiện nay, bám sát văn bản văn học trung đại, đọc hiểu ngôn ngữ, đọc thơ trữ tình trung đại, đọc văn bản tự sự trung đại,... Học phần hướng dẫn dạy học văn học trung đại ở trường phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới gồm mục tiêu, quan điểm dạy học văn học trung đại, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực; nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục; đánh giá trong dạy học văn học trung đại ở trường phổ thông. Từ đó, vận dụng một số biện pháp, phương pháp dạy học nhằm dạy học văn học trung đại ở trường phổ thông một cách hiệu quả hơn.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Ứng dụng CNTT trong dạy học Ngữ văn	Vận dụng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học vào việc giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông một cách hiệu quả; Sử dụng các kỹ năng tin học trong học tập, nghiên cứu và cũng như phát triển năng lực chuyên môn; Nhận thấy được vai trò của công nghệ thông tin trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0, vận dụng hiệu quả năng lực công nghệ thông tin trong tự học và học tập suốt đời; Đổi mới, sáng tạo, hoàn thiện các kỹ năng dạy học theo hướng tiếp cận năng lực gắn với trang thiết bị, công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra của xã hội.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Đánh giá tự học, tự nghiên cứu: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
46	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	Xác định vai trò của văn học nước ngoài trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn; Vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học văn học nước ngoài để thiết kế, tổ chức giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông; Phân tích và phát triển được phần văn học nước ngoài trong chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học văn học nước ngoài theo định hướng phát triển năng lực người học; khai thác, sử dụng có hiệu quả các phương tiện hỗ trợ dạy học văn học nước ngoài trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Ý thức lấy người học làm trung tâm, chú trọng hình thành và phát triển năng lực của học sinh qua dạy học văn học nước ngoài. Vận dụng các kĩ năng nghề nghiệp, kĩ năng mềm trong học tập, nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Thi kết thúc học phần: 50%
47	Thể loại văn học Việt Nam trung đại	Môn học trang bị những kiến thức có hệ thống về thể loại văn học Việt Nam trung đại. Nội dung bao gồm những kiến thức về nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm của từng thể loại cũng như những thành tựu đỉnh cao, sự cách tân và sáng tạo của từng thể loại trong văn học Việt Nam trung đại.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì/Dự án học tập:20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm thi kết thúc học phần: 50%
48	Thi pháp văn học dân gian	Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về thi pháp học, thi pháp văn học và quan trọng nhất là đặc trưng của thi pháp văn học dân gian. Qua học phần, người học phải xác định được đặc trưng thi pháp từng thể loại văn học dân gian Việt Nam; vận dụng lý thuyết thi pháp học và đặc trưng thi pháp văn học dân gian để khám phá vẻ đẹp độc đáo của các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam được đưa vào giảng dạy trong chương trình phổ thông nói riêng cũng như trong cảm thụ văn học dân gian nói chung.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
49	Chủ nghĩa nhân văn trong văn học phương Tây	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về văn học Phương Tây từ thời cổ đại cho đến thế kỉ XX, bao gồm những vấn đề khái quát nhất của của lịch sử văn học với các đặc trưng văn học qua từng thời kì cho đến những tác giả và tác phẩm cụ thể, tiêu biểu. Đặc biệt, chuyên đề tập trung khai thác vấn đề nổi bật nhất của văn học phương tây qua các thời kì: Chủ nghĩa nhân văn (Humanism). Học phần giúp người học phát triển khả năng cảm thụ tác phẩm văn học phương Tây, so sánh nền văn học của các nước, vận dụng hiểu biết tác giả tác phẩm cụ thể để phân tích, lí giải các hiện tượng văn học phương Tây trong từng giai đoạn, tập trung tìm hiểu tư tưởng chủ đề, sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa nhân văn trong văn học, có khả năng giảng dạy tốt các tác phẩm văn học phương Tây trong chương trình trung học, từ đó Hình thành và bồi dưỡng ý thức học tập, tiếp thu thành tựu văn học thế giới, hướng đến việc trân trọng và phát huy những giá trị văn hóa, văn học của nhân loại.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm Báo cáo nhóm: 10% Điểm kiểm tra giữa kì:20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
50	Tiếp cận tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông theo đặc trưng thể loại	Học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, có mục đích là nhằm trang bị cho người học cơ sở lí luận và cách thức tiếp cận tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại cũng như những hiểu biết cần thiết về chương trình văn học Việt Nam hiện đại trong trường phổ thông, cung cấp cho người học một công cụ đắc lực để có thể tổ chức dạy – học chương trình Ngữ văn mới một cách hiệu quả trong bối cảnh đổi mới hiện nay.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 20% Điểm kiểm tra giữa kì:20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm thi kết thúc học phần: 50%
51	Văn học Hi Lạp	Hiểu và giải thích được tiến trình Văn học Hi Lạp, trọng tâm là các tác giả, tác phẩm tiêu biểu; Vận dụng kiến thức Văn học Hi Lạp vào dạy học, giáo dục học sinh ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; Phân tích, nghiên cứu các trào lưu, thể loại trong Văn học Hi Lạp; Giảng dạy các chủ đề có liên quan trong chương trình Ngữ văn phổ thông; Chuyên cần, nghiêm túc, trân trọng các thành tựu văn học nước ngoài; Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.	2	5	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
52	Rèn luyện NVSPTX 1	Hiểu được tầm quan trọng của việc rèn luyện tác phong, ngôn phong và các kĩ năng sư phạm trong thực hành nghề nghiệp nói chung và dạy học Ngữ văn nói riêng ở trường phổ thông; Hình thành và phát triển một số kĩ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm như: kĩ năng viết và trình bày bảng, kĩ năng đọc diễn cảm, phát âm, kĩ năng sử dụng ngôn ngữ hình thể và điều khiển tiến trình dạy học. Ứng dụng tốt các tri thức về phương pháp dạy học vào tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo và giao tiếp sư phạm đúng chuẩn mực; Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết và tận tụy với nghề.	1	2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
53	Rèn luyện NVSPTX 2	Củng cố và nâng cao một số kĩ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm như: kĩ năng viết và trình bày bảng, kĩ năng đọc diễn cảm, phát âm, kĩ năng sử dụng ngôn ngữ hình thể; Hiểu và vận dụng được những kiến thức căn bản về tình huống sư phạm, phương pháp xử lí các tình huống sư phạm phát sinh trong quá trình hoạt động nghề nghiệp và cách thức tổ chức, điều khiển quá trình dạy học Ngữ văn theo phân môn, tổ chức hoạt động ngoại khóa.	1	2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng tốt các tri thức về phương pháp dạy học vào tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo và giao tiếp sư phạm đúng chuẩn mực; Mẫu mực trong tác phong nhà giáo, tâm huyết và tận tụy với nghề; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.			
54	Rèn luyện NVSPTX 3	Vận dụng các kĩ năng thực hành nghề nghiệp mang tính chất chuyên ngành ban đầu như: Thiết kế giáo án theo phân môn; Biết phát hiện, lí giải, xử lí các tình huống sư phạm, các vấn đề liên quan đến kiến thức trong chương trình môn Ngữ văn ở THPT trong thực tiễn thiết kế giáo án và đồ dùng dạy học; Khả năng giải quyết chủ động, sáng tạo các tình huống sư phạm, biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế; Rèn luyện và hoàn thiện các kĩ năng sư phạm chuyên ngành: đọc diễn cảm, đọc nhập vai, thiết kế đồ dùng dạy học, quy trình lên lớp giảng dạy chuyên môn. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	1	2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần bằng thực hành trên lớp: 50%
55	Rèn luyện NVSPTX 4	Vận dụng các kĩ năng sư phạm hướng đến tập giảng và thực tập sư phạm: kĩ năng dạy học chuyên ngành như kĩ năng phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm qua từng giờ dạy của giáo viên phổ thông; kĩ năng diễn đạt, trình bày bảng; kĩ năng áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong thiết kế giáo án; kĩ năng xử lí một số tình huống trong dạy học Ngữ văn ở THPT, kĩ năng đọc – kể khi dạy Ngữ văn, thiết kế dùng dạy học; Hoàn thiện quy trình đúng lớp, tác phong và ngôn phong sư phạm; Tập giảng chuyên môn. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	1	2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần bằng thực hành trên lớp: 50%
56	Kiến tập sư phạm		2	6	
57	Rèn luyện NVSPTX 5	Củng cố và nâng cao những hiểu biết về chuyên môn và nghiệp vụ, trang bị và rèn luyện một số kĩ năng thực hành nghề nghiệp mang tính chất	1	6	Điểm chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên ngành như: kĩ năng thiết kế kế hoạch bài học; kĩ năng diễn đạt, trình bày bảng; kĩ năng vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học; kĩ năng xây dựng câu hỏi; kĩ năng điều khiển, tổ chức quá trình dạy học; kĩ năng phát hiện, lí giải các vấn đề liên quan đến kiến thức trong chương trình môn Ngữ văn ở THPT. Vận dụng phối hợp rèn luyện tác phong, ngôn phong, thiết kế giáo án, đồ dùng dạy học, phối hợp các phương pháp dạy học, rèn luyện khả năng xử lí các tình huống sư phạm cụ thể trong việc tập giảng. Từ đó, tạo tiền đề để sinh viện có khả năng giải quyết chủ động, sáng tạo những tình huống nảy sinh trong quá trình dạy học và dạy học hiệu quả môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.			Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần bằng thực hành trên lớp: 50%
58	Rèn luyện NVSPTX 6	Hoàn thiện những hiểu biết cơ bản về hoạt động dạy học bộ môn Ngữ văn ở trường phổ thông và nâng cao mức độ thành thạo một số kĩ năng thực hành nghề nghiệp mang tính chất chuyên ngành như: kĩ năng thiết kế kế hoạch bài học Ngữ văn; kĩ năng diễn đạt, trình bày bảng; kĩ năng vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học; kĩ năng điều khiển, tổ chức quá trình dạy học; kĩ năng phát hiện, lí giải các vấn đề liên quan đến kiến thức trong chương trình môn Ngữ văn ở THPT. Thực hành tập giảng chuyên môn và chủ nhiệm lớp hướng đến Thực tập sư phạm ở trường phổ thông. Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân dựa trên những cơ sở khoa học, lí luận rõ ràng.	1	7	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần bằng thực hành trên lớp: 50%
59	Thực tập tốt nghiệp		8	8	
60	Khóa luận tốt nghiệp		6	8	
61	Dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo	Trình bày được một số vấn đề lí luận dạy học theo định hướng năng lực như: Khái niệm dạy học theo định hướng năng lực; Các phương pháp dạy học theo định hướng năng lực ở các phân môn trong Chương trình giáo dục Ngữ văn mới; Những hình thức và cách thức đổi mới kiểm tra,	3	8	Điểm chuyên cần: 10% Điểm báo cáo/ bài tập nhóm: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	định hướng phát triển năng lực học sinh.	đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. Đồng thời, phân tích được sự giống nhau và khác nhau giữa dạy học định hướng nội dung và dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Vận dụng và đánh giá được hiệu quả của các hình thức dạy học, phương pháp dạy học và ưu điểm, hạn chế khi kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Thực hiện đổi mới, đa dạng hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh; Có ý thức học tập, phấn đấu học hỏi không ngừng.			Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%
62	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm đối với môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó, người học có được những kiến thức nhất định về hoạt động trải nghiệm trong bộ môn và vận dụng để thực hành, tổ chức hiệu quả hoạt động này khi ra trường thực hành nghề nghiệp.	3	8	Điểm chuyên cần: 10% Điểm thực hành: 10% Điểm thảo luận: 10% Điểm kiểm tra giữa kì: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 50%

18. Ngành Sư phạm Lịch sử (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.	3	HK 1	0.5 0.5 Vấn đáp
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A2 đến B1 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam.	2	HK 2	0.5 0.5 Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.	3	HK 1	0.5 0.5 Trắc nghiệm khách quan
4	Công tác quốc phòng và an ninh	Sinh viên nắm vững những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: phòng chống, đánh bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. Trang bị những kiến thức cơ bản góp phần phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; về trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Đây là tổng thể các hoạt động hướng đến mục tiêu chuẩn bị con người tham gia và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững chủ quyền và an ninh đất nước, bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa.	2	HK 2	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
5	Quân sự chung	Sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản liên quan đến Điều lệnh quản lý bộ đội như: chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết về các quân binh chủng trong quân đội, đồng thời nắm vững nội dung kỹ năng quân sự cần thiết. Qua đó, hình thành và nâng cao phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm của bản thân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	HK 3	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Sinh viên phải thực hiện được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và các tư thế ném lựu đạn.	4	HK 4	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
7	Giáo dục thể chất 1	- Môn học trang bị cho sinh viên khái quát chung về nội dung Thể dục cơ bản, thực hiện được các tư thế cơ bản trong đội hình đội ngũ; - Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của nội dung chạy ngắn, chạy trung bình và một số bài tập phát triển thể lực chung;	1	HK 1	0.5 0.5 Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trên cơ sở đó, sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn về thể lực, giúp sinh viên có kiến thức tốt về việc rèn luyện sức khỏe cho bản thân nhằm phục vụ cho việc học tập sau này.			
8	Bơi	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn Bơi, những hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của viêc tập luyện môn Bơi, các bài tập phát triển thể lực, cách sử dụng có hiệu quả các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khoẻ và đề phòng chống tai nạn trong môi trường nước.	1	HK 1	0.5 0.5 Thực hành
9	Bóng đá	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện kỹ thuật, trên cơ sở đó người học vận dụng để tập luyện nhằm năng cao sức khỏe và trình độ tập luyện của cá nhân.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
10	Bóng chuyền	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền, về các kỹ thuật cơ bản, thi đấu bóng chuyền, trên cơ sở đó người học tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân. Giảng viên dạy nội dung lý thuyết lồng ghép những buổi thực hành trên sân.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
11	Cầu lông	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc của môn Cầu lông, một số điều luật cơ bản. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được các kỹ thuật cơ bản như: Các TTCB, các bước di chuyển, các kỹ thuật đánh cầu, các kỹ thuật giao cầu, chiến thuật thi đấu đôi. Biết vận dụng một số điều luật vào việc thi đấu và bắt trọng tài.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
12	Võ thuật Vovinam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Vovinam, các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, cũng như tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
13	Võ thuật Karatedo	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo: + Lịch sử phát triển môn võ Karatedo, ý nghĩa chào kính trong môn võ. + Các bài quyền cơ bản (KATA) + Kỹ thuật tay, chân, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu (KUMITE) và có khả năng tự vệ trong cuộc sống.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
14	Cờ vua	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Bóng bàn	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Bóng bàn trên thế giới và ở Việt Nam, luật và phương pháp trọng tài. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản như: Cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật líp bóng, kỹ thuật gò bóng, kỹ thuật giao bóng. .	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
16	Bóng ném	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, luật chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng ném, giúp sinh viên có kiến thức và yêu thích môn bóng ném.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
17	Bóng rổ	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật bóng rổ, luật và cách chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng rổ, giúp sinh viên có kiến thức và khơi dạy niềm đam mê thể thao cho các bạn.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
18	Quần vợt	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những kỹ thuật động tác cơ bản như: Cách cầm vợt và các bài tập cảm giác bóng, đánh bóng xoáy lên bên phải, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 1 tay, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 2 tay, kỹ thuật giao bóng. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng - kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được cách thức tổ chức và bắt trọng tài môn quần vợt.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
19	Nhập môn nghề nghiệp	Giúp sinh viên biết về lịch sử, vị thế của trường, khoa; hiểu về ngành học, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo. Bên cạnh sinh viên sẽ thao tác, chuẩn xác các quy chế liên quan trong quá trình học tập, thành thạo các quy trình quản lý đào tạo cũng như tiếp cận, đánh giá trong quá trình học tập và tính cách hóa ngành nghề đang theo học.	1	HK 1	0.5 0.5 Bài thu hoạch
20	Triết học Mác - Lênin	Phân tích kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin; vận dụng giải quyết được một số vấn đề khoa học và thực tiễn; tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 120
21	Pháp luật Việt Nam đại cương	Người học có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật phù hợp để tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.	2	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó, hình thành tư duy lý luận, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar.	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60
23	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hiểu và phân tích một cách khoa học và có hệ thống nội dung cơ bản của tư tưởng HCM. Từ đó có thể vận dụng vào trong nghiên cứu những vấn đề mang tính thực tiễn mà Đảng cộng sản Việt Nam đã thực thi trong chủ trương, đường lối xây dựng CNXH. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng HCM đối với SV; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 120
25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vận dụng những kinh nghiệm, bài học quý báu của Đảng vào trong thực tiễn học tập, nghiên hoạt động nghề nghiệp.	2	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90
26	Tiếng Việt thực hành	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và tiếng Việt. Sinh viên cũng cố lại những vấn đề cốt lõi về từ, câu, văn bản và chính tả Tiếng Việt. Trên cơ sở đó, môn học cung cấp kĩ năng sử dụng tiếng Việt trên các cấp độ sử dụng từ ngữ, câu, đoạn văn và một số văn bản cho sinh viên. Đây là những kiến thức và kĩ năng rất cần thiết vì nó có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên cũng như cho việc dạy học sau này.	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
27	Địa lý đại cương	Học phần bao gồm những vấn đề, kiến thức cơ bản của địa lí tự nhiên (địa lí tự nhiên đại cương, địa lí tự nhiên các lục địa, địa lí tự nhiên Việt Nam) và địa lí kinh tế xã hội (đại cương, thế giới, Việt Nam).	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	Học phần "Hình thành và phát triển kỹ năng mềm (KNM)" sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về KNM nhằm định hướng, hướng dẫn họ hình thành, luyện tập và rèn luyện hệ thống KNM một cách phù hợp, khoa học, hiệu quả cao. Từ đó, sinh viên sẽ áp dụng, vận dụng, sử dụng những KNM vào giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ, tình huống… trong quá trình học tập, trong nghề nghiệp và trong cuộc sống.	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
29	Nhập môn khoa học giao tiếp	Học phần "Nhập môn khoa học giao tiếp (GT)" cung cấp cho sinh viên những kiến thức ban đầu và căn bản về quá trình GT (Khái niệm; Phân loại, Vai trò; Chức năng; Cấu trúc của hành vi GT; nội dung GT; hình thức GT; các kỹ năng GT; Bản chất xã hội; Phương pháp tiến hành một cuộc GT hiệu quả; đặc điểm trong GT của người Việt).Trên cơ sở ấy, sinh viên sẽ hình thành các mức độ kỹ năng GT tương ứng, phù hợp và khoa học. Từ đó, sinh viên sẽ vận dụng để chủ động, tích cực thiết lập, duy trì, vận hành và phát triển các mối quan hệ GT tích cực và vững chắc trong cuộc sống, học tập và nghề nghiệp sau này.	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
30	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương giúp sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học đại cương sẽ làm cơ sở giúp sinh viên học các học phần Tâm lý học tiểu học, Tâm lý học mầm non hoặc Tâm lý học trung học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và các lĩnh vực khác trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 90
31	Giáo dục học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên (SV) kiến thức về những vấn đề chung của giáo dục học (GDH), về nghề sư phạm. Kiến thức từ môn học giúp SV có khả năng giải thích, nhận xét ưu điểm và hạn chế của quá trình giáo dục (QTGD) trong thực tiễn; đồng thời có những đề xuất, định hướng hành động khả thi, hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục (GD).	2	HK 1	0.5 0.5 Tự luận 60
32	Tâm lý học trung học	Học phần Tâm lý học trung học giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng tâm lý của học sinh theo cơ sở khoa học, biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, giáo dục và rèn luyện nhân cách của bản thân. Trọng tâm của học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tâm lý học vào	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học trung học sẽ làm cơ sở tiếp thu kiến thức từ các học phần khác trong chương trình đào tạo.			
33	Giáo dục học trung học	HP Giáo dục học trung học là sự tiếp nối của HP Giáo dục học đại cương, HP giúp SV biết, hiểu các kiến thức cơ bản về quá trình dạy học/giáo dục (DH/GD) ở trường trung học: Khái niệm, bản chất, động lực, logic, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả. Qua đó, SV bước đầu hình thành khả năng lựa chọn/xác định được phương pháp DH/GD, hình thức tổ chức DH/GD phù hợp với mục tiêu DH/GD; xử lý tình huống GD; xác định những điều nên làm hoặc không nên làm phù hợp với các nguyên tắc DH/GD. Bên cạnh đó, SV được rèn luyện các kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. Từ nền tảng kiến thức, kỹ năng của HP, SV có cơ sở tự học, tự nghiên cứu để thực hiện quá trình DH/GD mang tính khoa học, nghệ thuật.	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60
34	Quản lý HCNN và QL ngành GD	- Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non. Biết được những đặc điểm cơ bản về giáo dục – đào tạo vùng ĐBSCL và chính sách phát triển GD đối với vùng này ; - Sinh viên xác định được những tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn người giáo viên, các văn bản của Nhà nước về quản lý giáo dục. Đồng thời biết được kỹ thuật và soạn thảo các văn bản hành chính ; - Kiến thức từ học phần giúp sinh viên có ý thức thái độ động cơ tốt trong việc trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển giáo dục con người trong nghề nghiệp tương lai.	2	HK 6	0.5 0.5 Trắc nghiệm
35	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	Môn học giới thiệu những hiểu biết cơ bản về khoa học lịch sử: sơ lược lịch sử phát triển của khoa học lịch sử của Việt Nam và thế giới thời cổ đại, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và sử học Mác xít, những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng vào việc học tập và nghiên cứu lịch sử: những hiểu biết về quan điểm nhận thức lịch sử và hiện thực lịch sử; tính đảng, tính khoa học, phương pháp lịch sử và phương pháp logic.	3	HK 1	0.5 0.5 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Sử liệu học và phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Sử liệu học và Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử; thực hành về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo khoa học, bài tập tiểu luận, khóa luận…hay một đề tài nghiên cứu.	3	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
37	Lịch sử văn minh thế giới	Nội dung học phần gồm: Bài mở đầu và 8 chương, tập trung làm rõ các nội dung sau: Định nghĩa về văn hoá và văn minh, so sánh sự giống và khác nhau giữa văn hoá, văn minh. Hướng dẫn người học tìm hiểu những thành tựu cơ bản của nền văn minh nhân loại tiêu biểu từ thời cổ đại đến hiện đại như: Ai Cập cổ đại, Lưỡng Hà cổ đại, Ả-rập, Trung Quốc cổ trung đại, Ấn Độ cổ trung đại, văn minh khu vực Đông Nam Á, văn minh Hy - La cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp.	3	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
38	Khảo cổ học	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khảo cổ học, các khái niệm về di tích khảo cổ, văn hóa khảo cổ, các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học, những bằng chứng về nguồn góc loài người. Các thời đại khảo cổ học trên Thế giới và Việt Nam cũng như thành tựu khảo cổ học ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng Tháp hiện nay.	2	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
39	Nhân học đại cương	- Nội dung môn học gồm 8 chương, tập trung làm rõ các nội dung về những vấn đề chung của nhân học; nguồn gốc tộc người và sự tiến hóa của loài người; và các vấn đề cơ bản của nhân học như văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ, kinh tế và thân tộc. Đây là môn học quan trọng trong chương trình cơ sở khối ngành của ngành Lịch sử. Nhân học và lịch sử có mối quan hệ gần gũi với nhau cả về lý thuyết, cách tiếp cận, phương pháp và các lĩnh vực nghiên cứu. - Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết, phương pháp và các lĩnh vực nghiên cứu của nhân học sau khi kết thúc môn học; giúp sinh viên ngành lịch sử nâng cao trình độ kiến thức nhân học và phương pháp nghiên cứu liên ngành.	2	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
40	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Môn học trình bày hệ thống những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ - trung đại: Những đặc trưng cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của xã hội nguyên thủy, sự hình thành và phát triển của xã hội cổ đại thông qua hai mô hình chủ yếu	4	HK 2	0.5 0.5 Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(xã hội cổ đại phương Đông và xã hội cổ đại Hi Lạp – Rôma) và những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới thời trung đại (phương Đông và phương Tây).			
41	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, là môn học nghiên cứu về lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ giữa thế kỉ XIX. Sinh viên nghiên cứu và hiểu về nhiều vấn đề cơ bản trong giai đoạn lịch sử cổ đại và trung đại của dân tộc Việt Nam thời kỳ nguyên thủy, thời đại Hùng Vương, thời kỳ đấu tranh chống Bắc thuộc, thời kỳ đầu của chế độ phong kiến dân tộc độc lập tự chủ, về lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược; sự phát triển, xác lập của chế độ phong kiến dân tộc; thời kì nội chiến và tiếp tục phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam; phong trào Tây Sơn; thời kì suy tàn của chế độ phong kiến Việt Nam cho đến trước khi thực dân pháp xâm lược Việt Nam.	4	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 120
42	Lịch sử thế giới cận đại	Môn học tìm hiểu các kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới thời cận đại như cách mạng tư sản, chủ nghĩa tư bản, quan hệ quốc tế, phong trào công nhân, tình hình khu vực Á, Phi, Mỹ latinh trong thời cận đại, làm cơ sở để sinh viên học học phần Lịch sử thế giới hiện đại và các chuyên đề như: chuyên đề "Chủ nghĩa tư bản hiện đại".	3	HK 4	0.5 0.5 Vấn đáp
43	Lịch sử Việt Nam cận đại	Lịch sử Việt Nam cận đại là môn học chủ yếu nghiên cứu về lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX cho đến hết Chiến tranh thế giới lần thứ hai (năm 1945). Thông qua môn học, sinh viên sẽ tìm hiểu, nghiên cứu về nhiều vấn đề quan trọng trong giai đoạn lịch sử này dân tộc: sự suy vong của chế độ phong kiến; cuộc xâm lược quân sự của thực dân Pháp; cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX; cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và lần thứ hai của thực dân Pháp; phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX theo khuynh hướng dân chủ tư sản; sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và các phong trào yêu nước 1930-1931, 1936-1939, cách mạng tháng Tám 1945.	3	HK 4	0.5 0.5 Tự luận 90
44	Lịch sử thế giới hiện đại	Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại giai từ 1917 – nay bao gồm: cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và sự phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực (1917 – nay), sự phát triển của quan hệ quốc tế	3	HK 5	0.5 0.5 Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(1919 -nay), sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (1919 – nay) và sự phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới (1919 – nay), từ đó giúp người học hiểu và vận dụng được kiến thức của lịch sử thế giới giai đoạn hiện đại từ 1917 đến nay.			
45	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Học phần nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay; bao gồm các vấn đề lớn như: Việt Nam trong những năm 1945 - 1954 (thành lập, bảo vệ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và tiến hành toàn quốc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp); xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954 - 1975); thống nhất, bảo vệ, đổi mới xây dựng phát triển đất nước từ 1975 đến nay.	3	HK 5	0.5 0.5 Tự luận 90
46	Lý luận dạy học môn lịch sử THPT	Môn học đề cập đến những vấn đề lý luận về PPDHLS và đổi mới phương pháp DHLS ở nhà trường phổ thông, cơ sở hình thành tri thức lịch sử cho học sinh, chức năng giáo dục của bộ môn lịch sử, hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử. Đồng thời, hướng dẫn vận dụng tất cả lý luận ấy vào việc dạy học lịch sử ở trường THPT làm cơ sở để sinh viên kiến tập, thực tập và giảng dạy sau khi tốt nghiệp.	3	HK 5	0.5 0.5 Tự luận 90
47	Một số vấn đề lịch sử, văn hóa Đông Nam Á	Một số vấn đề lịch sử - văn hóa Đông Nam Á bao gồm hệ thống kiến thức về cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á, vấn đề nhân chủng và ngôn ngữ, khái quát thời kỳ hình thành và phát triển của Đông Nam Á và ASEAN; Vai trò, vị trí của Việt Nam trong ASEAN.	3	HK 5	0.5 0.5 Tự luận 90
48	Thiết kế bài học và đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường THPT	Học phần giới thiệu về cấu trúc bài học lịch sử, so sánh điểm tích cực và hạn chế của cấu trúc bài học truyền thống so với cấu trúc bài học phát triển năng lực, mô tả quy trình, cách thức xây dựng kế hoạch dạy học lịch sử (Giáo án) theo định hướng phát triển năng lực, giải thích và hướng dẫn vận dụng các biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả bài học cũng như phát triển năng lực dạy học lịch sử. Học phần còn giới thiệu về các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học lịch sử nhằm phát triển năng lực học sinh.	3	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
49	Lịch sử xác lập chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam	. Học phần gồm các nội dung: Chương 1, tìm hiểu các lý luận chung về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia theo luật pháp quốc tế**.** Chương 2, tìm hiểu quá trình xác lập cương vực của Việt Nam trong lịch sử, từ đỉnh Lũng Cú - Hà Giang đến mũi Cà Mau; các đảo như Phú Quốc, Cái Lân... và quần đảo Hoàng Sa, Trường	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sa. Chủ trương và quan điểm của Đảng, Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh hải, biên giới đất liên với các nước liên quan: Thành tựu và thách thức.			
50	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về sự phát triển chủ nghĩa tư bản giai đoạn từ 1945 đến nay bao gồm: một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa tư bản hiện đại, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, sự phát triển của các trung tâm tư bản chủ yếu từ 1945 đến nay như Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu.	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
51	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858	Học phần nghiên nghiên cứu về các nền văn minh thuộc thời kì cổ trung đại trong lịch sử Việt Nam, bao gồm: văn minh Văn Lang - Âu Lạc; văn minh Champa và văn hóa các dân tộc ít người; văn minh Đại Việt.	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
52	Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam	Nội dung học phần gồm các kiến thức cơ bản: Những cuộc cải cách trong lịch sử trung và cận đại Việt Nam: Khúc Hạo, Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, cải cách của vua Minh Mạng; những tư tưởng cải cách cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: tư tưởng các nhà canh tân dưới triều Nguyễn, tư tưởng của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh; Công cuộc đổi mới đất nước toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ 1986 đến nay.	3	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
53	Lịch sử quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay	Giới thiệu một cách khái quát về Hệ thống những luận điểm và khái niệm cơ bản mang tính lý thuyết phục vụ nghiên cứu quan hệ quốc tế. Đi sâu tìm hiểu các giai đoạn phát triển của lịch sử quan hệ quốc tế và những đặc điểm của từng giai đoạn.	3	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
54	Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại.	3	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
55	Dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực học sinh	Môn học đề cập đến những vấn đề chung về dạy học phát triển năng lực trong môn lịch sử: khái niệm, đặc điểm, phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển năng lực và hướng dẫn vận dụng hệ thống lý luận đó vào quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông.	2	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
56	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử	Môn học mô tả những kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử như: những khái niệm cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin, vai trò của công nghệ thông tin trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy; kỹ thuật khai	2	HK 7	0.5 0.5 Bài tập thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thác, sử dụng các phần mềm hỗ trợ phục vụ khai thác thông tin cho bài giảng; phương pháp biên soạn bài giảng điện tử phục vụ quá trình dạy học.			
57	Toàn cầu hóa, khu vực hóa và sự hội nhập của Việt Nam	Toàn cầu hóa đã nhanh chóng trở thành xu thế khách quan của thế giới, đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của nhiều người ở hầu khắp các quốc gia. Việt Nam là quốc gia đang phát triển, với chủ trương chủ động hội nhập quốc tế thì việc tham gia toàn cầu hóa và khu vực hóa là một nhu cầu tất yếu. Do đó, việc làm rõ nhận thức về toàn cầu hóa và khu vực hóa là vô cùng quan trọng.	2	HK 7	0.5 0.5 Tự luận 90
58	Làng xã Việt Nam - truyền thống và hiện đại	Làng xã Việt Nam - truyền thống và hiện đại là môn học nghiên cứu về Làng xã Việt Nam - truyền thống và hiện đại về tổ chức bộ máy tổ chức làng xã Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; nghiên cứu các vấn đề về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của làng Việt Nam truyền thống và hiện đại; nghiên cứu về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của tổ chức làng xã Việt Nam trong lịch sử.	2	HK 8	0.5 0.5 Tự luận 90
59	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Việt Nam	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam, là môn học nghiên cứu về vai trò, đặc trưng, giá trị của hệ thống di sản văn hóa Việt Nam, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản đó. Môn học định hướng việc thực hiện phát huy giá trị di sản qua hoạt động nghiên cứu, giáo dục và phát triển xã hội tại địa phương.	3	HK 8	0.5 0.5 Bài tập thực hành
60	Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	Chương trình học được chia 2 chương, giới thiệu các nội dung cơ bản: Chương 1, tìm hiểu khái lược về khái niệm tín ngưỡng và tôn giáo. Chương 2, tìm hiểu về hệ thống tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam (như thờ cúng tổ tiên, Quốc tổ, thành hoàng, thánh Mẫu...) và tôn giáo ở Việt Nam (như Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo, Đạo Tin lành, Đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo). Chính sách của Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam về tự do tín ngưỡng, tôn giáo.	2	HK 5	0.5 0.5 Tự luận 90
61	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam là môn học nghiên cứu về nghiên cứu cơ bản về lí luận về dân tộc, lịch sử cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đặc điểm các cộng đồng dân tộc người Việt Nam, vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam, sự đóng góp của cộng đồng các dân tộc trong lịch sử Việt Nam. Hoạt động về đời sống kinh tế, tinh thần của các dân tộc ở Việt Nam. Chính sách đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử và của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.	2	HK 5	0.5 0.5 Tự luận 90
62	Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay	Môn học cung cấp hệ thống kiến thức về sự phát triển chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay bao gồm những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến hiện	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực; sự phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917 đến nay ở Liên Xô (1917 – 1991), Đông Âu (1945 – 1991), Trung Quốc (1949 – nay).			
63	Một số vấn đề về chế độ phong kiến Việt Nam	Học phần gồm 3 chương, trang bị thêm cho sinh viên một số nội dung kiến thức vừa mang tính chuyên sâu, vừa mang tính khái quát cao, đề cập đến một số vấn đề nổi bật về chế độ phong kiến dân tộc như: quá trình hình thành phát triển suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam; về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến; các vấn đề liên quan đến chế độ ruộng đất.	2	HK6	0.5 0.5 Tự luận 90
64	Lịch sử quan hệ Việt Nam – Trung Quốc	Sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức lịch sử về mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ thời cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại. Thông qua việc nghiên cứu học phần này, sinh viên nhận thức được được rằng mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là một trong những mối quan hệ bang giao quan trọng bậc nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam, từ đó sinh viên có ý thức, xác định được trách nhiệm của mình để góp phần thực hiện tốt mối quan hệ ngoại giao này, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam. Quá trình nghiên cứu chuyên đề này, sinh viên cũng được rèn luyện thêm về các kĩ năng sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử; rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá về các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử.v.v	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận
65	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	Sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức quan trọng về nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh trong quá trình tìm ra con đường cứu nước mới, tiến hành các hoạt động cách mạnh đưa đến sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, trực tiếp lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ. Thông qua nghiên cứu học phần này, sinh viên hình thành được tình cảm kính trọng, khâm phục đối với cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh; có ý thức học tập, rèn luyện, phấn đấu tốt hơn theo tấm gương Hồ Chí Minh. Quá trình nghiên cứu học phần, sinh viên được rèn luyện thêm về kĩ năng tìm kiếm và sử dụng tài liệu lịch sử; rèn luyện thêm khả năng phân tích, đánh giá, tư duy phản biện lịch sử.v.v	2	HK 6	0.5 0.5 Tự luận 90
66	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	4.1. Thao tác kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức HĐTN, HN. 4.2. Thao tác kỹ năng đánh giá kết quả HĐTN, HN. 4.3. Thao tác kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu. 4.4. Tích cực trong tự học, tự nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
67	Thực tế chuyên môn 1	Tham quan thực tế là môn học trải nghiệm thực tế với hành trình di sản văn hoá - lịch sử trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long mến yêu, là môn học mang lại cơ hội cho sinh viên tiếp cận giá trị ngoài thực tế, là cơ hội để củng cố, hoàn thiện giá trị kiến thức lý thuyết được trang bị, đồng thời làm sâu sắc, mở rộng và cập nhật những thông tin lịch sử - văn hoá với việc tham quan, quan sát, phân tích, nhận định về giá trị di sản của đất nước Việt Nam trong quá trình phát triển hơn 300 năm.	1	HK 5	1.0 Bài thu hoạch thực tế
68	Thực tế chuyên môn 2	Phân tích được hệ thống kiến thức liên quan đến di tích lịch sử - văn hóa trước, trong và sau khi thực tế chuyên môn để phục vụ học tập, nghiên cứu và công tác; Thành thạo sử dụng các loại bản đồ, sơ đồ liên quan đến chuyên ngành. Thiết kế một số đồ dùng trực quan cơ bản như bản đồ, sa bàn, mô hình... được tìm hiểu khi thực tế chuyên môn để phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Tự động hóa trong sắp xếp, quản lý thời gian và thực hiện kế hoạch cá nhân liên quan đến môn học. Hồi đáp tích cực về chủ nghĩa yêu nước, niềm tự hào dân tộc qua thực tế chuyên môn ở các địa điểm lịch sử - văn hóa. Tính cách hóa sự tự chủ, độc lập trong tư duy và tự chịu trách nhiệm với các quan điểm cá nhân của mình trong tổ chức hoạt động thực tế chuyên môn.	1	HK 7	1.0 Bài thu hoạch thực tế
69	Rèn luyện NVSPTX I	Môn học hướng dẫn sinh viên rèn luyện các kĩ năng để trở thành một nhà giáo dục có đạo đức, có phong cách sư phạm, chủ động tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, tích cực trong việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ xung quanh hệ thống giáo dục, có khả năng giáo dục, làm công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và định hướng nghề nghiệp cho HS.	2	HK 2	0.5 0.5 Thi thực hành
70	Rèn luyện NVSPTX II	Môn học hướng dẫn sinh viên rèn luyện để đạt các kĩ năng nói lưu loát, viết vẽ đẹp, viết mạch lạc, súc tích trình bày bảng khoa, khai thác hiệu quả bài viết sách giáo khoa, có thói quen, phương pháp sưu tầm và tích lũy tư liệu hỗ trợ dạy học lịch sử ở nhà trường phổ thông; khai thác nội dung tranh, ảnh lịch sử đúng quy trình, sử dụng bản đồ, lược đồ lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, xây dựng và sử dụng niên biểu một cách hợp lý ở mỗi bài học.	2	HK 4	0.5 0.5 Thi thực hành
71	Rèn luyện NVSPTX III	Môn học hướng dẫn SV thực hành rèn luyện các nội dung về phân tích, đánh giá tiết dạy và thực hành tiết dạy lịch sử cụ thể. Đồng thời, kiểm tra tổng hợp các kĩ	2	HK 6	0.5 0.5 Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng đã tích lũy ở học phần RLNVSP1, 2 trong quá trình SV thực hành dạy học trên lớp.			
72	Kiến tập sư phạm	Môn học tổ chức học tập tại các Cơ sở kiến tập (CSKT), là điều kiện tốt để sinh viên có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp; so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn; được trải nghiệm nghề nghiệp bằng quan sát cũng như trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục với người thật, việc thật.	2	HK 6	Trường phổ thông + giảng viên hướng dẫn
73	Thực tập tốt nghiệp	Môn học tổ chức học tập tại các CSKT, là điều kiện tốt để sinh viên có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp; so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn; được trải nghiệm nghề nghiệp bằng quan sát cũng như trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục với người thật, việc thật.	8	HK 8	Trường phổ thông + giảng viên hướng dẫn

19. Ngành Sư phạm Địa lý (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.	3	HK 1	0.5 0.5 Vấn đáp
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A2 đến B1 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam.	2	HK 2	0.5 0.5 Vấn đáp
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.	3	HK 1	0.5 0.5 Trắc nghiệm khách quan
4	Công tác quốc phòng và an ninh	Sinh viên nắm vững những vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng hiện nay, bao gồm: phòng chống, đánh bại chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống	2	HK 2	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phá cách mạng Việt Nam. Trang bị những kiến thức cơ bản góp phần phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; về trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Đây là tổng thể các hoạt động hướng đến mục tiêu chuẩn bị con người tham gia và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững chủ quyền và an ninh đất nước, bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa.			
5	Quân sự chung	Sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản liên quan đến Điều lệnh quản lý bộ đội như: chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết về các quân binh chủng trong quân đội, đồng thời nắm vững nội dung kỹ năng quân sự cần thiết. Qua đó, hình thành và nâng cao phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm của bản thân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	HK 3	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Sinh viên phải thực hiện được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và các tư thế ném lựu đạn.	4	HK 4	0.5 0.5 Thực hành + vấn đáp
7	Giáo dục thể chất 1	- Môn học trang bị cho sinh viên khái quát chung về nội dung Thể dục cơ bản, thực hiện được các tư thế cơ bản trong đội hình đội ngũ; - Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của nội dung chạy ngắn, chạy trung bình và một số bài tập phát triển thể lực chung; - Trên cơ sở đó, sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn về thể lực, giúp sinh viên có kiến thức tốt về việc rèn luyện sức khỏe cho bản thân nhằm phục vụ cho việc học tập sau này.	1	HK 1	0.5 0.5 Thực hành
8	Bơi	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn Bơi, những hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của viêc tập luyện môn Bơi, các bài tập phát triển thể lực, cách sử dụng có hiệu quả các bài tập	1	HK 1	0.5 0.5 Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khoẻ và đề phòng chống tai nạn trong môi trường nước.			
9	Bóng đá	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, cách thi đấu, kỹ thuật cơ bản và các nguyên tắc tập luyện kỹ thuật, trên cơ sở đó người học vận dụng để tập luyện nhằm năng cao sức khỏe và trình độ tập luyện của cá nhân.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
10	Bóng chuyền	Học phần trang bị cho người học các kiến thức về sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền, về các kỹ thuật cơ bản, thi đấu bóng chuyền, trên cơ sở đó người học tự tập luyện để nâng cao sức khoẻ và nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân. Giảng viên dạy nội dung lý thuyết lồng ghép những buổi thực hành trên sân.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
11	Cầu lông	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc của môn Cầu lông, một số điều luật cơ bản. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được các kỹ thuật cơ bản như: Các TTCB, các bước di chuyển, các kỹ thuật đánh cầu, các kỹ thuật giao cầu, chiến thuật thi đấu đôi. Biết vận dụng một số điều luật vào việc thi đấu và bắt trọng tài.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
12	Võ thuật Vovinam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Vovinam, các kỹ năng cơ bản, tự vệ, trao dồi rèn luyện, cũng như tiếp thu và phát huy truyền thống văn hoá, tinh hoa võ thuật của dân tộc.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
13	Võ thuật Karatedo	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo: + Lịch sử phát triển môn võ Karatedo, ý nghĩa chào kính trong môn võ. + Các bài quyền cơ bản (KATA) + Kỹ thuật tay, chân, các kỹ thuật cơ bản trong thi đấu (KUMITE) và có khả năng tự vệ trong cuộc sống.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
14	Cờ vua	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Cờ vua trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Bóng bàn	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn Bóng bàn trên thế giới và ở Việt Nam, luật và phương pháp trọng tài. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những nội dung cơ bản như: Cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật líp bóng, kỹ thuật gò bóng, kỹ thuật giao bóng. .	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
16	Bóng ném	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, luật chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng ném, giúp sinh viên có kiến thức và yêu thích môn bóng ném.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
17	Bóng rổ	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật bóng rổ, luật và cách chơi. Trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và nâng cao trình độ chuyên môn của bóng rổ, giúp sinh viên có kiến thức và khơi dạy niềm đam mê thể thao cho các bạn.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
18	Quần vợt	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của môn quần vợt trên thế giới và ở Việt Nam, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, một số điều luật cơ bản và cách chơi. Giúp sinh viên nắm và thực hiện chính xác được những kỹ thuật động tác cơ bản như: Cách cầm vợt và các bài tập cảm giác bóng, đánh bóng xoáy lên bên phải, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 1 tay, đánh bóng xoáy lên bên trái bằng 2 tay, kỹ thuật giao bóng. Đồng thời, thông qua môn học giúp sinh viên nắm được kỹ năng - kỹ xảo thực hành môn học, cũng như biết được cách thức tổ chức và bắt trọng tài môn quần vợt.	1	HK 2	0.5 0.5 Thực hành
19	Nhập môn nghề nghiệp	Giúp sinh viên biết về lịch sử, vị thế của trường, khoa; hiểu về ngành học, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo. Bên cạnh sinh viên sẽ thao tác, chuẩn xác các quy chế liên quan trong quá trình học tập, thành thạo các quy trình quản lý đào tạo cũng như tiếp cận, đánh giá trong quá trình học tập và tính cách hóa ngành nghề đang theo học.	1	HK 1	0.5 0.5 Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Triết học Mác - Lênin	Phân tích kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin; vận dụng giải quyết được một số vấn đề khoa học và thực tiễn; tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 120
21	Pháp luật Việt Nam đại cương	Người học có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật phù hợp để tiếp thu các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành.	2	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 60
22	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó, hình thành tư duy lý luận, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar.	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60
23	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu biết, phân tích, vận dụng được kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hiểu và phân tích một cách khoa học và có hệ thống nội dung cơ bản của tư tưởng HCM. Từ đó có thể vận dụng vào trong nghiên cứu những vấn đề mang tính thực tiễn mà Đảng cộng sản Việt Nam đã thực thi trong chủ trương, đường lối xây dựng CNXH. Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng HCM đối với SV; hình thành cho người học thái độ học tập tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu và tham gia các buổi seminar.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 120
25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Vận dụng những kinh nghiệm, bài học quý báu của Đảng vào trong thực tiễn học tập, nghiên ạt động nghề nghiệp.	2	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90
26	Tiếng Việt thực hành	Biết vận dụng những kiến thức đã học về ngôn ngữ tiếng Việt để lí giải, phân tích, chỉ ra cái hay, cái đúng trong cách dùng từ, đặt câu, chữa lỗi	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính tả, tạo lập và tiếp nhận văn bản; từ đó hướng tới việc trau dồi, rèn luyện kĩ năng nói và viết tiếng Việt trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.			
27	Logic học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên tri thức đại cương về logic học, bao gồm: đối tượng, lịch sử phát triển của logic học, những kiến thức cơ bản về khái niệm; phán đoán; các quy luật logic; suy luận; chứng minh; giả thuyết; xây dựng phương pháp nghiên cứu khoa học: suy luận, diễn dịch, qui nạp, phân tích, tổng hợp, giả thuyết, chứng minh v.v… nhờ đó làm tăng khả năng nhận thức, khám phá của con người đối với thế giới; đồng thời tạo cơ sở cho việc tiếp cận, nghiên cứu các khoa học khác.	2	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
28	Lịch sử văn minh thế giới	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn minh tiêu biểu của thế giới từ khi hình thành đến đầu thế kỉ XXI. Cụ thể: - Về kiến thức: Nêu và phân biệt được khái niệm về văn hóa, văn minh và mối quan hệ giữa văn minh và văn hóa; Liệt kê và giải thích được cơ sở hình thành các nền văn minh phương Đông và phương Tây cổ trung đại, cận đại; Mô tả và so sánh được những thành tựu chính của những nền văn minh thế giới cổ, trung, cận và hiện đại. - Về kỹ năng/phẩm chất đạo đức: Thao tác thiết kế công cụ, phương pháp đánh giá, phân tích kết quả đánh giá và đưa ra kết luận; Thao tác kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu; Thao tác xây dựng môi trường học tập hứng thú, lôi cuốn học sinh tham gia các hoạt động học tập; Thao tác trong tạo dựng môi trường học tập tích cực, tạo hứng thú, đam mê cho học sinh thông qua môn học lịch sử văn minh thế giới; Hồi đáp các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có lối sống lành mạnh, văn minh; có tác phong mẫu mực, ứng xử tốt với học sinh và đồng nghiệp. - Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Tiếp nhận làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân khi nghiên cứu môn học; Hồi đáp thái độ tự chủ, độc lập trong tư duy và tự chịu trách nhiệm với các quan điểm cá nhân của mình trong chuyên môn; Đánh giá được việc tự định	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hướng, tự lập kế hoạch và có trách nhiệm trong thực hiện các kế hoạch của cá nhân và tập thể; Hồi đáp bồi dưỡng được về ý thức trách nhiệm công dân trong công việc và trong cuộc sống thông qua môn học.			
29	Lịch sử Việt Nam đại cương	Hiểu hệ thống kiến thức lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay trong học tập và nghiên cứu, công tác; Chuẩn xác trong tổng hợp, phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhật vật lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay theo qua điểm khách quan. Chuẩn xác trong làm việc độc lập và làm việc nhóm để giải quyết các nội dung liên quan đến lịch sử Việt Nam; Tiếp nhận tích cực đối với chủ nghĩa yêu nước, từ đó có trách nhiệm với bản thân, công việc và cuộc sống. Tiếp nhận làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và có trách nhiệm đối với nhóm. Tổ chức được về trách nhiệm công dân trong công việc và cuộc sống liên quan đến kiến thức chuyên môn. Tính cách hóa và chịu trách nhiệm về quan điểm cá nhân. Đánh giá kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và cải thiệu hiệu quả các hoạt động trong học tập, nghiên cứu và công tác.	2	HK 3	0.5 0.5 Tự luận 90
30	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương giúp sinh viên hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý đang diễn ra của bản thân và những người xung quanh theo cơ sở khoa học, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học đại cương sẽ làm cơ sở giúp sinh viên học các học phần Tâm lý học tiểu học, Tâm lý học mầm non hoặc Tâm lý học trung học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và các lĩnh vực khác trong hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
31	Giáo dục học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên (SV) kiến thức về những vấn đề chung của giáo dục học (GDH), về nghề sư phạm. Kiến thức từ môn học giúp SV có khả năng giải thích, nhận xét ưu điểm và hạn chế của quá trình giáo dục (QTGD) trong thực tiễn; đồng thời có những đề xuất, định hướng hành động khả thi, hiệu quả nâng cao chất lượng giáo dục (GD).	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	Tâm lý học trung học	Học phần Tâm lý học trung học giúp sinh viên có khả năng phân tích và giải thích các hiện tượng tâm lý của học sinh theo cơ sở khoa học, biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc học tập, giáo dục và rèn luyện nhân cách của bản thân. Trọng tâm của học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tâm lý học vào việc học tập, trong thực tiễn cuộc sống để nhân cách của mình được hoàn thiện; đồng thời những kiến thức của học phần Tâm lý học trung học sẽ làm cơ sở tiếp thu kiến thức từ các học phần khác trong chương trình đào tạo.	2	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 60
33	Giáo dục học trung học	HP Giáo dục học trung học là sự tiếp nối của HP Giáo dục học đại cương, HP giúp SV biết, hiểu các kiến thức cơ bản về quá trình dạy học/giáo dục (DH/GD) ở trường trung học: Khái niệm, bản chất, động lực, logic, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, đánh giá kết quả. Qua đó, SV bước đầu hình thành khả năng lựa chọn/xác định được phương pháp DH/GD, hình thức tổ chức DH/GD phù hợp với mục tiêu DH/GD; xử lý tình huống GD; xác định những điều nên làm hoặc không nên làm phù hợp với các nguyên tắc DH/GD. Bên cạnh đó, SV được rèn luyện các kỹ năng thu thập, xử lý thông tin. Từ nền tảng kiến thức, kỹ năng của HP, SV có cơ sở tự học, tự nghiên cứu để thực hiện quá trình DH/GD mang tính khoa học, nghệ thuật.	2	HK 2	0.5 0.5 Tự luận 60
34	Quản lý HCNN và QL ngành GD	- Sinh viên nhận thức và biết được những vấn đề cơ bản về: Tổ chức và hoạt động của Nhà nước XHCN Việt Nam; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục phổ thông, Mầm non. Biết được những đặc điểm cơ bản về giáo dục – đào tạo vùng ĐBSCL và chính sách phát triển GD đối với vùng này ; – Sinh viên xác định được những tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn người giáo viên, các văn bản của Nhà nước về quản lý giáo dục. Đồng thời biết được kỹ thuật và soạn thảo các văn bản hành chính ; Kiến thức từ học phần giúp sinh viên có ý thức thái độ động cơ tốt trong việc trau dồi phẩm chất, năng lực để tham gia có hiệu quả các hoạt động phát triển giáo dục con người trong nghề nghiệp tương lai.	2	HK 2	0.5 0.5 Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Địa lý tự nhiên đại cương 1	Học phần này giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khoa học Trái đất, địa chất đại cương, thạch quyển và khí quyển; Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; Thành thạo sử dụng bản đồ và các phương tiện, thiết bị ở phòng bộ môn; Thành thạo kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu; Tiếp nhận làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3	HK 1	0.4 0.6 Tự luận 90
36	Địa lý tự nhiên đại cương 2	Học phần này giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và lớp vỏ cảnh quan; Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; Thành thạo sử dụng bản đồ và các sơ đồ, mô hình trong quá trình học tập; Thành thạo kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập và xử lí tài liệu; Tiếp nhận làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
37	Bản đồ	Học phần này giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về bản đồ học và bản đồ giáo khoa; Chuẩn xác đọc, khai thác bản đồ thông qua hệ thống ngôn ngữ và các phương pháp biểu hiện bản đồ; Thành thạo sử dụng các bản đồ địa lý trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy; Tiếp nhận làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
38	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 1	Học xong học phần này, ngươi học sẽ hiểu được các lý luận cơ bản về khoa học Địa lý kinh tế - xã hội; các kiến thức cơ bản về môi trường, tài nguyên và nền sản xuất xã hội; các kiến thức về dân cư và xã hội; Vận dụng được các kiến thức về địa lý kinh tế - xã hội đại cương vào giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống; Đánh giá được một số đặc điểm về địa lý dân cư, xã hội ở địa phương; Thao tác được việc tổ chức chủ đề khám phá, thực tiễn phân tích các vấn đề xã hội.	3	HK 2	0.4 0.6 Tự luận 90
39	Địa lý kinh tế xã hội đại cương 2	Học xong học phần này, người học sẽ Hiểu được đặc điểm, vai trò của các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; vai trò, đặc điểm và tổ chức lãnh thổ sản xuất các ngành kinh tế: nông – lâm – ngư; công nghiệp và dịch vụ; Vận dụng các kiến thức về địa lý kinh tế - xã hội đại cương vào	3	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống; Đánh giá được một số đặc điểm về địa lý các ngành kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở địa phương; đồng thời chuẩn xác được kỹ năng so sánh, đọc, khai thác bản đồ địa lý kinh tế - xã hội.			
40	Toán ứng dụng cho địa lý	Giúp người học có cách nhìn khoa học về các mô hình toán học liên quan đến ngành Địa lý, đặc biệt là các hiện tượng ngẫu nhiên xảy ra trong đời sống hàng ngày. Từ đó có cách xử lí các tình huống ngẫu nhiên một cách phù hợp, giúp họ biết cách thu thập, xử lí số liệu ngẫu nhiên phục vụ cho học tập, nghiên cứu và công tác sau khi ra trường.	2	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 60
41	Phương pháp nghiên cứu khoa học địa lý	Sinh viên sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, quan điểm và phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực địa lý, bài báo khoa học, bài viết tham dự hội thảo, hội nghị. Bên cạnh sinh viên chuẩn xác trong việc xây dựng đề cương nghiên cứu, báo cáo địa lý và triển khai.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch
42	Thiết kế, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học địa lý ở trường phổ thông	Học phần giúp sinh viên biết, phân tích, sử dụng và đánh giá các công cụ dạy học địa lý có trong chương trình dạy học địa lý hiện nay. Bên cạnh đó, học phần cũng hướng đến việc sinh viên chuẩn bị những cơ sở vật chất để có thể tự thiết kế các công cụ dạy học địa lý. Để cập nhật công cụ địa lý cho chương trình phổ thông mới, học phần cung cấp kỹ thuật sử dụng những phương tiện dạy học hiện đại như sử dụng GPS, sử dụng bản đồ số, sử dụng những phầm mềm chuyên ngành trên điện thoại thông minh nhằm giúp sinh viên tiếp cận và sử dụng đa dạng các công cụ dạy học địa lý trong chương trình giáo dục phổ thông mới.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
43	Phân tích chương trình Địa lý phổ thông	Sau khi hoàn thành học phần phân tích chương trình địa lý phổ thông, sinh viên sẽ có những hệ thống kiến thức về chương trình địa lý ở các cấp học về chủ đề, yêu cầu cần đạt về năng lực, về phẩm chất có trong chương trình địa lý hiện hành. Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho sinh viên như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu thập thông tin và xử lí tài liệu. Học phần cũng hình thành phẩm chất đạo đức của người học như thực hiện nghiêm chỉnh	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc giảng dạy theo chương trình, thực hiện những quy định về nhiệm vụ, quyền của nhà giáo và quy định của địa phương.			
44	Đánh giá trong dạy học Địa lý ở trường phổ thông	Sinh viên có được hiểu biết về hoạt động đánh giá ở trường phổ thông, với các yêu cầu cập nhật phương pháp đánh giá mới, cách thức đánh và tổ chức hoạt động đánh giá hiệu quả trong quá trình dạy học Địa lý. Thành thạo trong cách xử lý kết quả đánh giá và đưa ra kết luận nhằm mang lại hiệu quả phát triển năng lực cho học sinh và là thông tin quan trọng để cải thiện quá trình dạy học.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
45	Địa lý biển, đảo Việt Nam	Học phần này giúp sinh viên biết được những kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, đặc điểm địa lý tự nhiên, đặc điểm hải văn của Biển Đông; Hiểu được vai trò, ý nghĩa của biển, đảo đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; Chuẩn xác khi khai thác và sử dụng bản đồ trong học tập, nghiên cứu; Chuẩn xác trong dạy học tích hợp chủ quyền biển, đảo.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
46	Địa danh Việt Nam	Học phần này giúp sinh viên hiểu được một số địa danh địa lý đặc trưng, nổi bật ở nước ta; Chuẩn xác khi xác định các địa danh địa lý trên các bản đồ nói chung, bản đồ giáo khoa nói riêng, nhằm khai thác kiến thức địa lý trong dạy học và nghiên cứu; Tính cách hóa trong việc đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
47	Thích ứng biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai tại Việt Nam	Học phần này giúp sinh viên biết được những kiến thức cơ bản về BĐKH; Phân tích nguyên nhân và đánh giá tác động của BĐKH, từ đó có những biện pháp thích ứng và giảm nhẹ thiệt hại do BĐKH gây ra; Thành thạo trong việc dạy học tích hợp BĐKH vào các nội dung giảng dạy Địa lý ở trường phổ thông; Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
58	Địa lý nhân văn	Học xong môn học này, người học này sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về địa lý nhân văn; đánh giá và vận dụng vào việc nghiên cứu các vấn đề địa lý nhân văn ở địa phương, cũng như thực tập, giảng dạy. Đồng thời, người học có thể thao tác tổ chức được các chủ đề khám phá,	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực tiễn; chuẩn xác kỹ năng so sánh, đọc, khai thác bản đồ, hình ảnh, video về các kiến thức địa lý nhân văn.			
49	Địa lý đô thị	Học xong học phần này, người học sẽ hiểu được các khái niệm chung về đô thị, lịch sử hình thành và phát triển đô thị trên thế giới; các khái niệm đô thị hóa, và những vấn đề của đô thị hiện nay; lịch sử phát triển và đặc điểm đô thị Việt Nam. Từ đó người học có thể vận dụng được các kiến thức về địa lý đô thị vào giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống; chuẩn xác được các kỹ năng đọc, so sánh, khai thác bản đồ phân bố dân cư và lí đô thị; Đánh giá được thực trạng quy hoạch, quản lí đô thị trong việc nghiên cứu địa lý kinh tế - xã hội ở địa phương.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
50	Địa lý du lịch	Học xong học phần này, người học sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về khoa học "Địa lý du lịch"; Phân tích được các nguồn lực hình thành - phát triển du lịch và sự phân bố của chúng trong không gian; hệ thống phân vị tổ chức lãnh thổ du lịch; đặc điểm các vùng du lịch ở Việt Nam; Vận dụng vào việc nghiên cứu địa lý du lịch ở địa phương, cũng như thực tập, giảng dạy sau này; Chuẩn xác được kỹ năng so sánh, đọc, khai thác bản đồ Địa lý du lịch.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch cá nhân
51	Địa lý tự nhiên các lục địa 1	Sinh viên sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và các khu vực tự nhiên lục địa Phi, Á-Âu từ đó vận dụng, phân tích đánh giá ảnh hưởng của chúng đến sự phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh sinh viên thao tác, chuẩn xác, thành thao sử dụng công cụ địa lý, vẽ biểu đồ,….Tiếp nhận, đánh giá và tính cách hóa trong quá trình làm việc cá nhân, nhóm.	3	HK 3	0.4 0.6 Tự luận 90
52	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	Học phần này giúp sinh viên biết được một số kỹ thuật cơ bản trên phần mềm ArcGIS; Thành thạo biên tập các bản đồ Địa lý phục vụ học tập, nghiên cứu và giảng dạy; Thành thạo khi giải quyết các bài toán về phân tích không gian địa lý; Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu.	3	HK 3	0.5 0.5 Thi thực hành phòng máy
53	Địa lý tự nhiên các lục địa 2	Sinh viên sẽ hiểu được những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và các khu vực tự nhiên lục địa Bắc Mĩ, Nam Mĩ, Australia và Nam Cực từ đó vận dụng, phân tích đánh giá ảnh hưởng của chúng đến sự phát	3	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển kinh tế xã hội. Bên cạnh sinh viên thao tác, chuẩn xác, thành thao sử dụng công cụ địa lý, vẽ biểu đồ,….Tiếp nhận, đánh giá và tính cách hóa trong quá trình làm việc cá nhân, nhóm.			
54	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	Học xong học phần này, người học sẽ hiểu được những điểm đặc trưng cơ bản các vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội thế giới đương đại và địa lý kinh tế - xã hội các Châu lục, các quốc gia, khu vực tiêu biểu. Từ đó, người học hiểu sâu hơn về các nội dung kiến thức đã học ở các học phần Địa lý tự nhiên đại cương, Địa lý tự nhiên các châu lục và Địa lý kinh tế - xã hội đại cương; đồng thời có cái nhìn bao quát hơn về tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới hiện nay, có liên hệ tới Việt Nam. Đồng thời, người học sẽ chuẩn xác được kỹ năng đọc, so sánh, khai thác bản đồ địa lý kinh tế - xã hội thế giới và các Châu lục.	3	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90
55	Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông	Sinh viên hiểu được các nội dung về lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông với các mối quan hệ của quá trình dạy học. Từ đó vận dụng thực hiên tổ chức các hoạt động dạy học hiệu quả phát triển năng lực của học sinh trong dạy học Địa lý .	3	HK 4	0.4 0.6 Tự luận 90
56	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	Học xong môn học này, người học sẽ hiểu được những điểm đặc trưng cơ bản các vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội thế giới đương đại và địa lý kinh tế - xã hội các Châu lục, các quốc gia, khu vực tiêu biểu; đánh giá được những ảnh hưởng của tình hình kinh tế - xã hội thế giới đến Việt Nam, vận dụng các kiến thức về địa lý kinh tế - xã hội thế giới vào giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống.	3	HK 5	0.4 0.6 Tự luận 90
57	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về các nhân tố hình thành, đặc điểm tự nhiên từ đó vận dụng trong học tập, giảng dạy và cuộc sống. Bên cạnh sinh viên sẽ chuẩn xác, thành thạo sử dụng bản đồ về địa lý tự nhiên, tổ chức các hoạt động thực địa, cũng như tiếp nhận, đánh giá và tính cách hóa trong quá trình làm việc nhóm.	3	HK 5	0.4 0.6 Tự luận 90
58	Thực địa địa lý tự nhiên	Học phần này giúp sinh viên hiểu được những đặc điểm cơ bản của các thành phần tự nhiên khu vực nghiên cứu; Vận dụng những kiến thức địa lý đã học để giải quyết các công việc cụ thể ngoài thực địa; Thành thạo sử dụng thiết bị, phương tiện ở phòng bộ môn để phục vụ cho quá trình	1	HK 6	0.5 0.5 Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu và học tập ngoài thực địa; Thành thạo tổ chức một cuộc khảo sát học tập ngoài thực địa; Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			
59	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về phân vùng địa lý tự nhiên, phân tích đặc điểm về miền, khu địa lý tự nhiên Việt Nam từ đó vận dụng trong học tập, giảng dạy và cuộc sống. Bên cạnh sinh viên sẽ chuẩn xác, thành thạo trong sử dụng bản đồ sách giáo khoa, atlat cũng như tiếp nhận, đánh giá, tính cách hóa trong quá trình làm việc độc lập, nhóm.	3	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90
60	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1	Học xong học phần này, người học sẽ hiểu được các đặc điểm về nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế - xã hội; những ảnh hưởng của chúng đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam; phân tích và vận dụng được các kiến thức về địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam vào giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống; chuẩn xác được các kỹ năng đọc, so sánh, khai thác bản đồ địa lý tự nhiên và bản đồ kinh tế - xã hội Việt Nam; đánh giá được việc sử dụng, quản lí các nguồn lực trong nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế ở địa phương.	3	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90
61	Phát triển năng lực trong dạy học địa lý ở trường phổ thông	Sinh viên tổ chức được hoạt động dạy học Địa lý phát triển năng lực cho học sinh ở trường phổ thông. Các hoạt động đó tập trung vào các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại phát triển các năng lực Địa lý chuyên biệt và tang khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Với các biện pháp phát triển cụ thể thông qua hệ thống các yêu cầu, nhiệm vụ dạy học phù hợp thực tế phổ thông.	3	HK 6	0.4 0.6 Tự luận 90
62	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2	Học phần Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2 bao gồm các kiến thức tổng quan về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội Việt Nam theo vùng; các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội mỗi vùng kinh tế.	3	HK 7	0.4 0.6 Tự luận 90
63	Địa lý địa phương	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tìm hiểu về vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính, phân tích tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế của địa phương mình sinh sống. Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, số liệu,... để giới thiệu về địa lý địa phương. Viết được báo cáo giới thiệu địa lý địa phương theo một số chủ đề. Học phần cũng giúp sinh viên chuẩn xác và thành thạo một số	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng bản đồ, sử dụng các công cụ địa lý học và một số kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, thu thập và xử lý số liệu.			
64	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lý	Sau khi hoàn thành học phần Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lý, sinh viên sẽ Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được giáo viên giới thiệu; Biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; Biết đánh giá thông tin tiếp cận được; Có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao; Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lý cần thiết từ các trang web; Đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn; Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước.	2	HK 7	0.5 0.5 Thi thực hành
65	Tích hợp trong dạy học địa lý	Sinh viên có khả năng biên tập, thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học tích hợp trong dạy học Địa lý phổ thông. Quá trình dạy học tích hợp là kết quả cao nhất trong dạy học Địa lý theo hướng phát triển năng lực và vận dụng kiến thức đã học một cách hiệu quả nhất, nhằm làm cho kiến thức gắn liền với thực tế và đáp ứng nhu cầu người học.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch
66	Thực địa địa lý kinh tế - xã hội	Học xong môn học này, sinh viên sẽ có được các kiến thức thực tế về địa lý kinh tế - xã hội, các khái niệm cơ bản của tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng lãnh thổ; vận dụng được các kiến thức về địa lý kinh tế - xã hội ở các địa phương vào giảng dạy địa lý ở trường phổ thông; chuẩn xác kỹ năng sử dụng các thiết bị nghiên cứu địa lý, và các kỹ năng đọc, so sánh, khai thác bản đồ địa lý kinh tế - xã hội của các địa phương.	1	HK 8	0.5 0.5 Bài thu hoạch
67	Địa lý miền nhiệt đới	Học phần này giúp sinh viên biết được những đặc điểm cơ bản của thiên nhiên miền nhiệt đới; Hiểu được những đặc trưng mang tính quy luật của thiên nhiên miền nhiệt đới; Chuẩn xác trong quá trình phân tích,	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá, tổng hợp nguồn tư liệu; Tính cách hóa trong việc đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
68	Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa	Học xong học phần này, người học sẽ hiểu được các Hiểu được các khái niệm chung về toàn cầu hóa, các đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; những tác động của toàn cầu hóa đối với Việt Nam. Từ đó người học có thể vận dụng được các kiến thức về toàn cầu hóa vào giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống; chuẩn xác được các kỹ năng khai thác, sử dụng hình ảnh, video để tìm ra kiến thức; Đánh giá được thực trạng tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch
69	Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học địa lý	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu những kiến thức cở bản về phát triển bền vững, vận dụng kiến thức về phát triển bền vững để xây dựng các mô hình phát triển bền vững tại địa phương. Sinh viên phân tích những nội dung của Địa lý để vận dụng vào thiết kế giáo án tích hợp giáo dục vì sự phát triển bền vững vào môn địa lý ở trường phổ thông.	2	HK 7	0.5 0.5 Bài thu hoạch
70	Ngoại ngữ chuyên ngành địa lý	Ngoại ngữ chuyên ngành giúp sinh viên từ biết đến hiểu và vận dụng các kỹ năng: Đọc, viết và cách phát âm, cách tạo từ theo thuật ngữ chuyên ngành Địa lý. Vận dụng những kiến thức tìm được bằng tiếng anh vào dạy học địa lý trong quá trình công tác sau này. Bên cạnh đó, học phần tạo điều kiện để sinh viên nghe, hiểu và sử dụng được những đoạn video tiếng anh có nội dung địa lý vào giảng dạy.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch
71	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học	Học phần "Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) cho học sinh trung học" là sự tiếp nối học phần nói trên. Học phần giúp SV hình thành kiến thức, kỹ năng cơ bản để biết cách tổ chức HĐTN, HN ở trường trung học đạt chất lượng. Học phần gồm có 3 chương bao gồm: Một số vấn đề chung về HĐTN, HN ở trường trung học, Thiết kế kế hoạch tổ chức HĐTN, HN cho HS trung học và Tổ chức HĐTN, HN cho HS trung học.	2	HK 5	0.5 0.5 Bài thu hoạch
72	Rèn luyện NVSPTX 1	Trình bày được những vấn đề chung về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (RLNVSPTX) như vai trò, vị trí đối với quá trình đào tạo	1	HK 2	0.5 0.5 Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giáo viên, yêu cầu của bộ môn lịch sử với việc RLNVSPTX, nội dung, quy trình rèn luyện trong toàn khóa học. Chỉ ra được các năng lực cần có để trở thành nhà giáo dục, so sánh được năng lực bản thân so với các tiêu chuẩn đã quy đinh về nhà giáo. Xây dựng được kế hoạch rèn luyện và thực hành rèn luyện để đạt các yêu cầu theo kế hoạch.			
73	Rèn luyện NVSPTX 2	Trình bày được những vấn đề chung về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (RLNVSPTX) như vai trò, vị trí đối với quá trình đào tạo giáo viên, yêu cầu của bộ môn lịch sử với việc RLNVSPTX, nội dung, quy trình rèn luyện trong toàn khóa học. Chỉ ra được các năng lực cần có để trở thành nhà giáo dục, so sánh được năng lực bản thân so với các tiêu chuẩn đã quy đinh về nhà giáo. Xây dựng được kế hoạch rèn luyện và thực hành rèn luyện để đạt các yêu cầu theo kế hoạch.	1	HK 3	0.5 0.5 Thi thực hành
74	Rèn luyện NVSPTX 3	Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng giảng dạy bao gồm: trình bày, nói và viết vẽ bảng. Sử dụng các phương tiện, trang thiết bị vào quá trình dạy học Địa lý và biết tự chế tạo một số công cụ trong dạy học Địa lý mang tính chuyên biệt và đơn giản, đồng thời biết sử dụng công cụ, trang thiết bị dạy học phục vụ quá trình dạy học Địa lý phát triển năng lực cho học sinh.	1	HK 4	0.5 0.5 Thi thực hành
75	Rèn luyện NVSPTX 4	Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng giảng dạy bao gồm từ các kỹ năng đơn lẻ đến khả ăng phối kết hợp nhiều kỹ năng: xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp…từ các bước khởi động, đến tiến hành dạy 1 mục, trong bài…Khả năng tập giảng với các phương tiện dạy học …Đây là nền tảng để sinh viên có thể thiết kế và dạy một bài hoàn chỉnh.	1	HK 5	0.5 0.5 Thi thực hành
76	Rèn luyện NVSPTX 5	Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng giảng dạy bao thực hành rèn luyện các nội dung về lập kế hoạch dạy học (Giáo án), phân tích, đánh giá tiết dạy. Sinh viên được phân tích các tiết dạy minh họa và tổ chức tập dạy. Thiết lập và biên tập kiểm tra đánh giá, tập phân tích kết quả và đưa ra các kết luận phù hợp.	1	HK 6	0.5 0.5 Thi thực hành
77	Kiến tập sư phạm	Sinh viên tập làm quen với việc giảng dạy, công tác tại trường phổ thông	2	HK 6	Trường phổ + giảng viên hướng dẫn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
78	Rèn luyện NVSPTX 6	Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng giảng dạy bao thực hành rèn luyện các nội dung về lập kế hoạch dạy học (Giáo án), phân tích, đánh giá tiết dạy. Sinh viên thực hiện thiết kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động dạy học với các dạng bài lý thuyết, thực hành.	1	HK 7	0.5 0.5 Thi thực hành
79	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên được thực hành giảng dạy, chủ nhiệm tại trường phổ thông	8	HK 8	Trường phổ + giảng viên hướng dẫn
80	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp kiến thức đã học để ứng dụng vào việc nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học	6	HK 8	1.0 Hội đồng chấm
81	Những vấn đề địa lý tự nhiên	Sinh viên phân tích khái niệm cơ bản, nội dung cốt lõi liên quan đến địa lý tự nhiên đại cương, địa lý tự nhiên các lục địa, địa lý tự nhiên Việt Nam; địa lý ĐBSCL; sáng tạo phương pháp giảng dạy địa lý tự nhiên. Bên cạnh sinh viên thành thạo kỹ năng sử dụng bản đồ, công cụ địa lý, sáng tạo tổ chức hoạt động học tập thực địa cũng như tổ chức và tính cách hóa trong chuyên môn.	3	HK 8	0.4 0.6 Tự luận 90
82	Những vấn đề địa lý kinh tế - xã hội	Học xong học phần này, người học sẽ hiểu sâu hơn các kiến thức tổng hợp về Địa lý kinh tế - xã hội mang tính cập nhật, hiện đại; phân tích và vận dụng được các kiến thức này vào giảng dạy và lý giải các vấn đề thực tế cuộc sống; thành thạo được được các kỹ năng đọc, so sánh, khai thác các tài liệu về Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam và thế giới; đánh giá được việc sử dụng, quản lí các nguồn lực trong nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế ở địa phương.	3	HK 8	0.4 0.6 Tự luận 90

20. Ngành Sư phạm Âm nhạc (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Sư phạm Nghệ thuật, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, rèn luyện; những kỹ năng cần thiết	3	1	Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Giáo dục Nghệ thuật	Môn học khuyến khích sự phát triển về nhận thức và cung cấp cho học viên khả năng thích ứng trong quá trình sáng tạo, mà quá trình này sử dụng đến trí tưởng tượng, tư duy phê phán, các kỹ năng về thể chất cũng như trí tuệ để tạo ra một sáng tạo độc nhất.	2	6	01 bài báo cáo cá nhân và 1 tiểu phẩm nhóm (Kịch).
3	Lịch sử Âm nhạc Thế giới và Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam, tiến trình và sự phát triển của các trào lưu, khuynh hướng tiêu biểu, giúp sinh viên có kiến thức để phát huy tốt khả năng cảm thụ âm nhạc và giảng dạy tốt chương trình âm nhạc ở trường phổ thông.	3	4	Thi vấn đáp
4	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	Hiểu và phân biệt được các đặc trưng cơ bản cũng như những nét đặc sắc của Hệ nhạc khí cổ truyền cũng như các thể loại ca nhạc cổ truyền, Kịch hát cổ truyền Việt Nam.	2	5	Trắc nghiệm
5	Ứng dụng CNTT trong dạy học âm nhạc	SV có những kiến thức cơ bản về phần mềm viết nhạc, biên tập âm thanh, xử lý video, thiết kế và sử dụng giáo án điện tử.	2	4	Thuyết trình 1 thiết kế một giáo án điện tử theo nhóm
6	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Trang bị cho Sv những kiến thức cơ bản về các nhân tố cơ bản của âm nhạc.Tạo cơ sở cho việc học tập, tiếp thu và cảm thụ tốt những môn học chuyện ngành khác	4	1	Thi tự luận
7	Ký – Xướng âm 1	Giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc từ 0 đến 2 dâu hóa, nắm một số phương pháp có tính kĩ thuật để sinh viên tự rèn luyện	2	1	Thực hành cá nhân
8	Ký – Xướng âm 2	Giúp sinh viên rèn luyện kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc từ 0 đến 3 dâu hóa, nắm một số phương pháp có tính kĩ thuật để sinh viên tự rèn luyện	2	2	Thực hành cá nhân
9	Ký – Xướng âm 3	Sinh viên thực hiện tốt những kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc, sử dụng thành thạo một số phương pháp luyện đọc và ghi	2	3	Thực hành cá nhân
10	Ký – Xướng âm 4	Sinh viên rèn luyện kĩ năng đọc, nghe, ghi nhạc, cung cấp một số phương pháp có tính kĩ thuật để sinh viên tự rèn luyện nhằm giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng, bổ sung kiến thức	2	4	Thực hành cá nhân
11	Thanh nhạc 1	Giúp luyện nhả chữ theo ngôn ngữ phổ thông; luyện phát âm - luyện thanh các mẫu âm cơ bản (a, o, ô, ơ) trong quãng 1 đến quãng 3; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 1, số 2, số 3; xử lý được các khúc đơn giản	2	2	Thực hành cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Thanh nhạc 2	luyện thanh kỹ thuật Staccato và legato trong quãng 3 trưởng với các mẫu âm mi, mê, ma, mô, mu; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 4, số 5, số 6; học hát các ca khúc truyền thống cùng với nhạc đệm Piano	2	3	Thực hành cá nhân
13	Thanh nhạc 3	Luyện thanh kỹ thuật Staccato và legato trong quãng 5 trưởng với các mẫu âm mi, mê, ma, mô, mu, ha; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 7, số 8, số 9; học hát các ca khúc truyền thống ở hình thức hai đoạn đơn tương phản, ba đoạn đơn tái hiện và phát triển	2	4	Thực hành cá nhân
14	Thanh nhạc 4	Luyện thanh kỹ thuật Staccato và legato trong quãng 6, quảng 7, quãng 8 với các mẫu âm mi, mê, ma, mô, mu, ha; học kỹ thuật thanh nhạc qua bài kỹ thuật Concone số 10, số 11, số 12; học hát các ca khúc truyền thống ở hình thức 3 đoạn đơn tương phản, hình thức trường ca, hình thức 3 đoạn phức.	2	5	Thực hành cá nhân
15	Organ 1	Bước đầu làm quen với cây đàn. Nắm được một số phương pháp để sinh viên tự rèn luyện phát triển năng khiếu. diễn tấu được một số tác phẩm Việt Nam và Quốc tế đơn giản, hợp âm cơ bản của bộ khoá từ không đến 1 dấu hoá	2	2	Thực hành cá nhân
16	Organ 2	Nắm được những quy luật thay đổi số ngón tay cho từng trường hợp cụ thể. - Thực hành các tác phẩm độc tấu mang tính nghệ thuật cao hơn.	2	3	Thực hành cá nhân
17	Đệm đàn Organ 1	nắm vững những kiến thức lí thuyết về đệm đàn cũng như các kỹ thuật đệm hát đàn phím điện tử. Có khả năng phối hòa thanh và đệm hát cho các bài hát trong và ngoài nhà trường	2	4	Thực hành cá nhân
18	Đệm đàn Organ 2	Thực hiện nhiều cách đệm, mẫu đệm hát phong phú cho nhiều thể loại. Có khả năng phối hòa thanh và đệm hát cho các bài hát trong và ngoài nhà trường THCS ở các hình thức đệm hát cho đơn ca, tốp ca, đồng ca	2	5	Thực hành cá nhân
19	Guitar	Nắm kiến thức cơ bản về cách sử dụng đàn Guitar, nốt trên 6 dây đàn, các thế bấm hợp âm, cách đệm các điệu thông dụng, cách diễn một bài nhạc	3	6	Thực hành cá nhân
20	Phân tích tác phẩm 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức quan trọng của từng phương pháp diễn tả cơ bản khi phân tích tác phẩm âm nhạc. Biết được khái niệm, chức năng, các dạng cấu trúc phổ biến và ứng dụng của các hình thức một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn, ba đoạn phức	3	6	Thi tự luận
21	Phân tích tác phẩm 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những khía cạnh quan trọng nhất khi phân tích tác phẩm âm nhạc. Biết được khái niệm, chức năng, các dạng cấu trúc phổ biến và ứng dụng của các hình thức Rondo, biến tấu, Sonate	3	7	Vấn đáp

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Hòa âm 1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hòa âm	3	5	Ứng dụng dài tập thực hành
23	Hòa âm 2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hòa âm. Biết phân tích tác phẩm và phối bè cho ca khúc.	3	6	Ứng dụng dài tập thực hành
24	Chỉ huy dàn dựng hát tập thể	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chỉ huy để có thể tổ chức, tập luyện và biểu diễn hợp xướng với những tác phẩm loại nhỏ	2	6	Thực hành cá nhân
25	Hát hợp xướng	Nắm được kiến thức về hợp xướng, các hình thức hát, các loại giọng, thành phần, đội hình của hợp xướng. Được thực hành hát những bài từ hai bè đến bốn bè	3	6	Thực hành nhóm (tập thể)
26	Chỉ huy dàn dựng hợp xướng	Biết cách đánh một số nhịp 9 phách, 12 phách; nhịp 3 phách, 4 phách tốc độ chậm; nhịp 2 phách, 3 phách tốc độ nhanh; nhịp 5 phách, 7 phách. Thực hành tổ chức thực hiện dàn dựng và chỉ huy một số tác phẩm	3	7	Thực hành cá nhân
27	Phương pháp dạy học Âm nhạc	Nắm được những vấn đề mang tính lý luận về dạy học âm nhạc ở trường phổ thông. Hiểu biết về chương trình, nội dung, phương pháp dạy học âm nhạc ở trường THCS và Tiểu học. Trang bị những kiến thức kỹ năng về tổ chức và thực hành dạy học âm nhạc nội, ngoại khóa	4	3	Tiểu luận + thực hành
28	Múa	Làm quen với hoạt động nhảy múa và nắm được những khái niệm cơ bản. Nắm được lý thuyết về phương pháp biên soạn kế hoạch, xây dựng nội dung múa minh họa, phụ họa cho ca khúc thiếu nhi, rèn luyện kỹ năng thực hành dàn dựng múa minh họa-phụ họa cho một ca khúc	3	5	Thực hành theo nhóm
29	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	Hình thành đầy đủ kỹ năng thiết kế và dàn dựng các chương trình văn nghệ	3	7	Thực hành theo nhóm
30	Giới thiệu nhạc cụ phổ biến	Nắm những kiến thức cơ bản về cách sử dụng một số nhạc cụ nước ngoài và Việt Nam phổ biến được sử dụng trong chương trình âm nhạc ở trường phổ thông	2	7	Thực hành theo cá nhân hoặc nhóm
31	Guitar đệm hát	Nắm những kiến thức nâng cao về kỹ thuật sử dụng đàn Guitar, các bài tập chạy ngón theo âm giai, các thế bấm hợp âm nâng cao để ứng dụng đệm hát	2	8	Thực hành cá nhân
32	Hát dân ca	Giới thiệu về các làn điệu dân ca trong đất nước Việt Nam. Thực hành hát các bài theo từng vùng miền. Sáng tạo làn điệu dân ca mới, sáng tạo lời mới dựa trên làn điệu dân ca đã có	2	7	Thực hành cá nhân

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Thực hành sư phạm Âm nhạc	Giúp tiếp cận nội dung và các hoạt động thực hành sư phạm âm nhạc, về nghiên cứu khoa học và thực hành NCKH sư phạm âm nhạc	2	7	Tiểu luận
34	Phương pháp và dàn dựng múa	Cung cấp kiến thức về phương pháp xây dựng kịch bản và hình thành kỹ năng dàn dựng tác phẩm múa độc lập	2	7	Thực hành theo nhóm
35	Nhập môn sáng tác.	Nắm được phương pháp phổ thơ, đặt lời. Cấu trúc tác phẩm theo hình thức 1 đoạn, 2 đoạn, 3 đoạn đơn	2	7	Thực hành cá nhân
36	Rèn luyện NVSPTX 1	Bước đầu hình thành những kỹ năng dạy học cơ bản và cần thiết. Rèn luyện kỹ năng phân tích bài hát và thực hành trên đàn	2	2	Thực hành
37	Rèn luyện NVSPTX 2	Rèn luyện kỹ năng phân tích bài hát và thực hành đệm hát các bài hát chính khóa và ngoại khóa. Ngoài ra, môn học còn rèn luyện và thực hành kỹ năng đứng lớp, sử đụng đồ dùng dạy học	2	3	Thực hành
38	Rèn luyện NVSPTX 3	SV được thực tập giảng dạy 1 tiết học âm nhạc hoàn chỉnh ở phổ thông với những bài hát, tập đọc nhạc và kiến thức nhạc lý của các lớp lớn hơn, các bài học khó và dài hơn. Hoạt động ngoại khóa và chủ nhiệm lớp	2	4	Thực hành

21. Ngành Sư phạm Mỹ thuật (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Định luật xa gần	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về luật xa gần. Tổng hợp những quy tắc về sự nhìn, nhằm phục vụ cho việc biểu đạt không gian trên mặt phẳng theo quy luật của thị giác. Người học hiểu được các yếu tố và vai trò của luật xa gần trong học tập và sáng tác mỹ thuật. Qua đó rèn luyện được các kỹ năng quan sát, nhận xét và thực hành bài tập.	2	HK1	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
2	Giải phẫu tạo hình	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giải phẫu tạo hình trong học tập và nghiên cứu. Người học hiểu biết về tỉ lệ, đặc điểm, cấu trúc, hình dáng… con người, qua đó biết vận dụng vào trong học tập chuyên ngành và thực hành sáng tác tranh, tượng…	2	HK1	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
3	Cơ sở tạo hình	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về cơ sở tạo hình, các giá trị và trật tự của nguyên lý tạo hình trên mặt phẳng. Từ đó có nền tảng để phát triển khả năng tư duy nghệ thuật, cũng như hiểu được các phương pháp sáng tạo thông qua việc thể hiện các bài tập cụ thể.	2	HK1	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
4	Lịch sử mỹ thuật Thế giới	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của lịch sử mỹ thuật thế giới, các khuynh hướng, trường phái, các trào lưu mĩ thuật và những thành tựu cơ bản của nền mĩ thuật châu Âu và châu Á. Từ đó rút ra được những bài học thực tiễn, tiếp thu và sáng tạo những tác phẩm mĩ thuật có giá trị, phục vụ học tập cũng như nhu cầu về thưởng thức cái đẹp.	2	HK2	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Tự luận)
5	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về lịch sử mỹ thuật Việt Nam cũng như phân kỳ lịch sử mỹ thuật Việt Nam, mĩ thuật truyền thống Việt Nam, dấu mốc hiện đại trong mĩ thuật Việt Nam, phẩm chất lạc quan trong mĩ thuật Việt Nam hiện đại, mĩ thuật đổi mới. Từ đó rút ra được những bài học thực tiễn, tiếp thu và sáng tạo những tác phẩm mĩ thuật có giá trị, phục vụ học tập cũng như nhu cầu về thưởng thức cái đẹp.	2	HK3	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Tự luận)
6	Lý luận dạy học bộ môn	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và nền tảng về lý luận trong dạy học bộ môn. Hiểu được vai trò, mục tiêu và yêu cầu của môn mỹ thuật ở trường phổ thông. Thông qua học phần, có những hiểu biết về phương pháp dạy học nói chung và dạy học mĩ thuật nói riêng.	2	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần 60% (Thực hành)
7	Điêu khắc	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về điêu khắc, giúp người học sáng tác được một số sản phẩm (dạng tượng tròn) mang tính trang trí và ứng dụng. Ngoài ra, có thể vận dụng vào quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy.	3	HK6	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
8	Khoa học màu sắc	Học phần khoa học màu sắc trang bị cho người học kiến thức cơ bản về màu sắc, phương pháp sử dụng màu cũng như các quy luật phối màu… Qua đó người học vận dụng được những kiến thức, kỹ năng vào quá trình thực hành các bài tập phối màu.	2	HK1	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
9	Nghệ thuật học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của lịch sử mỹ thuật thế giới, các khuynh hướng, trường phái, các trào lưu mĩ thuật và những thành tựu cơ bản của nền mĩ thuật châu Âu và châu Á. Từ đó rút ra được những bài học thực tiễn, tiếp thu và sáng tạo những tác phẩm mĩ thuật có giá trị, phục vụ học tập cũng như nhu cầu về thưởng thức cái đẹp.	2	HK1	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Tự luận)
10	Mỹ thuật học	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về ngôn ngữ mĩ thuật, thể loại hội họa, chất liệu hội họa, cách phân tích và đánh giá một tác phẩm mỹ thuật. Từ đó rút ra được những bài học thực tiễn, tiếp thu những tác phẩm mỹ thuật có giá trị, phục vụ học tập và nghiên cứu.	2	HK2	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần 60% (Tự luận)
11	Giáo dục nghệ thuật	Giáo dục nghệ thuật là một môn học khuyến khích sự phát triển về nhận thức và cung cấp cho người học khả năng thích ứng trong quá trình sáng tạo, mà quá trình này sử dụng đến trí tưởng tượng, tư duy phê phán, các kỹ năng về thể chất cũng như trí tuệ để tạo ra một sáng tạo độc nhất. Bằng việc tham gia vào quá trình này, người học có thể đạt được sự tư tin về khả năng của mình, trở nên năng động hơn, hữu ích hơn. Giáo dục nghệ thuật giúp người học có được nhận thức mới về lợi ích của giáo dục nghệ thuật cũng như cách thức liên kết nghệ thuật với các môn học trong nhà trường hay các vấn đề xã hội.	2	HK3	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Tự luận)
12	Tin học chuyên ngành Corel Draw	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về CorelDraw trong lĩnh vực chuyên ngành cũng như về thiết kế nhận diện thương hiệu cốt lõi; Người học hình thành được ý tưởng và vận dụng các thủ thuật đã học, để thể hiện sản phẩm thiết kế (đặt tên thương hiệu, thiết kế logo và sáng tác slogan mang tính đồng bộ và có tính ứng dụng).	2	HK2	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
13	Tin học chuyên ngành Photoshop	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Photoshop cũng như các kỹ thuật chụp và xử lý ảnh. Người học hình thành được ý tưởng đồng thời vận dụng các kỹ thuật đã học, để thực hiện được việc chụp và xử lý ảnh có tính ứng dụng.	2	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
14	Nghệ thuật thiết kế	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghệ thuật thiết kế; cách thức xây dựng ý tưởng và thể hiện những sản phẩm thiết kế mang tính ứng dụng.	2	HK5	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học hình thành ý tưởng sáng tạo và hiện thực hóa được sản phẩm bằng việc thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm có tính đồng bộ, hài hòa, dễ nhận diện, gây ấn tượng thị giác mạnh mẽ			40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mĩ thuật	Học phần nghiên cứu khoa học giáo dục mĩ thuật cung cấp kiến thức cho người học về hệ thống lý luận, phương pháp nghiên cứu khoa học. Qua đó hình thành các phương pháp và kỹ năng thu thập thông tin trong nghiên cứu, cách thức trình bày một công trình khoa học về lĩnh vực mĩ thuật	2	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
16	Hoạt động mỹ thuật ngoài giờ lên lớp	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức và quy trình tổ chức HĐMTNGLL, giúp người học nhận biết được vai trò và nhiệm vụ hoạt động mĩ thuật ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông	2	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
17	Mỹ thuật đương đại	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các loại mĩ thuật đương đại (Pop art, Op art, Sắp đặt, Video art…). Từ đó có nền tảng để phát triển khả năng tư duy và cảm thụ giá trị nghệ thuật của các tác phẩm mĩ thuật đương đại	2	HK3	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Tự luận)
18	Hình họa 1	Học phần Hình họa 1 là nền tảng cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về môn hình họa nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu tiến hành một bài vẽ hình họa cơ bản.	3	HK1	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học vẽ được các bài tập thực hành gồm: khối cơ bản, đồ vật, tượng người... cũng như rèn luyện được các kỹ năng quan sát, nhận xét để vận dụng vào các học phần chuyên ngành			40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
19	Hình họa 2	Học phần hình họa 2 trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các phương pháp và kỹ năng trong quá trình vẽ bài hình họa người (chân dung và bán thân) bằng chất liệu than (chì), cũng như kỹ thuật xử lí, tạo được sự biểu cảm của chất liệu. Thông qua các bài tập thực hành vẽ chân dung và bán thân bằng than (chì), người học rèn luyện được các kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét.	3	HK3	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
20	Hình họa 3	Học phần Hình họa 3 trang bị cho người học hiểu và nắm vững các kiến thức, kỹ năng kỹ thuật về vẽ chân dung, bán thân người bằng màu. Thông qua các bài tập thực hành, người học rèn luyện được các kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét mẫu và thực hành bài tập. Người học xử lý được các tương quan của màu, cấu trúc, tỉ lệ hình, bố cục, các mối quan hệ giữa hình và không gian trong một bài vẽ hình họa vẽ chân dung, bán thân người bằng màu	3	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
21	Hình họa 4	Học phần hình họa 4 nhằm nâng cao các kiến thức và kỹ năng, kỹ thuật vẽ người toàn thân bằng chất liệu sơn dầu... thông qua các bài tập thực hành, người học rèn luyện được các kỹ năng quan sát, phân tích, nhận xét mẫu và thực hành. Người học nâng cao được việc xử lí các tương quan của màu, cấu trúc, tỉ lệ hình, bố cục, các mối quan hệ giữa hình và không gian trong một bài vẽ hình họa người toàn thân. Qua đó, vận dụng được vào trong quá trình học các học phần bố cục và sáng tác.	4	HK6	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
22	Ký họa thực tế 1	Học phần Ký họa thực tế 1 giúp người học nắm được những kiến thức và các phương pháp vẽ ký họa. Hình thành thói quen quan sát, khả năng ghi chép thực tế	3	HK2	Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bằng hình vẽ. Qua đó người học vận dụng được các tư liệu thực tế vào quá trình học tập chuyên ngành.			100% (Thực hành)
23	Ký họa thực tế 2	Học phần Ký họa thực tế 2 trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng vẽ ký họa về cảnh, vật, con người bằng các chất liệu mực nho, màu nước… Thông qua thực hành, người học cũng cố kiến thức, hình thành và phát triển những phương pháp, kỹ năng vẽ ký họa thực tế, đồng thời biết lưu giữ làm nguồn tư liệu cho các học phần bố cục và sáng tác tranh.	3	HK5	Thi kết thúc học phần 100% (Thực hành)
24	Trang trí 1	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về trang trí. Từ đó hiểu và nhận thức được tầm quan trọng của trang trí trong học tập và trong đời sống. Đồng thời, vận dụng được những kiến thức, kỹ năng vào thực hành các bài tập về trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng cũng như rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu.	3	HK2	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
25	Trang trí 2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về trang trí ứng dụng, cũng như mối quan hệ giữa trang trí ứng dụng với đời sống và vai trò của nó. Người học thực hành thiết kế mô hình và trang trí được tranh tường trên mô hình đó, thông qua bài tập nhằm rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu.	3	HK3	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
26	Bố cục 1	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Bố cục nói chung và nắm được những phương pháp xây dựng bố cục tranh tĩnh vật nói riêng. Qua đó, người học có thể vận dụng những kiến thức, kỹ năng vào quá trình thực hành cũng như tự học, tự nghiên cứu để hình thành năng lực sáng tác.	3	HK3	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Bố cục 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp xây dựng bố cục tranh phong cảnh. Qua đó, người học có thể vận dụng những kiến thức, kỹ năng cơ bản vào quá trình thực hành cũng như tự học, tự nghiên cứu để hình thành năng lực sáng tác.	3	HK5	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
28	Bố cục 3	Học phần Bố cục 3 trang bị cho người học về hệ thống lý thuyết của ngôn ngữ tạo hình và phong cách trong sáng tác nghệ thuật. Nâng cao tư duy hình tượng trong sáng tạo… Qua đó, người học vận dụng được những kiến thức, kỹ năng vào quá trình thực hành vẽ tranh bố cục đề tài sinh hoạt, rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu để hình thành năng lực sáng tác.	3	HK6	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
29	Bố cục 4	Học phần Bố cục 4 tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức về luật bố cục, ngôn ngữ tạo hình, giá trị thẩm mỹ, vốn sống, cảm xúc trong sáng tạo mỹ thuật… Từ đó phân biệt và lựa chọn được các đề tài phù hợp, cũng như nắm được cách thức hình thành ý tưởng, thực hành sáng tác tranh sinh hoạt (đề tài tự chọn). Thông qua học phần, người học có thể vận dụng những kiến thức, kỹ năng vào quá trình tự học, tự nghiên cứu và sáng tác.	4	HK7	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
30	Thiết kế đồ họa	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thiết kế đồ họa nói chung và thiết kế bìa sách, áp phích nói riêng. Trên cơ sở đó, người học vận dụng được những kiến thức, kỹ năng vào thực hành thiết kế sản phẩm cụ thể.	2	HK2	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					60% (Thực hành)
31	Thiết kế công nghiệp	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Thiết kế công nghiệp. Từ đó nắm được cách thức, hình thành ý tưởng và thực hiện được những sản phẩm tạo dáng công nghiệp mang tính đồng bộ, thẩm mĩ, ấn tượng và có tính ứng dụng với những vật liệu có sẵn. Thông qua học phần, người học có thể vận dụng những kiến thức, kỹ năng vào quá trình tự học, tự nghiên cứu.	2	HK5	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
32	Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh. Từ đó hiểu được các yếu tố, nguyên lý tạo hình... mục đích thẩm mĩ và công năng của thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh cũng như các loại hình của nó để vận dụng vào thực hành thiết kế cho từng thể loại cụ thể.	2	HK6	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
33	Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Học phần giúp cho người học tiếp cận những kiến thức chung về thiết kế mỹ thuật đa phương tiện. Người học biết lựa chọn đối tượng, xác định khuôn hình, nguồn sáng... và kỹ thuật thao tác, hình thành ý tưởng và hiện thực hóa được sản phẩm bằng việc thiết kế video clip và thiết kế mỹ thuật giao diện website tạo được ấn tượng thị giác.	2	HK7	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
34	Rèn luyện NVSPTX 1	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về RLNVSPTX1. Qua đó, có thể vận dụng vào xử lí các tình huống sư phạm ở các cấp học phổ thông một cách hiệu quả trong quá trình giảng dạy.	2	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thúc học phần 60% (Thực hành)
35	Rèn luyện NVSPTX 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về cách thức truyền đạt thông qua ngôn ngữ hình ảnh, kỹ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng trình bày bảng, phân tích, đánh giá trong dạy học mỹ thuật. Qua đó vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực nhằm đạt được hiệu quả.	2	HK5	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
36	Rèn luyện NVSPTX 3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về công nghệ thông tin trong dạy học mĩ thuật. Qua đó biết vận dụng vào biên soạn, thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học mĩ thuật ở trường phổ thông một cách sinh động và hiệu quả.	2	HK7	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
37	PPDH mỹ thuật	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp dạy học nói chung và phương pháp dạy học mỹ thuật nói riêng ở trường phổ thông, cũng như các kiến thức, kỹ năng thực hành về: thiết kế bài dạy, thiết kế đồ dùng dạy học, lựa chọn các phương pháp, phương tiện phù hợp dạy học các phân môn…. Vận dụng linh hoạt giữa các phương pháp dạy học giữa truyền thống và hiện đại. Thông qua học phần, người học rèn luyện được khả năng đứng lớp (giảng dạy), khả năng tự học, tự nghiên cứu.	3	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
38	Kiến trúc	Học phần trang bị cho người học có cái nhìn khoa học, biết trân trọng, gìn giữ và bảo tồn các công trình, di sản kiến trúc. Qua đó, xác định được mục đích thẩm mĩ cũng như công năng của các công trình, di sản kiến trúc; thiết kế nội thất.	2	HK4	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học biết và mô phỏng được các công trình, di sản kiến trúc, các không gian nội thất thông qua các bản vẽ hoặc mô hình tương đối so với nguyên mẫu			40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
39	Thiết kế thời trang	Học phần giúp người học tiếp cận những kiến thức chung về thời trang. Từ đó, nghiên cứu về các nguyên lý, chất liệu thiết kế, sự tác động của các yếu tố thẩm mĩ... vào quá trình thiết kế có sáng tạo, có tính khả thi.	2	HK6	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
40	Chất liệu tổng hợp	Học phần chất liệu tổng hợp cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về tìm tòi và xử lý các chất liệu trong thể hiện tácphẩm. Qua đó hiện thực hóa được ý tưởng thành tác phẩm nghệ thuật ở dạng sắp đặt hoặc sản phẩm ứng dụng…	2	HK2	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
41	Kiến tập sư phạm	Học phần tổ chức học tập tại các CSKT, là điều kiện tốt để sinh viên làm quen với thực tiễn dạy học và giáo dục ở cơ sở kiến tập; được trải nghiệm nghề nghiệp bằng quan sát cũng như trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục với người thật, việc thật.	2	HK5	Giáo viên hướng dẫn đánh giá kết quả kiến tập
42	Thực tập tốt nghiệp		6	HK8	Giáo viên hướng dẫn đánh giá kết quả thực tập
43	Hình họa 5	Củng cố kiến thức về vẽ sơn dầu trong nghiên cứu hình họa, những điều cần lưu ý khi vẽ người toàn thân (mẫu đôi). Các phương pháp tiến hành một bài vẽ, các yêu	2	HK7	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cầu cần đạt đối với một bài hình họa và phát huy năng lực hình thể trong nghiên cứu và sáng tạo mỹ thuật.			thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
44	Bố cục 5	Học phần Bố cục 5 cung cấp cho người học nắm vững những kiến thức về không gian, thời gian và sự chuyển động… và biết vận dụng nó vào bài tập thực hành theo quy trình sáng tác tranh đề tài xã hội. Thông qua học phần, người học có thể vận dụng những kiến thức, kỹ năng vào quá trình tự học, tự nghiên cứu và sáng tác	4	HK8	Điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường kỳ 40%; thi kết thúc học phần 60% (Thực hành)
45	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế tốt nghiệp)		6	HK8	Thành lập Hội đồng đánh giá chấm điểm

22. Ngành Sư phạm Tiếng Anh (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tiếng Trung căn bản 1	Sinh viên nắm được các mẫu câu cơ bản khi giao tiếp, làm nền tảng cơ sở cho học phần tiếp theo là Tiếng Trung căn bản 2.	03	Học kì 1 Năm học 2021-2022	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Tự học, tự nghiên cứu. Trọng số 0.1 - Kiểm tra giữa kì. Trọng số 0.3 - Kiểm tra cuối kỳ. Trọng số 0.5
	Tiếng Trung căn bản 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Trung căn bản 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ A2 theo khung năng lực ngoại	02	Học kì 2 Năm học 2021-2022	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Bài tập về nhà. Trọng số 0.2 - Kiểm tra giữa kì. Trọng số 0.2 - Kiểm tra cuối kỳ. Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngữ sáu bậc chuẩn quốc tế, tương đương trình độ HSK2.			
	Tiếng Pháp căn bản 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Pháp căn bản 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.	03	Học kì 1 Năm học 2021-2022	- Kiểm tra thường kì. Trọng số 0.5 -Thi trắc nghiệm cuối kì. Trọng số 0.5
	Tiếng Pháp căn bản 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Pháp căn bản 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.	02	Học kì 2 Năm học 2021-2022	- Kiểm tra thường kì. Trọng số 0.5 - Thi trắc nghiệm cuối kì. Trọng số 0.5
	Nhập môn ngành Sư phạm Tiếng Anh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trường, khoa Ngoại ngữ, ngành Sư phạm Tiếng Anh; chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo; quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; qua đó hình thành niềm say mê, sự tâm huyết, lòng tự hào với ngành nghề để phấn đấu có kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.	1	Học kì 1. Năm học 2021-2022	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài báo cáo nhóm. Trọng số 0.3 - Bài kiểm tra. Trọng số 0.1 - Lập kế hoạch học tập và Đăng ký học phần. Trọng số 0.5
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động nghiên cứu khoa học, bắt đầu bằng các khái niệm về nghiên cứu khoa học, sự phân chia lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành và vai trò, giá trị, ý nghĩa của nó về mặt lý thuyết và thực tiễn. Tiếp theo là những định hướng, mô hình, kiểu dạng, tiến trình thực hiện nghiên cứu và các công	2	Học kỳ 3. Năm học 2022-2023	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo đề cương nghiên cứu. Trọng số 0.2 - Sản phẩm nghiên cứu. Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cụ thu thập, phân tích dữ liệu nghiên cứu nói chung và các ngành khoa học xã hội nói riêng. Trên cơ sở đó, học phần sẽ giới thiệu thành phần của một đề cương nghiên cứu chi tiết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu			
	Đọc 1	Sau khi kết thúc học phần Đọc 1 sinh viên có thể đạt được các kiến thức, phát triển kỹ năng đọc tương đương trình độ bậc 2 mức cao (A2+) theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc IELTS 4.0.	2	Học kỳ 1. Năm học 2021-2022	- Chuyên cần + Tham gia hoạt động học tập. Trọng số 0.1; - Bài tập về nhà. Trọng số 0.1; - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kỳ. Trọng số 0.2; - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5.
	Nghe 1	Sau khi kết thúc học phần Nghe 1 sinh viên có thể đạt được các kiến thức, phát triển kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú…nhằm chuẩn bị tốt cho công việc phiên dịch và kinh doanh sau khi tốt nghiệp ra trường.	2	Học kỳ 1. Năm học 2021-2022	- Kiểm tra (15 phút). Trọng số 0.3; - Kiểm tra (30 phút). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần (30 phút). Trọng số 0.5.
	Nói 1	Sau khi kết thúc học phần Nói , sinh viên có thể đạt được trình độ tương đương bậ	2	Học kỳ 1. Năm học 2021-2022	- Chuyên cần. Trọng số 0.1; - Thuyết trình nhóm. Trọng số 0.2; - Vấn đáp. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì: Vấn đáp 8 phút/1 sinh viên. Trọng số 0.5.
	Viết 1	Học xong học phần Viết 1, sinh viên có thể đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 2 nâng cao (A2+) theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam hoặc IELTS 4.0.	2	Học kỳ 1. Năm học 2021-2022	- Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kì: Tự luận 60 phút.. Trọng số 0.2;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thi cuối kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.5;
	Ngữ âm thực hành	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể nhận biết được các âm, trọng âm và ngữ điệu trong tiếng Anh, và vận dụng được các kỹ năng phát âm đúng các âm tiếng Anh ở mức độ căn bản.	2	Học kỳ 1. Năm học 2021-2022	- Phiếu theo dõi/ đánh giá. Trọng số 0.1; - Quay video clip. Trọng số 0.2; - Kiểm tra vấn đáp. Trọng số 0.2; - Thi hết học phần: vấn đáp. Trọng số 0.5.
	Đọc 2	Học xong học phần, người học có thể đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 3 (B1) theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc IELTS 5.0.	2	Học kỳ 2. Năm học 2021-2022	- Chuyên cần + Tham gia hoạt động học tập. Trọng số 0.1; - Bài tập về nhà. Trọng số 0.1; - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kỳ. Trọng số 0.2; - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5.
	Nghe 2	Sau khi kết thúc học phần Nghe 2 sinh viên có thể đạt được các kiến thức, phát triển kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú…nhằm chuẩn bị tốt cho công việc phiên dịch và kinh doanh sau khi tốt nghiệp ra trường.	2	Học kỳ 2. Năm học 2021-2022	- Kiểm tra (15 phút). Trọng số 0.3; - Kiểm tra (35 phút). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần (35 phút). Trọng số 0.5.
	Nói 2	Sau khi kết thúc học phần Nói, sinh viên có thể đạt được trình độ tương đương bậc 3 nâng cao (B1) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc IELTS 5.0.	2	Học kỳ 2. Năm học 2021-2022	- Chuyên cần. Trọng số 0.1; - Thuyết trình nhóm. Trọng số 0.2; - Vấn đáp. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì: Vấn đáp 8 phút/1 sinh viên. Trọng số 0.5;
	Viết 2	Học xong học phần Viết 2, sinh viên có thể đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương	2	Học kỳ 2. Năm học	- Chuyên cần. Trọng số 0.1; - Kiểm tra viết. Trọng số 0.2;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình độ bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam hoặc IELTS 4.5.		2021-2022	- Kiểm tra viết. Trọng số 0.2; - Thi viết. Trọng số 0.5.
	Đọc 3	Học xong học phần, người học có thể đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 3 mức cao (B1 +) theo khung năng lực 6 bậc (hoặc IELTS 5.0).	2	Học kỳ 3 Năm học 2022-2023	- Chuyên cần + Tham gia hoạt động học tập. Trọng số 0.1; - Bài tập về nhà. Trọng số 0.1; - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kỳ. Trọng số 0.2; - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5.
	Nghe 3	Sau khi kết thúc học phần Nghe 3 sinh viên có thể đạt được các kiến thức, phát triển kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú, nhận biết một trường hợp paraphrasing (sử dụng từ/cụm từ đồng nghĩa để diễn đạt một nội dung) và biết một số thủ thuật paraphrasing đơn giản …nhằm chuẩn bị tốt cho công việc phiên dịch và kinh doanh sau khi tốt nghiệp ra trường.	2	Học kỳ 3. Năm học 2022-2023	- Kiểm tra (15 phút). Trọng số 0.3; - Kiểm tra (35 phút). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần (35 phút). Trọng số 0.5.
	Nói 3	Sau khi kết thúc học phần Nói , sinh viên có thể đạt được trình độ tương đương bậc 3 nâng cao (B1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc IELTS 5.0.	2	Học kỳ 3. Năm học 2022-2023	- Chuyên cần. Trọng số 0.1; - Thuyết trình nhóm. Trọng số 0.2; - Vấn đáp. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì: Vấn đáp. Trọng số 0.5.
	Viết 3	Học xong học phần Viết 3, sinh viên có thể đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ 3 nâng cao (B1+) theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam hoặc IELTS 5.0.	2	Học kỳ 3. Năm học 2022-2023	- Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.2;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Thi cuối kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.5.
	Đọc 4	Học xong học phần, người học có thể đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 4 (B2) theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	2	Học kỳ 4. Năm học 2022-2023	- Chuyên cần + Tham gia hoạt động học tập. Trọng số 0.1; - Bài tập về nhà. Trọng số 0.1; - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kỳ. Trọng số 0.2; - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5.
	Nghe 4	Sau khi kết thúc học phần Nghe 4 sinh viên có thể hiểu một cách tương đối chính xác tiếng Anh sử dụng trong bài giảng về các chủ đề như kết nối toàn cầu, sở thích và thị hiếu, ngôn ngữ và giao tiếp, khám phá mới và lễ hội, chuẩn xác trong cách phát âm và ngữ điệu diễn đạt thông tin, hiểu và vận dụng các thủ thuật paraphrasing, vận dụng và kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú…nhằm chuẩn bị tốt cho công việc phiên dịch và kinh doanh sau khi tốt nghiệp ra trường.	2	Học kỳ 4. Năm học 2022-2023	- Kiểm tra (15 phút). Trọng số 0.3; - Kiểm tra (40 phút). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần (40 phút). Trọng số 0.5.
	Nói 4	Sau khi hoàn thành học phần Nói 4, sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra bậc 4 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS từ 5.5 đến 6.0 cho kỹ năng Nói.	2	Học kỳ 4 Năm học 2022-2023	- Chuyên cần và tham gia bài học. Trọng số 0.1; - Thuyết trình nhóm. Trọng số 0.2; - Vấn đáp. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì: Vấn đáp 12 phút/1 sinh viên. Trọng số 0.5.
	Viết 4	Học xong học phần Viết 4, sinh viên có thể đạt được mức năng lực ngoại ngữ	2	Học kỳ 4	- Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1;

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tương đương trình độ 4 (B2) theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam hoặc IELTS 5.5.		Năm học 2022-2023	- Tự luận 45 phút. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.5.
	Ngữ pháp học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có thể hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp tiếng Anh bao gồm: đơn vị ngữ pháp; chức năng cú pháp; đặc điểm và chức năng của các từ loại, cụm, mệnh đề và câu, vận dụng kiến thức về ngữ pháp lí thuyết để lí giải các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp.	3	Học kỳ 4. Năm học 2022-2023	- Phiếu theo dõi/đánh giá. Trọng số 0.1; - Kiểm tra 15’ (3 bài). Trọng số 0.2; - Kiểm giữa kì (tự luận 45 phút). Trọng số 0.2; - Thi kết thúc học phần (tự luận 60 phút). Trọng số 0.5.
	Đọc 5	Học xong học phần, người học có thể đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 4 mức cao (B2+) theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	2	Học kỳ 5. Năm học 2023-2024	- Chuyên cần + Tham gia hoạt động học tập. Trọng số 0.1; - Bài tập về nhà. Trọng số 0.1; - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kỳ. Trọng số 0.2; - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5.
	Nghe 5	Sau khi kết thúc học phần Nghe 5 sinh viên có thể hiểu chính xác tiếng Anh sử dụng trong các bài giảng về các chủ đề phức tạp như những thách thức và cơ hội, hợp tác và cạnh tranh, các mối quan hệ, sức khỏe và thư giãn và công nghệ cao, chuẩn xác trong cách phát âm và ngữ điệu diễn đạt thông tin, vận dụng tốt kỹ năng paraphrasing, vận dụng thành thạo kỹ năng nghe lấy ý chính và ý phụ, kỹ năng đoán ý nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, kỹ năng ghi chú…nhằm chuẩn bị tốt cho	2	Học kỳ 5. Năm học 2023-2024	- Kiểm tra (15 phút). Trọng số 0.3; - Kiểm tra (40 phút). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần (40 phút). Trọng số 0.5.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công việc phiên dịch và kinh doanh sau khi tốt nghiệp ra trường.			
	Nói 5	Sau khi hoàn thành học phần Nói 5, sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra bậc 4 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc IELTS từ 6.0 đến 6.5 cho kỹ năng Nói.	2	Học kỳ 5. Năm học 2023-2024	- Chuyên cần + Tham gia hoạt động học tập. Trọng số 0.1; - Thực hiện video clip nói. Trọng số 0.1; - Phỏng vấn cá nhân. Trọng số 0.2; - Thuyết trình nhóm. Trọng số 0.1; - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5.
	Viết 5	Học xong học phần Viết 5, sinh viên có thể đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ 4 nâng cao (B2+) theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam hoặc IELTS 6.0.	2	Học kỳ 5. Năm học 2023-2024	- Tự luận 20 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 40 phút. Trọng số 0.1; - Tự luận 20 phút. Trọng số 0.1; - Kiểm tra giữa kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì: Tự luận 60 phút. Trọng số 0.5.
	Kỹ năng NN nâng cao 1	Học xong học phần này sinh viên sẽ đạt được + Kiến thức chuyên sâu về các vấn đề khác nhau như công việc, môi trường, kinh doanh, tội phạm,.. thông qua các bài đọc, nghe.. đồng thời am hiểu sâu sắc các yêu cầu cần thiết khi làm một bài kiểm tra tổng hợp theo dạng thức IELTS + Kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp, đặc biệt là kỹ năng thực hiện các bài tập kiểm tra kỹ năng tổng hợp theo dạng thức IELTS + Tinh thần trách nhiệm dối với việc học, hình thành ý thức nghề nghiệp, sẵn sáng tham gia vào các hoạt động thực tế, thực tập	3	Học kì 6. Năm học 2023-2024	Kiểm tra lần 1: Trắc nghiệm kỹ năng Nghe (45 phút) Trọng số 0.2 Kiểm tra giữa kì: Kỹ năng Nói. Trọng số 0.3 Thi cuối kì: Kỹ năng Đọc và Viết (60 phút). Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Âm vị học	Sau khi học xong học phần Âm vị học, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Nhận biết kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm và âm vị tiếng Anh và hệ thống phiên âm quốc tế IPA. - Mô tả và phân loại âm; phân tích cấu trúc âm tiết ; mô tả sự phân bố của các loại âm vị trong cấu trúc âm tiết; phân tích cấu trúc và chức năng của trọng âm và của ngữ điệu. - Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình.	2	Học kỳ 6. Năm học 2023-2024	- Phiếu theo dõi/ đánh giá. Trọng số 0.1; - Kiểm tra viết (50'). Trọng số 0.2; - Kiểm tra viết (50'). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần – Tự luận (60'). Trọng số 0.5**.**
	Kỹ năng ngôn ngữ nâng cao 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam	3	Học kì 7. ăm học 2024-2025	- Kiểm tra lần 1: Trắc nghiệm kỹ năng Nghe (45 phút) Trọng số 0.2 - Kiểm tra giữa kì: Kỹ năng Nói. Trọng số 0.3 - Thi cuối kì: Kỹ năng Đọc và Viết (60 phút). Trọng số 0.5
	Phương pháp dạy học tiếng Anh 1	- SV biết được các yêu cầu đối với một giáo viên dạy tiếng Anh (về nhiệm vụ, kỹ năng, kiến thức) và hiểu được đặc điểm chung của quá trình thụ đắc ngôn ngữ và ngoại ngữ, các học thuyết, phương pháp dạy và học ngoại ngữ. - SV nắm vững các kỹ năng dạy học cơ bản, đặc biệt là kỹ năng tổ chức các hoạt động mang tính giao tiếp trong dạy và học tiếng Anh. - SV có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành,	2	Học kỳ 4. Năm học 2022-2023	- Bài thu hoạch (3 bài) và Tiến hành dạy 1 hoạt động. Trọng số 0.3; - Kiểm tra giữa kì – tự luận 45 phút. Trọng số 0.2; - Thi cuối kì – tự luận 60 phút. Trọng số 0.5.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tìm hiểu bài trước ở nhà để đóng góp nhiều ý kiến hay ở trên lớp.			
	Phương pháp dạy học tiếng Anh 2	Giới thiệu tóm tắt lịch sử các phương pháp và cách tiếp cận trong giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai và một ngoại ngữ; những tính cách và phẩm chất của một giáo viên ngôn ngữ giỏi; vai trò của người giáo viên khi lên lớp. Giới thiệu tầm quan trọng của ngữ liệu và các kỹ năng ngôn ngữ trong dạy tiếng; hướng dẫn kỹ thuật cho các tiết dạy kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc, viết và tiết dạy ngôn ngữ: ngữ âm, từ vựng ngữ pháp, hay một bài dạy tích hợp (an integrated skills lesson).	3	Học kỳ 5. Năm học 2023-2024	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Bài tập cá nhân. Trọng số 0.2 - Bài tập nhóm. Trọng số 0.2 - Bài thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5
	Ứng dụng CNTT trong Giảng dạy Tiếng Anh	Sau khi học xong học phần, người học nhận biết được vai trò của việc ứng dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ trong dạy học; sử dụng hiệu quả một số tiện ích, phần mềm hỗ trợ biên soạn bài giảng và tổ chức hoạt động dạy học.	2	Học kỳ 5. Năm học 2023-2024	- Bài tập thực hành. Trọng số 0.1; - Bài tập thực hành. Trọng số 0.2; - Bài tập thực hành. Trọng số 0.1; - Bài tập thực hành. Trọng số 0.2; - Bài tập thực hành. Trọng số 0.1; - Sản phẩm thực hành. Trọng số 0.3;
	Phương pháp dạy học tiếng Anh 3	Cung cấp kiến thức cơ bản về (i) chương trình; (ii) cách khai thác sách giáo khoa có hiệu quả; hướng dẫn soạn giáo án; (iii) các loại hình kiểm tra, đánh giá, khái niệm bài thi trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận; các yêu cầu và hướng dẫn cách ra đề; (iv) tương tác và kỷ luật trong lớp học; (v) vấn đề phát triển kỹ năng nghề nghiệp.	2	Học kỳ 6. Năm học 2023-2024	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Bài tập cá nhân. Trọng số 0.2 - Bài tập nhóm. Trọng số 0.2 - Bài thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5
	Hoạt động trải nghiệm bô môn	Trang bị cho sinh viên cơ sở lí luận của hoạt động trải nghiệm, sáng tạo ở trường phổ thông	3	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Kiểm tra viết - Báo cáo nhóm - Báo cáo nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tiếng Anh ở phổ thông	cho 3 cấp học và các kỹ năng tổ chức các hoạt động này trong giảng dạy tiếng Anh.			
	Kỹ năng thuyết trình	Sau khi học xong học phần, người học có thể được cung cấp các kiến thức chung về thuyết trình như cách thức, phương pháp, các bước chuẩn bị cho một bài thuyết trình. Ngoài ra, người học còn nắm được các thông tin về dàn ý, phương pháp tìm kiếm dữ liệu và thông tin cần thiết cho một bài thuyết trình.	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Chuyên cần (20 điểm). Trọng số 0.1; - Điểm bài tập cá nhân. Trọng số 0.2; - Điểm bài tập nhóm. Trọng số 0.2; - Bài thi hết học phần. Trọng số 0.5;
	Văn hóa Anh	Sau khi kết thúc học phần Văn hóa Anh, sinh viên có thể đạt được các kiến thức văn hóa Anh và phát triển kỹ năng giao tiếp, hướng tới chuẩn đầu ra hiểu biết liên văn hóa, dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Bài làm cá nhân. Trọng số 0.3; - Bài làm nhóm. Trọng số 0.2; - Bài thi hết môn: Tự luận 90 phút hoặc làm bài tập lớn. Trọng số 0.5;
	Văn hóa Mỹ	Sau khi kết thúc học phần Văn hóa Anh Mỹ, sinh viên có thể đạt được các kiến thức văn hóa Anh và phát triển kỹ năng giao tiếp, hướng tới chuẩn đầu ra hiểu biết liên văn hóa, dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Bài làm cá nhân. Trọng số 0.3; - Bài làm nhóm. Trọng số 0.2; - Bài thi hết môn: Tự luận 90 phút hoặc làm bài tập lớn. Trọng số 0.5;
	Ứng dụng CNTT nâng cao	Sau khi học xong học phần, người học nhận biết được vai trò của việc ứng dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ trong dạy học; sử dụng	2	Học kì 7 Năm học 2024-2025	- 05 Bài tập thực hành. Trọng số 0.7 - Sản phẩm thực hành.Trọng số 0.7

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiệu quả một số tiện ích, phần mềm hỗ trợ biên soạn bài giảng và tổ chức hoạt động dạy học.			
	Phương pháp DHTA tiểu học	Sau khi học xong học phần này, SV có thể: Vận dụng kiến thức về tâm lí trẻ em và các phương pháp dạy vào dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học. Tổ chức được các hoạt động dạy học tiếng Anh tiểu học. Khai thác các nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy và thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá môn tiếng Anh cho học sinh tiểu học	2	Học kì 7 Năm học 2024-2025	- Bài thu hoạch. Trọng số 0.2 - Bài làm nhóm. Trọng số 0.3 - Bài thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5
	Phương pháp DHTA THCS	Sau khi học xong học phần này, SV có thể: Vận dụng kiến thức về tâm lí học sinh THCS và các phương pháp dạy vào dạy tiếng Anh cho học sinh THCS. Tổ chức được các hoạt động dạy học tiếng Anh THCS. Khai thác các nguồn tài liệu phục vụ giảng	2	Học kì 7 năm học 2024-2025	- Bài thu hoạch. Trọng số 0.2 - Bài làm nhóm. Trọng số 0.3 - Bài thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5
	Ngữ pháp thực hành	Sinh viên sau khi học xong học phần này có thể hiểu rõ và sử dụng đúng các kiến thức ngữ pháp trong khi sử dụng kĩ năng nói và viết; nhận diện và có thể tự chỉnh sửa các lỗi sai về ngữ pháp thường gặp trong văn viết và nói; phát triển một số kĩ năng cần thiết khác như kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng tự học.	3	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Bài tập tự học. Trọng số 0.1 - Bài tập thực hành trên lớp. Trọng số 0.1 - Kiểm tra giữa kỳ. Trọng số 0.2 - Thi cuối kì. Trọng số 0.5
	Ngữ dụng học	Học xong học phần này, sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản về ngữ dụng học; giải thích và phân	2	Học kì 7 Năm học 2024-2025	- Phiếu theo dõi, phiếu đánh giá. Trọng số 0.1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích được vai trò của các yếu tố ngoài ngôn ngữ và thành tố văn hóa trong khuôn nghĩa của một phát ngôn thực tế; vận dụng được kiến thức liên quan đến môn học trong giao tiếp.			- Bài tập cá nhân/ nhóm. Trọng số 0.2 - Thuyết trình (cá nhân / nhóm). Trọng số 0.2 - Viết tiểu luận. Trọng số 0.5
	Viết học thuật	Học xong học phần này sinh viên sẽ đạt được + Kiến thức viết một bài nghiên cứu hoàn chỉnh + Kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu, kỹ năng thu thập, xử lý số liệu và trình bày kết quả nghiên cứu + Sự ham thích và say mê về nghiên cứu khoa học, phục vụ cho việc tự học, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn.	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Bài tập nhóm. Trọng số 0.2 - Bài tập về nhà. Trọng số 0.4 - Sản phẩm bài viết cuối kì. Trọng số 0.4
	Phân tích diễn ngôn	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận về phân tích diễn ngôn/văn bản. - Biết cách nhận dạng và phân tích được các thể loại diễn ngôn khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	2	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
	Cú pháp học	Sau khi học xong học phần này người học có khả năng nhận biết được các khái niệm cơ bản về từ loại , các loại ngữ, cú, và câu; có khả năng phân tích cấu tạo của 1 câu, cũng như cách hình	2	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Phiếu theo dõi/ đánh giá. Trọng số 0.1 - Kiểm tra viết (50p). Trọng số 0.2 - Kiểm tra viết (50p). Trọng số 0.2

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành một ngữ, một cú; vận dụng được nội dung kiến thức đã học trong việc phân tích cấu trúc câu; hiểu khái quát các quy luật chung về cấu trúc, và cách kết hợp các từ thành ngữ, cú và câu trong tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên có thể phát triển một số kĩ năng cần thiết khác như thuyết trình, làm việc nhóm.			- Thi hết học phần – Tự luận (60p). Trọng số 0.5
	Ngôn ngữ học đối chiếu	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận về phân tích đối chiếu ngôn ngữ học. - Biết cách nhận dạng và phân tích được những khác biệt và tương đồng trong tiếng Anh và tiếng Việt ở những phạm vi, bình diện ngôn ngữ khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	2	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
	Phân tích lỗi	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận về phân lỗi trong quá trình học biết ngôn ngữ thứ 2/ngoại ngữ.	2	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Biết cách nhận dạng và phân tích được các thể loại lỗi khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.			
	Phong cách học	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng tiếp cận nghiên cứu phong cách học diễn ngôn/văn bản. - Biết cách nhận dạng và phân tích được các phong cách diễn ngôn/văn bản tiếng Anh, tiếng Việt khác nhau. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	2	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra lý thuyết. Trọng số 0.2 - Báo cáo nhóm/cá nhân. Trọng số 0.2 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
	Lý thuyết dịch	- Hiểu và giải thích được các khái niệm căn bản, phương pháp, định hướng nghiên cứu về lý thuyết dịch thuật. - Thiết kế và triển khai thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học (quy mô hẹp) độc lập hoặc cộng tác với người khác về lý thuyết dịch. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao.	3	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Hoạt động trong lớp. Trọng số 01 - Bài kiểm tra 1. Trọng số 0.1 - Bài kiểm tra 2. Trọng số 0.1 - Báo cáo đề cương nghiên cứu. Trọng số 0.2 - Sản phẩm nghiên cứu (đánh giá cuối kỳ). Trọng số 0.5
	Văn hóa các quốc gia Châu Á	Học xong học phần này, sinh viên phân tích và đánh giá được đặc điểm, đặc trưng văn hóa của các quốc gia Châu Á; khái quát được những giá trị văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng của bên ngoài,	3	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Bài làm cá nhân. Trọng số 0.3 - Bài làm nhóm. Trọng số 0.2 - Bài thi cuối kì (Tự luận 90 phút) hoặc làm bài tập lớn. Trọng số 0.5

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiểu biết liên văn hóa dễ dàng hội nhập khi làm việc trong môi trường đa văn hóa.			
	Văn học Anh	Học xong học phần này, sinh viên biết, phân tích và đánh giá được đặc điểm, đặc trưng văn học của nền văn học Anh; khái quát và đánh giá được giá trị văn học bản địa và vận dụng được kiến thức để hỗ trợ các môn học khác của chương trình và công việc trong thực tế	2	Học kì 7 năm học 2024-2025	- Chuyên cần. Trọng số 0.1 - Tự học, tự nghiên cứu. Trọng số 0.1 - Kiểm tra giữa kì. Trọng số 0.3 - Kiểm tra cuối kỳ. Trọng số 0.5
	Văn học Mỹ	Sau khi học xong học phần, người học biết các thuật ngữ văn chương và cách sử dụng các thuật ngữ văn chương, từ vựng và lối hành văn đặc trưng; vận dụng được các kiến thức về lý luận văn học, cách phân tích tác phẩm, kỹ thuật đọc hiểu tác phẩm văn xuôi và thi ca nguyên tác để phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, so sánh đối chiếu, phân tích nhân vật các tác phẩm văn học Mỹ bằng tiếng Anh. Ngoài ra, người học nâng cao hơn kỹ năng viết luận và kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh bậc 5 (C1).	2	Học kì 7 Năm học 2024-2025	- Chuyên cần. Điểm thưởng - Báo cáo nhóm. Trọng số 0.1 - Đóng kịch. Trọng số 0.1 - Kiểm tra thường xuyên. Trọng số 0.3 - Thi cuối kỳ. Trọng số 0.5
	Rèn luyện NVSPTX 1	- SV phân tích, so sánh chuẩn nghề nghiệp GV, nắm được cách xếp loại GV, nâng cao ý thức trau dồi đạo đức nhà giáo. - SV phân tích các tình huống và đưa ra hướng xử lí trong văn hóa nhà trường phổ thông, nắm rõ công tác GVCN ở trường phổ thông, quy trình tổ chức tiết SHCN, hoạt động NGLL, và thực hành. - SV sử dụng được hình que để giảng dạy	1	Học kì 2. Năm học 2021-2022	Trọng số 0.5: - Bài thu hoạch - Bài thu hoạch - Bài thu hoạch - Vẽ hình Trọng số 0.5: - Thực hành tiết SHCN - Thực hành tiết HĐNGLL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- SV có ý thức học tập, rèn luyện bản thân đạt chuẩn, tích cực tham gia thảo luận, tham gia làm việc nhóm			
	Rèn luyện NVSPTX 2	- Sinh viên thực hành thuyết trình trước lớp, sử dụng tiếng Anh, chia cặp, nhóm trong lớp học. - Sinh viên thực hành viết bảng và vẽ tranh để dạy 1 điểm ngữ pháp tiếng Anh. - Sinh viên tích cực thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành, tìm hiểu bài trước ở nhà để đóng góp nhiều ý kiến hay trên lớp.	1	Học kì 3. Năm học 2022-2023	Trọng số 0.5: - Viết một số câu hướng dẫn cho một số hoạt động - Thuyết trình theo nhóm về cách đưa ra hướng dẫn hiệu quả cho các hoạt động dạy học tiếng Anh. Trọng số 0.5: - Thực hành thuyết trình (tiếng Việt) - Thực hành thuyết trình (tiếng Anh) - Thực hành chia nhóm và đưa ra lời hướng dẫn - Thực hành viết bảng, vẽ và sử dụng tranh để dạy 1 điểm ngữ pháp tiếng Anh
	Rèn luyện NVSPTX 3	- Sinh viên sử dụng các câu hỏi tiếng Anh đạt hiệu quả, quản lý tốt lớp học. - Sinh viên thực hành các hoạt động khởi động, và dạy từ vựng tiếng Anh. - Sinh viên có khả năng khai thác nắm chắc các kỹ năng giảng dạy cơ bản, rèn luyện nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực sư phạm của bản thân. - Sinh viên tích cực học tập tốt các kỹ thuật dạy học và quản lý lớp học tiếng Anh, có ý thức học tập, tự rèn luyện kỹ năng dạy học ở nhà.	1	Học kì 4. Năm học 2022-2023	Trọng số 0.5: - Viết các câu hỏi khai thác bài - Phân tích các hoạt động theo stirrers và settlers, và Mis Trọng số 0.5: - Thực hành hỏi các câu hỏi khai thác bài - Thực hành các hoạt động khởi động tiếng Anh - Thực hành dạy từ vựng tiếng Anh
	Rèn luyện NVSPTX 4	- SV xác định được mục tiêu bài dạy khi chuẩn bị giáo án, lựa chọn các kỹ thuật dạy phù hợp	1	Học kì 5. Năm học	- Điểm chuyên cần. Trọng số. Gồm có: - Đánh giá chuyên cần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho từng dạng bài: từ vựng, ngữ pháp, phát âm, và kỹ năng. - SV có thể thiết kế các hoạt động dạy học, sáng tạo đồ dùng dạy học, nắm vững các bước tiến hành bài giảng trên lớp. - SV rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm trong soạn giảng, tập giảng, dự giờ, ghi chép và góp ý đồng nghiệp khi dự giờ trên lớp.		2023-2024	- Đánh giá ghi chép dự giờ (TP Observation Sheet) - Đánh giá rút kinh nghiệm tiết dạy (Self-Evaluation Form) - Điểm thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5: - Thực hành giảng dạy
	Kiến tập sư phạm	Tổ chức học tập tại các trường phổ thông, là điều kiện tốt để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết và thực tiễn; được trải nghiệm nghề nghiệp bằng quan sát cũng như trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục với giáo viên và học sinh	2	Học kì 5. Năm học 2023-2024	- Điểm tìm hiểu trường phổ thông (THTPT). Hệ số 1 - Điểm trung bình kiến tập giảng dạy (KTGD). Hệ số 2 - Điểm trung bình kiến tập chủ nhiệm (KTCN). Hệ số 3
	Rèn luyện NVSPTX 5	- Phát triển các kỹ năng dạy cơ bản và chuẩn bị các kỹ thuật dạy kỹ năng, ngôn ngữ bao gồm các kỹ thuật / hoạt động dùng trong bài dạy nhóm kỹ năng, bài ôn tập phát âm, ngữ pháp; - Phát triển kỹ năng tổ chức, triển khai các hoạt động dạy học ngoại ngữ. - Rèn luyện kỹ năng ghi chép dự giờ; đóng góp ý kiến nhận xét giờ dạy khách quan, mang tính xây dựng.	1	Học kì 6. Năm học 2023-2024	- Điểm chuyên cần. Trọng số. Gồm có: - Đánh giá chuyên cần - Đánh giá ghi chép dự giờ (TP Observation Sheet) - Đánh giá rút kinh nghiệm tiết dạy (Self-Evaluation Form) - Điểm thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5: - Thực hành giảng dạy
	Rèn luyện NVSPTX 6	Rèn luyện các kỹ năng dạy học cơ bản, nguyên tắc thiết kế bài dạy và soạn giáo án; nguyên tắc soạn và sử dụng giáo án bằng trình duyệt power-point; rèn các kỹ năng đứng lớp và xử lý một số tình huống sư phạm diễn ra trong quá trình giảng dạy;	1	Học kì 7. Năm học 2024-2025	- Điểm chuyên cần. Trọng số. Gồm có: - Đánh giá chuyên cần - Đánh giá ghi chép dự giờ (TP Observation Sheet)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách ghi thông tin phiếu tự nhận xét giờ dạy và dự giờ.			- Đánh giá rút kinh nghiệm tiết dạy (Self-Evaluation Form) - Điểm thi kết thúc học phần. Trọng số 0.5: - Thực hành giảng dạy
	Thực tập tốt nghiệp		8	Học kì 8. Năm học 2024-2025	
	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kì 8. Năm học 2024-2025	
	Kiểm tra, đánh giá	- Hiểu và giải thích được các khái niệm cơ bản về kiểm tra và đánh giá, mối quan hệ giữa đánh giá và kiểm tra trong giảng dạy ngoại ngữ. - Thực hành thiết kế hoạt động cho một số hình thức đánh giá thường xuyên dựa theo kỹ năng ngôn ngữ cần đánh giá (Nghe/ Nói/ Đọc/ Viết), và thiết kế các dạng bài kiểm tra tích hợp các kỹ năng trong dạy tiếng Anh ở các cấp phổ thông. - Có tinh thần trách nhiệm trong học tập, tích cực thảo luận, tham gia các hoạt động thực hành, tìm hiểu bài trước ở nhà để đóng góp nhiều ý kiến hay trên lớp.	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	Đánh giá trên lớp: trọng số 0.5 + Bài thu hoạch (3 bài) + Thuyết trình theo nhóm + Thiết kế 02 bài đánh giá thường xuyên + Thiết kế 1 bài kiểm tra 45 phút - Thi cuối kỳ - tự luận 60 phút. Trọng số 0.5.
	Giao thoa văn hoá	Sau khi hoàn thành chương trình học, người học có thể - Giải thích được các khái niệm và các thuật ngữ liên quan đến văn hóa và giao thoa văn hóa; giá trị văn hóa chính thống của Mỹ; những vấn đề	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Chuyên cần. Trọng số 0.1; - Bài làm cá nhân. Trọng số 0.3; - Bài làm nhóm. Trọng số 0.1; - Bài tập lớn. Trọng số 0.5.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về xung đột và thích ứng trong giao thoa văn hóa; - Ứng dụng những hiểu biết về văn hóa nhằm giao tiếp hiệu quả trong mội trường đa văn hóa; - Có thái độ cởi mở với những khác biệt về văn hóa, có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa của Việt Nam.			
	Từ vựng –Ngữ nghĩa học	Sau khi học xong học phần này người học có khả năng nhận biết được các khái niệm cơ bản về từ vựng tiếng Anh; xác định được cấu trúc của từ, các phương thức cấu tạo từ vận dụng các cách này vào việc tạo từ mới. Sinh viên cũng có thể giải thích ý nghĩa từ; phân biệt được cụm từ và thành ngữ trong tiếng Anh; nhận biết sự khác nhau của tiếng Anh giữa các vùng miền trên thế giới. Ngoài ra, sinh viên có thể phát triển một số kĩ năng cần thiết khác như thuyết trình, làm việc nhóm.	2	Học kỳ 7. Năm học 2024-2025	- Phiếu theo dõi/ đánh giá. Trọng số 0.1; - Kiểm tra viết (50’). Trọng số 0.2; - Kiểm tra viết (50’). Trọng số 0.2; - Thi hết học phần – Tự luận (60’). Trọng số 0.5.

23. Ngành Việt Nam học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1			HK 1	
2	Tiếng Anh 2			HK 2	
3	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam			HK 1	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Công tác quốc phòng và an ninh			HK 2	
5	Quân sự chung			HK3	
6	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật			HK 4	
7	Giáo dục thể chất 1			HK 1	
8	Giáo dục thể chất 2			HK2	
9	Bóng đá			HK 2	
10	Cầu lông			HK 2	
11	Cờ vua			HK 2	
12	Bóng chuyền			HK 2	
13	Khiêu vũ thể thao			HK 2	
14	Võ thuật Karatedo			HK 2	
15	Võ thuật Vovinam			HK 2	
16	Bơi lội			HK 2	
17	Triết học Mác - Lênin			HK 1	
18	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			HK 2	
19	Chủ nghĩa xã hội khoa học			HK 3	
20	Pháp luật Việt Nam đại cương			HK 2	
21	Tư tưởng Hồ Chí Minh			HK 3	
22	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			HK 4	
23	Tâm lý học đại cương			HK 1	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Nhập môn nghề nghiệp			HK1	
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp ngiên cứu khoa học trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học. Mục đích môn học giúp cho sinh viên có thể vận dụng các phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học vào quá trình học tập và tập dượt nghiên cứu trong trường đại học, làm tiền đề để trở thành các nhà nghiên cứu khoa học trong các trường học, công sở, nhà máy… góp phần đổi mới giáo dục; nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.	2	HK 3	KTTK: Tự luận, Thi KTHP: Thực hành
26	Kỹ năng mềm trong Văn hóa du lịch	Giới thiệu và rèn luyện cho sv những kỹ năng cần thiết trong du lịch: thuyết trình, đàm phán; kỹ năng tìm kiếm việc làm, phỏng vấn xin việc trong ngành du lịch	2	HK 3	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Tự luận
27	Đại cương dân tộc học	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dân tộc học như: Khái niệm, đối tượng, phương pháp, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của dân tộc học; chủng tộc, tộc người, quan hệ tộc người; các tộc người ở Việt Nam. Hình thành kỹ năng điền dã và năng lực nghiên cứu về vấn đề dân tộc phục vụ tốt cho công tác sau này.	2	HK 1	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận
28	Mỹ học đại cương			HK 1	
29	Tiếng việt thực hành			HK 2	
30	Lôgic học đại cương			HK 3	
31	Kinh tế học đại cương			HK 2	
32	Văn hóa học đại cương	Cung cấp những hiểu biết cơ bản về các vấn đề: văn hóa học trong khoa học, văn hóa trong đời sống thường trực. Thấy được tầm quan trọng của văn hóa đối với cuộc sống cộng đồng cũng như đối với mỗi cá nhân trong cộng đồng. Hiểu được bản chất, chức năng, vai trò của văn hóa, các qui luật phát triển của văn hóa. Phác họa sơ khai về bản sắc văn hóa và quá trình hình thành văn hóa Việt Nam.	2	HK 1	KTTK: Tiểu luận, Thi KTHP: Tự luận
33	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những hiểu biết cơ bản và toàn diện về giá trị cơ sở văn hoá Việt Nam bao gồm các đặc trưng và chức năng của văn hóa; loại hình và các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam; Chủ thể, thời gian và không gian văn hóa	2	HK1	KTTK: Trắc nghiệm, Thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam; Các thành tố của văn hoá gồm văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể, văn hoá tổ chức đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa khu vực và các nước trên thế giới trong tiến trình lịch sử Việt Nam.			KTHP: Trắc nghiệm
34	Tổng quan du lịch	Giới thiệu chung về du lịch, các khái niệm, những lĩnh vực kinh doanh trong du lịch như: nhà hàng, khách sạn, phương tiện giao thông...	2	HK1	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
35	Tâm lý khách du lịch	Cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý cũng như tâm lý khách du lịch, các hiện tượng qui luật và cơ chế vận hành của các qui luật tâm lý người và các nhóm người trong hoạt động du lịch. Nghiên cứu sở thích và tâm trạng của khách, một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến tâm lý du khách. Đặc điểm tâm lý cũng như tính cách của từng loại du khách.	2	HK 4	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
36	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Có những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn hoá và văn hoá Việt Nam bao gồm những vấn đề chung về văn hóa, các điều kiện hình thành văn hóa; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử đến nay… Bên cạnh đó, môn học sẽ giúp sinh viên phân tích và nhận biết được những giá trị văn hóa mà cha ông đã để lại. Đồng thời, những nội dung trong môn học sẽ giúp cho sinh viên có kiến thức nhất định giúp sinh viên có thể tự tin giải quyết công việc sau khi đã tốt nghiệp ra trường.	3	HK 3	KTTK: Tự luận. Thi KTHP: Vấn đáp
37	Lịch sử văn minh Thế giới			HK 2	
38	Vùng văn hóa và phân vùng văn hóa ở Việt Nam	Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về: các vùng văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam, tình hình nghiên cứu cũng như sự phát triển của các vùng văn hoá, các giá trị văn hoá đặc trưng ở từng vùng văn hoá.	2	HK 2	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Du lịch quốc tế	Cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hoạt động quản lý nhà nước trong xuất – nhập cảnh; hoạt động đưa – đón khách đi du lịch nước ngoài, quy định của hải quan trong xuất – nhập cảnh; phân biệt được các loại giấy tờ trong xuất – nhập cảnh như hộ chiếu, thị thực, visa; các hình thức thanh toán trong kinh doanh kinh doanh du lịch quốc tế; khái quát về một hợp đồng du lịch quốc tế và các điều kiện tài chính tiền tệ tác động đến hợp đồng du lịch quốc tế.	2	HK 6	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
40	Văn hóa dân gian người Việt	Cung cấp cho SV những kiến thức khái quát về VHDG Việt Nam: khái niệm, tiến trình phát triển của VHDG, các tính chất của VHDG Việt Nam. Học phần còn cung cấp cho SV biết được đặc điểm một số thành tố của VHDG Việt Nam như: các thể loại của ngữ văn dân gian, tri thức dân gian, các loại hình nghệ thuật dân gian, nghệ thuật tạo hình dân gian. SV nhận biết được vai trò của VHDG Việt Nam trong xã hội hiện đại và tìm ra giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của VHDG Việt Nam. Ngoài ra, SV có thể vận dụng các kiến thức học về VHDG áp dụng trong công việc, trong quá trình nghiên cứu, thực tập, trong việc thiết kế - hướng dẫn tour du lịch.	2	HK 2	KTTK: bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
41	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	Trình bày những lí luận cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quá trình hình thành, phát triển các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo lớn đang tồn tại ở Việt Nam. Nhận thức đầy đủ về đặc điểm, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Từ đó có cách nhìn nhận, đánh giá và quan niệm đúng đắn về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo cũng như với từng tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống và trong công việc.	3	HK 3	KTTK: Trắc nghiệm Thi KTHP: Vấn đáp
42	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về phong tục tập quán và những phong tục tập quán tiêu biểu của Việt Nam như phong tục cưới xin, ma chay… Giúp người học phân tích được các loại phong tục tập quán, cũng như nhận dạng được đâu là những phong tục cần phát huy, đâu là hủ tục cần loại bỏ.	3	HK 4	KTTK: Tự luận. Thi KTHP: Tự luận
43	Làng nghề truyền thống Việt Nam	cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản nhất về các làng nghề, lịch sử hình thành, đặc điểm, quá trình phát triển của làng nghề truyền thống Việt Nam. Người học còn được tìm hiểu thêm về sự phân nhóm các làng nghề và một số làng nghề truyền thống tiêu biểu, nổi bật ở 3 miền Bắc – Trung - Nam.	2	HK 2	KTTK: Bài tập nhóm/Trắc nghiệm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học nhận biết được mối quan hệ giữa làng nghề truyền thống với hoạt động du lịch cùng với loại hình du lịch làng nghề.			
44	Pháp chế du lịch	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật kinh tế, luật du lịch và các văn bản pháp chế trong ngành du lịch và khách sạn, nhà hàng của Việt Nam trong bối cảnh mở cửa và giao lưu với thế giới bên ngoài.	2	HK 6	KTTK: Bài tập nhóm/Trắc nghiệm Thi KTHP: Tự luận
45	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	Trình bày một số đặc điểm về địa lí, tiến trình hình thành vùng ĐBSCL từ văn hóa Óc Eo, văn hóa Chân Lạp đến công cuộc khai hoang của lưu dân người Việt từ XVII – XIX và những nét văn hóa nổi bật của cộng đồng cư dân Việt, Hoa, Khmer, Chăm. Bên cạnh đó, môn học cũng sẽ làm rõ các đặc trưng về phương ngữ Nam Bộ trong mối quan hệ với lịch sử hình thành và điều kiện tự nhiên của ĐBSCL.	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
46	Văn hoá các nước Đông Nam Á	Cung cấp một vài nhận thức chung về khu vực Đông Nam Á về: vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, chính trị, xã hội… Những kiến kiến cơ bản về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á: Sự phát triển liên tục và sức sống mãnh liệt của nền văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng từ các nền văn hóa bên ngoài, diện mạo mới của văn hóa Đông Nam Á đương đại...	2	HK 6	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
47	Kinh tế du lịch	Cung cấp những quan điểm khác nhau khi nghiên cứu về kinh tế du lịch, đặc biệt là quan điểm, cách tiếp cận của kinh tế học trong nghiên cứu du lịch, xác định rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Kinh tế du lịch. Chỉ ra được mối quan hệ giữa kinh tế và sự phát triển ngành du lịch trong nền kinh tế Việt Nam, các quy luật cung cầu; tính thời vụ; tâm lý của khách du lịch; nhu cầu và các loại hình, các lĩnh vực kinh doanh du lịch;… được thể hiện trong hình thành và phát triển của ngành du lịch. Hoạt động du lịch đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế thông qua việc đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật, nguồn lao động, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế du lịch. Định hướng các biện pháp quy hoạch và quản lý du lịch có hiệu quả theo hướng xây dựng kinh tế du lịch hiện đại.	3	HK 7	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
48	Du lịch sinh thái	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật,	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, vườn quốc gia,….			
49	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	Cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết của các nghiệp vụ trong ngành du lịch như: thuyết minh, quy trình phục vụ trong nhà hàng – khách sạn và các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty du lịch quốc tế.	3	HK 5	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Tự luận
50	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	Giúp người học luyện nói tiếng Anh theo các chủ đề mang tính đặc thù riêng của ngành nghề; luyện kỹ năng thuyết minh, thuyết trình đối tượng tham quan, kỹ năng trả lời các câu hỏi của du khách và thực hành hướng dẫn tham quan các tuyến, điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam.	2	HK 6	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Tự luận
51	Đặc trưng sinh thái và môi trường Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về du sinh thái, môi trường, và đa dạng sinh học. Các dạng sinh thái – môi trường đặc trưng ở Việt Nam. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng phân tích, đánh giá, quản lý các hoạt động khai thác các giá trị sinh thái và môi trường trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội. Trách nhiệm trong công tác bảo tồn các đặc trưng của sinh thái môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, vườn quốc gia,…	2	HK 4	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Trắc nghiệm
52	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản trong ẩm thực. Những khía cạnh cơ bản cần nắm khi tiếp cận với văn hóa ẩm thực. Giới thiệu về văn hóa ẩm thực Việt Nam. Những nét đặc trưng và độc đáo trong ẩm thực Việt.	2	HK 3	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
53	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	Cung cấp những hiểu biết toàn diện, cơ bản về các vấn đề: tộc và chủng tộc, tôn giáo và ngữ tộc những đặc trưng cơ bản về xã hội, văn hóa, quá trình hình thành, phát triển của các thiết chế văn hóa-xã hội-ngôn ngữ của các cộng đồng tộc người ở Việt Nam.	2	HK 4	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Văn hóa làng xã Việt Nam truyền thống	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về gia đình truyền thống người Việt; đặc điểm của dòng họ và làng xã người Việt; Mối quan hệ giữa gia đình, dòng họ và làng xã.Từ điểm nhìn truyền thống, môn học bước đầu phân tích các giá trị gia đình, dòng họ, làng xã trong giai đoạn hiện nay.	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
55	Văn hóa giao tiếp công sở	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp và ứng xử như: bản chất, nguyên tắc, các khía cạnh… của các hình thức giao tiếp cơ bản như giao tiếp trực tiếp, giao tiếp qua thư tín, giao tiếp qua điện thoại.. từ đó giúp sinh viên có cái nhìn đúng đắn về vai trò của giao tiếp trong việc hình thành và củng cố các mối quan hệ trong cuộc sống cũng như trong công việc đồng thời có quyết tâm rèn luyện cho bản thân một kỹ năng giao tiếp tốt góp phần vào sự thành công của cá nhân trong tương lai.	2	HK 2	KTTK: Tự luận. Thi KTHP: Vấn đáp
56	Các loại hình du lịch hiện đại	Cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hoạt động du lịch hiện đại, một ngành tổng hợp với các hiện tượng và các mối quan hệ phát sinh từ tác động qua lại giữa khách du lịch, các nhà kinh doanh, chính quyền cùng cộng đồng dân cư trong quá trình thu hút và tiếp đón khách du lịch. Hội nhập, hợp tác trong phát triển các loại hình du lịch Việt Nam phù hợp với xu thế các loại hình du lịch trên thế giới. Xác định một số loại hình du lịch phù hợp với điều kiện Việt Nam, bổ sung xây dựng sản phẩm du lịch mới và tái cơ cấu ngành du lịch theo hướng hiện đại và thông minh.	2	HK 5	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
57	Khởi nghiệp			HK 6	
58	Hoạt náo trong du lịch	Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết về hoạt náo cũng như công tác quản trò. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt náo cũng như mục đích thực hiện hoạt náo. Rèn luyện những kỹ năng hoạt náo và tổ chức hoạt náo trong sinh viên.	2	HK 6	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Thực hành
59	Quản trị dịch vụ lữ hành	Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành, nội dung cơ bản của Kinh doanh lữ hành, Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá chương trình du lịch.	3	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
60	Quản trị kinh doanh lữ hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về hoạt động lữ hành, DNKDLH, sản phẩm của DNLH, mối quan hệ giữa cung – cầu du lịch, giữa	2	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các DNLH với các nhà cung cấp, giữa nhu cầu của khách DL và DNLH. Trên cơ sở những kiến thức đó, sinh viên nghiên cứu và tìm hiểu thêm về tiềm năng của hoạt động KDLH tại Việt Nam; về quá trình hoạt động, phát triển và những đóng góp của KDLH đối với nền kinh tế VN			Thi KTHP: Tự luận
61	Marketing du lịch	Môn học cung cấp một số kiến thức tổng quan về Marketing và Marketing du lịch; Sản phẩm, dịch vụ du lịch, các thành phần sản phẩm du lịch; biết được các mô hình sản phẩm, chiến lược, chu kỳ đời sống sản phẩm. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc xây dựng giá, phương cách ấn định giá trong khách sạn, nhà hàng, ấn định giá tour, tour trọn gói. Hệ thống phân phối, tổ chức các hoạt động trong hệ thống phân phối du lịch, phân phối trong khách sạn.Cách chiêu thị (hay xúc tiến, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm). Cách thức tổ chức lực lượng Marketing và quản trị bán hàng.	2	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
62	Tuyến điểm du lịch	Giúp sinh viên xác định các tuyến quốc lộ, vẽ các cung đường, hình thành các tuyến du lịch và xây dựng chương trình du lịch.	2	HK 3	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
63	Quy hoạch du lịch	Hệ thống cơ sở lý luận về quy hoạch phát triển du lịch, những tiêu chí, nguyên tắc, mô hình quy hoạch du lịch áp dụng cho các loại hình du lịch tại Việt Nam và trên thế giới.	2	HK 8	KTTK: bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Tự luận
64	Quản trị nhà hàng khách sạn	Cung cấp kiến thức nền tảng về hệ thống quản lý quy mô và chặt chẽ của quản trị nhà hàng khách sạn cho sinh viên. Tập trung chủ yếu vào các kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết cho các nhân viên bộ phận Nhà hàng theo chuẩn mực và phương pháp nhất định. Chỉ rõ các lý thuyết có liên quan đến các quy trình cần thiết và ứng dụng các quy trình này trong ngành du lịch và khách sạn hiện nay.	2	HK 7	KTTK: bài kiểm tra/Thuyết trình Thi KTHP: Tự luận
65	Tổ chức sự kiện và hội nghị	Giới thiệu các loại hình sự kiện, phân loại, hình thức tổ chức, xây dựng nội dung sự kiện, dự toán ngân sách	2	HK 6	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
66	Lễ tân ngoại giao	Cung cấp cho SV những kiến thức lí luận về ngoại giao, vai trò của ngoại giao, vai trò của nghiệp vụ lễ tân trong ngoại giao. Học phần còn cung cấp	2	HK 8	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho SV biết được các bước chuẩn bị và thực hiện của lễ tân, những nguyên tắc và kỹ năng làm lễ tân cho các buổi ngoại giao.			
67	Nghiệp vụ lễ tân	Cung cấp cho người học những kỹ năng và kiến thức chủ yếu cần thiết cho một nhân viên Lễ tân khách sạn. Môn học chỉ rõ các lý thuyết có liện quan đến các quy trình thực tế và các ứng dụng trong ngành du lịch và khách sạn hiện nay. Mô tả các việc phải làm của bộ phận Lễ tân từ lúc khách vừa đặt phòng cho đến khi khách đến ở và khách trả phòng ra đi.	2	HK 5	KTTK: Bài tập nhóm, Thi KTHP: Tự luận
68	Nghiệp vụ khách sạn	Cung cấp cho ngươi học những kiến thức khái quát về Nghiệp vụ phục vụ buồng trong KS theo tiêu chuẩn VTOS: khái quát về bộ phận housekeeping trong KS, thiết bị dụng cụ vệ sinh và hóa chất sử dụng của bộ phận buồng, các loại buồng và thuật ngữ về tình trạng buồng trong khách sạn, các mẫu văn bản, báo cáo sử dụng của bộ phận buồng.	2	HK 5	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Tự luận
69	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	Cung cấp cho ngươi học biết được: qui trình vệ sinh phòng khách theo tiêu chuẩn VTOS, qui định khi chuẩn bị vào ca làm việc, cách sắp xếp xe đẩy làm phòng, qui trình giặt ủi đồ vải cho khách, qui trình vệ sinh các khu vực công cộng trong khách sạn, công việc vệ sinh định kỳ, cách sử dụng và bảo quản chìa khóa phòng, cách sử dụng điện thoại và xử lý tình huống của bộ phận buồng.	2	HK 6	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Thực hành
70	Nghiệp vụ nhà hàng	cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nhà hàng, như các kiểu đặt bàn và quy trình đặt bàn chuẩn, công tác chuẩn bị dụng cụ phục vụ trước khi phục vụ khách, tổ chức thực hiện và theo dõi việc đặt bàn và chuẩn bị phục vụ tại nhà hàng.	2	HK 4	KTTK: Thuyết trình Thi KTHP: Tự luận
71	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	Rèn luyện kỹ thuật trải và thay khăn bàn, cách bưng khay đúng quy định, cách thức lau bóng các dụng cụ đảm bảo đúng tiêu chuẩn trước khi phục vụ khách. Đồng thời học cách chuẩn bị dụng cụ để bày bàn theo kiểu gọi món (À LA	2	HK 5	KTTK: Thực hành Thi KTHP: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		CARTE) và kiểu đặt trước (SET MENU) hay bày bàn theo kiểu Á. Sinh viên thực hành cách thức ghi nhận thức ăn và đồ uống và sẽ thực hành thu dọn bàn ăn. Xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách.			
72	Quản trị rủi ro trong du lịch	Hiểu rõ khái niệm về rủi ro trong du lịch, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động, kinh doanh du lịch tại Việt Nam.	2	HK 6	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp
73	Quản lý di sản văn hoá vật thể	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và di sản văn hóa dân tộc, cùng với đó là các đặc trưng, vai trò của hệ thống các di sản văn hóa vật thể; các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý di sản văn hóa nói chung và di sản văn hóa vật thể nói riêng.	2	HK 4	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp
74	Quản lý di sản văn hoá phi vật thể	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về di sản văn hóa dân tộc, cùng với đó là các đặc trưng và giá trị hệ thống các di sản văn hóa phi vật thể; các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý di sản văn hóa; công tác quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống.	2	HK 5	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp
75	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Phân loại HDV, những yêu cầu về phẩm chất đạo đức, tác phong; quy trình phục vụ khách tại nhà hàng, khách sạn; cách xây dựng bài thuyết minh	2	HK 5	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp
76	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Thực hành các kỹ năng: check in, check out; phục vụ tại nhà hàng, khách sạn; hướng dẫn trên xe, thuyết minh tại điểm	2	HK 6	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Thực hành
77	Nghệ thuật truyền thống Nam Bộ	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về điều kiện tự nhiện, lịch sử hình thành và đặc trưng văn hóa của vùng đất Nam bộ. Kiến thức về các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Nam bộ. Hình thành các kiến thức, kỹ năng trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc nói chung và các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Nam bộ nói riêng.	2	HK 2	KTTK: Bài kiểm tra/bài tập nhóm Thi KTHP: Vấn đáp
78	Thực tế chuyên môn	Tìm hiểu và nghiên cứu thực tế tại các tour – tuyến điểm tham quan du lịch, đánh giá thực trạng khai thác phát triển du lịch tại các tuyến điểm tham quan. Sinh viên khảo sát tại các tour, tuyến điểm tham quan du lịch với các nội dung:	2	HK 7	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Bài thu hoạch

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công tác xây dựng, tổ chức, khai thác và phát triển du lịch, công tác xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch, phương pháp xây dựng – cung cấp các loại sản phẩm – dịch vụ du lịch.			
79	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần Kiến tập nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Việt Nam học tiếp cận và học hỏi các kỹ năng từ các hoạt động thực tế trong du lịch: hướng dẫn, lễ tân, phục vụ bàn…; giúp cho sinh viên gắn lý luận được trang bị trong quá trình đào tạo với thực tiễn tại các cơ sở kinh doanh du lịch. Đây là tiền đề để sinh viên lựa chọn ngành nghề thực tập cuối khoá.	2	HK 7	KTTK: Thực hành, Thi KTHP: Bài thu hoạch
80	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên có thêm cơ hội và điều kiện để thực hành các kỹ năng cần thiết trong nghiệp vụ hướng dẫn, nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, điều hành tour... tiếp xúc với các công việc thực tế tại các cơ quan, đơn vị nhằm kiểm tra lại những kiến thức đã học, rèn luyện và hoàn thiện kĩ năng, có cái nhìn tổng quát và thực tế hơn cũng như hình thành thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp trong tương lai.	6	HK 8	+ Điểm Đ1 (hệ số 0,7): là điểm do cán bộ hướng dẫn thực tập ở cơ sở thực tập đánh giá quá trình thực tập của sinh viên (Mẫu 01-TTTN); + Điểm Đ2 (hệ số 0,3): là điểm do giảng viên của trường Đại học Đồng Tháp đánh giá thông qua hồ sơ thực tập và báo cáo của sinh viên sau khi kết thúc đợt thực tập.

24. Ngành Ngôn ngữ Anh (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Trung căn bản 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc đơn giản, quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	Học kì 1	Chuyên cần 10%, Thuyết trình 20%, Kiểm tra 20%, Thi cuối kì 50%
2	Tiếng Trung căn bản 2	Sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương bậc tiền trung cấp.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10%, Kiểm tra 40%, Thi cuối kì 50%
3	Tiếng Pháp căn bản 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	Học kì 1	Chuyên cần 10%, Thuyết trình 20%, Kiểm tra 20%, Thi cuối kì 50%
4	Tiếng Pháp căn bản 2	Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10%, Kiểm tra 40%, Thi cuối kì 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động nghiên cứu khoa học. Giúp sinh viên tự thiết kế được một đề cương nghiên cứu khoa học (quy mô hẹp); triển khai thực hiện và viết báo cáo kết quả đạt được	2	Học kì 3	Chuyên cần 10%, Tham gia thảo luận 10%, báo cáo nhóm 30%, Thực hiện nghiên cứu 50%
6	Nghi thức lễ tân ngoại giao	Kiến thức về các khái niệm, đặc thù, vai trò, ý nghĩa của nghi thức và hoạt động ngoại giao Kỹ năng thực hành thành thạo các kỹ năng giao tiếp trong các tình huống ngoại giao Tích lũy những phẩm chất cần thiết trong hoạt động ngoại giao	2	Học kì 3	Chuyên cần 10%, Tham gia thảo luận 10%, báo cáo nhóm 30%, Thi kết thúc học phần 50%
7	Đọc 1	Củng cố và phát triển kỹ năng đọc-hiểu tiếng Anh Bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	2	Học kì 1	Kiểm Tra (20%), bài tập về nhà (10%), bài tập thực hành trên lớp (10%), đánh giá chuyên cần (10%), Thi cuối kì (50%)
8	Đọc 2	Củng cố và phát triển kỹ năng đọc-hiểu tiếng Anh Bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	2	Học kì 2	Kiểm Tra (20%), bài tập về nhà (10%), bài tập thực hành trên lớp (10%), đánh giá chuyên cần (10%), Thi cuối kì (50%)
9	Đọc 3	Rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc (bậc 4-B2, mức thấp)	2	Học kì 3	Kiểm Tra (20%), bài tập về nhà (10%), bài tập thực hành trên lớp (10%), đánh giá chuyên cần (10%), Thi cuối kì (50%)
10	Đọc 4	Rèn luyện và phát triển các kĩ năng đọc cho sinh viên hướng tới chuẩn đầu ra đọc hiểu ở bậc 4 (mức cao).	2	Học kì 4	Kiểm Tra (20%), bài tập về nhà (10%), kiểm tra thường xuyên (10%), đánh giá chuyên cần (10%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Đọc 5	Giúp người học đạt được chuẩn năng lực đọc hiểu tiếng Anh bậc 5 ở mức thấp theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	2	Học kì 5	Kiểm Tra (20%), bài tập về nhà (10%), kiểm tra thường xuyên (10%), đánh giá chuyên cần (10%), Thi cuối kì (50%)
12	Viết 1	Giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng viết các loại thư phổ biến được sử dụng trong các bài thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ	2	Học kì 1	Kiểm tra thường xuyên(30%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
13	Viết 2	Rèn luyện kỹ năng viết bài miêu tả biểu đồ một cách hoàn chỉnh	2	Học kì 2	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
14	Viết 3	Giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng viết một bài luận khoảng 250 từ trong 60 phút	2	Học kì 3	Kiểm tra thường xuyên(30%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
15	Viết 4	Cung cấp kiến thức cho sinh viên các loại bài luận phổ biến, giúp sinh viên củng cố và phát triển các kỹ năng viết một bài luận	2	Học kì 4	Kiểm tra thường xuyên(30%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
16	Viết 5	Giúp người học có thể viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp.	2	Hoc kì 5	Kiểm tra thường xuyên(20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (60%)
17	Nghe 1	Rèn luyện các kỹ năng nghe tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (hay Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc	2	Học kì 1	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
18	Nghe 2	Rèn luyện các kỹ năng nghe tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (hay Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc	2	Học kì 2	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
19	Nghe 3	Rèn luyện các kỹ năng nghe ở trình độ trung cấp; mở rộng vốn từ vựng thông qua các chủ đề được học và một số kiến thức nền tảng	2	Học kì 3	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Nghe 4	Rèn luyện các kỹ năng nghe ở trình độ trên trung cấp	2	Học kì 4	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
21	Nghe 5	Rèn luyện kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh sử dụng trong bài giảng, thảo luận nhóm về một số chủ đề về học tập và xã hội ở trình độ trên trung cấp (tương đương bậc 4 hoặc 5/6 theo khung Châu Âu).	2	Học kì 5	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
22	Nói 1	Phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề nhỏ thông qua các chủ đề lớn quen thuộc	2	Học kì 1	Chuyên cần (10%), Thuyết trình nhóm (20%), Kiểm tra vấn đáp (20%), Thi cuối kì (50%)
23	Nói 2	Phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua thuyết trình các chủ đề với đầy đủ bố cục 3 phần	2	Học kì 2	Chuyên cần (10%), Thuyết trình nhóm (20%), Kiểm tra vấn đáp (20%), Thi cuối kì (50%)
24	Nói 3	Rèn luyện kĩ năng trình bày quan điểm cá nhân về vấn đề được đưa ra với những lập luận chặt chẽ	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), Thuyết trình nhóm (20%), Kiểm tra vấn đáp (20%), Thi cuối kì (50%)
25	Nói 4	Rèn luyệnkĩ năng phân tích đúng câu hỏi và trả lời câu hỏi chính xác, lưu loát theo yêu cầu các phần thi trong bài thi nói theo dịnh dạng IELTS	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Thuyết trình nhóm (20%), Kiểm tra vấn đáp (20%), Thi cuối kì (50%)
26	Nói 5	Củng cố, phát triển và rèn luyện kỹ năng nói qua các tình huống giao tiếp hoặc thuyết trình các chủ đề nhỏ thông qua các chủ đề lớn quen thuộc trong cuộc sống	2	Học kì 5	Chuyên cần (10%), Thuyết trình nhóm (20%), Kiểm tra vấn đáp (20%), Thi cuối kì (50%)
27	Âm vị học	Rèn kỹ năng phát âm cho sinh viên. Do đó , giáo viên tập trung vào việc luyện phát âm cho sinh viên với sự hổ trợ của các thiết bị và băng đĩa .	2	Học kì 1	Quay video clip(20%), Kiểm tra vấn đáp (30%), Thi cuối kì (50%)
28	Dịch nói 1	Rèn luyện kĩ năng dịch tiếng Anh-Việt / Việt -Anh trên một số chủ đề phổ biến	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Làm việc cặp, nhóm (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Dịch nói 2	Rèn luyện và nâng cao kỹ năng dịch các bài giảng tiếng Anh sang tiếng Việt (chủ yếu) và sau đó là tiếng Việt sang tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp.	2	Học kì 5	Chuyên cần (10%), Làm việc cặp, nhóm (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
30	Dịch nói 3	Tạo cơ hội cho sinh viên thực hành và nâng cao các kỹ năng, chiến lược nghe và dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại ở cấp độ trung cấp	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Làm việc cặp, nhóm (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
31	Dịch nói 4	Nhằm nâng cao và hoàn thiện các kỹ năng, chiến lược nghe và dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại ở cấp độ nâng cao (Advanced level).	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Làm việc cặp, nhóm (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
32	Dịch viết 1	Rèn luyện kĩ năng dịch các dạng bài Anh –Việt và Việt – Anh tiêu biểu như đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, thiệp mời, thư tín	2	Học kì 4	Kiểm tra viết 30p (20%), Kiểm tra viết 60p (30%), Thi kết thúc học phần (50%)
33	Dịch viết 2	Củng cố và phát triển kỹ năng dịch thuật của sinh viên thông qua việc xử lý các đoạn của các chủ đề khác nhau: giáo dục, tài chính, sức khỏe…	2	Học kì 5	Kiểm tra viết 30p (20%), Kiểm tra viết 60p (30%), Thi kết thúc học phần (50%)
34	Dịch viết 3	Củng cố và phát triển kỹ năng dịch thuật của sinh viên bằng cách yêu cầu họ xử lý các đoạn văn khác nhau (tài liệu pháp lý, hợp đồng, báo cáo bán hàng, tài liệu hành chính, quảng cáo.)	2	Học kì 6	Kiểm tra viết 30p (20%), Kiểm tra viết 60p (30%), Thi kết thúc học phần (50%)
35	Dịch viết 4	Giúp người học biên dịch được một số loại văn bản hành chính được sử dụng trong công tác quản lý và giao dịch ở các cơ quan nhà nước, công ty, xí nghiệp, trường học	2	Học kì 7	Kiểm tra viết 30p (20%), Kiểm tra viết 60p (30%), Thi kết thúc học phần (50%)
36	Ngữ âm thực hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm lí thuyết liên quan đến quá trình phát âm, âm vị học	2	Học kì 6	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
37	Ngữ pháp thực hành	Cung cấp kiến thức về các điểm ngữ pháp tiếng Anh, phát triển các kĩ năng ngôn ngữ của người	3	Học kì 1	Chuyên cần (10%), Bài tập (10%), Kiểm tra (30%), Thi kết thúc học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		họcthông qua các hoạt động học tập với từng điểm ngữ pháp			
38	Lý thuyết dịch	Cung cấp kiến thức tổng quan về dịch thuật, những khái niệm căn bản, lý thuyết, chức năng và định hướng tiếp cận khác nhau về dịch thuật; giúp sinh viên nắm được các phương pháp, quy trình, kỹ thuật và công nghệ được áp dụng trong dịch thuật và đánh giá sản phẩm dịch thuật	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), Tham gia phát biểu (10%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
39	Từ vựng ngữ nghĩa học	Cung cấp kiến thức về các hình thức cấu tạo từ, cấu trúc từ, ý nghĩa của từ và câu, giúp sinh viên vận dụng phân tích được những hiện tượng thường gặp về từ vựng trong hệ thống ngôn ngữ tiếng Anh	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập (10%), Báo cáo(10%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
40	Giao thoa văn hóa	Cung cấp kiến thức về sự khác biệt về văn hóa giao tiếp và văn hóa phi ngôn ngữ, nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết và kỹ năng thuyết trình cho sinh viên	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập (20%), Báo cáo(20%), Thi kết thúc học phần (50%)
41	Ngữ pháp học	Hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp tiếng Anh, giúp sinh viên vận dụng được kiến thức ngữ pháp để viết, nói, đúng ngữ pháp	3	Học kì 4	Chuyên cần (10%), Kiểm tra thường xuyên(20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
42	Tiếng Anh du lịch	cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch như trao đổi, giao tiếp liên văn hóa, giao tiếp qua điện thoại, thuyết trình, tổ chức hội họp, thuyết minh trong các chuyến du lịch trong và ngoài nước, đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện các kỹ năng về ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói.	2	Học kì 5	Chuyên cần 10% Kiểm tra lần 1 20% Kiểm tra lần 2: 20% Thi hết học phần 50%
43	Tiếng Anh thương mại	cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng trong giao tiếp thương mại như trao đổi, giao tiếp liên văn hóa, giao tiếp qua điện thoại, thuyết trình, tổ	2	Học kì 6	Chuyên cần 10% Kiểm tra lần 1 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức hội họp, thương lượng, đàm phán, đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện các kỹ năng về ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói.			Kiểm tra lần 2: 20% Thi hết học phần 50%
44	Kỹ năng NN nâng cao 1	cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam	3	Học kỳ 7	Chuyên cần (10%), Kiểm tra Đọc (20%), Kiểm tra Nghe (20%), Thi cuối kì - Nói (50%)
45	Kỹ năng thuyết trình	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng nghe và kỹ năng nói bao gồm thuyết trình trước đám đông và vấn đề đạo đức trong thuyết trình.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (20%), Bài tập nhóm (20%),Thi cuối kì (50%)
46	Văn hóa Anh	Cung cấp nền tảng kiến thức về văn hóa Anh, rèn luyện kỹ năng sử dụng các kiến thức văn hóa trong giao tiếp; góp phần giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
47	Văn hóa Mỹ	Cung cấp kiến thức về các chủ đề trong đời sống xã hội như lịch sử, chính trị, kinh tế, tôn giáo, văn hóa, xã hội của Mỹ	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Kiểm tra (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
48	Ngữ dụng học	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Ngữ dụng học, giúp sinh viên nhận biết được vai trò của các yếu tố ngoài ngôn ngữ và thành tố văn hóa trong khuôn nghĩa của một phát ngôn thực tế	2	Học kì 6	Chuyên cần, Bài tập, Thuyết trình, Tiểu luận
49	Viết học thuật	khái niệm cơ bản về cách viết bài báo cáo khoa học: phát triển đề cương nghiên cứu khoa học; xây dựng tên đề tài nghiên cứu, lý do nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, nội dung và	2	Học kỳ 7	Chuyên cần (10%), Bài tập nhóm (20%), Bài tập về nhà (40%), Bài tập tổng kết (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp nghiên cứu. Sinh viên tiếp cận cách xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập xử lý thông tin, trình bày báo cáo kế quả nghiên cứu khoa học.			
50	Kỹ năng NN nâng cao 2	cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ ở tất cả 04 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết), đồng thời thông qua các hoạt động đó sinh viên rèn luyện tốt hơn các kỹ năng làm bài thi theo chuẩn IELTS, đạt mức từ 6.5 trở lên hoặc tương đương bậc 5 nâng cao (C1+) của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam	3	Học kỳ 7	Chuyên cần (10%), Kiểm tra Đọc (20%), Kiểm tra Nghe (20%), Thi cuối kì - Nói (50%)
51	Cú pháp học	Hệ thống hóa một số kiến thức ngữ pháp tiếng Anh bao gồm: Các từ loại , Các loại ngữ, cú, và câu.	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), Bài tập (20%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)
52	Văn học Anh	Cung cấp kiến thức về nền Văn học Anh qua ba thời kỳ: văn học cổ, văn học trung cổ, văn học cận đại, một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu, phát triển kỹ năng về ngôn ngữ và cảm thụ văn học.	2	Học kì 7	Chuyên cần, Báo cáo nhóm , Kiểm tra giữa kì , Thi kết thúc học phần
53	Văn học Mỹ	Cung cấp kiến thức về các thuật ngữ văn chương và cách sử dụng các thuật ngữ văn chương, từ vựng và cách phân tích tác phẩm; rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm văn học nước ngoài, so sánh đối chiếu, phân tích nhân vật các tác phẩm văn học Mỹ bằng tiếng Anh	2	Học kì 7	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
54	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Ngôn ngữ học đối chiếu	Hệ thốngkiến thức về đối tượng, phạm vi, vai trò, khái niệm, khuynh hướng và thủ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực xuyên ngôn ngữ-văn hóa. Học phần sẽ tạo điều kiện cho người học hiểu được những lĩnh vực, nội dung, tầng bậc và mối tương giao, dị biệt giữa các ngôn ngữ cũng như các ứng dụng thực tiễn của các kết quả nghiên cứu đối chiếu	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Báo cáo nhóm (40%), Thi kết thúc học phần (50%)
56	Phân tích lỗi	Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về hiện tượng lỗi EFL / ESL và có thái độ hợp lý cũng như các cách thích hợp để xác định, thu thập, phân tích và đưa ra những đánh giá phù hợp	2	Học kì 7	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
57	Phân tích diễn ngôn	Cung cấp kiến thức về cáckhái niệm cơ bản hiện, lý thuyết phân tích diễn ngôn như về lịch sử diễn ngôn và các cách tiếp cận khác nhau cũng như mối quan hệ giữa diễn ngôn, giao tiếp, ý thức hệ và tâm lý	2	Học kì 7	Chuyên cần, Kiểm Tra, Thi cuối kì
58	Phong cách học	Rèn luyện năng lực phát hiện và tiến hành nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến phong cách học tiếng Việt, tiếng Anh	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Báo cáo nhóm (30%), Thi kết thúc học phần (60%)
59	Khởi nghiệp		3	Học kì 7	
60	Kỹ năng tìm kiếm việc làm		1	Học kì 7	
61	Thực tập tốt nghiệp		8	Học kỳ 8	Đánh giá theo quy chế

25. Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 1 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A1 đến A2 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc của Việt Nam.	3	Học kì 1	Kiểm tra nghe 20%, Kiểm tra nói 30%,Thi cuối kì 50%
2	Tiếng Anh 2	Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sẽ đạt được mức năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ từ A2 đến B1 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dành cho Việt Nam.	2	Học kì 2	Kiểm tra nghe 20%, Kiểm tra nói 30%,Thi cuối kì 50%
3	Tiếng Pháp căn bản 1	Sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v… Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.	3	Học kì 1	Chuyên cần 10%, Thuyết trình 20%, Kiểm tra 20%, Thi cuối kì 50%
4	Tiếng Pháp căn bản 2	Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nắm các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội liên quan đến đời sống thường ngày. sinh viên có khả năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong các tình huống đơn giản ở trình độ tương đương A1 chuẩn Châu Âu.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10%, Kiểm tra 40%, Thi cuối kì 50%
5	Nghe 1	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ tiền sơ cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu những câu nói, đoạn hội thoại rất ngắn, có cấu trúc đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ điểm cá nhân, gia đình, trường lớp và những nhu cầu thiết yếu; có thể hiểu và làm theo những chỉ dẫn ngắn và đơn giản được truyền đạt chậm và cẩn thận. Sinh viên hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu.	2	Học kì 1	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Nói 1	Sau khi hoàn thành học phần Nói 1, sinh viên có thể dùng tiếng Trung để gọi được tên các đồ vật, nghề nghiệp, màu sắc, hình dạng, học tập, địa điểm, ... Đồng thời, sinh viên cũng có thể hỏi đáp đơn giản một số chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.	2	Học kì 1	Thực hành trên lớp10%,Chuyên cần10%,Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần(thi theo cặp) 50%
7	Đọc 1	Có thể hiểu và sử dụng được những từ ngữ hoặc câu tiếng Hán rất đơn giản, đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể.	2	Học kì 1	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
8	Viết 1	Sau khi hoàn thành học phần Viết 1, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ tiền sơ cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng viết phiên âm chữ Hán thành thạo; viết chữ Hán đúng nét, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản, đúng ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 1	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
9	Nghe 2	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ sơ cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu những cụm từ, cách diễn đạt, ý chính, ý chi tiết và có thể xác định được chủ đề các đoạn hội thoại/ đoạn văn ngắn quen thuộc liên quan đến chủ đề hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng; có thể hiểu hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
10	Nói 2	Sau khi hoàn thành học phần Nói 2,sinh viên có thể hoàn thiện phát âm các từ Hán ngữ. Vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề	2	Học kì 2	Kiểm tra thường xuyên(30%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khó hơn như: đi khám bịnh, đổi tiền. Nghe, hiểu và trả lời đúng các câu đàm thoại của đối tác.			
11	Đọc 2	Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành hội thoại giao lưu trực tiếp đơn giản với các chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
12	Viết 2	Sau khi hoàn thành học phần Viết 2, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ sơ cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng nghe viết một đoạn văn ngắn về các chủ đề trong cuộc sống thường ngày đúng ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 2	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
13	Nghe 3	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ tiền trung cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản, hiểu được ý chính, ý chi tiết được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống và công việc thường ngày, có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết. Sinh viên có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.	2	Học kì 3	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Thi cuối kì 50%
14	Nói 3	Sau khi hoàn thành học phần Nói 3,sinh viên có thể sử dụng các từ, các cụm từ, thành ngữ, cấu trúc câu phức tạp để diễn đạt ý tưởng. vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề đa dạng và khó hơn .	2	Học kì 3	Thực hành trên lớp10%,Chuyên cần10%,Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần(thi theo cặp) 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Đọc 3	Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập và công việc. Khi du lịch Trung Quốc, có thể ứng phó với các tình huống gặp phải.	2	Học kì 3	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
16	Viết 3	Sau khi hoàn thành học phần Viết 3, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ tiền trung cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết một bài văn hoàn chỉnh (300-400 từ) với chủ đề cho sẵn xoay quanh cuộc sống thường ngày, phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 3	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
17	Nghe 4	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ trung cấp. Sinh viên có thể nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề trong cuộc sống cá nhân, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn; có thể hiểu được ý chính, ý chi tiết các bài tường thuật, bài phát biểu và các dạng trình bày khác được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan đến cuộc sống và nghề nghiệp; có thể hiểu các thông báo vá tin nhắn. Sinh viên có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.	2	Học kì 4	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
18	Nói 4	Sau khi hoàn thành học phần Nói 4,sinh viên có thể trình bày một vấn đề trọn vẹn theo suy nghĩ của mình từ nhiều góc độ khác nhau. Vận dụng các từ	2	Học kì 4	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề đa dạng và khó hơn .			
19	Đọc 4	Có thể dùng tiếng Hán để tiến hành các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập và công việc. Khi du lịch Trung Quốc, có thể ứng phó với các tình huống gặp phải.	2	Học kì 4	Chuyên cần và tham gia các hoạt động trên lớp (20%), Kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
20	Viết 4	Sau khi hoàn thành học phần Viết 4, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ trung cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết một bài văn hoàn chỉnh (600-800 từ) với chủ đề cho sẵn xoay quanh cuộc sống thường ngày, phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 4	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
21	Nghe 5	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ tiền cao cấp. Sinh viên có thể theo dõi và hiểu được bài nói dài, các cuộc trò chuyện giữa người bản ngữ; có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo công cộng. Sinh viên luôn có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.	2	Học kì 5	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
22	Nói 5	Sau khi hoàn thành học phần Nói 5,sinh viên có thể trình bày một vấn đề trọn vẹn theo suy nghĩ của mình từ nhiều góc độ khác nhau. Vận dụng các từ và thuật ngữ đã được học để nói về các chủ đề đa dạng và khó hơn .	2	Học kì 5	Chuyên cần10%, Thực hành trên lớp10%, Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Đọc 5	Sinh viên đọc hiểu được các chủ để thuộc các lĩnh vực rộng hơn, đồng thời có thể giao lưu một cách lưu loát với người bản địa.	2	Học kì 5	Chuyên cần 10% , Bài tập cá nhân/ nhóm/ thuyết trình 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
24	Viết 5	Sau khi hoàn thành học phần Viết 5, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ tiền cao cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết một bài văn hoàn chỉnh thuộc lĩnh vực thương mại, giao dịch thường gặp phải trong công việc tương lai, đúng thể loại văn viết và phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.		Học kì 5	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
25	Nghe 6	Học xong học phần này, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nghe thuộc trình độ cao cấp. Sinh viên có thể theo dõi và hiểu được bài nói chứa đựng các yếu tố văn hóa, các cuộc giao tiếp, trò chuyện giữa người bản ngữ; có thể hiểu được các thông báo, hướng dẫn dù nghe trực tiếp hay nghe qua các pương tiện truyền thông. Sinh viên luôn có ý thức tự học, tự rèn luyện suốt đời.		Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài làm cá nhân/ nhóm 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
26	Nói 6	Học phần thông qua các hoạt động học tập (hoàn thành đối thoại theo chủ đề, thảo luận nhóm/cá nhân, báo cáo phỏng vấn.....) với những chủ đề chính, nổi bậc của xã hội, gần gủi đời sống thực tế, với mục đích giúp học viên nắm vững cách diễn đạt khẩu ngữ một cách trôi chảy, biết đưa ra nhiều		Học kì 6	Thực hành trên lớp20%, Kiểm tra vấn đáp 30%,Thi vấn đáp kết thúc học phần50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luồng ý kiến khác nhau, cũng cố sự suy luận, cách nhìn nhận vấn đề của học viên như: cách kể lại câu chuyện, thảo luận tập thể, phỏng vấn cá nhân, đánh giá vấn đề.....			
27	Đọc 6	Sinh viên đọc hiểu được báo chí tiếng Trung, thưởng thức các tiết mục phim ảnh tiếng Trung và dùng tiếng Hán để tiến hành thuyết trình một cách tương đối hoàn chỉnh.		Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài tập cá nhân/ nhóm/ thuyết trình 20% , Kiểm tra giữa kì 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
28	Viết 6	Sau khi hoàn thành học phần Viết 6, sinh viên đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng viết thuộc trình độ cao cấp, cụ thể: sinh viên có khả năng tiếp thu những yếu tố văn hoá chuyển tải trong Hán ngữ; viết chữ Hán đúng bộ thủ, đúng quy tắc thuận bút; nhận dạng chữ Hán và viết phiên âm, hoặc từ phiên âm viết thành chữ Hán của những từ trong các bài học; viết được từ, cụm từ và những câu đơn giản. Đặc biệt, sinh viên có khả năng viết hoàn chỉnh báo cáo thực tập, luận văn vào cuối khoá học, đúng thể loại văn viết và phù hợp ngữ pháp Hán ngữ.	2	Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
29	Ngữ âm - Văn tự tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về ngữ âm và văn tự trong tiếng phổng thông Trung Quốc (PTTQ); Vận dụng kiến thức ngữ âm, văn tự vào nghiên cứu, phát triển năng lực Hán ngữ, công việc chuyên ngành.	2	Học kì 1	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
30	Ngữ pháp thực hành tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu, vận dụng được hệ thống kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở mức độ sơ cấp, lí giải các hiện tượng ngữ pháp của tiếng Trung Quốc.	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Từ pháp tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu được sự khác biệt giữa thực từ và hư từ, cách phân chia thực hư từ và các định nghĩa từ loại trong tiếng Trung. Vận dụng nội dung lý thuyết ở mỗi đơn vị bài, liệt kê các từ cùng loại, nhận diện được loại từ trong câu.	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), bài tập cá nhân , nhóm , thuyết trình (20%), kiểm tra (20%), Thi cuối kì (50%)
32	Dịch viết 1	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về lý luận dịch thuật, phương pháp phiên dịch, loại hình phiên dịch, kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ, chiến lược trong dịch thuật. Sử dụng kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức hoạt động biên – phiên dịch; kiến thức về nhận xét, đánh giá chất lượng các sản phẩm biên – phiên dịch; kiến thức về thiết bị, công cụ hỗ trợ hoạt động dịch thuật.	2	Học kì 3	Kiểm tra số 1: viết 60 phút (20%), Kiểm tra số 2: viết 60 phút (20%), Đi học đầy đủ Báo cáo/ bài tập ngoài giờ (30%), Thi cuối kì (50%)
33	Dịch nói 1	Sau khi hoàn thành học phần dịch nói 1, sinh viên có thể biết các chiến lược trong dịch thuật. Đồng thời, sinh viên có thể dịch được những câu,đoạn đơn giản về các chủ đề trong cuộc sống hằng ngày cho đến các chủ đề ẩm thực,văn hóa xã hội, chính trị,khoa học kĩ thuật	2	Học kì 3	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
34	Lí thuyết dịch	Sau khi học xong học phần này, người học đạt trình bày được cơ sở lý luận về dịch thuật, phương pháp dịch thuật chung, các loại hình phiên dịch; vận dụng được kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản dịch cụ thể; hiểu được các tiêu chuẩn cần thiết của người phiên dịch; vận dụng những kết quả nghiên cứu lý thuyết vào thực hành dịch thuật; vận dụng kiến thức vào việc viết luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp; phân tích, đánh giá được chất lượng bản dịch.	2	Học kì 4	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35	Dịch viết 2	Vận dụng kiến thức về lý luận dịch thuật, phương pháp phiên dịch, loại hình phiên dịch, kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ, chiến lược trong dịch thuật. Sử dụng kiến thức về lập kế hoạch và tổ chức hoạt động biên – phiên dịch; kiến thức về nhận xét, đánh giá chất lượng các sản phẩm biên – phiên dịch; kiến thức về thiết bị, công cụ hỗ trợ hoạt động dịch thuật. Vận dụng được kiến thức về việc xây dựng và triển khai các công trình nghiên cứu khoa học cơ bản về dịch thuật Trung – Việt và Việt – Trung.	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
36	Dịch nói 2	Sinh viên nhớ các cấu trúc cơ bản trong Tiếng Hán và Tiếng Việt, và có thể dịch được các câu và đoạn ngắn. Vận dụng từ vựng và các thuật ngữ trong quá trình dịch	2	Học kì 4	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (10%), thực hành dịch (30%), Thi cuối kì (50%)
37	Cú pháp tiếng Trung Quốc	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức cơ bản về cú pháp, bao gồm: cơ sở lý luận, các thành phần cơ bản của câu, các dạng thức câu đặc biệt trong tiếng PTTQ. Vận dụng kiến thức cú pháp vào việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với văn hoá biểu đạt ngôn ngữ, trong công tác dịch thuật và trong công việc cụ thể.	3	Học kì 4	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
38	Dịch viết 3	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về phân tích ngữ pháp, liên kết văn bản, xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản gốc và văn bản dịch. Vận dụng phương pháp phân tích các đặc điểm ngôn ngữ, giải thích được nét tương đồng và khác biệt về văn hoá biểu đạt giữa hai văn bản gốc và văn bản dịch.	2	Học kì 5	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Dịch nói 3	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức cơ bản về dịch khẩu ngữ, hiểu đầy đủ các kỹ năng dịch. Nắm được các cách diễn đạt khác nhau trong các môi trường dịch .Có năng lực diễn đạt tốt trong môi trường song ngữ. Hiểu và vận dụng linh hoạt các phong cách, sắc thái trong dịch khẩu ngữ.	2	Học kì 5	Thực hành trên lớp (20%), báo cáo giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
40	Dịch viết 4	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về phân tích ngữ pháp, liên kết văn bản, xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản gốc và văn bản dịch. Tích lũy khối kiến thức có vốn từ vựng khoảng 3000 từ thường dùng trong tiếng Trung Quốc liên quan đến đời sống, kinh tế, thương mại, kỹ thuật,… Sử dụng có hiệu quả những kết quả kiến thức về kỹ thuật dịch văn bản; vận dụng tốt các phương pháp dịch thuật vào bản dịch cụ thể; vận dụng tốt các vấn đề ngôn ngữ trong văn bản dịch cụ thể.	2	Học kì 6	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
41	Dịch nói 4	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức về các thuật ngữ, kiến thức xử lý dịch trong hội nghị và ứng xử trong môi trường đa văn hóa. Vận dụng các cấu trúc dịch phức tạp vào quá trình chuyển đổi, giải mã ngôn ngữ dịch bằng khẩu ngữ . Có kỹ năng diễn đạt, các sắc thái ngôn từ phù hợp với từng môi trường dịch.	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (10%), Kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
42	Đất nước học Trung Quốc	Sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về đất nước, con người Trung Hoa qua các thời kỳ phát triển xã hội; hiểu được giá trị văn hóa, tư tưởng truyền thống của người Trung Hoa; hiểu biết về chế độ chính trị, sự phát triển kinh tế và xã hội Trung Quốc hiện đại. Sử dụng hiệu quả kiến thức về đất nước, con	3	Học kì 6	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người Trung/ Việt bằng tiếng Trung một cách lưu loát; hình thành khối kiến thức ngôn ngữ văn hóa tổng hợp, vận dụng được kiến thức học phần này vào việc nâng cao trình độ thực hành tiếng của bản thân.			
43	Kỹ thuật biên - phiên dịch	Sinh viên phân tích ở mức thành thạo và lựa chọn phương án phù hợp để chuyển ngữ khoảng 100 loại cấu trúc ngữ pháp và kiểu liên kết văn bản thường gặp trong các văn bản tiếng Hán và tiếng Viêt. Có năng lực diễn đạt rõ ràng, chính xác 1 bản tin bằng văn bản và khẩu ngữ	3	Học kì 5	Bài tập nhóm (20%), báo cáo cá nhân (15%), báo cáo nhóm(15%), Thi cuối kì (50%)
44	Quán dụng ngữ	Sinh viên có thể phân tích chúng về mặt hình âm nghĩa, biết phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề. Có năng lực phê phán và sáng tạo trong vận dụng ngôn ngữ.	3	Học kì 5	Bài tập cá nhân, nhóm (20%), kiểm tra giữa kì (30%), Thi cuối kì (50%)
45	Ứng dụng CNTT trong học Hán ngữ	Sinh viên biết cách thiết kế bài thuyết trình sử dụng powerpoint một cách hiệu quả.Củng cố và phát triển kiến thức về CNTT cơ bản và nâng cao. Sử dụng được kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao phục vụ cho việc tự học và tự nghiên cứ.	2	Học kì 6	Chuyên cần (10%), thực hành trên lớp (40%), Thi cuối kì (50%)
46	Nhập môn phương pháp giảng dạy Hán ngữ	Sinh viên hiểu được cơ sở lý luận về phương pháp giảng dạy Hán ngữ và kỹ thuật giảng dạy phù hợp với từng dạng bài Hán ngữ. Sử dụng đa dạng kỹ thuật giảng dạy phù hợp với nội dung dạy.	3	Học kỳ 6	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
47	Kỹ năng thuyết trình Hán ngữ	Sinh viên hiểu, vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội trong tiếp thu chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp. Phân tích kiến thức về cách tìm hiểu khán	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), bài tập cá nhân (20%), bài tập cá nhóm (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giả; các bước chuẩn bị cho bài thuyết trình; nắm vững sự đa dạng của của các bài thuyết trình.			
48	Ngôn ngữ báo chí	Sinh viên nắm vững từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thuộc lĩnh vực báo chí. Phân biệt tính đặc thù của ngôn ngữ được sử dụng trong lĩnh vực báo chí.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
49	Ngôn ngữ thương mại	Sinh viên nắm vững từ vựng, cấu trúc ngữ pháp thuộc lĩnh vực báo chí. Phân biệt tính đặc thù của ngôn ngữ được sử dụng trong lĩnh vực báo chí. Vận dụng phương pháp, kỹ thuật xử lý các vấn đề ngôn ngữ trong biên – phiên dịch Trung – Việt và Việt – Trung trong tình huống phù hợp.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
50	Đọc văn bản phồn thể	Sinh viên hiểu và vận dụng linh hoạt sự khác nhau của các từ giản thể và phồn thể. Vận dụng các kiến thức đã học phân biệt và chọn đúng các từ cần biểu thị ý mình muốn nói mà không gây hiểu nhầm cho người đọc văn bản. Đọc- hiểu các văn bản bằng chữ Hán phồn thể	2	Học kì 7	Bài tập nhóm (20%), báo cáo cá nhân (15%), báo cáo nhóm(15%), Thi cuối kì (50%)
51	Từ Hán việt	Có kiến nền tảng để nhận biết, lý giải được hiện tượng tiếp nhận lớp từ gốc Hán trong tiếng Việt; Nhận diện được từ Hán Việt trong kho từ vựng tiếng VIệtVận dụng sự chuyển đổi ngữ âm từ âm Hán Việt sang phiên âm pinyin (Bính âm hay Phanh âm) để đọc các chữ Hán trong tiếng phổ thông Trung Quốc, phục vụ cho chuyên ngành đào tạo. ;	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm (10%), Kiểm tra giữa kì (20%), Thi tự luận (50%)
52	Thực tế bộ môn	Sinh viên vận dụng kiến thức về giao thoa ngôn ngữ, văn hoá. Hiểu được những tiềm năng, phạm vi ứng dụng ngôn ngữ Trung Quốc vào thực tiễn	3	Học kì 7	Đánh giá thái độ tinh thần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cuộc sống thường nhật, nhu cầu thị trường lao động. Sử dụng kiến thức về các hoạt động nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc cũng như kiến thức giao thoa văn hóa trong giao tiếp và trong công tác biên – phiên dịch.			(20%), hoạt động nhóm(30 %), bài thu hoạch cá nhân (50%)
53	Kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc nâng cao 1	Hiểu được cấu trúc bài thi HSK cấp 4. Phát triển toàn diện khả năng đọc hiểu đoạn văn của sinh viên như đọc kỹ chi tiết, đọc lướt ý chính đoạn văn, đọc hiểu từng chi tiết trong câu và đoạn.	3	Học kì 6	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
54	Hán ngữ du lịch	Sinh viên sử dụng thức cơ bản về điều kiện tự nhiên, danh tham thắng cảnh của Việt Nam; hiểu được giá trị văn hóa, nét đẹp của phong tục tập quán của người Việt Nam; nắm vững những quy định, những điều cần biết đối với người nước ngoài du lịch đến Việt Nam và người Việt Nam du lịch đến Trung Quốc. Đánh giá, nhận xét được những nét tương đồng và sự khác biệt giữa đất nước, con người Việt Nam với bất kỳ một dân tộc, quốc gia nào trên thế giới.	3	Học kì 7	Phiếu theo dõi học tập (10%), kiểm tra 1 (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
55	Kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc nâng cao 2	Sinh viên phân tích từ khóa, cụm từ, thành ngữ bằng tiếng Trung để làm rõ nghĩa câu và nội dung đoạn văn. Phát triển kỹ năng kỹ năng nghe lướt, nghe hiểu ý chính, nghe đoán ý của tác giả, nghe tóm tắt... qua các bản tin ngắn, buổi thuyết trình	3	Học kì 7	Chuyên cần (10%), kiểm tra , bài tập cá nhân (20%), Kiểm tra 2 (20%), Thi cuối kì (50%)
56	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Sinh viên có thể Nêu và phân tích được một số khái niệm như văn hóa, ASEAN...Phân tích và đánh giá những đặc điểm đặc trưng của văn hóa các nước ASEAN. Khái quát, đánh giá được những giá trị văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng của bên ngoài.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Lược sử văn học Trung Quốc	Sinh viên hiểu được một cách sâu sắc hơn các thành tựu của Văn học Trung Quốc qua các vấn đề thuộc lịch sử văn học Trung Quốc. Hình thành kỹ năng tiếp nhận các công trình nghiên cứu về văn học sử Trung Quốc qua nguyên tác, đồng thời, hình thành kỹ năng đánh giá các bản dịch khác nhau của cùng một công trình nghiên cứu văn học Trung Quốc.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), thực hành (10%), báo cáo nhón(10%) kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
58	Trích giảng văn học Trung Quốc	Sinh viên có kỹ năng cảm thụ và phân tích các tác phẩm văn học nổi tiếng của đất nước mà sinh viên đang học và sẽ sử dụng một cách chuyên nghiệp ngôn ngữ của nước đó sau này. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc tư liệu tham khảo chuyên ngành và vận dụng vào việc phân tích tác phẩm một cách hiệu quả nhất.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), thực hành (10%), báo cáo nhón(10%) kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
59	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên hiểu được một số khái niệm, nội dung căn bản về nghiên cứu khoa học; Vận dụng được các nguyên tắc và các bước căn bản khi triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), thực hành (10%), báo cáo nhón(10%) kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
60	Phong cách học Hán ngữ	Sinh viên hiểu được Lý luận về phong cách học và phong cách học Hán ngữ. vận dụng phong cách ngôn ngữ vào từng thể loại văn bản.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), bài tập cá nhân, nhóm thuyết trình(20%) kiểm tra (20%), Thi cuối kì (50%)
61	Tiếng Trung Quốc cổ đại	Sinh viên hiểu được hệ thống từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của tiếng Trung Quốc cổ đại ở cấp độ sơ trung cấp. Đọc hiểu những văn bản,tác phẩm văn chương ngắn được thể hiện băng tiếng Trung Quốc cổ đại . Vận dụng được các thực từ và hư từ thường dùng trong tiếng Trung Quốc cổ đại.	2	Học kì 7	Bài tập cá nhân, nhóm (20%) báo cáo cá nhân(15%), báo cáo nhóm (15%), Thi cuối kì (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62	Tu từ học	Sinh viên hiểu được kiến thức về tu từ trong tiếng Trung Quốc bao gồm: phương thức tu từ, các hình thức ẩn dụ, chơi chữ, chuyển hóa, cường điệu của các từ, cụm từ và câu trong tiếng Trung. Vận dụng phương thức tu từ xử lý ngôn ngữ trong biên- phiên dịch.	2	Học kì 7	Chuyên cần (10%), tự học tự nghiên cứu (10%), kiểm tra (30%), Thi cuối kì (50%)
63	Hán ngữ chuyên ngành (may mặc, giày, giấy)	Sinh viên biết được từ vựng chuyên ngành giày, giấy dệt, may, mặc. Sinh viên được trang bị kiến thức chuyên ngành và hiểu rõ thêm về ngành giày, giấy dệt, may, mặc.	2	Học kì 6	Chuyên cần 10% , Bài tự học 10% , Kiểm tra giữa kì 30%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
64	Kỹ năng bổ trợ (viết CV và phỏng vấn, kỹ năng giao tiếp nơi công sở)	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm vững được các kiến thức liên quan đến kỹ năng viết CV và phỏng vấn từ khâu tìm kiếm thông tin tuyển dụng đến việc viết CV, tự xây dựng hồ sơ ứng tuyển và tự tin khi tham gia phỏng vấn tuyển dụng, các kiến thức và kỹ năng về giao tiếp trong kinh doanh;	2	Học kì 6	Chuyên cần 10% , Báo cáo nhóm 40% , Kiểm tra cuối kỳ 50%
65	Nghiệp vụ (thư kí văn phòng, quản trị nhân sự)	sinh viên có kiến thức tổng quan, cần thiết về nghiệp vụ văn phòng và những kỹ năng thư ký văn phòng và quản trị nhân sự	2	Học kì 6	Chuyên cần 10% , Thảo luận nhóm 40% , Báo cáo nhóm 50%
66	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên tìm hiểu thực tế của cơ quan, doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh tương ứng với ngành học, nắm vững các chức năng, nhiệm vụ, vị trí công việc đang thực tập để từ đó hình thành kỹ năng, thái độ và tình cảm nghề nghiệp; Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, tiếp cận với kinh nghiệm và phương pháp làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp, làm cơ	8	Học kì 8	Điểm kết quả quá trình thực tập 70%, Điểm báo cáo 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sở để hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp trong tương lai.			
67	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	Học phần này góp phần hình thành năng lực phân tích các hiện tượng liên quan đến từ vựng trong học tập ngôn ngữ này. Sau khi ra trường người học có những kiến thức chung về từ vựng, có thể phát triển khả năng tự học tập và nghiên cứu từ vựng ở những bậc học cao hơn, sử dụng từ vựng hợp lý, chính xác trong dịch thuật.	3	Học kì 7	Chuyên cần 10% , Kiểm tra giữa kì 1 20%, Kiểm tra giữa kì 2 20%, Kiểm tra cuối kỳ 50%
68	Khởi nghiệp		3	Học kì 7	

26. Ngành Quản lý văn hóa (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiến trình lịch sử VN	Nắm được diễn tiến lịch sử VN qua các sự kiện quan trọng	3	HK1	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
2	Tâm lý học đại cương	Cung cấp kiến thức cơ bản về các hiện tượng và quá trình tâm lý cơ bản cũng như sự hình thành nhân cách của con người.	2	HK1	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
3	Xã hội học đại cương	Nắm được các khái niệm cơ bản của xã hội học	2	HK1	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
4	Mỹ học đại cương	Nắm được sự phát triển của tư tưởng mỹ học, khoa học về thẩm mỹ và cái đẹp	2	HK1	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
5	Logic học đại cương	Cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử, các trường phái và các khái niệm cơ bản của logic học hình thức.	2	HK1	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp những kiến thức nền tảng về các đặc trưng, các nền tảng tạo nên văn hóa Việt Nam.	2	HK2	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Lịch sử văn minh thế giới	Nắm được lịch sử các nền văn minh lớn trên thế giới	3	HK2	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
8	Đại cương âm nhạc	Tìm hiểu nhạc lý cơ bản	2	HK2	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
9	Nhạc cụ	Tìm hiểu về lịch sử và cách sử dụng một số loại nhạc cụ phổ biến	2	HK2	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp một số kiến thức cơ bản về quy trình, các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và văn hóa học.	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
11	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Nắm được những vấn đề chính của các nền văn hóa cổ trên lãnh thổ VN	3	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
12	Tổng quan về du lịch	Tìm hiểu những vấn đề cơ bản về du lịch, dịch vụ du lịch, lữ hành cần thiết đối với một cán bộ quản lí về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
13	Đại cương về thể thao	tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các loại hình thể thao	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
14	Đại cương sân khấu	tìm hiểu những nét đặc trưng cơ bản của nghệ thuật sân khấu	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
15	Đại cương múa	tìm hiểu những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa dân gian, dân vũ, hiện đại	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
16	Đại cương mỹ thuật	tìm hiểu về lịch sử mỹ thuật, các vấn đề cơ bản về mỹ thuật	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
17	Đại cương về khoa học quản lý	tìm hiểu về những vấn đề cơ bản nhất của khoa học quản lý	2	HK3	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
18	Ứng dụng tin học trong quản lí văn hóa	tìm hiểu và hướng dẫn cách sử dụng các thiết bị tin học trong cơ quan cũng như sử dụng những phần mềm cơ bản trong xử lý công việc	2	HK4	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
19	Quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Nắm được quan điểm, đường lối, phương pháp trong quản lí hoạt động nghệ thuật biểu diễn	2	HK4	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Quản lý nhà nước về văn hóa	Nắm được lịch sử, thực trạng, phương pháp quản lí nhà nước về các hoạt động văn hóa trong xã hội	3	HK4	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
21	Quản lý và phát huy di sản văn hóa	Nắm được nguyên tắc, phương pháp quản lý và phát huy giá trị các giá trị di sản văn hóa tại Việt Nam	2	HK4	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
22	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt tập thể	Hình thành và rèn luyện các kỹ năng về tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể. Rèn luyện tính	2	HK4	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
23	Nghệ thuật thuyết trình	Nắm được kỹ năng, thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong thuyết trình, nói chuyện trước công chúng	2	HK4	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
24	Pháp luật về văn hóa thông tin	Giới thiệu về những quy định của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa - thông tin.	2	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
25	Văn hóa VN trong bối cảnh văn hóa ĐNÁ	Cung cấp kiến thức giúp người học định vị được văn hóa Việt Nam trong tổng thể văn hóa Đông Nam Á đồng thời tìm hiểu những nét văn hóa đặc trưng của một số nước Đông Nam Á.	2	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
26	Văn hóa dân gian người Việt	Tìm hiểu về phong tục, tập quán, ngôn ngữ, lối sống của người Việt dưới góc nhìn văn hóa dân gian	3	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
27	Tôn giáo và tín ngưỡng VN	Giới thiệu một số loại hình tín ngưỡng và tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam. Trên cơ sở đó phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan.	3	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
28	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	hình thành và phát triển một số kỹ năng mềm hỗ trợ sinh viên hội nhập tốt với môi trường thay đổi trong thời kỳ hiện nay	1	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
29	Kinh tế học văn hóa	Cung cấp cái nhìn đa chiều về văn hóa dưới góc nhìn kinh tế học, xem văn hóa như một ngành kinh tế.	3	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
30	Thể chế chính trị VN	Cung cấp kiến thức về thể chế, bộ máy nhà nước Việt Nam	2	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
31	Phương pháp biên kịch	Cung cấp kiến thức, thực hành kỹ năng về biên kịch sân khấu	2	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
32	Phương pháp dàn dựng múa	Cung cấp kiến thức, thực hành kỹ năng về dàn dựng tiết mục múa các thể loại	2	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Quản lý văn hóa trong kinh doanh du lịch	Cung cấp cái nhìn về quản lí nhà nước về văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch	2	HK5	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
34	Biên tập và tổ chức chương trình nghệ thuật	Nắm được lý thuyết và kỹ năng thực hành tổ chức biên tập và dàn dựng một chương trình nghệ thuật cho một sự kiện	3	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
35	Văn hóa giao tiếp	Cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng về giao tiếp, ứng xử trong nhiều môi trường khác nhau, nhiều bối cảnh khác nhau	2	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
36	Quản lý các thiết chế văn hóa	Cung cấp kiến thức, biện phán về quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa như: bảo tàng, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa…	3	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
37	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	Cung cấp kiến thức, kỹ năng về tổ chức, quản lý, sử dụng, tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	2	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
38	Văn hóa gia đình	Cung cấp kiến thức về lịch sử, đặc trưng, bản chất, sự biến đổi cấu trúc, chức năng của các loại hình gia đình từ truyền thống đến hiện đại	2	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
39	Văn hóa ẩm thực	Cung cấp kiến thức về đặc trưng ẩm thực các vùng miền trên cả nước	2	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
40	Xây dựng văn hóa cộng đồng	Cung cấp kiến thức về những quy định, cách thức, phương pháp, kinh nghiệm trong xây dựng văn hóa cộng đồng	2	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
41	Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo	Cung cấp kiến thức, thực hành kỹ năng soạn thảo các văn bản thường dùng trong hoạt động hành chính nhà nước.	2	HK6	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
42	Quản lý cổ vật	Cung cấp kiến thức về cổ vật, di vật, bảo vật quốc gia cũng như phương pháp bảo vệ, phục hồi cổ vật	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
43	Công tác xây dựng ĐSVH ở cơ sở	Cung cấp kiến thức về những quy định, cách thức, phương pháp, kinh nghiệm trong xây dựng văn hóa ở cơ sở	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
44	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	Cung cấp kiến thức về phương pháp quảng bá, maketing trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Quản lý lễ hội và sự kiện	Cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng về tổ chức và quản lý lễ hội truyền thống cũng như lễ hội và sự kiện đương đại	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
46	Quản tri dịch vụ văn hóa	Cung cấp kiến thức về tổ chức, quản lý, vận hành các dịch vụ văn hóa - nghệ thuật trong khuôn khổ pháp luật	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
47	Xây dựng kế hoạch và dự án văn hóa	Cung cấp kiến thức về yêu cầu, quy trình thực hiện xây dựng các kế hoạch và dự án thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
48	Hán-Nôm trong di sản văn hóa Việt Nam	Cung cấp kiến thức về chữ Hán, chữ Nôm. Hướng dẫn đọc và viết chữ Hán, chữ Nôm gắn liền với các di sản văn hóa của Việt Nam.	4	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
49	Marketing văn hóa nghệ thuật	Cung cấp kiến thức, quy trình, đặc trưng, phương pháp quảng bá, marketing trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật.	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
50	Văn hóa thời trang	Cung cấp kiến thức về lịch sử, đặc trưng, sự biến đổi của trang phục Việt Nam qua các thời kỳ	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
51	Văn hóa doanh nghiệp	Cung cấp kiến thức về đặc trưng, bản chất, sự hình thành và vận hành văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
52	Khởi nghiệp	Cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng về ý tưởng, triển khai ý tưởng khởi sự doanh nghiệp, khởi sự kinh doanh.	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
53	Kỹ năng tìm việc	Cung cấp kiến thức, hình thành kỹ năng tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân, yêu cầu của xã hội.	2	HK7	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
53	Nghệ thuật văn hóa cổ ở ĐBSCL	Cung cấp kiến thức về kiến trúc, điêu khắc, nghệ thuật của các nền văn hóa cổ ở ĐBSCL.	3	HK8	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần
55	Chính sách văn hóa ở VN và một số nước trên thế giới	Cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển, đặc trưng của chính sách văn hóa ở VN qua các thời kỳ trong sự so sánh tương quan với một số nước trên thế giới.	3	HK8	Kiểm tra thường kỳ, thi học phần

27. Ngành Quản trị kinh doanh (Đại học)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nhập môn nghề nghiệp ngành Quản trị kinh doanh	Giúp sinh viên có thể hiểu rõ ngành học, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra cũng như các cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp; Nắm vững các quy chế đào tạo và quy chế công tác sinh viên tại Trường Đại học Đồng Tháp; Biết cách sử dụng phần mềm quản lý học tập; Vận dụng được các phương pháp học tập phù hợp ở bậc đại học.	1	1	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm thảo luận nhóm: 40% 3. Điểm tiểu luận: 50%
2	Kinh tế vi mô	Giúp sinh viên nắm vững được những kiến thức kinh tế ở cấp độ vi mô; cơ sở của việc ra quyết định của các cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn lực có hạn của họ trên thị trường hàng hoá - dịch vụ; phân tích được hành vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích tình hình kinh tế ở cấp độ vi mô để giải thích những hiện tượng kinh tế, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp hay chính bản thân trong thực tế. Giúp sinh viên rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học tập và tự nghiên cứu, có thái độ nghiêm túc trong việc đưa ra chính kiến và bảo vệ quan điểm của mình.	3	1	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Lập nhóm từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô, bao gồm các nội dung liên quan đến cách tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh tế cơ bản để phân tích, đánh giá sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn cũng như am hiểu được định hướng phát triển chung của kinh tế vùng và nền kinh tế quốc gia.	3	2	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
4	Luật kinh tế	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong thành lập, vận hành, điều hành hoạt động của một doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; Hiểu biết và nắm được các cơ sở pháp lý trong đàm phản, thương thảo, thực hiện các hợp đồng thương mại. Làm rõ các quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2	2	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm thảo luận nhóm: 20% 3. Điểm báo cáo nhóm: 20% 4. Thi kết thúc học phần: 50%

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Quản lý Nhà nước về kinh tế	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.	2	4	1. Đánh giá chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết (24/30 tiết); Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao. Có tài liệu học tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp. 2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút). Làm cá nhân 3. Làm bài viết tự luận: dạng tiểu luận theo chủ đề. Làm nhóm. 4. Thi kết thúc học phần.
6	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Một trong những kỹ năng thiết yếu mà sinh viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề kinh tế. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.	2	4	1. Chuyên cần (10%): Mức độ tham gia lớp học 2. Báo cáo nhóm (30%): Viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình theo chủ đề. 3. Thi kết thúc học phần (60%): Hình thức tự luận

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Quản trị học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị và hoạt động quản trị trong một tổ chức, DN; Hiểu được các nguyên lý quản trị học, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, thuật ngữ quản trị, ý nghĩa của công tác quản trị trong DN; Kiến thức liên quan về các yếu tố của môi trường kinh doanh, ma trận SWOT; Quy trình ra quyết định và các công cụ ra quyết định của nhà quản trị; Hiểu và vận dụng được 4 chức năng cơ bản của nhà quản trị: chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; Ứng dụng được các thuyết về động viên để tạo động lực cho nhân viên trong quá trình lãnh đạo của nhà quản trị. Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị.	3	1	1. Chuyên cần (5%): mức độ tham gia lớp học 2. Kiểm tra (15%): Hình thức: tự luận 3. Thảo luận nhóm (10%): Giải quyết tình huống 4. Báo cáo nhóm (20%): Trình bày nội dung được giao về nhà 5. Thi kết thúc học phần (50%)
8	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Học phần cung cấp những khái niệm nền tảng trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng và kiến thức về chức năng, vai trò và tác động của từng khâu tài chính trong hệ thống tài chính của quốc gia. Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến thị trường tài chính, hệ thống tài chính, hoạt động phân bổ tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn kinh doanh. Kiến thức trong học phần sẽ giúp người học hiểu và có thể nhận định về những biện pháp ngăn chặn sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt	3	1	-Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài -Thuyết trình, báo cáo nhóm -Làm bài kiểm tra viết - Viết tiểu luận

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mức thiệt hại do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính của khu vực đã được đề ra.			
9	Marketing căn bản	Sau khi tham gia học tập người học biết cách vận dụng những kiến thức cơ bản về Marketing vào thực tiễn kinh doanh một cách hiệu quả như: phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động marketing, nhận biết nhu cầu khách hàng, phân tích được hành vi khách hàng, phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm. Hơn thế, học phần còn giúp người học nắm được 4 phối thức quan trọng trong việc phân tích và xây dựng chiến lược Marketing hỗn hợp (Marketing Mix). Ngoài ra, học phần còn giúp người học nâng cao kỹ năng thu thập và phân tích thông tin, lập luận và nhận diện vấn đề,….cũng như giúp người học hình thành thái độ tích cực nghiên cứu, tự chủ và chịu trác nhiệm. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như quản trị Marketing, nghiên cứu Marketing, hành vi tiêu dùng...	3	2	#HĐ 9.1: Chuyên cần #HĐ 9.2: Thảo luận và giải quyết tình huống theo nhóm #HĐ 9.3: Thực hiện báo cáo nhóm #HĐ 9.4: Kiểm tra giữa kỳ #HĐ 9.5: Thi kết thúc học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu các kiến thức về phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê suy luận, phương pháp chỉ số. Vận dụng được phương pháp thống kê suy luận để phân tích đặc trưng của tổng thể và xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thống kê, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tính toán được các chỉ tiêu mô tả các đặc trưng của hiện tượng kinh tế- xã hội, các chỉ tiêu nhằm phân tích các đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, các chỉ số thống kê.Thiết lập được hệ thống chỉ số nhằm phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế. Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.	3	2	1. Đánh giá chuyên cần (10%) 2. Điểm thực hành (10%) 3. Bài tập cá nhân (10%) 4. Kiểm tra giữa kì (20%) 5.Thi kết thúc học phần (50%)
11	Nguyên lý kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng được tính chất, kết cấu của các tài khoản tài sản, tài sản nguồn vốn, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả kinh doanh, sử dụng bảng hệ thống kế, áp dụng các phương pháp tính giá hàng tồn kho, tài sản cố định để thực hiện định khoản các nghiệp vụ của kế toán cũng như kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học liên quan đến kế toán.	3	3	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà; Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm; Tham dự kỳ thi kết thúc học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Toán kinh tế	Có kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính; giải tích toán học. Vận dụng những kiến thức toán học vào trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Vận dụng một số phương pháp tối ưu để phân tích các mô hình tối ưu với các đối tượng kinh tế khác nhau, tìm được lời giải cho các bài toán này trong điều kiện có một hay nhiều tác động, từ đó ra quyết định trong kinh tế.Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các mô hình toán học trong kinh tế và kinh doanh, đưa ra những nhận định có tính khoa học về kết quả của các mô hình toán kinh tế.Rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học học tập và nghiên cứu rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng xem xét các vấn đề có tính logic và độ chính xác cao	3	3	1. Đánh giá chuyên cần (10%) 2. Kiểm tra thường xuyên (10%) 3. Bài tập cá nhân (10%) 4. Kiểm tra giữa kỳ (20%) 5. Thi kết thúc học phần (50%)
13	Kinh tế quốc tế	Hiểu về các mối quan hệ kinh tế phạm vi quốc tế	3	3	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
					cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
14	Kinh tế phát triển	Nghiên cứu kinh tế của các quốc gia và kinh tế thế giới. Qua đó, hiểu được bản chất phát triển kinh tế.	3	3	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Kinh tế lượng	Lượng hóa được các mối quan hệ kinh tế thông qua các mô hình kinh tế lượng. Sử dụng được phần mềm kinh tế lượng để phân tích.	3	3	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
16	Marketing thương mại và dịch vụ	Rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học học tập và nghiên cứu rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng xem xét các vấn đề có tính logic và độ chính xác cao	3	3	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1:Báo cáo nhóm 9.3. Tiểu luận nhóm: #HĐ 9.3.1: Thực hiện tiểu luận theo nhóm 9.4. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.4.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ; 9.5. Thi kết thúc học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Hành vi tổ chức	Giúp cho người học hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và bên ngoài, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Tham gia học phần người học rèn luyện được các kỹ năng cơ bản như nhận diện vấn đề, giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp cá nhân và nhóm, các kỹ năng thuyết trình. Học phần giúp cho người học sau khi trở thành nhà quản trị sẽ biết cách tuyển chọn, bố trí đúng người, đúng việc, phát huy năng lực của các thành viên. Mỗi cá nhân sau khi kết thúc học phần sẽ có nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Có mối quan hệ tốt với mọi người xung quanh, biết cách giải quyết các xung đột trong học tập và đời sống. Người học có khả năng tự chủ và tự bảo về quan điểm bản thân trên cơ sở rèn luyện các kiến thức trong học phần.	3	3	- Chuyên cần (10%): Tham gia lớp học đầy đủ - Báo cáo nhóm (10%): Kiến thức tổng hợp của từng chương. - Kiểm tra giữa kỳ (10%) - Bài khảo sát nhóm (20%): Khảo sát văn hóa doanh nghiệp, kiến thức tổng hợp của các chương 8, 9. -Thi kết thúc học phần (50%): Hình thức: Tự luận: Kiến thức tổng hợp của các chương.
18	Quản trị nhân lực	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp từ khâu hoạch định nhân lực đến phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, phát triển và sử dụng nhân lực. Hiểu rõ cách thức đánh giá hiệu quả công việc, tính lương, trả thưởng, phụ cấp,… Có hiểu biết về tạo động lực cho người lao động, từ đó phát	3	4	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm Báo cáo nhóm: 20% 3. Điểm Thảo luận tình huống: 10% 4. Điểm Thuyết trình cá nhân: 10% 5. Viết tiểu luận: 50%

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển năng lực dụng và giữ nhân tài trong tổ chức.			
19	Quản trị tài chính	Học phần đề cập đến các vấn đề cốt yếu của quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: chi phí huy động vốn và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư; các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư; cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp; các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu.	3	4	HĐ≠1 Điểm Đánh giá chuyên cần HĐ≠2 Điểm bài tập HĐ≠3 Điểm Báo cáo nhóm **Thi kết thúc học phần** (Tự luận)
20	Giao tiếp kinh doanh	Giúp người học được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp và các kiến thức về giao tiếp trong kinh doanh;Người học hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức về giao tiếp, từ đó rèn luyện cho mình các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao vị thế bản thân và đạt hiệu quả trong công việc. Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, biết đinh hướng hoạt động và có khả năng bảo vệ quan điểm bản thân; Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương tình đào tạo các ngành kinh tế.	3	5	-Chuyên cần (10)% -Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức lý thuyết tổng hợp của các chương 1, 2 -Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 5, 6 và 7 - Thực hiện bài tập tình huống (20%): Kiến thức tổng hợp của chương 8 - Thi kết thúc học phần: sinh viên báo cáo cá nhân và vấn đáp trực tiếp. Tổ chức đánh giá ngay sau khi kết thúc học phần, không thi theo lịch thi chung của Trương

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
21	Quản trị chất lượng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại về quản trị chất lượng để sinh viên có thể hiểu đúng về các khái niệm chất lượng, những công cụ thường được sử dụng để quản trị chất lượng và các hệ thống quản trị chất lượng mà ngày nay các doanh nghiệp thường áp dụng để giúp hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả hơn.	3	5	Chuyên cần: Tỷ lệ tham gia lớp học 10% Kiểm tra thường xuyên: Trắc nghiệm/ Tự luận 10% Tiểu luận/Báo cáo (nhóm): Kiến thức tổng hợp của các chương 20% Kiểm tra giữa kỳ:- Hình thức: Tự luận 10% Thi kết thúc học phần: - Hình thức: Tự luận 50%
22	Quản trị marketing	Sau khi tham gia học tập người học nắm được những nội dung cốt lõi về quản trị marketing, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị marketing hướng đến. Đồng thời, hiểu được quy trình quản trị marketing; cách thức xây dựng kế hoạch Marketing; hoạch định được các chiến lược Marketing; Vận dụng kiến thức để có thể phân tích thị trường, hành vi khách hàng và các cơ hội Marketing. Ngoài ra, người học còn có khả năng phân tích môi trường Marketing, thực hiện các nghiên cứu marketing, xây dựng các chiến lược định vị sản phẩm, chiến lược Marketing. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	3	5	9.1. Điểm phát biểu: #HĐ 9.1.1: Điểm cộng hoạt động tại lớp, điểm nghiên cứu 9.2. Báo cáo: #HĐ 9.2.1: Điểm nhóm 9.3. Điểm tiểu luận #HĐ 9.3.1: Điểm tiểu luận cá nhân 9.4. Thi kết thúc học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Học phần này trang bị người học những nội dung cơ bản nhất liên quan đến một số vấn đề chung về rủi ro và quản trị rủi ro, nhất là trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Cung cấp thêm những hiểu biết căn bản về các loại rủi ro thường gặp trong kinh doanh như rủi ro môi trường hoạt động, rủi ro đầu tư,… để người quản lý có thể chú ý, phòng tránh và giảm thiểu các tổn thất. Ngoài ra, các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.	3	5	9.1. Điểm chuyên cần 9.2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút) - Làm cá nhân 9.3. Làm bài viết tự luận: dạng làm bài tập tính toán (60-90 phút). - Làm cá nhân. 9.4. Thi kết thúc học phần: - Thi viết (tự luận 60-90 phút). - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp - Bắt buộc dự thi
24	Nghệ thuật lãnh đạo	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo, nắm vững nội dung và cách vận dụng những mô hình lãnh đạo khác nhau nhằm mang lại hiệu quả cho tổ chức. Ngoài ra, người học cũng được phát triển năng lực thu thập thông tin và phân tích các dữ liệu liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ	3	6	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Thảo luận nhóm: #HĐ 9.2.1: Thảo luận nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giữa đồng nghiệp với nhau. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như hành vi tổ chức, Quản trị nguồn nhân lực			
25	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý của quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn trong doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược, các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	3	6	-Chuyên cần : - Tỷ lệ tham gia lớp học 10% -Kiểm tra thường xuyên: - Hình thức: Trắc nghiệm/ Tự luận 10% -Tiểu luận/Báo cáo (nhóm): - Kiến thức tổng hợp của các chương 20% -Kiểm tra giữa kỳ:- Hình thức: Tự luận 10% -Thi kết thúc học phần: - Hình thức: Tự luận 50%

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Quản trị sản xuất	Giúp sinh viên hiểu được những nội dung cốt lõi về sản xuất, quản trị sản xuất, vai trò của quản trị sản xuất trong hoạt động của doanh nghiệp như dự báo về nhu cầu sản xuất, quy trình sản xuất sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, các kiểu bố trí mặt bằng, và yếu tố nào tác động đến lựa chọn địa điểm, các chiến lược trong hoạch định tổng hợp, tồn kho cho kế hoạch sản xuất từng kỳ và cách điều độ sản xuất. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, sử dụng các công cụ dự báo, lựa chọn quy trình sản xuất, xác định năng lực sản xuất, xác định địa điểm nhà máy; đồng thời hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị sản xuất và tác nghiệp của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu; Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá một kế hoạch sản xuất, cách thức tổ chức, thực hiện và đo lường hiệu quả hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp.	3	6	1. Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ 2. Điểm Bài tập (10%): SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 3. Điểm Tiểu luận (10%): Lập nhóm từ 3 đến 5 SV. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề (có gợi ý trong đề cương), minh họa số liệu thực tế. 4. Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận (lý thuyết và bài tập); Thời gian: 90 phút.
27	Quản trị dự án	Học phần tập trung vào cách tiếp cận tổng thể của quá trình quản trị dự án đầu tư, có chú trọng đến khía cạnh hiệu quả về mặt	3	7	9.1. Điểm chuyên cần 9.2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tài chính của dự án. Mục đích của học phần là cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và kỹ năng quản trị dự án đầu tư từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án. Thông qua thủ tục này, sinh viên sẽ giải quyết những mâu thuẫn phát sinh ở mỗi giai đoạn, biết cách lập kế hoạch và phân bổ nguồn lực một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị kỹ năng lập kế hoạch tài chính cho dự án và các phương pháp đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.			- Làm cá nhân 9.3. Làm bài viết tự luận: dạng làm bài tập tính toán (60-90 phút). - Làm cá nhân. 9.4. Thi kết thúc học phần: - Thi viết (tự luận 60-90 phút). - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp - Bắt buộc dự thi
28	Quản trị doanh nghiệp	Học phần tổng hợp những kiến thức khái quát, mang tính hệ thống về những hoạt động quản trị trong một tổ chức. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các loại hình doanh nghiệp; phân tích, lựa chọn và quản trị các chiến lược kinh doanh; những phương thức để tạo động lực cho người lao động để giúp họ trung thành với doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp giúp người học có thể ra những quyết định cơ bản trong lĩnh vực này. Trang bị thêm những kiến thức liên quan đến quản trị tri thức, cũng như những thách thức của việc quản trị doanh nghiệp ở thế kỷ 21… Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị, và ứng dụng vào	3	7	1. Chuyên cần (5%): Mức độ tham gia lớp học 2. Báo cáo nhóm (15%) 3. Kiểm tra giữa kỳ lần 1 (15%): Hình thức: tự luận/ trắc nghiệm 4. Kiểm tra giữa kỳ lần 2 (15%): Hình thức tự luận 5. Thi kết thúc học phần (50%): Hình thức: tự luận

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong thực tiễn quản trị điều hành doanh nghiệp hiện nay.			
29	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.	3	7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày #HĐ 9.1: chương 2 (báo cáo Thị trường - Khách hàng) #HĐ 9.2: chương 4 (báo cáo Kế hoạch Marketing) #HĐ 9.3: chương 5 (báo cáo Kế hoạch sản xuất) #HĐ 9.4: chương 6 (báo cáo Kế hoạch nhân sự) #HĐ 9.5: chương 7 (phân tích tài chính) 2. Điểm Tiểu luận (50%): #HĐ 9.6: thực hiện viết bản đề án kinh doanh hoàn chỉnh

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Quản trị hành chánh văn phòng	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách quản lý thời gian làm việc của nhân viên; áp dụng nghiệp vụ văn phòng như hội họp, soạn thảo văn bản, chuyến đi công tác cho lãnh đạo…vào công tác văn phòng; đồng thời hiểu được cách tổ chức công tác văn thư trong văn phòng. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng xử lý thông tin nội bộ văn phòng; kỹ năng sắp xếp và tổ chức một ngày làm việc; kỹ năng soạn thảo được một số văn bản hành chính cơ bản; kỹ năng giao tiếp tại văn phòng: nghe và gọi điện thoại, đón tiếp khách tại cơ quan và tiệc chiêu đãi; tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị, các chuyến công tác. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.	3	4	1. Điểm Chuyên cần (5%): #HĐ 9.1 Đi học đầy đủ 2. Điểm Báo cáo (20%): #HĐ 9.2 # HĐ 9.2.1: Báo cáo nội dung các chương # HĐ 9.2.2: Báo cáo chủ đề - Các nhóm báo cáo theo chủ đề đã được GV phân công chuẩn bị từ trước. 3. Điểm Bài tập (15%): #HĐ 9.3 Thực hiện Soạn thảo một số văn bản - SV soạn thảo đúng thể thức văn bản; nội dung văn bản đạt yêu cầu cơ bản đủ ý. - SV thực hành soạn thảo trên máy tính (có thể 1 hoặc 2 SV 1 máy); cuối đợt nộp file văn bản soạn thảo hoàn chỉnh cho GV. 4. Điểm Kiểm tra (10%): #HĐ 9.4 Thời gian 50 phút; SV làm cá nhân 5. Điểm cuối kỳ (50%): # HĐ 9.5 Cách thức: Cá nhân trình bày chủ đề báo cáo đã được giao, trả lời một số câu hỏi sau khi báo cáo và xử lý tình huống xảy ra trong công sở của GV đưa ra.
31	Marketing quốc tế	Học phần giúp sinh viên nắm vững cách thức xây dựng chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường toàn cầu. SV có khả năng phân tích môi trường marketing, thực hiện các nghiên cứu marketing, chiến lược Marketing toàn cầu. SV vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nội dung và ý nghĩa của các chiến lược Marketing,	3	4	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %. HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20% HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: Thi kết thúc môn 50%

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cũng như việc lựa chọn được các phối thức Marketing phù hợp cho từng sản phẩm hay từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này còn giúp SV hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm.			
32	Kỹ thuật đàm phán	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức nền tảng về đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình thực hiện các bước đàm phán một cách hiệu quả. Ngoài ra, người học còn có khả năng cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc,...Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	3	4	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1: Báo cáo nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần
33	Thanh toán quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán của doanh nghiệp và những nghiệp vụ ngân hàng liên quan. Nội dung môn học được bố cục gồm các phần chính: những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường hối đoái	3	4	-Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên -Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm -Tham gia bài kiểm tra cá nhân -Làm tiểu luận

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(kinh doanh chênh lệch giá, giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn,…); các phương tiện sử dụng trong thanh toán quốc tế; các phương thức sử dụng trong thanh toán quốc tế.			
34	Thương mại điện tử	Sau khi học xong học phần này, người học có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, vận dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và quản lý hệ thống thương mại điện tử.	3	5	1.Điểm chuyên cần: 5% 2.Điểm cá nhân: 5% 3.Điểm Bài tập nhóm: 30% 4.Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 10% 5. Thi kết thúc học phần: 50%
35	Kế toán quản trị 1	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị, xác định được phương án kinh doanh, lập được dự toán hoạt động kinh doanh, phân tích biến động tăng giảm của chi phí để từ đó có phương án tiết kiệm chi phí, cũng như tiền đề để học Kế toán quản trị 2.	3	5	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
36	Quản trị bán hàng	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động bán hàng và Quản trị bán hàng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra, người học còn có khả năng phân tích các nội dung cơ bản của hoạt động quản trị bán hàng. Nắm được các kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong	3	5	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1: Báo cáo nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.			
37	Thị trường tài chính	Học phần Thị trường tài chính cung cấp kiến thức tổng quát về hệ thống tài chính và các thành phần của hệ thống tài chính. Học phần giúp người học nghiên cứu các công cụ tài chính và cách thức giao dịch trên từng thị trường tài chính cụ thể như thị trường ngoại hối, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp kiến thức cơ bản về một số định chế tài chính như ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty cho thuê tài chính ở phương diện đặc điểm, cơ chế hoạt động, mối quan hệ với thị trường tài chính, cung cấp công cụ đánh giá, dự báo xu thế của thị trường tài chính.	3	5	**Đánh giá chuyên cần, tích cực** 1.1. Số tiết tham dự học/tổng số tiết. 1.2. Bảng tóm tắt nội dung chương của cá nhân hoặc nhóm. **Kỹ năng thuyết trình nhóm** - Mức độ am hiểu nội dung thuyết trình, khả năng thuyết trình tốt, khả năng thiết kế slide, tạo hứng thú, tổ chức hoạt động cho buổi thuyết trình. **Điểm kiểm tra giữa kỳ** Kiểm tra sau khi kết thúc chương 4. Thời gian 60 – 90 phút. **Kỹ năng giải bài tập, tích cực trong học tập.** 4.1. Thái độ học tập tích cực. Số lần phát biểu xây dựng bài học. 4.2. Số bài tập đã làm/số bài tập được giao. **Kết thúc học phần** - Đề mở, thời gian: 90 phút. - Hình thức thi: tự luận

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Quản trị thương mại	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm vững những kiến thức về thương mại và quản trị thương mại; Hiểu rõ cách thức xây dựng kế hoạch bán hàng, xuất – nhập kho, quản trị bán buôn, bán lẻ; Trang bị cho sinh viên những kỹ năng bán hàng hiệu quả, quản lý các dự án thương mại.	3	6	1. Điểm chuyên cần: 5% 2. Điểm bài tập, thảo luận: 20% 3. Điểm Báo cáo nhóm: 15% 4. Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 10% 5. Thi kết thúc học phần: 50%
39	Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần giúp người học có được cái nhìn khái quát về quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Qua đó học phần cung cấp cho người học những công cụ để phân tích quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bằng các chỉ tiêu kinh tế. Qua phân tích cho ta cái nhìn tổng thể về thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó nêu ra được những mặt hạn chế, yếu kém của doanh nghiệp và có những biện pháp khắc phục	3	6	HĐ≠1 Điểm Đánh giá chuyên cần HĐ≠2 Điểm bài tập HĐ≠3 Điểm Báo cáo nhóm **Thi kết thúc học phần** (Tự luận)
40	Quản trị cung ứng	Học phần giúp SV nắm được những nội dung cốt lõi về quản trị cung ứng, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị cung ứng hướng đến. SV hiểu được quy trình hoạt động của chuỗi cung ứng; cách thức xây dựng kế hoạch; hoạch định được các chiến lược. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ và tạo ra sự hợp tác hiệu quả trong chuỗi cung ứng, SV còn vận dụng các kiến thức đã học để ứng dụng chiến lược của chuỗi cung ứng vào chiến lược kinh doanh củacông ty, đo	3	6	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: BÁO CÁO kết thúc môn 50%

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lường hiệu quả hoạt động và đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần còn giúp SV phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu và đánh giá các hiện tượng kinh tế của SV, học phần còn giúp SV ý thức hơn về chịu trách nhiệm cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu.			
41	Quản trị quan hệ khách hàng	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về học phần Quản trị quan hệ khách hàng, nắm vững nội dung và quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra, người học cũng được phát triển năng lực thu thập thông tin và phân tích các dữ liệu liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ với khách hàng. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu. Đặc biệt, học phần này cung cấp một nền tảng kiến thức làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu các học phần chuyên ngành như quản trị Marketing, nghiên cứu Marketing, hành vi khách hàng...	3	6	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Thảo luận nhóm: #HĐ 9.2.1: Thảo luận nhóm 9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Tiểu luận nhóm: #HĐ 9.4.1: Thực hiện tiểu luận theo nhóm 9.5. Thi kết thúc học phần Thi kết thúc học phần (90 phút, thực hành)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
42	Quản trị kinh doanh quốc tế	Học phần giúp sinh viên hiểu được cách tổ chức và các bước thực hiện kinh doanh trong thị trường toàn cầu. Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nội dung và phân tích được các tình huống tranh chấp trong mua bán quốc tế và cách giải quyết. SV có khả năng xử lý được các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến kinh doanh quốc tế. Học phần này còn giúp SV phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc.	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: BÁO CÁO kết thúc môn 50%
43	Quản trị sự thay đổi	Học phần giúp sinh viên biết được những nội dung cốt lõi về quản trị sự thay đổi, các quan điểm và mục tiêu của chương trình thay đổi. SV hiểu được quy trình hoạt động của các mô hình quản trị sự thay đổi; tiến trình của sự thay đổi; các loại thay đổi. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, SV có thể vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động liên quan trong quy trình quản trị sự thay đổi phù hợp từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá được tình trạng hiện tại của công ty, và đánh giá kết quả của sự thay đổi. Học phần còn giúp SV phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, phát triển kỹ năng so sánh,	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: BÁO CÁO kết thúc môn 50%

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tích, và đánh giá sự thay đổi trong thời kỳ mới.			
44	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm được các vấn đề cơ bản về đạo đức trong kinh doanh, vai trò và tác động của yếu tố đạo đức trong xu thế mới; Hiểu và văn hóa doanh nghiệp, biết cách vận dụng để thích nghi với văn hóa doanh nghiệp.	3	7	1. Điểm chuyên cần: 5% 2. Điểm Thảo luận cặp: 15% 3. Điểm Chuyên đề: 10% 4. Điểm Báo cáo nhóm: 20% 5. Viết tiểu luận: 50%"
45	Quản trị thương hiệu	SV hiểu rõ kiến thức về thương hiệu, tiếp thị bán hàng, có thể vận dụng được các kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu để lý giải được nội dung và ý nghĩa của chiến lược thương hiệu, cũng như việc lựa chọn chiến lược phù hợp để xây dựng thương hiệu cho DN. SV có khả năng tự tìm hiểu và đánh giá các hiện tượng kinh tế, các sự kiện Marketing liên quan đến thương hiệu. Học phần này còn giúp SVphát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu.	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: Tiểu luận kết thúc môn 50%
46	Ứng dụng phần mềm phân tích định lượng trong kinh tế	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản về một số phần mềm phân tích định lượng: SPSS, AMOS, SMARTPLS, STATA. Đồng thời, giúp người học biết cách lựa chọn	3	5	9.1. Chuyên cần: #HĐ 9.1.1: Điểm danh sinh viên mỗi buổi học 9.2. Báo cáo nhóm: #HĐ 9.2.1: Báo cáo nghiên cứu 1; #HĐ 9.2.2: Báo cáo nghiên cứu 2

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công cụ phân tích phù hợp và có thể tiến hành phân tích với dữ liệu có được để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Ngoài ra, còn giúp người học hình thành và phát triển các kỹ năng như: kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng thiết kế và tổ chức nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.			9.3. Kiểm tra giữa kỳ: #HĐ 9.3.1: Thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ 9.4. Thi kết thúc học phần
47	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tự xây dựng được bộ hồ sơ ứng tuyển, tự tin khi tham gia phỏng vấn; hình thành những kỹ năng làm việc thiết yếu tại doanh nghiệp, tạo tiền đề làm việc hiệu quả; hòa nhập dễ dàng với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả và tự tin với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng.	3	6	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm Hồ sơ ứng tuyển: 10% 3. Điểm Phỏng vấn thử: 15% 4. Điểm Hoạt động nhóm: 15% 5. Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm: 50%"
48	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức ngoại ngữ cơ bản tổng quát về cấu trúc tổ chức, phong cách lãnh đạo, chiến lược công ty, thuê ngoài, tài chính, tuyển dụng nhân sự. Sinh viên có thể ôn tập và thực hành ngữ pháp và từ vựng quan trọng trong cả hai ngữ cảnh nói và viết. Hơn nữa, học phần sẽ giúp phát triển những kỹ năng giao tiếp kinh doanh và những chiến lược cần thiết trong môi trường làm việc ngày nay.	3	7	1. Chuyên cần (5%): Mức độ tham gia lớp học 2. Báo cáo nhóm (15%) 3. Kiểm tra giữa kỳ lần 1 (15%): Hình thức: tự luận/ trắc nghiệm 4. Kiểm tra giữa kỳ lần 2 (15%): Hình thức tự luận 5. Thi kết thúc học phần (50%): Hình thức: tự luận

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình dạy (Học kỳ)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Ngoài ra, sinh viên sẽ có thể đọc hiểu được các tài liệu và thông tin kinh doanh cơ bản bằng tiếng Anh. Sinh viên có thể tiếp cận với các tin tức mới nhất, cập nhật kiến thức mới từ nguồn tài liệu tiếng Anh và qua các trang website nước ngoài. Khả năng tư duy và giải quyết vấn đề của sinh viên cũng được nâng cao thông qua các hoạt động giải quyết tình huống.			
49	Thực tập tốt nghiệp	Học phần thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên ngành QTKD củng cố và nâng cao được kiến thức thực tế sau khi đã học các môn học lý thuyết. Vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Từ đó đánh giá được kết quả đào tạo thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh và tiếp thu các đóng góp ý kiến của sinh viên, đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập để hoàng thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh	8	8	Học phần thực tập tốt nghiệp được đánh giá theo điều 10, chương 3 của Quyết định số 23/QĐ-ĐHĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành Qui định tổ chức và quản lý thực tập tốt nghiệp các ngành ngoài sư phạm của Trường đại học Đồng Tháp.Điểm học phần thực tập tốt nghiệp được tính như sau:Điểm TTTN = (K1x0,7) + (K2 x 0,3) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm điểm quá trình TTTN của sinh viên. Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên

28. Ngành Tài chính - Ngân hàng (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**37**		
I. Ngoại ngữ			**5**		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1		3	2	
2	Tiếng Anh 2		2	3	
II. Giáo dục quốc phòng			**11**		
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	1	
2	Công tác quốc phòng, an ninh		2	2	
3	Quân sự chung		2	3	
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	4	
III. Giáo dục thể chất			**3**		
1. Học phần bắt buộc			**1**		
1	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)		1	1	
2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2TC)			**2**		
1	Bóng đá		2	2	
2	Bóng chuyền		2	2	
3	Cầu lông		2	2	
4	Khiêu vũ thể thao		2	2	
5	Võ thuật Vovinam		2	2	
6	Võ thuật Karatedo		2	2	
7	Cờ vua		2	2	
8	Bóng bàn		2	2	
9	Bóng ném		2	2	
10	Bóng rổ		2	2	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Điền kinh		2	2	
12	Tennis		2	2	
IV. Đại cương chung			**18**		
4.1. Đại cương chung bắt buộc			**14**		
1	Triết học Mác - Lênin		3	1	
2	Nhập môn nghề nghiệp	Cung cấp tổng quan về nghề nghiệp như vị trí việc làm, vai trò của nghề nghiệp trong sự phát triển kinh tế -xã hội. Giới thiệu đơn vị, công cụ, phương tiện hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập tại trường	1	1	- Kiểm tra tự luận 20% - Kiểm tra thực hành sử dụng hệ thống thông tin điện tử của trường 30% - Làm tiểu luận cuối học phần 50%
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	
4	Pháp luật Việt Nam đại cương		2	3	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	3	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	4	
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	4	
4.2. Đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 4 tín chỉ)			**4**		
1	Tâm lý học đại cương		2	1	
2	Tiếng việt thực hành		2	1	
3	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm		2	1	
4	Xã hội học đại cương		2	1	
5	Lịch sử các học thuyết kinh tế		2	1	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành		**.**	**12**		
1	Kinh tế vi mô	Giúp sinh viên nắm vững được những kiến thức kinh tế ở cấp độ vi mô; cơ sở của việc ra quyết định của các cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn lực có hạn của họ trên thị trường hàng hoá - dịch vụ; phân tích được hành vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích tình hình kinh tế ở cấp độ vi mô để giải thích những hiện tượng kinh tế, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp hay chính bản thân trong thực tế. Giúp sinh viên rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học tập và tự nghiên cứu, có thái độ nghiêm túc trong việc đưa ra chính kiến và bảo vệ quan điểm của mình.	3	1	1. Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2. Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
2	Luật kinh tế	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong thành lập, vận hành, điều hành hoạt động của một doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; Hiểu biết và nắm được các cơ sở pháp lý trong đàm phản, thương thảo, thực hiện các hợp đồng thương mại.	2	1	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm thảo luận nhóm: 20% 3. Điểm báo cáo nhóm: 20% 4. Thi kết thúc học phần: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Làm rõ các quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.			
3	Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô, bao gồm các nội dung liên quan đến cách tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức kinh tế cơ bản để phân tích, đánh giá sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn cũng như am hiểu được định hướng phát triển chung của kinh tế vùng và nền kinh tế quốc gia.	3	2	1. Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian: 15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Quản lý Nhà nước về kinh tế	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.	2	3	1. Đánh giá chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết (24/30 tiết); Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao. Có tài liệu học tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp. 2. Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết (60 phút). Làm cá nhân 3. Làm bài viết tự luận: dạng tiểu luận theo chủ đề. Làm nhóm. 4. Thi kết thúc học phần.
5	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	- Trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu kinh tế để tự thực hiện nghiên cứu những vấn đề về kinh tế, tài chính	2	4	1. Chuyên cần 10% 2. Báo cáo nhóm 30% 3. Thi kết thúc học phần 60%
II. Kiến thức cơ sở ngành		**.**			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		**.**	21		
1	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Học phần cung cấp những khái niệm nền tảng trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng và kiến thức về chức năng, vai trò và tác động của từng khâu tài chính trong hệ thống tài chính của quốc gia. Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến thị trường tài chính, hệ thống tài chính, hoạt động phân bổ tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn kinh doanh. Kiến thức trong học phần sẽ giúp người học hiểu và có thể nhận định về những biện pháp ngăn chặn	3	2	-Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài. -Thuyết trình, báo cáo nhóm -Làm bài kiểm tra viết - Viết tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt mức thiệt hại do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính của khu vực đã được đề ra.			
2	Nguyên lý kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng được tính chất, kết cấu của các tài khoản tài sản, tài sản nguồn vốn, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả kinh doanh, sử dụng bảng hệ thống kế, áp dụng các phương pháp tính giá hàng tồn kho, tài sản cố định để thực hiện định khoản các nghiệp vụ của kế toán cũng như kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học liên quan đến kế toán.	3	3	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
3	Quản trị học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị và hoạt động quản trị trong một tổ chức, DN; Hiểu được các nguyên lý quản trị học, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, thuật ngữ quản trị, ý nghĩa của công tác quản trị trong DN; Kiến thức liên quan về các yếu tố của môi trường kinh doanh, ma trận SWOT; Quy trình ra quyết định và các công cụ ra quyết định của nhà quản trị; Hiểu và vận dụng được 4 chức năng cơ bản của nhà quản trị: chức năng hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra; Ứng dụng được các thuyết về động viên để tạo động lực cho nhân viên trong quá trình lãnh đạo của nhà quản trị. Trên cơ sở đó hình thành nên năng lực quản trị.	3	2	- Chuyên cần: Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên - Báo cáo nhóm - Làm bài kiểm tra cá nhân - Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Marketing căn bản	"Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về marketing, tầm quan trọng của marketing trong DN; Biết được cách phân khúc được thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích được hành vi khách hàng; Hiểu và lý giải được nội dung, ý nghĩa của các chiến lược Marketing, cũng như việc lựa chọn được các phối thức 4P (chiến lược Sản phẩm - Product, Giá -Price, Phân phối - Place,Chiêu thị -Promotion) phù hợp cho từng sản phẩm hay từng giai đoạn phát triển củamột sản phẩm trong hoạt động kinh doanh của DN; Giúp người học biết cáchxây dựng và đánh giá kế hoạch Marketing mix cho một sản phẩm cụ thể."	3	3	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Tham gia Báo cáo chủ đề được giao Thảo luận tình huống trên lớp Tham gia bài kiểm tra cá nhân Thực hiện viết kế hoạch Marketing cho một sản phẩm cụ thể Tham gia thi kết thúc học phần
5	Toán kinh tế	Có kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính; giải tích toán học. Vận dụng những kiến thức toán học vào trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Vận dụng một số phương pháp tối ưu để phân tích các mô hình tối ưu với các đối tượng kinh tế khác nhau, tìm được lời giải cho các bài toán này trong điều kiện có một hay nhiều tác động, từ đó ra quyết định trong kinh tế. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các mô hình toán học trong kinh tế và kinh doanh, đưa ra những nhận định có tính khoa học về kết quả của các mô hình toán kinh tế.	3	3	1. Đánh giá chuyên cần (10%): Tham dự từ 80% số tiết trở lên 2. Kiểm tra thường xuyên (10%): Các kiến thức đã học ở các tiết trước 3. Bài tập cá nhân (10%):- Làm bài tập đầy đủ: 8 điểm, các mức còn lại do GV quyết định tùy thuộc vào số lượng bài tập SV làm); Mỗi lần lên bảng: 0,5 điểm (tối đa 2 điểm) 4. Kiểm tra giữa kì (20%): Kiểm tra (1 tiết): Tự luận; Kiến thức: Chương 1, 2, 3 5.Thi kết thúc học phần (50%): Thi viết (90 phút): tự luận; Kiến thức: Có thể thi bất cứ chương nào có trong đề cương

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học học tập và nghiên cứu rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng xem xét các vấn đề có tính logic và độ chính xác cao.			
6	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu các kiến thức về phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê suy luận, phương pháp chỉ số. Vận dụng được phương pháp thống kê suy luận để phân tích đặc trưng của tổng thể và xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thống kê, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tính toán được các chỉ tiêu mô tả các đặc trưng của hiện tượng kinh tế- xã hội, các chỉ tiêu nhằm phân tích các đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, các chỉ số thống kê.Thiết lập được hệ thống chỉ số nhằm phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế. Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.	3	3	1. Đánh giá chuyên cần (10%): Tham dự từ 80% số tiết trở lên 2. Kiểm tra thường xuyên (10%): Các kiến thức đã học ở các tiết trước 3. Bài tập cá nhân (10%):- Làm bài tập đầy đủ: 8 điểm, các mức còn lại do GV quyết định tùy thuộc vào số lượng bài tập SV làm); Mỗi lần lên bảng: 0,5 điểm (tối đa 2 điểm) 4. Kiểm tra giữa kì (20%): Kiểm tra (1 tiết): Tự luận; Kiến thức: Chương 1, 2, 3, 4, 5 5.Thi kết thúc học phần (50%): Thi viết (90 phút): tự luận; Kiến thức: Có thể thi bất cứ chương nào có trong đề cương
7	Kinh tế lượng	Học phần Kinh tế lượng thuộc nhóm các môn học bắt buộc của khối kiến thức chung của ngành kinh tế. Kinh tế lượng ngoài việc cung cấp các kỹ thuật chọn biến từ mẫu của tổng thể, cách xử lý và trình bày số liệu, cách ước lượng, xây dựng và hiệu chỉnh mô hình hồi quy tuyến tính, cách phân tích kết quả có được từ bảng kết	3	3	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quả sau khi xử lý số liệu trên phần mềm thống kê (EVIEWS, STATA) đồng thời giúp sinh viên có thể đưa ra những dự báo về các hiện tượng kinh tế xã hội; môn học còn giúp sinh viên đưa ra các biện pháp khắc phục sai số trong quá trình xây dựng mô hình hồi quy đa biến, kiểm định và lựa chọn mô hình, phân tích được mô hình hồi quy đa biến.			
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 3tc)		**.**	**3**		
1	Tâm lý học trong kinh doanh	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm vững những kiến thức xung quanh các hiện tượng tâm lý trong kinh doanh. Vận dụng được các phương pháp tâm lý và tạo ra những hiện tượng tâm lý tich cực, né tránh các quyết định sai làm trong mối quan hệ giữa người với người trong tổ chức, hoạt động quản trị. Đưa ra được các chiến lược marketing hiệu quả, thuyết phục thành công dựa trên nắm bắt tâm lý khách hàng, đối tác.	3	2	1. Điểm chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ, tích cực phát biểu, chia sẻ quan điểm, xây dựng bài 2. Điểm thảo luận tình huống (10%): Thảo luận theo cặp 3. Điểm bài tập nhóm (15%): Làm bài tập theo nhóm, được nhóm xác nhận là có tham gia 4. Điểm thuyết trình nhóm (15%): Thuyết trình nhóm 5. Kết thúc học phần (50%): Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm
2	Kỹ thuật đàm phán	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức nền tảng về đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình thực hiện các bước đàm phán một cách hiệu quả. Ngoài ra, người học còn có khả năng cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng	3	2	- Chuyên cần - Báo cáo nhóm - Kiểm tra giữa kỳ - Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc,...Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.			
3	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm được các vấn đề cơ bản về đạo đức trong kinh doanh, vai trò và tác động của yếu tố đạo đức trong xu thế mới; Hiểu về văn hóa doanh nghiệp, biết cách vận dụng để thích nghi với văn hóa doanh nghiệp.	3	2	1. Điểm chuyên cần (5%): Đi học đầy đủ, tích cực phát biểu, chia sẻ quan điểm, xây dựng bài 2. Điểm thảo luận cặp (15%): Thảo luận theo cặp 3. Điểm chuyên đề (10%): Chuyên đề nhóm, được nhóm xác nhận là có tham gia 4. Điểm Báo cáo nhóm (20%): Thuyết trình nhóm, được nhóm xác nhận là có tham gia 5. Kết thúc học phần (50%): Tiểu luận
4	Hành vi khách hàng	Cung cấp những kiến thức về hành vi khách hàng; sự khác nhau giữa hành vi khách hàng cá nhân và hành vi khách hàng tổ chức. Trong đó đặc biệt chú trọng đến hành vi khách hàng cá nhân trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của khách hàng và quá trình ra quyết định mua của khách hàng để từ đó xây dựng chiến lược bán hàng phù hợp.	3	2	1. Chuyên cần: Đi học đầy đủ, tích cực phát biểu, chia sẻ quan điểm, xây dựng bài 10% 2. Kiểm tra cuối mỗi chương 10% 3. Thuyết trình 10% 4. Kiểm tra tự luận 90 phút: 20% 5. Thi kết thúc học phần 50%
III. Kiến thức chuyên ngành		**.**			
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		**.**	**33**		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Quản trị tài chính	Mô tả được ưu và nhược điểm của các nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp. Đồng thời xác định được chi phí sử dụng vốn của các nguồn đó. Vận dụng kiến thức giá trị tiền tệ theo thời gian để làm nền tảng cho việc lập kế hoạch vay và trả nợ vay; lựa chọn phương thức gửi tiền của cá nhân, gia đình, quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Thành thạo việc tính toán về thời giá của tiền như chiếu khấu dòng tiền, xác định lãi suất thực khi gởi tiền/vay vốn, lên lịch trả nợ vay,... Thành thạo việc xác định chi phí sử dụng vốn của công ty. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá được tính khả thi của dự án đầu tư.	3	4	Tham dự đầy đủ các buổi học Làm bài tập nhóm Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
2	Thanh toán quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán của doanh nghiệp và những nghiệp vụ ngân hàng liên quan. Nội dung môn học được bố cục gồm các phần chính: những vấn đề cơ bản về tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ cơ bản trên thị trường hối đoái (kinh doanh chênh lệch giá, giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn,…); các phương tiện sử dụng trong thanh toán quốc tế; các phương thức sử dụng trong thanh toán quốc tế.	3	4	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Nghiệp vụ ngân hàng	Nội dung học phần giúp người học có kiến thức cơ bản, tổng quát về các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại đồng thời có kỹ năng thực hành các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng để người học có thể làm việc như một nhân viên ngân hàng thực thụ. Với những kiến thức này, người học có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau trong ngân hàng như: nhân viên phụ trách huy động vốn, nhân viên phụ trách tín dụng khách hàng, nhân viên tư vấn kinh doanh và quản lý rủi ro cho khách hàng, giao dịch viên.	3	5	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
4	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư, các nội dung và yêu cầu, phương pháp cần thiết khi phân tích và thẩm định dự án. Từ đó, hình thành nên năng lực phân tích và thẩm định dự án đầu tư cho người học.	3	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
5	Tài chính doanh nghiệp 1	Quản lý được hàng tồn kho, tiền mặt, chính sách tín dụng phù hợp cho từng doanh nghiệp, từng hoàn cảnh khác nhau của doanh nghiệp. Mô tả được cách thức huy động vốn và lập cấu trúc vốn tối ưu cho Doanh nghiệp. Trình bày được các loại rủi ro cơ bản của doanh nghiệp. Hiểu được nguyên nhân gây ra rủi ro kinh doanh, tài chính và biện pháp để quản lý rủi ro.	3	5	HĐ 9.1 và 9.4 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng số tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các chương 9.4.1: Phát biểu trong giờ học 9.4.2: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Thuyết trình nhóm (15%) HĐ 9.3 Kiểm tra cá nhân (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lựa chọn các hình thức và chính sách chi trả cổ tức phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.			HĐ9.5 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
6	Quản trị rủi ro tài chính	Học phần Quản trị rủi ro tài chính thuộc khối kiến thức chuyên ngành tài chính. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính: hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn, giao sau, hoán đổi. Những nguyên tắc định giá và ứng dụng các công cụ này trong thực tiễn để phòng ngừa rủi ro tình chính trong doanh nghiệp.	3	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
7	Kế toán tài chính 1	cung cấp những kiến thức chung về kế toán các yếu tố chi phí đầu vào của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán các khoản phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu nhằm giúp sinh viên nắm được từng giai đoạn của tiến trình sản xuất kinh doanh.	3	5	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
8	Thị trường tài chính	Giải thích theo cách hiểu của bản thân về cơ chế hoạt động, giao dịch, các công cụ lưu thông trên từng loại thị trường như thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh. Khái quát hóa các quy định về giao dịch, các loại lệnh, quy định trên sàn giao dịch chứng khoán ở Việt Nam.	3	6	HĐ 9.1 và 9.4 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng số tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các chương 9.4.1: Phát biểu trong giờ học 9.4.2: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Thuyết trình nhóm (15%) HĐ 9.3 Kiểm tra cá nhân (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thành thạo việc định giá tín phiếu kho bạc, trái phiếu và cổ phiếu. Thành thạo việc xác định khối lượng giao dịch, giá khớp lệnh ở các đợt khớp lệnh trên các sàn giao dịch ở Việt Nam.			HĐ9.5 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
9	Thuế	Giải thích theo cách hiểu của bản thân đối với các quy định về các loại thuế cơ bản trong hệ thống thuế của Việt Nam như: thuế xuất – nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Vận dụng các kiến thức đã học vào giải bài tập và các tình huống tính thuế trong thực tế.	3	6	HĐ 9.1 và 9.3 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng số tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các chương 9.3.1: Phát biểu trong giờ học 9.3.2: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Thuyết trình nhóm (15%) HĐ 9.4 Kiểm tra cá nhân (15%) HĐ9.5 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
10	Thẩm định tín dụng	Mô tả quy trình và hồ sơ về thẩm định tín dụng trong các tổ chức tài chính, đặc biệt là trong các NHTM. Sử dụng được các phương pháp để định giá các tài sản thế chấp trong quá trình huy động tín dụng.	3	6	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Phân tích tài chính	Thu thập đúng tài liệu cần thiết phục vụ cho quá trình phân tích. hiểu rõ cách lập các bảng báo cáo tài chính Thành thào việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Thành thạo việc đánh giá khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.	3	7	HĐ 9.1 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng sổ tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các chương 9.1.3: Phát biểu trong giờ học 9.1.4: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Tiểu luận nhóm phân tích báo cáo tài chính công ty (15%) HĐ 9.3 Kiểm tra cá nhân (15%) HĐ9.4 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn		.			
3.2.1. Nhóm tự chọn 1 (chọn ít nhất 3 tc)		.	3		
36	Kế toán quản trị 1	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị, xác định được phương án kinh doanh, lập được dự toán hoạt động kinh doanh, phân tích biến động tăng giảm của chi phí để từ đó có phương án tiết kiệm chi phí, cũng như tiền đề để học Kế toán quản trị 2.	3	5	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Giao tiếp kinh doanh	Giúp người học được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp và các kiến thức về giao tiếp trong kinh doanh; Người học hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức về giao tiếp, từ đó rèn luyện cho mình các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao vị thế bản thân và đạt hiệu quả trong công việc. Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, biết đinh hướng hoạt động và có khả năng bảo vệ quan điểm bản thân; Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương tình đào tạo các ngành kinh tế.	3	5	Chuyên cần (10)% Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức lý thuyết tổng hợp của các chương 1, 2 và Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 5, 6 và 7 Thực hiện bài tập tình huống (20%): Kiến thức tổng hợp của chương 8 Thi kết thúc học phần: sinh viên báo cáo cá nhân và vấn đáp trực tiếp. Tổ chức đánh giá ngay sau khi kết thúc học phần, không thi theo lịch thi chung của Trường
3	Quản trị hành chánh văn phòng	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách quản lý thời gian làm việc của nhân viên; áp dụng nghiệp vụ văn phòng như hội họp, soạn thảo văn bản, chuyến đi công tác cho lãnh đạo…vào công tác văn phòng; đồng thời hiểu được cách tổ chức công tác văn thư trong văn phòng. Giúp sinh viên hình thành kỹ năng xử lý thông tin nội bộ văn phòng; kỹ năng sắp xếp và tổ chức một ngày làm việc; kỹ năng soạn thảo được một số văn bản hành chính cơ bản; kỹ năng giao tiếp tại văn phòng: nghe và gọi điện thoại, đón tiếp khách tại cơ quan và tiệc chiêu đãi; tổ chức các cuộc	3	5	1. Điểm Chuyên cần (5%): #HĐ 9.1 #HĐ 9.1.1. Đi học đầy đủ #HĐ 9.1.2. Thực hiện đầy đủ các bài soạn thảo về nhà 2. Điểm Báo cáo (20%): #HĐ 9.2 # HĐ 9.2.1: Báo cáo nội dung các chương #HĐ 9.2.2: Báo cáo chủ đề - Các nhóm báo cáo theo chủ đề đã được GV phân công chuẩn bị từ trước. - Mỗi nhóm tổng 30 phút: 15 phút báo cáo, 15 phút nghe nhận xét, nghe đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. - Điểm: thuyết trình 3đ, nội dung 3đ, hình thức 1đ, trả lời câu hỏi 2đ, nhận xét và đặt câu hỏi nhóm khác 1đ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		họp, hội thảo, hội nghị, các chuyến công tác. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.			3. Điểm Bài tập (15%): #HĐ 9.3 Thực hiện Soạn thảo một số văn bản - SV soạn thảo đúng thể thức văn bản; nội dung văn bản đạt yêu cầu cơ bản đủ ý. - SV soạn thảo trên máy tính cá nhân (có thể 1 hoặc 2 SV 1 máy); Nộp file cho GV. 4. Điểm Kiểm tra (10%): #HĐ 9.4 Thời gian 50 phút; SV làm cá nhân 5. Điểm cuối kỳ (50%): # HĐ 9.5 - Cách thức: Cá nhân trình bày chủ đề báo cáo đã được giao, trả lời một số câu hỏi sau khi báo cáo và xử lý tình huống xảy ra trong công sở của GV đưa ra. - Tham dự đủ 80% số tiết trên lớp.
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	Xác định giá vốn và kết quả kinh doanh Lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số trong sản xuất kinh doanh.	3	5	
3.2.2. Nhóm tự chọn 3 (chọn ít nhất 3 TC)		.	3		
1	Thị trường bất động sản	Mô tả các khái niệm về bất động sản và thị trường bất động sản. Trình bày được các loại hình thức đầu tư trên thị trường bất động sản. Lựa chọn các phương pháp định giá bất động sản ở các tình huống khác nhau. Am hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến cung và cầu trên thị trường bất động sản. Am hiểu vai trò của nhà nước và cách thức quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản.	3	5	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Thảo luận tình huống tại lớp Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Đầu tư công	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về đầu tư công trong nền kinh tế thi trường, làm nền tảng nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành.	3	5	1. Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết (36/45 tiết); Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao;Có tài liệu học tập và thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp 2.Làm bài viết tự luận: dạng câu hỏi lý thuyết hoặc bài tập (60 phút). Hinh thức: Làm cá nhân. 3. Làm bài viết tự luận: dạng tiểu luận theo chủ đề. Hình thức: Làm nhóm. 4. Thi kết thúc học phần: Thi viết tự luận
3	Marketing ngân hàng	Học phần "Marketing ngân hàng" tập trung vào cách tiếp cận tổng thể của hoạt động marketing và đặc biệt đi sâu vào lĩnh vực chuyên ngành – marketing ngân hàng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và kỹ năng quản lý hoạt động marketing hiệu quả.	3	5	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Thuyết trình, báo cáo nhóm -Chuyên đề nghiên cứu -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
4	Tài chính quốc tế	Học phần Tài chính quốc tế thuộc khối kiến thức chuyên ngành tài chính. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức như: thị trường tài chính quốc tế; các can thiệp của chính phủ đối với thị trường hối đoái; chu chuyển vốn quốc tế; kinh doanh chênh lệch giá; những học thuyết kinh tế, mối quan hệ của các biến số lạm phát, tỷ giá, lãi suất; khủng hoảng tài chính quốc tế.	3	5	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
3.2.3. Nhóm tự chọn 2 (chọn ít nhất 3 TC)		.	3		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kế toán ngân hàng	Học phần kế toán ngân hàng cung cấp kiến thức và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại các tổ chức tín dụng đang hoạt động ở Việt Nam. Khi nghiên cứu học phần này, đối với sinh viên sẽ hiểu rõ việc phản ánh, theo dõi sự biến động của Tài sản Nợ - Tài sản Có trong ngân hàng, cũng như xác định được kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng để có thể tự thực hiện kế toán những nghiệp vụ kế toán xảy ra tại ngân hàng sau khi tốt nghiệp. Đối với người quản trị ngân hàng có thể đọc và hiểu được nội dung báo cáo tài chính của ngân hàng, nắm rõ tình hình hoạt động và đưa ra chiến lược điều hành phù hợp. Đối với nhà đầu tư, sẽ giúp họ hiểu được nội dung cũng như phân tích được số liệu trên báo cáo tài chính của ngân hàng, từ đó ra quyết định đầu tư đúng đắn.	3	6	Hỏi đáp Đánh giá khả năng xử lý nghiệp vụ và đặt tình huống giả định. Kiểm tra tốc độ xử lý nghiệp vụ Thi tự luận
2	Đầu tư tài chính	Hiểu cơ bản về các lý thuyết trong đầu tư. Sử dụng được đồ thị giá để phân tích và lựa chọn thời điểm mua hoặc bán phù hợp mục tiêu đề ra. Thực hiện phân tích công ty để lựa chọn cổ phiếu thích hợp trong danh mục đầu tư. Thuần thục việc tính toán tỷ suất sinh lợi và rủi ro của danh mục đầu tư.	3	6	HĐ 9.1 và 9.4 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng số tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các chương 9.4.1: Phát biểu trong giờ học 9.4.2: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Thuyết trình nhóm (15%) HĐ 9.3 Kiểm tra cá nhân (15%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					HĐ9.5 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
3	Lập mô hình tài chính	Học phần lập mô hình tài chính cung cấp kiến thức tính toán các chỉ số tài chính, dự báo, định giá tài sản tài chính bằng công cụ excel. Giúp người học hình thành năng lực thiết kế bảng tính để tính các chỉ số nhanh và chính xác; hỗ trợ việc quản lý và tư vấn tài chính hiệu quả; xác định được cơ sở thực hiện đầu tư trên thị trường vốn, tiền tệ và hàng hóa.	3	6	Thực hành lập mô hình tính toán trong quản lý tài chính
4	Tài chính doanh nghiệp 2	- Mô tả các lý thuyết về cấu trúc vốn -Trình bày lại cách lập kế hoạch tài chính ngắn và dài hạn. - Mô tả lại khái niệm thị trường hiệu quả và các bài học của thị trường hiệu quả, nhằm ứng dụng trong việc đầu tư tài chính. -Vận dụng kiến thức để ra quyết định trong việc lựa chọn hình thức mua hay thuê tài sản của doanh nghiệp. - Tự thực hiện việc tư vấn chiến lược tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển của công ty.	3	6	HĐ 9.1 và 9.4 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng số tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các chương 9.4.1: Phát biểu trong giờ học 9.4.2: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Thuyết trình nhóm (15%) HĐ 9.3 Kiểm tra cá nhân (15%) HĐ9.5 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
5	Tài chính công	Chính phủ đối với phân phối thu nhập, giải quyết các thất bại thị trường, cung cấp hàng hóa công cộng. Quản lý của Chính phủ trong vấn đề khu vực công. Giải thích được nguyên nhân cũng như cách thức quản lý nợ công và chi tiêu công Giải thích được vai trò điều tiết của chính	3	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phủ trong hoạt động tài chính. Trình bày được cách quản lý hoạt động thu – chi của khu vực công. Phân tích được sự tác động qua lại giữa khâu tài chính Công - Doanh nghiệp.			
6	Tài chính phát triển	Học phần Tài chính phát triển cung cấp kiến thức tổng quan đến chi tiết về hệ thống tài chính và các định chế tài chính trong mối quan hệ với các vấn đề phát triển và quản lý kinh tế. Đồng thời, môn học tạo cơ hội cho người học nâng cao tư duy suy xét logic các thông tin thu thập được để tự hình thành kỹ năng và thực tiễn cá nhân. Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính và phát triển kinh tế.	3	6	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Thuyết trình, báo cáo nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
3.2.4. Nhóm tự chọn 4 (chọn ít nhất 3 TC)		.	3		
1	Lý thuyết bảo hiểm	Cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về bảo hiểm như những khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của Bảo hiểm Việt Nam và thế giới..quan trọng là vấn đề quản trị rủi ro và những phương thức xử lý rủi ro; Những nguyên tắc và kỹ thuật của bảo hiểm, sự cần thiết khách quan có sự can thiệp của Nhà nước vào lĩnh vực bảo hiểm, cũng như hệ thống các văn bản pháp quy trong lĩnh vực bảo hiểm; Những vấn đề cơ bản của một hợp đồng	3	7	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo hiểm như điều kiện hình thành, trách nhiệm và quyền lợi, những quy định của pháp luật trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng bảo hiểm …là những vấn đề rất có ý nghĩa với những cá nhân và tổ chức sử dụng dịch vụ bảo hiểm. Ngoài những kiến thức cơ bản thì người học còn được tiếp cận hệ thống bảo hiểm trong nước, đặc điểm và nguyên tắc của một số sản phẩm tiêu biểu.			
2	Tài chính hành vi	Trình bày được đặc điểm của các loại chứng khoán trên thị trường. Lựa chọn và sử dụng đúng các lệnh giao dịch trên thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ. Cũng như những công cụ sử dụng để phòng ngừa rủi ro giảm giá tài sản tài chính. Lựa chọn được chứng khoán để đầu tư sinh lời Kiến thức về các hiện tượng trong thị trường tài chính và các hành vi của các chủ thể trong thị trường tài chính Hiểu được những hiện tượng bất thường trong thị trường tài chính, từ đó đánh giá được tâm lý của các nhà đầu tư tài chính.	3	7	
3	Quản trị thương hiệu	SV hiểu rõ kiến thức về thương hiệu, tiếp thị bán hàng, có thể vận dụng được các kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu để lý giải được nội dung và ý nghĩa của chiến lược thương hiệu, cũng như việc lựa chọn chiến lược phù hợp để	3	7	HĐ#1: Điểm tham gia và thảo luận trên lớp 10 %, HĐ#2: Điểm cá nhân Portfolio (sưu tầm tư liệu) 20%, HĐ#3: Điểm nhóm (vận dụng) 20%, HĐ#4: Tiểu luận kết thúc môn 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xây dựng thương hiệu cho DN. SV thao tác được các công cụ phân tích môi trường Marketing, tổng hợp những hiện tượng, sự kiện marketing, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến hệ thống nhận diện thương hiệu. Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích được nội dung và nắm vững các thao tác khi xây dựng chiến lược thương hiệu, cũng như việc lựa chọn được các phối thức Marketing phù hợp cho từng sản phẩm hay từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, thành thạo và hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị và xây dựng thương hiệu. Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm.SV có khả năng tự tìm hiểu và đánh giá các hiện tượng kinh tế, các sự kiện Marketing liên quan đến thương hiệu. Sưu tầm và tiếp nhận tài liệu theo hệ thống của hoạt động xây dựng thương hiệu trong doanh nghiệp, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu.			
4	Tài chính công ty đa quốc gia	- Mô tả được lịch sử hình thành, phát triển và các đặc trưng của tài chính công ty đa quốc gia (viết tắc: MNC) và thị trường tài chính.	3	7	HĐ 9.1 và 9.4 Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) 9.1.1: Số tiết tham dự/tổng số tiết 9.1.2: Có bảng sơ đồ tư duy tóm tắt các

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trình bày đặc điểm của từng nguồn tài trợ ngắn hạn, khả năng hoạch định ngân sách vốn đầu tư quốc tế, xác định cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn quốc tế. - Nêu được cách thức xác định lãi suất tài trợ có hiệu lực, chi phí tài trợ dài hạn khi tài trợ bằng danh mục tổng hợp nhiều loại ngoại tệ, cách quản lý tổn thất giao dịch khoản phải thu và phải trả của MNC. - Trình bày được sơ cở phân tích, đánh giá hoạt động của mô hình MNC trong thực tế.			chương 9.4.1: Phát biểu trong giờ học 9.4.2: Số bài tập được làm/số bài tập giao HĐ 9.2 Thuyết trình nhóm (15 HĐ9.5 Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
5	Quản trị ngân hàng thương mại	Quản trị ngân hàng thương mại, là một lĩnh vực vừa mang tính học thuật, vừa mang tính thực hành và vừa là nghệ thuật quản lý. Với các nội dung phong phú, đi từ vấn đề tổng quan, đến các nội dung cụ thể trong quản trị ngân hàng thương mại sẽ giúp người học tiếp cận các nội dung quản trị ngân hàng thương mại, nắm bắt nội dung, phương pháp quản trị nhằm đạt hiệu quả tối ưu. Kiến thức quản trị ngân hàng thương mại không những cần được trang bị cho sinh viên mà còn luôn cần thiết cho cán bộ ngân hàng ở mọi vị trí nhằm cải thiện và phát triển hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.	3	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
IV. Kiến thức bổ trợ		**.**	**12**		
1	Quản trị bán hàng	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt	3	5	- Đánh giá chuyên cần - Tiểu luận nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động bán hàng và Quản trị bán hàng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Ngoài ra, người học còn có khả năng phân tích các nội dung cơ bản của hoạt động quản trị bán hàng. Nắm được các kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý bán hàng xuất sắc. Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.			- Kiểm tra giữa kỳ - Thi kết thúc học phần
2	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử dụng các công cụ tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình. Giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu;	3	7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày #HĐ 9.1: chương 2 (báo cáo Thị trường - Khách hàng) #HĐ 9.2: chương 4 (báo cáo Kế hoạch Marketing) #HĐ 9.3: chương 5 (báo cáo Kế hoạch sản xuất) #HĐ 9.4: chương 6 (báo cáo Kế hoạch nhân sự) #HĐ 9.5: chương 7 (báo cáo Kế hoạch tài chính) 2. Điểm Tiểu luận (50%): #HĐ 9.6: thực hiện viết bản đề án kinh doanh hoàn chỉnh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có tinh thần, tác phong làm việc chuyên nghiệp; khả năng tích cực học hỏi.			
3	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tự xây dựng được bộ hồ sơ ứng tuyển, tự tin khi tham gia phỏng vấn; hình thành những kỹ năng làm việc thiết yếu tại doanh nghiệp, tạo tiền đề làm việc hiệu quả; hòa nhập dễ dàng với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả và tự tin với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng.	3	6	1. Điểm chuyên cần: 10% 2. Điểm Hồ sơ ứng tuyển: 10% 3. Điểm Phỏng vấn thử: 15% 4. Điểm Hoạt động nhóm: 15% 5. Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm: 50%
4	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	Học phần cung cấp những kiến thức ngoại ngữ cơ bản về ngành Tài chính - Ngân hàng liên quan đến những vấn đề liên quan về tiền tệ, những sản phẩm của ngân hàng bán lẻ, tín dụng cá nhân, cấu trúc ngân hàng và tài chính công ty. Học phần giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ tài chính cơ bản, mô tả được các dạng tổ chức tài chính, lý giải được cách thức hoạt động của ngân hàng đầu tư, hiểu được nhu cầu của các loại khách hàng và cho lời khuyên; mô tả được công việc, trách nhiệm, nghĩa vụ trong những phòng ban, giải thích được các cấp bậc trong ngân hàng. Hiểu được các thông tin trên bảng báo cáo thu nhập. Sinh viên có thể đọc, viết và sử dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng để vận dụng vào hoạt động giao tiếp cũng như đọc hiểu	3	7	-Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Thuyết trình nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các tài liệu và thông tin tài chính, ngân hàng cơ bản bằng tiếng Anh.			
V. Thực hành thực tập nghề nghiệp		**.**	**8**		
	Thực tập tốt nghiệp	Tổng hợp tất cả kiến thức, kỹ năng của khóa học để thực tập xử lý vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập	8	8	- Đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại cơ sở thực tập (đơn vị thực tập đánh giá) - Đánh giá khả năng trình bày báo cáo kết quả khoa học trong giai đoạn thực tập (Khoa đánh giá) Điểm học phần thực tập tốt nghiệp được tính như sau: Điểm TTTN = (K1x0,7) + (K2 x 0,3) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm điểm quá trình TTTN của sinh viên Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên

29. Ngành Kế toán (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1		3	2	
2	Tiếng Anh 2		2	3	
3	Triết học Mác - Lênin		3	1	
4	Nhập môn nghề nghiệp	Sinh viên hiểu biết về lịch sử, vị thế, sứ mệnh của Trường, Khoa Kinh tế;	1	1	Điểm chuyên cần (20%) Kiểm tra cá nhân (30%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu biết về ngành học Kế toán và nhu cầu của xã hội về ngành học này. Sinh viên cũng nắm vứng được chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của ngành kế toán từ đó lập kế hoạch học tập cho toàn khóa học đạt hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn được biết đến những hoạt động ngoài học tập để bản thân cố gắng phấn đấu như NCKH, công tác xã hội, tham gia các câu lạc bộ…			Bài tập lớn (50%)
5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	
6	Pháp luật Việt Nam đại cương		2	3	
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	3	
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	4	
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	4	
10	Tâm lý học đại cương		2	1	
11	Tiếng việt thực hành		2	1	
12	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm		2	1	
13	Xã hội học đại cương		2	2	
14	Lịch sử các học thuyết kinh tế		2	2	
15	Kinh tế vi mô	Giúp sinh viên nắm vững được những kiến thức kinh tế ở cấp độ vi mô; cơ sở của việc ra quyết định của các cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn lực có hạn của họ trên thị trường hàng hoá - dịch vụ; phân tích được hành	3	1	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích tình hình kinh tế ở cấp độ vi mô để giải thích những hiện tượng kinh tế, từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp hay chính bản thân trong thực tế. Giúp sinh viên rèn luyện tính nghiêm túc, tích cực trong học tập và tự nghiên cứu, có thái độ nghiêm túc trong việc đưa ra chính kiến và bảo vệ quan điểm của mình.			15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
16	Luật kinh tế	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong thành lập, vận hành, điều hành hoạt động của một doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế; Hiểu biết và nắm được các cơ sở pháp lý trong đàm phản, thương thảo, thực hiện các hợp đồng thương mại. Làm rõ các quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	2	2	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Tích cực phát biểu ý kiến 2.Điểm thảo luận nhóm (20%): Mức độ giải quyết vấn đề mà GV đặt ra. 3. Điểm Báo cáo nhóm (20%): Thuyết trình từng phần trong Luật Kinh tế 4. Điểm Thi kết thúc (50%): Tự luận
17	Kinh tế vĩ mô	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vĩ mô, bao gồm các nội dung liên quan đến cách tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng của nền kinh tế. Học phần còn cung cấp cho sinh viên	3	2	1.Điểm Chuyên cần (10%): Đi học đầy đủ; Có thực hiện các bài tập về nhà sau mỗi nội dung 2.Điểm Kiểm tra (20%): Kiểm tra thường xuyên (Hình thức: Trắc nghiệm, Thời gian:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các kiến thức kinh tế cơ bản để phân tích, đánh giá sự biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn cũng như am hiểu được định hướng phát triển chung của kinh tế vùng và nền kinh tế quốc gia.			15 phút); Kiểm tra giữa kỳ (Hình thức: Tự luận, Thời gian: 50 phút). 3. Điểm Bài tập (10%): Lên bảng sửa bài tập (SV xung phong hoặc GV gọi ngẫu nhiên để tính điểm cộng); SV làm cá nhân các bài tập về nhà mà GV yêu cầu 4. Điểm Tiểu luận (10%): Nhóm: từ 3 đến 5 SV. Nội dung: chủ đề SV tự chọn và được GV đồng ý. Cách thức: SV viết mô tả về chủ đề, có dẫn chứng và minh họa số liệu thực tế. 5. Điểm Thi kết thúc (50%): Hình thức: Tự luận.; Thời gian: 90 phút.
18	Quản lý Nhà nướcvề kinh tế	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.	2	3	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
19	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu kinh tế.	2	4	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Thực hiện viết báo cáo nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
20	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Giúp người học xác định được các nhân tố tác động đến lãi suất, thị trường tài chính, hệ thống tài chính, tỷ giá hối đoái,	3	3	Chuyên cần: Tích cực đóng góp, xây dựng bài Thuyết trình, báo cáo nhóm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động phân bổ tài chính để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tận dụng khâu tài chính trung gian để hỗ trợ trong việc mua bán, tăng vốn kinh doanh. Kiến thức trong học phần sẽ giúp người học hiểu và có thể nhận định về những biện pháp ngăn chặn sự khủng hoảng tài chính hoặc giảm bớt mức thiệt hại do chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng tài chính trong khu vực cũng như trên thế giới.			Làm bài kiểm tra viết Viết tiểu luận
21	Nguyên lý kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng được tính chất, kết cấu của các tài khoản tài sản, tài sản nguồn vốn, tài khoản chi phí và tài khoản kết quả kinh doanh, sử dụng bảng hệ thống kế, áp dụng các phương pháp tính giá hàng tồn kho, tài sản cố định để thực hiện định khoản các nghiệp vụ của kế toán cũng như kiến thức nền tảng phục vụ cho các môn học liên quan đến kế toán.	3	3	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết), hoàn thành các bài tập về nhà Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
22	Quản trị học	Giúp người học nhận thức rõ tác hại của khủng hoảng tài chính và nêu được những biện pháp giảm bớt thiệt hại; Nhận thức được tầm quan trọng của sự cân đối Ngân sách Nhà nước; Nhận thức được sự cần thiết trong quản lý tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, tài chính công, tài chính trung gian; Có thái độ trung thực, nhạy bén, khách quan trong việc phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động tài	3	1	Chuyên cần: Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên - Báo cáo nhóm - Làm bài kiểm tra cá nhân - Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính của cá nhân cũng như của tổ chức (bao gồm tổ chức kinh tế/chính trị/ xã hội).			
23	Marketing căn bản	Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu.	3	2	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Tham gia Báo cáo chủ đề được giao Thảo luận tình huống trên lớp Tham gia bài kiểm tra cá nhân Thực hiện viết kế hoạch Marketing cho một sản phẩm cụ thể Tham gia thi kết thúc học phần
24	Toán kinh tế	Có kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính; giải tích toán học. Vận dụng những kiến thức toán học vào trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Vận dụng một số phương pháp tối ưu để phân tích các mô hình tối ưu với các đối tượng kinh tế khác nhau, tìm được lời giải cho các bài toán này trong điều kiện có một hay nhiều tác động, từ đó ra quyết định trong kinh tế.	3	3	1. Đánh giá chuyên cần (10%): Tham dự từ 80% số tiết trở lên 2. Kiểm tra thường xuyên (10%): Các kiến thức đã học ở các tiết trước 3. Bài tập cá nhân (10%):- Làm bài tập đầy đủ: 8 điểm, các mức còn lại do GV quyết định tùy thuộc vào số lượng bài tập SV làm); Mỗi lần lên bảng: 0,5 điểm (tối đa 2 điểm) 4. Kiểm tra giữa kì (20%): Kiểm tra (1 tiết): Tự luận; Kiến thức: Chương 1, 2, 3 5.Thi kết thúc học phần (50%): Thi viết (90 phút): tự luận; Kiến thức: Có thể thi bất cứ chương nào có trong đề cương
25	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu các kiến thức về phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê suy luận, phương pháp chỉ số. Vận dụng được phương pháp thống kê suy luận để phân tích đặc trưng của tổng thể và xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu thống kê, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.	3	3	"1. Đánh giá chuyên cần (10%): Tham dự từ 80% số tiết trở lên 2. Kiểm tra thường xuyên (10%): Các kiến thức đã học ở các tiết trước 3. Bài tập cá nhân (10%):- Làm bài tập đầy đủ: 8 điểm, các mức còn lại do GV quyết định tùy thuộc vào số lượng bài tập SV

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					làm); Mỗi lần lên bảng: 0,5 điểm (tối đa 2 điểm) 4. Kiểm tra giữa kì (20%): Kiểm tra (1 tiết): Tự luận; Kiến thức: Chương 1, 2, 3, 4, 5 5.Thi kết thúc học phần (50%): Thi viết (90 phút): tự luận; Kiến thức: Có thể thi bất cứ chương nào có trong đề cương
26	Kinh tế lượng	Thiết lập được mô hình hồi quy tuyến tính biểu diễn mối quan hệ giữa các biến số kinh tế. Phân tích được ý nghĩa từ kết quả mô hình đã chọn lựa, từ đó xây dựng các giải pháp và chính sách cho vấn đề đang nghiên cứu. Xác định được nguyên nhân và xử lý tốt một vài sai số chính trong quá trình xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính như hiện tượng tự tương quan, đa cộng tuyến, phương sai sai số thay đổi.	3	4	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần
27	Kinh tế quốc tế	Tính toán được các chỉ tiêu mô tả các đặc trưng của hiện tượng kinh tế- xã hội, các chỉ tiêu nhằm phân tích các đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, các chỉ số thống kê. Thiết lập được hệ thống chỉ số nhằm phân tích sự biến động trong mối liên hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế.	3	4	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần
28	Thanh toán quốc tế	Học phần Thanh toán quốc tế góp phần hình thành cho sinh viên năng lực thực hiện đúng các quy trình thanh toán quốc tế trong ngân hàng, đảm trách được các hoạt	3	4	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Thảo luận nhóm và báo cáo nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Làm tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động thanh toán trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.			
29	Kinh tế phát triển	Có khả năng tự học và tìm tòi nghiên cứu. Làm chủ được kiến thức vận dụng trong nghiên cứu khoa học cũng như vào công việc thực tế.	3	4	Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên Hoàn thành các bài tập được giao về nhà Hoàn thành bài tập nhóm Tham gia bài kiểm tra cá nhân Tham gia thi kết thúc học phần
30	Luật kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể vận dụng những quy định của pháp luật về kế toán và những quy định đối với người làm kế toán để áp dụng trong thực tế doanh nghiệp	1	4	Tham dự đầy đủ các buổi học (vắng không quá 20%) Tham dự đầy đủ bài kiểm tra nhóm Tham dự viết bài tiểu luận kết thúc môn học
31	Kế toán tài chính 1	Kết thúc học phần người học có thể hiểu sâu kiến thức về kế toán các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp như khái niệm, đặc điểm tài khoản, cấu trúc tài khoản, tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết, nghiệp vụ phát sinh và cách hạch toán tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết. Mối quan hệ giữa các đối tượng của kế toán trong doanh nghiệp. Từ việc nắm rõ về bản chất của từng đối tượng người học sẽ tư duy và vận dụng được vào việc hạch toán nghiệp vụ tránh lối học thuộc, học vẹt mà không hiểu bản chất đề.	3	4	Điểm chuyên cần (10%) Kiểm tra cá nhân (20%) Kiểm tra cá nhân (20%) Điểm thi cuối kỳ (50%)
32	Kế toán chi phí	Hiểu những đặc điểm cơ bản về hoạt động và quy trình vận động chi phí trong doanh nghiệp sản xuất, hiểu được mục đích và chức năng của kế toán chi phí. Phân loại được các loại chi phí và giá thành sản phẩm. Vận dụng những lý luận	3	5	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (15%) Bài tập nhóm (15%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (15%) Thi cuối học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế, theo chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính và theo chi phí định mức.			
33	Kế toán tài chính 2	Cung cấp kiến thức về các nội dung kế toán của giai đoạn sản xuất ra sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm. Kết thúc học phần này, sinh viên sẽ nắm được toàn bộ quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ các yếu tố đầu vào cho đến tiêu thụ được sản phẩm và tính được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	3	5	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm (15%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (20%) Thi cuối học phần (50%)
34	Kế toán quản trị 1	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị, xác định được phương án kinh doanh, lập được dự toán hoạt động kinh doanh, phân tích biến động tăng giảm của chi phí để từ đó có phương án tiết kiệm chi phí, cũng như tiền đề để học Kế toán quản trị 2.	3	5	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
35	Kế toán ngân hàng	Học phần kế toán ngân hàng cung cấp kiến thức và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại các tổ chức tín dụng đang hoạt động ở Việt Nam. Khi nghiên cứu học phần này, đối với sinh viên sẽ hiểu rõ việc phản ánh, theo dõi sự biến động của Tài sản Nợ - Tài sản Có trong ngân hàng, cũng như xác định được kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng để có thể tự thực hiện kế toán những	3	5	Hỏi đáp Đánh giá khả năng xử lý nghiệp vụ và đặt tình huống giả định. Kiểm tra tốc độ xử lý nghiệp vụ Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp vụ kế toán xảy ra tại ngân hàng sau khi tốt nghiệp.			
		Đối với người quản trị ngân hàng có thể đọc và hiểu được nội dung báo cáo tài chính của ngân hàng, nắm rõ tình hình hoạt động và đưa ra chiến lược điều hành phù hợp. Đối với nhà đầu tư, sẽ giúp họ hiểu được nội dung cũng như phân tích được số liệu trên báo cáo tài chính của ngân hàng, từ đó ra quyết định đầu tư đúng đắn.			
36	Kế toán quản trị 2	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể xác định giá bán trong các loại hình doanh nghiệp, tư vấn cho nhà quản trị ra quyết định trong đầu tư ngắn hạn cũng như dài hạn, phân tích một số báo cáo kế toán quản trị chủ yếu.	3	6	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
37	Hệ thống thông tin kế toán	Cung cấp các khái niệm, chức năng hệ thống thông tin kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán, nội dung của tổ chức thực hiện hệ thống thông tin kế toán. Bên cạnh đó, học phần còn trình bày cách sử dụng sơ đồ và lưu đồ để mô tả hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời, học phần này cung cấp đầy đủ và toàn diện các hoạt động xử lý kế toán của doanh nghiệp dưới dạng các chu trình kinh doanh như chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình	3	6	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (20%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (15%) Thi cuối học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sản xuất, chu trình nhân sự và chu trình tài chính.			
38	Kiểm toán 1	Giúp người học trình bày được các đặc điểm về bản chất, chức năng, vai trò của kiểm toán và lịch sử phát triển của kiểm toán, các cách phân loại kiểm toán.	3	6	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)
39	Phân tích báo cáo tài chính	Cung cấp cho sinh viên Kiến thức về các công cụ và phương pháp phân Tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.	3	7	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Tiểu luận nhóm phân tích báo cáo tài chính công ty (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
40	Thuế	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về những quy định của pháp luật về lĩnh vực thuế Hình thành kỹ năng vận dụng nhưng quy định của pháp luật về thuế để hiểu các vấn đề thuế phát sinh trong cuộc sống và đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.	3	5	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Thuyết trình và xây dựng tình huống thuế (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
41	Lý thuyết bảo hiểm	Giúp sinh viên có được kỹ năng đọc hiểu và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.	3	4	Tham dự đầy đủ các buổi học(không được vắng quá 20% số tiết) Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần
42	Quản trị tài chính	Giúp người học trình bày được các phương pháp sử dụng trong kiểm toán và vận dụng nó để phát hiện và sữa chữa sai phạm.	3	4	Tham dự đầy đủ các buổi học Làm bài tập nhóm Tham gia đủ các bài kiểm tra cá nhân, kiểm tra đột xuất và kiểm tra nhóm Tham dự kỳ thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Hành vi tổ chức	Giúp cho người học hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và bên ngoài, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vấn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Tham gia học phần người học rèn luyện được các kỹ năng cơ bản như nhận diện vấn đề, giải quyết tình huống, kỹ năng giao tiếp cá nhân và nhóm, các kỹ năng thuyết trình. Học phần giúp cho người học sau khi trở thành nhà quản trị sẽ biết cách tuyển chọn, bố trí đúng người, đúng việc, phát huy năng lực của các thành viên. Mỗi cá nhân sau khi kết thúc học phần sẽ có nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Có mối quan hệ tốt với mọi người xung quanh, biết cách giải quyết các xung đột trong học tập và đời sống. Người học có khả năng tự chủ và tự bảo về quan điểm bản thân trên cơ sở rèn luyện các kiến thức trong học phần.	3	4	Chuyên cần (10%) Báo cáo nhóm (10%): Kiến thức tổng hợp của từng chương. Kiểm tra giữa kỳ (20%): Kiến thức tổng hợp của các chương 1,2,3 4 Bài khảo sát nhóm (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 8, 9. Thi kết thúc học phần (50%): Kiến thức tổng hợp của các chương
44	Giao tiếp kinh doanh	Giúp người học được trang bị các kiến thức cơ bản về giao tiếp và các kiến thức về giao tiếp trong kinh doanh; Người học hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức về giao tiếp, từ đó rèn luyện cho mình các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong hoạt	3	4	Chuyên cần (10)% Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức lý thuyết tổng hợp của các chương 1, 2 và Báo cáo nhóm lần 1 (10%): Kiến thức tổng hợp của các chương 5, 6 và 7 Thực hiện bài tập tình huống (20%): Kiến thức tổng hợp của chương 8

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao vị thế bản thân và đạt hiệu quả trong công việc. Hình thành thái độ tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, biết đinh hướng hoạt động và có khả năng bảo vệ quan điểm bản thân; Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương tình đào tạo các ngành kinh tế.			Thi kết thúc học phần: sinh viên báo cáo cá nhân và vấn đáp trực tiếp. Tổ chức đánh giá ngay sau khi kết thúc học phần, không thi theo lịch thi chung của Trường
45	Tài chính doanh nghiệp 1	Quản lý được hàng tồn kho, tiền mặt, chính sách tín dụng phù hợp cho từng doanh nghiệp, từng hoàn cảnh khác nhau của doanh nghiệp. Mô tả được cách thức huy động vốn và lập cấu trúc vốn tối ưu cho Doanh nghiệp. Trình bày được các loại rủi ro cơ bản của doanh nghiệp. Hiểu được nguyên nhân gây ra rủi ro kinh doanh, tài chính và biện pháp để quản lý rủi ro. Lựa chọn các hình thức và chính sách chi trả cổ tức phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.	3	5	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
46	Tài chính quốc tế	Mô tả các quy luật kinh tế, tác động qua lại của các biến số kinh tế vĩ mô, các học thuyết kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giải thích các tác động của Chính phủ trong chính sách tỷ giá và hoạt động tài chính. Mô tả được thị trường tiền tệ châu Âu, hệ thống tiền tệ quốc tế và các học thuyết về	3	5	Điểm chuyên cần Điểm bài tập Báo cáo nhóm Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lãi suất, lạm phát. Dự báo biến động trong tài chính quốc tế và tỷ giá.			
47	Định giá tài sản	Đánh giá mức độ tín nhiệm và định giá tài sản Sử dụng được những phương pháp khác nhau ứng với từng tài sản khác nhau để có một phương pháp thẩm định phù hợp	3	5	Điểm chuyên cần Điểm bài tập Báo cáo nhóm Thi kết thúc học phần
48	Kỹ thuật đàm phán	Sau khi tham gia học tập người học được trang bị những kiến thức nền tảng về đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp người học có nắm vững nội dung và quy trình thực hiện các bước đàm phán một cách hiệu quả. Ngoài ra, người học còn có khả năng cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc,...Bên cạnh đó, việc tham gia học phần còn giúp người học rèn luyện tinh thần ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm thông tin và tự nghiên cứu.	3	5	Đánh giá Chuyên cầnbáo cáo nhóm kiểm tra giữa kỳ Thi kết thúc học phần
49	Kế toán tài chính 3	Cung cấp kiến thức về kế toán trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất nông nghiệp, xây lắp và dịch vụ	3	6	Điểm chuyên cần theo từng chương Điểm kiểm tra theo từng chương Thi kết thúc học phần
50	Tài chính công	Chính phủ đối với phân phối thu nhập, giải quyết các thất bại thị trường, cung cấp hàng hóa công cộng. Quản lý của Chính phủ trong vấn đề khu vực công. Giải thích được nguyên nhân cũng như cách thức quản lý nợ công và chi tiêu công	3	6	Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giải thích được vai trò điều tiết của chính phủ trong hoạt động tài chính. Trình bày được cách quản lý hoạt động thu – chi của khu vực công. Phân tích được sự tác động qua lại giữa khâu tài chính Công - Doanh nghiệp.			
51	Phân tích hoạt động kinh doanh	Xác định giá vốn và kết quả kinh doanh Lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số trong sản xuất kinh doanh.	3	6	Điểm chuyên cần Điểm bài tập Báo cáo nhóm Thi kết thúc học phần
52	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư, các nội dung và yêu cầu, phương pháp cần thiết khi phân tích và thẩm định dự án. Từ đó, hình thành nên năng lực phân tích và thẩm định dự án đầu tư cho người học.	3	6	Chuyên cần: Tham dự từ 80% số tiết trở lên -Bài tập nhóm -Làm bài kiểm tra viết -Thi kết thúc học phần
53	Kiểm toán 2	Giúp sinh viên trình bày được các quy trình kiểm toán các khoản mục cụ thể tại doanh nghiệp như:kiểm toán tiền, kiểm toán nợ phải thu, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán tài sản cố định, kiểm toán công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu, kiểm toán thu nhập và chi phí.	3	7	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)
54	Kế toán hành chính sự nghiệp	Giúp sinh viên có khả năng khái quát những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp Giúp sinh viên có khả năng quản lý và sử dụng các nguồn lực tại các đơn vị hành chính sự nghiệp. Vận dụng hạch toán các đối tượng kế toán cụ thể tại đơn vị hành chính sự nghiệp.	3	7	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Thị trường tài chính	Giúp người học hiểu rõ cơ chế vận hành, cách thức hoạt động, các tổ chức hoạt động và các sản phẩm trên thị trường tài chính. Giúp người học hiểu rõ bảng điện tử hoạt động, các lệnh và cách thức đặt lệnh trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam.	3	7	Điểm chuyên cần và làm bài tập (20%) Thuyết trình nhóm (15%) Kiểm tra cá nhân (15%) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Tự luận 90 phút)
56	Kế toán quốc tế	Qua học phần Kế toán quốc tế người học sẽ được hệ thống lại kiến thức kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và biết được kế toán theo chuẩn mực kế toán Mỹ. Từ đó, người học cũng có thể đưa ra những so sánh về sự tương đồng cũng như sự khác biệt rõ ràng giữa chuẩn mực kế toán việt Nam và kế toán quốc tế (Mỹ). Chính từ những sự so sánh ấy giúp cho việc đưa ra giải pháp hoàn thiện hơn về hệ thống kế toán Việt Nam để ngày càng kéo gần khoảng cách với hệ thống kế toán quốc tế.	3	7	Điểm chuyên cần (10%) Kiểm tra cá nhân (20%)(60 tự luận) Kiểm tra cá nhân (20%)(60 tự luận) Điểm thi cuối kỳ (50%)(Tự luận 90 phút)
57	Khởi nghiệp	Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc khởi nghiệp và nhận biết được những kỹ năng, tố chất cần có của một doanh nhân; những kiến thức cơ bản về đăng ký doanh nghiệp, nhân sự trong doanh nghiệp; hiểu được các nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, dự án kinh doanh; đồng thời biết cách phân tích thị trường, khách hàng; cách vận dụng công vụ marketing phù hợp với khách hàng mục tiêu; cách sử dụng các công cụ	3	7	1. Điểm kiểm tra thường kỳ (50%): thảo luận và trình bày. 2. Điểm Tiểu luận (50%): thực hiện viết bản đề án kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tài chính để phân tích tính khả thi của dự án kinh doanh. Giúp sinh viên phát triển một số kỹ năng về phân tích nghiên cứu vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo thuyết trình.			
58	Tiếng anh cho chuyên ngành kế toán	Sau khi học xong học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành kế toán. Người học có thể đọc, viết và sử dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh. Học phần góp phần giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành kinh tế.	3	6	Chuyên cần: Tham dự đủ từ 80% số tiết trở lên - Báo cáo nhóm - Làm bài kiểm tra cá nhân - Thi kết thúc học phần
59	Kế toán và khai báo thuế	Giúp người học trình bày được nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế tại doanh nghiệp. Giúp người học nắm vững các bước chuẩn bị để có thể lập báo cáo thuế theo quy định. Vận dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán thuế khi luật thuế thay đổi. Sinh viên thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với người nộp thuế khi đăng ký, kê khai, điều chỉnh, hoàn thuế và quyết toán thuế	3	7	Chuyên cần (5%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (10%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (25%) Thi cuối học phần (50%)
60	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tự xây dựng được bộ hồ sơ ứng tuyển, tự tin khi tham gia phỏng vấn; hình thành những kỹ năng làm việc thiết yếu tại doanh	3	6	Điểm chuyên cần: 10% Điểm Hồ sơ ứng tuyển: 10% Điểm Phỏng vấn thử: 15% Điểm Hoạt động nhóm: 15%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp, tạo tiền đề làm việc hiệu quả; hòa nhập dễ dàng với văn hóa doanh nghiệp, nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả và tự tin với cấp trên, đồng nghiệp và khách hàng.			Báo cáo cá nhân và giải quyết tình huống nhóm: 50%
61	Thực hành kế toán ảo	Giúp sinh viên trình bày được cách cài đặt phần mềm và thiết lập cơ sở dữ liệu kế toán.	3	7	Chuyên cần (10%) Bài tập cá nhân (10%) Bài tập nhóm, thuyết trình (15%) Kiểm tra thường kỳ cá nhân (15%) Thi cuối học phần (50%)
62	Tổ chức thực hiện công tác kế toán	Kết thúc học phần người học có thể thực hiện tổ chức công tác kế toán của một Doanh nghiệp từ khâu tổ chức bộ máy, tổ chức chứng từ, lựa chọn hình thức kế toán và áp dụng bộ sổ kế toán phù hợp với loại hình doanh nghiệp. Từ số liệu thực tế người học có thể ghi sổ, kết sổ và lập báo cáo tài chính cuối kỳ kế toán.	3	7	Điểm chuyên cần (10%) Bài kiểm tra nhóm (20%) (90 phút, tự luận trên lớp) Kiểm tra cá nhân(20%) (90 phút thực hành trên máy tính) Điểm thi cuối kỳ (50%) (Thời gian 90 phút, thực hành trên máy tính)
63	Thực tập tốt nghiệp	Qua học phần này giúp Sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị, là cơ hội để sinh viên vận dụng những kiến thức có được vào thực tiễn, đồng thời cũng là cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.	8	8	- Đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại cơ sở thực tập (đơn vị thực tập đánh giá) - Đánh giá khả năng trình bày báo cáo kết quả khoa học trong giai đoạn thực tập (Khoa đánh giá) Điểm học phần thực tập tốt nghiệp được tính như sau: Điểm TTTN = (K1x0,7) + (K2 x 0,3) Trong đó: Điểm quá trình thực tập (K1): các bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập có nhiệm vụ chấm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					điểm quá trình TTTN của sinh viên Điểm báo cáo TTTN (K2): do bộ môn phân công giảng viên chấm báo cáo TTTN của sinh viên

30. Ngành Khoa học môi trường (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa phân tích	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích định tính và định lượng, nhằm giúp sinh viên có kiến thức ban đầu về các phương pháp phân tích, có thể tự phân tích được một số chỉ tiêu về môi trường đất, môi trường nước	2	2	TL
2	Cơ sở khoa học môi trường	- Trang bị cho người học các vấn đề cơ bản về khoa học môi trường, các mối liên hệ giữa sinh thái và môi trường. - Khái quát các yếu tố cấu thành và ảnh hưởng đối với môi trường, đặc biệt là môi trường đất nước và không khí cũng như mối quan hệ hữu cơ của ba thành phần môi trường này.	2	2	TL
3	Sinh thái học cơ bản	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sinh thái học như: các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến từng cá thể sinh vật, sinh thái học quần thể, quần xã, hệ sinh thái, các quy luật sinh thái và các vòng tuần hoàn sinh học giup sinh viên có những kiến thức cơ bản về môi trường sống từ đó có thể có những hướng bảo vệ môi trường một cách bền vững.	2	2	TL
4	Thực hành hóa học	- Học phần này củng cố kiến thức và rèn kỹ năng thực hành để học tốt các học phần tiếp theo như Hóa môi trường, Thực hành Hóa môi trường, Các phương pháp phân tích môi trường. Các kỹ năng, thao tác cơ bản có được trong học phần này rất cần thiết đối với một kỹ sư ngành Khoa học môi trường.	2	2	Thực hành
5	Bảo tồn đa dạng sinh học	Học phần bao gồm những nội dung về ĐDSH, sự suy thoái và bảo tồn ĐDSH trên thế giới và ở Việt Nam; một số phương pháp cơ bản giám sát và đánh giá ĐDSH.	2	3	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	TT. Bảo tồn đa dạng sinh học	Cung cấp những kiến thức thực tiễn về phương pháp lập kế hoạch giám sát và đánh giá đa dạng sinh học; khảo sát thực tế về đa dang sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở một khu bảo tồn.	1	3	Báo cáo
7	Hệ sinh thái nông nghiệp	Học phần cung cấp những nội dung về hệ sinh thái nông nghiệp như: khái niệm, cấu trúc và chức năng, sự vận động của hệ sinh thái nông nghiệp, sự đa dạng sinh học, điều khiển để có thể có một hệ sinh thái nông nghiệp bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu; thực hành khảo sát phân tích một hệ sinh thái nông nghiệp.	2	2	TL
8	Tài nguyên thiên nhiên	Môn học cung cấp các nội dung liên quan đến các loại tài nguyên thiên nhiên, vai trò, phân loại và đánh giá hiện trạng các loại tài nguyên thiên nhiên bao gồm tài nguyên nước ngọt, nước mặn, đất, rừng, năng lượng và tài nguyên khoáng sản.	2	3	TL
9	TT. Tài nguyên thiên nhiên	Môn học trang bị những kiến thức thực tế về: - Lập kế hoạch và lập phiếu khảo sát tài nguyên thiên nhiên. - Khảo sát thực địa, thu mẫu, nhận diện, so sánh, bảo quản và phân tích các mẫu sinh vật, mẫu đất, nước. Phân tích mối tương quan giữa các nguồn tài nguyên thiên nhiên với các yếu tố môi trường. - Khảo sát về tình trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và nhận định và có thể đề xuất biện pháp phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên.	1	4	Báo cáo
10	Hoá môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, đáp ứng yêu cầu làm quen với thông số môi trường và phương pháp phân tích. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức nền về chuyên ngành môi trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các môn học sau	2	3	TL
11	TT. Hoá môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thực hành phân tích các chỉ tiêu cơ bản, đáp ứng yêu cầu làm quen với thông số môi trường và phương pháp phân tích.	1	3	Thực hành
12	Luật và chính sách môi trường	Học phần cung cấp những kiến thức về luật và chính sách môi trường và các kỹ năng cũng như phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.	2	4	TL
13	Mô hình hoá trong QLMT	Cung cấp cho sinh viên ngành Khoa học Môi trường các khái niệm cơ bản về kỹ thuật và ứng dụng mô hình môi trường, mô tả các cấu trúc cơ bản khi xây dựng một mô hình; Người học có thể sử dụng một phần mềm mô phỏng được sử dụng phổ biến trong công tác quản lý môi trường.	2	4	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Vi sinh môi trường	Môn học cung cấp cho người học kiến thức về vi sinh vật môi trường bao gồm: thế giới vi sinh vật, quá trình phát triển vi sinh vật và các con đường chuyển hóa vật chất nhờ vi sinh vật. Ngoài ra, môn học làm rõ tầm quan trọng của vi sinh vật tự nhiên và trong thực tế, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của vi sinh vật trong việc làm sạch môi trường.	3	4	TL
15	Thống kê và phép thí nghiệm - MT	- Các phương pháp bố trí thí nghiệm, trình tự các bước khi tiến hành bố trí thí nghiệm. - Phương pháp lưu trữ và xử lý số liệu - Trình bày kết quả thống kê trên bảng và biểu đồ	2	4	Thực hành
16	Công nghệ môi trường	Cung cấp các phương pháp cơ bản trong việc xử lý nước cấp, nước thải, chất thải rắn, bụi và khí thải. Sinh viên tiến hành những nghiên cứu trong lĩnh vực xử lý chất thải, đồng thời giúp sinh viên có thể ứng dụng vào công việc thực tế sau này.	2	5	TL
17	Kinh tế môi trường	Môn học giúp người học có thể hiểu được các mối liên kết giữa hoạt động kinh tế - môi trường và ngược lại.	2	5	TL
18	Sinh vật chỉ thị môi trường	Giúp sinh viên nắm vững vai trò, cấu trúc và chức năng của sinh vật chỉ thị trong hệ sinh thái, môi trường chúng đang sống. Từ đó có biện pháp quản lý và lập kế hoạch sản xuất đạt năng suất cao, ổn định và bền vững, ứng dụng vào xử lý ô nhiễm môi trường.	2	5	TL
19	Thực hành sinh vật chỉ thị môi trường	Nắm vững phương pháp thu và phân tích mẫu ngoài thực địa để tìm ra sinh vật chỉ thị cho môi trường.	1	5	Thực hành
20	Quan trắc và đánh giá môi trường đất, nước và không khí	Trang bị cho sinh viên phương pháp xây dựng kế hoạch, chương trình quan trắc môi trường cho mục tiêu cụ thể; những nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát, đảm bảo chất lượng trong quan trắc môi trường và cách xử lý, đánh giá kết quả và viết báo cáo quan trắc môi trường.	2	5	TL
21	TH. Quan trắc và đánh giá môi trường đất, nước và không khí	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về lập kế hoạch quan trắc, phương pháp lấy mẫu, phương pháp phân tích và đánh giá chất lượng môi trường đất, nước, không khí và viết báo cáo đánh giá cho các chương trình quan trắc môi trường.	1	6	Thực hành
22	Quản lý môi trường	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý môi trường, tổ chức quản lý, công cụ đánh giá, phân tích, quy hoạch quản lý môi trường và các biện pháp quản lý môi trường ở Việt Nam và thế giới trên cơ sở phát triển bền vững.	2	6	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Độc học môi trường	- Nắm các khái niệm, nguyên lý của độc chất trong môi trường và ảnh hưởng của độc chất đối với sinh vật trong hệ thống sinh thái. - Một số loại độc chất sẽ được đề cập đến và các cơ chế tương tác của độc chất với sinh vật. - Kiểm soát độc chất một cách hiệu quả, hạn chế tối đa sự phơi nhiễm đối với độc chất, ngăn cản sự phát tán, xử lý độc chất cho các vùng bị nhiễm độc.	2	6	TN
24	Ứng dụng GIS trong quản lý Tài nguyên và Môi trường	Cung cấp những khái niệm cơ bản về GIS, lịch sử hình thành và phát triển của GIS, các thành phần nguyên tắc hoạt động cơ bản của GIS. Ứng dụng của GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường.	3	6	Thực hành
25	Tin học môi trường	Tìm kiếm thông tin về môi trường; trình bày và định dạng văn bản, tổng hợp số liệu và tính toán các thông số môi trường; khái quát về xử lý số liệu, xử lý số liệu, trình bày kết quả thống kê trên bảng và biểu đồ.	3	6	Thực hành
26	TT. Môi trường	Sinh viên được thực tập đánh giá hiệu quả xử lý, cải tạo, nâng cấp một số công trình xử lý chất thải phổ biến.	2	7	Báo cáo
27	Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	Cung cấp các khái niệm và nguyên lý đánh giá tác động môi trường, phương pháp đánh giá tác động môi trường và những quy định và thủ tục đánh giá tác động môi trường. Phương pháp nhận diện, phân tích, đánh giá và dự báo các ảnh hưởng đến môi trường của dự án, đồng thời đề xuất các giải pháp thích hợp để bảo vệ môi trường.	3	7	TL
28	Khởi nghiệp khoa học môi trường	Học phần này còn giúp người học nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách xác định, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập được kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính cho dự án kinh doanh, cũng như trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện việc tạo lập một doanh nghiệp,... từ đó hình thành nên năng lực khởi sự kinh doanh.	3	4	Báo cáo
29	Kỹ năng tìm kiếm việc làm môi trường	Cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến việc đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp. Giúp người học hình thành khả năng tìm kiếm thông tin tuyển dụng và các vấn đề xung quanh công việc ứng tuyển.	1	6	Báo cáo
30	Phát triển bền vững	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những khó khăn, thách thức trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong điều kiện thực tiễn, từ đó sinh viên sẽ đánh giá được tính bền vững và chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.	2	2	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
31	Sản xuất sạch	Sinh viên được tiếp cận với các kỹ thuật thực hiện SXSH, các phương pháp cũng như các bước tiến hành trong quá trình thực hiện SXSH trong một cơ sở sản xuất	2	5	TL
32	Hệ thống quản lý MT- ISO 14.000	Trang bị những kiến thức cơ bản về các định nghĩa, khái niệm, nguyên tắc cơ bản trong hệ quản lý môi trường theo ISO 14000. Phần thực hành gồm hướng dẫn sinh viên xây dựng tài liệu và biểu mẫu để tổ chức thực hiện HTQLMT theo ISO 14000 cho các doanh nghiệp.	2	6	TL
33	Hành chính MT	Cung cấp cho người học bao gồm những nội dung bao như: trình tự, thủ tục cơ bản trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường như môi trường, đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản.	2	6	TL
34	An toàn vệ sinh trong môi trường	Cung cấp cho người học những quy định về an toàn lao động ở Việt Nam; Tiếp cận các vấn đề kỹ thuật về an toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp ở các lĩnh vực hóa chất, xây dựng, cơ khí nhằm giữ gìn môi trường làm việc an toàn, ngăn ngừa tai nạn lao động và giảm thiểu bệnh nghề nghiệp...	2	6	TL
35	Các PP phân tích môi trường	Trang bị cho sinh viên phương pháp luận hệ thống trong quản lý môi trường; Trang bị cho sinh viên một số công cụ phân tích trong lĩnh vực môi trường; Phát triển cho sinh viên kỹ năng của 6 bậc tri thức: kiến thức - hiểu - áp dụng - phân tích - tổng hợp - đánh giá nhằm áp dụng vào nghiên cứu, quản lý trong lĩnh vực môi trường.	2	5	TL
36	Ứng dụng Autocad trong kỹ thuật môi trường	Môn học nhằm giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng thiết kế và ứng dụng bản vẽ kỹ thuật bằng công cụ AutoCAD trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường.	2	4	TL
37	Kỹ thuật xử lý nước cấp và nước thải	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng về xử lý nước cấp và nước thải là phần cốt lõi đối với nghề tư vấn – thiết kế và nghề vận hành công trình xử lý nước.	2	6	TL
38	Quản lý chất lượng môi trường	Môn học giới thiệu về các vấn đề quản lý chất lượng môi trường và thực tiễn quản lý chất lượng môi trường đất, nước và không khí để từ đó sinh viên hình thành năng lực chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai.	3	7	TL
39	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Môn học cung cấp các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn.	2	7	TL
40	Quản lý môi trường đô thị và KCN	Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý môi trường, tổ chức quản lý, công cụ đánh giá, phân tích, quy hoạch quản lý môi trường ở khu đô thị và khu công nghiệp	2	7	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và các biện pháp quản lý môi trường ở Việt Nam và thế giới trên cơ sở phát triển bền vững.			
41	Quản lý và xử lý chất thải rắn	Học phần cung cấp những kiến thức về các thành phần chức năng trong việc quản lý tổng hợp chất thải rắn. Các phương pháp xử lý CTR như thiêu hủy, ủ phân compost, chôn lấp hợp vệ sinh...	2	7	TL
42	Quản lý và xử lý chất thải hữu cơ	Môn học cung cấp cho sinh viên các biện pháp quản lý chất thải hữu cơ phù hợp với điều kiện Việt Nam. Sinh viên thực hiện các mô hình xử lý chất thải hữu cơ đơn giản như: compost, biogas, vermicompost,....	2	7	TL
43	Sinh thái rừng ngập mặn	Học phần cung cấp các nội dung về sinh thái rừng ngập mặn như: tầm quan trọng, phân bố; đặc điểm sinh học của cây rừng ngập mặn; các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta; những nguyên nhân và hậu quả của việc thay đổi diện tích rừng và những phương hướng sử dụng bền vững rừng ngập mặn.	2	3	TL
44	Dân số, sức khoẻ và môi trường	Học phần còn cung cấp các nội dung về ảnh hưởng của sự gia tăng dân số đến môi trường cũng như sức khỏe của con người và làm thế nào để góp phần bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái. Bên cạnh đó, nội dung về chính sách dân số và dự báo dân số.	2	4	TL
45	Quản lý và ứng dụng đất ngập nước trong xử lý chất thải	Học phần cung cấp những kiến thức về chức năng và giá trị, hiện trạng của ĐNN;các đặc tính của các thành phần ĐNN; phương thức quản lý ĐNN; ứng dụng ĐNN trong xử lý nước thải; những kỹ năng trong khảo sát, đánh giá và ứng dụng ĐNN trong xử lý nước thải.	2	5	TL
46	Quản lý tổng hợp vùng bờ	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý tổng hợp vùng bờ như: những khái niệm, phân hệ sinh vật và phi sinh vật của vùng này; những yếu tố liên quan, vai trò và những hoạt động quản lý tổng hợp vùng này cùng với những dự án quản lý tổng hợp vùng bờ ở một số vùng ven bờ Việt Nam.	3	4	TL
47	Quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên	Học phần cung cấp các nội dung về khái niệm về quản lý tài nguyên thiên nhiên, những kiến thức cơ bản về thực trạng tài nguyên thiên nhiên; phương thức và giải pháp quản lý tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản, năng lượng, rừng và bảo tồn tài nguyên sinh học.	2	5	TL
48	Ngoại ngữ chuyên ngành	Môn học cung cấp cho sinh viên những thông tin và từ vựng Anh ngữ cơ bản thông qua các chủ đề đã được cập nhật về khoa học môi trường.	2	7	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên được trang bị cách đọc hiểu các nội dung chuyên ngành, giải thích cách thành lập một số thuật ngữ và cách tìm kiếm tài liệu chuyên ngành tiếng anh bằng Internet.			
49	Quy hoạch môi trường	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Quy hoạch môi trường; cách tiếp cận và các bước thực hiện quy hoạch môi trường. Nghiên cứu một số văn bản pháp lý và kỹ thuật của Việt Nam liên quan đến quy hoạch môi trường.	2	7	TN
50	Ứng dụng viễn thám trong quản lý Tài nguyên và môi trường	Cung cấp những khái niệm cơ bản về Viễn thám, lịch sử hình thành và phát triển của Viễn thám, các thành phần nguyên tắc hoạt động cơ bản của Viễn thám. Ứng dụng của viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường. Các kỹ thuật, phương pháp xử lí, giải đoán ảnh viễn thám.	2	7	Thực hành
51	Biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu như khái niệm, nguyên nhân, hiện trạng, những biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu, những giải pháp thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính, phương pháp nghiên cứu về những biểu hiện và tác động của BĐKH.	2	7	TL
52	Thực tập tốt nghiệp	Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức của môn học vào thực tiễn	6	8	Báo cáo
53	Đồ án tốt nghiệp	Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức của môn học vào thực tiễn	4	8	Báo cáo
54	Đồ án hành chính và quản lý môi trường	Học phần giúp sinh viên vận dụng thành thạo các kiến thức về luật, chính sách và những công tác hành chính để quản lý môi trường. Học phần bao gồm chọn chủ đề cho đồ án, xây dựng đề cương đồ án, tổng quan tài liệu, thực hiện đồ án (Khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu, phân tích và tổng hợp dữ liệu, viết báo cáo đồ án), báo cáo và hoàn thiện đồ án.	2	8	Báo cáo
55	Đồ án kiểm soát ô nhiễm	Giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức của môn học vào thực tiễn	2	8	Báo cáo

31. Ngành Khoa học máy tính (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tiếng Anh 1		3	1	TN
	Tiếng Anh 2		2	2	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	1	TL
	Công tác quốc phòng, an ninh		2	2	TL
	Quân sự chung		2	3	TL
	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	4	TL
	Giáo dục thể chất 1		1	1	ThH
	Giáo dục thể chất tự chọn		2	2	ThH
	Triết học Mác – Lênin		3	1	TL
	Pháp luật Việt Nam đại cương		2	2	TL
	Tin học căn bản	* Kiến thức - Hiểu tổng quát về hệ thống máy tính: Phần cứng, phần mềm; vai trò của hệ điều hành; Biết khai thác và sử dụng các tiện ích của Hệ điều hành Windows; Biết các kỹ thuật tra cứu tài liệu trên Internet; Biết tạo và sử dụng hộp thư điện tử (email); Biết khai thác và sử dụng các tiện ích của google. - Biết các kỹ thuật soạn thảo văn bản trên Microsoft Word; Vận dụng soạn thảo văn bản đúng quy cách, khoa học phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. - Biết phân biệt các loại dữ liệu trong bảng tính Excel; Hiểu ý nghĩa và công cụ của các hàm cơ bản có sẵn trong bảng tính Excel; Vận dụng hiệu quả sự lồng ghép của hàm giải quyết hiệu quả các công việc liên quan trong học tập và nghiên cứu. - Biết các quy cách trình bày nội dung của một tập tin trình diễn; Biết sử dụng các công cụ soạn thảo và hỗ trợ trình trình diễn trong Microsoft PowerPoint; Vận dụng sáng tạo các công cụ hỗ trợ để tạo các dạng mẫu (template) trình bày và kết hợp	2	1	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hiệu ứng trong Microsoft PowerPoint để trình bày nội dung một tập tin trình diễn một cách khoa học. * Kỹ năng - Thành thạo việc tra cứu tài liệu trên Internet, sử dụng hộp thư điện tử. - Thao tác thành thạo các kỹ xảo soạn thảo văn bản. - Bắt chước thực hiện được bảng tính và thiết kế lồng ghép các hàm trong Excel – Microsoft Excel; - Thao tác các tập tin trình diễn, thuyết trình vấn đề. - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn vai trò của tin học trong đời sống. - Nâng cao ý thức, tính kỷ cương trong việc trình bày văn bản một cách khoa học, thẩm mỹ, đúng quy cách. - Phát huy tính sáng tạo và niềm say mê học tập, nghiên cứu. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, trao đổi với giảng viên giảng dạy để đề ra các ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Nhập môn nghề nghiệp	* Kiến thức: - Trình bày về lịch sử, vị thế của trường, khoa Sư phạm Toán - Tin ngày nay; - Trình bày về ngành nghề Kỹ sư Công nghệ thông tin, nhu cầu xã hội và triển vọng việc làm trong lĩnh vực lập trình; - Giải thích chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo của ngành Khoa học máy tính khóa 2019; - Diễn giải quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện; - Diễn giải những kỹ năng cần thiết đối với sinh viên. * Kỹ năng: - Vận dụng tốt các quy chế liên quan trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường; - Sử dụng thành thạo các quy trình quản lý đào tạo; - Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân nhằm đạt hiệu quả cao. * Thái độ: - Sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề kỹ sư Công nghệ thông tin đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân;	1	1	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình đào tạo của trường; - Say mê, tự hào với việc học tập tại trường, với ngành nghề đang theo học.			
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	TL
	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	3	TL
	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	3	TL
	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	3	TL
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	* Kiến thức - Biết các khái niệm, thuật ngữ và phân loại các loại hình nghiên cứu khoa học; - Hiểu thế nào là đạo văn trong nghiên cứu khoa học và một số phương pháp phát hiện, ngăn ngừa đạo văn; - Biết các yêu cầu cơ bản của một nghiên cứu khoa học (nội dung - hình thức) và cách thức ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong toàn bộ quy trình thực hiện một công trình nghiên cứu; - Biết cách thức trình bày bài báo cáo khoa học; - Có khả năng thiết kế một đề xuất nghiên cứu thuyết phục, đồng thời xây dựng được phương pháp nghiên cứu phù hợp, có thể tham gia thực hiện công trình nghiên cứu khoa học. * Kỹ năng - Kỹ năng xây dựng một đề cương, tham gia nghiên cứu khoa học; - Kỹ năng trình bày bài báo cáo khoa học; - Kỹ năng trình bày trích dẫn trong tài liệu khoa học nhằm tránh vi phạm đạo văn. * Thái độ - Sinh viên nghiên cứu tài liệu cùng với nhóm theo chủ đề của từng chương trước khi lên lớp; - Giảng viên giảng bài theo nội dung từng chương và giải một số bài tập cụ thể.	2	3	BTL
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	4	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Chuyên đề Luật CNTT, An ninh mạng, Sở hữu trí tuệ	* Kiến thức - Những quy định chung về Luật Công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, trong thương mại và trong các lĩnh vực; - Những quy định về Luật An toàn thông tin mạng; bảo đảm an toàn thông tin, mật mã dân sự. - Những quy định về Luật sở hữu trí tuệ; quyền tác giả và quyền liên quan, đăng ký sở hữu trí tuệ. * Kỹ năng - Hiểu biết các văn bản quy định của Luật CNTT, luật an toàn thông tin mạng và sở hữu trí tuệ và vận dụng tốt các kiến thức luật vào trong ngành học; - Biết các phương thức tham gia công nghệ thông tin an toàn; - Bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan về sở hữu trí tuệ ngành CNTT. * Thái độ - Sẵn sàng học tập, rèn luyện ngành nghề kỹ sư Công nghệ thông tin đang theo học và cố gắng theo đuổi kỳ vọng của bản thân; - Tuân thủ nghiêm túc quy chế, quy trình đào tạo của trường; - Say mê, tự hào với việc học tập tại trường, với ngành nghề đang theo học.	1	1	BTL
	Khởi nghiệp	* Kiến thức - Xác định được loại hình kinh doanh phù hợp với mô hình khởi nghiệp và các thủ tục cần thiết nhất trong giai đoạn khởi nghiệp; - Xác định được ý tưởng và cơ hội triển khai ý tưởng của dự án; - Xác định được mục tiêu tìm kiếm cộng sự và những công việc, những cá nhân cần thiết cho dự án khởi nghiệp; - Xác định được “chìa khóa” thương hiệu cho sản phẩm của mình; - Hình dung được các kênh có thể huy động vốn và cơ hội từ các nguồn vốn, hoạch định nguồn vốn một cách phù hợp; - Trình bày được nội dung trọng tâm của một bản kế hoạch kinh doanh; - Mô tả được nhu cầu thị trường và kỳ vọng của khách hàng tiềm năng; - Xây dựng được kế hoạch kinh doanh thực tiễn cho ngành trên nền tảng công nghệ. * Kỹ năng	2	2	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phân tích và giải quyết vấn đề trong khởi nghiệp; - Viết tài liệu kế hoạch kinh doanh; - Tổng hợp và phân tích thông tin thị trường; - Thuyết trình hiệu quả và ấn tượng; - Thiết kế bảng câu hỏi, phỏng vấn đối tượng khách hàng tiềm năng; - Tư duy sáng tạo trong khởi nghiệp; - Thuyết phục và làm việc nhóm. * Thái độ - Phát huy tinh thần đam mê và khát vọng khởi nghiệp, biết làm giàu cho bản thân và cho xã hội; - Khiêm nhường, độc lập tự chủ khi khởi nghiệp; - Trung thực và cạnh tranh lành mạnh để tìm kiếm lợi nhuận chính đáng.			
	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	* Kiến thức - Vận dụng được các kỹ thuật và phương pháp hướng dẫn viết lý lịch (CV) và viết thư xin việc; - Biết cách khai thác tốt các phương thức tìm kiếm thông tin tuyển dụng để tìm được công việc phù hợp với ngành học; - Vận dụng sáng tạo các kỹ năng mềm khi thực hiện trả lời phỏng vấn, thương lượng về tài chính để đạt được kết quả. * Kỹ năng - Có khả năng chuẩn bị hồ sơ xin việc một cách hiệu quả; - Có khả năng phân tích, đánh giá, khai thác thông tin tuyển dụng từ nhiều nguồn; - Có khả năng trả lời phỏng vấn và thương lượng tài chính hiệu quả. * Thái độ - Tích cực, chủ động, sáng tạo trong tìm kiếm thông tin tuyển dụng, chuẩn bị hồ sơ xin việc, trả lời phỏng vấn và thương lượng tài chính.	1	1	BTL
	Xác xuất thống kê cho Tin học	* Kiến thức - Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất như các khái niệm và tính chất về tính toán xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, hàm (bảng) phân phối xác suất, hàm mật độ và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên; một số phân phối xác suất thông dụng.	2	1	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Ghi nhớ và nhắc lại được một số kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê như lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan, hồi quy tuyến tính và dự báo. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào thu thập và xử lý các số liệu từ thực tế nhằm phục vụ tốt cho học tập, nghiên cứu và công tác sau này. - Biết sử dụng phần mềm thống kê Excel hoặc R ở mức độ cơ bản hoặc dùng chức năng thống kê trên máy tính cầm tay (MTCT) để xử lý nhanh số liệu thực nghiệm và giải toán thống kê. * Kỹ năng - Giải được một số bài tập cơ bản về xác suất và thống kê. - Xử lí số liệu thực nghiệm bằng MTCT hoặc phần mềm Excel, R. - Có kĩ năng đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu; kĩ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo trước nhóm. * Thái độ - Có cách nhìn khoa học về một số mô hình toán xác suất và thống kê ứng dụng của một số hiện tượng ngẫu nhiên trong đời sống liên quan đến ngành Tin học. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, ý thức tôn trọng kỉ luật và chịu trách nhiệm cá nhân với tập thể.			
	Toán rời rạc 1	* Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về tập hợp, ánh xạ, quan hệ. - Biết vận dụng câu nói trong đời sống để viết thành dạng logic mệnh đề. - Nắm các kiến thức cơ bản về phương pháp đếm, lý thuyết số, đại số Boole. * Kỹ năng - Hiểu và vận dụng kiến thức vào các học phần khác như toán rời rạc 2, trí tuệ nhân tạo,... - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh. - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu.	3	1	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học. - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.			
	Điện tử căn bản	* Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về - Cấu tạo và nguyên lý hoạt động linh kiện điện tử - Phương trình nút, phương trình vòng, định lý Thevenin * Kỹ năng: Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật . - Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án - Biết cách kiểm tra hư hỏng của từng linh kiện và mô phỏng bằng Protues. * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	2	1	TL
	Toán rời rạc 2	* Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về lý thuyết đồ thị; - Hiểu rõ các các giải thuật tối ưu trên đồ thị như giải thuật tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung tối thiểu, bài toán luồng cực đại… * Kỹ năng - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể; - Hiểu và vận dụng các vấn đề đã học vào thực tế. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của người học.	2	2	TL
	Lập trình căn bản	* Kiến thức - Trình bày được các khái niệm, các kiến thức nền tảng về lập trình, giải bài toán bằng chương trình máy tính. - Mô tả được qui trình thiết kế lưu đồ thuật toán cho bài toán - Giải thích được nguyên lý các cấu trúc lệnh, phạm vi của biến - Phân biệt được giữa thủ tục và hàm; truyền tham số và truyền tham trị	3	2	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		5.Vận dụng hiệu quả ngôn ngữ lập trình để giải bài toán cụ thể bằng chương trình máy tính * Kỹ năng - Cài đặt được chương trình giải quyết bài toán đơn giản. - Cài đặt được chương trình giải quyết bài toán một cách tối ưu. - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm thông qua các hệ thống bài tập. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn vai trò của tin học trong đời sống - Phát huy tính sáng tạo và niềm đam mê trong học tập, nghiên cứu - Rèn luyện tính kỷ cương, cận thận, độ chính xác trong khi lập trình			
	Kỹ thuật số	* Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về - Hàm logic và Cổng logc, hệ thống số và mã - IC giải mả, mã hóa, đa hợp, giải đa hợp, mạch kiểm tra chẵn lẻ - Các loại FLipFlop * Kỹ năng:. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật . - Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án - Sử dũng được phần mếm mô phỏng Protues * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	3	2	TL
	Cơ sở toán cho Tin học	* Kiến thức - Vận dụng lý thuyết tập hợp trong việc biểu diễn, xử lý dữ liệu. - Sử dụng đại số mệnh đề trong suy dẫn, rút trích thông tin, tri thức. Hiểu cơ sở của các phương pháp chứng minh. - Hiểu và vận được các phép toán trên ma trận và định thức. - Phát hiện các tri thức mới bằng các phương pháp biểu diễn, suy dẫn bằng các công cụ toán học. * Kỹ năng - Giải được một số bài tập cơ bản về ma trận, định thức, hệ thức đệ quy	2	3	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phát triển các kỹ thuật đã có, hoặc chứng minh, đánh giá tính đúng hiệu năng của các phương pháp mới. - Có kĩ năng đọc tài liệu, tự học, tự nghiên cứu; kĩ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo trước nhóm. * Thái độ - Có cách nhìn khoa học về cơ sở Toán học ứng dụng trong các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến ngành Tin học. -Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu, ý thức tôn trọng kỉ luật và chịu trách nhiệm cá nhân với tập thể			
	Lý thuyết thông tin	* Kiến thức - Nêu được các khái niệm cơ bản của lý thuyết thông tin như entropy, thông tin tương hỗ. - Vận dụng các khái niệm cơ bản để giải bài toán cần xác định lượng tin. - Mô tả được mô hình truyền thông theo quan điểm của Shannon. - Vận dụng được khái niệm về kênh truyền tin rời rạc không nhớ, các mô hình truyền tin và Phương pháp xây dựng lược đồ giải mã tối ưu. - Nêu được khái niệm về khoảng cách Hamming, nguyên lý khoảng cách nhỏ nhất Hamming, bộ mã kiểm tra chẵn lẻ. Vận dụng phương pháp kiểm tra chẵn lẻ, lược đồ sửa lỗi tối ưu, mã Hamming vào bài tập. * Kỹ năng - Giải quyết được các bài toán về xác định lượng tin. - Viết được chương trình sinh mã, giải mã (chương trình nén và giải nén) đơn giản. - Thiết kế được hệ thống truyền nhận dữ liệu với quy trình cơ bản. * Thái độ - Có ý thức tự nghiên cứu sâu hơn về môn học để vận dụng cho việc mã hóa và bảo mật thông tin một cách hiệu quả. - Có thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức đúng đắn vai trò của môn học trong việc phát triển nghề nghiệp của bản thân.	2	3	TL
	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	* Kiến thức	3	3	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu và vận dụng kiến thức về các kiểu dữ liệu trừu tượng cơ bản cùng với các phép toán trên các kiểu dữ liệu này; xây dựng được một số ứng dụng thực tế với các CTDL được học. - Biết phân tích độ phức tạp của thuật toán, hiểu các giải thuật sắp xếp, tìm kiếm, các chiến lược phân tích và thiết kế giải thuật. - Có khả năng phân tích, cải tiến giải thuật, áp dụng vào lập trình giải các bài toán thực tế. * Kỹ năng - Có thể lập trình thành thạo và biết sử dụng các công cụ phần mềm hỗ trợ. - Có kỹ năng phát hiện, đánh giá, phân tích, mô hình hóa, thiết lập giả thiết và áp dụng kiến thức vào bài toán cụ thể. - Có tư duy phân tích và đánh giá độ phức tạp giải thuật của một bài toán cụ thể - Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm, đề xuất sáng kiến, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm. * Thái độ - Nhận thức đúng tầm quan trọng của học phần. - Say mê, yêu thích, nghiên cứu các nội dung liên quan đến học phần.			
	Phương pháp tính	Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về sai số, các phương pháp tìm nghiệm gần đúng của một phương trình, hệ phương trình; - Vận dụng các công thức để tính được gần đúng đạo hàm, tích phân và phương trình vi phân. * Kỹ năng - Kỹ năng vận dụng kiến thức vào các học phần khác như toán rời rạc 1, lập trình căn bản; - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh; - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học;	2	2	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.			
	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	* Kiến thức - Nắm vững những kiến thức cơ bản về sai số, các phương pháp tìm nghiệm gần đúng của một phương trình, hệ phương trình; - Vận dụng các công thức để tính được gần đúng đạo hàm, tích phân và phương trình vi phân. * Kỹ năng - Kỹ năng vận dụng kiến thức vào các học phần khác như toán rời rạc 1, lập trình căn bản; - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh; - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.	2	4	TL
	Hệ điều hành	* Kiến thức - Hiểu các kiến trúc thiết kế hệ điều hành; Biết những vấn đề phát sinh trong quá trình thiết kế hệ điều hành cũng như những tiếp cận khác nhau được dùng để phân tích và giải quyết những vấn đề đó. - Hiểu các chiến lược quản lý tiến trình, quản lý bộ nhớ trong việc thiết kế các hệ điều hành hiện đại; Phân tích và giải quyết các bài toán về chiến lược trong việc thiết kế các thành phần tiến trình, thành phần bộ nhớ trong hệ điều hành. - Vận dụng các chiến lược trong việc thiết kế hệ điều hành để mô phỏng lại trên máy tính. - Khai thác và sử dụng Hệ điều hành họ Linux: các thao tác trên tập tin, thư mục, cài đặt/gỡ bỏ chương trình ứng dụng,… * Kỹ năng - Thực hiện giải các bài toán liên quan đến tiến trình, bộ nhớ - Thực hiện các thao tác liên qua đến thư mục, tập tin trong hệ điều hành Linux - Kỹ năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.	2	4	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Thái độ - Dự học đầy đủ, tích cực đóng góp bài học, nghiên cứu tài liệu và làm bài tập trước khi đến lớp - Nhận thức đúng vai trò người thiết kế hệ điều hành trong hệ thống máy tính - Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu để mở rộng kiến thức.			
	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	* Kiến thức - Trình bày những nét cơ bản ngôn ngữ tự nhiên khi xử lý tự động ngôn ngữ tự nhiên. - Biểu diễn được ngôn ngữ tự nhiên theo hình thức hóa của Noam Chomsky để máy tính xử lý tự động - Trình bày trật tự nhất định để xử lý các bài toán trong NLP. Xây dựng tự điển điện tử (MRD –Machine Readable Dictionary) - Mô tả, giải thích được các mô hình ngôn ngữ - Rút trích thông tin: địa điểm, tên người, tên tổ chức. - Trình bày các bài toán và ứng dụng của NLP - Có kiến thức về các nhóm/ các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ Tiếng việt - Vận dụng được các thuật toán nền tảng, các mô hình đặc trưng trong NLP để giải quyết các bài toán thực tế liên quan với dữ liệu đa ngữ. Giải thích được được những vấn đề liên quan đến việc học máy (Machine Learning) và dịch máy (Machine Translation). * Kỹ năng - Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành tin học. - Kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình lĩnh vực có liên quan NLP. - Kỹ năng lập trình liên quan đến NLP trong tin học. * Thái độ - Tích cực tự học, tự nghiên cứu, chủ động cập nhật Tiếng Anh chuyên ngành. - Nhận thức đúng đắn vai trò của NLP và vận dụng những kiến thức đã học để phát triển lĩnh vực xử lý ngôn ngữ Tiếng Việt.	3	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Thực tế ngành CNTT	* Kiến thức - Củng cố những kiến thức đã học về các học phần thuộc lĩnh vực phần mềm, mạng máy tính. - Hiểu rõ hơn về lý thuyết quy trình phát triển phần mềm trong học phần công nghệ phần mềm. * Kỹ năng - Quan sát, nghiên cứu những công việc thức tế của ngành tại các công ty, doanh nghiệp. * Thái độ - Nhận thức được vai trò và công việc của ngành công nghệ thông tin; - Phát huy tính năng động, khả năng giao tiếp và khả năng quan sát của sinh viên. - Tạo động lực cho sinh viên yêu thích ngành công nghệ thông tin.	1	5	Thu hoạch
	Ngôn ngữ lập trình JAVA	* Kiến thức - Nắm vững ngôn ngữ lập trình Java: cú pháp lệnh, các kiểu dữ liệu cơ bản, các toán tử, các thư viện thông dụng - Nắm vững phương pháp lập trình hướng đối tượng trong Java. - Hiểu phương pháp lập trình CSDL với Java. * Kỹ năng - Sử dụng ngôn ngữ Java giải quyết các bài toán lập trình cơ bản. - Sử dụng thành thạo phương pháp lập trình hướng đối tượng và các công cụ hỗ trợ để xây dựng ứng dụng thực tế. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	2	4	BTL
	Nhập môn mạng máy tính	* Kiến thức - Trình bày được các loại mạng máy tính; các mô hình xử lý mạng; các mô hình quản lý mạng; các mô hình ứng dụng mạng; các dịch vụ mạng; các lợi ích thực tế của mạng; - So sánh mô hình OSI và TCP/IP;	2	4	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Trình bày được môi trường truyền dẫn; các loại cab, đường truyền vô tuyến; - Trình bày các chức năng chính của bộ định tuyến, tham chiếu mô hình OSI. * Kỹ năng - Kỹ năng vận dụng kiến thức mạng vào thực tiễn; - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn vai trò của tin học trong công việc và nghiên cứu; - Dự học đầy đủ, đúng giờ, tích cực đóng góp bài học, thực hiện nghiêm túc các bài tập; - Phát huy tính sáng tạo và niềm đam mê học tập, nghiên cứu.			
	Nhập môn internet vạn vật - IoT	* Kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản và đầy đủ nhất về Nguyên lý hoạt động và thông số kỹ thuật các cảm biến Cách xây dựng một hệ thống IOT * Kỹ năng: Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật - Phân tích, thiết kế, thi công và lựa chọn linh kiện phù hợp với dự án - Cách lập trình trên IDE Arduino * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	2	4	BTL
	Trí tuệ nhân tạo	* Kiến thức - Nắm được phương pháp của trí tuệ nhân tạo, các khái niệm, nguyên lí và kỹ thuật biểu diễn tri thức, cơ chế lập luận, các kĩ thuật Heuristic. - Nắm được các chiến lược tìm kiếm trên không gian trạng thái: các chiến lược tìm kiếm mù, tìm kiếm kinh nghiệm, tìm kiếm tối ưu. - Nắm được bản chất của cây trò chơi và các phương pháp tìm kiếm trên cây trò chơi: tìm kiếm Minimax và phương pháp cắt tỉa Alpha-Beta. - Nắm được tổng quan về các phương pháp biểu diễn tri thức, máy học: mạng ngữ nghĩa, luật sản xuất, logic, khung và các cơ chế suy diễn trên những không gian biểu diễn. * Kỹ năng	3	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng kiến thức đã học vào các học phần khác như khai khoáng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo nâng cao... -Vận dụng kiến thức đã học giải quyết các bài toán thực tế như bài toán nhận dạng, bài toán chuẩn đoán bệnh trong y học,… * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm.			
	Lập trình hướng đối tượng	* Kiến thức - Hiểu rõ và viết tốt các chương trình thể hiện tính chất căn bản nhất của hướng đối tượng. - Nắm vững những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng (OOP). - Nắm vững các cấu trúc dữ liệu và các giải thuật thích hợp với những dữ liệu có trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng C++. - Vận dụng các ưu điểm của lập trình OOP để viết code không những đúng chức năng mà còn đạt được tính tổng quát, tính trong sáng, dễ đọc, dễ nâng cấp khi cần. * Kỹ năng - Sử dụng nhuần nhuyễn phần mềm Dev-C++ trong việc thực hiện các bài tập và các đồ án, tiểu luận chuyên ngành. - Trình bày trước đám đông sử dụng phương tiện trình chiếu. - Đánh giá và lựa chọn các mô hình trong lập trình hướng đối tượng để phù hợp cho bài toán thực tế. * Thái độ - Tinh thần tự học chuyên cần thông qua việc tham gia học trên lớp, giải các bài tập trên lớp và về nhà. - Tinh thần tích cực làm việc trong nhóm, cùng nghiên cứu và trao đổi giải quyết vấn đề trên cơ sở lập trình hướng đối tượng.	3	4	BTL
	Đồ án môn học 1	* Kiến thức - Vận dụng kiến thức môn học lập trình căn bản, cấu trúc dữ liệu và giải thuật vào giải quyết một bài toán cụ thể; - Khai thác, tìm hiểu những kĩ thuật, công nghệ mới.	1	4	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng - Phân tích bài toán, thiết kế thuật toán; - Cài đặt chương trình giải quyết một bài toán cụ thể; - Tập trình bày một báo cáo khoa học đúng mẫu; - Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình trước đám đông; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. * Thái độ - Nghiêm túc và tự giác trong công việc.			
	Cơ sở dữ liệu	* Kiến thức - Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, kiến trúc tổng quát của một hệ cơ sở dữ liệu; kiến trúc ba mức của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, tính độc lập, toàn vẹn dữ liệu; phân biệt được các mô hình cơ sở dữ liệu. - Biết rõ các khái niệm và các ký hiệu sử dụng trong mô hình ERD; Vẽ được mô hình ERD dựa trên mô tả bằng ngôn ngữ tự nhiên; chuyển được mô hình ERD sang mô hình quan hệ; - Nắm vững các kiến thức về đại số quan hệ và các phép toán trên đại số quan hệ; Nắm vững các tính chất của đại số quan hệ và thực hiện các câu truy vấn bằng ngôn ngữ đại số quan hệ; thực hiện được truy vấn tìm trên một bảng, tìm kiếm trên nhiều bảng, thống kê, truy vấn con,… vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải các bài tập; - Hiểu được vai trò của lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ, mà bắt đầu là phụ thuộc hàm và một số ứng dụng trong việc giải quyết các bài toán như: tìm khoá, tìm phủ tối thiểu, xác định các dạng chuẩn; Vận dụng các khái niệm chuẩn hoá, cũng như phương pháp chuẩn hóa bằng phép tách (hay phân rã) để có thể thiết kế được một lược đồ cơ sở dữ liệu hạn chế dư thừa và bất thường dữ liệu. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi năng lực đánh giá;	3	4	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. - Rèn luyện kỹ năng thiết kế CSDL hiệu quả, truy vấn SQL và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); -Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học; - Nâng cao ý thức tự học học, tự nghiên cứu của bản thân.			
	Bảo trì hệ thống máy tính	* Kiến thức: Cung cấp cho sinh Kiến thức về: - Phần cứng một hệ máy vi tính - Cài đặt hệ điều hành - Sao lưu dữ liệu - Chẩn đoán một số lỗi thông dụng * Kỹ năng Trên cơ sở các kiến thức cơ bản này sẽ nhằm tạo tiền đề cho những môn học kế tiếp cũng như giúp SV tiếp cận các vấn đề hiện đại, đồng thời liên hệ với thực tế, từ đó giúp SV nắm vững được những vấn đề cốt lõi, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề kỹ thuật. - Lắp ráp thành thạo một hệ máy vi tính - Biết được các bước bảo trì- bảo dưỡng máy vi tính - Sửa được những lỗi thường gặp của máy tính * Thái độ: Đam mê nghiên cứu, học tập, tích cực thảo luận, đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trong học tập.	2	5	TN
	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	* Kiến thức: - Nhận biết được các khái niệm liên quan đến HTTT, phương pháp phân tích thiết kế HTTT - Mô tả được các hiện trạng của tổ chức và xác định được yêu cầu của người dùng - Chỉ ra được các thành phần dữ liệu mức quan niệm, mức logic và thành phần xử lý của hệ thống. * Kỹ năng	2	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Được chuẩn bị các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích, thiết kế để có thể nghiên cứu trong lĩnh vực phân tích và thiết kế một đề án công nghệ thông tin. - Thiết kế được mô hình chức năng nghiệp vụ BFD, mô hình thực thể - kết hợp ERD, lược đồ quan hệ CSDL RD, lưu đồ dòng dữ liệu DFD. * Thái độ - Có ý thức tự nghiên, yêu thích xây dựng ứng dụng. -Có thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức đúng đắn vai trò của môn học trong việc phát triển nghề nghiệp của bản thân.			
	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	* Kiến thức - Hiểu được thế nào là phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở, lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở. - Nắm được mô hình phát triển phần mềm nguồn mở, và biết cách sử dụng các công cụ phát triển mã nguồn mở. - Tiếp cận các kiến thức cơ bản về lập trình C/C++ trên Linux. * Kỹ năng - Sử dụng một số phần mềm nguồn mở thông dụng: Linux, Ubuntu, Joomla, WordPress, MySQL. - Sử dụng các công cụ phát triển mã nguồn mở để phát triển ứng dụng trên trang thông tin điện tử cá nhân. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, trao đổi với giảng viên giảng dạy để đề ra các ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	3	6	BTL
	Lập trình DOT NET	* Kiến thức - Nhận biết được phần mềm quản lý và các bước cơ bản của quy trình phát triển phần mềm hướng đối tượng. - Mô tả được qui trình kiểm thử phần mềm. - Xây dựng được các sơ đồ hướng đối tượng cho giai đoạn phân tích phần mềm quản lý. - Thiết kế được cơ sở dữ liệu và giao diện cho phần mềm quản lý.	3	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng được lập trình hướng đối tượng trong C# để cài đặt và đóng gói một phần mềm quản lý. * Kỹ năng - Vận dụng được các kiến thức về lập trình trong C# để xây dựng các ứng dụng dạng Console hoặc Windows Forms; - Vận dụng các kiến thức ADO.NET trong C# để lập trình các ứng dụng quản lý Cơ sở dữ liệu; - Thiết kế và sử dụng được các report theo mẫu trong .NET * Thái độ - Nhận thức được vai trò của lập trình dot Net trong việc xây dựng ứng dụng phần mềm; - Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.			
	Công nghệ phần mềm	* Kiến thức - Phân loại được các mô hình của quy trình phát triển phần mềm và giải thích được các giai đoạn cơ bản trong mô hình; - Phân tích được yêu cầu của người sử dụng; - Trình bày được các nguyên tắc thiết kế phần mềm; - Xác định được các hoạt động của quá trình kiểm thử phần mềm. * Kỹ năng - Sử dụng được công cụ hỗ trợ thiết kế phần mềm; - Vận dụng kiến thức trình bày tài liệu về quy trình phát triển phần mềm. * Thái độ - Nhận thức được vai trò của các giai đoạn trong quy trình phát triển phần mềm; - Phát huy tính năng động, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	5	TL
	Phân tích hệ thống hướng đối tượng	* Kiến thức - Hiểu được lịch sử phát triển và vai trò của ngôn ngữ UML; - Củng cố các kiến thức đã học được trong lập trình hướng đối tượng, phân tích thiết kế hệ thống; - Nắm chắc các định nghĩa, khái niệm trong các loại mô hình khác nhau trong ngôn ngữ UML, so sánh chúng với các cách thức mô hình hóa trước đây;	2	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Ứng dụng các mô hình UML vào ngữ cảnh cụ thể phù hợp với thực tiễn. * Kỹ năng - Sử dụng thành thạo công cụ thiết kế mô hình UML; - Phát huy kỹ năng làm việc nhóm, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện tiến độ công việc của nhóm. * Thái độ - Siêng năng, nghiêm túc học tập, chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); - Thẳng thắn góp ý và biết bảo vệ hợp lý quan điểm thiết kế của mình; - Nghiêm túc làm việc nhóm, tôn trọng công việc của thành viên nhóm và không ỷ lại vào nhóm.			
	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	* Kiến thức - Tiến trình xây dựng một mạng máy tính và các vấn đề cần quan tâm. - Các chuẩn mạng cục bộ phổ biến và các thiết bị mạng thường được sử dụng để xây dựng các mạng cục bộ (LAN). - Các sơ đồ mở rộng mạng LAN và vấn đề cải thiện băng thông cho mạng LAN. - Vấn đề chọn đường khi xây dựng mạng diện rộng (WAN). - Cơ chế điều khiển truy cập tài nguyên trên mạng. - Các giao thức liên quan đến vấn đề quản trị mạng. - Qui trình thiết kế mạng LAN. * Kỹ năng - Có khả năng tìm hiểu và thiết kế một mạng LAN; - Có thể triển khai và cài đặt một mạng LAN. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	2	6	BTL
	Lập trình web	* Kiến thức	3	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng được ít nhất 8 nhóm thẻ HTML cơ bản vào việc hiển thị nội dung một trang web bất kỳ. - Sử dụng được ít nhất 4 nhóm thuộc tính CSS để định dạng nội dung cho một trang web bất kỳ. - Kết hợp được mối quan hệ giữa HTML và CSS để tạo ra một trang web tĩnh với nội dung và bố cục bất kỳ. - Viết được công thức của hàm (function) và 5 cấu trúc lệnh cơ bản trong ngôn ngữ JavaScript. - Sử dụng JavaScript để viết các xử lý cho các sự kiện đơn giản phát sinh trên trang web từ phía người sử dụng. - Vận dụng được thư viện jQuery vào việc xử lý một số tính năng trong các trang web. - Kết hợp được các kỹ thuật trong PHP với MySQL để xây dựng nhiều dạng website vừa và nhỏ có tương tác với CSDL. * Kỹ năng - Hình thành khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết các vấn đề cần quan tâm. - Hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm. - Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, thảo luận và phát biểu ý kiến trước mọi người. - Hình thành kỹ năng thẩm mỹ để cảm thụ và đánh giá cái đẹp. * Thái độ - Có ý thức tự nghiên cứu sâu hơn về môn học để vận dụng thiết kế website. - Có thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức đúng đắn vai trò của môn học trong việc phát triển nghề nghiệp của bản thân.			
	Lập trình cho thiết bị di động	* Kiến thức - Nắm vững nền tảng của lập trình Android; - Có thể tự nghiên cứu khi các hệ điều hành Android nâng cấp; - Lập trình truy xuất dữ liệu với SQLite Database và file text; - Hiểu về quy trình phát triển ứng dụng trên điện thoại sử dụng hệ điều hành Android; - Phát triển khả năng phân tích và phát triển ứng dụng một các độc lập.	3	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Kỹ năng lập trình hướng đối tượng; - Kỹ năng thiết kế và phát triển phần mềm cho Android; - Vận dụng kiến thức để viết ứng dụng thực tế. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần Lập trình trên thiết bị di động; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Đồ án môn học 2	* Kiến thức - Vận dụng kiến thức liên môn học như: phân tích thiết kế hệ thống, phân tích hệ thống hướng đối tượng, chuyên đề HQT CSDL, lập trình DotNet, lập trình web, lập trình trên thiết bị di động, Hệ thống nhúng hay lập trình nhúng,… để xây dựng một hệ thống thông tin của một đề án trong thực tế. - Sử dụng một trong những công cụ hỗ trợ việc xây dựng các mô hình trong hệ thống thông tin (như Power Design, Win Design, họ Rational,…), từ đó thiết lập cơ sở dữ liệu tương ứng, sử dụng một ngôn ngữ lập trình CSDL (C#, VB.Net), lập trình web (PHP, ASP, JSP,…), lập trình mô phỏng, hay lập trình điều khiển để phát triển hệ thống. * Kỹ năng - Tập trình bày một báo cáo khoa học đúng mẫu; - Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình trước đám đông; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. * Thái độ - Nghiêm túc và tự giác trong công việc.	1	7	BTL
	Bảo mật thông tin	* Kiến thức - Trình bày được vai trò của mã mật thông tin. - Nhận biết được các hệ mã cổ điển, đối xứng, bất đối xứng.	2	5	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phát biểu được kiến thức cơ bản về bảo mật thông tin với các kỹ thuật xây dựng mật mã thông dụng. - Trình bày được nguyên tắc cơ bản nhất về xây dựng các quy trình bảo vệ thông tin trong hệ thống. - Giải thích được nguyên lý, phương pháp cài đặt một số kỹ thuật trong bảo mật thông tin * Kỹ năng - Giải quyết được các bài tập cuối chương. - Xây dựng được qui trình, tiến hành mã hóa giải mã với một số hệ mã với khóa bí mật, khóa công khai. - Cài đặt được chương trình mô phỏng mã hóa, giải mã cho một số hệ mã. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. * Thái độ - Nhận thức đúng vai trò của việc bảo mật thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, đời sống. - Nâng cao ý thức học tập, phát huy tính sáng tạo và niềm say mê nghiên cứu; đẩy mạnh việc xây dựng và triển khai ứng dụng tin học vào quản lý trong chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc.			
	Chuyên đề Hệ điều hành	* Kiến thức - Mô tả được một số kiến thức chuyên sâu về hệ điều hành:Vấn đề tranh chấp trong hệ điều hành; Các lỗ hỏng trong các hệ điều hành; Thủ thuật Registry trong hệ điều hành; Các hàm hệ thống; Quản trị hệ điều hành Linux; Hệ điều hành phân tán; Hệ điều hành cho các thiết bị di động; Hệ điều hành mã nguồn mở; Bảo mật hệ điều hành;... - Cài đặt các chiến lược trong hệ điều hành: FCFS, SJF, RR, BACKERY,..và các chiến lược đồng bộ hóa trong hệ điều hành: semaphore, moitor, message. - Phân biệt thuật toán song song với thuật toán tuần tự. Trình bày các bước cần thiết để xây dựng một thuật toán song song giải một bài toán kỹ thuật. Biết cách lập trình và những điều có thể xảy ra khi chạy chương trình xử lý song song. Lập trình xử lý song song với sự hỗ trợ OpenMP trên Visual Studio hoặc Code:Blocks. * Kỹ năng	2	5	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Bắt chước cài đặt các chiến lược trong hệ điều hành. - Thực hiện lập trình xử lý song song, lập trình Shell và lập trình C trên Linux. - Bắt chước lập trình song song với: OpenMP, MPI, JAVA, VPM, OCCAM .... - Kỹ năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu. * Thái độ - Nhận thức đúng đắn về xử lý song song. - Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu để mở rộng kiến thức.			
	Tính toán song song	* Kiến thức - Liệt kê các ngôn ngữ lập trình song song; Phân biệt các loại phụ thuộc dữ liệu trong chương trình; Phân biệt chương trình tuần tự và chương trình song song; Phương pháp biến đổi chương trình tuần tự sang chương trình song song; Nhắc lại các mô hình lập trình song song? Cho ví dụ? - Thiết kế một số thuật toán song song thông dụng - Phân tích và đánh giá thuật toán song song * Kỹ năng - Thực hiện được chương trình tính toán song song - Cài đặt các thuật toán song song * Thái độ - Dự học đầy đủ, nghiên cứu tài liệu và làm bài trước khi đến lớp, tích cực đóng góp bài học - Ham học hỏi, tìm tòi, mở rộng kiến thức; - Tích cực học tập, thảo luận.	2	6	TN
	Nhập môn Công nghệ Blockchain	* Kiến thức - Trình bày khái quát về công nghệ mới Blockchain; - Vận dụng ngôn ngữ lập trình để thiết kế chuỗi khối trong Blockchain; - Lựa chọn giải thuật phù hợp với ứng dụng Blockchain. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng tìm hiểu công nghệ mới, khả năng làm việc nhóm, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Kỹ năng lập trình các giải thuật công nghệ mới dựa trên một NNLT cụ thể; - Vận dụng kiến thức để viết ứng dụng thực tế.	2	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Thái độ - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Ngôn ngữ lập trình JAVA nâng cao	* Kiến thức - Nắm vững kiến thức nâng cao về cấu trúc dữ liệu trong Java. - Nắm vững kiến thức nâng cao của lập trình giao diện Swing. - Hiểu phương pháp lập trình CSDL với Java. * Kỹ năng - Sử dụng cấu trúc dữ liệu để giải quyết các bài toán Java nâng cao. - Phát triển ứng dụng bằng ngôn ngữ lập trình Java Swing. - Xây dựng ứng dụng quản lý CSDL theo mô hình 3 lớp. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	2	6	BTL
	An toàn mạng	* Kiến thức - Giải thích được thế nào là bảo mật thông tin, an toàn hệ thống và an ninh mạng; - Trình bày được những nguy cơ, các dạng tấn công và một số kỹ thuật xâm nhập hệ thống máy tính cũng như hệ thống mạng; - Trình bày được vai trò của mã hoá dữ liệu trong an toàn thông tin và truyền tin trên mạng; điểm và thuật toán của một số giao thức mã hoá phổ biến. * Kỹ năng - Giải thích được các kiến thức nền tảng về bảo mật như: cơ sở luật pháp, chính sách an ninh mạng, quản lý rủi ro, quá trình xây dựng hệ thống an toàn, vấn đề an toàn hệ thống và an ninh mạng trong thực tiễn; - Xây dựng giải pháp an ninh và xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình; - Đánh giá và lựa chọn giải pháp an ninh mạng phù hợp cho các mạng thực tế;	2	7	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng được một số kỹ thuật và công nghệ an ninh mạng phổ biến hiện nay như: xác thực, mã hóa, tường lửa, mạng riêng ảo, hệ thống phát hiện xâm nhập, an toàn cho các thiết bị mạng và các dịch vụ Internet, an toàn cho mạng không dây. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.			
	Truyền thông đa phương tiện	* Kiến thức - Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống truyền thông đa phương tiện, dữ liệu đa phương tiện; - Hiểu và trình bày được các kỹ thuật nén dữ liệu đa phương tiện, các kỹ thuật truyền dữ liệu thời gian thực; - Vận dụng được các giao thức mạng trong truyền thông đa phương tiện, và các vấn đề liên quan trong thiết kế lưu trữ dữ liệu truyền thông. * Kỹ năng - Có khả năng đọc hiểu các kiến thức mở rộng của học phần truyền thông đa phương tiện; - Có khả năng phân tích, thiết kế, xây dựng các chương trình, module trong truyền thông đa phương tiện; * Thái độ - Phát huy khả năng tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Có ý thức và trách nhiệm trong thực hiện lưu trữ, bảo quản và truyền dữ liệu truyền thông.	3	7	BTL
	Xử lý ảnh	* Kiến thức - Hiểu được các khái niệm cơ bản về ảnh số; - Nắm vững các phương pháp biểu diễn ảnh số; - Hiểu rõ các dạng ảnh và thực hiện được kỹ thuật nâng cao chất lượng ảnh; - Hiểu được khái niệm biên ảnh, sau đó vận dụng các kỹ thuật phát hiện biên ảnh và phân vùng ảnh;	2	7	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu rõ mô hình và bản chất của quá trình nhận dạng, nắm vững các kỹ thuật nhận dạng để vận dụng vào việc nhận dạng ảnh số; - Hiểu rõ các khái niệm về ảnh nén và các phương pháp nén ảnh; - Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật về xử lý ảnh để nhận dạng hay mã hóa ảnh. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi năng lực đánh giá; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập; - Rèn luyện kỹ năng lập trình và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); - Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học.			
	Xây dựng ứng dụng phân tán	* Kiến thức - Hiểu rõ các khái niệm về cơ sở dữ liệu phân tán; - Vận dụng kiến thức môn học để giải quyết các vấn đề trong môi trường phân tán. * Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng phân tích và thiết kế CSDL phân tán; - Khai thác khả năng truy vấn dữ liệu phân tán; * Thái độ - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Tích cực tự nghiên cứu tài liệu và giải quyết các vấn đề liên quan.	2	7	BTL
	Quản trị hệ thống mạng Unix	* Kiến thức - Kiến thức cơ bản về cấu trúc, cách làm việc của một hệ thống Unix/Linux, cách tổ chức tập tin trong Unix/Linux và sử dụng các tập lệnh, lập trình shell, hệ thống của Unix/Linux; - Biết cách lập trình shell trong Unix/Linux; - Biết cách quản trị hệ thống Unix/Linux; - Cài đặt, cấu hình mạng và quản trị người dùng trên linux server;	2	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thiết lập các cơ chế an ninh hệ thống qua firewall IPTables và Shorewall; - Vận dụng được cách cấu hình, quản lý hệ thống để có thể cấu hình một hệ thống mạng nhỏ trong thực tế. * Kỹ năng - Kỹ năng cài đặt và vận hành server linux; - Kỹ năng làm việc nhóm, trình bày kết quả các bài LAB về khai triển và quản trị hệ thống và các dịch vụ mạng trên Unix/Linux; - Kỹ năng quản lý hệ thống; - Hình thành cách quan sát, phân tích và cách xử lý các sự cố có thể xảy ra trong lập trình Shell, triển khai và quản trị hệ thống và các dịch vụ mạng trên Unix/Linux. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.			
	Mô phỏng và đánh giá hiệu năng mạng	* Kiến thức - Hiểu rõ phương pháp đánh giá hiệu quả định tuyến bằng phương pháp mô phỏng, giới thiệu một số hệ mô phỏng mạng; - Hiểu rõ gôn ngữ xây dựng kịch bản Tcl, công cụ phân tích kết quả mô phỏng được lưu trong tập tin .tr, mã lệnh AWK, phần mềm Gnuplot để vẽ biểu đồ; - Hiểu rõ đặc điểm của giao thức định tuyến theo yêu cầu AODV, quá trình khám phá tuyến của giao thức AODV; - Hiểu và cài đặt được các hình thức tấn công mạng như tấn công lỗ đen (Blackhole), lỗ xám (Grayhole), lỗ sâu (Wormhole), ngập lụt (Flooding) và lốc xoáy (WhirlWind). * Kỹ năng - Sử dụng nhuần nhuyễn phần mềm NS2 để thiết kế và cài đặt kịch bản mô phỏng; - Trình bày trước đám đông sử dụng phương tiện trình chiếu; * Thái độ - Tinh thần tự học chuyên cần thông qua việc tham gia học trên lớp, giải các bài tập trên lớp và về nhà.	3	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Tinh thần tích cực làm việc trong nhóm, cùng nghiên cứu và trao đổi giải quyết vấn đề.			
	Quản trị hệ thống mạng Windows	* Kiến thức - Biết vững khái niệm mạng máy tính, nguyên lý hoạt động của các tầng trong mô hình OSI, mô hình TCP/IP; - Biết được chức năng, đặc điểm của các thiết bị mạng như Hub, Switch, Router...; - Biết được các chức năng của dịch vụ trên hệ điều hành Windows Server, áp dụng vào cài đặt và cấu hình hệ thống mạng theo yêu cầu; - Biết được các phương pháp bảo mật trong hệ thống mạng Windows; - Biết cách cài đặt và quản trị hệ thống Forefront Threat Management Gateway. * Kỹ năng - Sử dụng tốt các thiết bị mạng, kỹ năng quản lý địa chỉ IP; - Cài đặt và sử dụng thành thạo các dịch vụ của HĐH Windows Server; - Cài đặt và quản trị các dịch vụ trên Windows Server như DNS, DHCP, Active Directory; - Ứng dụng hệ thống Forefront Threat Management Gateway để bảo vệ hệ thống mạng của cơ quan đơn vị. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	2	8	BTL
	Lập trình mạng	* Kiến thức - Nắm vững mô hình tham chiếu mạng OSI, mô hình TCP/IP và cách thức truyền thông tin qua các mô hình. - Nắm vững các lớp hỗ trợ lập trình ứng dụng mạng của ngôn ngữ C# - Hiểu được cách thiết kế và xây dựng ứng dụng mạng theo các kỹ thuật khác nhau. * Kỹ năng - Rèn luyện kỹ năng thiết kế các hệ thống ứng dụng mạng trong thực tế. - Sử dụng thành thạo ngôn ngữ C# để xây dựng các ứng dụng mạng. - Rèn luyện kỹ năng bảo trì và phát triển ứng dụng mạng trong thực tế.	2	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		* Thái độ - Tôn trọng nội quy lớp học, đi học đầy đủ và lên lớp đúng giờ. - Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Tham gia tích cực trong giờ học. - Có ý thức rèn luyện kỹ năng làm việc cẩn thận, chuyên nghiệp và sáng tạo.			
	Thị giác máy tính	* Kiến thức - Mô hình camera, ánh sáng, phân tích và xử lý giá trị màu - Nhận dạng đối tượng thông qua biểu diễn toàn cục - Nhận dạng đối tượng thông qua đặc trưng cục bộ - Phân loại đối tượng Ước lượng chuyển động * Kỹ năng - Cài đặt các phương pháp nhận dạng đối tượng thông qua biểu diễn toàn cục - Cài đặt các phương pháp nhận dạng đối tượng thông qua đặc trưng cục bộ - Cài đặt phương pháp phát hiện đối tượng sử dụng cửa sổ trượt, bộ phân lớp SVM Cài đặt thuật toán ước lượng chuyển động * Thái độ - Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của thị giác máy tính trong cuộc sống - Có ý thức tự tìm hiểu, học hỏi, áp dụng các phương pháp trong lĩnh vực thị giác máy tính	2	7	BTL
	Ngoại ngữ chuyên ngành	Kiến thức - Sử dụng được các từ vựng liên quan trong lĩnh vực CNTT để biểu đạt trong giao tiếp ở mức độ căn bản. - Sử dụng được các hình thức văn phạm khác nhau để biểu đạt trong giao tiếp ở mức độ căn bản. * Kỹ năng - Kỹ năng đọc tài liệu kỹ thuật đơn giản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc. - Kỹ năng diễn đạt và thảo luận theo hình thức nói những chủ đề cơ bản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc. - Kỹ năng nghe và hiểu được những trình bày đơn giản trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc.	3	4	TN

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kỹ năng trình bày được theo hình thức viết những chủ đề về CNTT trong môi trường làm việc * Thái độ - Có ý thức kỹ luật học tập nhằm nâng cao khả năng Anh ngữ để phục vụ cho học tập và khả năng nghề nghiệp khi ra trường. - Có ý thức tự học, sưu tầm các tài liệu học Anh ngữ khác nhau để nâng cao hiệu quả học tập.			
	Cấu trúc dữ liệu nâng cao	* Kiến thức - Hiểu danh sách và cấu trúc dữ liệu (CTDL) danh sách; - Biết cài đặt CTDL phù hợp với yêu cầu của bài toán thực tế; - Biết một số CTDL phức tạp như: Cây tổng quát, cây cân bằng, hàm băm, đồ thị; - Hiểu ý nghĩa hàm băm, và một số tính chất của hàm băm; - Hiểu thuật toán đệ qui, thuật toán quy hoạch động. * Kỹ năng - Phân tích bài toán thực tế để đưa ra CTDL phù hợp; - Cài đặt thành thạo danh sách, cây, hàm băm và ứng dụng giải quyết một số bài toán thực tế. - Cài đặt thành thạo các bài toán đồ thị, bài toán tìm kiếm; - Cài đặt thành thạo các bài toán thực tế dựa trên giải thuật đệ qui, giải thuật quy hoạch động. * Thái độ - Sinh viên nghiên cứu tài liệu cùng với nhóm theo chủ đề của từng chương trước khi lên lớp; - Giảng viên giảng bài theo nội dung từng chương và giải một số bài tập cụ thể.	2	5	BTL
	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình	* Kiến thức - Các nguyên lý của ngôn ngữ lập trình, sự phát triển của các ngôn ngữ lập trình, các kiểu dữ liệu và cấu trúc điều khiển; - Các phương thức lập trình (paradigm) như hướng đối tượng, hàm, logic và song song. * Kỹ năng	2	5	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhận ra ưu khuyết điểm của các ngôn ngữ lập trình, có thể thiết kế NNLT mới theo phong cách riêng; - Phân biệt các NNLT khác nhau thông qua việc giải quyết các bài toán. Hiểu và vận dụng các vấn đề đã học vào thực tế. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của người học.			
	Ngôn ngữ lập trình Python	* Kiến thức - Nắm vững lập trình Python: biến, kiểu dữ liệu cơ bản, phép toán, lệnh, cấu trúc điều khiển, nhập xuất, ngoại lệ. - Nắm vững phương pháp lập trình hướng đối tượng trong Python: lớp, đối tượng, kế thừa, định nghĩa chồng. * Kỹ năng - Sử dụng ngôn ngữ Python viết các chương trình ứng dụng cơ bản. Vận dụng thuần thục các kiểu dữ liệu phức tạp trong Python. - Sử dụng thành thạo phương pháp lập trình hướng đối tượng và các công cụ hỗ trợ để xây dựng ứng dụng thực tế. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	2	5	BTL
	Chuyên đề hệ quản trị CSDL	* Kiến thức - Thực hiện được thao tác kết nối với CSDL trên server, tạo/xóa/thay đổi table, tạo chỉ mục, thêm/xóa/thay đổi dữ liệu trong một table; - Sử dụng thành thạo câu lệnh SELECT để trả lời câu hỏi truy vấn; - Vận dụng kiến thức lập trình PL/SQL để lập trình CSDL với Stored Procedure, Function, Trigger;; - Thiết lập users, quản trị, phân quyền người dùng; - Kết hợp với ngôn ngữ lập trình khác để kết nối CSDL và hiển thị thao tác dữ liệu. * Kỹ năng	2	6	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi kỹ năng thực hành độc lập; - Rèn luyện kỹ năng lập trình một cách thành thạo và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); - Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học.			
	Hệ cơ sở tri thức	* Kiến thức - Mô tả được hệ chuyên gia, cấu trúc của một hệ cơ sở tri thức và các đặc trưng của nó, các thành phần của hệ chuyên gia. - Ciải thích được vai trò của hệ tri thức trong giải quyết vấn đề. - Trình bày được các phương pháp tiếp cận biểu diễn tri thức, nêu được ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp. - Trình bày được các phương pháp suy diễn của động cơ suy diễn trong các hệ dựa trên quy tắc (JESS). - Mô tả được quy trình thiết kế một hệ chuyên gia. * Kỹ năng - Phân tích, giải quyết bài toán theo phương pháp các hệ dựa trên tri thức. - Vận dụng các phương pháp biểu diễn tri thức vào lĩnh vực cụ thể. - Lập trình trong Shell. * Thái độ - Tích cực nghiên cứu cách thiết kế các hệ tri thức, hệ chuyên gia cho ứng dụng thực tế. - Nhận thức đúng đắn về vai trò của việc thiết kế các hệ tri thức, các hệ chuyên gia trong ứng dụng thực tế.	2	6	TL
	Thiết kế và tích hợp giao diện	* Kiến thức - Vận dụng khả năng thu thập giao diện người dùng; - Phân loại được giao diện người sử dụng; - Vận dụng khả năng phân tích và đặc tả yêu cầu của người sử dụng về giao diện phần mềm; - Thiết kế được các loại giao diện phần mềm phù hợp với người sử dụng;	2	6	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kiểm thử và phát triển giao diện theo yêu cầu của người sử dụng. * Kỹ năng - Hình thành khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết các vấn đề cần quan tâm. - Hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm; - Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, thảo luận và phát biểu ý kiến trước mọi người; - Ứng dụng hệ thống Forefront Threat Management Gateway để bảo vệ hệ thống mạng của cơ quan đơn v Hình thành kỹ năng thẩm mỹ để cảm thụ và đánh giá cái đẹp ị. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm; - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.			
	Khai phá dữ liệu	* Kiến thức - Nhận biết được các bước trong quá trình khám phá tri thức. - Mô tả được các khái niệm cơ bản, công nghệ, và ứng dụng của khai phá dữ liệu. - Minh hoạ được các tác vụ khai phá dữ liệu phổ biến như: phân lớp, gom nhóm, và khai phá luật kết hợp. * Kỹ năng - Vận dụng được một số công cụ khai phá dữ liệu để thực hiện các bài toán về phân lớp, gom nhóm và khai phá luật kết hợp cho dữ liệu. - Phát biểu được một bài toán KPDL thực tiễn và thiết kế được mô hình giải quyết bài toán. - Thuyết trình và báo cáo kết quả nghiên cứu. * Thái độ - Có thái độ nghiêm túc, thích thú hăng say học tập - Ý thức được vai trò của khai phá dữ liệu và việc ứng dụng vào thực tiễn. - Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên.	2	6	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Quản lý dự án phần mềm	* Kiến thức - Trình bày sự cần thiết của quản lý dự án phần mềm, tầm quan trọng của quản lý dự án và chu trình sống của phần mềm. - Phát biểu các khái niệm cơ bản, các yếu tố trong quản lý phần mềm - Mô tả các nội dung quản lý, các lĩnh vực trong quản lý dự án phần mền, các giai đoạn trong quản lý dự án . * Kỹ năng - Xây dựng được mô hình quản lý dự án phù hợp cho một dự án. - Kỹ năng làm việc nhóm * Thái độ - Có ý thức tự nghiên cứu sâu hơn về môn học để vận dụng vào một dự án phần mền thực tế. - Có thái độ học tập nghiêm túc, nhận thức đúng đắn vai trò của môn học trong việc phát triển nghề nghiệp của bản thân.	2	6	TL
	Kỹ thuật đồ hoạ	* Kiến thức - Nắm được kiến thức, kỹ thuật lập trình đồ họa cơ bản bằng Pascal; - Hiểu được các giải thuật vẽ các đường cơ bản: đường thẳng, đường tròn; - Nắm được các giải thuật tô màu cơ bản; - Nắm được các phép biến đổi đồ họa 2D, 3D; - Vận dụng lập trình vẽ đồ họa các hình đơn giản. * Kỹ năng - Hiểu và vận dụng kiến thức vào các học phần khác như thiết kế web; - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh; - Có khả năng thảo luận, làm việc với nhóm đồng thời nâng cao khả năng trình bày các vấn đề trước tập thể. * Thái độ - Phát huy tối đa tính tự học, tự nghiên cứu; - Nhận thức đúng tầm quan trọng của môn học; - Đam mê nghiên cứu, chăm chỉ, có ý thức tự học, tự trao dồi bản thân.	3	7	TL
	Cơ sở dữ liệu nâng cao	* Kiến thức	2	7	TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu rõ các khái niệm về HQTCSDL quan hệ, HQTCSDL phân tán, HQTCSDL hướng đối tượng; - Nắm vững phương pháp thiết kế CSDL phân tán và vận dụng các phương pháp vào thực tiễn; - Hiểu rõ các khái niệm về CSDL hướng đối tượng và phân biệt được các mô hình CSDL; - Hiểu rõ các đối tượng trong Oracle và sử dụng thành thạo các chức năng trong HQT CSDL Oracle; - Nắm vững ngôn ngữ lập trình PL/SQL và cài đặt được các bài tập liên quan ; - Vận dụng lý thuyết CSDL HĐT để xây dựng và cài đặt các phương thức của đối tượng bằng Oracle; - Biết cách truy vấn dữ liệu hướng đối tượng và phân biệt được truy vấn trên CSDL HĐT và truy vấn trên CSDL quan hệ. * Kỹ năng - Phát triển kỹ năng cộng tác, biết tiếp thu ý kiến và giải quyết vấn đề; - Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, tự học tự nghiên cứu; - Phát triển và trao dồi năng lực đánh giá; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. - Rèn luyện kỹ năng lập trình và vận dụng vào thực tế. * Thái độ - Nghiêm túc chấp hành giờ giấc lên lớp (tham dự trên 80% số tiết); - Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV về thực hiện nội dung môn học.			
	Hệ thống thông tin địa lý	* Kiến thức - Biết và hiểu được các khái niệm cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); - Hiểu được các thành phần cơ bản trong GIS; - Biết và hiểu được cách thức tổ chức dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính trong GIS; * Kỹ năng - Thành thạo các thao tác cơ bản về biên tập và xử lý dữ liệu không gian, thuộc tính trên phần mềm GIS cụ thể;	2	7	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thử nghiệm các phương pháp phân tích không gian trong GIS trên phần mềm GIS cụ thể. * Thái độ, hành vi Rèn luyện tính kiên trì, cẩn thận, thẩm mỹ thông qua quá trình làm việc với dữ liệu GIS và xây dựng các bản đồ chuyên đề.			
	Máy học ứng dụng	* Kiến thức - Có kiến thức tổng quan về máy học và các lĩnh vực áp dụng của máy học. - Nắm vững nguyên tắc thiết lập môi trường, huấn luyện và kiểm thử các mô hình máy học - Có kiến thức cơ bản về các kỹ thuật máy học cơ bản như: k láng giềng gần, kỹ thuật gom nhóm dữ liệu, cây quyết định, phương pháp tập hợp mô hình,… * Kỹ năng - Sử dụng các công cụ, môi trường đương đại để thiết kế, cài đặt và kiểm thử các hệ thống liên quan đến máy học theo chuẩn mực của lĩnh vực máy học * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần. - Tích cực tham gia học tập trên lớp, tự học và học nhóm. - Chủ động tìm đọc các tài liệu tham khảo, liên hệ để đề ra ý tưởng giải quyết các vấn đề ngoài thực tế.	2	7	BTL
	Thương mại điện tử	* Kiến thức - Sinh viên nắm được khái quát các khái niệm về thương mại điện tử, các đặc trưng cơ bản của 1 website thương mại điện tử. - Nắm rõ các tính chất đặc thù của thương mại điện tử và vai trò của ngành khoa học máy tính trong hệ thống thương mại điện tử. - Có kiến thức về những lợi ích, thuận lợi, khó khăn và những xu hướng phát triển công nghệ phục vụ thương mại điện tử. - Có kiến thức về cách xây dựng các hình thức chi trả trực tiếp qua mạng, cách xây dựng giỏ hàng và tổ chức cơ sở dữ liệu. - Giới thiệu cách bố trí website thương mại điện tử, những yêu cầu, thành phần cần phải có, những lưu ý cần thiết để website thương mại điện tử đạt hiệu quả cao.	3	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên có khả năng xây dựng những ứng dụng web thông qua việc sử dụng các kỹ thuật trình diễn và bố trí thông tin (layout). - Sử dụng các mã nguồn mở để phát triển website thương mại điện tử và bảo mật, an toàn hệ thống thương mại điện tử. * Kỹ năng - Khả năng làm việc độc lập; - Kỹ năng giải quyết vấn đề; - Kỹ năng giao tiếp. * Thái độ - Tích cực tìm kiếm các kiến thức mới của nhân loại; - Nghiêm túc trong công việc hàng ngày.			
	Thực tập tốt nghiệp	* Kiến thức - Biết làm việc trong môi trường thực tế; - Biết nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học hoặc đời sống. * Kỹ năng - Biết và vận dụng qui trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực; - Biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin; - Có kỹ năng áp dụng kiến thức vào thực tế, - Có kỹ năng viết và trình bày báo cáo cho một dự án. * Thái độ - Nhận thức được tầm quan trọng của học phần; - Chấp hành đúng các nội quy, quy định của cơ quan thực tập.	6	8	BTL
	Khóa luận tốt nghiệp	* Kiến thức: - Vận dụng kiến thức liên môn học như: cơ sở ngành, chuyên ngành để xây dựng các mô hình trong hệ thống phần mềm; thiết kế triển khai ứng dụng web, lập trình mô phỏng, hay lập trình điều khiển để phát triển hệ thống, thiết kế và quản trị hệ thống mạng,… * Kỹ năng: - Tập trình bày một báo cáo khoa học đúng mẫu;	6	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình trước đám đông; - Rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập. * Thái độ: Nghiêm túc và tự giác trong công việc; hoàn thành công việc đúng tiến độ.			
	Công nghệ web	* Kiến Thức - Mô tả được các xu hướng công nghệ web hiện nay và các công nghệ được sử dụng phổ biến để phát triển ứng dụng web. - Giải thích được cú pháp và cách sử dụng của các ngôn ngữ web cơ bản xây dựng ứng dụng web như HTML5, CSS3, BootStrap. - Giải thích được thành phần trong mô hình MVC như Model, View, Controller. - Phân biệt được các mô hình lập trình Entity Framework như Database First, Code First. - Vận dụng các ngôn ngữ web cơ bản để xây dựng được giao diện ứng dụng web thông qua HTML5, CSS3, BootStrap - Xây dựng được ứng dụng web dựa trên công nghệ ASP.Net (C#) MVC5. * Kỹ năng - Thiết kế được layout cho trang web, tạo được form thông qua HTML5, CSS3, BootStrap. - Xây dựng được website bán hàng dựa trên công nghệ ASP.Net (C#) MVC5 với Entity Framework. - Thành lập nhóm, phân chia công việc các thành viên nhóm để xây dựng website theo mô hình MVC. * Thái độ - Tích cực nghiên cứu các công nghệ web - Nhận thức được giá trị của các công nghệ mới, sẵn sàng áp dụng công nghệ mới thực tế.	3	8	BTL
	Phát triển phần mềm hướng đối tượng	* Kiến thức - Nhận biết được phần mềm quản lý và các bước cơ bản của quy trình phát triển phần mềm hướng đối tượng. - Mô tả được qui trình kiểm thử phần mềm.	3	8	BTL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xây dựng được các sơ đồ hướng đối tượng cho giai đoạn phân tích phần mềm quản lý. - Thiết kế được cơ sở dữ liệu và giao diện cho phần mềm quản lý. - Vận dụng được lập trình hướng đối tượng trong C# để cài đặt và đóng gói một phần mềm quản lý. * Kỹ năng - Có khả năng tiếp cận thực tiễn, lên ý tưởng thiết kế theo hướng đối tượng để xây dựng một phần mềm quản lý. - Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu từ các nguồn tin cậy. - Hình thành kỹ năng trong làm việc nhóm: kỹ năng giao tiếp, tranh luận, giải quyết xung đột, đưa ra ý kiến. * Thái độ - Hiểu được vai trò của việc xây dựng phần mềm hướng đối tượng và ứng dụng vào thực tiễn. - Thái độ làm việc nghiêm túc, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên. - Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm, đề xuất sáng kiến, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm.			

32. Ngành Nuôi trồng thủy sản (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Hiểu biết về lịch sử, vị thế của trường Đại học Đồng Tháp, của khoa Nông nghiệp và tài nguyên môitrường; Hiểu biết về ngành Nuôi trồng thủy sản, nhu cầu xã hội và triển vọng việc làm tại công ty, doanh nghiệp, các cơ sở nông nghiệp trong và ngoài tỉnh	3	HK 1	Báo cáo
2	Động vật không xương sống ở nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về động vật không xương sống ở nước	3	HK 1	Thi
3	Hóa sinh động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hóa sinh động vật thủy sản	2	HK 1	Thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Thực vật nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thực vật nước	2	HK 2	Thi
5	Tổ chức phôi học động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tổ chức phôi học động vật thủy sản	2	HK 2	Thi
6	Vi sinh vật học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về vi sinh vật học thủy sảnc	2	HK 1	Thi
7	Ngư loại và động vật có xương sống ở nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về động vật không xương sống ở nước	3	HK 3	Thi
8	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	3	HK 4	Thi
9	Sinh lý học động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sinh lý học động vật thủy sản	3	HK 4	Thi
10	Sinh thái thủy sinh vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sinh thái thủy sinh vật thủy sản	3	HK 4	Thi
11	Công trình và thiết bị nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về công trình và thiết bị nuôi trồng thủy sản	2	HK 4	Báo cáo
12	Di truyền học và chọn giống thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về di truyền học và chọn giống thủy sản	3	HK 4	Thi
13	Tin học ứng dụng cho thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tin học ứng dụng cho thủy sản	2	HK 5	Thi
14	Hải dương học	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hải dương học	2	HK 3	Thi
15	Nhập môn hệ thống nông nghiệp	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hệ thống nông nghiệp	2	HK 3	Thi
16	Địa lý Việt Nam đại cương	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về địa lý Việt Nam	2	HK 3	Thi
17	Miễn dịch học ứng dụng trong NTTS	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về miễn dịch học ứng dụng trong NTTS	2	HK 5	Thi
18	Khuyến ngư và phát triển nông thôn	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về khuyến ngư và phát triển nông thô	2	HK 3	Thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi thức ăn tự nhiên	2	HK 3	Thi
20	Dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về dinh dưỡng và thức ăn động vật thủy sản	3	HK 5	Thi
21	Bệnh học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về bệnh học thủy sản	3	HK 5	Thi
22	Thiết kế và quản lý dự án nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thiết kế và quản lý dự án nuôi trồng thủy sản	2	HK 5	Th Báo cáo i
23	Kỹ thuật nuôi động vật thân mềm	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi động vật thân mềmc	2	HK 5	Thi
24	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sản xuất giống và nuôi giáp xác	2	HK 5	Báo cáo
25	Chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sảnc	2	HK 5	Thi
26	Kinh tế nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kinh tế nuôi trồng thủy sản	2	HK 6	Thi
27	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về động vật không xương sống ở nước	2	HK 6	Thi
28	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi cá nước ngọt	2	HK 6	Báo cáo
29	Sản xuất giống và KT nuôi thương phẩm cá biển	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá biển	2	HK 6	Thi
30	Quy hoạch và phát triển nghề cá	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về quy hoạch và phát triển nghề cá	3	HK 6	Thi
31	Kỹ thuật nuôi trồng rong biển	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi trồng rong biển	2	HK 7	Thi
32	Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2	HK 7	Thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Luật thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về văn bàn quy phạm pháp luật về thuy sản	2	HK 7	Thi
34	Khởi nghiệp nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về khởi nghiệp nuôi trồng thủy sản	3	HK 5	Báo cáo
35	Kỹ năng tìm kiếm việc làm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tìm kiếm việc làm thủy sản	1	HK 6	Thi Báo cáo
36	Nghiệp vụ chuyên ngành Nuôi trồng thuỷ sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về các nghiệp vụ trong hoạt động thuỷ sản	2	HK 7	Báo cáo
37	Độc chất học thủy vực	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về chất độc trong thuỷ vực	2	HK 7	Thi
38	Hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi thủy sản tuần hoàn	2	HK 7	Thi
39	Quản lý dịch bệnh thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về dịch bệnh thủy sản	2	HK 7	Báo cáo
40	Ứng dụng vi sinh vật hữu ích trong quản lý chất lượng nước	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về vi sinh vật hữu ích trong quản lý chất lượng nước	2	HK 7	Thi
41	Hóa chất cải tạo và xử lý MT nuôi ĐVTS	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về hóa chất cải tạo và xử lý MT nuôi ĐVTS	2	HK 7	Thi
42	Kỹ thuật nuôi thủy sản đặc sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi thủy sản đặc sản	2	HK 7	Thi
42	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi cá cảnh	2	HK 7	Thi
44	Kiểm tra chất lượng, ATVS an toàn sản phẩm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về chất lượng, ATVS an toàn sản phẩm thủy sản	2	HK 7	Thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
45	Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sảnc	2	HK 7	Thi
46	Các kỹ thuật chẩn đoán bệnh cá tôm	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về kỹ thuật chẩn đoán bệnh cá tôm	2	HK 7	Thi
47	Chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sả	2	HK 7	Thi
48	Phòng và chữa bệnh do ký sinh trùng ở ĐVTS	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phòng và chữa bệnh do ký sinh trùng ở ĐVTS	2	HK 7	Thi
49	Phòng và chữa các bệnh do vi khuẩn và virus ở ĐVTS	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phòng và chữa các bệnh do vi khuẩn và virus ở ĐVTS	2	HK 7	Thi
50	Marketing trong nuôi trồng thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thị trường trong nuôi trồng thủy sản	2	HK 7	Thi
51	Phương pháp nghiên cứu khoa học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phương pháp nghiên cứu khoa học thủy sản	2	HK 7	Thi
52	Tâm lý học khách hàng và công nhân thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về tâm lý khách hàng và công nhân thủy sả	2	HK 7	Thi
53	Dược lý học thủy sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về dược lý thủy sản	2	HK 7	Thi
54	Nội tiết học sinh sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nội tiết sinh sản	2	HK 7	Thi
55	Thống kê sinh học	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về phương pháp thống kê sinh học	2	HK 7	Thi
56	Thực tập giáo trình cơ sở	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về thu vá phân tích mẫu nước vá thuỷ sinh vật	4	HK 4	Báo cáo
57	Thực tập nghề cá nước ngọt	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi thuỷ sản nước ngọt	3	HK 6	Báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Thực tập nghề nuôi hải sản	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về nuôi thuỷ sản nước lợ	3	HK 6	Báo cáo
59	Thực tập tốt nghiệp	Bổ sung kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên về sản xuất, kinh doanh trong thuỷ sản	4	HK 8	Báo cáo

33. Ngành Công tác xã hội (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Xã hội học đại cương	Học phần trang bị cho người học kiến thức đại cương về xã hội học; các phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học; các chuyên đề xã hội học: xã hội và văn hóa, quá trình xã hội hóa, vị trí và vai trò xã hội, tổ chức xã hội, phân tầng và di động xã hội, kiểm soát xã hội và lệch lạc xã hội, thiết chế xã hội, hành vi tập thể và phong trào xã hội, biến chuyển xã hội. Thông qua đó người học sẽ có được nhãn quan xã hội học khi đánh giá, phân tích các vấn đề xã hội, giảm định kiến xã hội, hướng đến thực hiện các hành vi và giải pháp nhằm xây dựng xã hội phát triển công bằng, bền vững.	2	Học kì 1, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
2	Nhập môn công tác xã hội	Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam, cơ sở khoa học của ngành công tác xã hội, về tiến trình trong việc giải quyết vấn đề trong công tác xã hội trong một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản. Giúp sinh viên có được những kiến thức nền tảng, cơ bản nhất của ngành công tác xã hội để tiếp cận các môn học chuyên ngành khác sâu hơn. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của công tác xã hội cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến	2	Học kì 1, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng môn học mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở, kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp công tác xã hội.			
3	Các lý thuyết trong công tác xã hội	Môn học này giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản về các lý thuyết được ứng dụng trong công tác xã hội, qua đó sinh viên biết cách áp dụng các lý thuyết công tác xã hội vào các trường hợp can thiệp cụ thể với các thân chủ, tác động với nhóm, cộng đồng. Đồng thời, qua việc xem xét đánh giá những lý thuyết khác nhau trong công tác xã hội, sinh viên sẽ biết cách đưa ra những cách thức lý luận khác nhau, áp dụng các mô hình lý luận khác nhau về hoạt động thực hành của công tác xã hội.	2	Học kì 1, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
4	Hành vi con người và môi trường xã hội	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên/học viên hệ thống kiến thức căn bản về hành vi của con người; Mối quan hệ và vai trò của môi trường xã hội với hành vi của con người; Các cơ sở cấu thành của hành vi con người; Các học thuyết về hành vi con người và Các giai đoạn phát triển của con người với hành vi của họ. Từ đó, giúp cho sinh viên/học viên có góc nhìn tổng quan, đa chiều về hành vi của con người và môi trường xã hội, hình thành và phát triển ở sinh viên/học viên hệ thống kỹ năng – thái độ nghề nghiệp khoa học, hiệu quả cao để sinh viên/học viên sử dụng trong quá trình học tập – đào tạo và nghề nghiệp sau này.	2	Học kì 1, 2022-2023	- Chuyên cần: 5% - Bài tự học; Làm việc nhóm; Bài tập về nhà (sản phẩm): 15% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
5	Tâm lý học phát triển	Học phần Tâm lý học phát triển là một trong nhiều khoa học nghiên cứu về con người, giúp sinh viên nắm bắt được những quy luật của sự nảy sinh, hình thành và phát triển về thể chất, tâm lý con người, nhận thức được cơ chế tác động tạo ra sự biến đổi tích cực của quá trình sống của con người. Trên cơ sở đó vận dụng kiến thức tâm lý một cách sáng tạo vào việc học tập, thực tiễn đời sống xã hội, xây	2	Học kì 2, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng những định hướng tâm lý cá nhân, nhóm, xã hội qua các giai đoạn phát triển khác nhau một cách khoa học để rèn luyện nhân cách của mình được tốt hơn cũng như tham gia tốt phát triển cộng đồng.			- Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
6	Giới và phát triển	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các khái niệm, các lý thuyết, các mô hình phát triển về giới; phân tích sự phân công lao động về giới trong gia đình; đánh giá nhu cầu giới trong cộng đồng; phân tích và lồng ghép giới vào các dự án phát triển; vận dụng chiến lược tăng quyền lực vào các hoạt động trợ giúp xã hội. Thông qua đó người học phân tích được các vấn đề xã hội từ quan điểm giới, thiết kế nghiên cứu khoa học có tính đến yếu tố giới, lập kế hoạch, giám sát và đánh giá các chương trình/dự án phát triển mang tính nhạy cảm giới.	2	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
7	Thống kê xã hội	Học phần giúp người học có cái nhìn tổng quan về thống kê nói chung cũng như thống kê trong lĩnh vực xã hội nói riêng. Học phần giúp người học có được cho mình những công cụ về: chọn mẫu về đối tượng nghiên cứu, thu thập và tổng hợp số liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu,… và các phương pháp cơ bản để phân tích những số liệu đó. Từ đó người học là cơ sở để người học có những phương pháp định lượng cũng như đưa ra những giải pháp mang tính logic, khoa học, đủ tính thuyết phục để giải quyết câu hỏi nghiên cứu của mình.	2	Học kì 2, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Điểm bài tập: 10% - Báo cáo nhóm: 20% - Thi cuối kỳ: 50%
8	An sinh xã hội và những vấn đề xã hội	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức những vấn đề lý luận cơ bản về an sinh xã hội và các vấn đề xã hội. Bao gồm hệ thống các khái niệm về an sinh xã hội, các vấn đề xã hội; sự cần thiết có một hệ thống an sinh xã hội ở một quốc gia. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên hiểu rõ hệ thống an sinh xã hội thế giới, sự hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam, quan hệ giữa hệ thống an sinh xã hội với hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị, các lĩnh vực của an sinh xã hội trong quá trình phát triển xã hội.	3	Học kì 1, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ:20% - Bài tập lớn: 20% - Thi cuối kỳ: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Chính sách xã hội	Học phần trang bị cho người học kiến thức về lịch sử hình thành chính sách xã hội ở Việt Nam, phương pháp luận về chính sách xã hội như đối tượng, nội dung, nhiệm vụ và các mối quan hệ của chính sách xã hội; những quan điểm trong việc hoạch định và thực thi các chính sách xã hội; một số chính sách xã hội cơ bản như chính sách dân số; chính sách lao động và việc làm, chính sách giáo dục và đào tạo; chính sách xã hội về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường; chính sách xã hội đối với phụ nữ; chính sách văn hóa; chính sách dân tộc; chính sách phòng chống tệ nạn xã hội. Thông qua đó, người học nắm vững một số chính sách xã hội cơ bản hiện hành ở Việt Nam, từ đó hướng đến việc kết nối các chính sách với các đối tượng thụ hưởng trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình	3	Học kì 2, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
10	Gia đình học	Học phần trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề đại cương trong gia đình học như các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu về gia đình học; các vấn về trong đường đời và sự phát triển, biến đổi của gia đình theo đường đời; hôn nhân, gia đình theo quan điểm giới và sự mật thiết trong đời sống lứa đôi; sự biến đổi của gia đình; các vấn đề của gia đình đương đại; tương lai gia đình và công tác xã hội với gia đình. Thông qua đó, người học có thể tư vấn, thạm vấn các vấn đề liên của gia đình, nghiên cứu khoa học để phát triển và củng cố gia đình đương đại.	3	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
11	Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội	Học phần trang bị cho người học kiến thức về các loại hình nghiên cứu xã hội, các bước đi trong nghiên cứu xã hội và các kỹ thuật chọn mẫu nghiên cứu, xây dựng bản câu hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát, nghiên cứu tư liệu. Thông qua đó người học thực hiện được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu các vấn đề xã hội mình quan tâm với các kỹ thuật thu thập và phân tích thông tin phù hợp.	3	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
12	Khởi nghiệp	Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Trên cơ sở các kiến thức được tiếp thu này, sau khi ra trường và tích lũy được đủ điều kiện, sinh viên có thể tự mình khởi sự một	3	Học kì 1, 2024-2025	- Kiểm tra thường kỳ: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động kinh doanh cụ thể. Học xong học phần này, người học sẽ nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về xác định, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập được kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, cũng như trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện việc tạo lập một doanh nghiệp,... từ đó hình thành nên năng lực khởi nghiệp kinh doanh.			- Điểm thực hiện viết báo cáo đề án kết thúc học phần: 50%
13	Phân tích và xử lý số liệu bằng SPSS	Học phần này giúp người học tiếp cận được với một trong những phần mềm thống kê rất phổ biến hiện nay, đó là phần mềm SPSS (Statistic Package for Social Science). Thông qua học phần này, người học sẽ lĩnh hội được những kiến thức và kỹ năng trong việc xử lý và phân tích dữ liệu. Đây là cơ sở rất quan trọng để người học có thể phân tích được dữ liệu phục vụ các nghiên cứu khoa học và tiễn công việc sau khi tốt nghiệp.	2	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Bài tập nhóm: 20% - Kiểm tra tự luận: 20% - Thi kết thúc học phần (Thực hành): 50%
14	Trợ giúp xã hội	Môn học cung cấp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về những vấn đề cơ bản về trợ giúp xã hội; hệ thống chính sách trợ giúp xã hội và hệ thống tổ chức và quản lý các hoạt động trợ giúp xã hội. Giúp sinh viên hình thành tư chất nghề nghiệp của nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ an sinh xã hội cho cá nhân, gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn không có hoặc chưa có đủ năng lực tự giúp chính mình và gia đình.	2	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ:20% - Bài tập lớn: 20% - Thi cuối kỳ: 50%
15	Tâm lý học xã hội	Học phần Tâm lý học xã hội hướng sinh viên vào xác định đối tượng, nhiệm vụ và chọn lựa phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội; cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nhóm (mà cá nhân là một thành viên, chịu sự ảnh hưởng của nhóm và có sự tác động trở lại để tạo ra sự tồn tại và phát triển của nhóm), các hiện tượng tâm lý xã đặc trưng, điển hình và sự hình thành, phát	2	Học kì 1, 2022-2023	- Chuyên cần: 5 % - Làm bài tập về nhà, bài tập trên lớp, làm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển nhân cách của cá nhân thông qua các thành tố của xã hội, đặc biệt là vai trò của các mối quan hệ xã hội.			việc nhóm… (Có sản phẩm nộp lại):15% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
16	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	Học phần trang bị cho người học những kiến thức sống khỏe và dinh dưỡng; những thay đổi về thể chất và cảm xúc ở VTN; ứng xử với bạn khác giới và tình yêu ở VTN; giúp VTN hình thành quan hệ giới tính lành mạnh; bảo vệ sức khỏe sinh sản ở VTN; kế hoạch hóa gia đình; nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây qua đường tình dục; tình dục an toàn. Thông qua đó người học có thể thực hiện tư vấn, tham vấn cho thân chủ về các vấn đề liên quan đến giới tính, sinh sản và tình dục an toàn.	2	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
17	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về việc phân biệt các loại văn bản nói chung, văn bản hành chính nói riêng, việc vận dụng các văn bản như thế nào trong môi trường làm việc thực tế, bên cạnh đó rèn luyện kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính đúng với thể thức quy định. Thông qua đó, giúp cho sinh viên thuận lợi trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.	2	Học kì 2, 2021-2022	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Bài tập lớn: 50%
17	Sức khỏe cộng đồng	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về khái niệm, đối tượng, phương pháp tiếp cận và nghiên cứu sức khỏe cộng đồng; phân tích vai trò và chức năng của công tác xã hội đối với sức khỏe cộng đồng; kiến thức và kỹ năng về dinh dưỡng, giáo dục về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường, tai nạn thương tích; sơ cấp cứu ban đầu một số bệnh tật và tai nạn thường	2	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xảy ra trong cộng đồng. Thông qua đó, người học có thể tư vấn, tham vấn, truyền thông các vấn đề liên quan đến sức khỏe cộng đồng, thực hiện được một số kỹ năng phòng chống dịch bệnh, xử trí sơ cấp cứu ban đầu một số tai nạn thường gặp trong cộng đồng, hướng đến xây dựng cộng đồng nâng cao sức khỏe.			- Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
18	Phương pháp phát triển cộng đồng dựa vào nội lực	Học phần này cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về phát triển cộng đồng dựa vào nội lực của cộng đồng. Bao gồm những khái niệm liên quan đến phát triển cộng đồng, nội lực của cộng đồng, tài sản của cộng đồng, tiềm năng của cộng đồng. Từ đó sinh viên tiếp cận với phương pháp mới nhằm giải quyết vấn đề của cộng đồng từ chính những nội lực, tài sản sẵn có của cộng đồng đó. Đảm bảo được nguyên tắc phát triển bền vững và nâng cao năng lực cho người dân tại cộng đồng.	2	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
20	An sinh nhi đồng và gia đình	Môn học an sinh nhi đồng và gia đình là môn học cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết tổng quát về hệ thống bộ máy tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, gia đình với chức năng nhiệm vụ đảm bảo an sinh cho trẻ em; cung cấp hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật và sự thống nhất về mục tiêu, giải pháp đảm bảo an sinh cho trẻ; sự hiểu biết về những vấn đề tâm-sinh lí-xã hội của trẻ ảnh hưởng đến an toàn sinh sống của trẻ em. Hiểu biết về vị trí và vai trò nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực an sinh trẻ em cần phải thực hiện.	2	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi hết môn: 50%
21	Đạo đức nghề công tác xã hội	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp của công tác xã hội. Từ đó xác định rõ đạo đức nghề nghiệp cũng chính là cơ sở khoa học, là nền tảng giá trị của ngành nghề mang tính nhân văn này. Môn học cũng làm rõ sự hình thành các quy chuẩn đạo đức của nghề không tách rời các bối cảnh kinh tế, xã hội và các đặc trưng văn hoá vùng miền. Bằng phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp môn học cũng làm rõ trách nhiệm của nhân viên công tác xã hội đối với nghề nghiệp, cũng đồng thời định hướng hành động cho mỗi cá nhân, nhóm, cộng đồng trong mục đích vì sự công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.	2	Học kì 1, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Kỹ năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng	Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết về sinh hoạt cộng đồng cũng như công tác thực hiện các hình thức sinh hoạt cộng đồng. Những nguyên tắc cơ bản khi tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Mục đích thực hiện tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Rèn luyện những kỹ năng cần có của người tổ chức sinh hoạt.	2	Học kì 1, 2023-2024	- Thảo luận, hoạt động nhóm: 20% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
23	Công tác xã hội với cá nhân	Môn học cũng cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề tổng quan như khái niệm, các nguyên tắc hành động, vai trò của nhân viên xã hội, những lý thuyết ứng dụng, các thành tố trong công tác xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề khi làm việc với cá nhân cũng như những kỹ năng cơ bản cần có trong thực hành công tác xã hội với cá nhân. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết một trường hợp điển cứu thực tế nhằm kết nối giữa lý thuyết và thực hành.	3	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
24	Công tác xã hội với nhóm	Môn học là phương pháp đặc thù, căn bản thứ hai trong thực hành công tác xã hội, phương pháp can thiệp, trợ giúp với nhóm thân chủ có cùng vấn đề khó khăn tương đối giống nhau hoặc có liên quan với nhau. Công cụ cốt lõi của phương pháp dựa trên sự tương tác của các thành viên trong một nhóm, mối tương tác này ảnh hưởng đến sự thay đổi hành vi theo hướng tích cực được nhân viên xã hội dự kiến trong một kế hoạch hành động. Vai trò của nhân viên xã hội là xây dựng nhóm, giúp điều hòa các vai trò, sự tham gia tích cực của nhóm viên trong các hoạt động của nhóm, đánh giá sự biến chuyển hành vi của từng cá nhân trong nhóm cũng như quá trình phát triển của nhóm. Mục tiêu của công tác xã hội với nhóm đạt được hay không tuỳ thuộc vào khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, am hiểu năng động nhóm, có kỹ năng điều tiết sự tham gia của các nhóm viên, biết lúc nào là can thiệp đúng lúc để giải quyết vấn đề và thực hiện đúng vai trò của mình.	3	Học kỳ 1 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng , tiến trình tổ chức cộng đồng, phương pháp thường thực hành trong phát triển cộng đồng và dự án phát triển cộng đồng. Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc thực tập và làm việc tại cộng đồng hay các dự án phát triển.	3	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
26	Tham vấn	Học phần Tham vấn trang bị cho sinh viên hiểu được đặc điểm tâm lý của từng nhóm thân chủ, hiểu được các bước tiến hành tham vấn, những nguyên tắc, những giá trị đạo đức, những phẩm chất cần có của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tham vấn. Đồng thời cung cấp cho người học những kỹ năng tham vấn như kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng tóm tắt để sử dụng trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình.	3	Học kì 1, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
27	Quản lý dự án	Môn học giúp người học đánh giá và hiểu được bối cảnh/vấn đề trong một cộng đồng cụ thể, và nhận thức được nhu cầu cần thiết để có những can thiệp. Từ đó, hình thành những ý tưởng để viết một đề xuất dự án theo những kỹ thuật, kiến thức thường áp dụng trong lãnh vực phát triển cộng đồng và xã hội. Quản lý dự án đóng vai trò quan trọng để mang lại lợi ích cho cộng đồng, vì thế, người quản lý cần có những kiến thức và kỹ năng để biết quản lý thời gian, công việc, mục tiêu, phương pháp, nguồn lực, tài chính,... một cách hiệu quả.	3	Học kỳ 2 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Viết dự án: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
28	Công tác xã hội trong bệnh viện	Môn học nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội có sự hiểu biết về lĩnh vực thực hành công tác xã hội tại các cơ sở y tế nói chung, trong các bệnh viện nói riêng. Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về chức năng nhiệm vụ của phòng công tác xã hội bệnh viện, phân biệt được vai trò nhân viên công tác xã hội với các nhân viên y tế khác, các khó khăn về thể chất, tâm lí, xã hội của người bệnh, Phương pháp đánh giá tâm lí, xã hội văn hóa, tôn giáo tâm linh ở người bệnh, thân nhân,...thông qua đó giúp bệnh nhân và gia đình có kế hoạch, có nguồn lực hỗ trợ và thích ứng với cuộc sống khi mang bệnh mãn tính, hiểm nghèo.	3	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi hết môn: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Công tác xã hội trong trường học	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong trường học, trang bị cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận cho sinh viên, xác định những vấn đề cơ bản nảy sinh trong tường học, từ đó đưa ra những công cụ can thiệp phù hợp với các nhóm thân chủ là người học khác nhau, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để làm việc có hiệu quả, trong đó nhấn mạnh đến đến các kỹ năng như quan sát, đánh giá vấn đề, tham vấn, can thiệp khủng hoảng,…giúp sinh viên có thể chủ động, tự tin khi thực hành nghề nghiệp trong môi trường trường học.	3	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
30	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Môn học cung cấp một cái nhìn tổng quan về các triệu chứng rối loạn tâm thần. Lịch sử phát triển khoa học điều trị rối loạn tâm thần. Phân loại, chẩn đoán, phương pháp điều trị và thực hành công tác xã hội trong hỗ trợ người có các triệu chứng rối loạn tâm thần	3	Học kì 1, 2024-2025	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra : 10% - Kiểm tra: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi hết môn: 50%
31	Công tác xã hội với người cao tuổi	Học phần này cung cấp kiến thức cho người học về những vấn đề liên quan đến người cao tuổi. Nội dung học phần này gồm 4 chương, bao gồm những nội dung cơ bản như: khái niệm, đặc điểm tâm sinh lý của người cao tuổi, một số vấn đề liên quan đến người cao tuổi, kiến thức chung về CTXH làm việc với người cao tuổi, một số mô hình và các lĩnh cực CTXH với người cao tuổi, già hóa dân số và các chính sách pháp luật đối với người cao tuổi ở Việt Nam,...Thông qua môn học sẽ cung cấp cho các em sinh viên những kiến thức, kỹ năng từ khái quát đến cụ thể, từ học thuật hàn lâm đến thực hành trong CTXH với người cao tuổi.	3	Học kỳ 1 2024-2025	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
32	Công tác xã hội với trẻ em	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bảo về trẻ em, các dịch vụ bảo vệ trẻ em, thực trạng của việc ngược đãi trẻ. Các chính sách hiện hành liên quan đến bảo vệ trẻ em ở cấp quốc gia. Đồng thời học phần giới thiệu về vai trò của cán	2	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bộ xã hội trong công tác bảo vệ trẻ em, chỉ ra quy trình và phương pháp công tác xã hội cũng như các kỹ năng cơ bản để làm việc với trẻ và phối hợp với gia đình, cộng đồng để tạo được mạng lưới bảo vệ trẻ em.			- Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
33	Quản trị trong công tác xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên nắm bắt được tính chất và yêu cầu của công tác quản trị một tổ chức, nhất là tổ chức xã hội hay cơ sở xã hội. Yêu cầu cốt lõi nhất là quản trị năng động và tôn trọng cũng như đặt trọng tâm vào mối quan hệ nhân sự. Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị…được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Đặc biệt nhấn mạnh tính chất năng động của tinh thần làm việc theo nhóm; nhấn mạnh mối quan hệ cộng đồng và công tác kiểm huấn, một phương pháp đặc thù của quản trị ngành công tác xã hội.	2	Học kỳ 2 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
34	Công tác xã hội với người khuyết tật	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết khái niệm chung về các dạng tật; Những đặc điểm tâm sinh lý của người khuyết tật; Đời sống của người khuyết tật và ngành nghề đào tạo cho người khuyết tật; Những chế độ chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với người khuyết tật. Sinh viên biết thực hành kỹ năng đặc thù về quản lý ca cho các dạng tật khi ra trường làm công tác xã hội.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 5 % - Bài tự học; Làm việc nhóm; Bài tập về nhà (sản phẩm): 5 % - Kiểm tra thường kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
35	Vận động nguồn lực trong công tác xã hội	Vận động nguồn lực là môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về xây dựng mạng lưới, liên kết các cá nhân, nhóm, tổ chức bên trong và ngoài cộng đồng để tăng khả năng và nguồn lực giải quyết các vấn đề của cộng đồng; đồng thời cũng	2	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp các kiến thức về huy động, tích góp, phát huy các nguồn lực để thực hiện các hoạt động công tác xã hội hiệu quả.			- Kiểm tra giữa kỳ:20% - Bài tập lớn: 20% - Thi cuối kỳ: 50%
36	Truyền thông trong thực hành công tác xã hội	Học phần truyền thông trong thực hành công tác xã hội bao gồm những vấn đề tổng quan như khái niệm, tiến trình của giao tiếp, truyền thông, đặc điểm tâm lý của đối tượng truyền thông và các kỹ năng cần thiết trong truyền thông. Đồng thời, hướng dẫn việc lên kế hoạch thực hiện một buổi truyền thông và thực hành truyền thông tại cộng đồng.	2	Học kì 1, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
37	Kiểm huấn trong công tác xã hội	Môn học giúp sinh viên vận dụng những kỹ năng cơ bản về kiểm huấn, tiến trình kiểm huấn, phương pháp kiểm huấn tại môi trường nghề nghiệp công tác xã hội. Trên cơ sở đó, sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất cho việc chuẩn bị thực hành, thực tập và làm việc tại cộng đồng hay các dự án phát triển.	2	Học kì 1, 2024-2025	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
38	Quản lý trường hợp	Quản lý trường hợp (QLTH) là một trong các phương pháp can thiệp của công tác xã hội (CTXH) được nhân viên xã hội (NVXH) thực hiện để trợ giúp cá nhân và gia đình khi họ gặp những khó khăn không thể tự vượt qua được. Phương pháp này nhấn mạnh vào việc đánh giá nhu cầu của thân chủ (TC), xác định các nguồn lực từ cá nhân, gia đình TC và từ cộng đồng, điều phối, kết nối nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát tiến trình trợ giúp TC. Mục đích của các hoạt động này nhằm cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội, giúp TC giải quyết các khó khăn mà họ đang gặp phải trong cuộc sống, đồng thời giúp tăng cường năng lực, phát triển tiềm năng bản thân để hòa nhập cộng đồng và xã hội.	2	Học kì 2, 2022-2023	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Công tác xã hội với tội phạm	Môn học cung cấp cho sinh viên công tác xã hội các kiến thức cần thiết bao gồm: các khái niệm cơ bản người phạm tội, người bị hại; tâm lý của người phạm tội, người bị hại; những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc phạm tội; các phương pháp điều trị, tư vấn và phục hồi chức năng khác nhau được sử dụng trong các thiết lập cải huấn; quản lí trường hợp người phạm tội và người bị hại, can thiệp khủng hoảng; đánh giá các chương trình điều trị và phục hồi.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ:40% - Thi cuối kỳ: 50%
40	Công tác xã hội với người nghiện ma túy	Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về ma túy và nghiện ma túy; Công tác xã hội trong phòng chống ma túy và điều trị nghiện ma túy. Ngoài ra, học phần còn khái quát luật pháp, chính sách liên quan đến người nghiện ma tuý và các mô hình cai nghiện; cung cấp các kỹ năng của nhân viên công tác xã hội trong Công tác xã hội với người nghiện ma túy.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
41	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS, tình hình HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam, khó khăn, nhu cầu của người nhiễm HIV/AIDS; luật pháp, chính sách của Việt Nam trong phòng chống HIV/AIDS, các chương trình hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS ở Việt Nam. Môn học cung cấp cho người học các kỹ năng thực hành công tác xã hội nhằm hỗ trợ người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, đồng thời truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng giảm tác hại của HIV/AIDS nhằm thực hiện các chức năng xã hội, hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60
42	Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khỏe tâm thần	Học phần Công tác xã hội với thanh thiếu niên có vấn đề sức khoẻ tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khoẻ tâm thần của thanh thiếu niên, nguyên nhân của các vấn đề sức khoẻ thường gặp phải, tâm bệnh học và sự phát triển của trẻ. Đồng thời sẽ cung cấp cho người học những công cụ và kỹ	2	Học kì 1, 2024-2025	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ:30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng công tác xã hội cần thiết để làm việc với thanh thiếu niên có vấn đề sức khoẻ tâm thần.			- Thi cuối kỳ: 60%
43	Công tác xã hội với người có tôn giáo	Trình bày những lí luận cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tín điều, giáo lí, giáo luật cũng như những điều cấm kị của các tôn giáo lớn đang tồn tại ở Việt Nam. Nhận thức đầy đủ về đặc điểm, tính chất, những mặt tích cực và hạn chế của các loại hình tôn giáo. Từ đó có phướng pháp can thiệp, hỗ trợ phù hợp với các cá nhân và nhóm có tôn giáo.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Thảo luận:10% - Kiểm tra giữa kỳ lần 1: 15% - Kiểm tra giữa kỳ lần 2: 15% - Thi cuối kỳ: 50%
44	Tư vấn học sinh có hành vi lệch chuẩn	Môn học nhằm cung cấp những kiến thức giúp sinh viên có thể làm tốt công tác tư vấn cho học sinh có hành vi, biểu hiện lệch chuẩn, thông qua môn học sinh viên hiểu được bản chất của vấn đề tâm lý của học sinh, từ đó vận dụng kiến thức cơ bản về tham vấn, tư vấn và vận dụng để giải quyết và hỗ trợ học sinh có những vấn đề về mặt tâm lý	2	Học kỳ 1 2024-2025	- Chuyên cần: 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 30% - Thi cuối kỳ: 60%
45	Thực hành công tác xã hội trong trường học	Học phần thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại trường học. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành kiến thức, kỹ năng của phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, tham vấn vào giải quyết đề của thân chủ tại trường học. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo thực hành cá nhân: 20% - Nhật ký thực hành: 10% - Kết quả đánh giá của Kiểm huấn viên tại cơ sở: 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Đánh giá quá trình thực hành của giảng viên: 20%
46	Thực hành công tác xã hội trong bệnh viện	Môn học Thực hành Công tác xã hội bệnh viện là môn học mang tính rèn luyện kỹ năng chuyên môn trong môi trường thực tế. Thông qua môn học, sinh viên củng cố được các kiến thức, kinh nghiệm và rèn luyện các kỹ năng công tác xã hội trong bệnh viện nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong môi trường bệnh viện hoặc các cơ sở y tế khác sau khi tốt nghiệp.	2	Học kì 2, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo thực hành cá nhân: 20% - Nhật ký thực hành: 10% - Kết quả đánh giá của Kiểm huấn viên tại cơ sở: 40% - Đánh giá quá trình thực hành của giảng viên: 20%
47	Thực tế chuyên môn	Học phần hướng dẫn cho sinh viên cách thức tiếp cận và thâm nhập môi trường hoạt động chuyên ngành thực tế; Vận dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn để tìm hiểu về lĩnh vực an sinh xã hội và các hoạt động công tác xã hội tại các cơ sở xã hội; bổ sung kiến thức thực tiễn, so sánh đối chiếu thực tiễn với lý thuyết đã học; phát hiện những khó khăn, bất cập trong việc thực thi chính sách an sinh xã hội và hoạt động công tác xã hội.	2	Học kì 2, 2022-2023	- Điểm chuyên cần: 20% - Báo cáo thu hoạch cá nhân : 80%
48	Thực hành công tác xã hội với cá nhân và gia đình	Học phần thực hành công tác xã hội với cá nhân và gia đình được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành kiến	3	Học kì 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo thực hành cá nhân: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức, kỹ năng của phương pháp công tác xã hội với cá nhân vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực hành. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.			- Nhật ký thực hành: 10% - Kết quả đánh giá của Kiểm huấn viên tại cơ sở: 40% - Đánh giá quá trình thực hành của giảng viên: 20%
49	Thực hành công tác xã hội với nhóm	Quá trình thực hành được chia làm ba giai đoạn với những nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và kiểm huấn viên cơ sở. Phần đầu, sinh viên được hướng dẫn yêu cầu của đợt thực hành cùng các kỹ năng, kiến thức và công cụ phục vụ cho thực hành trực tiếp tại cơ sở. Phần thứ hai sinh viên trực tiếp thực hành các kỹ năng của công tác xã hội với nhóm vào giải quyết đề của thân chủ tại cơ sở thực hành. Phần cuối cùng, sinh viên hoàn thiện báo cáo thực hành cuối đợt theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và tham gia buổi lượng giá, tổng kết quá trình thực hành.	3	Học kỳ 1 2024-2025	- Điểm chuyên cần: 10% - Báo cáo thực hành nhóm: 20% - Nhật ký thực hành: 10% - Kết quả đánh giá của Kiểm huấn viên tại cơ sở: 40% - Kết quả đánh giá của giáo viên hướng dẫn: 20%
50	Thực hành phát triển cộng đồng	Học phần này cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng những lý thuyết về tổ chức và phát triển cộng đồng như tiến trình tổ chức và phát triển cộng đồng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng tập huấn/truyền thông, kỹ năng phân tích các vấn đề của công đồng, lập kế hoạch giải quyết vấn đề của cộng đồng dựa trên tình hình thực tế. Quan sát và học hỏi kinh nghiệm làm tiếp dân và làm việc	3	Học kì 2, 2024-205	- Điểm chuyên cần: 20% - Điểm đánh giá của Kiểm huấn viên: 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với người dân tại các cấp cơ sở. Thực hiện thăm viếng hộ dân, làm quen với môi trường làm việc của tác viên phát triển cộng đồng.			- Điểm báo cáo: 40%
51	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực tế. Trong quá trình thực tập, sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu, phân tích thực trạng các hoạt động công tác xã hội ở cơ sở thực tập. Trên cơ sở đó, đối chiếu lý luận với thực tế để hoàn thiện và nâng cao nhận thức lý luận và thực hành nghiệp vụ công tác xã hội đã được đào tạo.	8	Học kỳ 2, 2024-2025	- Kết quả đánh giá của Kiểm huấn viên tại cơ sở: 70% - Báo cáo thực tập: 20% - Sổ nhật ký thực tập: 10%
52	Công tác xã hội với người nghèo	Nội dung môn học bao gồm những vấn đề chung về nghèo đói như: khái niệm, biểu hiện của nghèo đói, cách xác định chuẩn nghèo, thực trạng, nguyên nhân của nghèo đói, những đặc điểm, các vấn đề của người nghèo, ảnh hưởng của nghèo đói đến gia đình; một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam; vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo, nguyên tắc trong công tác xã hội với người nghèo, các phương pháp và các kỹ năng cần có khi làm việc với đối tượng người nghèo.	2	Học kỳ 1, 2023-2024	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm, tiểu luận: 10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
53	Công tác xã hội với cộng đồng LGBT	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với người LGBT và tiến trình làm việc với người LGBT. Môn học có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lý thuyết được xây dựng trên nền tảng cơ sở kiến thức của các môn học có liên quan như Tâm lý học đại cương, Xã hội học đại cương… Kết hợp với những đúc kết kinh nghiệm thông qua các tổ chức xã hội nghiên cứu về người LGBT.	2	Học kỳ 1, 2024-2025	- Chuyên cần: 10% - Báo cáo nhóm:10% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%
54	Công tác xã hội với trẻ em tự kỷ	Học phần này trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về trẻ tự kỷ; các phương pháp đo lường, chẩn đoán tự kỷ, vai trò của nhân viên công tác xã hội	2	Học kỳ 1, 2024-2025	- Chuyên cần: 5 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với trẻ tự kỷ; quy trình và các biện pháp tương tác (can thiệp và trị liệu) với trẻ tự kỷ. Từ đó, hình thành cho sinh viên/ học viên hệ thống các kỹ năng nghề nghiệp tương ứng nhằm chuyển hóa thành các mức độ năng lực nghề nghiệp cụ để làm việc với trẻ tự kỷ.			- Làm bài tập về nhà, bài tập trên lớp, làm việc nhóm… (Có sản phẩm nộp lại):15% - Kiểm tra thường kỳ: 20% - Thi cuối kỳ: 60%

34. Ngành Quản lý đất đai (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nhập môn nghề nghiệp	Giới thiệu tổng quan về Trường, Khoa và bộ môn về sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu đào tạo. Hướng dẫn Sinh viên (SV) cách đăng kí học phần,..	1	1	Bài thu hoạch
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học. Mục đích môn học giúp cho sinh viên có thể vận dụng các phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học vào quá trình học tập và tập dượt nghiên cứu trong trường đại học, làm tiền đề để trở thành các nhà nghiên cứu khoa học trong các trường học, công sở, nhà máy… góp phần đổi mới giáo dục; nâng cao hiệu quả, năng xuất lao động.	2	2	Bài báo cáo
3	Thể thức trình bày văn bản	SV biên soạn được các loại văn bản khác nhau trong công tác quản lý đất đai	2	2	Thi cuối kì
4	Thủy nông đại cương	Dựa trên mối quan hệ thống nhất giữa Đất – Nước – Cây trồng, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên, SV, tính được lượng nước theo nhu cầu của cây trồng cho bất kỳ giai đoạn nào trong suốt quá trình sinh trưởng và phát triển. Song song với khả năng trên, sinh viên có khả năng phân tích những điều kiện sẵn có của địa phương để áp dụng các phương pháp và kỹ thuật tưới, tiêu phù hợp	2	2	Thi cuối kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm đạt hiệu suất cao trong việc sử dụng nước. Nhờ các kỹ năng trên, SV có cái nhìn tổng quát để quản lý, khai thác hệ thống thủy nông dễ dàng và thiết thực hơn.			
5	Địa chất đại cương	Giúp sinh viên hiểu rõ các quá trình vận động của Trái đất và sự hình thành các dạng địa hình bề mặt Trái đất cũng như cơ sở hình thành các loại thổ nhưỡng.	2	2	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ
6	Khí tượng thủy văn	Học viên nắm được những đặc tính quan trọng nhất của khí quyển và thủy quyển. Đó là những quy luật về sự vận động của các hiện tượng vật lý trong bầu khí quyển; những quy luật về sự vận động của nước trong tự nhiên theo không gian và thời gian. Học viên biết cách lắp đặt các thiết bị, kỹ thuật đo bức xạ mặt trời, nhiệt độ, ẩm độ, lượng mưa, gió bốc hơi… Môn học tạo cho học viên có những kiến thức để sử dụng và xử lý các thông tin từ các bản tin dự báo khí tượng thủy văn trong vùng; xác lập cơ cấu mùa vụ; quản lý và vận hành hệ thống tưới, tiêu… Sinh viên có thể phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng khí tượng - thủy văn ngoài tự nhiên nhằm góp phần vào công tác phòng và giảm nhẹ thiên tai, cũng như khai thác, và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác như: đất đai, sinh vật một cách hiệu quả và bền vững.	2	3	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ
7	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	Giới thiệu cơ bản về: nghiệp vụ lưu trữ, hồ sơ địa chính, quy trình lập hồ sơ địa chính, pháp luật hiện hành về lưu trữ hồ sơ địa chính; ứng dụng phần mềm chuyên ngành trong việc quản lý, cập nhật hồ sơ địa chính.	2	4	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ
8	Môi trường và quản lý tài nguyên TN	Môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên nhằm trang bị cho SV cách phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững. Ngoài ra, thông qua thảo luận các chuyên đề sẽ giúp cho SV có điều kiện phân tích một cách sâu sắc sự tương tác giữa bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên.	3	5	Đánh giá thường kỳ và kiểm tra cuối kì + báo cáo chuyên đề
9	Trắc địa đại cương	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về trắc địa, phương pháp thực hành giúp sinh viên biết cách làm việc thực tế, nhất là trong lĩnh vực chuyên ngành quản lý đất đai. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức nền tảng, những kỹ năng cần thiết để tiếp cận với các thiết bị đo đạc hiện đại.	4	5	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tin học ngành Quản lý đất đai	- Hệ thống hóa một số kiến thức cơ bản về GIS và phần mềm ArcGIS Desktop; Giới thiệu quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu không gian (geodatabase) trong ArcGIS và các kỹ thuật phân tích dữ liệu. Ứng dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu trong các ứng dụng thực tế trong chuyên ngành Quản lý đất đai; Lập trình GIS cơ bản với ngôn ngữ lập trình VBA và xây dựng một ứng dụng GIS đơn giản. - Quy định về chuẩn dữ liệu trong quy phạm thành lập các loại bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường hiện nay. Hướng dẫn cài đặt phần mềm Microstation, các phân hệ phụ trợ và rèn luyện kỹ năng thành lập các loại bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai.	2	5	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ
11	Cơ sở viễn thám	Giới thiệu tổng quan về viễn thám, lịch sử phát triển ngành viễn thám, cơ sở khoa học, nền tảng của viễn thám, nguyên tắc hoạt động của các bộ phận cấu thành của viễn thám, các loại vệ tinh viễn thám, nguyên tắc, quy trình, phương pháp phân tích, xử lý ảnh viễn thám thành lập bản đồ, các ứng dụng của viễn thám.	2	5	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ
12	Đánh giá đất	Khái quát về đánh giá đất đai tiềm năng đất đai, những phương pháp đánh giá đất đai khác nhau trên thế giới; mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp và các bước thực hiện quy trình đánh giá tiềm năng đất đai cho sản xuất nông nghiệp; các khái niệm về đất đai, sử dụng đất đai, hệ thống sử dụng đất đai, bản đồ chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai, các đặc tính đất đai, chất lượng đất đai, lựa chọn và mô tả kiểu sử dụng đất đai có triển vọng; đối chiếu, so sánh các đặc tính đất đai và các yêu cầu sử dụng đất đai, phân hạng khả năng thích nghi đất đai và phân vùng khả năng thích nghi đất đai cho sản xuất nông nghiệp, cơ sở phục vụ quy hoạch phân bố sử dụng đất đai.	3	4	Đánh giá thường kỳ + Tiểu luận kết thúc môn
13	Định giá đất - Thị trường nhà đất	- Giá đất và nguyên tắc xác định giá đất; - Các phương pháp xác định giá đất; - Định giá đất cụ thể tại địa phương; - Tổng quan về thị trường bất động sản (nhà đất); - Mối quan hệ giữa cung - cầu và giá cả bất động sản; - Vai trò của Nhà nước trong thị trường bất động sản.	3	6	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ+ Báo cáo thực hành
14	Đo đạc địa chính	Môn học trang bị những kiến thức về trắc địa địa chính, phương pháp thực hành giúp sinh viên biết cách làm việc thực tế, nhất là trong lĩnh vực chuyên ngành quản	3	6	- Thường kỳ: tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý đất đai. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức nền tảng, những kỹ năng cần thiết để tiếp cận với các thiết bị đo đạc hiện đại.			- Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
15	Cơ sở dữ liệu đất đai	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về Hệ quản trị cơ sở dữ liệu cùng với các phương pháp xử lý của các bài toán ứng dụng tin học trong quản lý, nhất là trong lĩnh vực chuyên ngành quản lý đất đai. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức nền tảng, những kỹ năng cần thiết để tiếp cận với một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể.	3	3	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
16	Hệ thống thông tin địa lý GIS	- Môn học giới thiệu kiến thức cơ bản về bản đồ, trình tự các bước tiến hành xây dựng dữ liệu không gian, tổ chức và xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc tính trên phần mềm Mapinfo. - trên cơ sở dữ liệu xây dựng được tiến hành truy vấn, hiển thị dữ liệu, phân tích dữ liệu không gian và thuộc tính, xây dựng bản đồ chuyên đề và tạo bản đồ thành quả theo yêu cầu.	4	5	Đánh giá thường xuyên + Thi thực hành
17	Kỹ thuật bản đồ địa chính	Khái niệm cơ bản về bản đồ học và bản đồ địa lý, Cơ sở toán học của bản đồ địa lý (tỷ lệ bản đồ, phép chiếu đồ, phân mảnh và danh pháp bản đồ), Ngôn ngữ bản đồ, Tổng quát hóa bản đồ, Khái niệm bản đồ địa chính, Kỹ thuật trình bày bản đồ địa chính, Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính, Sử dụng bản đồ địa chính.	4	4	Đánh giá thường kỳ + Thi tự luận kết thúc môn
18	Pháp luật - thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	Môn học nêu tổng quan về pháp luật đất đai, các nội dung thanh tra đất đai, các quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai. Giúp sinh viên hiểu về pháp luật về đất đai; thiết lập hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai và nắm về tiến trình của một cuộc thanh tra, một cuộc giải quyết tranh chấp về đất đai.	2	6	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
19	Thực hành pháp luật - thanh tra giải quyết tranh chấp	Môn học đi sâu phần thực tiễn về các nội dung thanh tra đất đai, các quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai. Giúp sinh viên hiểu về pháp luật về đất đai; thiết lập hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai và nắm về tiến trình của một cuộc thanh tra, một cuộc giải quyết tranh chấp về đất đai trong thực tế	1	7	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Quản lý nhà nước về đất đai	Tổng quan về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; chế độ sở hữu về đất đai ở Việt Nam. Các nội dung chính trong công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Chế độ sử dụng các loại đất; Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.	3	3	Đánh giá thường kỳ và thi cuối kỳ
21	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	Các khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống và hệ thống thông tin, hệ thống thông tin đất đai, chuẩn dữ liệu bản đồ trong hệ thống thông tin đất đai, quản lý thông tin đất đai. Giới thiệu tổng quan về quy trình biên tập bản đồ số, căn bản về phần mềm Microstation, quy trình xây dựng bản đồ địa chính, cách thiết lập bảng số liệu đo đạc và vẽ bản đồ từ số liệu đo đạc thực tế; thiết lập hồ sơ kỹ thuật của thửa đất.	3	7	Đánh giá thường kỳ và kiểm tra thực hành cuối kỳ
22	Quy hoạch phân bố sử dụng đất đai	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về quy hoạch sử dụng đất đai thế giới mà còn giới thiệu sử dụng đất một cách tổng quan về phương pháp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp địa phương, các văn bản có liên quan về quy hoạch, quản lý quy hoach kế hoạch sử dụng đất. Cụ thể như sau: - Tổng quan về quy hoạch. - Quy trình lập quy hoạch của thế giới. - Quy trình lập quy hoạch, kế hoạch ở Việt Nam và địa phương. - Các văn bản có liên quan.	2	6	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
23	Quy hoạch và phát triển đô thị	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về về quy hoạch phát triển đô thị, các kiến thức về đô thị, phân loại đô thị, quy hoạch đô thị, triển khai quy hoạch ra thực địa	2	6	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận trắc nghiệm hoặc báo cáo
24	Quy hoạch và phát triển nông thôn	Môn học giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về nông thôn, điều kiện phát triển tại các vùng nông thôn;Trang bị cho sinh viên về phương pháp phân tích và tình hình kinh tế xã hội ở nông thôn, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.	2	7	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Thổ nhưỡng	Khoa học đất cơ bản là môn học mang tính tổng hợp những nguyên lý cơ bản của quá trình hình thành đất. SV và HV có khả năng quan trắc được đặc tính môi trường đất . Tuy nhiên, trong phạm vi môn học chỉ tập trung những yếu tố cơ bản của đất ảnh hưởng đến quá trình canh tác nông nghiệp.	3	2	Đánh giá thường kỳ và kiểm tra cuối kì + báo cáo chuyên đề
26	Thống kê - kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	Môn học cung cấp hồ sơ, trình tự thủ tục của công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để làm thống kê, kiểm kê hoặc chỉnh lý biến động đất đai trong thực tế.	3	4	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: thi thực hành trên máy tính hoặc báo cáo
27	Thực địa quản lý đất đai	- Môn học giới thiệu những kỹ năng quan sát, nghiên cứu ngoài thực địa bằng cách sử dụng bản đồ và bản đồ địa hình: xác định tọa độ điểm ngoài thực địa, định hướng bằng bản đồ, mô tả đặc điểm địa phương; thực hành đo vẽ tuyến, khu đo ngoài thực địa bằng công nghệ toàn đạc kết hợp với GPS; lấy mẫu đất, nhận diện các loại đất khác nhau, vẽ phẫu diện đất; đồng thời nghiên cứu công tác địa chính và quản lý nhà nước về đất đai ở các vùng miền khác nhau trong cả nước.	1	6	Bài thu hoạch
28	Thực hành ứng dụng viễn thám	Vận dụng kiến thức, kỹ năng để đối chiếu thông tin giữa của bản đồ địa chính và hiện trạng sử dụng đất trên ảnh vệ tinh	2	6	Đánh giá thường kỳ + Tiểu luận kết thúc
29	Thực hành quy hoạch sử dụng đất	- Củng cố lý thuyết, hiểu và xây dựng được mối liên hệ giữa quy hoạch sử dụng đất các cấp (Quốc gia, tỉnh, huyện, xã); - Hiểu và biết vận dụng quy trình lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã (bao gồm các khâu: điều tra cơ bản, xử lý số liệu, trình bày bản đồ, viết phương án quy hoạch), xây dựng dự án quy hoạch sử dụng đất một xã cụ thể.	2	7	Bài thu hoạch+ báo cáo
30	Thủ tục hành chính trong quản lý đất đai	Giới thiệu cho SV tổng quan về môn học về những thủ tục hành chánh trong quản lý nhà nước về đất đai, các kiến thức về Khái niệm, đặc điểm và chức năng của quản lý Hành chánh nhà nước; Tổ chức bộ máy hành chánh Nhà nước; Hoạt động	2	5	Đánh giá thường xuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công vụ và quản lý công chức; Thủ tục Hành chánh và cải cách thủ tục hành chánh; Thực trạng nền hành chánh nhà nước và chương trình tổng thể cải cách hành chánh; Mô hình giải quyết thủ tục hành chánh theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Kỹ năng giao tiếp trong quản lý hành chánh nhà nước; Trình tự, thủ tục hành chính về đất đai; Hồ sơ, trình tự và thời gian giải quyết các loại thủ tục hành chánh đất đai; Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các loại biểu mẫu.			+ Đánh giá cuối kỳ
31	Luật hành chính	Môn học làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước, nghiên cứu tổng kết thực tiễn hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, thực tiễn xây dựng và áp dụng pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước.	2	4	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
32	Khởi nghiệp quản lý đất đai	Môn học cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh.	2	7	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
33	Đo đạc công trình	Môn học trang bị những kiến thức về trắc địa công trình, phương pháp thực hành giúp sinh viên biết cách làm việc thực tế, nhất là trong lĩnh vực chuyên ngành quản lý đất đai. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị những kiến thức nền tảng, những kỹ năng cần thiết để tiếp cận với các thiết bị đo đạc hiện đại	2	7	Kiểm tra thường kì+ báo cáo thực hành + thi cuối kì
34	Hệ thống định vị toàn cầu GPS	Môn học cung cấp những khái niệm cơ bản về hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu (GNSS); Các hệ thống vệ tinh định vị trên thế giới; Tổng quan về hệ thống GPS; Ưu điểm và nhược điểm của việc sử dụng GPS; Các thành phần của hệ thống GPS; Ứng dụng của GPS; Nguyên lý hoạt động của GPS; Các kỹ thuật đo GPS.	2	6	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ+ Báo cáo
35	Autocad	SV/HV sẽ đo vẽ từ bộ số liệu khảo sát thực tế để đo vẽ thành lập biểu đồ hiện trạng	2	6	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Cơ sở khoa học về thay đổi sử dụng đất	Giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở khoa học và vận dụng vào phân tích sự thay đổi sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất	3	4	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ+ Báo cáo
37	Giải phóng mặt bằng	SV áp dụng được các quy định pháp luật trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Cụ thể những trường hợp nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất. Bồi thường thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất. Những trường hợp không được bồi thường về đất và tài sản. Các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Chế độ bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ở.	2	6	Đánh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ+ Báo cáo
38	Thực hành giải phóng mặt bằng	Thực hành ứng dụng được quy trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm/kiểm đếm bắt buộc	1	7	Báo cáo
39	Dự toán đo đạc lập bản đồ địa chính và địa hình	Vận dụng được đơn giá trong đo đạc địa chính và địa hình, đơn giá các vật liệu, máy móc và nhân công cần thiết dùng trong đo đạc, đơn giá quy định theo từng tỉnh. Từ đó dựa vào các tiêu chuẩn kỹ thuật trong đo đạc thành lập bản đồ địa chính và địa hình để xây dựng nên dự toán đo đạc địa chính và địa hình	2	5	Kiểm tra thường kì+ báo cáo thực hành + thi cuối kì
40	Thực tập GPS nâng cao	Cung cấp cho sinh các hướng dẫn thực hành cụ thể trong đo tính và xử lý dữ liệu từ máy thu GPS một tần số, đo tính và xử lý dữ liệu từ máy thu GPS hai tần số, vận dụng các kỹ thuật đo khác nhau trong xây dựng lưới khống chế trắc địa phục vụ thành lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, hỗ trợ cho công tác lập phương án quy hoạch và sử dụng tài nguyên đất đai một cách có hiệu quả	2	7	Báo cáo thực hành
41	Sai số và xử lý sai số trong trắc địa	SV phân biệt được các sai số trong đo đạc, phân loại sai số, xử lý các sai số trong đo đạc thành lập các loại bản đồ, sai số trong công tác định vị công trình; ứng dụng phần mềm chuyên ngành trong việc xử lý sai số đo đạc	2	6	Kiểm tra thường kì+ báo cáo thực hành + thi cuối kì
42	Lập trình GIS cơ bản	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình Pyhton cũng như cách sử dụng Python xây dựng một chương trình tính toán cụ thể trong GIS. Môn học hỗ trợ sinh viên có cái nhìn tổng quát nhất về kỹ thuật lập trình, tạo điều kiện	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho sinh viên có thể vận dụng thành thạo kiến thức đã học trong môn Hệ thống thông tin địa lý GIS.			
43	WebGIS	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về ứng dụng GIS trên nền Web: kiến trúc chung của một hệ thống Web và hệ thống WebGIS, các ứng dụng của WebGIS trên thế giới và ở Việt Nam, các phần mềm và module cần thiết cũng như quy trình để xây dựng, vận hành và phát triển một hệ thống WebGIS. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên tự học, tự nghiên cứu và có thể triển khai được các ứng dụng cho riêng mình theo nhu cầu cá nhân hoặc trong công việc sau khi tốt nghiệp	2	7	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: thi thực hành trên máy tính hoặc báo cáo
44	Phong thủy	Môn học gồm các nội dung chính như : khái quát về phong thủy, phong thủy trong bố trí cảnh quan, phong thủy ứng dụng. Về lý luận, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phong thủy. Từ đó làm nền tảng để đi sâu nghiên cứu về phong thủy trong bố trí cảnh quan, đất đai, kiến trúc xây dựng, …và các ứng dụng thực tế hiện nay. Về kỹ năng, môn học chú trọng việc rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá.	2	3	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
45	Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai	Môn học cung cấp kiến thức nền tảng, những kỹ năng quan trọng của phương pháp PRA đồng thời tìm hiểu về việc kiểm kê đất đai trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Ngoài ra, việc vận dụng một cách hiệu quả từ phương pháp PRA với những kỹ năng chuyên môn vào công tác điều tra kiểm kê đất đai cũng không nằm ngoài nội dung trọng tâm của môn học này.	2	6	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
46	Quản lý công trình xây dựng đô thị	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản lý và quản lý công trình xây dựng. Nội dung chủ yếu: khái niệm cơ bản về quản lý công trình xây dựng; hình thành công trình và xác định kinh phí đầu tư; hoạch định, lập tiến độ và kiểm soát công trình; quản lý giai đoạn thi công và hoàn thành công trình; yếu tố con người và sự thành công của công trình.	2	3	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
47	Quản lý tài chính về đất đai và giá đất	Vận dụng các qui định của nhà nước xác định chính xác tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong từng trường hợp cụ thể như - Các khoản thu tài chính về đất đai; Đối tượng thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;	3	**7**	nh giá thường xuyên + Đánh giá cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Các trường hợp thu tiền sử dụng đất, căn cứ tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; - Tính thu tiền sử dụng đất trong các trường hợp cụ thể; - Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;			
48	Pháp luật đất đai ứng dụng	Giới thiệu chung về giấy chứng nhận và quy định về thể hiện thông tin trên giấy chứng nhận ở trang 1 (chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất), trang 2 (thông tin về thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất), trang 3 (hồ sơ thửa đất và Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý), trang 4 (Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý); Quy trình thực hiện công tác thu hồi đất; lập phương án và chi trả bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư.	2	7	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
49	Quy hoạch vùng và khu dân cư nông thôn	Học phần cung cấp các khái niệm, nội dung và các phương pháp nghiên cứu, đánh giá hiện trạng vùng, các khía cạnh về kinh tế-xã hội, môi trường; và nhận biết các xu hướng phát triển để để xuất các ý tưởng ban đầu về Quy hoạch vùng. Người học có thể vận dụng kiến thức về quản lý, sử dụng, khai thác đô thị; quản lý dự án xây dựng và quản lý phát triển đô thị mới. Bên cạnh đó, môn học giới thiệu tiến trình phát triển của điểm dân cư nông thôn. Qua đó giúp học viên có thể nghiên cứu quy hoạch vùng - quản lý khu dân cư nông thôn dưới góc độ công tác quy hoạch xây dựng ở Việt nam. Từ đó, đưa ra các thiết kế xây dựng phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương; tận dụng tối đa thiên nhiên thuận lợi. Đồng thời, chú trọng nâng cao điều kiện sống; bảo vệ sức khỏe con người và giảm thiểu thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường sống	2	**6**	Kiểm tra thường kì+ báo cáo thực hành + thi cuối kì
50	Phì nhiêu đất	Phì nhiêu đất là môn học tổng hợp kiến thức đánh giá về chất lượng dinh dưỡng trong đất và trên cây trồng. Nhận diện sự thiếu hụt phân bón trên các loại cây trồng, biện pháp khắc phục sự thiếu hụt dưỡng chất trên các loại cây trồng và biện pháp phát triển nông nghiệp bền vững. Từ đó, đưa ra nhưng biện pháp nhằm khắc phục sự thiếu hụt hàm lượng dưỡng chất trong đất. Thông qua các chu kỳ cung cấp dưỡng chất có thể đánh giá được mức độ màu mỡ và cạn kiệt nguồn dưỡng chất như thế nào. Môn học còn giúp SV nắm được những quy trình đánh giá hàm lượng các chất dinh dưỡng trong đất.	2	4	Kiểm tra thường kì + thi cuối kì

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Quản lý đất đai thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu	Trang bị kiến thức cơ bản về sự biến đổi khí hậu; tác động của con người và các yếu tố ảnh hưởng đến BĐKH. Sự tác động của BĐKH đến đời sống, đến môi trường, các nguy cơ tổn thương do bão lũ, khô hạn, xâm nhập mặn, ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản ở ĐBSCL, trên từng vùng thượng nguồn, vùng giữa và hạ lưu của đồng bằng. Các kiểu sử dụng đất trong canh tác nông nghiệp liên quan đến sự thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu.	2	5	Kiểm tra thường kì + thi cuối kì
52	Đánh giá tác động môi trường	Môn học này bao gồm những nội dung như: các khái niệm và nguyên lý đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phương pháp đánh giá tác động môi trường và những quy định và thủ tục đánh giá tác động môi trường. Phương pháp nhận diện, phân tích, đánh giá và dự báo các ảnh hưởng đến môi trường của dự án, đồng thời đề xuất các giải pháp thích hợp để bảo vệ môi trường trong công tác quản lý đất đai.	2	7	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
53	Ngoại ngữ chuyên ngành	Nội dung của môn học là đi từ sơ lược đến chuyên sâu các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai. Các bài đọc hiểu sẽ được trích lục từ những nguồn tư liệu sách nước ngoài nhằm cung cấp những kiến thức chuyên ngành phù hợp cho SV ngành Quản lý đất đai.	2	6	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
54	Ô nhiễm đất đai	Môn học nhằm giúp cho SV hiểu các yếu tố chính làm ô nhiễm môi trường đất; mức độ ô nhiễm đất đến chất lượng đất đai, năng suất cây trồng và đời sống cộng đồng. Thông qua việc phân tích chất gây ô nhiễm dựa vào hàm lượng hay nồng độ gây hại mà kết luận được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đến năng suất và chất lượng cây trồng, ảnh hưởng đối với đất và cộng đồng. Đồng thời thông qua các kết quả nghiên cứu về mức độ ô nhiễm và hình thức gây ô nhiễm sẽ giúp nhà nghiên cứu tìm ra những biện pháp ngăn chặn kịp thời những tác hại cho đất có thể xảy ra.	2	3	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
55	Bạc màu và bảo vệ đất đai	Cung cấp cho sinh viên kiến thức hiểu biết các tiến trình bạc màu đất, kiến thức về các kiểu bạc màu đất quan trọng nhất, phân biệt các loại hình bạc màu đất khác nhau và biết đánh giá, quản lý tốt tài nguyên đất đai. Sinh viên sẽ được giới thiệu về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của học phần đối với ngành khoa học có liên quan. Thực trạng vấn đề bạc màu đất trên thế giới, ở Việt Nam và Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, hướng dẫn để sinh viên biết cách giải quyết tình huống, đưa học	2	3	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần vào thực tế sản xuất nông nghiệp nhằm sử dụng và bảo tồn tài nguyên đất đai theo hướng bền vững.			
56	Hệ thống canh tác	Hệ thống canh tác là môn học nhằm trang bị cho SV cách phân tích, đánh giá và xác định các yếu tố tiên quyết và các điều kiện cần và đủ để triển khai mô hình canh tác cho vùng hoặc khu vực. Trang bị cho sinh viên cách đánh giá tính khả thi của một mô hình và tính hiệu quả của mô hình đó. Đồng thời, môn học còn đưa ra những mối quan hệ giữa khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững để có một hệ thống canh tác vững bền. Ngoài ra, thông qua thảo luận các chuyên đề sẽ giúp cho SV có điều kiện phân tích một cách sâu sắc sự tương tác giữa điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của vùng trên từng mô hình canh tác.	2	3	Kiểm tra thường kì + thi cuối kì
57	Hệ sinh thái nông nghiệp – NNS	Môn học giúp sinh viên nắm được khái niệm về hệ sinh thái, các nhân tố sinh thái và quần thể sinh vật, các hệ sinh thái nông nghiệp, nông nghiệp sạch. Giúp sinh viên nắm được cấu trúc hệ sinh thái, kiểu thích nghi, năng suất sinh học, sinh khối, chỉ số đa dạng, chuỗi thức ăn, các chu trình ảnh hưởng đến hệ sinh thái..., các quá trình sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sạch và bền vững.	2	5	Kiểm tra thường kì + thi cuối kì
58	Thống kê và xử lý số liệu đất đai	Thống kê và xử lý số liệu đất đai là môn học hỗ trợ cho SV/HV trong các tác chuyên môn thống kê về lĩnh vực quản lý đất đai, quản lý đất nông nghiệp và tình trạng biến động đất đai theo thời gian. Ngoài ra, môn học còn thực hiện công tác thống kê những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình canh tác nông nghiệp.	2	**7**	- Thường kỳ: tự luận - Kết thúc: tự luận hoặc báo cáo
59	Thực tập tốt nghiệp	- Sinh viên được tiếp cận và làm quen với công việc thực tế; nắm bắt và rèn luyện kỹ năng làm việc chuyên môn; - Vận dụng những cơ sở lý thuyết, những kỹ năng thực hành trong chương trình đào tạo vào thực tiễn công việc tại cơ sở thực tập thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai; - Học tập và rèn luyện những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp ngoài thực tiễn; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp; tạo cơ hội cho sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.	6	8	- Thường kỳ: chuyên cần - Kết thúc: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên chọn 1 nội dung phù hợp với chuyên ngành và phù hợp với định hướng. Hình thức thực hiện đồ án: - Đồ án được thực hiện dưới dạng một dự án. - Đồ án được thực hiện dưới dạng một nội dung chuyên ngành. Sinh viên chủ động tìm giảng viên hướng dẫn và sẽ thực hiện đồ án môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên. Trong suốt thời gian thực hiện đồ án sinh viên cần tích cực củng cố, bổ sung và vận dụng kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, khả năng tổ chức và phân bổ thời gian hợp lý để đạt được những mục tiêu đặt ra đúng tiến độ cũng như yêu cầu của một đồ án môn học.	4	8	- Thường kỳ: chuyên cần - Kết thúc: báo cáo
61	Đồ án môn học	Sinh viên chọn 1 nội dung phù hợp với chuyên ngành và phù hợp với định hướng. Hình thức thực hiện đồ án: - Đồ án được thực hiện dưới dạng một dự án. - Đồ án được thực hiện dưới dạng một nội dung chuyên ngành. Sinh viên chủ động tìm giảng viên hướng dẫn và sẽ thực hiện đồ án môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên. Trong suốt thời gian thực hiện đồ án sinh viên cần tích cực củng cố, bổ sung và vận dụng kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, khả năng tổ chức và phân bổ thời gian hợp lý để đạt được những mục tiêu đặt ra đúng tiến độ cũng như yêu cầu của một đồ án môn học.	2	8	- Thường kỳ: chuyên cần - Kết thúc: báo cáo
62	Nghiệp vụ chuyên ngành Quản lý đất đai	- Lý thuyết tổng quát về ngành hoặc nhóm chuyên ngành được chọn - Phần thực hành để vận dụng lý thuyết học tập trên lớp, rèn luyện kỹ năng làm việc thực tế trên sản phẩm thực hành hoặc thực tế.	2	8	- Thường kỳ: chuyên cần - Kết thúc: báo cáo

35. Ngành Nông học (Đại học)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hoá sinh thực vật	Trang bị cho học viên các những kiến thức về chất hữu cơ quan trọng trong cơ thể thực vật như Gluxit, Protit, Lipit, Axit nucleic, Enzim, Vitamin cùng vai trò sinh lý, quá trình hình thành và chuyển hoá lẫn nhau trong cơ thể của chúng… Tạo cơ sở để người học học tốt các môn học khác trong chuyên ngành	2	1	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
2	Sinh học phân tử và di truyền phân tử	Giúp sinh viên hiểu và phân biệt được cấu trúc và chức năng các đại phân tử trong tế bào sơ hạch và chân hạch; trình bày được cơ chế của các quá trình tổng hợp của các phân tử; giải thích được các hiện tượng liên quan đến di truyền phân tử trong tế bào; nguyên tắc và quy trình các phương pháp sinh học phân tử phổ biến. Nắm được kiến thức cơ bản về di truyền phân tử của sinh vật, bao gồm từ sinh vật bậc thấp (như vi khuẩn, virus....) đến sinh vật bậc cao (như thực vật và động vật). Giúp sinh viên hiểu tầm quan trọng của các kiến thức về sinh học phân tử trong các quá trình sinh học, y sinh và công nghệ sinh học đặc biệt là việc chuyển gen của sinh vật để mang lại lợi ích cho con người.	3	1	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
3	Di truyền thực vật	Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về di truyền thực vật, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích và đề xuất những vấn đề cụ thể liên quan đến di truyền học thực vật.	3	2	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
4	Chọn giống và sản xuất giống cây trồng	Hiểu biết và vận dụng các nguyên lý di truyền và các khoa học có liên quan để duy trì các giống hiện có, chọn tạo giống mới, khảo nghiệm và nhân giống cây trồng.	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
5	Kỹ thuật trồng cây lương thực	Sinh viên đạt được những kiến thức và hiểu biết cơ bản về kỹ thuật canh tác cây lương thực; có năng lực độc lập vận dụng những điều đã học vào thực tiễn sản xuất tại địa phương; biết tổng hợp đánh giá các yếu tố quan hệ đến quá trình sản xuất tiêu thụ; biết thiết kế quy trình kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện sinh thái và kinh tế xã hội để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu qủa cây lương thực.	3	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
6	Dinh dưỡng khoáng	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về dinh dưỡng khoáng cây trồng giúp học viên có có thể ứng dụng tốt những kiến thức nầy vào sản xuất ở những điều kiện môi trường canh tác khác nhau.	2	4	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
7	Chất điều hoà sinh trưởng thực vật	Cung cấp các kiến thức về cấu tạo hoá học, vai trò sinh học, cơ chế tác dụng và phương pháp nghiên cứu các chất điều hòa sinh trưởng thực vật.	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có khả năng ứng dụng được chất điều hòa sinh trưởng thực vật trong thực tiễn.			
8	Kỹ thuật trồng cây ăn trái	Sau khi học xong học phần " cây ăn trái" sinh viên cân đạt được: - Hiểu được tình hình sản xuất, tiêu thụ sản lượng cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Định hướng được chiến lược phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác. - Nắm vững được cơ lở lý luận về kỹ thuật thiết kế vườn ươm, các phương pháp nhan giống cây ăn trái. - Nắm vững được đặc tính thực vật và sinh học, yêu cầu ngoại cảnh và liên quan đến kỹ thuật canh tác cây ăn trái ở ĐBSCL.	3	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
9	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp ngắn ngày	Cung cấp cho sinh viên, những người quan tâm đến nghiên cứu khoa học các kiến thức nền tảng về sản xuất hạt giống cây trồng như: Tầm quan trọng, kỹ thuật sản xuất hạt giống các loại cây trồng chính ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
10	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp dài ngày	Sinh viên nắm được đặc điểm hình thái, sinh học và sinh thái của cây công nghiệp dài ngày. Nắm được quy trình và kỹ thuật trồng một số cây công nghiệp dài ngày. Biết được một số bệnh hại, côn trùng và biện pháp quản lý các đối tượng gây hại	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
11	Thuốc bảo vệ thực vật	Sinh viên nắm được các loại thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam. Biết được hoạt chất ai sử dụng phòng và điều trị nhóm nấm, vi khuẩn, tuyến trùng, sâu hại và cỏ dại và cách sử dụng theo 4 đúng. Hiểu được cơ chế kháng thuốc của dịch hại, có biện pháp quản lý dịch hại hiệu quả và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng theo khuyến cáo.	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
12	Bệnh cây trồng	Sinh viên biết được các tác nhân gây bệnh hại cây trồng và đặc điểm sinh học, lưu tồn,... của tác nhân. Triệu chứng gây bệnh hại trên một số loại cây trồng chính như lúa, cây ăn trái, rau màu và hoa kiểng. Các biện pháp quản lý bệnh hại.	2	4	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
13	Quản lý tổng hợp dịch hại cây trồng (IPM)	Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc áp dụng nhiều biện pháp cùng lúc vào quản lý dịch hại. Biết được các biện pháp quản lý tổng hợp dịch hại và nguyên tắc, nguyên lý trong IPM và vận dụng vào trong quản lý dịch hại. Hiểu được hậu quả của việc làm dụng thuốc bảo vệ thực vật đối với dịch hại, con người và môi trường.	2	4	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Công nghệ sinh học ứng dụng trong trồng trọt	Sinh viên biết và hiểu được các loại công nghệ sinh học đang được ứng dụng trong lĩnh vực trồng trọt. Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong việc phát triển giống cây trồng, định danh vi sinh vật, côn trùng gây bệnh, phân tích đánh giá mẫu.	3	6	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
15	GAP và nông nghiệp hữu cơ	Sinh viên có cái nhìn tổng quan và hình thành niềm đam mê hơn về nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Nắm được quy trình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ và GAP. Đánh giá được nhu cầu của thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới	2	6	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
16	Bảo quản và chế biến nông sản	Sinh viên nắm được đặc điểm nông sản, mối quan hệ giữa môi trường bảo quản nông sản. Các nguyên lý và phương pháp bảo quản nông sản. Kỹ thuật bảo quản và chế biến một số nhóm nông sản chính	2	7	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
17	Kỹ thuật trồng cây rau màu	Hiểu được đặc điểm sinh học, hình thái của một số loại rau thường gặp. Hiểu được yêu cầu điều kiện ngoại cảnh, giá trị dinh dưỡng của một số loại rau. Nắm được quy trình kỹ thuật trồng một số loại rau cơ bản	2	5	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
18	Thực tập về trồng trọt	Sinh viên củng cố lại được những kiến thức lý thuyết đã học và ứng dụng vào trong tình hình sản xuất trồng trọt thực tế. Sinh viên được trực tiếp sản xuất, nắm vững quy trình kỹ thuật canh tác. Vận dụng kiến thức và phân tích tình hình thực tế tạo sự sáng tạo cho sinh viên. Được tiếp xúc và hiểu tính kỹ luật khi làm việc của cơ quan, tổ chức, rèn luyện thái độ sống, học tập và làm việc cho sinh viên	4	7	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
19	Kỹ năng tìm kiếm việc làm nông nghiệp	Giúp cho người học đạt được các kiến thức liên quan đến việc đánh giá năng lực bản thân nhằm giúp người học tự đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Hình thành khả năng tìm kiếm thông tin tuyển dụng và cách thức xây dựng hồ sơ ứng tuyển, cách thức thi tuyển, phỏng vấn tuyển dụng, thương lượng các vấn đề xung quanh công việc ứng tuyển.	1	7	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
20	Khởi nghiệp về nông nghiệp	Sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng cần thiết để bắt đầu một công việc kinh doanh mới, thuộc chuyên ngành Nông học. Trên cơ sở các kiến thức được tiếp thu này, sau khi ra trường và tích lũy được đủ điều kiện, sinh viên có thể tự mình khởi sự một hoạt động kinh doanh cụ thể gắn với chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp. Người học nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách xác định, đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập được kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính cho dự án kinh doanh, cũng như trang bị các kiến	3	7	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện việc tạo lập một doanh nghiệp,... từ đó hình thành nên năng lực khởi sự kinh doanh.			
21	Chăn nuôi đại cương	Hiểu biết những yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi, những quy định về sản xuất sản phẩm chăn nuôi sạch, và các quy trình sản xuất sạch đang được áp dụng. Có khả năng sáng tạo trong công việc, giải quyết các tình huống xãy ra trong chăn nuôi, tự lập kế hoạch phát triển chăn nuôi	2	3	Đánh giá thường xuyên + Thi cuối kỳ
22	Bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm	Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể: biết được kiến thức phòng trị bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm trong thực tiễn sản xuất..	2	6	Báo cáo chuyên đề
23	Thuốc thú y và độc chất	Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể: - Biết được kiến thức cơ bản về dược lý thú y và cách sử dụng một số loại thuốc trong điều trị bệnh cho gia súc và gia cầm. - Sử dụng thành thạo thuốc, vaccine và hóa chất phòng trị bệnh cho động vật .	2	5	Báo cáo chuyên đề
24	Bệnh thủy sản	Sau khi học xong học phần, sinh viên biết được phương pháp nghiên cứu và chẩn đoán bệnh thủy sản; quản lý sức khỏe động vật thủy sản; thuốc và nguyên tắc dùng thuốc	2	7	Báo cáo chuyên đề
25	Thực tập về chăn nuôi	Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể biết được các quy trình kỹ thuật sản xuất giống, quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm các loài động vật nuôi hiện nay. Thực hiện thành thạo thao tác kỹ thuật trong sản xuất thực tế các đối tượng chăn nuôi	4	7	Báo cáo chuyên đề

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Coaching Volleyball Technical And Tactical	2018	
2	Nhà giáo - nghề giáo: những điều nên biết - tập 1 - Dạy học từ truyền thống đến hiện đại	2020	
3	Nhà giáo - nghề giáo: những điều nên biết - tập 2 - Một số vấn đề chuyên môn nghiệp vụ	2020	
4	Sống minh triết trong nền giáo dục chia sẻ qua sự chiêm nghiệm các biểu đạt: 1-2-3-4-5	2020	
5	Tổ chức hoạt động dạy học môn toán lớp 1 (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018)	2020	
6	Kinh tế nông nghiệp Việt Nam cộng hòa 1955 - 1975	2020	
7	Tham vấn trường học	2020	
8	Quản trị chiến lược - Cập nhật BSC	2020	
9	Nghiên cứu văn bản hương ước Choson thế kỷ XVII - XVIII và so sánh với hương ước Việt Nam cùng thời kỳ	2020	
10	Phát triển năng lực dạy học toán tiểu học	2020	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
11	Con người trung nghĩa trong thơ nhà nho Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX	2021	
12	Người thầy, người cán bộ quản lý giáo dục và những tấm gương sáng người thầy trong dòng chảy giáo dục Việt	2021	
13	An ninh trên mạng VANET	2021	
14	Từ Âu Cơ đến phức cảm PHÂN TÂM HỌC trong truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại (Sách chuyên khảo)	2021	
15	Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai	2021	
16	Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở đồng bằng sông Cửu Long (sách chuyên khảo)	2021	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
17	Giáo trình Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	2021	
18	Bài tập Tiếng Việt cơ bản và nâng cao 2, tập 1	2021	
19	Bài tập Tiếng Việt cơ bản và nâng cao 2, tập 2	2021	
20	35 đề ôn luyện Tiếng Việt 1	2021	
21	Lễ hội Gò Tháp nét đặc sắc văn hóa Nam bộ ở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (sách chuyên khảo)	2021	
22	Quản lí giáo dục hướng nghiệp trung học phổ thông theo định hướng tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2020	2021	
23	Records and Information management strategies for enhanced knowledge coordination	2021	
24	Hồ Chí Minh - Người đi thức tỉnh tâm hồn	2021	
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Toán học	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
26	Advances in metric fixed point theory and applications	2021	
27	Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1)	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
28	Điền kinh và phương pháp	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020
29	Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường đất, nước và không khí	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
30	Đa dạng sinh học	2021	Tổng hợp danh mục đăng ký biên soạn Tài liệu GD năm học 2020-2021 theo Thông báo số 818/TB-ĐHĐT ngày 4/9/2020

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp 2020-2021

1. Quản lý giáo dục

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường THCS huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Lê Dương Thái An	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Đang thực hiện
2	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học ở các trường THPT huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Trường Cảnh	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Đang thực hiện
3	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh của các trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Vương Bá Đương	TS. Phan Trọng Nam	Đang thực hiện
4	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ Đoàn cơ sở tại Trường Đại học Đồng Tháp	Nguyễn Thanh Hải	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
5	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn theo hướng đổi mới giáo dục phổ thông tại các trường THPT huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Trần Phước Hoà	TS. Phan Ngọc Thạch	Đang thực hiện
6	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho học sinh THPT ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Lâm Phước Lành	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
7	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo các trường mầm non ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Phương Mai	TS. Phạm Hữu Ngãi	Đang thực hiện
8	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THPT thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	Trần Thuỵ Bích Ngọc	TS. Hồ Văn Thống	Đang thực hiện
9	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của các trường THPT ở huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	Trần Quốc Nhân	TS. Phan Trọng Nam	Đang thực hiện
10	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Huỳnh Như	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Đang thực hiện
11	Thạc sĩ	Quản lý động lực dạy học của giáo viên trường phổ thông Tương Lai, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phan Thị Thanh	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Đang thực hiện
12	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh cho trẻ 5 tuổi ở các trường mầm non thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trương Thị Chanh	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
13	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THPT ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Văn Cường	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Đang thực hiện
14	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tiểu học ở huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Trần Thị Thúy Hằng	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
15	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học các lớp đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học ở Trường Đại học Đồng Tháp	Võ Châu Hạnh	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
16	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn Sơn Hùng	TS. Lê Hùng Cường	Đang thực hiện
17	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên THCS ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phan Lưu Đức Huy	TS. Phạm Hữu Ngãi	Đang thực hiện
18	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục địa phương của các trường tiểu học huyện Cái Bè đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018	Đoàn Minh Long	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
19	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá tin học chuẩn đầu ra cho sinh viên chính quy ở Trường Đại học Đồng Tháp	Vũ Thị Lý	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
20	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học lớp 1 ở các trường tiểu học huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới	Ngô Minh Nhiệm	TS. Hồ Văn Thống	Đang thực hiện
21	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm qua môn học Lịch sử và Địa lý địa phương ở các trường tiểu học huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Mai Thị Hồng Phượng	TS. Phạm Văn Khanh	Đang thực hiện
22	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Trần Văn Sang	TS. Phan Ngọc Thạch	Đang thực hiện
23	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THCS ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	Trần Kim Cảnh	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Đang thực hiện
24	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học tiếng Khmer ở các trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	Danh Đồng	TS. Phạm Hữu Ngãi	Đang thực hiện
25	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường THPT ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Trần Văn Du	TS. Nguyễn Lan Phương	Đang thực hiện
26	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động xây dựng văn hóa ứng xử ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Bé Hai	TS. Lê Hùng Cường	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
27	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp ở các trường THCS huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Dương Thị Hằng	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
28	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên các trường mầm non huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Thái Thị Hảo	TS. Nguyễn Bách Thắng	Đang thực hiện
29	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức ngoài giờ lên lớp ở các trường tiểu học huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Lê Ngọc Hòa	TS. Phạm Văn Khanh	Đang thực hiện
30	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học viên ở trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện An Biên, Thượng tỉnh Kiên Giang	Quách Mạnh Hùng	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
31	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường tiểu học ở huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Tấn Hưng	TS. Hồ Văn Thống	Đang thực hiện
32	Thạc sĩ	Quản lý đội ngũ giáo viên các trường THPT huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá trường trung học	Phạm Thanh Liêm	TS. Trương Tấn Đạt	Đang thực hiện
33	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường THPT ở thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	Nguyễn Thị Lộc	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Đang thực hiện
34	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn các trường THCS ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Văn Lương	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
35	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT ở huyện Hòn Đất, Kiên Giang	Mai Ngọc Luyện	TS. Phan Ngọc Thạch	Đang thực hiện
36	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường tiểu học tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Bùi Công Lý	TS. Trương Tấn Đạt	Đang thực hiện
37	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động của tổ chuyên môn các trường THCS huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Nhật Thanh Ngân	TS. Hồ Văn Thống	Đang thực hiện
38	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Toán ở các trường THCS huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Hiếu Nghĩa	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Đang thực hiện
39	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường THCS huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	Trần Duy Phát	TS. Nguyễn Thanh Giang	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
40	Thạc sĩ	Quản lý công tác chủ nhiệm lớp các trường THCS ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	Trần Văn Ten	TS. Nguyễn Lan Phương	Đang thực hiện
41	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.	Nguyễn Duy Thanh	TS. Phan Ngọc Thạch	Đang thực hiện
42	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên Giáo dục Mầm non tại trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	Lâm Thị Thạnh	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
43	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cố vấn học tập của trường Đại học Kiên Giang đáp ứng yêu cầu tăng cường sử dụng hình thức đào tạo trực tuyến.	Phạm Thị Mai Thảo	TS. Phan Trọng Nam	Đang thực hiện
44	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng địa phương cho học sinh các trường THPT ở thành phố Rạch Giá, tỉnh kiên Giang	Nguyễn Thành Thông	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
45	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Thị Kim Thương	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Đang thực hiện
46	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường mẫu giáo ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	Lê Thị Kiều Trang	TS. Phan Trọng Nam	Đang thực hiện
47	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mẫu giáo huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang	Lê Hoàng Ánh Tuyết	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
48	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động dạy học môn Công nghệ ở các trường THPT huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	Đồng Ngọc Viễn	PGS.TS. Huỳnh Mộng Tuyền	Đang thực hiện
49	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường THCS ở huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Dương Hoàng Vũ	TS. Nguyễn Thanh Giang	Đang thực hiện
50	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng 51ở các trường THCS huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	Huỳnh Thanh Vũ	TS. Lê Hùng Cường	Đang thực hiện
51	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ hiệu trưởng theo hướng chuẩn hóa ở các trường mầm non huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang	Phạm Thị Cẩm Tú	TS. Phạm Hữu Ngãi	Đang thực hiện
52	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động liên kết đào tạo ở Trường Đại học Bạc Liêu	Nguyễn Thị Huyền Anh	TS. Phan Ngọc Thạch	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
53	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THCS ở thành Phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Lê Huỳnh Sơn Ca	PGS.TS. Đào Hoàng Nam	Đang thực hiện
54	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.	Nguyễn Văn Dũ	TS. Trương Tấn Đạt	Đang thực hiện
55	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động trải nghiệm các trường THCS ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.	Lê Thanh Hảo	TS. Lâm Thị Sang	Đang thực hiện
56	Thạc sĩ	Phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trường mầm non ở huyện Thạnh Trị tỉnh Sóc Trăng	Liêu Thị Hồng Hoa	TS. Phan Trọng Nam	Đang thực hiện
57	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giáo viên các trường THPT thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Giang Cẩm Hồng	TS. Lâm Thị Sang	Đang thực hiện
58	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Bạc Liêu.	Lê Hồng Kha	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
59	Thạc sĩ	Quản lý công tác xã hội hoá giáo dục ở các trường tiểu học huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Văn Ngàn	TS. Lê Hùng Cường	Đang thực hiện
60	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường THCS huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Giang Thái Nhân	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
61	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường THCS ở thành Phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Lê Kim Thúy	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
62	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn các trường THPT huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Quí Tiên	TS. Trương Tấn Đạt	Đang thực hiện
63	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh các trường THPT ở thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Trương Văn Toàn	TS. Hồ Văn Thống	Đang thực hiện
64	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn các trường THCS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Phan Thành Trung	TS. Phan Ngọc Thạch	Đang thực hiện
65	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên âm nhạc các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Lâm Thành Công	TS. Phạm Phương Tâm	Đang thực hiện
66	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên theo chuẩn giáo dục nghệ nghiệp ở trường Cao đẳng Nghề Tây Đô thành phố Cần Thơ	Cam Tuấn Dũng	TS. Lê Hùng Cường	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
67	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục địa phương của đội ngũ giáo viên tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Trần Thị Tư Duy	TS. Phan Trọng Nam	Đang thực hiện
68	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường THCS ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Hoàng Thị Hạnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
69	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động kiểm tra nội bộ các trường tiểu học ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Hiếu	TS. Trần Hồng Thắm	Đang thực hiện
70	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động học tập của học sinh ở các trường THPT quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	Trần Quang Hồng	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
71	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên mỹ thuật các trường Tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Đoàn Anh Huy	PGS.TS. Trần Văn Đạt	Đang thực hiện
72	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động công nghệ thông tin trong dạy học môn Tự nhiên xã hội các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Phan Đào Nguyễn Lê	PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh	Đang thực hiện
73	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường Tiểu học Thực hành quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Trương Thị Ngọc Liên	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
74	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học ở quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Bùi Tấn Nhiều	TS. Hồ Văn Thống	Đang thực hiện
75	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động đào tạo ở trường Cao đẳng giao thông vận tải Trung ương VI	Đinh Hạnh Phúc	PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	Đang thực hiện
76	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề lái xe ở thành phố Cần Thơ	Phùng Chí Thành	TS. Phạm Văn Khanh	Đang thực hiện
77	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên thực hành tại trung tâm GDNN Đào tạo và Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Tây Đô	Cao Quang Thọ	TS. Phạm Văn Khanh	Đang thực hiện
78	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giáo viên mầm non các trường công lập quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Thùy Trang	PGS.TS. Phạm Minh Giản	Đang thực hiện
79	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Tây Đô	Nguyễn Minh Trí	TS. Phạm Phương Tâm	Đang thực hiện
80	Thạc sĩ	Phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn của các trường THCS ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Phan Cẩm Tùng	PGS.TS. Phan Thị Tố Oanh	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
81	Thạc sĩ	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Bảo Vân	TS. Trần Hồng Thắm	Đang thực hiện

2. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm rèn kĩ năng sử dụng từ cho học sinh lớp 5 huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Trần Văn Bằng	TS. Nguyễn Văn Thuận	Đang thực hiện
2	Thạc sĩ	Sửa lỗi liên kết câu khi viết văn của học sinh lớp 2, 3 ở huyện Phú, tỉnh An Giang	Lê Thanh Chạt	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Đang thực hiện
3	Thạc sĩ	Dạy học từ loại cho học sinh lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực ở huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	Dương Ngọc Hân	TS. Nguyễn Văn Thuận	Đang thực hiện
4	Thạc sĩ	Phát triển năng lực cảm thụ văn học thông qua dạy đọc thơ cho học sinh lớp 4, 5 ở thành phố Rạnh Giá, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Ngọc Linh	TS. Nguyễn Văn Bản	Đang thực hiện
5	Thạc sĩ	Sửa lỗi dùng từ khi viết văn của học sinh dân tộc Chăm lớp 2, 3 ở huyện An Phú, tỉnh An Giang	Lê Thị Nhượng	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Đang thực hiện
6	Thạc sĩ	Phát triển năng lực cảm thụ văn học thông qua dạy kể chuyện cho học sinh lớp 4, 5 ở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Trần Sor Vit Tha	TS. Nguyễn Văn Bản	Đang thực hiện
7	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập dạy học để phát triển vốn từ loại cho học sinh lớp 4 ở huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Nguyễn Thị Huyền Trân	TS. Trần Hoàng Anh	Đang thực hiện
8	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập sử dụng từ cho học sinh lớp 3 huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre theo định hướng phát triển năng lực	Võ Thị Cẩm Linh	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Đang thực hiện
9	Thạc sĩ	Ứng dụng lí thuyết về phép liên kết văn bản vào dạy học viết văn kể chuyện cho học sinh lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Thị Ngọc Lợi	TS. Trần Đức Hùng	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
10	Thạc sĩ	Rèn luyện kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp 3 ở huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Lâm Minh Thành	TS. Nguyễn Văn Thuận	Đang thực hiện
11	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề số và phép tính trong toán 5 theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học	Nguyễn Văn Bé	TS. Phạm Thị Kim Châu	Đang thực hiện
12	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 4 qua dạy học nội dung số học	Mai Chấn Hiệp	TS. Nguyễn Thị Kiều	Đang thực hiện
13	Thạc sĩ	Hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán cho học cho học sinh lớp 1 thông qua dạy học "Số học và phép tính"	Lê Cao Bá Triết	TS. Lê Thị Tuyết Trinh	Đang thực hiện
14	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học của học sinh lớp 3 thông qua dạy học số và phép tính	Ngô Phương Trúc	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
15	Thạc sĩ	Dạy học rèn luyện và phát triển các thao tác tư duy cho học sinh theo chủ đề số học trong môn toán lớp 2	Phan Thị Ngọc Bích	TS. Võ Thành Phước	Đang thực hiện
16	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh qua việc dạy học yếu tố hình học	Nguyễn Trần Đông	TS. Nguyễn Thị Trúc Minh	Đang thực hiện
17	Thạc sĩ	Thiết kế và sử dụng các hoạt động thực hành và trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực tính toán cho học sinh lớp 4	Trần Văn Đức	TS. Lê Duy Cường	Đang thực hiện
18	Thạc sĩ	Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác vào dạy học số và phép tính ở toán lớp 1 sách Cánh Diều	Thạch Ngọc Mỹ Duy	PGS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
19	Thạc sĩ	Hình thành và phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 1 thông qua dạy học nội dung "Số và phép tính"	Nguyễn Thúy Hằng	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
20	Thạc sĩ	Thiết kế một số tình huống dạy học toán cho học sinh lớp 5 theo quan điểm dạy học tích hợp	Lâm Ngọc Minh	TS. Phạm Thị Thanh Tú	Đang thực hiện
21	Thạc sĩ	Rèn luyện kĩ năng tính toán cho học sinh lớp 4 thông qua hoạt động giải bài tập chủ đề số học và phép tính	Huỳnh Phước Trung	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
22	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 3 trong dạy học chủ đề hình học và đo lường	Nguyễn Thị Cẩm Tú	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
23	Thạc sĩ	Thiết kế và sử dụng sơ đồ tư duy dạy học nội dung hình học và đo lường trong toán 4	Lý Thanh Tùng	TS. Lê Duy Cường	Đang thực hiện

3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh thông qua dạy học chủ đề ứng dụng đạo hàm - Giải tích 12	Lê Minh Thiện Anh	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện
2	Thạc sĩ	Dạy học chương III: Quan hệ vuông góc trong không gian - Hình học 11 theo cách tiếp cận lý thuyết kiến tạo nhận thức	Trần Hoài Bảo	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
3	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải bài tập toán cho học sinh thông qua dạy học chương phương pháp tọa độ trong không gian - Hình học 12	Lâm Ngọc Châu	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
4	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực tư duy hàm thông qua dạy học giải phương trình cho học sinh THPT	Trần Kim Dũng	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
5	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề tam giác cho học sinh lớp 7 bằng tiếng Anh theo cách tiếp cận Clil	Huỳnh Trần Trúc Duyên	TS. Nguyễn Văn Dũng	Đang thực hiện
6	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề Phương trình – Hệ phương trình lớp 10	Phạm Trà Giang	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
7	Thạc sĩ	Dạy học nội dung phương trình bậc nhất một ẩn cho học lớp 8 theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	Nguyễn Thị Kim Hạnh	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện
8	Thạc sĩ	Dạy học giải các bài toán thực tế trong chương trình toán 10 với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra	Ngô Tùng Hiếu	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
9	Thạc sĩ	Rèn kỹ năng giải bài toán cho học viên hệ giáo dục thường xuyên thông qua dạy học giải bài tập chương ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số - Lớp 12	Nguyễn Minh Hiếu	TS. Nguyễn Văn Hồng	Đang thực hiện
10	Thạc sĩ	Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học của học sinh trong dạy học "Phương trình mũ, phương trình lôgarit, bất phương trình lôgarit" – Giải tích 12	Lê Minh Khắc	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
11	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực vận dụng toán học vào thực tiễn trong dạy học Đại số 10	Lưu Văn Mau	TS. Nguyễn Văn Hồng	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
12	Thạc sĩ	Xây dựng nguồn học liệu hỗ trợ học chủ đề phương trình đường thẳng và phương trình đường tròn – Hình học 10 cơ bản hệ giáo dục thường xuyên	Lưu Văn Nan	TS. Trần Lê Nam	Đang thực hiện
13	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực huy động kiến thức cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề Bất đẳng thức, Bất phương trình - Đại số 10	Trần Thanh Quyền	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
14	Thạc sĩ	Thiết kế một số tình huống dạy học theo hướng tiếp cận năng lực nội dung phương trình đường thẳng Hình học 10 ở trường THPT	Trần Văn Tâm	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
15	Thạc sĩ	Phát triển tư duy biện chứng cho học sinh qua dạy học hình học không gian lớp 11	Nguyễn Hiếu Trung	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
16	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian	Lê Phú Trường	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
17	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học giải bài tập chủ đề đường tròn, góc với đường tròn	Trần Quốc Việt	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
18	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề Phương pháp toạ độ trong mặt phẳng - Hình học lớp 10 cơ bản theo hướng tăng cường phân hoá đối tượng học sinh	Nguyễn Đức Dư	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
19	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải toán cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học giải bài tập chủ đề Bất phương trình	Phạm Thị Mỹ Dung	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
20	Thạc sĩ	Dạy học hàm số bậc hai - Đại số 10 theo định hướng kết nối toán học với thực tiễn	Cao Thành Đạt	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
21	Thạc sĩ	Phát triển năng lực lực mô hình hoá toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số - Giải tích 12	Lê Hoàng Khải	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
22	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề Tích phân bằng cách sử dụng kĩ thuật mảnh ghép	Huỳnh Nguyễn Thụy Hồng Lan	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
23	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Tam giác - Hình học 7	Bùi Thị Kim Ngân	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
24	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh lớp 11 thông qua khai thác các yếu tố thực tiễn trong dạy học chủ đề Dãy số - Cấp số cộng - Cấp số nhân	Nguyễn Hiếu Nhi	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
25	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chủ đề Đường tròn - Hình học 9 theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học	Trình Ngọc Tánh	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
26	Thạc sĩ	Phát triển năng lực mô hình hoá toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Hệ thức lượng trong tam giác vuông - Hình học 9	Phạm Thị Mai Thắm	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện
27	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh lớp 10 trong dạy học chủ đề Vectơ	Phạm Thị Hương Trà	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
28	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học chủ đề Đường tròn	Nguyễn Minh Trung	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
29	Thạc sĩ	Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian – Hình học 11	Lê Thị Âu	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
30	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học nội dung phương trình tổng quát và phương trình tham số của đường thẳng	Phan Văn Cần	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
31	Thạc sĩ	Dạy học chương Hàm số đại số 10 theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp toán học	Lại Mỹ Chinh	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
32	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề Nguyên hàm tích phân và ứng dụng – Giải tích 12	Nguyễn Văn Đằng	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
33	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động dạy học chương Đạo hàm theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT	Nguyễn Thanh Hai	TS. Nguyễn Phương Thảo	Đang thực hiện
34	Thạc sĩ	Phát triển năng lực kiến tạo tri thức toán học cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề quan hệ vuông góc trong không gian	Nguyễn Minh Hải	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
35	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chương thống kê – Đại số 10	Võ Thanh Thiên Hoà	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện
36	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học giải bài tập chủ đề phương trình và hệ phương trình vô tỉ ở THPT	Bùi Thanh Hồng	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
37	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực khám phá tri thức phương pháp cho học sinh trong dạy học giải bài tập phương pháp tọa độ trong mặt phẳng – Hình học 10	Trần Văn Kỹ	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
38	Thạc sĩ	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chương thống kê cho học sinh lớp 7	Hồ Ngọc Nhất Linh	TS. Nguyễn Phương Thảo	Đang thực hiện
39	Thạc sĩ	Dạy học chủ đề nguyên hàm tích phân theo cách tiếp cận lý thuyết kiến tạo xã hội	Danh Huệ Minh	PGS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
40	Thạc sĩ	Vận dụng mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung vào dạy học phương trình đường thẳng trong không gian – Hình học 12	Nguyễn Hoàng Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
41	Thạc sĩ	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc trong không gian – Hình học 11	Nguyễn Minh Phụng	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện
42	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chủ đề đường thẳng vuông góc với mặt phẳng – Hình học 11 trên cơ sở vận dụng lý thuyết kiến tạo	Bạch Phương Tính	TS. Phạm Sỹ Nam	Đang thực hiện
43	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chủ đề phương trình đường thẳng trong không gian trên cơ sở vận dụng lý thuyết kiến tạo	Lê Đăng Tuấn	TS. Phạm Sỹ Nam	Đang thực hiện
44	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 11 thông qua phát hiện sửa chữa sai lầm trong dạy học giải bài tập chủ đề Tổ hợp và Xác suất	Danh Út	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
45	Thạc sĩ	Rèn luyện năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh trong dạy học chủ đề rút gọn biểu thức – Đại số 9	Bùi Tiến Võ	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
46	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề phương trình mặt cầu – Hình học 12	Nguyễn Trương Vương	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
47	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề ứng dụng đạo hàm - Giải tích 12	Nguyễn Thanh Bình	PGS.TS. Phan Anh Tài	Đang thực hiện
48	Thạc sĩ	Phát triển năng lực toán cho học sinh lớp 10 thông qua sử dụng bài tập chủ đề phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	Huỳnh Trọng Hiếu	TS. Nguyễn Văn Dũng	Đang thực hiện
49	Thạc sĩ	Xây dựng các tình huống dạy học chủ đề "Nguyên hàm – Tích phân và ứng dụng" theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận Toán học cho học sinh lớp 12	Trần Thế Hòa	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
50	Thạc sĩ	Phát triển tư duy phân tích cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề lượng giác.	Vũ Thái Hòa	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
51	Thạc sĩ	Thiết kế các tình huống dạy học chủ đề phương pháp tọa độ trong không gian theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh	Nguyễn Việt Huy	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
52	Thạc sĩ	Xây dựng hệ thống bài tập chủ đề "Phương pháp tọa độ trong không gian" theo hướng phát triển năng lực toán học cho học sinh lớp 12.	Nguyễn Văn Khởi	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện
53	Thạc sĩ	Thiết kế các tình huống dạy học chương Hàm số lũy thừa, Hàm số mũ và Hàm số logarit theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 12	Nguyễn Văn Liêu	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
54	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học hệ phương trình bậc nhất hai ẩn nhằm phát triển năng lực mô hình hóa cho học sinh lớp 9	Nguyễn Thanh Minh	TS. Phạm Sỹ Nam	Đang thực hiện
55	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh thông qua dạy học chương tứ giác - Hình học 8.	Huỳnh Thị Kiều My	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
56	Thạc sĩ	Dạy học bài toán tìm Giá trị lớn nhất – Giá trị nhỏ nhất giải tích 12 theo hướng dạy học tích hợp	Châu Minh Ngẫu	GS.TS. Nguyễn Phú Lộc	Đang thực hiện
57	Thạc sĩ	Thiết kế tình huống dạy học chương "Nguyên hàm - Tích phân và Ứng dụng" theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 12	Lê Tuấn Nhã	TS. Lê Minh Cường	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
58	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực tư duy lôgic thông qua dạy học giải bài tập chương Giới hạn – Đại số và Giải tích lớp 11	Trương Hồng Sang	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
59	Thạc sĩ	Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh lớp 12 thông qua dạy học chương "Phương pháp tọa độ trong không gian"	Quách Thanh Thưởng	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
60	Thạc sĩ	Phát triển tư duy biện chứng cho học sinh thông qua giải bài tập chương "Hàm số lượng giác và Phương trình lượng giác - Đại số và Giải tích 11"	Trần Văn Toàn	TS. Lê Xuân Trường	Đang thực hiện
61	Thạc sĩ	Phát triển năng lực nhận thức toán học cho học sinh thông qua dạy học +hình học không gian lớp 12	Bùi Kim Trọng	PGS.TS. Nguyễn Dương Hoàng	Đang thực hiện
62	Thạc sĩ	Đánh giá năng lực mô hình hóa toán học của học sinh lớp 11 trong dạy học chủ đề "Giải tích Tổ hợp và Xác suất"	Nguyễn Ngọc Trọng	TS. Đỗ Văn Hùng	Đang thực hiện
63	Thạc sĩ	Bồi dưỡng năng lực giải toán cho học sinh thông qua dạy học Đại số và Giải tích 11 (chương Giới hạn)	Nguyễn Duy Tuấn	TS. Nguyễn Văn Hồng	Đang thực hiện

4. Hoá lí thuyết và Hoá lí

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Nghiên cứu điều chế, pha tạp kim loại sắt và khảo sát khả năng ứng dụng đối với vật liệu khung hữu cơ - kim loại nhôm terephthalate	Huỳnh Tuấn Anh	PGS.TS. Phạm Đình Dũ	Đang thực hiện
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu các trạng thái electron của cluster $TaGe_3^{-/0}$ bằng hóa học lượng tử tính toán	Võ Duy Cần	PGS.TS. Trần Văn Tân	Đang thực hiện
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng hấp phụ amoni và xanh methylene của vật liệu hấp phụ chế tạo từ vỏ củ ấu	Hồ Thành Chấn	TS. Đặng Kim Tại	Đang thực hiện
4	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng của gốc acetyl với phân tử propene bằng phương pháp tính hóa lượng tử	Huỳnh Thanh Hoàng	PGS.TS. Trần Quốc Trị	Đang thực hiện
5	Thạc sĩ	Tổng hợp và khảo sát tính chất điện hoá của vật liệu $LiNi_xFe_{(1-x)}PO_4/C$ và $LiNn_xFe_{(1-x)}PO_4/C$ (x = 0.00 – 0.20) ứng dụng làm vật liệu điện cực dương cho pin sạc Li-ion	Nguyễn Thành Nam	PGS.TS. Trần Văn Mẫn	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
6	Thạc sĩ	Điều chế vật liệu nano Fe-TiO_2 để làm chất xúc tác quang phân hủy kháng sinh Amoxicillin trong dung dịch nước	Trần Thị Yến Nhi	TS. Nguyễn Văn Hưng	Đang thực hiện
7	Thạc sĩ	Điều chế vật liệu composite g-C_3N_4/biochar và ứng dụng xử lý kháng sinh doxycycline trong dung dịch nước	Nguyễn Thị Huỳnh Nhụy	TS. Bùi Thị Minh Nguyệt	Đang thực hiện
8	Thạc sĩ	Nghiên cứu cấu trúc của cluster $FeGe_4^{-/0}$ bằng hóa học lượng tử tính toán	Phan Thị Ngọc Thơ	PGS.TS. Trần Văn Tân	Đang thực hiện
9	Thạc sĩ	Chế tạo và nghiên cứu tính chất của vật liệu nano composite rGO-Cu_xS	Nguyễn Thị Phương Thu	TS. Bùi Văn Thắng	Đang thực hiện
10	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự hấp phụ các chất dinh dưỡng trong nước thải ao nuôi cá tra bằng hệ vật liệu hấp phụ chế tạo từ than bùn	Nguyễn Văn Thức	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng	Đang thực hiện
11	Thạc sĩ	Nghiên cứu xử lý nước thải ao nuôi cá tra bằng vật liệu hấp phụ và thực vật trong hệ thống đất ngập nước kiến tạo	Phạm Đặng Mai Trân	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng	Đang thực hiện
12	Thạc sĩ	Nghiên cứu trạng thái electron của cluster $CoGe_6^{-/0}$ bằng hóa học lượng tử tính toán	Nguyễn Thị Bích Ngọc	PGS.TS. Trần Văn Tân	Đang thực hiện
13	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng của gốc acetyl với phân tử acetic acid bằng phương pháp tính hóa học lượng tử	Trần Thị Cẩm Thanh	PGS.TS. Trần Quốc Trị	Đang thực hiện
14	Thạc sĩ	Nghiên cứu lý thuyết phản ứng của gốc acetyl với phân tử acetaldehyde bằng phương pháp tính hóa lượng tử	Trần Thị Thùy Trang	PGS.TS. Trần Quốc Trị	Đang thực hiện
15	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự thay đổi tính chất, thành phần của vật liệu hấp phụ khi xử lý nước thải ao nuôi cá tra trong hệ thống đất ngập nước kiến tạo.	Lâm Quốc Việt	PGS.TS. Hồ Sỹ Thắng	Đang thực hiện

5. Ngôn ngữ Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Đặc điểm từ và câu trong truyện ngắn Lê Minh Nhựt	Đoàn Thị Hải Hà	TS. Trần Đức Hùng	Đang thực hiện
2	Thạc sĩ	Phương tiện biểu hiện và ngữ nghĩa của hành động hỏi, cầu khiến trực tiếp trong ca dao Đồng Tháp	Đinh Thị Thu Hằng	TS. Trần Thanh Vân	Đang thực hiện
3	Thạc sĩ	Hành động khuyên và yêu cầu qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư	Đinh Thị Thu Hiền	TS. Trần Thanh Vân	Đang thực hiện
4	Thạc sĩ	Đặc điểm ngôn ngữ trong các bài bình luận thể thao trên Báo điện tử Thể thao và Văn hóa	Tăng Văn Khương	PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	Đang thực hiện
5	Thạc sĩ	Đặc điểm ngôn ngữ thơ trên Báo Văn nghệ Đồng Tháp	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	TS. Nguyễn Văn Bản	Đang thực hiện
6	Thạc sĩ	Đặc điểm địa danh thành phố Cà Mau	Huỳnh Văn Tài	TS. Trần Hoàng Anh	Đang thực hiện
7	Thạc sĩ	Từ chỉ động vật, thực vật trong truyện ngắn Sơn Nam	Lê Thị Ngọc Thắng	TS. Trần Hoàng Anh	Đang thực hiện
8	Thạc sĩ	Hành động khen và trách trong ca dao Nam Bộ	Trần Chánh Băng	TS. Trần Đức Hùng	Đang thực hiện
9	Thạc sĩ	Ngôn ngữ hội thoại của các nhân vật trong sáng tác Nguyễn Khắc Trường	Trần Thị Dung	TS. Trần Thanh Vân	Đang thực hiện
10	Thạc sĩ	Các phép liên kết và tính mạch lạc trong bài làm văn của học sinh Trường THPT Lê Thanh Hiền, tỉnh Tiền Giang	Võ Trung Hải	PGS.TS. Đỗ Minh Hùng	Đang thực hiện

6. Lịch sử Việt Nam

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Kinh tế - xã hội huyện Lai Vung từ năm 1989 đến năm 2020	Nguyễn Văn Bình	TS. Nguyễn Thành Phương	Đang thực hiện
2	Thạc sĩ	Kinh tế - xã hội ở huyện Kiên Lương từ năm 1998 đến năm 2020	Đỗ Văn Đâm	TS. Nguyễn Thành Phương	Đang thực hiện
3	Thạc sĩ	Cải tạo xã hội chủ nghĩa về kinh tế ở Đồng Tháp từ năm 1975 đến năm 1986	Nguyễn Võ Đăng Khoa	TS. Lê Đình Trọng	Đang thực hiện
4	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp Hậu Giang từ năm 1976 đến năm 2020	Hồ Thanh Lâm	TS. Nguyễn Thành Phương	Đang thực hiện
5	Thạc sĩ	Cải tạo xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Minh Hải từ 1976 đến 1986	Nguyễn Bích Liên	TS. Nguyễn Trọng Minh	Đang thực hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
6	Thạc sĩ	Chuyển biến kinh tế - xã hội của cộng đồng người Chăm ở An Giang từ 1986 đến 2020	Lôi Tú Như	TS. Nguyễn Trọng Minh	Đang thực hiện
7	Thạc sĩ	Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Bến Tre về kinh tế từ 1975 đến 1986	Nguyễn Phi Tâm	TS. Lê Đình Trọng	Đang thực hiện
8	Thạc sĩ	Phong trào yêu nước chống Pháp ở tỉnh An Giang từ năm 1867 đến trước năm 1930	Nguyễn Ngọc Thúy	TS. Nguyễn Trọng Minh	Đang thực hiện
9	Thạc sĩ	Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Tiền Giang (1975 - 1986)	Trương Quang Vinh	TS. Lê Đình Trọng	Đang thực hiện

7. Giáo dục Tiểu học

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Sử dụng trò chơi học tập chủ đề hình học và đo lường trong toán 1 theo hướng phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.	Đặng Ngọc Kim Ngân Nguyễn Thị Mỹ Ngọc ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Lê Thị Tuyết Trinh	Giáo dục Tiểu học là nền tảng cơ bản cho sự hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất của HS. Trong đó, chủ đề hình học và đo lường là một trong những chủ đề xuyên suốt ở các khối lớp bậc Tiểu học và là chủ đề quan trọng trong chương trình Tiểu học. Đặc biệt đối với lớp 1, chủ đề hình học và đo lường là nền tảng cơ bản giúp HS hình thành các kĩ năng tư duy, suy luận hình học và hơn hết là giúp HS biết quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm (ở mức độ trực quan) của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với hình học và đo lường (với các đại lượng đo thông dụng). Đây cũng là chủ đề giúp HS phát huy khả năng sáng tạo, tích cực. Do đó, chúng tôi đã chọn đề tài "***Sử dụng trò chơi học tập theo chủ đề hình học và đo lường trong Toán 1 theo hướng phát triển năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán***"
2	Đại học	Hình thành năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 1 trong	Dương Thị Băng Tuyền Lê Thị Tố Lan Nguyễn Lê Anh Thư ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Đỗ Văn Hùng	Theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán 2018 ở tiểu học, chủ đề "Số và phép tính" là chủ đề quan trọng và xuyên suốt trong quá trình học tập từ lớp 1 đến lớp 5. Riêng đối với lớp 1 là lớp học đầu tiên tiếp cận với các năng lực toán học, chủ đề "Số và phép tính" là nội dung

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		dạy học chủ đề "số và phép tính"			trọng tâm cốt lõi của chương trình môn Toán ở tiểu học. Nó chiếm một khối lượng và thời lượng khá lớn (khoảng 80%) trong toàn bộ cấu trúc nội dung chương trình môn toán ở tiểu học, các nội dung khác như Hình học và đại lượng, Hoạt động thực hành và trải nghiệm (khoảng 20%) trình bày xen kẽ với nội dung "Số và phép tính" nhằm tạo sự hỗ trợ lẫn nhau, đây cũng chính là sự thể hiện của quan điểm tích hợp trong dạy học toán ở tiểu học. Do đó, chúng tôi quyết định chọn đề tài "Hình thành năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 1 trong dạy học chủ đề "Số và phép tính".
3	Đại học	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học của học sinh lớp 2 trong dạy học chủ đề số và phép tính	Đặng Ngọc Kim Ngân Nguyễn Thị Kim Nguyễn Ý Nguyên ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Lê Duy Cường	Năng lực giải quyết vấn đề toán học (GQVĐTH) là một trong 5 năng lực (NL) cốt lõi cần hình thành cho học sinh (HS) tiểu học trong chương trình môn toán theo chương trình GDPT 2018. Vấn đề phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học môn Toán được nhiều nhà khoa học, nhà giáo dục quan tâm, nghiên cứu. Nhiều luận án, luận văn, bài báo khoa học, bàn về 2 phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học môn Toán. dạy học toán ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học là cần thiết để học sinh phát triển toàn diện hơn. Do đó, chúng tôi quyết định chọn đề tài: "Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học của học sinh lớp 2 trong dạy học chủ đề số và phép tính"
4	Đại học	Dạy học yếu tố hình học ở Toán 4 theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	Trần Nguyễn Phương Anh Nguyễn Thị Ngọc Linh Lê Thị Khánh Châu ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Nguyễn Thị Trúc Minh	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho thấy, việc đổi mới giáo dục nhằm giúp học sinh biết cách tự học, góp phần rèn luyện tư duy logic, nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội. Xác định đúng nguyên nhân, tìm đúng phương pháp khả thi, tạo nên sự thay đổi thực sự trong phương pháp dạy học. Từ đó, đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) phát triển năng lực giải quyết vấn đề (GQVĐ) cho học sinh Tiểu học thông qua dạy học toán là một trong những vấn đề cần nghiên cứu hiện nay của giáo dục Toán ở Tiểu học. Chúng tôi quyết định chọn đề tài: ***"Dạy học yếu tố hình học ở Toán 4 theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh"***

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
5	Đại học	Dạy học chủ đề số học và phép tính Toán 3 theo định hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học của học sinh	Phan Hoàng Quyên Nguyễn Yến Thuyên Phan Thị Kiều Oanh ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Nguyễn Thị Kiều	Chương trình đào tạo bậc tiểu học được chia làm 2 giai đoạn giai đoạn đầu tiểu học (lớp 1, 2, 3) và giai đoạn cuối tiểu học (lớp 4, 5). Lớp 3 HS vừa có nền tảng kiến thức được tích lũy ở các lớp 1, 2 đồng thời là sự tổng kết lại và liên kết với giai đoạn sau khó hơn. Chính vì vậy nội dung chương trình môn Toán 3 nói chung và nội dung số và phép tính nói riêng rất được chú trọng. Đối với HS lớp 3, dạy học nội dung số và phép tính không chỉ giúp HS có kiến thức áp dụng vào cuộc sống, có kĩ năng toán học mà còn giúp HS phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Do đó, chúng tôi chọn đề tài ***"Dạy học chủ đề số và phép tính Toán 3 theo định hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học của HS"***
6	Đại học	Dạy học nội dung hình học lớp 5 theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh	Huỳnh Hoa Hiếu Hạnh Bùi Thị Hồ Nghi Trần Ngọc Nhiều ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Phạm Thị Kim Châu	Toán học là môn học bắt buộc và giữ vai trò quan trọng trong chương trình GDPT hiện nay, giúp HS rèn luyện, phát triển NLTD & LLTH, đặc biệt là đối với HS lớp 5. Qua đó, các em được cung cấp kiến thức về các đối tượng, quan hệ, đặc biệt là các đại lượng HH (chu vi, diện tích, thể tích) để HS vận dụng vào giải các bài toán HH và thực tiễn một cách hiệu quả. GV cần phải đổi mới biện pháp, hình thức dạy học, cách thức tổ chức... trong quá trình dạy học nội dung HH lớp 5 để giúp HS tích cực, chủ động phát triển NLTD & LLTH. Từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: **"Dạy học nội dung hình học lớp 5 theo hướng phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học cho học sinh"**.
7	Đại học	Vận dụng phương pháp dạy học theo góc trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3	Nguyễn Lê Ngọc Mỹ Lê Thùy Dương ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Đỗ Thị Như Uyên	Thiết kế HĐDH phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của cả người dạy và người học nhằm nâng cao tri thức, bồi dưỡng năng lực hợp tác, năng lực vận dụng tri thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp tự học, tác động tích cực đến tư tưởng, tình cảm, đem lại hứng thú học tập cho người học, Để phát huy được tất cả năng lực của người học, GV cần phải vận dụng các PPDH tích cực vào quá trình thiết kế HĐDH. Trong số nhiều PPDH tích cực hiện nay, PPDH theo góc là một trong các PPDH hiệu quả, khả thi. Khi nói tới PPDH theo góc có nghĩa là các học sinh của một lớp học được học tại các vị trí/khu vực

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong một môi trường học tập có tính khuyến khích hoạt động và thúc đẩy việc học tập. Do đó, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu **"Vận dụng PPDH theo góc trong môn TN&XH lớp 3"**
8	Đại học	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3	Nguyễn Nữ Kiều Thảo Lê Thị Thu Hảo Nguyễn Thị Trúc Mai ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Dương Huy Cẩn	Phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực trong môn Tự nhiên và Xã hội phải làm sao để các em yêu thích khám phá, muốn được tìm hiểu, được chiếm lĩnh kiến thức và biết áp dụng vào cuộc sống hàng ngày? Làm sao để các em có thể "vừa học, vừa chơi" mà lại ghi nhớ được kiến thức thật lâu, phát triển các năng lực nói chung, đặc biệt là năng lực cơ bản như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học và năng lực giải quyết vấn đề là cần thiết và quan trọng. Do đó, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu "***Phát triển năng lực học sinh trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3***".
9	Đại học	Giáo dục cho học sinh Tiểu học qua tập thơ "*Góc sân và khoảng trời*" của Trần Đăng Khoa	Hà Thị Cẩm Tiên Hồ Trương Như Phương Trần Hồng Thắm ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Văn học nghệ thuật giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách. Văn học giúp các em biết học hỏi những điều hay lẽ phải và trở thành người có ích trong cuộc sống. Chính vì vậy, chúng tôi dạn chọn đề tài **"Giáo dục học sinh Tiểu học qua tập thơ *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa"** để nghiên cứu. Hi vọng qua đề tài này chúng tôi sẽ có thể góp thêm một cái nhìn, cách tìm hiểu mới trong những bài học về các vấn đề về giáo dục mà tác giả mang lại.
10	Đại học	Biện pháp khắc phục lỗi chính tả cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phạm Trường An Phạm Ngọc Trâm Anh Phan Văn Hùng Tiến ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Huỳnh Kim Tường Vi	Trong chương trình môn Tiếng việt cấp Tiểu học, phân môn chính tả có vị trí rất quan trọng. Nó có nhiệm vụ hình thành vá phát triển kỹ năng viết và nói cho học sinh. Chính vì thế, quá trình dạy học có hứng thú tích cực hay không, có phát huy được trí thông minh và năng lực sáng tạo của trẻ được hay không tất cả dựa vào kỹ năng nghe, nói, đọc, viết mà trẻ đã học. Xuất phát từ những mong muốn của các em học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Lê Văn Tám, hạn chế trình trạng viết sai chính tả; từng bước hình thành kỹ năng viết đúng viết đẹp, giúp cho học sinh hoàn thiện kỹ năng diễn đạt làm cho người khác hiểu điều các em muốn truyền tải. Do đó, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: "Biện pháp khắc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					phục lỗi chính tả cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp".
11	Đại học	Biện pháp mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Chu Văn An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo định hướng phát triển năng lực	Lê Châu Phương Thảo Đặng Thị Hồng Loan ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Trần Hoàng Anh	Với học sinh lớp 3, việc mở rộng vốn từ cho các em là cần thiết, đó là điều kiện thuận lợi giúp các em học tốt các môn học khác ở Tiểu học và học tiếp lên các lớp trên. Mục tiêu của dạng bài mở rộng vốn từ hướng tới 3 nhiệm vụ chủ yếu là giúp học sinh phong phú hóa vốn từ, chính xác hóa vốn từ và tích cực hóa vốn từ. Qua tìm hiểu thực tế từ học sinh khối 3, Trường Tiểu học Chu Văn An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp chúng tôi nhận thấy vốn từ ngữ trong việc giao tiếp của các em còn rất hạn chế, sử dụng từ đặt câu không chính xác, không biết cách chữa lỗi dùng từ. Do đó, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***" Biện pháp mở rộng vốn từ cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học Chu Văn An, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp theo định hướng phát triển năng lực"***
12	Đại học	Biện pháp phát triển năng lực sử dụng phép so sánh trong văn miêu tả cho học sinh lớp 4 Trường Tiểu học Chu Văn An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Võ Ngọc Trinh Trần Thị Việt Trinh Nguyễn Ngọc Phương ĐHGDTH17A-C-CLC	TS. Trần Đức Hùng	Phân môn Tập làm văn của môn Tiếng Việt có vai trò quan trọng nhất bởi nó tiếp nối tự nhiên các phân môn khác như: Tập đọc, Luyện từ và câu. So sánh tu từ là biện pháp tu từ ngữ nghĩa, trong đó người ta đối chiếu hai đối tượng khác nhau của thực tế khách quan - có nét giống nhau nào đó nhưng không hoàn toàn đồng nhất nhằm diễn tả một cách hình ảnh và đem đến lối tri giác mới mẻ về đối tượng. Thế nhưng, trong thực tế, học sinh chưa biết trong trường hợp nào nên vận dụng phép tu từ so sánh vào nói, viết đoạn văn, bài văn miêu tả của mình. Nếu có sử dụng hình ảnh so sánh thì cũng là phát hiện của người khác vì thế hành văn của các em chưa tạo được sự mới mẻ, độc đáo, chưa có dấu ấn cá nhân... Bên cạnh đó, một số giáo viên chưa thực sự coi trọng việc hướng dẫn sử dụng biện pháp tu từ nói chung và biện pháp so sánh nói riêng trong viết văn miêu tả cho học sinh. Do đó, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***"Biện pháp phát triển năng lực sử dụng phép so sánh trong văn miêu tả cho học sinh lớp 4 ở Trường Tiểu học Chu Văn An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp"***

8. Khoa học môi trường

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Đánh giá ảnh hưởng của butachlo đến số lượng vi khuẩn trong đất trồng cây đậu phộng (Arachis hypogaea) và cây rau muống (Impomoea aquatica)	Đặng Tấn Thành	Hà Danh Đức	Đánh giá ảnh hưởng của butachlo đến số lượng vi khuẩn trong đất trồng cây đậu phộng (Arachis hypogaea) và cây rau muống (Impomoea aquatica)
2	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Propanil đến sự sinh trưởng của vi khuẩn Acinetobacter baumamnii DT	Trần Ngọc Huy	Hà Danh Đức	Ảnh hưởng của nồng độ Propanil đến sự sinh trưởng của vi khuẩn Acinetobacter baumamnii DT
3	Đại học	Khảo sát khả năng diệt khuẩn có nguồn gốc từ da người và nước bẩn bởi một số tác nhân.	Nguyễn Tấn Lôc	Hà Danh Đức	Khảo sát khả năng diệt khuẩn có nguồn gốc từ da người và nước bẩn bởi một số tác nhân.
4	Đại học	Ảnh hưởng của nồng độ Butachlor đến sự sinh trưởng vi khuẩn Acinetobacter baumannii DT	Nguyễn Thị Kim Phụng	Hà Danh Đức	Ảnh hưởng của nồng độ Butachlor đến sự sinh trưởng vi khuẩn Acinetobacter baumannii DT
5	Đại học	ảnh hưởng của propanil đến sự sinh trưởng của cây đậu xanh (vigna radiata), cây rau muống (ipomoea aquatica) và số lượng vi sinh vật trong đất	Trần Thị Tiên	Hà Danh Đức	ảnh hưởng của propanil đến sự sinh trưởng của cây đậu xanh (vigna radiata), cây rau muống (ipomoea aquatica) và số lượng vi sinh vật trong đất
6	Đại học	nghiên cứu khả 7năng xử lý nước t8hải nuôi ếch bằng hệ thống đất ngập nước kiến tạo kết hợp với thực vật	Nguyễn Thái Thuận	Lê Diễm Kiều	nghiên cứu khả 7năng xử lý nước t8hải nuôi ếch bằng hệ thống đất ngập nước kiến tạo kết hợp với thực vật
7	Đại học	Khảo sát quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở thành phố Cao Lãnh	Đinh Thái Thuận	Lê Diễm Kiều	Khảo sát quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở thành phố Cao Lãnh
8	Đại học	Nghiên cứu khả năng xử lý Đạm trong nước ao nuôi Ếch Thái Lan (Rana rugulosa) của Bèo Tai Tượng (Pistla stratiotes L.)	Nguyễn Thị Diễm My	Lê Diễm Kiều	Nghiên cứu khả năng xử lý Đạm trong nước ao nuôi Ếch Thái Lan (Rana rugulosa) của Bèo Tai Tượng (Pistla stratiotes L.)
9	Đại học	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải nuôi ếch bằng hệ thống đất ngập nước kiến tạo kết hợp với cỏ voi	Trần Quốc Khánh	Lê Diễm Kiều	Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải nuôi ếch bằng hệ thống đất ngập nước kiến tạo kết hợp với cỏ voi

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
10	Đại học	Khảo sát kĩ thuật quản lý môi trường của ao nuôi cá lóc tam nông và hồng ngự tỉnh đồng tháp	Trần trung Trí	Lê diễm kiều	Khảo sát kĩ thuật quản lý môi trường của ao nuôi cá lóc tam nông và hồng ngự tỉnh đồng tháp
11	Đại học	Khảo sát nhận thức về chất thải nhựa và quản lý chất thải nhựa của sinh viên trường Đại học Đồng tháp	Trần Minh Hùng	Lê Diễm Kiều	Khảo sát nhận thức về chất thải nhựa và quản lý chất thải nhựa của sinh viên trường Đại học Đồng tháp
12	Đại học	Khảo sát kỹ thuật nuôi và quản lý môi trường trong nuôi ếch (Rana Rugulosa) ở huyện Cao Lãnh và Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp.	Đặng Thị Anh Thư	Lê Diễm Kiều	Khảo sát kỹ thuật nuôi và quản lý môi trường trong nuôi ếch (Rana Rugulosa) ở huyện Cao Lãnh và Tháp Mười tỉnh Đồng Tháp.
13	Đại học	đặc điểm hoá học của đất trên các kiểu sử dụng đất khác nhau vùng đồng tháp	Hứa Minh Hiển	Nguyễn Thị Hải Lý	đặc điểm hoá học của đất trên các kiểu sử dụng đất khác nhau vùng đồng tháp
14	Đại học	tính chất vật lý và trữ lượng carbon theo các kiểu sử dụng đất khác nhau, tỉnh Đồng Tháp	Đặng Anh Khoa	Nguyễn Thị Hải Lý	tính chất vật lý và trữ lượng carbon theo các kiểu sử dụng đất khác nhau, tỉnh Đồng Tháp
15	Đại học	hiện trạng đa dạng thực vật trên các kiểu sử dụng đất khác nhau ở tỉnh đồng tháp	Nguyễn Quốc Linh	Nguyễn Thị Hải Lý	hiện trạng đa dạng thực vật trên các kiểu sử dụng đất khác nhau ở tỉnh đồng tháp
16	Đại học	Ảnh hưởng của kiểu sử dụng đất khác nhau đến hàm lượng chất hữu cơ trong đất và đa dạng thực vật tỉnh đồng tháp	Đặng minh đạt	Nguyễn thị Hải Lý	Ảnh hưởng của kiểu sử dụng đất khác nhau đến hàm lượng chất hữu cơ trong đất và đa dạng thực vật tỉnh đồng tháp
17	Đại học	ảnh hưởng của thuốc trừ cỏ cantanil 55ec đến sự sinh trưởng của vi khuẩn pseufomonas sp.but1 và pseudomonas.but2	Lê Duy Thanh	Nguyễn Thị Huỳnh Như	ảnh hưởng của thuốc trừ cỏ cantanil 55ec đến sự sinh trưởng của vi khuẩn pseufomonas sp.but1 và pseudomonas.but2
18	Đại học	ảnh hưởng của nồng độ propanil đến sự sinh trưởng của vi khuẩn phân hủy butachlor, pseudomonas sp. but1 và pseudomonas sp. but2	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nguyễn Thị Huỳnh Như	ảnh hưởng của nồng độ propanil đến sự sinh trưởng của vi khuẩn phân hủy butachlor, pseudomonas sp. but1 và pseudomonas sp. but2
19	Đại học	đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng nước thải ao nuôi ếch (rana rugosa) ở huyện cao lãnh tỉnh đồng tháp	Đặng Phương Thủy	Phạm Quốc Nguyên	đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng nước thải ao nuôi ếch (rana rugosa) ở huyện cao lãnh tỉnh đồng tháp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
20	Đại học	Nghiên cứu khả năng xử lý lân và COD trong nước ao nuôi ếch thái	Trịnh Ngọc Tuyết Phương	Phạm Quốc Nguyên	Nghiên cứu khả năng xử lý lân và COD trong nước ao nuôi ếch thái
21	Đại học	đánh giá thành phần n trong nước thải ao nuôi ếch (rana rugulosa) thương phẩm ở huyện cao lãnh tỉnh đồng tháp	Trần Thị Thùy Trang	Phạm Quốc Nguyên	đánh giá thành phần n trong nước thải ao nuôi ếch (rana rugulosa) thương phẩm ở huyện cao lãnh tỉnh đồng tháp
22	Đại học	Khảo sát ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp	Bành bảo Uyên	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Khảo sát ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp, 2020-2021

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp	80	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	
		270	Đại học	Giáo dục Tiểu học	
		5	Đại học	Giáo dục Chính trị	
		15	Đại học	Giáo dục Thể chất	
		35	Đại học	Sư phạm Toán học	
		20	Đại học	Sư phạm Vật lý	
		5	Đại học	Sư phạm Hóa học	
		20	Đại học	Sư phạm Sinh học	
		50	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	
		15	Đại học	Sư phạm Lịch sử	
		10	Đại học	Sư phạm Địa lý	
		5	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	
		5	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	
		25	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	
		10	Đại học	Sư phạm Công nghệ	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An	50	Cao đẳng	Giáo dục Mầm non	
		50	Đại học	Giáo dục Tiểu học	
		10	Đại học	Giáo dục Thể chất	
		12	Đại học	Sư phạm Toán học	
		10	Đại học	Sư phạm Tin học	
		20	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	
		15	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	
		8	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	
		11	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	
		10	Đại học	Sư phạm Công nghệ	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long	47	Đại học	Giáo dục Mầm non	
		75	Đại học	Giáo dục Tiểu học	
		20	Đại học	Giáo dục Thể chất	
		14	Đại học	Sư phạm Toán học	
		10	Đại học	Sư phạm Tin học	
		7	Đại học	Sư phạm Vật lý	

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
		8	Đại học	Sư phạm Hóa học	
		5	Đại học	Sư phạm Sinh học	
		10	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	
		6	Đại học	Sư phạm Địa lý	
		27	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	
		24	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	
		25	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	
		24	Đại học	Sư phạm Công nghệ	

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức, 2020-2021

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo khoa học Quốc tế "Toán học và Giáo dục Toán học"	25/7/2020	Trường Đại học Đồng Tháp (Tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Đơn vị phối hợp tổ chức: Trường Đại học Thammasat - Thái Lan, Viện Kĩ thuật Công nghệ Thapar - Ấn Độ, Trường Đại học Samarstate - Philippines)	87
2	Hội thảo khoa học Quốc tế "Nghiên cứu về khoa học tự nhiên và môi trường trong giai đoạn hiện nay"	27/12/2020	Trường Đại học Đồng Tháp (Tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Đơn vị phối hợp tổ chức: Trường Đại học Samarstate - Philippines)	100
3	Hội thảo "Nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến	29/6/2021	Trường Đại học Đồng Tháp (Tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến)	60

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao Công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Tính ổn định của phương trình hàm trong không gian tựa Banach B2021.SPD.01	TS. Nguyễn Văn Dũng		01/2021-12/2022	255	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q2 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q3 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 02 bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện. - Hỗ trợ đào tạo: 02 Thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài (hoàn thành 1 đến 2 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài).
2	Sự hội tụ của dãy lặp cho ánh xạ không giãn suy rộng và bài toán cân bằng B2021.SPD.02	ThS. Nguyễn Trung Hiếu		01/2021-12/2022	255	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q2 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q3 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 02 bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện. - Hỗ trợ đào tạo 02 Thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài (hoàn thành 1 đến 2 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài).

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- 01 Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q2 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q3 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 02 Bài báo đăng trên kỉ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành quốc tế có phản biện. - Đào tạo thạc sĩ 02 bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài. - Hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh 01 hoàn thành 01 đến 02 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài.
3	Tính chất nghiệm của bài toán bất đẳng thức nửa biến phân và ứng dụng B2021.SPD.03	ThS. Võ Minh Tâm		01/2021-12/2022	275	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q2 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q3 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng). - 02 bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện. - Hỗ trợ đào tạo 02 Thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài (hoàn thành 1 đến 2 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài). - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q1 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng);

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc nhóm Q2 trong danh mục SCIE (được chấp nhận đăng); - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (trong danh mục có tính điểm của HĐCDGSNN). - Đào tạo thạc sĩ 02 bảo vệ thành công Luận văn thạc sĩ đúng hướng nghiên cứu của đề tài.
4	Nghiên cứu trạng thái electron trong các cluster của một số kim loại chuyển tiếp với silicon bằng phương pháp tính đa cấu hình DMRG-CASPT2 B2021.SPD.04	PGS,TS. Trần Văn Tân		01/2021-12/2022	340	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 02 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế SCI-E từ Q2 trở lên (được chấp nhận đăng); - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước trong danh mục được tính điểm ≥ 1,0 của HĐGSNN. - 02 thạc sĩ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. - Bộ kết quả tính đa cấu hình DMRG-CASPT2 trạng thái electron trong các cluster có kích thước nhỏ của sắt, chromium, niobium, cobalt với silicon có các thông số sau: + Các tính chất cấu trúc về hình học phân tử, đối xứng phân tử, độ dài liên kết, góc liên kết, tần số dao động điều hòa, cấu hình electron, hình ảnh các orbital phân tử, và điện tích của các nguyên tử của các trạng thái electron. + Các tính chất năng lượng gồm đường cong thế năng, năng lượng tương đối, năng lượng tách electron, năng lượng ion hóa, ái lực electron,… cho các trạng thái electron.
5	Phát triển đội ngũ cố vấn học tập các trường	PGS,TS. Phạm Minh Giản		01/2021-12/2022	385	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	đại học đáp ứng yêu cầu tăng cường sử dụng hình thức đào tạo trực tuyến B2021.SPD.05					- 01 Bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCI/Scopus (được chấp nhận đăng). - 03 Bài báo đăng tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh hoàn thành 01 đến 02 chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài/chủ trì hoặc tham gia công bố quốc tế). - Đào tạo thành công 01 thạc sỹ, nội dung luận văn của học viên cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục được thực hiện theo hướng nghiên cứu của đề tài - Mô hình phát triển năng lực cố vấn học tập đáp ứng yêu cầu của hình thức đào tạo trực tuyến của các trường đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tài liệu hướng dẫn sử dụng mô hình phát triển năng lực cố vấn học tập đáp ứng yêu cầu của hình thức đào tạo trực tuyến của các trường đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long
6	Đánh giá ảnh hưởng của thay đổi sử dụng đất đến lượng carbon tích lũy, suy thoái đất và đa dạng thực vật, mô hình hóa các kịch bản sử dụng đất có lợi (win-win) trong quản lý nông nghiệp ở khu vực đầu nguồn, vùng Đồng bằng sông Cửu Long B2021.SPD.06	TS. NguyễnThị Hải Lý		01/2021-12/2022	425	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 02 bài báo ISI gồm 1 bài Q2, 1 bài Q3 (được chấp nhận đăng); - 02 bài báo trên tạp chí quốc gia có chỉ số ISSN có số điểm từ 0,5 – 1 (được chấp nhận đăng). - 01 Thạc sỹ chuyên ngành Khoa học Môi trường. - Bản đồ về lớp phủ bề mặt/sử dụng đất, phân bố thực vật; - Mô hình win-win để lựa chọn sử dụng đất hợp lý; - Bộ dữ liệu về kết quả nghiên cứu.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
7	Nghiên cứu đề xuất giải pháp định tuyến an ninh cho các phương tiện giao thông trên hệ thống giao thông thông minh B2021.SPD.07	TS. Lương Thái Ngọc		01/2021-12/2022	385	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Công bố 02 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI (Q3) (được chấp nhận đăng). - Xuất bản 01 sách tham khảo mạng máy tính được xuất bản bởi Nhà xuất bản có chỉ số ISBN. - Đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ theo hướng nghiên cứu của đề tài. - 01 Mã nguồn kịch bản mô phỏng tấn công mạng và giải pháp an ninh sử dụng hệ mô phỏng NS2.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu giải pháp loại bỏ nhiễu ảnh kỹ thuật số dựa trên kỹ thuật chính quy hóa - SPD2020.01.01	TS. Nguyễn Ngọc Hiền		7/2020 -6/2022	47	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI - Q2 (Scimago). - 01 báo cáo khoa học tổng kết đề tài. Kết quả của đề tài có thể áp dụng để nghiên cứu cho việc khôi phục ảnh kĩ thuật số bị giảm chất lượng
2	Nghiên cứu tính ổn định của phương trình hàm dẫn xuất từ hàm Euler - Lagrange trong không gian tựa Banach - SPD2020.01.02	ThS. Nguyễn Thị Thanh Lý		7/2020 - 6/2022	26	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục SCOPUS. Kết quả đề tài là tài liệu tham khảo cho sinh viên, giảng viên ngành Toán và các tác giả cùng lĩnh vực trong giảng dạy nghiên cứu.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
3	Thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề STEM môn hóa học lớp 11 cho học sinh ở trường trung học phổ thông - SPD2020.01.03	ThS. Trần Thị Ngọc Anh		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh. CD hình ảnh dùng làm tài liệu học tập và tham khảo cho sinh viên, giảng viên, giáo viên phổ thông.
4	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cho học sinh trung học phổ thông qua dạy học STEM môn Hóa học 12 - SPD2020.01.04	ThS. Lý Huy Hoàng		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
5	Biến tính cellulose từ sinh khối cây sậy ứng dụng xử lý hợp chất màu hữu cơ trong nước - SPD2020.01.05	TS. Bùi Thị Minh Nguyệt		7/2020 - 12/2021	30	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí thuộc danh mục ACI.
6	Điều chế vật liệu Fe/Mn oxide – Diatomite và ứng dụng xử lý chất màu hữu cơ trong nước - SPD2020.01.06	TS. Bùi Văn Thắng		7/2020 - 12/2021	24	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
7	Khảo sát thành phần thức ăn của lưỡng cư trên hệ sinh thái ruộng lúa ở huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp - SPD2020.01.07	TS. Lê Thị Thanh		7/2020 -12/2021	24	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
8	Thử nghiệm tác dụng kháng khuẩn của cao chiết quả thể nấm Vân Chi đỏ *Pycnoporus sanguineus* (L.: Fr.) Murrill - SPD2020.01.08	ThS. Trần Đức Tường		7/2020 - 12/2021	30	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí thuộc danh mục ACI.
9	Nghiên cứu sự đa dạng về tài nguyên thực vật làm thuốc ở xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp - SPD2020.01.09	ThS. Phạm Thị Thanh Mai		7/2020 -12/2021	30	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí thuộc danh mục ACI.
10	Khảo sát ảnh hưởng của chế độ ngập nước lên sự tạo củ Năng Kim (*Eleocharis ochrostachys* Steud.) ở điều kiện thí nghiệm - SPD2020.01.10	ThS. Võ Thị Phượng		7/2020 - 6/2021	24	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
11	Ảnh hưởng của thủy triều và đặc tính thổ nhưỡng đến sự phân bố của thực vật ngập mặn ở Cồn Ông Trang, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau - SPD2020.01.11	ThS. Lư Ngọc Trâm Anh		7/2020 - 6/2021	24	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
12	Ảnh hưởng của các loại giá thể và dung dịch dinh dưỡng đến chất lượng, năng suất cải bó xôi (*Spinacia oleracea L.*) trong hệ thống thủy canh - SPD2020.01.12	TS. Nguyễn Thị Phương		7/2020 - 6/2021	24	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
13	Xây dựng mô hình hỗ trợ ra quyết định trong tư vấn chọn	ThS. Huỳnh Lê Uyên Minh		7/2020 - 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	ngành học tại Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.13					- Hệ thống dự đoán chọn ngành học cho thí sinh tại Trường Đại học Đồng Tháp. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
14	Nghiên cứu giải pháp nhận dạng ảnh áp dụng cho mô hình nhà ăn tự động - SPD2020.01.14	ThS. Nguyễn Trọng Nhân		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - Có demo để chứng minh kết quả nghiên cứu. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
15	Đánh giá mức độ rối loạn lo âu của sinh viên Khoa Giáo dục, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.15	ThS. Đinh Ngọc Thắng		7/2020 - 6/2021	20	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
16	Giáo dục tính tự lập cho trẻ 25 - 36 tháng tuổi ở các trường mầm non tại thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp - SPD2020.01.16	ThS. Nguyễn Ngọc Trinh		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt
17	Rèn luyện kỹ năng hợp tác cho trẻ 5 - 6 tuổi thông qua hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non tại thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp - SPD2020.01.17	ThS. Trần Nguyễn Thị Như Mai		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt
18	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho trẻ 5 - 6 tuổi thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường trường Mầm non thành	ThS. Lê Thị Lan		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	phố Cao Lãnh, Đồng Tháp - SPD2020.01.18			tháng 12/2021		- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt
19	Thiết kế hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng so sánh cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi tại thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp - SPD2020.01.19	ThS. Nguyễn Thị Hồng Khoa		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt
20	Biện pháp tổ chức hoạt động thực hành và trải nghiệm trong dạy học môn Toán ở Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 - SPD2020.01.20	TS. Nguyễn Thị Trúc Minh		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt
21	Phát triển năng lực dạy học môn Toán cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học Đồng Tháp theo hướng tiếp cận giáo dục STEM - SPD2020.01.21	TS. Lê Thị Tuyết Trinh		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
22	Nghiên cứu tác động của trách nhiệm xã hội Trường Đại học Đồng Tháp đến niềm tin và sự hài lòng của sinh viên Nhà trường - SPD2020.01.22	ThS. Huỳnh Quốc Tuấn		7/2020 - 6/2021	26	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí thuộc danh mục ACI.
23	Phân tích các yếu tố tác động đến cảm nhận của sinh viên về tài sản thương hiệu Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.23	TS. Nguyễn Giác Trí		7/2020 - 6/2021	20	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
24	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của cựu sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.24	ThS. Nguyễn Ngọc Trân		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
25	Phân tích hành vi sử dụng mạng xã hội và tác động của nó tới kết quả học tập của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.25	ThS. Nguyễn Hoàng Trung		7/2020 - 6/2021	20	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
26	Phân tích các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.26	ThS. Nguyễn Thanh Tùng		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	26	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí thuộc danh mục ACI.
27	Thực trạng và giải pháp ổn định sinh kế cho các hộ gia đình nghèo ven sông Tiền bị ảnh hưởng bởi tình trạng sạt lở (Qua khảo sát thực tế tại xã Tân Bình và Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp) - SPD2020.01.28	ThS. Trần Văn Luận		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
28	Bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng Quan Thánh Đế Quân ở thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp - SPD2020.01.29	ThS. Dương Thanh Tùng		7/2020 -6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
				tháng 12/2021		- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
29	Giải pháp tiếp thị sản phẩm du lịch Đồng Tháp trong xu thế hội nhập - SPD2020.01.30	ThS. Võ Nguyên Thông		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt
30	Nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao tại Trường Đại học Đồng Tháp - Thực trạng và giải pháp - SPD2020.01.31`	ThS. La Văn Liêm		7/2020 -6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
31	Đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực môn Đá cầu của nam sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.32	TS. Lê Thị Minh Đạo		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
32	Giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong học phần Giáo dục Quốc phòng – An ninh, thực trạng và giải pháp - SPD2020.01.33	ThS. Trần Văn Điền		7/2020 - 6/2021	15	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
33	Đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực môn Võ thuật Vovinam của sinh viên không chuyên	ThS. Hồ Thanh Tâm		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.34			tháng 12/2021		- 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
34	Tăng cường phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp thông qua học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh hiện nay - SPD2020.01.35	ThS. Trương Văn Lợi		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
35	Áp dụng lý thuyết khảo thí hiện đại đánh giá chất lượng đề thi trắc nghiệm khách quan trong kỳ thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.36	ThS. Nguyễn Văn Cảnh		7/2020 - 6/2021	20	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
36	Đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp cải tiến văn hóa chất lượng tại Trường Đại học Đồng Tháp theo tiếp cận giá trị - SPD2020.01.37	CN. Châu Nhật Duy		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	15	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Việt.
37	Sử dụng ứng dụng Edmodo để nâng cao kỹ năng đọc tiếng Anh cho sinh viên Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.38	ThS. Bùi Thị Cao Nguyên		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp số xuất bản tiếng Anh.
38	Nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn ngữ Anh,	ThS. Nguyễn Văn Tám		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.39			thực hiện đến tháng 12/2021		- 01 Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (số xuất bản tiếng Việt) - Báo cáo tổng kết đề tài
39	Giải pháp nâng cao kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin cho hoạt động tự học kỹ năng nghe của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.01.40	ThS. Trần Ngọc Ánh		7/2020 - 6/2021, gia hạn thời gian thực hiện đến tháng 12/2021	20	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - 01 Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp (số xuất bản tiếng Anh) - Báo cáo tổng kết đề tài
40	Nghiên cứu thành phần cơ chất sẵn có tại địa phương để trồng nấm Vân Chi đỏ (*Pycnoporus* sp.).	ThS. Trần Đức Tường		10/2018 - 04/2020	236,327	Chuyển giao kết quả thực hiện của đề tài: Quy trình sản xuất bịch phôi giống và quy trình trồng nấm Vân Chi đỏ cho Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp Công nghệ Cao tỉnh Đồng Tháp Theo Quyết định số 159/QĐ-SKHCN, ngày 12/8/2020.
41	Nghiên cứu điều kiện co Ciric suy rộng trong không gian b-metric - SPD2020.02.01	SV. Nguyễn Thị Trúc Linh Lớp: ĐHSTOAN17A		7/2020-8/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
42	Nghiên cứu tính chất của không gian tựa metric riêng và ứng dụng - SPD2020.02.02	SV. Nguyễn Thị Tuyết Trinh Lớp: ĐHSTOAN18A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
43	Nghiên cứu sự hội tụ của dãy lặp đến điểm bất động của ánh xạ tựa tiệm cận không giãn hoàn toàn Bregman trong	SV. Trần Tân Tiến Lớp: ĐHSTOAN18A		7/2020 - 12/2021	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	không gian Banach - SPD2020.02.03					
44	Sử dụng phương pháp tối ưu và phần mềm Toán học để dự đoán điểm rơi trong giải bài toán bất đẳng thức - SPD2020.02.04	SV. Phạm Thị Trân Châu Lớp: ĐHSTOAN18A		7/2020-8/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
45	Phương pháp giải bài toán hình học giải tích bằng công cụ đại số tuyến tính và áp dụng - SPD2020.02.05	SV. Thái Minh Nguyễn Lớp: ĐHSTOAN17A		7/2020-6/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
46	Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học các tình huống điển hình trong chủ đề "Vectơ trong không gian – Quan hệ vuông góc trong không gian" Hình học 11- SPD2020.02.06	SV. Lê Quang Hận Lớp: ĐHSTOAN17A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
47	Rèn luyện phương pháp giải phương trình vô tỉ cho học sinh trung học phổ thông - SPD2020.02.07	SV. Võ Thị Thanh Nhàn Lớp: ĐHSTOAN17A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
48	Thiết kế hoạt động trải nghiệm "Ứng dụng kiến thức Toán học vào lĩnh vực Giáo dục dân số" cho học sinh lớp 11 - SPD2020.02.08	SV. Lê Trung Kiên Lớp: ĐHSTOAN17A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
49	Khảo sát ảnh hưởng của hoạt chất butachlor đến sự sinh trưởng của cây đậu xanh (*Vigna*	SV. Trần Thị Thùy Trang		7/2020 -	9.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	radiata) và cây rau muống (*Ipomoea aquatica*) - SPD2020.02.09	Lớp: ĐHKHMT17A		6/2021		
50	Ảnh hưởng của Benzyladenine (BA) lên sự nhân chồi lan Giả hạc (*Dendrobium anosmum*) in vitro- SPD2020.02.10	SV. Phan Thị Thảo Nguyên Lớp: ĐHNH17A		7/2020 - 12/2021	9.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
51	Phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục lịch sử địa phương của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.02.12	SV. Nguyễn Thị Thắm Lớp: ĐHGDTH17B		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
52	Dạy học số học cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học - SPD2020.02.13	SV. Dương Thị Băng Tuyền Lớp: ĐHGDTHCLC17A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
53	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng - SPD2020.02.14	SV. Thái Thị Bích Tuyền Lớp: ĐHKT17C		7/2020-6/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
54	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn Đồng Tháp là nơi làm việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.02.15	SV. Nguyễn Thị Trúc Linh Lớp: ĐHKT17B		7/2020-6/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
55	Phân tích mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ của Trung tâm Thông tin – Thư viện Lê Vũ Hùng, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.02.16	SV. Cao Thị Bích Trâm Lớp: ĐHKT17C		7/2020-6/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
56	Thực trạng phát âm tổ hợp phụ âm đầu trong tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.02.17	SV. Huỳnh Kim Thảo Lớp: ĐHSANH18A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
57	Khảo sát việc dạy bài dự án trong sách giáo khoa tiếng Anh 10 trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp - SPD2020.02.18	SV. Huỳnh Nhật Linh Lớp: ĐHSANH17A		7/2020-6/2021	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
58	Thực trạng phương pháp ghi nhớ và viết Hán tự cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.02.19	SV. Nguyễn Thị Như Ý Lớp: ĐHTQ18A		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
59	Khảo sát quá trình thích ứng môi trường học tập của sinh viên Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp - SPD2020.02.20	SV. Tiêu Ngọc Thúy Lớp: ĐHSANH18A		7/2020-6/2021	7.000.000	- Báo cáo tổng kết đề tài. - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.
60	Khảo sát việc làm bài phần Đọc hiểu tiếng Anh theo dạng thức đề thi trung học phổ thông	SV. Phạm Thị Đan Thanh		7/2020 -	7.000.000	Sản phẩm đăng ký theo Thuyết minh: - Báo cáo tổng kết đề tài.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học Công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Quốc gia của học sinh khối 12 trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp - SPD2020.02.21	Lớp: ĐHSANH18A				- 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN.

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt CLGD	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Đồng Tháp	Từ 20-24/5/2017	50/61 tiêu chí đạt 82%	NQ số 20/NQ-HĐKĐCL ngày 24/7/2017	Đạt	QĐ số 128/QĐ-KĐCL ngày 08/9/2017	08/9/2022
2	Chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/4/2019	46/50 tiêu chí đạt 92%	NQ số 17/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt	QĐ số 394/QĐ-KĐCL ngày 12/10/2019	12/10/2024
3	Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/4/2019	46/50 tiêu chí đạt 92%	NQ số 18/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt	QĐ số 395/QĐ-KĐCL ngày 12/10/2019	12/10/2024
4	Chương trình đào tạo Sư phạm Toán học trình độ đại học hệ chính quy	Từ 19-23/4/2019	46/50 tiêu chí đạt 92%	NQ số 19/NQ-HĐKĐCL ngày 09/9/2019	Đạt	QĐ số 396/QĐ-KĐCL ngày 12/10/2019	12/10/2024

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân